

BAN TUYÊN GIÁO TRUNG ƯƠNG ĐẢNG



BẢO VỆ
NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG
TRONG TÌNH HÌNH MỚI



NHÀ XUẤT BẢN
CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

**BẢO VỆ
NỀN TẢNG TỰ TƯỞNG CỦA ĐẢNG
TRONG TÌNH HÌNH MỚI**



BAN TUYÊN GIÁO TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

**BẢO VỆ
NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG
TRONG TÌNH HÌNH MỚI**



NHÀ XUẤT BẢN
CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Hà Nội - 2020

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

BAN CHỈ ĐẠO

VÕ VĂN THUỐNG	Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương, Trưởng ban
VÕ VĂN PHƯƠNG	Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Tuyên giáo Trung ương, Phó Trưởng ban
BÙI TRƯỜNG GIANG	Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương, Thành viên

BAN BIÊN TẬP

TS. BÙI TRƯỜNG GIANG	Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương, Trưởng ban
GS.TS. VŨ VĂN HIỀN	Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, Thành viên
PGS.TS. NGUYỄN NGỌC HÀ	Phó Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản, Thành viên
Thiếu tướng, PGS.TS.NGND. NGUYỄN BÁ DƯƠNG	Ủy viên Hội đồng Lý luận Trung ương, Thành viên
PGS.TS. NGUYỄN TÀI ĐÔNG	Viện trưởng Viện Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, Thành viên
VŨ TRỌNG HÀ	Vụ trưởng, Chánh Văn phòng Ban Chỉ đạo 35 Trung ương, Thành viên
PHẠM ĐỨC KIÊN	Phó Vụ trưởng Vụ Quản lý khoa học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Thành viên
Trung tá NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	Phó Trưởng phòng Cục An ninh chính trị nội bộ, Bộ Công an, Thành viên
PHẠM THỊ THÚY HẢI	Trưởng phòng, Văn phòng Ban Chỉ đạo 35 Trung ương, Thành viên

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch là một nội dung cơ bản, hệ trọng, sống còn của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta. Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng không chỉ đơn thuần là bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh mà còn là bảo vệ Đảng, bảo vệ Cương lĩnh chính trị, đường lối của Đảng; bảo vệ đội ngũ cán bộ, đảng viên; bảo vệ nhân dân; bảo vệ Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam và công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế; bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; giữ gìn môi trường hòa bình, ổn định để phát triển. Kiên định chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là nguyên nhân quan trọng nhất làm nên những thành tựu to lớn của công cuộc đổi mới đất nước trong gần 35 năm qua là sự khẳng định vững chắc nhất sự đúng đắn của con đường xã hội chủ nghĩa mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhân dân ta đã lựa chọn.

Ngay từ khi ra đời và trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng ta đã liên tiếp phải đấu tranh với âm mưu xuyên tạc, chống phá của kẻ thù. Trong bối cảnh hiện nay, sự phát triển mạnh mẽ của internet, mạng xã hội; sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên và những vấn đề nảy sinh từ mặt trái của kinh tế thị trường,... đã tạo cơ hội cho các thế lực thù địch, phản động lợi dụng để tăng cường hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước và chế độ ta, trong đó trọng tâm của chúng là xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng, xóa bỏ hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa, tiến tới mục tiêu lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Vì vậy, nhiệm vụ đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác và ngăn chặn các âm mưu, thủ đoạn của thế lực

thù địch, phản động có vị trí hết sức quan trọng, cấp bách. Ngày 22/10/2018, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 35-NQ/TW về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới.

Trong bối cảnh quốc tế có nhiều biến động, ở trong nước trước thềm Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, sự chống phá của các thế lực thù địch, phản động, đặc biệt trên mặt trận tư tưởng, lý luận, ngày càng diễn cuồng, ráo riết với những thủ đoạn rất tinh vi, phức tạp. Nhằm tiếp tục khẳng định vai trò nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, sự lãnh đạo của Đảng và công cuộc đổi mới theo con đường xã hội chủ nghĩa; nhận diện những luận điệu xuyên tạc, sai trái, âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, phản động và đề xuất một số giải pháp đấu tranh có hiệu quả trong bối cảnh hiện nay, Ban Tuyên giáo Trung ương phối hợp với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản cuốn sách ***Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong tình hình mới.***

Cuốn sách tập hợp bài viết của các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước, các chuyên gia, nhà khoa học, nhà nghiên cứu lý luận, được kết cấu gồm bốn phần:

Phần mở đầu: Đảng vững mạnh, đất nước phát triển, dân tộc trường tồn.

Phần thứ nhất: Bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng ta.

Phần thứ hai: Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn cách mạng Việt Nam hiện nay.

Phần thứ ba: Tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế của Việt Nam trong tình hình mới.

Mặc dù đã rất cố gắng trong quá trình biên tập, xuất bản song nội dung cuốn sách khó tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót. Rất mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc để nội dung cuốn sách được hoàn thiện hơn trong lần xuất bản sau.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 7 năm 2020
NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Phần mở đầu

**ĐẢNG VỮNG MẠNH, ĐẤT NƯỚC
PHÁT TRIỂN, DÂN TỘC TRƯỜNG TỒN**

**TOÀN ĐẢNG, TOÀN DÂN, TOÀN QUÂN
CHUNG SỨC, ĐỒNG LÒNG, PHẤN ĐẤU XÂY DỰNG
ĐẤT NƯỚC HÒA BÌNH, THỐNG NHẤT, ĐỘC LẬP,
DÂN CHỦ, GIÀU MẠNH, VỮNG BƯỚC ĐI LÊN
CHỦ NGHĨA XÃ HỘI***

NGUYỄN PHÚ TRỌNG

Tổng Bí thư, Chủ tịch nước
Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

*Thưa các vị đại biểu,
Thưa đồng chí và đồng bào,*

Trong không khí cả nước hân hoan phấn khởi trước những thành tựu rất quan trọng của năm 2019 và đón Xuân Canh Tý 2020, hôm nay, tại Thủ đô Hà Nội “Ngàn năm văn hiến và anh hùng” - “Thành phố vì hòa bình”, chúng ta long trọng tổ chức Lễ kỷ niệm 90 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh (03/02/1930 - 03/02/2020). Thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng, tôi nhiệt liệt chào mừng và gửi tới các đồng chí lãnh đạo, nguyên lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các bậc lão thành cách mạng, các Mẹ Việt Nam anh hùng, các vị khách quý cùng toàn thể đồng chí, đồng bào cả nước,

* Diễn văn tại Lễ kỷ niệm 90 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930 - 03/02/2020), ngày 03/02/2020.
Đầu đề do chúng tôi đặt (B.T).

kiều bào ta ở nước ngoài lời thăm hỏi chân tình và lời chúc mừng tốt đẹp nhất.

Thưa đồng chí và đồng bào,

Lịch sử hàng nghìn năm của dân tộc ta đã chứng minh rằng, yêu nước và giữ nước, kiên quyết chống ngoại xâm, bảo vệ độc lập, chủ quyền và thống nhất đất nước là truyền thống cực kỳ quý báu của nhân dân ta. Nối tiếp truyền thống đó, từ giữa thế kỷ XIX, khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, không cam chịu thân phận nô lệ, nhân dân ta đã liên tiếp vùng lên đấu tranh qua các phong trào yêu nước diễn ra liên tục và mạnh mẽ bằng nhiều con đường với nhiều khuynh hướng khác nhau. Từ con đường cứu nước của các sĩ phu cho đến các cuộc khởi nghĩa nông dân và con đường cách mạng tư sản... Mặc dù đã đấu tranh rất kiên cường, đầy tâm huyết và chịu những hy sinh to lớn, song, do hạn chế lịch sử, nhất là thiếu một đường lối đúng, các phong trào đó đều không thành công. Lịch sử đòi hỏi phải tìm con đường mới.

Năm 1911, người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành đã ra đi tìm con đường mới cho sự nghiệp cứu nước, đấu tranh giành độc lập dân tộc. Mang trong mình khát vọng lớn lao, cháy bỏng, Người đã đến với chủ nghĩa Mác - Lê nin, tìm thấy ở học thuyết cách mạng này con đường cứu nước đúng đắn - con đường cách mạng vô sản. Sau nhiều năm bôn ba hoạt động ở nước ngoài, Người đã kiên trì nghiên cứu, học tập, vận dụng sáng tạo và từng bước truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê nin về Việt Nam, dày công chuẩn bị những điều kiện cần thiết cho việc thành lập một đảng cách mạng chân chính. Ngày 03/02/1930, Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản họp ở bán đảo Cửu Long, thuộc Hồng Kông (Trung Quốc), dưới sự chủ trì của Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, đã quyết định thống nhất các tổ chức cộng sản ở nước ta thành một Đảng duy nhất, lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đây là một bước ngoặt lịch sử trọng đại, chấm dứt cuộc khủng hoảng kéo dài về tổ chức và đường lối của cách mạng Việt Nam. Việc Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là thành quả của sự kết hợp giữa

chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước; chứng tỏ giai cấp công nhân Việt Nam đã trưởng thành và đủ sức gánh vác sứ mệnh lịch sử lãnh đạo cách mạng. *Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng* được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng đã xác định con đường cơ bản của cách mạng Việt Nam, đáp ứng yêu cầu cấp thiết của dân tộc và nguyện vọng tha thiết của nhân dân.

Sau khi ra đời, gắn bó máu thịt với nhân dân, được nhân dân đồng tình ủng hộ và tin tưởng tuyệt đối, chỉ trong vòng 15 năm, Đảng ta đã lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, tiến hành ba cao trào cách mạng: *Cao trào cách mạng 1930 - 1931*, với đỉnh cao là phong trào Xôviết Nghệ - Tĩnh, *Cao trào cách mạng đòi dân sinh, dân chủ (1936 - 1939)* và *Cao trào cách mạng giải phóng dân tộc (1939 - 1945)*, để đến năm 1945, khi thời cơ cách mạng chín muồi, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo toàn thể dân tộc Việt Nam làm nên thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 “long trời, lở đất”, thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vào ngày 02/9/1945.

Ngay sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, cách mạng đã phải đổi mới với nhiều khó khăn, thử thách, cùng một lúc phải đương đầu với “giặc đồi, giặc dốt và giặc ngoại xâm”. Trong hoàn cảnh hiểm nghèo đó, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta vượt qua tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”, kiên cường bảo vệ và xây dựng chính quyền non trẻ, đồng thời tích cực chuẩn bị mọi mặt để bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Trên cơ sở đường lối kháng chiến “tòan dân”, “tòan diện”, “trường kỳ”, “dựa vào sức mình là chính”, phát huy truyền thống đoàn kết, yêu nước của toàn dân tộc, Đảng đã lãnh đạo nhân dân lân lượt đánh bại mọi âm mưu, kế hoạch xâm lược của kẻ thù, đặc biệt là thắng lợi trong Chiến cuộc Đông Xuân 1953 - 1954 với đỉnh cao là Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ “lùng lẫy năm châu, chấn động địa cầu”, buộc thực dân Pháp phải ký Hiệp định Giơnevơ (năm 1954), chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.

Từ năm 1954 đến năm 1975, đất nước bị chia cắt làm hai miền. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, miền Bắc vừa nỗ lực xây dựng chủ nghĩa xã hội,

vừa dốc sức làm tròn nghĩa vụ của hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn. Nhân dân miền Nam tiếp tục cuộc đấu tranh kiên cường để giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước. Với tinh thần “thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”, “không có gì quý hơn độc lập, tự do”; trên cơ sở đường lối đúng đắn, sáng tạo của Đảng, với sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, quân và dân ta đã lần lượt đánh bại các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thu giang sơn về một mối vào ngày 30/4/1975. Thắng lợi đó “mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc”¹.

Trong lúc phải khẩn trương khắc phục những hậu quả vô cùng nặng nề do chiến tranh để lại, nhân dân Việt Nam lại tiếp tục phải đương đầu với những cuộc chiến tranh mới. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, quân và dân ta vừa tập trung khôi phục kinh tế - xã hội, vừa chiến đấu bảo vệ biên giới, bảo vệ độc lập, chủ quyền lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc; đồng thời, làm tròn nghĩa vụ quốc tế giúp nhân dân Campuchia thoát khỏi họa diệt chủng và tiến hành công cuộc hồi sinh đất nước.

Trước những yêu cầu mới của sự phát triển đất nước, để khắc phục những bất cập của cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp dẫn tới sự khủng hoảng kinh tế - xã hội những năm sau chiến tranh, trên cơ sở tổng kết sáng kiến, sáng tạo trong thực tiễn của nhân dân, Đảng ta đã tiến hành đổi mới từng phần trong nông nghiệp, công nghiệp, trước hết là đổi mới tư duy lý luận về chủ nghĩa xã hội và từng bước hình thành *đường lối đổi mới đất nước*. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (tháng 12/1986), trên cơ sở phân tích sâu sắc tình hình đất nước và qua quá trình tìm tòi, khảo nghiệm thực tiễn, với tinh thần

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr.471.

“nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật”, đã đề ra *đường lối đổi mới toàn diện đất nước*, đánh dấu bước ngoặt quan trọng trên con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đường lối đổi mới ra đời đã đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn lịch sử, thể hiện bản lĩnh vững vàng, tư duy sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và mở ra một thời kỳ mới cho sự phát triển của đất nước.

Sau Đại hội VI, Đảng đã từng bước hoàn thiện, cụ thể hóa đường lối đổi mới mà nội dung cơ bản, cốt lõi được thể hiện trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (Cương lĩnh năm 1991 và Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011) và các văn kiện quan trọng của Đảng qua các kỳ Đại hội. Những năm 90 của thế kỷ XX, vượt qua thách thức từ sự sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên Xô và các nước Đông Âu, Đảng Cộng sản Việt Nam, dân tộc Việt Nam đã kiên định, tiếp tục vững bước và sáng tạo trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội phù hợp với điều kiện cụ thể và đặc điểm của Việt Nam. Ban Chấp hành Trung ương Đảng từ khóa VI đến khóa XII đã ban hành nhiều nghị quyết về những vấn đề cơ bản, hệ trọng của Đảng và sự phát triển của đất nước. Quốc hội thể chế hóa bằng hệ thống pháp luật và các đạo luật, tạo cơ sở pháp lý ngày càng đồng bộ và phù hợp cho quá trình đổi mới. Chính phủ cụ thể hóa thành các cơ chế, chính sách và giải pháp cụ thể để quản lý, quản trị, điều hành công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Trong việc xác định, đề ra đường lối đổi mới, Đảng ta luôn luôn nắm vững và vận dụng sáng tạo những nguyên lý, quan điểm cơ bản, phương pháp duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và kinh nghiệm thực tiễn ở trong nước và quốc tế, xử lý tốt các mối quan hệ cơ bản như: Phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa “của dân, do dân và vì dân”; kết hợp chặt chẽ đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị; giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; kết hợp có hiệu quả giữa phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng - an ninh, giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; giữa độc lập, tự chủ và chủ động,

tích cực hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ... Không phiến diện, cực đoan, duy ý chí, từ cực này nhảy sang cực kia.

Thực tế, sau gần 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới, từ một đất nước nghèo nàn, có cơ sở vật chất - kỹ thuật, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội lạc hậu, trình độ thấp, đến nay, Việt Nam đã vươn lên trở thành nước đang phát triển, có thu nhập trung bình; văn hoá, xã hội tiếp tục phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện; công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị có bước đột phá; khôi đại đoàn kết toàn dân tộc không ngừng được củng cố; chính trị, xã hội ổn định, quốc phòng - an ninh, độc lập, chủ quyền được giữ vững; vị thế và uy tín của đất nước ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế. Đến nay, Việt Nam đã trở thành một quốc gia có quy mô dân số gần 100 triệu người với mức thu nhập bình quân 2.800 USD/người; đã tham gia hầu hết các tổ chức quốc tế, trở thành một thành viên tích cực, có trách nhiệm trong các hoạt động của cộng đồng quốc tế. Mới đây, Việt Nam lần thứ hai trở thành Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc với số phiếu tín nhiệm rất cao của Đại hội đồng Liên hợp quốc. Với những thành tựu to lớn đã đạt được, chúng ta có cơ sở để khẳng định rằng, đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín như ngày nay.

Thưa đồng chí và đồng bào,

Thực tiễn phong phú, sinh động của cách mạng Việt Nam trong 90 năm qua đã chứng tỏ, sự lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng, lập nên nhiều kỳ tích trên đất nước Việt Nam. Mặt khác, thông qua quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta được tôi luyện và ngày càng trưởng thành, xứng đáng với vai trò và sứ mệnh lãnh đạo cách mạng và sự tin cậy, kỳ vọng của nhân dân. Thực tiễn đó khẳng định một chân lý: Ở Việt Nam, không có một lực lượng chính trị nào khác ngoài Đảng Cộng sản Việt Nam có đủ bản lĩnh, trí tuệ, kinh nghiệm, uy tín và khả năng lãnh đạo

đất nước vượt qua mọi khó khăn, thử thách, đưa sự nghiệp cách mạng của dân tộc ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Và cũng chính trong quá trình đó, Đảng ta đã tích lũy và đúc rút được nhiều bài học quý báu, hun đúc nên *những truyền thống vẻ vang mà hôm nay chúng ta có trách nhiệm phải ra sức giữ gìn và phát huy*. Đó là *truyền thống* trung thành vô hạn với lợi ích của dân tộc và giai cấp, kiên định mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đó là *truyền thống* giữ vững độc lập, tự chủ về đường lối; nắm vững, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin, tham khảo kinh nghiệm của quốc tế để đề ra đường lối đúng và tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ cách mạng. Đó là *truyền thống* gắn bó máu thịt giữa Đảng và nhân dân, luôn luôn lấy việc phục vụ nhân dân làm lẽ sống và mục tiêu phấn đấu. Đó là *truyền thống* đoàn kết thống nhất, có tổ chức và kỷ luật chặt chẽ, nghiêm minh trên cơ sở nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình, phê bình và tình thương yêu đồng chí. Đó là *truyền thống* đoàn kết quốc tế thủy chung, trong sáng dựa trên những nguyên tắc và mục tiêu cao cả.

Nhìn lại chặng đường 90 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành của Đảng Cộng sản Việt Nam và trong thời khắc thiêng liêng này, chúng ta bày tỏ lòng biết ơn vô hạn đối với công lao trời biển của Chủ tịch Hồ Chí Minh - lãnh tụ thiêng tài của Đảng ta và dân tộc ta, Người thầy vĩ đại của cách mạng Việt Nam - Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa kiệt xuất. Người đã cống hiến trọn đời mình cho dân, cho nước, dấn dắt Đảng ta, nhân dân ta làm nên những thắng lợi vẻ vang và làm “rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta và non sông đất nước ta”¹. Đất nước càng phát triển, nhân dân ta ngày càng ấm no, hạnh phúc, càng chứng tỏ tư tưởng, sự nghiệp, đạo đức và phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh là tài sản vô giá, là ngọn đuốc soi đường cho dân tộc ta vững bước đi tới tương lai.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.30, tr.275.

Chúng ta mãi mãi ghi nhớ công ơn to lớn của các vị lãnh đạo tiền bối, của hàng triệu anh hùng, liệt sĩ, những người con ưu tú của dân tộc đã anh dũng hy sinh vì độc lập, tự do, vì chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội và vì nghĩa vụ quốc tế cao cả. Chúng ta bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đối với các bậc lão thành cách mạng, các gia đình liệt sĩ, các Mẹ Việt Nam anh hùng, các đồng chí thương binh, bệnh binh, các gia đình có công với nước, cùng toàn thể đồng bào và chiến sĩ cả nước đã anh dũng chiến đấu, hy sinh, lao động sáng tạo, đóng góp to lớn cho sự nghiệp cách mạng vẻ vang của dân tộc ta. Với tất cả sự khiêm tốn của người cách mạng, chúng ta vẫn có thể nói rằng: “*Đảng ta thật là vĩ đại! Nhân dân ta thật là anh hùng!*”. Chúng ta mãi mãi ghi nhớ và bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc sự ủng hộ và giúp đỡ quý báu của nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa anh em, các lực lượng tiến bộ cùng bầu bạn khắp năm châu đối với sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước trước đây cũng như trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hôm nay.

Thưa đồng chí và đồng bào,

Hiện nay, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đang ra sức phấn đấu thực hiện Cương lĩnh của Đảng, Hiến pháp của Nhà nước, đẩy mạnh toàn diện và đồng bộ sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, mở cửa hội nhập quốc tế, thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Đây là một sự nghiệp cách mạng vô cùng to lớn, vĩ đại, một “cuộc chiến đấu khổng lồ”¹ như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói, nhưng cũng cực kỳ khó khăn, phức tạp. Bối cảnh quốc tế và tình hình trong nước bên cạnh mặt thuận lợi, thời cơ, cũng có nhiều việc hết sức thách thức. Chúng ta đứng trước nhiều vấn đề mới phải xử lý, nhiều việc hết sức phức tạp phải giải quyết. Tình hình đó đòi hỏi toàn Đảng,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.617.

toàn dân, toàn quân ta, hơn bao giờ hết, phải phát huy cao độ truyền thống yêu nước và cách mạng, tinh thần đoàn kết, trách nhiệm, nỗ lực phấn đấu vượt qua mọi khó khăn, thử thách để xây dựng Tổ quốc ta ngày càng đàng hoàng hơn, tươi đẹp hơn. Sự phấn đấu kiên cường, sáng tạo của toàn dân, của các ngành, các địa phương, các thành phần kinh tế là nhân tố cực kỳ quan trọng đối với sự phát triển đất nước ta. Đảng ta phải ra sức đẩy mạnh việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng, làm cho Đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh, làm tròn trách nhiệm là đội tiên phong lãnh đạo sự nghiệp cách mạng trong giai đoạn mới.

Từ sau Đại hội XII của Đảng đến nay, Đảng ta đã dành không ít thời gian và công sức cho công tác xây dựng Đảng, coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt. Gần đây, toàn Đảng đã tiến hành xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII đạt được những kết quả và kinh nghiệm bước đầu rất quan trọng, góp phần ngăn chặn, đẩy lùi một bước những tiêu cực, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Tuy nhiên, công tác xây dựng Đảng vẫn còn nhiều việc phải làm, nhất là việc đấu tranh chống sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; tệ tham nhũng, lãng phí, quan liêu, xa dân... Các thế lực thù địch vẫn đang tìm mọi cách phá hoại sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta; chúng ra sức xuyên tạc, vu cáo Đảng ta, Nhà nước ta, đánh thẳng vào hệ tư tưởng, Cương lĩnh, đường lối chính trị của Đảng, kích động, chia rẽ nội bộ Đảng, chia rẽ Đảng, Nhà nước với nhân dân, hòng làm tan rã Đảng ta, chế độ ta từ gốc, từ bên trong, hết sức thâm độc và nguy hiểm.

Phương hướng chung của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng hiện nay là phải tiếp tục phát huy truyền thống tốt đẹp, giữ vững và tăng cường bản chất cách mạng và tính tiên phong của Đảng, xây dựng Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức, cán bộ, đổi mới phương thức lãnh đạo, tăng cường mối liên hệ máu thịt giữa Đảng với nhân dân, bảo đảm cho Đảng đủ sức lãnh đạo sự nghiệp của đất nước không ngừng phát triển.

Trong điều kiện Đảng ta là đảng cầm quyền, hoạt động trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường, mở cửa hội nhập; cán bộ, đảng viên giữ nhiều trọng trách, thường xuyên phải đối mặt với những cám dỗ của tiền bạc, của cải vật chất, quyền lực, lợi ích cá nhân, chúng ta càng phải chăm lo giữ vững bản chất cách mạng và tính tiên phong của Đảng. Nếu không nhận thức sâu sắc điều này, nếu cán bộ, đảng viên không tích cực, kiên trì rèn luyện và học tập thì rất dễ bị thoái hóa, biến chất. Vấn đề giữ vững bản chất của Đảng - một Đảng Cộng sản, đảng cách mạng chân chính, hoạt động vì sự nghiệp của giai cấp công nhân, của dân tộc, vì lợi ích của nhân dân là vấn đề hết sức cơ bản và quan trọng. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng cảnh báo: “Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân”¹.

Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI và khóa XII về xây dựng Đảng đã khẳng định, phải tiến hành xây dựng, chỉnh đốn Đảng với tinh thần tích cực và kiên quyết, mạnh mẽ, nhằm tạo ra một bước chuyển biến rõ rệt hơn nữa trên các mặt, ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng suy thoái, củng cố sự kiên định về mục tiêu, lý tưởng cách mạng; tăng cường sự thống nhất ý chí và hành động; củng cố tổ chức chặt chẽ; tăng cường mối liên hệ mật thiết với nhân dân; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, coi đây là vấn đề sống còn của Đảng ta, chế độ ta. *Một đảng cách mạng chân chính có đường lối đúng, có tổ chức chặt chẽ, có đội ngũ cán bộ, đảng viên trong sạch, gương mẫu, tận tụy, gắn bó máu thịt với nhân dân, được nhân dân ủng hộ, thì đảng đó có sức mạnh vô địch, không thể lực nào ngăn nổi trên con đường dẫn dắt dân tộc đi lên.*

Thưa đồng chí và đồng bào,

Năm nay chúng ta kỷ niệm Ngày thành lập Đảng vào thời điểm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng: Năm 2020 là năm cuối của nhiệm kỳ Đại hội

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, tr.672.

lần thứ XII; năm tiến hành đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; năm kỷ niệm nhiều sự kiện chính trị trọng đại; năm Việt Nam thực hiện vai trò Chủ tịch ASEAN và Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc. Tình hình quốc tế và trong nước tạo ra nhiều thời cơ, thuận lợi nhưng cũng đặt ra không ít khó khăn, thách thức, đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta phải nỗ lực rất cao, quyết tâm rất lớn, phấn đấu để hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ của năm 2020 mà trọng tâm là: Phấn đấu hoàn thành ở mức cao nhất các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô, đẩy mạnh thực hiện các đột phá chiến lược, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, bảo đảm an sinh xã hội và phúc lợi xã hội, cải thiện đời sống nhân dân. Giữ vững độc lập, chủ quyền và môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước; đẩy mạnh quan hệ đối ngoại. Tập trung tổ chức thành công đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, gắn với tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, khóa XII về xây dựng Đảng, Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ hơn nữa trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Với niềm phán khởi, tự hào, chúng ta tin tưởng vững chắc rằng, Đảng Cộng sản Việt Nam sẽ hoàn thành xuất sắc trọng trách của mình. Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta chung sức, đồng lòng, nỗ lực phấn đấu xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Vinh quang đời đời thuộc về dân tộc Việt Nam văn hiến và anh hùng!

Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh muôn năm!

Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam muôn năm!

Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta!

**TIẾP TỤC ĐỔI MỚI MẠNH MẼ
NHẰM KHAI THÔNG, GIẢI PHÓNG TỐI ĐA,
HUY ĐỘNG VÀ SỬ DỤNG CÓ HIỆU QUẢ MỌI
NGUỒN LỰC, TẠO ĐỘNG LỰC MỚI ĐƯA ĐẤT NƯỚC
PHÁT TRIỂN NHANH, BỀN VỮNG**

NGUYỄN XUÂN PHÚC

Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ
nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Bất cứ quốc gia - dân tộc nào muốn trở nên thịnh vượng đều phải huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực để phục vụ cho phát triển. Đối với Việt Nam, để hoàn thành tốt các mục tiêu Đại hội XII của Đảng đã đề ra và tạo nền tảng vững chắc đưa đất nước phát triển nhanh, bền vững trong thập niên tới đòi hỏi chúng ta phải tiếp tục đổi mới tư duy cũng như hành động một cách quyết liệt nhằm khai thông, giải phóng tối đa, huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực.

Thực tiễn gần 35 năm đổi mới đất nước cho thấy, mỗi khi nguồn lực của đất nước được giải phóng tối đa và sử dụng có hiệu quả thì tạo được động lực bứt phá trong phát triển. Ngược lại, những thời điểm nguồn lực không được khai thông, các tiềm năng, lợi thế không được phát huy đầy đủ, khi đó nền kinh tế bị rơi vào trì trệ, suy giảm động lực phát triển.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, với hành trình hơn 2/3 chặng đường của toàn bộ nhiệm kỳ, chúng ta đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu đề ra. Tốc độ tăng trưởng kinh tế luôn thuộc nhóm các nước đứng đầu trong khu vực và thế giới, mức sống và chất lượng sống của nhân dân được nâng lên rõ rệt, sức mạnh tổng hợp quốc gia được tăng cường, tạo thế và lực mới đưa đất nước hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

Thời gian còn lại của nhiệm kỳ đang dần rút ngắn, tình hình thế giới và khu vực lại biến động phức tạp, khó lường. Vì vậy, chúng ta không được chủ quan, tự mãn với thành tích đạt được, phải tiếp tục đổi mới mạnh mẽ cơ chế, chính sách để khai thông, giải phóng tối đa, huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực, phát huy đầy đủ các động lực vật chất và tinh thần, tạo sức bật mới để hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ toàn nhiệm kỳ và tạo nền tảng vững chắc đưa đất nước phát triển nhanh, bền vững trong thập niên tới. Để thực hiện tốt nhiệm vụ tổng thể đó, cần tập trung vào mấy định hướng lớn sau đây:

1. Tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với cơ cấu lại nền kinh tế, xác định đúng các hướng lựa chọn ưu tiên để khai thác và giải phóng tối đa, huy động, sử dụng có hiệu quả các loại nguồn lực gắn với phát triển ngành, nghề mới trên cơ sở nắm bắt, tận dụng tối đa cơ hội mở ra từ cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Những năm gần đây, chúng ta đã thực hiện một cách quyết liệt việc đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển từ mô hình tăng trưởng chủ yếu dựa vào khai thác tài nguyên, vốn đầu tư và lao động hướng mạnh sang mô hình tăng trưởng sử dụng tổng hợp, có hiệu quả các nguồn lực của nền kinh tế, nhất là coi trọng nguồn nhân lực chất lượng cao, khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo. Nhiều giải pháp đồng bộ nhằm nâng cao năng suất lao động, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế đã được triển khai thực hiện trên thực tế.

Mô hình tăng trưởng đóng vai trò quyết định đến phương thức và biện pháp lựa chọn thứ tự ưu tiên trong khai thác, huy động và sử dụng từng loại nguồn lực. Đa số các quốc gia trên thế giới đều mong muốn áp dụng mô hình tăng trưởng dựa trên tri thức và khoa học - công nghệ, năng suất lao động xã hội cao, các nguồn lực sáng tạo được giải phóng tối đa thay cho mô hình dựa trên khai thác tài nguyên thiên nhiên và mở rộng quy mô sản xuất một cách giản đơn, năng suất lao động thấp.

Hầu hết các quốc gia đang phát triển, trong những giai đoạn đầu, do điều kiện khách quan, nên thường lựa chọn mô hình tăng trưởng dựa trên lao động giá rẻ và khai thác tài nguyên thiên nhiên, xem đây là những nguồn lực quan trọng để tích lũy ban đầu, tạo nền tảng cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Theo thời gian, tài nguyên hóa thạch dần trở nên cạn kiệt, lao động giá rẻ mất đi lợi thế, những nước không chuyển đổi thành công sang mô hình tăng trưởng dựa trên tri thức và khoa học - công nghệ thường rơi vào “bẫy thu nhập trung bình”.

Còn những quốc gia chủ động chuyển sang mô hình tăng trưởng chủ yếu dựa trên nguồn nhân lực chất lượng cao, kỹ năng quản lý tốt, ứng dụng mạnh mẽ thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại, thì tạo được sự bứt phá trong phát triển, vươn lên trở thành nước công nghiệp mới.

Do đó, việc xác định đúng đắn mô hình tăng trưởng và lựa chọn hướng ưu tiên chính xác trong khai thác, huy động và sử dụng nguồn lực hiệu quả gắn với giải pháp phù hợp có ý nghĩa đặc biệt quan trọng để tạo động lực mới cho phát triển, đẩy nhanh quá trình xây dựng quốc gia thịnh vượng.

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang đặt ra những yêu cầu mới đối với quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng ở nước ta, mở ra cơ hội cho Việt Nam có thể bắt kịp, tiến cùng và vượt lên ở một số lĩnh vực so với khu vực và thế giới, bảo đảm không lỡ nhịp trong phát triển.

Việc tận dụng được thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư sẽ cho phép biến nhiều nguồn tài nguyên từ dạng tiềm năng trở thành động năng cho phát triển, như năng lượng mặt trời, năng lượng gió,

năng lượng hải lưu, năng lượng sóng biển, năng lượng địa nhiệt, năng lượng sinh khối,... cũng như các tài nguyên sinh vật và tài nguyên phi sinh vật khác.

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư còn cho phép chúng ta biến những yếu tố trước đây là phế thải, như nước thải, rác thải rắn, khí thải cacbon,... trở thành nguồn dầu vào cho phát triển công nghiệp môi trường, từng bước hình thành nền kinh tế tuần hoàn thay thế cho nền kinh tế tuyến tính vốn gây nhiều hệ lụy, khiến khả năng chịu tải của môi trường vượt quá ngưỡng cân bằng trước sức sản xuất và tiêu thụ gia tăng cấp số nhân của con người.

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang thúc đẩy hình thành nền kinh tế số mà ở đó tài nguyên số đóng vai trò cốt lõi cho phát triển và khai thác hạ tầng số, thị trường số, dịch vụ số, tạo nên những mô hình sản xuất, kinh doanh hoàn toàn mới vượt khỏi quy luật kinh doanh thông thường. Trí tuệ nhân tạo, internet kết nối vạn vật, vật liệu thông minh, người máy thế hệ mới... được ứng dụng phổ biến, làm cho lao động giá rẻ đang mất dần lợi thế cạnh tranh.

Để tránh rơi vào nguy cơ “bẫy thu nhập trung bình”, duy trì và thúc đẩy đà tăng trưởng, chúng ta phải nắm bắt, tận dụng tốt các cơ hội đang mở ra từ cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, lấy động lực tăng trưởng chủ yếu dựa vào công nghệ và đổi mới sáng tạo thay thế dần cho các nguồn lực đầu vào truyền thống ngày càng khan hiếm hoặc mất đi lợi thế.

Khoa học - công nghệ ngày càng trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp - như C. Mác đã từng dự báo, là nguồn lực được các quốc gia ưu tiên lựa chọn làm hướng đột phá cho chuyển đổi mô hình tăng trưởng.

Chúng ta phải tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư bằng tinh thần chủ động và sáng tạo, nội dung cốt lõi là thúc đẩy phát triển khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo trên tất cả các ngành, lĩnh vực; thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia, trọng tâm là phát triển kinh tế số, xây dựng đô thị thông minh, chính quyền điện tử, tiến tới chính quyền số.

Cần tập trung hoàn thiện thể chế, pháp luật về doanh nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo, sở hữu trí tuệ, thương mại, đầu tư, kinh doanh để tạo thuận lợi cho mọi tổ chức, cá nhân, trước hết là doanh nghiệp chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Có chính sách ưu đãi phát triển các ngành, nghề kinh doanh mới thể hiện tinh thần nấm bắp, tiến kịp và vượt trước một số lĩnh vực của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Huy động mọi nguồn lực xã hội đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo. Tạo thuận lợi cho hoạt động thu hút vốn, chuyển nhượng cổ phần, mua bán, sáp nhập doanh nghiệp công nghệ, các nhà đầu tư nước ngoài góp vốn vào kinh doanh khởi nghiệp sáng tạo.

Xây dựng chiến lược quốc gia phát triển doanh nghiệp công nghệ, ưu tiên phát triển doanh nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp công nghệ cao thiết kế, sáng tạo và sản xuất tại Việt Nam. Có cơ chế định giá, bảo hộ, bảo vệ quyền tài sản hình thành từ quyền sở hữu trí tuệ - cơ sở cho tài sản đặc biệt này có thể mua bán, góp vốn, thế chấp để vay vốn khởi nghiệp, kinh doanh công nghệ.

Nhà nước có chính sách ưu tiên đặt hàng sản xuất và mua các sản phẩm công nghệ số do doanh nghiệp Việt Nam sản xuất. Phát triển mạnh mẽ hạ tầng số, từ phát triển hạ tầng băng thông rộng, hạ tầng dữ liệu số, hạ tầng thanh toán số, đến hạ tầng bảo đảm an ninh, an toàn mạng...

Có chính sách phát triển và nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo, xây dựng và phát triển trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia, tập trung vào các công nghệ lõi, lấy doanh nghiệp làm trung tâm, trường đại học và viện nghiên cứu làm chủ thể nghiên cứu mạnh. Tập trung phát triển các ngành và công nghệ ưu tiên có mức độ săn sàng cao, gắn kết chặt chẽ với hợp tác quốc tế về phát triển khoa học - công nghệ¹.

1. Xem Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Nguồn nhân lực chất lượng cao bao giờ cũng đóng vai trò quyết định đến khả năng huy động, khai thác, sử dụng có hiệu quả các loại nguồn lực khác, nhất là trong điều kiện phát triển kinh tế tri thức.

Đổi mới mô hình tăng trưởng trước hết phải tạo được bước đột phá trong chất lượng nguồn nhân lực, bao gồm cả nhân lực lãnh đạo, quản lý, chuyên gia, nhà khoa học và lao động có kỹ năng. Cần phải đổi mới nội dung, phương thức giáo dục và đào tạo phù hợp với yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, từ các bậc học nền tảng, đào tạo nghề đến giáo dục đại học.

Đặc biệt coi trọng đào tạo lại và nâng cao kỹ năng của đội ngũ cán bộ, công chức và người lao động tương thích, đủ năng lực vận hành chính quyền điện tử và tham gia nền sản xuất thông minh, kinh doanh dựa trên công nghệ hiện đại.

Lấy đánh giá của doanh nghiệp làm thước đo cho đổi mới chất lượng đào tạo của các trường đại học trong lĩnh vực thuộc kỹ thuật số, chuyển từ xây dựng kế hoạch đào tạo theo chỉ tiêu hành chính từ trên xuống sang xây dựng kế hoạch đào tạo mang tính tự chủ của từng trường dựa trên cơ sở khảo sát nhu cầu thị trường lao động và đối thoại với doanh nghiệp.

Khuyến khích và ưu đãi các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp công nghệ trực tiếp tham gia đào tạo các sản phẩm phục vụ nền kinh tế số. Hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút, sử dụng nhân tài, nguồn nhân lực chất lượng cao, không phân biệt người Việt Nam ở trong nước hay định cư ở nước ngoài, kể cả thu hút chuyên gia quốc tế đến làm việc tại Việt Nam.

Lịch sử dựng nước và giữ nước của ông cha ta và kinh nghiệm thế giới đã chỉ ra rằng, nguồn lực con người chỉ phát huy đầy đủ khi tác động trung lợi ích và khơi dậy được hoài bão, khát vọng dân tộc, tạo thành động lực thường trực để mỗi cá nhân nỗ lực phấn đấu vì sự thịnh vượng, phồn vinh của đất nước và khẳng định danh dự bản thân. Xây dựng khát vọng phát triển phải bằng những cơ chế, chính sách cụ thể,

rõ ràng, bảo đảm quyền bình đẳng về cơ hội phát triển giữa các thành viên trong xã hội, làm cho người hiền tài thật sự được trọng dụng, tôn vinh; xóa bỏ mọi định kiến xã hội hoặc chủ nghĩa bình quân cản trở việc trọng dụng nhân tài. Lợi ích cá nhân là động lực thường trực cho mỗi người phấn đấu vươn lên, nhưng lợi ích mỗi thành viên của xã hội phải thuận chiểu với lợi ích của quốc gia - dân tộc thì mới tạo nên sức mạnh tổng hợp, được bảo đảm bằng hệ thống luật pháp công bằng, không thiên vị, làm cho người hiền tài luôn khẳng định được năng lực và nhân phẩm của chính mình, được xã hội trọng dụng, tôn vinh.

Đi đôi với tôn trọng lợi ích kinh tế, phải khơi dậy được động lực văn hóa - tinh thần, đó là khát vọng phát triển, tinh thần yêu nước, lòng tự hào, tự tôn dân tộc, ý chí tự lực, tự cường, sự hy sinh, cống hiến.

Nếu như lợi ích kinh tế tạo ra động cơ để thúc đẩy con người hành động thỏa mãn nhu cầu của chính họ và đóng góp cho xã hội, thì giá trị văn hóa - tinh thần lại làm cho mỗi con người luôn vượt lên lợi ích cá nhân để khẳng định các giá trị theo đuổi, hành động một cách tự giác, tự nguyện bằng tất cả sự xả thân vì danh dự, nhân phẩm, dấn thân cho dân tộc, phụng sự nhân dân bằng tất cả năng lực nội sinh vốn có.

Trong điều kiện nước ta hiện nay, phải có cơ chế để duy trì, nuôi dưỡng và phát huy động lực văn hóa - tinh thần, khát vọng phát triển trong mỗi người dân bằng giáo dục tinh thần yêu nước, lòng tự hào, tự tôn dân tộc, ý chí tự cường. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức phải chú trọng giáo dục khát vọng dân tộc, thúc đẩy liêm chính, nêu cao sứ mệnh phục vụ người dân và doanh nghiệp; xây dựng biểu tượng trong mỗi giai tầng xã hội để làm gương, tạo ảnh hưởng lan tỏa rộng rãi, gắn với thực hiện tốt quy định nêu gương, nhất là gương người hiền tài, gương “người tốt, việc tốt”.

Tôn vinh, khen thưởng kịp thời những người xứng đáng, không phân biệt khu vực công hay khu vực tư, phải khắc phục các định kiến cũ, chủ nghĩa bình quân khiến cho tài năng bị thui chột, triệt tiêu các động lực phát triển.

Phải xem việc phát hiện và trọng dụng người hiền tài là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị gắn với đổi mới công tác cán bộ, phát huy dân chủ rộng rãi, để nguồn lực quý giá này không bị bỏ sót và được sử dụng có hiệu quả phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Chuyển sang mô hình tăng trưởng dựa trên sử dụng có hiệu quả nguồn lực tổng hợp, trước hết là dựa vào tri thức và khoa học - công nghệ, không thể tiến hành nóng vội, chủ quan, bất chấp trình độ phát triển, mà phải bằng các giải pháp khả thi, lộ trình phù hợp, tính toán đầy đủ các điều kiện kèm theo.

Phải nắm vững quan điểm, chủ trương của Đảng: “Đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng chú trọng và ngày càng dựa nhiều hơn vào các nhân tố thúc đẩy tăng năng suất lao động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, đặc biệt là phát huy tinh thần yêu nước, lòng tự hào, tự tôn dân tộc, trí sáng tạo của con người Việt Nam và thành tựu khoa học - công nghệ của nhân loại, mọi tiềm năng, lợi thế của các ngành, lĩnh vực, các địa phương và cả nước.

Tùy theo tình hình thực tế của từng ngành, lĩnh vực và địa phương mà kết hợp hợp lý giữa tăng trưởng theo chiều rộng và chiều sâu, trong đó lấy tăng trưởng theo chiều sâu là hướng chủ đạo. Chuyển dần từ tăng trưởng chủ yếu dựa vào đầu tư và xuất khẩu sang tăng trưởng dựa đồng thời vào cả đầu tư, xuất khẩu và thị trường trong nước. Chuyển dần từ dựa vào gia tăng số lượng các yếu tố đầu vào của sản xuất sang dựa vào tăng năng suất, chất lượng lao động, ứng dụng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo”¹.

Khai thác và phát huy tối đa nội lực kết hợp với thu hút và sử dụng hiệu quả ngoại lực, nhất là nắm bắt xu hướng dịch chuyển ngành nghề gắn với dịch chuyển nguồn lực trên thế giới đang diễn ra mạnh mẽ hiện nay để tranh thủ, tận dụng tối đa các cơ hội.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr.55-56.

2. Tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn, bảo đảm cho nguồn lực tự nhiên (đất đai, nước, khoáng sản...) được khai thông, giải phóng tối đa, vận hành thông suốt, phân bổ và sử dụng có hiệu quả theo cơ chế thị trường để phục vụ cho trước mắt và tính toán cả dự trữ cho tương lai

Những năm qua, nhờ lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt mà chúng ta đã khai thông được nhiều nguồn lực của đất nước vốn bị “đóng băng” trong cơ chế kinh tế cũ, tranh thủ được nguồn lực bên ngoài gắn với chủ động và tích cực hội nhập quốc tế để phục vụ cho các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, nhờ đó nước ta đã giành được nhiều thành tựu quan trọng.

Tuy nhiên, cũng cần nhìn thẳng vào thực tế và khách quan thấy rằng, nhiều nguồn lực của nước ta vẫn chưa được sử dụng có hiệu quả. Không ít nguồn lực ở dạng tiềm năng chưa chuyển thành động năng, chậm được vốn hóa để đưa vào phục vụ sản xuất.

Cơ chế phân bổ nguồn lực còn nhiều bất cập, làm cho chủ thể có khả năng sử dụng hiệu quả nguồn lực nhiều khi thiếu cơ hội tiếp cận, còn chủ thể nắm giữ nguồn lực lại sử dụng kém hiệu quả, gây lãng phí. Ở nhiều địa phương hiện nay có hiện tượng để ruộng đất hoang hóa, tình trạng ruộng đất manh mún chậm được cải thiện; thị trường quyền sử dụng đất nông nghiệp chậm hình thành; thất thoát nguồn thu ngân sách đối với giá trị gia tăng sau hình thành quy hoạch đất đai; nguồn nước sử dụng chưa tiết kiệm và nhiều nơi bị ô nhiễm nặng; tài nguyên khoáng sản bị khai thác quá mức; dịch chuyển lao động nông thôn - đô thị chưa thông suốt; chưa cân bằng giữa huy động nguồn vốn qua thị trường tín dụng ngân hàng và thị trường chứng khoán, thị trường trái phiếu doanh nghiệp để khai thác tối đa nguồn vốn trong xã hội... Những tình trạng này cần phải nhanh chóng được khắc phục để đẩy nhanh sự phát triển.

Bài học phát triển của thế giới cho thấy, một quốc gia muốn trở nên thịnh vượng thì nguồn lực không thể chỉ tồn tại ở dạng tiềm năng, mà phải biến thành động năng, cần được vốn hóa; phải khắc phục cho được

tình trạng sử dụng kém hiệu quả nguồn lực, bởi nguồn lực luôn có giới hạn, sử dụng cho công việc này sẽ không thể sử dụng cho công việc khác.

Để khai thông, giải phóng tối đa các nguồn lực, trong những năm tới, cần nắm vững và quán triệt sâu sắc quan điểm Đại hội XII của Đảng đã đề ra là “thị trường đóng vai trò chủ yếu trong huy động và phân bổ có hiệu quả các nguồn lực phát triển, là động lực chủ yếu để giải phóng sức sản xuất; các nguồn lực nhà nước được phân bổ theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phù hợp với cơ chế thị trường”¹.

Phải tháo gỡ các “nút thắt” của cơ chế, chính sách khiến cho không ít nguồn lực chưa được khai thông, chậm được vốn hóa, cốt lõi là bao đảm vai trò chủ yếu của thị trường trong huy động và phân bổ nguồn lực, chống các hiện tượng “bao cấp”, “phi thị trường” còn tồn tại dưới nhiều hình thức, nhất là bảo đảm nguyên tắc cạnh tranh bình đẳng trong tiếp cận các nguồn lực giữa các chủ thể của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhờ đó mà nguồn lực được sử dụng có hiệu quả cao nhất.

Phải tập trung hoàn thiện luật pháp, cơ chế, chính sách, khung pháp lý điều chỉnh hạn điền, thực hiện tích tụ tập trung ruộng đất gắn với đổi mới mạnh mẽ hình thức tổ chức sản xuất và cơ cấu lại ngành nông nghiệp²; phát triển thị trường quyền sử dụng đất nông nghiệp; chuyển đổi mục đích sử dụng đất đổi với đất nhà nước cho thuê trả tiền hàng năm, đất ngập mặn do biến đổi khí hậu, nâng cao hiệu quả sử dụng đất đô thị.

Thực hiện nghiêm quy định đấu giá quyền sử dụng đất, bảo đảm nguồn thu cho ngân sách nhà nước đối với giá trị gia tăng hình thành sau quy hoạch, sử dụng hiệu quả hơn công cụ thuế hoặc các hình thức phí có tính chất thuế, nhằm hạn chế tình trạng để đất hoang hóa, lãng phí, không đưa vào sử dụng trong thời gian dài.

-
1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.103.
 2. Xem Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế.

Xử lý có hiệu quả những bất cập trong quản lý, sử dụng đất của các công ty nông, lâm nghiệp, nhất là tình trạng lấn chiếm, chuyển nhượng, chuyển mục đích, cho thuê, cho mượn, giao khoán trái pháp luật; hoặc việc một số nông, lâm trường “phát canh thu tô” trong khi người dân địa phương không có đất sản xuất.

Đẩy mạnh thăm dò, đánh giá tiềm năng nước mặt và nước ngầm; rà soát, điều chỉnh quy hoạch ngành cấp nước (cả nước sinh hoạt, thủy lợi và thủy điện) trên quan điểm tiết kiệm, hiệu quả, tính toán tối tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng, có biện pháp lưu giữ và sử dụng tiết kiệm nguồn nước, tránh lãng phí, ngăn chặn và xử lý kiên quyết tình trạng gây ô nhiễm nguồn nước, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế để bảo vệ và khai thác nguồn nước xuyên quốc gia, chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Ngăn chặn, xử lý tình trạng khai thác khoáng sản trái phép; tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động khai thác, chế biến, xuất khẩu khoáng sản; hạn chế tối đa, tiến tới chấm dứt tình trạng xuất khẩu tài nguyên khoáng sản thô hoặc chỉ qua sơ chế; tính toán hài hòa, cân đối giữa xuất và nhập khẩu, giữa phục vụ cho trước mắt và dự trữ chiến lược đối với các tài nguyên khoáng sản quan trọng; xây dựng lộ trình để tiến tới đấu thầu quyền khai thác mỏ, hoạt động khai thác và một số hoạt động hỗ trợ khai thác mỏ¹.

Xét trên phương diện lý luận cũng như thực tiễn đều cho thấy, Nhà nước và thị trường là “hai bàn tay” cùng đồng hành, bổ sung cho nhau để phân bổ các nguồn lực.

Ở nước ta, cần xuất phát từ thực tiễn và trình độ phát triển của nền kinh tế mà sử dụng hợp lý, linh hoạt các công cụ quản lý của Nhà nước (chiến lược, kế hoạch, quy hoạch), chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa, cũng như các nguồn lực vật chất của Nhà nước để can thiệp, điều tiết thị trường, bảo đảm các mục tiêu, định hướng phát triển.

1. Xem Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế.

Trong đó, các nguồn lực vật chất của kinh tế nhà nước có vai trò đặc biệt quan trọng, cần phải được khai thông, giải phóng tối đa, sử dụng có hiệu quả phù hợp với cơ chế thị trường. Hiến pháp năm 2013 đã quy định rõ, đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, nguồn lợi ở vùng biển, vùng trời, tài nguyên thiên nhiên khác và các tài sản do Nhà nước đầu tư, quản lý là tài sản công, thuộc sở hữu toàn dân, do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý.

Cần thể chế hóa đầy đủ quyền tài sản hình thành từ quyền sử dụng đất, tạo cơ sở cho nguồn lực quan trọng này được vận hành thông suốt trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, khai thông các điểm nghẽn, gắn liền với tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước với tư cách là đại diện chủ sở hữu. Kiểm kê, đánh giá, thống kê tổng thể và từng loại tài nguyên để xác định đầy đủ tiềm năng, trữ lượng, xây dựng thành dữ liệu quốc gia phục vụ cho khai thác và quản lý hiệu quả.

Phải đổi mới căn bản công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng các nguồn tài nguyên để kích hoạt sức mạnh của thị trường phân bổ nguồn lực hướng vào giải quyết các mục tiêu của Nhà nước với tính liên thông giữa kế hoạch ngắn hạn, trung hạn với tầm nhìn dài hạn, giữa phục vụ cho các mục tiêu quốc phòng - an ninh và sản xuất, kinh doanh, giữa phục vụ cho yêu cầu trước mắt và dự trữ cho lâu dài.

Coi trọng nghiên cứu, đánh giá các nguồn tài nguyên sinh vật và phi sinh vật biển, tài nguyên trong không gian, tài nguyên trong lòng đất... trước đây ít được chú ý nhưng với thành tựu khoa học và công nghệ đã và đang trở thành nguồn lực phục vụ cho chuyển đổi mô hình tăng trưởng...

3. Đổi mới mạnh mẽ cơ chế, chính sách để huy động tốt hơn nguồn lực ngoài nhà nước, nâng cao hiệu quả đầu tư công và hoạt động kinh doanh vốn nhà nước

Để đẩy nhanh tốc độ phát triển trong thời gian tới, cần phải nỗ lực và có nhiều biện pháp để thu hút nguồn vốn đầu tư phát triển kinh tế -

xã hội, đa dạng hóa các nguồn vốn huy động và sử dụng, nhất là nguồn lực đầu tư ngoài nhà nước.

Cần hoàn thiện thể chế, luật pháp, cơ chế, chính sách huy động nguồn vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế, các nhà đầu tư trong và ngoài nước để đẩy nhanh phát triển kết cấu hạ tầng, bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, nhà đầu tư và xã hội. Đây phải được xem là giải pháp đột phá để đẩy nhanh tốc độ hiện đại hóa kết cấu hạ tầng và phát triển kinh tế - xã hội.

Phát triển kinh tế tư nhân trở thành “một động lực quan trọng để phát triển kinh tế”¹ là chủ trương nhất quán của Đảng và Nhà nước ta, là một phương cách bảo đảm cho nguồn lực xã hội được huy động và sử dụng có hiệu quả.

Doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân hoàn toàn tự mình quyết định sản xuất cho ai, sản xuất cái gì và sản xuất như thế nào theo tín hiệu của thị trường, có thể ra quyết định huy động nguồn vốn và đầu tư trong thời gian ngắn, đẩy nhanh tốc độ thi công và hoàn thành công trình sớm để đưa vào khai thác, nhanh thu hồi vốn và sinh lời. Vì vậy, muốn huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn lực xã hội phải quán triệt đầy đủ, sâu sắc quan điểm thị trường đóng vai trò chủ yếu trong phân bổ nguồn lực và phát triển kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế.

Phải đẩy mạnh cải cách hành chính, cắt giảm các loại giấy phép con, cải cách mức thuế và thủ tục đăng ký của doanh nghiệp, thủ tục đăng ký hải quan, quyết liệt loại trừ tình trạng những nhiễu đối với doanh nghiệp, áp dụng các khâu công nghệ có thể thay thế con người trong đăng ký, cấp giấy phép để minh bạch hóa, giảm thiểu “tham nhũng vặt”.

Cải cách thuế theo hướng tạo động lực cho khuyến khích đổi mới sáng tạo, thâm dụng công nghệ, ít gây ô nhiễm môi trường, thúc đẩy

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2017, tr.95.

kết nối doanh nghiệp có vốn đầu tư trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Hoàn thiện thể chế, cơ chế để doanh nghiệp có điều kiện huy động nguồn lực tài chính trên thị trường cổ phiếu, thị trường trái phiếu doanh nghiệp,... bổ sung cho kênh huy động nguồn lực tài chính qua hệ thống tín dụng ngân hàng đang chịu nhiều áp lực.

Hỗ trợ phát triển theo từng ngành hàng sản xuất cụ thể của kinh tế tư nhân thay cho những chính sách chỉ mang tính chất chung chung đối với kinh tế tư nhân như hiện nay, không phân biệt ngành hàng và quy mô sản xuất. Xây dựng chiến lược phát triển và có chương trình, kế hoạch hành động cụ thể để khuyến khích, hỗ trợ nhóm doanh nghiệp “dân đầu” thuộc khu vực kinh tế tư nhân có tiềm năng kinh doanh vươn ra thị trường khu vực và thế giới, bảo vệ sản xuất và thị trường trong nước, tích cực đổi mới công nghệ, góp phần xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ.

Có cơ chế để ngân hàng định giá các loại tài sản vô hình, cấp tín dụng theo chuỗi giá trị gắn với tài sản hình thành trong tương lai. Đẩy nhanh thoái vốn nhà nước, cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước không thuộc danh mục mà Nhà nước cần nắm giữ, chi phối, mở rộng hình thức đầu tư theo đối tác công - tư (PPP),... tạo dư địa cho huy động nguồn lực ngoài nhà nước đầu tư phát triển kinh tế - xã hội.

Phải có hình thức khen thưởng, xứng tầm cho những doanh nhân, doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân có đóng góp quan trọng cho xây dựng, phát triển những sản phẩm chủ lực của đất nước, có giá trị gia tăng cao, có ý nghĩa nâng cao địa vị kinh tế quốc gia - dân tộc và góp phần xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, tự cường trong hội nhập quốc tế.

Điều hành chủ động, linh hoạt, hiệu quả chính sách tiền tệ, phối hợp có hiệu quả với chính sách tài khóa và các chính sách khác để kiểm soát lạm phát, bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô và các cân đối lớn của nền kinh tế. Tiếp tục tập trung cơ cấu lại các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu, nâng cao năng lực tài chính và chất lượng tín dụng, chuyển đổi

mô hình kinh doanh, quản trị, điều hành của tổ chức tín dụng; tăng cường công tác thanh tra, giám sát ngân hàng; bảo đảm an toàn hệ thống. Thực hiện chính sách cân bằng giữa huy động vốn qua các tổ chức tín dụng ngân hàng với huy động vốn qua thị trường chứng khoán, thị trường trái phiếu doanh nghiệp.

Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn đầu tư công, cải cách thủ tục xét duyệt để rút ngắn thời gian chuẩn bị dự án đầu tư, bảo đảm cho nguồn lực quan trọng này nhanh chóng đi vào vận hành, phát huy hiệu quả. Tập trung đầu tư phát triển các công trình cấp bách, trọng tâm, trọng điểm, các công trình kết cấu hạ tầng bảo đảm tính đồng bộ, kết nối nhằm tạo động lực cho phát triển lan tỏa. Phải khắc phục triệt để tình trạng đầu tư dàn trải, kéo dài, không hoàn thành dự án đúng tiến độ, làm đội vốn, gây lãng phí nguồn lực. Thực hiện đấu thầu công khai, minh bạch các dự án sử dụng vốn đầu tư công, bảo đảm cơ hội tiếp cận bình đẳng giữa các chủ thể của kinh tế thị trường. Phát huy vai trò dẫn dắt của đầu tư công để thu hút tư nhân tham gia các công trình đầu tư theo hình thức đối tác công - tư (PPP), gắn với xác định rõ trách nhiệm của cả hai bên trên tinh thần “đối tác”, được thể hiện trong quá trình đàm phán, giao kết và thực hiện hợp đồng. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, chế độ trách nhiệm trong quản lý đầu tư công, phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm mọi sai phạm.

Doanh nghiệp nhà nước “giữ vị trí then chốt và là một lực lượng vật chất quan trọng của kinh tế nhà nước”¹, nắm giữ nguồn lực lớn của toàn xã hội, do vậy phải tiếp tục được cơ cấu lại, đổi mới quản lý, nâng cao hiệu quả kinh doanh vốn nhà nước. Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp đã được thành lập, vận hành một thời gian, cần tiếp tục hoàn thiện các quy định, cơ chế, nhân sự, phương thức hoạt động, đủ năng lực thực hiện vai trò đại diện chủ sở hữu, quản lý hiệu quả hoạt động kinh doanh vốn nhà nước tại doanh nghiệp, được phân tách với chức năng quản lý nhà nước.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Sđd, tr.63.

Với tư cách là nhà đầu tư, doanh nghiệp nhà nước phải được trao quyền kinh doanh vốn nhà nước một cách bình đẳng về quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm như mọi chủ thể khác trong nền kinh tế thị trường, làm cho vốn nhà nước luôn được bảo toàn và sinh lời. Phải rà soát lại hệ thống cơ chế, chính sách để bảo đảm quyền tự chủ trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước theo nguyên tắc thị trường, quản trị doanh nghiệp phải theo chuẩn mực hiện đại. Tôn trọng tính độc lập trong việc thực hiện quyền và trách nhiệm của hội đồng thành viên, hội đồng quản trị, chủ tịch hội đồng thành viên, chủ tịch hội đồng quản trị, tổng giám đốc, ban điều hành doanh nghiệp nhà nước để hoạt động và quản trị của doanh nghiệp nhà nước được thực hiện một cách minh bạch, giải trình, chuyên nghiệp và hiệu quả cao. Giao quyền tự chủ rộng rãi cho doanh nghiệp nhà nước phù hợp với cơ chế thị trường, gắn với kiểm tra, kiểm soát, quản lý chặt chẽ việc huy động, sử dụng vốn, nhất là vay nợ nước ngoài, các dự án đầu tư trong nước và nước ngoài, nguồn vốn mua bán, sáp nhập doanh nghiệp.

Doanh nghiệp nhà nước chỉ “tập trung vào những lĩnh vực then chốt, thiết yếu; những địa bàn quan trọng và quốc phòng, an ninh; những lĩnh vực mà doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác không đầu tư”¹. Đẩy mạnh tái cơ cấu, thoái vốn, cổ phần hóa và niêm yết trên thị trường chứng khoán theo đúng tiến độ của Đề án đã được Chính phủ phê duyệt, trong đó tập trung vào cơ cấu lại toàn diện các tập đoàn, tổng công ty về ngành, nghề kinh doanh, tài chính, công nghệ, tổ chức, thúc đẩy áp dụng các mô hình quản trị doanh nghiệp hiện đại, phù hợp với nguyên tắc và chuẩn mực quốc tế. Sắp xếp, cơ cấu lại các tập đoàn, tổng công ty để hình thành những tập đoàn, tổng công ty lớn, đa sở hữu, có quy mô và phạm vi hoạt động phù hợp với năng lực quản trị, điều hành; hoạt động trong những lĩnh vực có tính dẫn dắt; phát huy tốt lợi thế so sánh và nguồn lực Nhà nước giao, có khả năng cạnh tranh trong khu vực và trên thế giới; có hàm lượng công nghệ cao, nâng cao

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Sđd, tr.63.

năng suất lao động và sức cạnh tranh; đóng vai trò quan trọng hàng đầu cho xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ. Các bộ, ngành liên quan cần sớm hướng dẫn cụ thể hơn phương án sử dụng đất, xác định giá trị doanh nghiệp, kể cả các giá trị vô hình, như thương hiệu, chuỗi giá trị, sở hữu trí tuệ, giá trị lịch sử - văn hóa... để tạo thuận lợi cho việc tiến hành cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước. Đổi mới, nâng cao năng lực quản trị theo các tiêu chuẩn hiện đại, nhất là năng lực cạnh tranh, theo dõi, đánh giá hiệu quả sản xuất, kinh doanh qua các kỳ đánh giá.

Mỗi tập đoàn, tổng công ty nhà nước phải là một trung tâm đổi mới sáng tạo, tập hợp xung quanh mình doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ với cụm ngành, gồm các nhà cung ứng phân tầng, hình thành chuỗi giá trị và nâng cao năng lực cạnh tranh. Những lĩnh vực tư nhân chưa làm, nhất là lĩnh vực cần vốn lớn, hàm lượng khoa học - công nghệ cao, tư nhân chưa sẵn sàng, quan hệ thị trường mới manh nha, doanh nghiệp nhà nước phải kiến tạo thị trường. Khi thị trường đủ sức hấp dẫn thu hút tư nhân tham gia thì có thể chuyển giao để thu hồi vốn, rồi lại đầu tư khai mở các ngành, nghề mới. Doanh nghiệp nhà nước phải chủ động tham gia kết nối với doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hình thành mạng sản xuất, chuỗi giá trị, nâng cao năng lực hội nhập quốc tế và xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ.

4. Chủ động nắm bắt, tận dụng tối đa xu hướng dịch chuyển ngành, nghề gắn với dịch chuyển nguồn lực đang diễn ra hiện nay để nâng cao năng lực thu hút và sử dụng hiệu quả nguồn lực bên ngoài, hấp thu và chuyển hóa ngoại lực thành nội lực

Nguồn lực bên ngoài là một bộ phận quan trọng của nền kinh tế đất nước, bổ sung những thiếu hụt và góp phần khai thác có hiệu quả hơn nguồn lực trong nước. Trong những năm tới, càng hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, nguồn lực trong nước và nước ngoài càng gắn bó hữu cơ, tùy thuộc lẫn nhau và mức độ tương tác càng cao. Nguồn lực bên ngoài rất đa dạng, bao gồm từ vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA),

nguồn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), nguồn đầu tư gián tiếp nước ngoài (FPI), kiều hối, xuất khẩu lao động, đầu tư ra nước ngoài, nguồn vay chính phủ, nguồn phi chính phủ... Nguồn lực bên ngoài đã và đang góp phần tích cực tạo việc làm, thu nhập cho người lao động, nâng cao trình độ, năng lực sản xuất, tăng thu ngân sách nhà nước, chuyển giao công nghệ, chia sẻ kinh nghiệm quản lý, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, tạo khả năng kết nối cho hàng hóa Việt Nam tham gia mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu, đan xen lợi ích quốc gia - dân tộc với thế giới. Mỗi giai đoạn lịch sử đặt ra những yêu cầu riêng trong thu hút nguồn lực bên ngoài, do bối cảnh thế giới và nội lực nền kinh tế đất nước chi phối, nhất là khả năng bổ sung cho các thiếu hụt và năng lực đối ứng, hấp thu, quản lý của chúng ta. Hiện nay, nước ta đã trở thành quốc gia có thu nhập trung bình, nên nguồn ODA khó khăn hơn, điều kiện ngày càng ngặt nghèo. Cần phải sử dụng có hiệu quả, tránh để gánh nặng nợ nần cho các thế hệ tương lai. Việc thu hút nguồn đầu tư FDI cần chuyển trọng điểm từ nhấn mạnh số lượng sang coi trọng hơn nữa chất lượng; ưu tiên các dự án tạo giá trị gia tăng cao, có công nghệ và mô hình quản trị hiện đại, có tác động lan tỏa, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu; lấy chất lượng, hiệu quả công nghệ và bảo vệ tài nguyên môi trường làm tiêu chí đánh giá chủ yếu. Chú trọng các nguồn lực khác, như kiều hối, nguồn xuất khẩu lao động,... để khai thác, sử dụng hiệu quả phục vụ cho sự nghiệp phát triển đất nước.

Cần tận dụng cơ hội được mở ra khi thực hiện các hiệp định tự do thế hệ mới như Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA), Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) cũng như các hiệp định tự do thương mại khác mà Việt Nam đã và đang đàm phán, ký kết với các đối tác để thu hút đầu tư, mở rộng thị trường, tiếp thu công nghệ, tham gia chuỗi giá trị toàn cầu. Cần bám sát xu hướng dịch chuyển các dòng FDI gắn với dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu mới phát sinh từ chiến tranh thương mại, cạnh tranh

nguồn lực giữa các quốc gia đang diễn ra gay gắt,... để đề ra chính sách linh hoạt, hiệu quả trong thu hút FDI. Nhìn lại lịch sử kinh tế thế giới cho thấy, vào những thập niên 70 - 90 của thế kỷ trước, khi chiến tranh thương mại giữa Mỹ - Nhật Bản nổ ra khiến nhiều ngành, nghề dịch chuyển, một số nước và vùng lãnh thổ khu vực Đông Á đã tận dụng được cơ hội để đón nhận, hấp thu và tiến vào chiếm lĩnh những ngành nghề mới làm thay đổi cơ cấu nền kinh tế, như công nghiệp bán dẫn của Hàn Quốc và vùng lãnh thổ Đài Loan (Trung Quốc), công nghiệp ôtô của Hàn Quốc. Bài học đó cho thấy, chúng ta phải đổi mới mạnh mẽ cơ chế, chính sách, chuẩn bị đồng bộ cả hạ tầng “cứng”, hạ tầng “mềm” và môi trường thông thoáng để chủ động nắm bắt xu hướng dịch chuyển nguồn vốn đầu tư FDI đang diễn ra hiện nay. Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích, ưu đãi theo hướng tăng tính liên kết doanh nghiệp FDI với doanh nghiệp có vốn đầu tư trong nước, các lĩnh vực ưu tiên chuyển giao công nghệ và quản trị cho doanh nghiệp Việt Nam, phát triển cụm ngành, chuỗi giá trị, góp phần nâng cao giá trị gia tăng nội địa, sức cạnh tranh của sản phẩm và vị trí quốc gia - dân tộc trong chuỗi giá trị toàn cầu. Có chính sách ưu đãi vượt trội mang tính cạnh tranh quốc tế đối với các dự án lớn, quan trọng, có công nghệ tiên tiến để thu hút các nhà đầu tư chiến lược, các tập đoàn đa quốc gia đặt trụ sở, thành lập các trung tâm nghiên cứu - phát triển, trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm tài chính,... tại Việt Nam. Ngoài danh mục hạn chế hoặc chủ trương không thu hút đầu tư nước ngoài, các nhà đầu tư nước ngoài được đối xử bình đẳng như các nhà đầu tư trong nước, khuyến khích đầu tư vào những ngành, lĩnh vực mà Việt Nam không có nhu cầu bảo hộ. Đối với những dự án đang sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên, thì không xem xét mở rộng quy mô và gia hạn hoạt động. Hoàn thiện các chính sách về ưu đãi đầu tư, phân biệt ưu đãi giữa các ngành, nghề đầu tư khác nhau, khuyến khích chuyển giao công nghệ dựa trên cơ sở thỏa thuận tự nguyện, hỗ trợ doanh nghiệp có vốn đầu tư trong nước kết nối với doanh nghiệp FDI, nâng cao năng lực hấp thụ công nghệ,

phát triển công nghiệp hỗ trợ. Nâng cao các tiêu chuẩn kỹ thuật về sản phẩm, bảo vệ môi trường, tài nguyên và tiết kiệm năng lượng phù hợp với tiêu chuẩn khu vực và thế giới. Hoàn thiện các quy định bảo vệ quyền sở hữu hợp pháp về tài sản, quyền sở hữu trí tuệ, vốn đầu tư, thu nhập, quyền và lợi ích hợp pháp khác của nhà đầu tư và chủ thể có liên quan phù hợp với Hiến pháp năm 2013 và luật pháp quốc tế.

Trong nhiều thập niên qua, toàn cầu hóa, hợp tác kinh tế đa phương, song phương được đẩy mạnh, làm cho nguồn lực lưu thông thuận lợi giữa các quốc gia, nhất là dịch chuyển vốn đầu tư và chuyển giao công nghệ từ các nước phát triển đến các nước đang phát triển. Song, nguồn lực vốn mang tính động, chịu sự tác động mạnh mẽ bởi cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đang xuất hiện xu hướng dịch chuyển nguồn lực đầu tư. Chiến tranh thương mại giữa các nước lớn khiến nhiều doanh nghiệp chuyển hướng đầu tư đến nơi an toàn hơn. Trí tuệ nhân tạo, người máy thế hệ mới làm cho lao động giá rẻ không còn hấp dẫn các nhà đầu tư, thúc đẩy luồng dịch chuyển đầu tư trở lại các nước phát triển đối với các ngành, nghề mới thuộc lĩnh vực công nghệ cao. Cạnh tranh nhân tài ngày càng gay gắt, các nước có thể chế tốt đều tìm cách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao để đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, phát triển các ngành, nghề mới. Ông cha ta đã từng tổng kết: “Hiền tài là nguyên khí của quốc gia”; ngày nay hiền tài càng trở thành vốn quý đặc biệt trong cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Chúng ta cần chuẩn bị sẵn sàng các yếu tố nền tảng, nhất là thể chế tốt, nguồn nhân lực có chất lượng, kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại để tận dụng, nắm bắt cơ hội, chủ động thu hút nguồn lực bên ngoài phù hợp với mục tiêu phát triển đất nước trong thời kỳ mới.

Phải nắm vững quan điểm nội lực là quyết định, ngoại lực là quan trọng, hấp thụ và chuyển hóa ngoại lực thành nội lực khi xây dựng các chương trình, kế hoạch cụ thể thu hút nguồn lực bên ngoài. Nguồn lực bên ngoài chỉ phát huy tác dụng đầy đủ khi chúng ta có đường lối độc lập, tự chủ, có ý chí và khát vọng dân tộc, được thể chế hóa đầy đủ vào

mọi cơ chế, chính sách, pháp luật, nếp nghĩ, cách làm của mỗi cán bộ lãnh đạo, quản lý, mỗi doanh nghiệp và mỗi người dân để phát huy cao nhất mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực.

Hệ thống thể chế, luật pháp, cơ chế, chính sách, quy hoạch có chất lượng tốt vừa tạo sức hấp dẫn, nâng cao vai trò dẫn dắt trong thu hút đầu tư, vừa hạn chế các thua thiệt, bảo vệ tối đa lợi ích quốc gia, dân tộc - cơ sở cho huy động, phát huy hiệu quả nguồn lực bên ngoài.

Hệ thống kết cấu hạ tầng phát triển, mạng lưới logistic thuận tiện, nguồn nhân lực có kỹ năng, lành nghề, có tác phong công nghiệp, giàu tinh thần yêu nước, có khát vọng vươn lên,... chính là những nguồn vốn “đối ứng” quan trọng hàng đầu bảo đảm thành công cho thu hút và sử dụng nguồn lực bên ngoài. Ngoài ra, chúng ta cũng phải hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách, khắc phục các “lỗ hổng” để bảo vệ sản xuất và thị trường trong nước, chống chèn giá, bảo đảm an ninh tài chính, phòng ngừa với các rủi ro khủng hoảng tài chính của đầu tư gián tiếp...

Năm 2020 là năm Việt Nam đảm nhận vai trò Chủ tịch Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), đồng thời là Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2020 - 2021. Cần phải tận dụng cơ hội này để nâng cao hơn nữa vị thế đất nước, tranh thủ các điều kiện quốc tế thuận lợi phục vụ cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trước thời cơ và vận hội mới, để làm tốt những công việc trên đây, đòi hỏi chúng ta phải có quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, nhất là đẩy mạnh cải cách hành chính để khai thông, giải phóng tối đa, huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực, bảo đảm cả nguồn lực vật chất và tinh thần, nguồn lực trong nước và quốc tế được kết nối, vận hành thông suốt, phát huy cao độ, cùng tạo nên động lực mới đưa đất nước phát triển nhanh, bền vững.

TIẾP TỤC XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở NƯỚC TA THEO ĐƯỜNG LỐI ĐẠI HỘI XII CỦA ĐẢNG

NGUYỄN THỊ KIM NGÂN

Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Quốc hội
nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Trong quá trình đổi mới, Đảng ta đã khẳng định nhất quán đường lối xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Đại hội XII của Đảng tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu phải tạo sự chuyển biến tích cực, hiệu quả cao hơn trong thực hiện dân chủ, tuân thủ nguyên tắc pháp quyền trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa phải tiến hành đồng bộ cả lập pháp, hành pháp và tư pháp, gắn với đổi mới hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, đổi mới kinh tế, văn hóa, xã hội; tiếp tục hoàn thiện cơ chế bảo vệ Hiến pháp và pháp luật.

1. Thành tựu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân trong thời gian qua

Gần 35 năm đổi mới, việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng, đánh dấu giai đoạn phát triển mới của sự nghiệp xây dựng nhà

nước kiểu mới - Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, cụ thể là:

Thứ nhất, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước đã có một bước điều chỉnh theo yêu cầu của quá trình chuyển từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung bao cấp sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của bộ máy nhà nước từng bước được cơ cấu lại, tăng cường vai trò, trách nhiệm của cộng đồng; mối quan hệ giữa Nhà nước với công dân dần chuyển từ tư duy lãnh đạo, quyền uy - phục tùng sang tư duy về nhà nước phục vụ; phân định rõ nhiệm vụ quản lý, định hướng của Nhà nước với vai trò sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp; tiếp tục thực hiện chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ với các nước, mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước theo nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi, cùng tồn tại hòa bình, tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, bảo đảm ổn định và phát triển.

Thứ hai, quan điểm và thể chế về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa được bổ sung, hoàn thiện một bước quan trọng và cơ bản. Nguyên tắc tổ chức quyền lực nhà nước được quy định đầy đủ hơn trong Hiến pháp năm 2013. Chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và cơ chế hoạt động của tổ chức bộ máy nhà nước được xác định rõ hơn và có những bước tiến trong hoạt động. Vai trò của pháp luật trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước, trong quản lý xã hội ngày càng được đề cao. Cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước được xác định rõ hơn và trong tổ chức thực hiện đã có những bước tiến nhất định.

Quốc hội có nhiều đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động. Hệ thống pháp luật tiếp tục được hoàn thiện. Hoạt động giám sát của Quốc hội đã tập trung vào những vấn đề bức thiết, quan trọng của đất nước. Việc thảo luận, quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước, các dự án, công trình trọng điểm quốc gia có chất lượng và thực chất hơn.

Chính phủ và các bộ tập trung hơn vào quản lý, điều hành vĩ mô và nồng động giải quyết những vấn đề lớn, quan trọng. Cải cách hành chính tiếp tục được chú trọng và bước đầu đạt kết quả tích cực. Tổ chức thí điểm đổi mới về tổ chức chính quyền địa phương được tập trung chỉ đạo và tổng kết, rút kinh nghiệm.

Nhiều chủ trương, đường lối của Đảng về cải cách tư pháp được thể chế trong Hiến pháp, pháp luật và được triển khai thực hiện nghiêm túc, đạt kết quả quan trọng. Tổ chức bộ máy của tòa án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân, cơ quan hỗ trợ tư pháp tiếp tục được kiện toàn; chất lượng hoạt động có tiến bộ, bảo vệ tốt lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; hạn chế tình trạng oan, sai¹.

Đảng và Nhà nước tiếp tục ban hành nhiều chủ trương, chính sách, pháp luật nhằm phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm thực hiện quyền làm chủ của nhân dân. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân được xác định đầy đủ hơn trong Hiến pháp năm 2013 và trong hệ thống pháp luật mới được ban hành và sửa đổi. Việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở và Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn có tiến bộ. Quyền làm chủ của nhân dân được phát huy tốt hơn trong các lĩnh vực của đời sống xã hội bằng dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện, nhất là trong lĩnh vực chính trị và kinh tế.

Thứ ba, hệ thống pháp luật trong thời gian qua đã tương đối đầy đủ, đồng bộ, điều chỉnh hầu hết các lĩnh vực quan trọng của đời sống xã hội; tính tối cao của Hiến pháp và vị trí quan trọng của các đạo luật trong quản lý nhà nước và xã hội ngày càng được coi trọng. Theo nguyên tắc pháp quyền, Hiến pháp giữ vị trí tối thượng trong hệ thống pháp luật, mọi văn bản quy phạm pháp luật phải phù hợp và không được trái Hiến pháp. Nhận thức được vị trí và vai trò quan trọng của Hiến pháp trong Nhà nước pháp quyền, kể từ khi thực hiện công cuộc đổi mới đất nước (năm 1986) đến nay, Quốc hội đã ba lần tiến hành hoạt động lập hiến để sửa đổi, bổ sung Hiến pháp. Cùng với hoạt động lập hiến, hoạt động

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.171-173.

lập pháp ngày càng được chú trọng, Nhà nước ta đã không ngừng xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, tạo khung pháp lý cho sự phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Hệ thống pháp luật đã cơ bản được hoàn thiện về nội dung và hình thức, số lượng và chất lượng văn bản quy phạm pháp luật. Hiến pháp năm 2013 đánh dấu một bước phát triển mới trong thể chế pháp luật về kinh tế của Việt Nam với việc ghi nhận mạnh mẽ quyền tự do kinh doanh của người dân. Từ năm 2013 đến nay là thời kỳ Việt Nam hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế thế giới, với việc đàm phán một loạt các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới quan trọng, như Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (nay là Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương - CPTPP), các hiệp định thương mại tự do với EU, EFTA, Liên minh thuế quan Nga - Bêlarút - Cadắcxtan... Hiện thực hóa các nguyên tắc mới sửa đổi trong Hiến pháp năm 2013, đồng thời với việc tiếp tục cải cách sâu rộng thể chế pháp luật về kinh tế, làm nền tảng cho giai đoạn phát triển và hội nhập quốc tế tiếp theo, một loạt các văn bản pháp luật quan trọng đã được sửa đổi, bổ sung và ban hành mới, như Bộ luật dân sự, Luật quy hoạch, Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư,... và nhiều đạo luật gắn với các lĩnh vực chuyên biệt (Luật kinh doanh bất động sản, Luật nhà ở, Luật giao thông đường thủy nội địa, Luật xây dựng...).

Thứ tư, sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước là nguyên tắc hiến định: Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng duy nhất lãnh đạo Nhà nước, lãnh đạo xã hội, là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Vị trí, vai trò lãnh đạo của Đảng trong thực tiễn cách mạng Việt Nam là một tất yếu lịch sử khách quan, được khẳng định nhất quán trong các văn kiện đại hội Đảng, được Hiến pháp năm 1980, Hiến pháp năm 1992 và Hiến pháp năm 2013 ghi nhận. Sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước là lãnh đạo chính trị, quyết định phương hướng chính trị của Nhà nước, bảo đảm Nhà nước thực sự là tổ chức thực hiện quyền lực của nhân dân, thực sự của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị

tiếp tục được đổi mới. Việc đổi mới phong cách, lề lối làm việc của các cơ quan lãnh đạo của Đảng từ Trung ương tới cơ sở có bước tiến bộ. Thực hiện chế độ tập thể lãnh đạo đi đôi với phát huy tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của cá nhân, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu. Coi trọng việc phát huy vai trò, trách nhiệm của các tổ chức đảng, đảng viên, cấp ủy viên hoạt động trong các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, nói đi đôi với làm. Có những đổi mới trong việc ra nghị quyết, coi trọng việc lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng. Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính trong Đảng theo hướng giảm bớt thủ tục, giấy tờ, hội họp.

2. Những hạn chế trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay

Bên cạnh những thành tựu đáng ghi nhận trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân trong thời gian qua, vẫn còn có những hạn chế, tồn tại cần tiếp tục quan tâm giải quyết:

Thứ nhất, hệ thống pháp luật chưa đồng bộ, thống nhất, vẫn còn tình trạng có nhiều văn bản chồng chéo, mâu thuẫn. Một số luật được ban hành nhưng chất lượng chưa cao, chưa sát với cuộc sống, tính khả thi thấp, phải điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung nhiều lần. Một số luật cụ thể hóa Hiến pháp về quyền con người chưa được ban hành kịp thời. Một số luật còn nhiều quy định mang tính nguyên tắc, thiếu cụ thể nên khi có hiệu lực chưa được thi hành ngay mà phải chờ văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn cụ thể.

Thứ hai, tổ chức, hoạt động của bộ máy nhà nước vẫn còn nhiều bất cập. Quốc hội mặc dù hoạt động ngày càng dân chủ và hiệu quả hơn, nhưng kết quả trên một số mặt hoạt động lập pháp, giám sát và quyết định vẫn đề quan trọng của đất nước vẫn chưa đáp ứng sự kỳ vọng của nhân dân, tính chuyên nghiệp còn hạn chế, tỷ lệ đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách còn thấp (tỷ lệ này trong nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIV

là 34,15%). Tổ chức bộ máy trong các cơ quan của Quốc hội chưa được sắp xếp hợp lý, tương xứng với nhiệm vụ được giao, chế độ bầu cử đại biểu Quốc hội chậm được đổi mới, cơ chế hoạt động của các đại biểu Quốc hội và Đoàn đại biểu Quốc hội có mặt còn chưa được quy định rõ... Một số quy định của Hiến pháp về chức năng, nhiệm vụ và mối quan hệ giữa Chủ tịch nước và các cơ quan khác vẫn chậm được cụ thể hóa. Chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ và của các cơ quan hành chính nhà nước trên một số lĩnh vực chưa rõ; việc phân định chức năng, thẩm quyền quản lý, điều hành tập thể Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ chưa thật rõ ràng, rành mạch.

Bộ máy chính phủ tuy giảm số bộ, nhưng số lượng đơn vị đầu mối trong từng bộ lại có xu hướng tăng; cơ cấu bên trong của các bộ, cơ quan ngang bộ chưa được sắp xếp hợp lý. Việc tổ chức hệ thống tòa án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân đã được đổi mới một bước theo Hiến pháp năm 2013 nhưng vẫn còn nhiều bất cập về cấu trúc bên trong. Mô hình tổ chức chính quyền địa phương chưa được đổi mới mang tính đột phá, chưa thật sự phù hợp với đặc điểm của nông thôn, đô thị, hải đảo; bộ máy tổ chức chưa thật sự tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; trách nhiệm giải trình của các cấp chính quyền chưa được quy định rõ ràng.

Thứ ba, việc thực hiện quyền làm chủ của nhân dân còn có những hạn chế. Quyền làm chủ của nhân dân ở một số nơi, trên một số lĩnh vực còn bị vi phạm; còn tình trạng “vừa thiếu dân chủ, vừa thiếu kỷ cương”. Trong xã hội còn không ít biểu hiện mất dân chủ, hoặc dân chủ cực đoan¹; việc thực hành dân chủ có nơi, có lúc còn mang tính hình thức. Cơ chế bảo đảm thực hiện quyền kiểm tra, giám sát của nhân dân vẫn chưa được tạo lập đầy đủ; khả năng kiểm soát quyền lực nhà nước từ phía nhân dân còn hạn chế. Việc bảo đảm dân chủ trong bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu hội đồng nhân dân các cấp có nơi, có lúc chưa được tổ chức, thực hiện tốt. Việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở có

1. Đảng Cộng sản Việt Nam - Ban Chấp hành Trung ương - Ban Chỉ đạo tổng kết: *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986 - 2016)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015, tr.151.

mặt còn hình thức, chưa thực sự phát huy được vai trò, trách nhiệm của người dân.

Việc tổ chức thực hiện pháp luật còn yếu, có nơi, có lúc còn chưa xử lý nghiêm các hành vi xâm phạm quyền con người, quyền công dân từ phía cơ quan công quyền, đặc biệt là việc xét xử oan, sai tuy không nhiều, nhưng có những vụ, việc nghiêm trọng, ảnh hưởng lớn đến quyền con người, niềm tin của người dân đối với nền hành chính, nền tư pháp.

Thứ tư, sự lãnh đạo của Đảng đối với việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa còn có những mặt hạn chế. Đổi mới phong cách lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội còn chậm. Vai trò của các tổ chức đảng, đảng viên, cấp ủy viên hoạt động trong các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội chưa thực sự được phát huy; một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa gương mẫu trước nhân dân... Tình trạng ban hành nhiều nghị quyết chưa được khắc phục; một số nghị quyết nội dung thiếu tính khả thi, chưa tính kỹ nguồn lực và điều kiện thực hiện. Việc lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện nghị quyết chưa thật tập trung; một số nghị quyết chậm đi vào cuộc sống. Một bộ phận cán bộ, đảng viên còn có biểu hiện quan liêu, cửa quyền, chưa thật sự sâu sát thực tế, cơ sở. Tình trạng nói không đi đôi với làm, nói nhiều làm ít chậm được khắc phục¹.

Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của không ít tổ chức đảng còn thấp, thậm chí có nơi mất sức chiến đấu. Công tác tổ chức, cán bộ và quản lý cán bộ, đảng viên còn yếu kém. Nhiều cán bộ, đảng viên, trong đó có người đứng đầu chưa thể hiện tính tiên phong, gương mẫu... Công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng chưa đủ sức răn đe, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái². Việc sắp xếp, bố trí, phân công, bổ nhiệm, giới thiệu

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.197.

2. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Sđd, tr.22-23.

cán bộ ứng cử vẫn còn tình trạng đúng quy trình nhưng chưa đúng người, đúng việc. Tình trạng bổ nhiệm cán bộ không đủ tiêu chuẩn, điều kiện, trong đó có cả người nhà, người thân, họ hàng, “cánh hẩu” xảy ra ở một số nơi, gây bức xúc trong dư luận xã hội¹.

3. Tiếp tục xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong thời gian tới

Để tiếp tục triển khai thực hiện các quan điểm, mục tiêu của Đại hội XII về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị, trong thời gian tới cần chú trọng các phương hướng, nhiệm vụ sau đây:

Một là, tăng cường và phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa.

- Đổi mới nhận thức và hành động về mối quan hệ giữa Nhà nước và công dân, trong đó phải đặt người dân vào vị trí trung tâm trong mọi hoạt động của bộ máy nhà nước, toàn bộ hoạt động của bộ máy nhà nước phải được tổ chức trên nền tảng “phục vụ nhân dân”. Với tinh thần đó, bộ máy nhà nước cần phải được tổ chức gọn nhẹ, rõ ràng về chức năng, cụ thể về quyền hạn và trách nhiệm; tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước từ Trung ương đến địa phương phải tạo điều kiện để người dân dễ tiếp cận, dễ đối thoại, dễ kiểm tra, giám sát; huy động được tối đa trí tuệ, sáng kiến và sự đóng góp của người dân tham gia quản lý nhà nước và xã hội. Nhà nước phải bảo đảm và phát huy được quyền làm chủ thực sự của người dân, nhất là quyền tham gia xây dựng chính sách, quyền lựa chọn người đại diện cho mình và quyền sở hữu tài sản hợp pháp. Quyền làm chủ phải đi đôi với trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân mà trước hết là phải tuân thủ pháp luật. Hoàn thiện cơ chế để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện việc phản biện xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2018, tr.49.

con người, tôn trọng và thực hiện các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam là thành viên.

- Tăng cường tương tác giữa các cơ quan trong bộ máy nhà nước và giữa bộ máy nhà nước với các tổ chức chính trị - xã hội và người dân. Mở rộng đối thoại giữa Nhà nước với người dân và doanh nghiệp bằng nhiều hình thức, tăng cường trách nhiệm giải trình và lắng nghe dân, để Nhà nước, cán bộ, công chức gần dân hơn và chủ trương, chính sách, pháp luật sát với thực tiễn hơn. Đẩy mạnh phân cấp, phát huy chủ động, sáng tạo của cấp dưới, đồng thời bảo đảm quản lý thống nhất của cả hệ thống. Tăng cường dân chủ ở cơ sở; mở rộng các hình thức dân chủ trực tiếp để người dân tham gia công việc của Nhà nước một cách thiết thực, phù hợp. Tăng cường quyền giám sát của các cơ quan dân cử, quyền giám sát của công dân đối với Đảng, Nhà nước và cán bộ, công chức theo đúng tinh thần của Hiến pháp, pháp luật.

Hai là, tiếp tục nghiên cứu đổi mới tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước.

Trên tinh thần cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp năm 2013, thể chế hóa Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, việc đổi mới về tổ chức bộ máy cần tập trung vào một số vấn đề sau đây:

- Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả. Hoạt động lập pháp của Quốc hội phải chuyển trọng tâm từ quy định quyền của bộ máy nhà nước sang xác định nghĩa vụ, trách nhiệm của các cơ quan này, từ quyền cho phép của công quyền sang ghi nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền của công dân trong mỗi quan hệ với Nhà nước. Phát huy dân chủ hơn nữa trong phương thức hoạt động của Quốc hội, tăng cường tranh luận, phản biện, giám sát, đưa ra các quyết định dưới hình thức luật.

- Tiếp tục nghiên cứu làm rõ hơn trách nhiệm của Chủ tịch nước để thực hiện đầy đủ chức năng nguyên thủ quốc gia theo yêu cầu Nhà nước

pháp quyền, thay mặt Nhà nước về đối nội, đối ngoại và thống lĩnh các lực lượng vũ trang nhân dân, góp phần bảo đảm sự cân bằng trong thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

- Tiếp tục kiện toàn tổ chức và hoạt động của Chính phủ theo hướng tinh gọn, hợp lý, hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu xây dựng nền hành chính dân chủ, hiện đại. Phân định cụ thể nhiệm vụ và quyền hạn của tập thể, cá nhân trong tổ chức và hoạt động của Chính phủ theo hướng: Thủ tướng Chính phủ phải chịu trách nhiệm chung về hoạt động điều hành, quản lý nhà nước của Chính phủ; từng bộ trưởng chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về lĩnh vực do mình phụ trách. Tập trung đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tạo sự chuyển biến căn bản trong mối quan hệ giữa cơ quan hành chính với người dân và doanh nghiệp, phát huy mạnh mẽ dân chủ, tạo điều kiện để người dân và xã hội tham gia hoạt động quản lý của Chính phủ và các cơ quan trong bộ máy hành chính.

- Hoàn thiện cơ chế bảo đảm tính độc lập của hoạt động tư pháp, trong đó tòa án có quyền và có trách nhiệm chỉ căn cứ vào Hiến pháp và pháp luật để ra các phán quyết, không chịu bất kỳ sự can thiệp nào từ phía các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức nhà nước. Trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, chỉ duy nhất tòa án có chức năng xét xử, mọi cá nhân, cơ quan, tổ chức phải có trách nhiệm tôn trọng phán quyết của tòa án. Đồng thời, cần nghiên cứu để tổ chức lại hoạt động kiểm sát, điều tra, thi hành án tương ứng với chức năng, nhiệm vụ để vừa có sự phân công, phối hợp, vừa kiểm soát lẫn nhau.

- Với sự bổ sung nguyên tắc kiểm soát quyền lực nhà nước giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp trong Hiến pháp năm 2013, cần nghiên cứu cụ thể những cơ chế kiểm soát quyền lực song song với việc tiếp tục duy trì cơ chế giám sát, kiểm tra giữa các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp, giữa cơ quan trung ương và địa phương; từng bước thực hiện cơ chế trưng cầu ý dân để góp phần phát huy hơn nữa vai trò của nhân dân trong việc quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước, qua đó thực hiện kiểm soát quyền lực nhà nước.

- Tiếp tục nghiên cứu đổi mới mô hình chính quyền địa phương theo đúng yêu cầu của Hiến pháp. Xác định rõ cơ chế phân cấp, phân quyền giữa Trung ương và địa phương trên từng ngành, lĩnh vực nhằm phát huy quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của địa phương trong phạm vi được phân cấp, phân quyền.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất, năng lực và tính chuyên nghiệp cao; có quy hoạch, kế hoạch tổng thể về xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức về bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, quản lý nhà nước. Người đứng đầu cơ quan hành chính phải chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao và phải được trao quyền quyết định tương ứng về tổ chức cán bộ.

Ba là, xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

- Tiếp tục đổi mới mô hình tổ chức, hình thức, phương thức hoạt động của cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương nhằm hướng tới một bộ máy nhà nước tinh gọn về tổ chức, hiệu quả trong hoạt động, đáp ứng ngày càng tích cực hơn các yêu cầu của sự phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân phù hợp với các chuẩn mực về chế độ pháp quyền theo định hướng cụ thể hóa Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Kế thừa thành tựu của Quốc hội khóa XIII trong việc thể chế hóa các quy định của Hiến pháp năm 2013 về quyền con người, quyền công dân, tiếp tục hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về quyền con người, quyền công dân được thừa nhận, tôn trọng và bảo vệ theo Hiến pháp năm 2013 và các công ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam là thành viên.

- Tiếp tục sửa đổi, bổ sung hoàn thiện và ban hành mới các đạo luật để hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa theo quan điểm lấy lợi ích của người dân làm trọng tâm của sự

điều chỉnh pháp luật, bảo đảm người dân được quyền tự do kinh doanh trong các ngành, nghề mà pháp luật không cấm. Hoàn thiện các quy định pháp luật để thúc đẩy sự phát triển kinh tế tư nhân, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ, đa dạng các hình thức hợp tác đầu tư..., sửa đổi các luật liên quan đến quyền tự do kinh doanh, quản lý thương mại, đầu tư, ngân sách, thuế, phát triển các loại thị trường... Chú trọng hoàn thiện pháp luật về môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, pháp luật trong các lĩnh vực văn hóa, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, an sinh xã hội, an ninh, quốc phòng.

- Tiếp tục nghiên cứu đổi mới hoàn thiện quy trình lập pháp theo hướng: chú trọng đến chất lượng và tính khả thi của các dự án luật; tiếp tục đổi mới tư duy trong hoạt động lập pháp, đổi mới quy trình lập pháp; chú trọng nâng cao chất lượng, tính khả thi của các đạo luật, từng bước áp dụng kỹ thuật lập pháp tiên tiến vào công tác xây dựng dự thảo; chủ động thu hút sự tham gia của các nhà khoa học, các chuyên gia, đa dạng hóa các hình thức lấy ý kiến nhân dân, tham khảo cộng đồng để góp phần nâng cao chất lượng của từng đạo luật khi được Quốc hội thảo luận, thông qua.

Bốn là, tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và hệ thống chính trị.

- Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị, đặc biệt là với Nhà nước. Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng các chủ trương, chính sách lớn, lãnh đạo thể chế hóa các quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng thành chính sách, pháp luật, lãnh đạo xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đủ phẩm chất và năng lực, lãnh đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách và hệ thống pháp luật; chú trọng lãnh đạo đổi mới, nâng cao chất lượng lập pháp, cải cách hành chính và cải cách tư pháp. Các tổ chức của Đảng và đảng viên phải gương mẫu tuân thủ Hiến pháp và pháp luật. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, tôn trọng nguyên tắc hiệp thương dân chủ

trong tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Phát huy mạnh mẽ vai trò, hiệu lực của Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội, xây dựng hệ thống chính trị hoạt động năng động, có hiệu lực và hiệu quả.

- Tiếp tục cụ thể hóa phương thức lãnh đạo của Đảng đã được xác định trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)* ở tất cả các cấp bằng những quy chế, quy định, quy trình cụ thể. Quy định rõ hơn Đảng phục vụ nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân về những quyết định của mình; xây dựng phong cách làm việc khoa học, tập thể, dân chủ, gần dân, trọng dân, vì dân, bám sát thực tiễn, nói đi đôi với làm; tiếp tục tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về đảng cầm quyền, xác định rõ mục đích cầm quyền, phương thức cầm quyền, nội dung cầm quyền, điều kiện cầm quyền, vấn đề phát huy dân chủ trong điều kiện một đảng duy nhất cầm quyền; coi trọng xây dựng văn hóa trong các tổ chức đảng, cơ quan nhà nước, trong hệ thống chính trị mà nội dung quan trọng là tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; bảo đảm thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, đi đôi với phát huy vai trò, trách nhiệm, tính chủ động của người đứng đầu và cơ chế xử lý người đứng đầu khi vi phạm. Quy định rõ hơn thẩm quyền, trách nhiệm của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cấp ủy và ban thường vụ cấp ủy các cấp. Đẩy mạnh việc phân cấp, phân quyền; có cơ chế để các địa phương phát huy quyền chủ động, sáng tạo, gắn với đề cao trách nhiệm, đồng thời bảo đảm sự lãnh đạo, quản lý thống nhất của Trung ương.

**TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH
CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
DẪN DẮT, SOI SÁNG SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI,
PHÁT TRIỂN VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC***

TRẦN QUỐC VƯỢNG

Ủy viên Bộ Chính trị,
Thường trực Ban Bí thư

1. Trong không khí hào hùng và xúc động của những ngày tháng Năm lịch sử, kỷ niệm 45 năm giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, 66 năm chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, với tất cả lòng thành kính, chúng ta bày tỏ lòng biết ơn vô hạn đối với công lao trời biển của Chủ tịch Hồ Chí Minh, người sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện Đảng ta, người thầy vĩ đại của cách mạng Việt Nam, Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa kiệt xuất. Người đã hiến dâng trọn đời mình vì độc lập của dân tộc, tự do, hạnh phúc của nhân dân, vì hòa bình, hữu nghị giữa các dân tộc và tiến bộ xã hội trên toàn thế giới. Người là biểu tượng của sự kết hợp hài hòa, đẹp đẽ nhất của văn hóa dân tộc ta và tinh hoa văn hóa nhân loại, giữa chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế trong sáng, rạng ngời cốt cách của một bậc vĩ nhân. Người là biểu tượng sáng ngời của phong trào giải phóng

* Phát biểu khai mạc Hội thảo khoa học cấp quốc gia "Chủ tịch Hồ Chí Minh với sự nghiệp đổi mới, phát triển và bảo vệ Tổ quốc" ngày 08/5/2020.

dân tộc, của hòa bình và hữu nghị giữa các dân tộc trên thế giới. Tư tưởng, cuộc đời và sự nghiệp cách mạng cao cả của Người là cội nguồn và gắn liền với mỗi bước đường phát triển và thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam.

Với tinh thần yêu nước, thương dân sâu sắc, nồng nàn, chứng kiến thất bại liên tiếp của các phong trào yêu nước và các cuộc đấu tranh theo các khuynh hướng khác nhau của nhân dân ta chống thực dân Pháp xâm lược, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã nung nấu quyết tâm ra đi tìm đường cứu nước. Sau nhiều năm bôn ba khắp năm châu, bốn biển, hòa mình vào cuộc sống của nhân dân cần lao ở nhiều nước, vừa lao động, vừa tự mình tìm tòi, nghiên cứu lý luận và thực tiễn cách mạng thế giới, năm 1920, Người đã đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, tìm thấy ở đó con đường cứu nước, con đường giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng giai cấp và giải phóng con người, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Đó là bước phát triển đột phá về tư duy, nhận thức và cũng là sự lựa chọn sáng suốt, đúng đắn con đường cách mạng của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, đáp ứng yêu cầu bức thiết của lịch sử dân tộc ta và phù hợp với xu thế phát triển của thời đại.

Trong hoàn cảnh muôn vàn gian khó, với bản lĩnh phi thường, trí tuệ thiên tài, tầm nhìn vượt thời đại và tài tổ chức lối lạc, Người đã tiếp thu và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn Việt Nam, tích cực và dày công chuẩn bị những điều kiện về chính trị, tư tưởng, tổ chức và cán bộ cho sự ra đời của Đảng ta - một chính đảng cách mạng chân chính, đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam. Với sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam do Người sáng lập vào năm 1930, cùng với Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, đường lối cách mạng Việt Nam đã cơ bản được hình thành, con đường cứu nước của dân tộc Việt Nam cơ bản được xác định. Sự đúng đắn ngay từ đầu của tư tưởng, đường lối cách mạng Việt Nam do Người vạch ra đã được thực tiễn chứng minh và khẳng định. Và chính trong quá trình vận động của cách mạng, tư tưởng, đường lối đó ngày càng được bổ sung, phát triển

và hoàn thiện, trở thành ngọn đuốc mãi mãi rực sáng soi đường cho cách mạng Việt Nam.

Dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam, cách mạng nước ta đã vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách, đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Đó là thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Nhà nước do nhân dân làm chủ đầu tiên trong lịch sử dân tộc. Đó là thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp mà đỉnh cao là chiến thắng Điện Biên Phủ “lùng lẫy năm châu, chấn động địa cầu”, giải phóng hoàn toàn miền Bắc, xây dựng hậu phương lớn cho công cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà. Đó là thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, kết thúc bằng chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, đưa cả nước vào kỷ nguyên độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đó là thắng lợi bước đầu với những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hội nhập quốc tế mà hiện nay nhân dân ta đang tiến hành.

2. Kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, nghiên cứu, tìm tòi, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của cách mạng Việt Nam, bằng chính sự nghiệp vĩ đại và cuộc đời oanh liệt, đầy hy sinh gian khổ, song vô cùng cao thượng và phong phú, vô cùng trong sáng và đẹp đẽ của mình, Người đã để lại cho chúng ta và các thế hệ mai sau cả một gia tài đồ sộ, một di sản vô cùng quý giá. Đó là thời đại Hồ Chí Minh - thời đại rực rỡ nhất, vinh quang nhất trong lịch sử hàng ngàn năm của dân tộc Việt Nam. Đó là tư tưởng Hồ Chí Minh - hệ thống quan điểm, lý luận toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam: Giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội và con người; về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; về sức mạnh của nhân dân, về khối đại đoàn kết toàn dân tộc; về quyền làm chủ của nhân dân; về xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; về quốc phòng

toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; về xây dựng, phát triển kinh tế và văn hóa, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; về đạo đức cách mạng; về chăm lo, bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau; về xây dựng, chỉnh đốn Đảng,... Đó là các quan điểm và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về tuyệt đối trung thành, kiên định lý tưởng cách mạng, đặt lợi ích của Đảng, của đất nước, dân tộc lên trên hết, trước hết; hết lòng, hết sức phục vụ Tổ quốc, phụng sự nhân dân, tận trung với nước, tận hiếu với dân; hết lòng yêu thương đồng bào, đồng chí, yêu thương con người; cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư; thật sự là công bộc của nhân dân, kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội,... Đó là phong cách Hồ Chí Minh, phản ánh những giá trị cốt lõi trong tư tưởng, đạo đức của Người và được thể hiện vô cùng sinh động, tự nhiên, độc đáo, có sức thu hút, cảm hóa kỳ diệu trong hoạt động, ứng xử hằng ngày. Một phong cách tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo, luôn gắn chặt lý luận với thực tiễn; một phong cách làm việc dân chủ, khoa học, kỹ lưỡng, cụ thể, tới nơi, tới chốn; một phong cách ứng xử văn hóa, tinh tế, đầy tính nhân văn, thấm đậm tinh thần yêu dân, trọng dân, vì dân; một phong cách nói đi đôi với làm, đi vào lòng người; nói và viết ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ làm; một phong cách sống thanh cao, trong sạch, giản dị; một phong cách quần chúng, dân chủ, tự mình nêu gương,...

Đầu năm 1946, khi trả lời các nhà báo quốc tế và cũng là để công bố cho đồng bào trong nước và các nhân sĩ ở nước ngoài, Người nói: “Tôi tuyệt nhiên không ham muốn công danh phú quý chút nào. Bây giờ phải gánh chức Chủ tịch là vì đồng bào ủy thác thì tôi phải gắng sức làm, cũng như một người lính vâng mệnh lệnh của quốc dân ra trước mặt trận. Bao giờ đồng bào cho tôi lui, thì tôi rất vui lòng lui. Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tốt bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành. Riêng phần tôi thì làm một cái nhà nhỏ nho, nơi có non xanh, nước biếc để câu cá, trồng hoa, sớm chiều làm bạn với các cụ già hái củi, em trẻ chăn trâu, không dính líu gì

với vòng danh lợi”¹. Lời nói của Người vừa rất giản dị, khiêm tốn, vừa tràn đầy tình cảm, trách nhiệm trước Tổ quốc, nhân dân trong tư cách nguyên thủ quốc gia một nước mới giàn được độc lập.

Tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh vô cùng trong sáng và cao thượng. Người không chỉ là một nhà tư tưởng lỗi lạc về văn hóa, sáng tạo ra một nền văn hóa mới - văn hóa cách mạng Việt Nam, kiến tạo ra một thời đại mới trong lịch sử phát triển của nền văn hóa dân tộc, mà chính bản thân Người, cuộc sống của Người, những việc làm bình thường hằng ngày của Người là hiện thân của nền văn hóa Việt Nam, là mẫu mực của con người Việt Nam. Tư tưởng, tâm hồn, cốt cách của Người là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế trong sáng, kết tinh những giá trị văn hóa phương Đông và phương Tây, truyền thống và hiện đại, dân tộc và quốc tế. Từ Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại đã tỏa ra ánh sáng văn hóa thấu tận tương lai. Theo tiến trình lịch sử, những điều tưởng như bình thường, giản dị trong cuộc sống và công việc hằng ngày của Người càng trở nên lớn lao, có giá trị nhân văn vô cùng sâu sắc, vượt thời đại.

Một minh chứng về ý tưởng đi trước thời đại của Bác và đã được chính Bác luôn gương mẫu thực hiện hằng ngày, đó là Bác đã hết sức chú trọng vấn đề bảo vệ môi trường, Người đã khởi xướng và phát động Tết trồng cây vào mỗi mùa xuân hằng năm để cho đất nước ta “càng ngày càng xuân”. Ý tưởng đó của Bác đã trở thành giá trị văn hóa, truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta, nhân dân ta và hiện nay càng có tầm vóc lớn lao và ý nghĩa thời đại sâu sắc.

3. Ngay từ khi chuẩn bị thành lập Đảng, cho đến trước lúc đi xa, mỗi quan tâm hàng đầu của Chủ tịch Hồ Chí Minh là xây dựng Đảng và Người đặc biệt nhấn mạnh phải quan tâm xây dựng Đảng về đạo đức. Người thường xuyên nhắc nhở, Đảng cách mạng phải có đạo đức cách mạng làm nền tảng mới lãnh đạo được nhân dân, cũng như cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo, sông phải có nguồn mới có nước, không có

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.187.

nguồn thì sông cạn. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân. Đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên không phải từ trên trời sa xuống, mà do tu dưỡng, rèn luyện bền bỉ mà thành, “như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong”¹. Trong *Di chúc*, Người căn dặn: “Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người dày tớ thật trung thành của nhân dân”².

Những chỉ dạy của Người vừa là sự tổng kết sâu sắc về lý luận, vừa là những vấn đề mang tính nguyên tắc để Đảng ta luôn là đảng mácxít chân chính, “là đạo đức, là văn minh”, đại biểu cho trí tuệ, lương tâm và phẩm giá của dân tộc Việt Nam. Đây chính là nguyên tắc và là mục tiêu để chúng ta kiên trì xây dựng Đảng ta luôn trong sạch, vững mạnh, giữ vững, nâng cao vai trò lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, của từng cấp ủy, tổ chức đảng, của đội ngũ cán bộ, đảng viên, làm cho mỗi chi bộ, mỗi đảng viên đều làm tròn nhiệm vụ của Đảng giao phó, tạo nên sức mạnh đoàn kết, thống nhất, quy tụ lực lượng, củng cố và nâng cao niềm tin của nhân dân đối với Đảng, với chế độ.

Sau gần 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử và đang phát triển mạnh mẽ, toàn diện. Thế và lực, sức mạnh tổng hợp quốc gia, uy tín quốc tế của đất nước ngày càng được nâng cao, tạo ra những tiền đề quan trọng để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Những thành tựu đó khẳng định sự đúng đắn trong đường lối đổi mới của Đảng ta, đáp ứng được nhu cầu, nguyện vọng của nhân dân, phù hợp với thực tiễn trong nước và thế giới; là minh chứng rõ ràng nhất về những giá trị to lớn, soi sáng, dẫn đường của tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, đồng thời cũng thể hiện tầm vóc trí tuệ và bản lĩnh của Đảng ta trong việc vận

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t11, tr.612.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t15, tr.622.

dụng sáng tạo và bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng của Người trong sự nghiệp đổi mới, phát triển đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Với những thành tựu đã đạt được, bên cạnh những thuận lợi, thời cơ lớn, chúng ta nhận thức sâu sắc rằng, cách mạng nước ta đang đứng trước những khó khăn, thách thức lớn. Bốn nguy cơ đã được Đảng ta chỉ ra vẫn còn hiện hữu, có mặt còn gay gắt hơn. Nguy cơ rơi vào “bẫy thu nhập trung bình” vẫn là thách thức lớn. Tham nhũng, lãng phí, quan liêu, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ cũng như những mâu thuẫn xã hội còn diễn biến phức tạp. Các thế lực thù địch tiếp tục tăng cường chống phá Đảng, Nhà nước và đất nước ta. Bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, lợi ích chiến lược của đất nước; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phòng, chống dịch bệnh, thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu là những thách thức rất lớn đã, đang và sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến nước ta. Hơn lúc nào hết, càng đứng trước nhiều khó khăn, thách thức, chúng ta càng phải thấm nhuần sâu sắc và thực hiện thật tốt những di huấn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, càng ý thức được yêu cầu phải vững vàng, kiên định, tiếp tục vận dụng đúng đắn, sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn sinh động của đất nước và thế giới hiện nay.

Vừa qua, trong điều kiện kinh tế đất nước còn khó khăn, cơ sở vật chất kỹ thuật y tế còn hạn chế, chúng ta đã phát huy được sức mạnh ưu việt của hệ thống chính trị và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, đạt được thành công bước đầu rất quan trọng, đối phó hiệu quả với dịch bệnh Covid-19, được nhân dân đồng tình, ủng hộ và cộng đồng quốc tế đánh giá cao. Đây là minh chứng tiêu biểu, sinh động về sức mạnh của sự thống nhất giữa ý Đảng và lòng dân; về sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng; từ đó, chúng ta có thêm động lực, niềm tin và khát vọng đổi mới, phát triển đất nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, sánh vai với các cường quốc năm châu như sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh hàng mong muốn.

4. Kỷ niệm 130 năm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, với tinh thần đổi mới và phát triển, chúng ta cần nhận thức, thấm nhuần, làm sâu sắc hơn một số vấn đề sau:

Thứ nhất, làm rõ hơn, sâu sắc hơn những cống hiến vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng ta, dân tộc ta, nhân dân ta và đối với nhân loại; làm rõ hơn, sâu sắc hơn nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh, đặc biệt là tư tưởng của Người về đổi mới, phát triển đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; tiếp tục khẳng định, làm nổi bật nhân cách và phẩm chất cao quý, tấm gương đạo đức, phong cách của Người. Qua đó khẳng định mạnh mẽ giá trị to lớn và trường tồn của di sản vô giá mà Người để lại cho Đảng ta, dân tộc ta, đó là thời đại Hồ Chí Minh, tư tưởng Hồ Chí Minh và tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Thứ hai, làm rõ hơn sự vận dụng sáng tạo, bổ sung, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng ta trong tiến trình cách mạng Việt Nam, nhất là trong công cuộc đổi mới, phát triển và bảo vệ Tổ quốc hiện nay; làm rõ hơn những thành tựu của công cuộc đổi mới, phát triển và bảo vệ đất nước ta, từ đó khẳng định mạnh mẽ sự lãnh đạo của Đảng ta trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Đồng thời, từ thực tế của cơ quan, địa phương, đơn vị, chia sẻ những kinh nghiệm hay, bài học quý trong việc đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, thiết thực góp phần xây dựng, chỉnh đốn Đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh.

Thứ ba, phân tích, làm rõ bối cảnh trong nước và quốc tế hiện nay, yêu cầu đổi mới, phát triển đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới, từ đó nhận thức sâu sắc hơn ý nghĩa, tầm quan trọng và phương hướng kế thừa, phát huy di sản Hồ Chí Minh, đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; kiên định, vận dụng sáng tạo, bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác có hiệu quả các quan điểm sai trái, thù địch; củng cố niềm tin

trong Đảng, trong nhân dân về lý tưởng, mục tiêu cao đẹp mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn.

Dân tộc ta, đất nước ta, Đảng ta biết ơn vô hạn đối với công lao như trời biển của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Chúng ta nguyện kế tục trung thành, kế thừa xuất sắc và không ngừng phát triển sự nghiệp cách mạng của Người, tuyệt đối trung thành với lý tưởng cách mạng, vững bước đi lên trên con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội - con đường vinh quang mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta và nhân dân ta đã lựa chọn.

Để hoàn thành được trọng trách, sứ mệnh lịch sử to lớn đó, từng cấp ủy, tổ chức đảng, mỗi cán bộ, đảng viên luôn khắc ghi trong tâm khảm của mình lời căn dặn của Người: “Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người dày tớ thật trung thành của nhân dân”¹; “giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”², thường xuyên và nghiêm chỉnh thực hành tự phê bình và phê bình; đề cao dân chủ và thực hành dân chủ rộng rãi, đồng thời đề cao và giữ gìn kỷ luật, kỷ cương của Đảng trên tình thương yêu đồng chí, lấy đó là “chìa khóa vạn năng” để giải quyết mọi vấn đề trong thực hiện nhiệm vụ cách mạng, nhất là trong vận động, tập hợp lực lượng, phát huy sức mạnh và quyền làm chủ của nhân dân.

Thực hiện di huấn của Người, chúng ta quyết tâm xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, tổ chức thành công đại hội đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, triển khai thực hiện nhiệm vụ, vượt qua khó khăn, thách thức để hoàn thành trọng trách trước Đảng và nhân dân, chuẩn bị tiền đề bước vào nhiệm kỳ mới với ý chí, niềm tin và sức mạnh mới, “toute Đảng, toàn dân và toàn quân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh” như Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhân dân ta hàng mong muốn.

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.15, tr.622.

TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN - GIÁ TRỊ ĐÍCH THỰC, SỨC SỐNG BỀN VỮNG VÀ Ý NGHĨA THỜI ĐẠI

VÕ VĂN THƯỞNG

Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng,
Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương

Cách đây hơn 170 năm, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* do C. Mác và Ph. Ăngghen soạn thảo, được xuất bản lần đầu tại Anh. Đây là tác phẩm có giá trị lý luận và thực tiễn to lớn đối với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế nói riêng, đối với sự phát triển của thế giới, sự tiến bộ của nhân loại nói chung; là “tác phẩm phổ biến hơn cả, có tính chất quốc tế hơn cả, trong tất cả các văn phẩm xã hội chủ nghĩa, đó là cương lĩnh chung của hàng triệu công nhân tất cả các nước...”¹.

Sự ra đời *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* là bước ngoặt quyết định đối với sự phát triển của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế; đánh dấu sự hình thành về cơ bản lý luận của chủ nghĩa Mác. Đó là kết quả của sự kết hợp giữa thành quả nghiên cứu khoa học với việc tổng kết thực tiễn phong trào cách mạng của giai cấp công nhân châu Âu giữa thế kỷ XIX của hai nhà tư tưởng vĩ đại C. Mác và Ph. Ăngghen.

Sau khi được công bố, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, với tư cách là Cương lĩnh của Liên đoàn những người cộng sản quốc tế, đã nhanh

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.22, tr.98.

chóng đi vào quần chúng và trở thành một văn kiện mang tính lý luận, định hướng cho phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, một trong những tác phẩm kinh điển quan trọng nhất của chủ nghĩa Mác nói riêng, chủ nghĩa Mác - Lenin nói chung.

Thời gian đã lùi rất xa, song giá trị to lớn và sức sống lâu bền của Tuyên ngôn vẫn ngời sáng, bởi nội dung mang tính khoa học, cách mạng và nhân văn sâu sắc.

Trong Tuyên ngôn, với thế giới quan duy vật và sử dụng phương pháp biện chứng để nghiên cứu lịch sử nhân loại, C. Mác và Ph. Ăngghen đã luận giải hết sức cô đọng, khoa học và thuyết phục về quy luật khách quan của sự phát triển xã hội loài người; về quá trình phát sinh, phát triển và sự tất yếu diệt vong của chủ nghĩa tư bản; về vai trò, sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản; về mục đích của Đảng Cộng sản, mối quan hệ giữa Đảng Cộng sản với giai cấp vô sản cũng như chiến lược, sách lược của Đảng Cộng sản trong quá trình lãnh đạo cách mạng xã hội chủ nghĩa để tiến tới một xã hội không còn giai cấp, không còn nhà nước - một liên hiệp của người lao động mà ở đó “sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người”¹.

Đúng như V.I. Lenin đã đánh giá, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* là tác phẩm “trình bày một cách hết sức sáng suốt và rõ ràng thế giới quan mới, chủ nghĩa duy vật triết để - chủ nghĩa duy vật này bao quát cả lĩnh vực sinh hoạt xã hội - phép biện chứng với tư cách là học thuyết toàn diện nhất và sâu sắc nhất về sự phát triển, lý luận đấu tranh giai cấp và vai trò cách mạng - trong lịch sử toàn thế giới - của giai cấp vô sản, tức là giai cấp sáng tạo ra một xã hội mới, xã hội cộng sản”².

Khi đọc *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, chúng ta tìm thấy ở đó những nguyên lý cơ bản nhất của cả ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác là triết học, kinh tế chính trị học và chủ nghĩa xã hội khoa học.

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.628.

2. V.I. Lenin: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.26, tr.57.

Những nguyên lý ấy “tuyệt nhiên không dựa trên những ý niệm, những nguyên lý do một nhà cải cách thế giới nào phát minh hay phát hiện ra. Những nguyên lý ấy chỉ là biểu hiện khái quát của những quan hệ thực tại của một cuộc đấu tranh giai cấp hiện có”¹.

Phản ánh đúng quy luật phát triển của hiện thực, định hướng cho Đảng của giai cấp vô sản lãnh đạo đấu tranh theo quy luật đó để giải phóng con người, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* đã trở thành ngọn cờ tư tưởng, lý luận, soi đường, dẫn lối cho phong trào cách mạng của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức, bóc lột trên phạm vi toàn thế giới đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Dưới ánh sáng của *Tuyên ngôn*, từ cuối thế kỷ XIX đến những năm 80 của thế kỷ XX, các cuộc cách mạng vô sản dù phải trải qua nhiều cam go, nhưng đã giành được nhiều thắng lợi to lớn. Đó là Công xã Paris năm 1871 - cuộc cách mạng vô sản đầu tiên trên thế giới, đã dẫn tới sự ra đời chính quyền của giai cấp công nhân và đã để lại những bài học kinh nghiệm vô giá cho phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Đó là thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại năm 1917 - cuộc cách mạng đã mở ra thời đại mới trong lịch sử nhân loại - thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Đó là thành tựu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô; là thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi, Mỹ Latinh và hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới ra đời; là sự phát triển không ngừng của phong trào giải phóng dân tộc, phong trào đấu tranh cho dân chủ, tiến bộ và hòa bình trên thế giới.

Những thắng lợi to lớn của các cuộc cách mạng vô sản, của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế đã chứng tỏ rằng, thế giới đã có những biến chuyển hết sức to lớn theo hướng mà *Tuyên ngôn* đã dự báo. Tư tưởng *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* đã trở thành hiện thực sinh động trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng loài người. Tư tưởng của *Tuyên ngôn*, tư tưởng của chủ nghĩa

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.615.

Mác - Lenin đã vạch ra con đường cách mạng vô sản, đưa hàng tỷ quần chúng lao động, hàng trăm quốc gia, dân tộc thoát khỏi thân phận bị áp bức, bóc lột, nô dịch vươn tới địa vị làm chủ, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc. *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* đã khẳng định được giá trị to lớn đối với sự phát triển của thế giới, sự tiến bộ của nhân loại.

Song, cũng như C. Mác và Ph. Ăngghen đã khẳng định, phát triển không diễn ra theo đường thẳng mà là một quá trình quanh co, phức tạp. Sự phát triển của cách mạng vô sản cũng không nằm ngoài quy luật ấy. Sau nhiều thắng lợi to lớn và thành tựu vĩ đại, từ đầu thập kỷ 90 của thế kỷ XX, mô hình xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ. Đây là một tổn thất lớn đối với phong trào cách mạng thế giới.

Sự sụp đổ này do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó nguyên nhân chủ yếu là do Đảng Cộng sản ở Liên Xô và Đông Âu khi xác lập mô hình chủ nghĩa xã hội cũng như khi cải tổ, cải cách đã xa rời những nguyên lý cơ bản và chủ đạo của *Tuyên ngôn* nói riêng, của chủ nghĩa Mác - Lenin nói chung. Đó là sự sụp đổ của một mô hình chủ nghĩa xã hội giáo điều, xơ cứng, chậm thay đổi trước những biến chuyển to lớn của thời cuộc.

Sự sụp đổ này không dẫn đến “cái chết của chủ nghĩa cộng sản” như ảo tưởng của các lý thuyết gia tư sản, mà các nước xã hội chủ nghĩa hiện nay, trong đó có Việt Nam, đã rút ra được những bài học sâu sắc trong việc nhận thức những tư tưởng, những nguyên lý cơ bản, chủ đạo của *Tuyên ngôn* nói riêng, của chủ nghĩa Mác - Lenin nói chung để vận dụng đúng đắn, phát triển sáng tạo, phù hợp với điều kiện, đặc điểm của đất nước, của dân tộc mình và xu thế thời đại như C. Mác và Ph. Ăngghen đã căn dặn: “bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào việc áp dụng những nguyên lý đó cũng phải tùy theo hoàn cảnh lịch sử đương thời”¹.

Những thành tựu to lớn trong công cuộc cải cách, đổi mới ở Trung Quốc, Việt Nam trong vài thập kỷ gần đây và sự vững vàng của Cuba trước sự bao vây, cấm vận của Mỹ cùng với sự xuất hiện các trào lưu

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.18, tr.128.

xã hội chủ nghĩa mới ở các châu lục và ở ngay trong lòng các nước tư bản chủ nghĩa đã minh chứng giá trị lý luận, thực tiễn và sức sống bền vững của Tuyên ngôn, của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Thời đại ngày nay - thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, đang đổi thay với nhiều diễn biến nhanh chóng, phức tạp và khó lường. Trên thế giới, mặc dù chủ nghĩa xã hội vẫn còn trong giai đoạn thoái trào; chủ nghĩa tư bản còn nhiều tiềm năng, nhưng lý tưởng cao đẹp, xã hội tương lai mà *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* xác định vẫn luôn là khát vọng của nhân loại; quy luật phát triển của xã hội mà Tuyên ngôn đã chỉ ra vẫn là hướng đi của lịch sử, theo đó, cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản, của công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức, bóc lột trên phạm vi toàn thế giới còn nhiều khó khăn, gian khổ nhưng khi “Vô sản tất cả các nước đoàn kết lại” thì “Sự sụp đổ của giai cấp tư sản và thắng lợi của giai cấp vô sản đều là tất yếu như nhau”¹.

Đối với cách mạng Việt Nam, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* có ý nghĩa hết sức đặc biệt. Từ bản *Sơ thảo lần thứ nhất những Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I. Lênin năm 1920 - bản Luận cương phát triển sáng tạo tư tưởng của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* trong điều kiện lịch sử mới, Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã tìm ra con đường giải phóng cho dân tộc Việt Nam và đã sáng lập ra Đảng Cộng sản Việt Nam vào năm 1930.

Được soi sáng bởi tư tưởng *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo nhân dân Việt Nam vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách, huy động được mọi nguồn lực của đất nước, kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh thời đại để giành những thắng lợi vẻ vang và đang vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội. Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn xác định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho mọi hành động của mình. Mục đích cao cả của Đảng Cộng sản

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.613.

Việt Nam hoàn toàn phù hợp với tư tưởng cơ bản và chủ đạo của Tuyên ngôn: đó là giải phóng toàn thể xã hội khỏi ách áp bức bóc lột, thực hiện dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Đảng không có lợi ích nào khác ngoài việc phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân.

Những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam, nhất là những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trong sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước hơn 30 năm qua đã khẳng định con đường cách mạng mà Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhân dân Việt Nam lựa chọn: độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là hoàn toàn đúng đắn; đồng thời cũng khẳng định và thể hiện Đảng Cộng sản Việt Nam luôn kiên định, trung thành, không ngừng vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của đất nước và xu thế thời đại.

Ngày nay, Việt Nam đang trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội với nhiều thời cơ, thuận lợi và cũng có không ít khó khăn, thách thức. Song dưới ánh sáng của Tuyên ngôn, của chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, với tinh thần kiên định - sáng tạo, với truyền thống, phẩm chất và năng lực của mình, Đảng Cộng sản Việt Nam và nhân dân Việt Nam tin tưởng rằng, cách mạng Việt Nam sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ, giành thắng lợi to lớn hơn; công cuộc đổi mới toàn diện, đồng bộ đất nước Việt Nam nhất định sẽ thắng lợi.

Kỷ niệm sự ra đời *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* là dịp chúng ta thêm một lần nữa nhận sâu sắc giá trị đích thực và sức sống bền vững của những tư tưởng cơ bản trong Tuyên ngôn; đồng thời chỉ ra những vấn đề cần bổ sung, hoàn thiện và phát triển những tư tưởng cơ bản đó cho phù hợp với thời đại ngày nay, phù hợp với thành tựu của cách mạng thế giới, thành tựu của khoa học và công nghệ hiện đại, đặc biệt là những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trong công cuộc đổi mới, cải cách ở các nước xã hội chủ nghĩa. Đây cũng là dịp chúng ta nhận diện, đấu tranh, phản bác các trào lưu tư tưởng muốn phủ định giá trị, sức sống bền vững và ý nghĩa thời đại của Tuyên ngôn, góp phần đấu tranh, xóa bỏ mọi áp bức, bất công, xây dựng một xã hội ngày càng tốt đẹp.

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM - TRÍ TUỆ,
BẢN LĨNH, ĐỔI MỚI VÌ ĐỘC LẬP DÂN TỘC
VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI,
XÚNG ĐÁNG VỚI TRUYỀN THỐNG 90 NĂM**

NGUYỄN XUÂN THẮNG

Bí thư Trung ương Đảng,
Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh,
Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương

Mùa Xuân Canh Tý 2020, mùa Xuân khởi đầu thập kỷ thứ ba của thế kỷ XXI, cũng là thời điểm Đảng Cộng sản Việt Nam trải qua chặng đường 90 năm xây dựng, trưởng thành và phát triển. Được Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, với đường lối cách mạng đúng đắn, khoa học và sáng tạo, với đội ngũ đảng viên kiên trung, hết lòng phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo nhân dân ta tạo nên những kỳ tích vang làm rạng danh non sông, đất nước.

Thứ nhất, Đảng thể hiện trí tuệ, bản lĩnh và sức sáng tạo lớn lao trên các chặng đường lịch sử 90 năm qua của cách mạng Việt Nam.

Từ cuối thế kỷ XIX, Việt Nam bị thực dân Pháp xâm lược. Không cam chịu làm nô lệ, nhân dân Việt Nam tập hợp dưới những ngọn cờ yêu nước đã anh dũng đứng lên đấu tranh chống lại ách ngoại xâm, song đều không thành công bởi thiếu một đường lối cách mạng đúng đắn. Từ việc nghiên cứu, tiếp thu và phát triển lý luận cách mạng

thế giới, Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lenin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, đưa phong trào yêu nước Việt Nam đi theo con đường cách mạng vô sản, chuẩn bị toàn diện về chính trị, tư tưởng và tổ chức để thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam vào mùa Xuân năm 1930.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là một tất yếu lịch sử, chấm dứt thời kỳ bế tắc về đường lối, khủng hoảng về lực lượng lãnh đạo, tạo nên một bước ngoặt to lớn của cách mạng Việt Nam, vượt qua những chặng đường đấu tranh oanh liệt, thể hiện trí tuệ, bản lĩnh và sức sáng tạo của Đảng, tạo nên những kỳ tích của dân tộc Việt Nam.

Chỉ mới thành lập được 15 năm, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân ta làm nên thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á, mở ra kỷ nguyên mới của dân tộc Việt Nam - kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Với đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại và đoàn kết quốc tế, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta giành thắng lợi vẻ vang trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, làm nên một Điện Biên Phủ “lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu”. Đảng đã phát huy cao độ trí tuệ và bản lĩnh chính trị, đề ra đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đúng đắn, kết hợp mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; tiến hành đồng thời cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam. Đường lối sáng tạo đó đã khơi dậy sức mạnh của quân, dân cả nước, tranh thủ sự ủng hộ to lớn của bạn bè quốc tế, đánh bại các kế hoạch xâm lược, leo thang chiến tranh của kẻ thù, giành thắng lợi trọn vẹn trong mùa Xuân năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Kiên định với mục tiêu đã chọn, vững vàng trước những biến động của thời cuộc, nhất là khi mô hình chủ nghĩa xã hội Xôviết ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, Đảng ta đã khởi xướng công cuộc đổi mới, chuyển từ

cơ chế kế hoạch hóa tập trung sang cơ chế thị trường, đưa đất nước từng bước thoát ra khỏi khung hoảng kinh tế - xã hội, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử của gần 35 năm đổi mới chứng tỏ nhận thức, lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đã được thực tiễn kiểm nghiệm là đúng đắn; quá trình đổi mới là sản phẩm sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, của nhân dân Việt Nam. Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định nhất đối với những thành tựu của đất nước ta, nhân dân ta trên mỗi chặng đường cách mạng.

Thứ hai, Đảng thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, lãnh đạo công tác xây dựng hệ thống chính trị toàn diện, vững mạnh, ngang tầm nhiệm vụ.

Tự đổi mới, tự chỉnh đốn luôn là một yêu cầu tất yếu khách quan và thường xuyên đối với một đảng cầm quyền. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng chỉ rõ: “Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân”¹.

Từ khi ra đời đến nay, công tác xây dựng Đảng luôn đồng hành với quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng. Nhờ đó, ngay cả khi gặp hoàn cảnh khó khăn, ngặt nghèo, Đảng vẫn vững vàng và phát triển; đội ngũ cán bộ, đảng viên vẫn thường xuyên rèn luyện và trau dồi bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức cách mạng, bền gan chiến đấu, tự lực vươn lên để đưa cách mạng đến thắng lợi.

Từ khi tiến hành công cuộc đổi mới, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng luôn được đẩy mạnh, là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, thường xuyên, bảo đảm Đảng đủ năng lực và sức chiến đấu để gánh vác những nhiệm vụ hết sức mới mẻ và nặng nề. Qua các nhiệm kỳ Đại hội Đảng, nhất là kể từ đầu nhiệm kỳ Đại hội lần thứ XII, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã ban hành nhiều nghị quyết về

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, tr.672.

xây dựng, chỉnh đốn Đảng toàn diện cả về tư tưởng, chính trị, đạo đức, tổ chức, bộ máy và công tác cán bộ. Nhờ đó, công tác xây dựng Đảng thời gian qua đã có nhiều chuyển biến mạnh mẽ, được thực hiện quyết liệt; từng bước ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên; khắc phục bước đầu một số khuyết điểm, hạn chế trong công tác cán bộ, trong việc thực hiện các nguyên tắc của Đảng; góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Thực hiện chủ trương, đường lối lãnh đạo của Đảng, hệ thống chính trị ngày càng được củng cố. Các quan điểm mới về xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa được bổ sung và hoàn thiện qua Cương lĩnh của Đảng, được thể chế hóa trong Hiến pháp năm 2013 và hệ thống pháp luật của Nhà nước. Tổ chức và cơ chế hoạt động của Quốc hội, Chính phủ, hệ thống các cơ quan tư pháp, chính quyền địa phương có những đổi mới và từng bước được hoàn thiện. Hệ thống pháp luật được đổi mới, sửa đổi, bổ sung ngày càng đầy đủ và phù hợp hơn; từng bước tiếp cận với các chuẩn mực pháp lý quốc tế và đi vào cuộc sống. Vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức trong hệ thống chính trị được xác định ngày càng rõ hơn và từng bước được thể chế hóa thành các quy định của pháp luật, thích ứng với quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Phương thức lãnh đạo của Đảng đổi mới các thiết chế trong hệ thống chính trị ngày càng hoàn thiện, phù hợp với bối cảnh phát triển mới của đất nước.

Thứ ba, Đảng lãnh đạo sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và con người Việt Nam đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử.

Trong quá trình lãnh đạo công cuộc đổi mới, Đảng ta nhận thức ngày càng đầy đủ, sát thực tế hơn về mục tiêu, bản chất, đặc trưng của việc phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa; đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, v.v..

Sau gần 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới, quy mô, tiềm lực, sức cạnh tranh của nền kinh tế được nâng lên. Năm 2019, trước nhiều biến động, rủi ro của kinh tế khu vực và thế giới, Việt Nam vẫn giữ được ổn định kinh tế vĩ mô; tăng trưởng GDP đạt trên 7%, cao hơn kế hoạch đề ra; quy mô nền kinh tế đạt trên 262 tỷ USD; thu nhập bình quân đầu người đạt gần 2.800 USD; lạm phát được kiểm soát ở mức dưới 3%; kim ngạch xuất nhập khẩu vượt ngưỡng 500 tỷ USD, xuất siêu hơn 10 tỷ USD¹. Việt Nam lần đầu tiên vươn lên trong nửa trên của bảng xếp hạng năng lực cạnh tranh toàn cầu của Diễn đàn Kinh tế thế giới, đứng vị trí 67/141 nền kinh tế²; được tạp chí *US News & World Report* xếp thứ 8 trong số các nền kinh tế tốt nhất thế giới để đầu tư³. Hàng tin Bloomberg dẫn số liệu từ Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) đánh giá Việt Nam nằm trong nhóm 20 nền kinh tế đóng góp nhiều nhất vào tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2019⁴.

Trong quá trình chuyển đổi sang cơ chế thị trường, Đảng ta luôn nhất quán chủ trương tăng trưởng kinh tế gắn với đảm bảo tiến bộ, công bằng xã hội. Nhờ đó, chính sách xã hội được thực hiện ngày càng tốt hơn, trước hết là chính sách xóa đói, giảm nghèo. Việt Nam được đánh giá là một trong những quốc gia thành công nhất về việc xóa đói, giảm nghèo trong số các quốc gia đang phát triển. Sự nghiệp chăm sóc sức khỏe nhân dân, thực hiện chính sách an sinh xã hội, phổ cập giáo dục có những tiến bộ rõ rệt, thể hiện rõ bản chất tốt đẹp của chủ nghĩa xã hội.

Với mục tiêu xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc và phát triển toàn diện con người Việt Nam, Đảng ta đã cho

-
1. Phát biểu khai mạc của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại Hội nghị Chính phủ với các địa phương, ngày 30/12/2019.
 2. World Economic Forum, Global Competitiveness Report 2019: *How to end a lost decade of productivity growth*, WEF, Geneva Switzerland, 2019.
 3. [Https://www.usnews.com/news/best-countries/best-invest-in](https://www.usnews.com/news/best-countries/best-invest-in).
 4. [Https://www.bloomberg.com/news/articles/2019-10-19/which-20-countries-will-dominate-global-growth-in-2024](https://www.bloomberg.com/news/articles/2019-10-19/which-20-countries-will-dominate-global-growth-in-2024).

thấy một tầm nhìn chiến lược hết sức đúng đắn trong phát triển văn hóa, con người Việt Nam, từng bước đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới và hội nhập quốc tế. Cũng từ rất sớm, Đảng ta đã xác định: “khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo phải được xem là quốc sách hàng đầu”¹, từ đó có chủ trương ưu tiên đầu tư cho khoa học - công nghệ; từng bước tháo gỡ, hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách về khoa học - công nghệ; thực hiện thu hút, trọng dụng, đai ngộ nhân tài; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng có hiệu quả nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Thứ tư, Đảng lãnh đạo công tác quốc phòng, an ninh, đối ngoại, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Từ khi tiến hành công cuộc đổi mới, Đảng đã nhận thức ngày càng đầy đủ, sâu sắc hơn hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; nhận thức rõ hơn, đầy đủ hơn về vai trò lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân. Với việc phân tích, dự báo đúng, sát hợp với tình hình thế giới và đất nước, Đảng ta đã đề ra quan điểm và phương châm chỉ đạo nâng cao sức mạnh tổng hợp để bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, từ khi chưa có nguy cơ trên cơ sở xây dựng thế trận lòng dân vững chắc; xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn chặt với xây dựng nền an ninh nhân dân; linh hoạt trong xử lý các tình huống rủi ro, bất ngờ. Chúng ta đã bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, lợi ích quốc gia dân tộc; bảo vệ Đảng, Nhà nước, bảo vệ nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Đảng ta đã phát triển và ngày càng nâng tầm đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng; là đối tác tin cậy, là thành viên có

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.51, tr.139.

trách nhiệm của cộng đồng quốc tế; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, tạo môi trường thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đến nay, Việt Nam đã có quan hệ ngoại giao với 189 nước trên thế giới, trong đó xác lập nhiều quan hệ đối tác chiến lược, đối tác toàn diện; là thành viên chính thức của nhiều tổ chức quốc tế và khu vực; tham gia nhiều hiệp định thương mại tự do, nhất là các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Việt Nam đã từng bước thiết lập và giữ được quan hệ ổn định, tích cực với các đối tác, từng bước xử lý ổn thỏa các vấn đề tồn tại, phát sinh; đưa quan hệ với các nước láng giềng, khu vực, các đối tác chiến lược, đối tác toàn diện và bạn bè truyền thống ngày càng đi vào chiều sâu. Đặc biệt, Việt Nam ngày càng thể hiện uy tín và vị thế cao trên trường quốc tế thông qua vai trò then chốt trong những tổ chức khu vực và quốc tế, tổ chức thành công các sự kiện quan trọng, thực hiện tốt nghĩa vụ giữ gìn hòa bình quốc tế...

Thứ năm, Đảng lãnh đạo đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, thực hiện tầm nhìn và định hướng phát triển đất nước trong bối cảnh mới.

Trải qua chặng đường gần 35 năm, sự nghiệp đổi mới do Đảng lãnh đạo đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử; đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ như hôm nay. Tuy nhiên, chúng ta không thể tự mãn, chủ quan mà “ngủ quên trên vòng nguyệt quế”. Công cuộc đổi mới vẫn đang phải đối diện với nhiều khó khăn, thách thức, nguy cơ tụt hậu vẫn còn, đòi hỏi Đảng phải vững vàng bản lĩnh, tiếp tục nâng cao tầm trí tuệ để lãnh đạo giải quyết những khó khăn mới đặt ra, tiếp tục đưa đất nước phát triển.

Trong mọi hoàn cảnh, phải vững vàng trên nền tảng tư tưởng của Đảng; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới; tiếp tục đổi mới, phát triển lý luận của Đảng lên một tầm cao mới; đấu tranh phản bác các luận điệu sai trái, xuyên tạc, thù địch chống phá Đảng, Nhà nước và nhân dân. Đội ngũ cán bộ của Đảng cần tiếp tục trau dồi đạo đức cách mạng, trí tuệ, bản lĩnh, có

đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ để lãnh đạo sự nghiệp đổi mới trong những chặng đường tiếp theo. Đảng cần phát huy mạnh mẽ giá trị văn hóa, ý chí, sức mạnh con người Việt Nam; khơi dậy khát vọng phát triển của toàn dân tộc để thực hiện tầm nhìn đưa Việt Nam trở thành một nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Điều đó cũng là tiếp tục khẳng định trí tuệ, bản lĩnh, khát vọng, quyết tâm và sức sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam để làm nên những kỳ tích phát triển mới, thực hiện nguyện ước của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại: đưa dân tộc Việt Nam “bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu”¹.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.35.

Phần thứ nhất

**BẢO VỆ VỮNG CHẮC
NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG TA**

NHỮNG GIÁ TRỊ TRƯỜNG TỐN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN

GS.TS. LÊ HỮU NGHĨA*

1. Đấu tranh phê phán các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lenin là nhiệm vụ quan trọng và cấp bách hiện nay

Từ khi ra đời đến nay, chủ nghĩa Mác đã tồn tại trên 170 năm, trải qua biết bao biến cố thăng trầm của lịch sử. Mặc dù mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên Xô và Đông Âu đã sụp đổ; mặc dù chủ nghĩa đế quốc cùng những thế lực phản động, thù địch dùng nhiều thủ đoạn thâm độc nhằm chống phá, xuyên tạc, phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lenin, nhưng chủ nghĩa Mác - Lenin vẫn tồn tại, phát triển mà chưa có một học thuyết nào có thể thay thế được, chứng tỏ giá trị trường tồn và sức sống bền vững. Chủ nghĩa Mác - Lenin vẫn là thế giới quan và phương pháp luận khoa học của hàng triệu triệu người trên trái đất. Đúng như Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã nhận định: “Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lenin”¹.

Trong quá trình xây dựng, phát triển học thuyết khoa học của mình, C. Mác, Ph. Ăngghen và sau này là V.I. Lenin đã phải thường xuyên

* Nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.2, tr.289.

đấu tranh chống các quan điểm sai trái như chủ nghĩa duy tâm, siêu hình, giáo điều, xét lại. C. Mác và Ph. Ăngghen đã từng phê phán quan điểm của phái Hêghen trẻ, của Prudông, của Đuyrinh, của Látxan và nhiều quan điểm tư sản khác. Thông qua đấu tranh phê phán quan điểm phản diện, các ông đã trình bày quan điểm chính diện của mình, đã phát triển, hoàn thiện học thuyết của mình. C. Mác và Ph. Ăngghen đã từng khẳng định rằng, học thuyết của các ông có tính phê phán và cách mạng, nó không đội trời chung với quan điểm giáo điều, bảo thủ, với quan điểm duy tâm, siêu hình, cơ hội và xét lại. Có thể khẳng định rằng, đấu tranh tư tưởng, lý luận để chống quan điểm sai trái nhằm bảo vệ, phát triển chủ nghĩa Mác là *tính quy luật* trong sự tồn tại, phát triển của chủ nghĩa Mác.

Để bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác trong điều kiện lịch sử mới, V.I. Lênin đã kiên quyết đấu tranh, kịch liệt phê phán quan điểm duy tâm, siêu hình của chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán của E. Makho, Avénariút..., đã đấu tranh với những quan điểm cơ hội, xét lại của các nhà lãnh đạo Quốc tế II như Bécxtanh, Cauxky..., đã đấu tranh với những quan điểm sai lầm của Plêkhanôp, Tờrôtxki, Bakharin, Dinôviép... Thông qua đấu tranh phê phán các quan điểm sai trái, thù địch, V.I. Lênin đã bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác lên một giai đoạn mới - giai đoạn V.I. Lênin trên cả ba bộ phận cấu thành của nó là triết học, kinh tế chính trị học và chủ nghĩa xã hội khoa học cho phù hợp với điều kiện lịch sử mới và phù hợp với những thành tựu mới nhất trong khoa học tự nhiên ở thời kỳ cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. V.I. Lênin đã từng gọi chủ nghĩa duy vật mácxít là “chủ nghĩa duy vật chiến đấu”¹, nghĩa là nó không ngừng đấu tranh chống lại các quan điểm duy tâm, siêu hình, cơ hội, xét lại, các quan điểm muốn bảo vệ trật tự tư sản. Vận dụng chủ nghĩa Mác một cách sáng tạo vào thực tiễn nước Nga, V.I. Lênin và Đảng Bônsêvích đã lãnh đạo giai cấp công nhân và nhân dân Nga tiến hành Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại, mở ra một thời đại mới trong

1. V.I. Lênin: *Toàn tập*, Sđd, t.45, tr.30.

sự phát triển của xã hội loài người - thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga là sự khẳng định tính đúng đắn của chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối của V.I. Lênin, là sự bác bỏ mạnh mẽ nhất, quyết định nhất, có tính thuyết phục nhất đối với các quan điểm sai trái, thù địch lúc bấy giờ.

Từ khi ra đời cho đến nay, trong hơn 90 năm lãnh đạo cách mạng, Đảng ta không ngừng đi sâu nhận thức, nắm vững bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào điều kiện cụ thể của Việt Nam và thời đại. Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu cán bộ, đảng viên phải nắm vững và vận dụng “lập trường, quan điểm và phương pháp Mác - Lênin”¹ vào thực tiễn cách mạng, từ đó đề ra đường lối, chủ trương đúng đắn, đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Đồng thời, Đảng ta cũng yêu cầu phải chủ động, tích cực, kiên quyết đấu tranh bác bỏ các quan điểm sai trái, thù địch, làm thất bại âm mưu và hoạt động “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch để bảo vệ nền tảng tư tưởng, Cương lĩnh, đường lối của Đảng. Các thế lực thù địch dùng mọi thủ đoạn, biện pháp để đánh vào nền tảng tư tưởng của Đảng, hòng gây nhiễu loạn về hệ tư tưởng, về lý tưởng xã hội chủ nghĩa, xuyên tạc, phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, thực hiện mưu đồ “giải trừ ý thức hệ”, làm cho Đảng tan rã về ý thức hệ, từ đó tan rã về tổ chức đảng, giảm sút sức chiến đấu. Ý đồ lâu dài không thay đổi của các thế lực thù địch là xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng, thay đổi chế độ ta. Thông qua việc truyền bá những tư tưởng, quan điểm sai trái, thù địch vào xã hội, vào cán bộ, đảng viên và nhân dân, thúc đẩy sự “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ để đi đến chuyển hóa Đảng, chuyển hóa chế độ và cuối cùng nhằm thực hiện mục tiêu “chiến thắng không cần chiến tranh”.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.8, tr.277.

Nhận thức rõ âm mưu và hoạt động “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch trên lĩnh vực tư tưởng chính trị, Đảng ta đã có nhiều chủ trương, biện pháp đẩy mạnh đấu tranh phản bác những quan điểm sai trái, thù địch nhằm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa. Trong các văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc thời kỳ đổi mới, Đảng đều nhấn mạnh nhiệm vụ đấu tranh này. Văn kiện Đại hội XII của Đảng yêu cầu: “tăng cường đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch; chủ động ngăn chặn, phản bác các thông tin, quan điểm xuyên tạc, sai trái, thù địch”¹. Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành một số nghị quyết chuyên đề như: Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới, Nghị quyết Trung ương 5 khóa X về công tác tư tưởng, lý luận và báo chí trước yêu cầu mới... Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị, kết luận về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch. Đặc biệt, ngày 22/10/2018, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 35-NQ/TW về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới. Nghị quyết chỉ rõ: Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng phải trên cơ sở quán triệt sâu sắc, vận dụng đúng đắn, sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn Việt Nam, trước hết trong xây dựng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Nghị quyết nêu ra các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu, trong đó có nhiệm vụ đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch theo hướng chủ động, có tính thuyết phục cao.

2. Một số quan điểm sai trái, thù địch xuyên tạc, phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lê nin hiện nay

Để bắc bỏ chủ nghĩa Mác - Lê nin, các thế lực thù địch phản động, cơ hội chính trị tung ra rất nhiều quan điểm, luận điệu khác nhau với nhiều phương thức, thủ đoạn:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.201.

Thứ nhất, có quan điểm vin vào yếu tố thời đại để phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lê nin. Quan điểm đó cho rằng, chủ nghĩa Mác - Lê nin chỉ phù hợp với thế kỷ XIX, hoặc cùng lăm là đầu thế kỷ XX, nó chỉ thích hợp với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai, chỉ thích hợp với văn minh cơ khí, còn bây giờ nhân loại đã bước sang thế kỷ XXI là thời đại của cách mạng khoa học - công nghệ, Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, văn minh tin học, kinh tế tri thức, kinh tế số, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế nên không còn thích hợp nữa, chủ nghĩa Mác - Lê nin đã bị lỗi thời.

Đúng là thời đại ngày nay mà chúng ta đang sống khác rất nhiều so với thời đại của C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lê nin, đã có nhiều biến đổi to lớn, sâu sắc về kinh tế, xã hội, nhất là sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ. Không nhận thức được những biến đổi to lớn của thời đại sẽ không hiểu đúng bản chất của thời đại. Tuy nhiên, những biến đổi đó không vượt ra ngoài những quy luật, những nguyên lý chung nhất mà C. Mác đã khám phá ra. Chẳng hạn, đó là những quy luật phổ biến của phép biện chứng duy vật, những quy luật phổ biến của sự phát triển xã hội loài người, như quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, quy luật cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thương mại, tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội, kinh tế xét đến cùng quyết định chính trị, quy luật đấu tranh giai cấp trong xã hội có giai cấp, quy luật giá trị thặng dư, những nguyên lý khoa học về nhà nước, cách mạng xã hội, về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân...

Đứng trên quan điểm khách quan mà xem xét có một số luận điểm cụ thể của C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lê nin không còn phù hợp với điều kiện ngày nay, đã bị thực tiễn lịch sử vượt qua, song những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin, trong bản chất khoa học và cách mạng của nó vẫn giữ nguyên giá trị, cần phải bảo vệ. Hoàn cảnh lịch sử cụ thể luôn thay đổi, song những quy luật phát triển cơ bản, phổ biến của lịch sử loài người mà chủ nghĩa Mác - Lê nin nêu lên là không thay đổi, có giá trị trường tồn. Chủ nghĩa Mác - Lê nin vẫn là lý luận và

phương pháp luận khoa học cho sự nhận thức xã hội, nhận thức thời đại mà không một học thuyết nào có thể thực hiện được vai trò đó.

Thứ hai, có quan điểm cho rằng chủ nghĩa Mác - Lênin không phải là sản phẩm của Việt Nam, nó là “ngoại lai”, “ngoại nhập” từ phương Tây, không phù hợp với Việt Nam là một xã hội phương Đông, kinh tế lạc hậu; thậm chí có ý kiến nói “du nhập chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam là một sai lầm lịch sử”, do đó “cần phải từ bỏ chủ nghĩa Mác - Lênin”.

Quan điểm trên đây là sai lầm vì nó không hiểu được sức mạnh của sự trùu tượng hóa, khái quát hóa của lý luận Mác - Lênin. Chủ nghĩa Mác - Lênin là lý luận khoa học nên cũng giống như các khoa học khác (kể cả khoa học tự nhiên) có giá trị phổ quát, vượt biên giới quốc gia - dân tộc, còn khi áp dụng nó đương nhiên phải chú ý đến điều kiện lịch sử cụ thể của từng quốc gia - dân tộc để tránh giáo điều, máy móc. Mặc dù chủ nghĩa Mác có nguồn gốc lý luận trực tiếp từ các nước phương Tây như Đức (về triết học), Anh (về kinh tế chính trị), Pháp (về lý luận chủ nghĩa xã hội), nhưng Hồ Chí Minh cho rằng: “không thể cấm bổ sung “cơ sở lịch sử” của chủ nghĩa Mác bằng cách đưa thêm vào đó những tư liệu mà Mác ở thời mình không thể có được”¹, cũng cố chủ nghĩa Mác “bằng dân tộc học phương Đông”². Và Người vẫn khẳng định: “chủ nghĩa Mác sẽ còn đúng cả ở đó”³ - tức ở phương Đông. Những quy luật của chủ nghĩa Mác vạch ra không chỉ đúng với các nước phát triển mà còn đúng cả với các nước kém phát triển. Vì về mặt phương pháp luận, như C. Mác đã từng chỉ ra, trong cái phát triển cao chúa đựng cái phát triển ở trình độ thấp hơn dưới dạng lọc bỏ.

Mặt khác, nếu thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý thì những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam từ khi chủ nghĩa Mác - Lênin được truyền bá vào Việt Nam - một nước vốn là thuộc địa nửa phong kiến, lạc hậu, kém phát triển nhưng đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng sáng tạo, đưa đến thành công của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, thắng lợi của kháng chiến chống thực dân

1, 2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.1, tr.509, 509, 510.

Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành đổi mới mạnh mẽ, toàn diện đất nước.

Trong thời kỳ đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam đã có nhiều đổi mới về tư duy lý luận, đã nhận thức lại chủ nghĩa Mác - Lênin theo tinh thần khẳng định sức sống, giá trị bền vững của những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, đồng thời loại bỏ những nhận thức không đúng, áu trĩ, giáo điều về chủ nghĩa Mác - Lênin, về chủ nghĩa xã hội. Đảng Cộng sản Việt Nam đã vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin phù hợp với điều kiện lịch sử trên các vấn đề như mục tiêu, đặc trưng và phương hướng cơ bản của xây dựng chủ nghĩa xã hội, vấn đề phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, vấn đề xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân..., đó là những vấn đề không có sẵn trong di sản kinh điển mácxít. Không có sự vận dụng, phát triển sáng tạo đó thì không có được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử mà nhân dân Việt Nam đạt được qua gần 35 năm đổi mới.

Thứ ba, có quan điểm sai lầm đem đổi lập chủ nghĩa Mác với chủ nghĩa Lênin, đổi lập C. Mác với V.I. Lênin để phủ nhận cả chủ nghĩa Mác lẫn chủ nghĩa Lênin, phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin nói chung. Họ viện dẫn ra sự “đổi lập” đó như cho rằng, theo C. Mác và Ph. Ăngghen, cách mạng vô sản phải nổ ra đồng thời trong các nước tư bản, ít ra là trong các nước tư bản phát triển, còn V.I. Lênin không theo C. Mác mà lại cho rằng cách mạng xã hội chủ nghĩa có thể nổ ra và thành công ở một số nước, thậm chí ở một nước riêng lẻ, còn lạc hậu, còn nhiều tàn tích của chế độ nông nô như nước Nga. Thành công của Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 đã chứng minh tính đúng đắn của quan điểm và phương pháp của V.I. Lênin. Sự đổi lập giữa C. Mác với V.I. Lênin mà họ dựng lên là giả tạo, bịa đặt. V.I. Lênin là người mácxít, ông đã tự nhận mình là học trò của C. Mác: Chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa Lênin thống nhất với nhau về bản chất. Chủ nghĩa Lênin là chủ nghĩa Mác trong thời đại đế quốc chủ nghĩa và cách mạng vô sản. C. Mác và V.I. Lênin

sống ở hai thời đại khác nhau - C. Mác ở thời kỳ chủ nghĩa tư bản còn trong giai đoạn tự do cạnh tranh, còn đến V.I. Lênin chủ nghĩa tư bản đã chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, khi đó cách mạng vô sản, phong trào giải phóng dân tộc nổi lên, mỗi ông phải giải quyết những nhiệm vụ do thời đại của mình đặt ra. V.I. Lênin không thể máy móc, giáo điều ngồi chờ cho cách mạng vô sản nổ ra đồng thời ở các nước tư bản phát triển được, mà phải chủ động nhận thức thời cơ, tình thế cách mạng và tiến hành Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga. V.I. Lênin trung thành với chủ nghĩa Mác trong bản chất cách mạng, khoa học, biện chứng của nó, chứ không phải trung thành một cách máy móc, bởi vì học thuyết của các ông không phải giáo điều mà là kim chỉ nam cho hành động.

Thứ tư, có quan điểm đem đối lập chủ nghĩa Mác - Lênin với tư tưởng Hồ Chí Minh để phủ nhận cả chủ nghĩa Mác - Lênin lẫn tư tưởng Hồ Chí Minh. Đó là quan điểm sai lầm cả về lịch sử và lôgích. Về mặt lịch sử, tư tưởng Hồ Chí Minh có nguồn gốc và được hình thành từ việc tiếp thu các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tinh hoa văn hóa của nhân loại mà đỉnh cao là chủ nghĩa Mác - Lênin, thông qua hoạt động trí tuệ và thực tiễn sáng tạo của Người. Chủ nghĩa Mác - Lênin chính là nguồn gốc lý luận quan trọng nhất, là cơ sở chủ yếu nhất để hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh đã vận dụng lập trường, quan điểm và phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lênin để nghiên cứu thực tiễn và tìm ra con đường cách mạng Việt Nam, vượt lên trước những nhà yêu nước đương thời, khắc phục được sự khủng hoảng về con đường tiến lên của dân tộc Việt Nam. Tư tưởng Hồ Chí Minh chính là sự vận dụng sáng tạo, phát triển và làm phong phú chủ nghĩa Mác - Lênin trong điều kiện lịch sử mới. Như vậy, về bản chất, tư tưởng Hồ Chí Minh thống nhất với chủ nghĩa Mác - Lênin chứ không đối lập với chủ nghĩa Mác - Lênin như một số quan điểm đã nêu. Và do đó, cũng không có cái gọi là “cuộc nội chiến về tư tưởng giữa tư tưởng Hồ Chí Minh và chủ nghĩa Mác - Lênin” từ năm 1930 đến nay ở Việt Nam như có người nhận định. Một số người nhân danh đề cao tư tưởng

Hồ Chí Minh để hạ thấp, phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, nói tư tưởng Hồ Chí Minh mới là sản phẩm của Việt Nam, có nguồn gốc Việt Nam, còn chủ nghĩa Mác - Lênin là “ngoại lai”, không phù hợp với Việt Nam, muốn đưa chủ nghĩa Mác - Lênin ra khỏi nền tảng tư tưởng của Đảng ta, chỉ giữ lại tư tưởng Hồ Chí Minh. Đảng ta xác định nền tảng tư tưởng của Đảng gồm chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là rất đúng đắn, phù hợp, thể hiện mối quan hệ biện chứng, thống nhất, gắn bó giữa hai bộ phận cấu thành nền tảng tư tưởng của Đảng.

Thứ năm, có quan điểm đem quy sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu là do sai lầm của chủ nghĩa Mác - Lênin, “sai lầm từ gốc, từ bản chất của học thuyết”. Chúng ta thấy rằng, sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu chỉ là sự sụp đổ của một mô hình chủ nghĩa xã hội - mô hình tập trung, quan liêu, bao cấp, hành chính, mệnh lệnh, xa rời quần chúng nhân dân với nhiều khuyết tật, chứ không phải là sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội nói chung. Sự sụp đổ của nó có nguyên nhân khách quan và chủ quan, bên trong và bên ngoài, sâu xa và trực tiếp, do chính những khuyết tật của mô hình chủ nghĩa xã hội đó không được phát hiện và khắc phục kịp thời, tồn tại kéo dài, tích tụ lại. Sự sai lầm về đường lối cải tổ của lãnh đạo Đảng và Nhà nước Liên Xô trước đây - cả đường lối kinh tế, chính trị, tư tưởng, tổ chức, cán bộ và đối ngoại, sự phản bội lại lý tưởng xã hội chủ nghĩa của một số người lãnh đạo cao nhất trong Đảng cùng với âm mưu và hoạt động “diễn biến hòa bình” của chủ nghĩa đế quốc, sự chống phá của các thế lực thù địch là những nguyên nhân trực tiếp. Không thể quy sự sụp đổ của Liên Xô vào chủ nghĩa Mác - Lênin. Chính sự nhận thức sai, vận dụng sai, sự phản bội lại chủ nghĩa Mác - Lênin của một số người trong ban lãnh đạo Đảng Cộng sản Liên Xô là nguyên nhân chủ yếu. Vì vậy, quyết không được đồng nhất những sai lầm đó với bản thân chủ nghĩa Mác - Lênin. Tại sao công cuộc cải cách, mở cửa của Trung Quốc, công cuộc đổi mới, hội nhập quốc tế của Việt Nam lại đạt được những thành tựu to lớn, quan trọng? Cải tổ sẽ không thất bại nếu Đảng Cộng sản Liên Xô có đường lối cải tổ đúng đắn, trung thành và sáng tạo

trong vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin, trung thành với lý tưởng xã hội chủ nghĩa, có bản lĩnh chính trị vững vàng, cảnh giác với âm mưu và hoạt động chống phá chủ nghĩa xã hội của các thế lực thù địch; nếu xây dựng Đảng và Nhà nước vững mạnh, trong sạch, gắn bó mật thiết với nhân dân, chống được quan liêu, tham nhũng...

Ngoài ra, còn nhiều quan điểm sai trái, thù địch khác nhằm xuyên tạc, phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin như vấn đề đấu tranh giai cấp, chuyên chính vô sản, bản chất nhà nước, cách mạng xã hội, vấn đề dân tộc, tôn giáo... Chúng ta phải kiên quyết đấu tranh, bác bỏ để giữ vững giá trị trường tồn của chủ nghĩa Mác - Lênin cũng là để bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

3. Tiếp tục khẳng định những giá trị bền vững của chủ nghĩa Mác - Lênin

** Giá trị của phương pháp biện chứng duy vật*

Phương pháp biện chứng duy vật là phương pháp tổng quát của triết học Mác - Lênin, là sự kết tinh toàn bộ tinh hoa trong lịch sử phát triển của phương pháp biện chứng từ thời cổ đại đến thời đại của C. Mác và V.I. Lênin, được bổ sung bởi những thành tựu của khoa học tự nhiên và khoa học xã hội đương thời cũng như thực tiễn đấu tranh cách mạng của phong trào công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới. Vì vậy, mặc dù thời đại ngày nay có nhiều thay đổi so với thời đại C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lênin, khoa học và công nghệ có nhiều phát minh vĩ đại, nhiều bước tiến to lớn, nhưng phương pháp biện chứng duy vật của triết học Mác - Lênin vẫn giữ nguyên giá trị phương pháp luận. Những thành tựu của khoa học và công nghệ hiện đại chỉ làm giàu thêm, phong phú thêm những giá trị đó.

Phương pháp biện chứng duy vật dựa trên phép biện chứng duy vật - khoa học về *những quy luật vận động và phát triển phổ biến của tự nhiên, xã hội và tư duy, là học thuyết tổng quát nhất về sự phát triển, là bản chất, linh hồn sống của chủ nghĩa Mác*. Phương pháp biện chứng duy vật dựa trên các nguyên lý của phép biện chứng (nguyên lý

về mối liên hệ phổ biến và nguyên lý về sự phát triển), các quy luật cơ bản của phép biện chứng (quy luật lượng - chất, quy luật mâu thuẫn, quy luật phủ định của phủ định) và các cặp phạm trù của phép biện chứng duy vật.

Phương pháp biện chứng duy vật, là *phương pháp xem xét, nhận thức sự vật, hiện tượng một cách khách quan, toàn diện trong sự phát triển, gắn với điều kiện lịch sử cụ thể và thực tiễn nhằm tìm ra bản chất, quy luật phát triển của sự vật*. Với ý nghĩa đó, phương pháp biện chứng duy vật là công cụ nhận thức vĩ đại, có ý nghĩa phổ biến cho mọi nhận thức và hoạt động thực tiễn. Nắm vững và vận dụng đúng đắn những nguyên tắc của phương pháp biện chứng duy vật (khách quan, toàn diện, phát triển, lịch sử - cụ thể và thực tiễn) sẽ giúp cho con người, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý rèn luyện *tư duy biện chứng* để phòng, tránh bệnh chủ quan, duy ý chí, bệnh bảo thủ, trì trệ, bệnh giáo điều, bệnh kinh nghiệm, bệnh cực đoan, phiến diện... trong công tác lãnh đạo, quản lý. Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta sở dĩ đề ra được đường lối cách mạng đúng đắn, lãnh đạo cách mạng thành công là nhờ nắm vững và vận dụng sáng tạo phương pháp biện chứng duy vật vào thực tiễn cách mạng Việt Nam.

* Giá trị của quan niệm duy vật về lịch sử

Quan niệm duy vật về lịch sử là một trong những phát minh vĩ đại của C. Mác. Với phát minh này, C. Mác đã thực hiện một cuộc cách mạng trong toàn bộ quan niệm về lịch sử thế giới.

C. Mác là người đầu tiên đã áp dụng phép biện chứng duy vật do chính ông xây dựng vào việc nghiên cứu lịch sử, làm cho chủ nghĩa duy vật trở thành hoàn bị, triệt để, không chỉ duy vật trong lĩnh vực tự nhiên mà còn duy vật cả trong lĩnh vực xã hội. Ph. Ăngghen nói rằng, giống như Đácuyn đã phát hiện quy luật của thế giới hữu cơ, C. Mác đã phát hiện ra quy luật phát triển của lịch sử loài người.

V.I. Lê nin cho rằng: “*Chủ nghĩa duy vật lịch sử* của Mác là thành tựu vĩ đại nhất của tư tưởng khoa học. Một lý luận khoa học hết sức

hoàn chỉnh và chặt chẽ đã thay cho sự lộn xộn và sự tuỳ tiện, vẩn ngụ trị từ trước đến nay trong các quan niệm về lịch sử và chính trị”¹.

Quan niệm duy vật về lịch sử xem xét xã hội như một chỉnh thể, có quá trình phát sinh, phát triển và tiêu vong của các hình thái kinh tế - xã hội theo các quy luật khách quan, nó thừa nhận sản xuất vật chất là cơ sở của đời sống xã hội, điều kiện sinh hoạt vật chất quyết định điều kiện sinh hoạt tinh thần, tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội, kinh tế xét đến cùng quyết định chính trị. Tuy nhiên, quan niệm duy vật về lịch sử của C. Mác khác với chủ nghĩa duy kinh tế, chủ nghĩa duy vật tầm thường - chỉ nhấn mạnh một chiều yếu tố kinh tế, yếu tố vật chất mà coi nhẹ yếu tố tinh thần, yếu tố chính trị. Trong khi khẳng định vai trò quyết định của đời sống vật chất đối với đời sống tinh thần, kinh tế đối với chính trị, tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội..., quan niệm duy vật lịch sử không hề hạ thấp mà còn nhấn mạnh sự tác động trở lại của ý thức xã hội đối với tồn tại xã hội, đời sống tinh thần đối với đời sống vật chất, chính trị đối với kinh tế... Cũng như vậy, trong khi khẳng định vai trò quyết định của quần chúng nhân dân trong lịch sử, quan niệm duy vật lịch sử cũng đề cao vai trò của các vĩ nhân (lãnh tụ, anh hùng, cá nhân xuất chúng) trong sự phát triển của lịch sử.

Như vậy, xét về bản chất, quan niệm duy vật lịch sử của C. Mác cũng là chủ nghĩa duy vật biện chứng, nhưng đó là chủ nghĩa duy vật biện chứng về xã hội - tức *duy vật biện chứng lịch sử*. Quan niệm duy vật lịch sử là cơ sở khoa học để nhận thức sự vận động, phát triển của xã hội loài người, nhận thức các thời đại, nhận thức tình hình thế giới và trong nước hiện nay, đặc biệt là cơ sở khoa học để Đảng ta đề ra đường lối đổi mới đất nước.

* *Giá trị của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội*

Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội của C. Mác là *hòn đá tảng* của quan niệm duy vật lịch sử. Nhờ có học thuyết hình thái kinh tế - xã hội,

1. V.I. Lê nin: *Toàn tập*, Sđd, t.23, tr.53.

C. Mác đã giải thích một cách khoa học nguồn gốc phát sinh, vận động, phát triển, suy tàn, thay thế nhau của các xã hội trong lịch sử. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội đã chỉ ra *cơ cấu phổ biến* (với những bộ phận cơ bản và không cơ bản) của một cơ thể xã hội và *cơ chế* vận động, phát triển của xã hội. Đó chính là do mâu thuẫn, tác động qua lại của lực lượng sản xuất - quan hệ sản xuất - kiến trúc thượng tầng theo các quy luật khách quan: *Quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển nhất định của lực lượng sản xuất; cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng*. Sự tác động của các quy luật này cùng những quy luật khác làm cho sự phát triển của hình thái kinh tế - xã hội là một *quá trình lịch sử - tự nhiên*, nghĩa là diễn ra một cách khách quan, không phụ thuộc ý thức con người.

Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội là cơ sở khoa học để giải thích tính phong phú, đa dạng trong sự phát triển của các quốc gia, dân tộc. Xã hội loài người nói chung phải lần lượt trải qua các hình thái kinh tế - xã hội từ thấp đến cao, song một quốc gia, dân tộc nào đó có thể bỏ qua một hoặc một số hình thái kinh tế - xã hội nào đó trong sự phát triển của mình khi điều kiện cho phép. Vì vậy, có sự phát triển không đồng đều giữa các quốc gia, dân tộc. Trong cùng một thời đại, nhưng các quốc gia, dân tộc khác nhau lại có thể không ở cùng một hình thái kinh tế - xã hội như nhau; hoặc ngay trong cùng một hình thái kinh tế - xã hội, nhưng các quốc gia, dân tộc khác nhau lại ở những trình độ phát triển không giống nhau.

Tuy vậy, dòng chảy của lịch sử nhân loại vẫn diễn ra theo quy luật chung là sự thay thế các hình thái kinh tế - xã hội từ thấp lên cao. Điều này diễn ra một cách lịch sử - tự nhiên do những mâu thuẫn trong lòng của mỗi hình thái kinh tế - xã hội quy định. Những mâu thuẫn này được giải quyết sẽ dẫn đến hình thái kinh tế - xã hội cũ mất đi, hình thái kinh tế - xã hội mới ra đời thay thế, làm cho xã hội phát triển lên một trình độ mới cao hơn.

Ngày nay, học thuyết hình thái kinh tế - xã hội vẫn là cách tiếp cận chủ yếu và chủ đạo đối với thời đại mà chưa một lý thuyết nào có thể thay thế được.

** Giá trị của học thuyết giá trị thặng dư*

Học thuyết giá trị thặng dư là một trong những phát minh vĩ đại của C. Mác, là *hòn đá tảng* trong học thuyết kinh tế của ông.

Với việc phát minh ra học thuyết giá trị thặng dư, C. Mác đã bóc trần bí mật của phương thức bóc lột tư bản chủ nghĩa, giải thích triệt để quan hệ giữa tư bản và lao động, tìm ra cơ chế, động lực tồn tại và phát triển của xã hội tư bản và giai cấp tư sản là bóc lột giá trị thặng dư do công nhân sáng tạo ra. Quy luật giá trị thặng dư là quy luật tuyệt đối của chủ nghĩa tư bản, chi phối tất cả các xã hội tư bản, tất cả các giai đoạn của chủ nghĩa tư bản, từ xã hội tư bản mới phát triển đến xã hội tư bản phát triển cao, từ xã hội tư bản trong nền kinh tế công nghiệp đến xã hội tư bản trong nền kinh tế tri thức, trong điều kiện cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại; không có sản xuất và bóc lột giá trị thặng dư thì không có chủ nghĩa tư bản. Từ đó, C. Mác đã chỉ rõ mâu thuẫn cơ bản của xã hội tư bản là mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất ngày càng xã hội hóa cao với chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa đối với tư liệu sản xuất, biểu hiện thành mâu thuẫn giai cấp giữa giai cấp công nhân và những người lao động làm thuê với giai cấp tư sản. Do đó, cũng như đối với các xã hội có giai cấp trước đây, trong xã hội tư bản hiện đại đấu tranh giai cấp không biến mất mà chỉ thay đổi hình thức.

Cho đến nay, chưa có một học giả tư sản nào đưa ra được một lý thuyết bác bỏ được học thuyết giá trị thặng dư của C. Mác. Bộ *Tư bản* của C. Mác vẫn là tài liệu nghiên cứu của nhiều nhà kinh tế, học giả tư sản. Trong thời kỳ khủng hoảng kinh tế tài chính những năm 2008 - 2009 ở các nước tư bản phát triển, bộ *Tư bản* của C. Mác đã được in, tái bản với số lượng tăng vọt, trở thành bộ sách bán chạy ở các nước tư bản như Anh, Đức, Pháp, Italia, Nhật Bản... vì người ta muốn tìm câu trả lời từ trong tác phẩm vĩ đại của C. Mác về những vấn đề xã hội tư bản hiện đại. Điều đó cũng nói lên giá trị bền vững của học thuyết giá trị thặng dư của C. Mác.

* *Giá trị của học thuyết về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân*

Phát hiện ra vai trò, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là đóng góp to lớn của C. Mác về mặt lý luận. V.I. Lê nin khẳng định, điều cốt yếu của học thuyết Mác là *soi sáng vai trò lịch sử của giai cấp vô sản là người xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa thay thế xã hội tư bản*.

Theo C. Mác, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là không chỉ giải phóng mình, mà đồng thời giải phóng cho tất cả các giai tầng xã hội khác khỏi mọi hình thức áp bức, bóc lột và tha hóa. Vì vậy, C. Mác luôn nhất quán với quan điểm biện chứng giữa giải phóng con người, giải phóng giai cấp và giải phóng nhân loại. Theo C. Mác, phải “*lật đổ tất cả những quan hệ* trong đó con người là một sinh vật bị làm nhục, bị nô dịch, bất lực, bị khinh rẻ”¹. Đối với C. Mác, chủ nghĩa cộng sản là chủ nghĩa nhân đạo hiện thực, trong đó sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người. Vì vậy, chủ nghĩa Mác là chủ nghĩa nhân văn cao cả, có giá trị trường tồn trong lịch sử.

C. Mác và Ph. Ăngghen đã luận chứng một cách khoa học về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Sứ mệnh đó bắt nguồn từ chỗ giai cấp công nhân là giai cấp đại biểu cho lực lượng sản xuất hiện đại, cho phương thức sản xuất tiên tiến, là một giai cấp cách mạng, có ý thức tổ chức kỷ luật, có sứ mệnh lịch sử là giải phóng cho giai cấp mình đồng thời giải phóng cho nhân dân lao động và toàn nhân loại, xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Để thực hiện thành công sứ mệnh của mình, giai cấp công nhân phải có chính đảng cách mạng chân chính lãnh đạo, đảng cộng sản là đội tiên phong của giai cấp công nhân.

Ngày nay, cùng với sự thay đổi của thời đại và của xã hội tư bản, giai cấp công nhân hiện đại cũng có nhiều thay đổi về số lượng, chất

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.1, tr.581.

lượng, cơ cấu, điều kiện sống và trình độ học vấn, nghề nghiệp. Tuy nhiên, những thay đổi đó không làm mất đi bản chất cách mạng, không hạ thấp sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

** Giá trị của học thuyết về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội*

Nhờ những phát minh vĩ đại của mình, C. Mác và Ph. Ăngghen đã biến chủ nghĩa xã hội từ không tưởng thành khoa học; còn V.I. Lênin sau này đã biến chủ nghĩa xã hội từ lý luận thành thực tiễn, hiện thực.

Trong thời đại của C. Mác và Ph. Ăngghen, chưa có thực tiễn chủ nghĩa xã hội nhưng nhờ nắm chắc thực tiễn đương thời và bằng trí tuệ thiên tài của mình, các ông đã đặt nền móng cho chủ nghĩa xã hội khoa học, đã đưa ra những dự báo khoa học về những đặc trưng chung nhất, cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội mà cho tới nay những luận điểm cơ bản của nó vẫn giữ nguyên giá trị lý luận và thực tiễn.

- Chủ nghĩa xã hội từ khi trở thành khoa học cần phải được nghiên cứu một cách khoa học, phải đặt nó trên mảnh đất hiện thực.

C. Mác đã lấy khoa học thay thế cho mộng tưởng, ông không bịa đặt ra những ảo tưởng, những dự đoán vu vơ để bắt hiện thực phải khuôn theo. “Mác đặt vấn đề chủ nghĩa cộng sản giống như một nhà tự nhiên học đặt, chẳng hạn, vấn đề tiến hóa của một giống sinh vật mới, một khi đã biết nguồn gốc của nó và định được rõ rệt hướng của những biến đổi của nó”¹.

Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, C. Mác và Ph. Ăngghen khẳng định tính tất yếu thay thế chủ nghĩa tư bản bằng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản: “Sự sụp đổ của giai cấp tư sản và thắng lợi của giai cấp vô sản đều là tất yếu như nhau”². Về sau này, V.I. Lênin khẳng định: Các dân tộc đều sẽ đi lên chủ nghĩa xã hội nhưng bằng

1. V.I. Lênin: *Toàn tập*, Sđd, t.33, tr.104.

2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.613.

những cách thức khác nhau, mang những đặc điểm khác nhau về nhịp điệu, về phương pháp, về đặc điểm dân tộc...

- Xây dựng chủ nghĩa cộng sản, về thực chất, là một sự nghiệp có tính chất kinh tế, nếu không sự nghèo nàn sẽ trở thành phổ biến, khi đó người ta sẽ đấu tranh với nhau để giành giật lấy miếng ăn.

- Theo V.I. Lê nin, xây dựng chủ nghĩa xã hội không phải là con đường thẳng tắp, mà là quá trình lâu dài, khó khăn, phức tạp, thậm chí trải qua những đổ vỡ, những bước thụt lùi tạm thời.

- V.I. Lê nin nhận định: Chủ nghĩa xã hội phải thường xuyên đổi mới và phát triển, chủ nghĩa xã hội không phải ngưng trệ, chết cứng ở một chỗ.

- Ngoài ra, C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lê nin còn đưa ra những tư tưởng, quan điểm quan trọng về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội như về cách mạng xã hội, về nhà nước chuyên chính vô sản, về dân chủ vô sản, về quá độ lên chủ nghĩa xã hội từ những nước lạc hậu, về liên minh giai cấp và đấu tranh giai cấp, về tôn giáo, dân tộc, về xây dựng chính đảng vô sản,...

Bên cạnh những luận điểm, tư tưởng của các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác - Lê nin có giá trị bền vững, sức sống lâu dài thì cũng không tránh khỏi có những luận điểm cụ thể của các ông đã bị thực tiễn vượt qua, không còn phù hợp nữa. C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lê nin là những bậc thiên tài nhưng các ông cũng bị quy định bởi thời đại của các ông. Vì vậy, chúng ta không thể đòi hỏi các ông suy nghĩ, trả lời thay cho các thế hệ sau, những vấn đề chưa xuất hiện ở thời đại các ông, hoặc thực tiễn khi đó chưa đặt ra. Tuy nhiên, những hạn chế mang tính lịch sử đó của C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lê nin không hề làm giảm giá trị thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lê nin trong cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động toàn thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

4. Kiến nghị

Một là, kiên định và vận dụng sáng tạo, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện mới; kế thừa, bổ sung những thành tựu lý luận của Đảng ta trong thời kỳ đổi mới.

Việc kiên định nền tảng tư tưởng của Đảng phải được hiểu một cách khoa học, biện chứng. Kiên định không đồng nghĩa với bảo thủ, giáo điều. Kiên định và sáng tạo là hai mặt của một vấn đề thống nhất với nhau, kiên định nhưng phải sáng tạo, còn sáng tạo trong nhận thức và vận dụng phải trên cơ sở kiên định, trung thành với học thuyết Mác - Lênin để tránh rơi vào bảo thủ, giáo điều cũng như chủ nghĩa xét lại, cơ hội, cực đoan. Không sáng tạo, không biện chứng thì cuối cùng cũng sẽ không giữ được sự kiên định.

Để thực hiện yêu cầu trên đây đòi hỏi phải tăng cường nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin ở nước ta và các nước xã hội chủ nghĩa trước đây và hiện nay, phải nhận thức đúng đắn, sâu sắc bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, không ngừng bám sát sự biến đổi của tình hình thực tiễn trong nước và thế giới, nâng cao năng lực vận dụng sáng tạo lý luận vào thực tiễn. Phải nghiên cứu một cách toàn diện hơn chủ nghĩa Mác - Lênin, để qua đó làm rõ, khẳng định cụ thể những luận điểm vẫn giữ nguyên giá trị; những luận điểm đã bị hiểu sai, thực hiện sai; những luận điểm đã bị lịch sử vượt qua, không còn phù hợp nữa; những luận điểm mới cần được bổ sung vào lý luận do thực tiễn mới đặt ra.

Cần nghiên cứu tiếp tục kế thừa, bổ sung những thành tựu lý luận của Đảng qua gần 35 năm đổi mới trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)* của Đảng và trong các văn kiện đại hội thời kỳ đổi mới. Tiếp tục tập trung làm rõ mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, bổ sung, phát triển các mối quan hệ lớn cần quán triệt, giải quyết tốt.

Hai là, các cấp ủy và chính quyền từ Trung ương đến địa phương phải quán triệt sâu sắc và đầy đủ vai trò của lý luận và công tác lý luận, trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo việc tổ chức, triển khai nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn gắn với tư vấn chính sách, đưa lý luận vào thực tiễn cuộc sống.

Ba là, phát huy mạnh mẽ dân chủ, khuyến khích tìm tòi sáng tạo trong nghiên cứu và tuyên truyền lý luận.

Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lý luận; xây dựng đội ngũ cán bộ lý luận có đức, có tài, có tâm huyết, say mê với nghề nghiệp. Đổi mới nội dung, chương trình, giáo trình, phương pháp dạy và học các môn lý luận chính trị theo hướng cơ bản, hiện đại, thiết thực, khoa học trong các trường Đảng, trường đoàn thể, trường đại học, viện nghiên cứu. Đổi mới cơ chế lãnh đạo, quản lý về lý luận và công tác lý luận, cơ chế tuyển chọn và sử dụng cán bộ lý luận, có những ưu tiên về chính sách đãi ngộ, về điều kiện làm việc, cơ chế tài chính, vật chất và tinh thần đối với cán bộ lý luận, có chế độ khuyến khích cán bộ lý luận đi sâu vào chuyên môn. Tiếp tục phát triển đội ngũ cán bộ lý luận, các chuyên gia đầu ngành, nâng cao năng lực nghiên cứu, dự báo, phân tích, phản biện, nhanh chóng khắc phục tình trạng hổn hển của đội ngũ cán bộ lý luận; tăng cường quan hệ hợp tác quốc tế trong nghiên cứu lý luận.

Bốn là, đẩy mạnh và nâng cao chất lượng, hiệu quả cuộc đấu tranh phê phán các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng, cương lĩnh, đường lối của Đảng.

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng đã nhận định: “Chất lượng và hiệu quả công tác tư tưởng, lý luận chưa cao. Chậm khắc phục có hiệu quả những hạn chế của công tác tư tưởng như thiếu sắc bén, chưa thuyết phục. Đấu tranh chống âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, phòng, chống “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” còn bị động, hiệu quả chưa cao”¹. Cân tăng cường

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.192-193.

dự báo về sự xuất hiện các quan điểm sai trái, thù địch để chủ động trong đấu tranh, phê phán. Cần tăng cường sự phối kết hợp chặt chẽ, kịp thời của các cơ quan làm công tác tư tưởng, lý luận như các cấp ủy đảng, Ban Tuyên giáo Trung ương, Hội đồng Lý luận Trung ương, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, các trường đại học lớn, các cơ quan nghiên cứu lý luận của Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch; phát huy vai trò của Ban Chỉ đạo 35 các cấp... Tăng cường lãnh đạo và quản lý báo chí, xuất bản, mạng xã hội, văn hóa, văn nghệ, bảo đảm an ninh mạng...; chủ động, kịp thời cung cấp định hướng thông tin cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, tăng cường đối thoại trực tiếp của các cấp ủy, cán bộ, đảng viên với nhân dân, tăng cường công tác tuyên truyền miệng, phát huy dân chủ trong nội bộ Đảng và ngoài xã hội; kiên quyết khắc phục những khuyết điểm, yếu kém trong lãnh đạo, quản lý mà các thế lực cơ hội chính trị, phản động thường lợi dụng để chống phá Đảng, Nhà nước.

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH - KIM CHỈ NAM CHO CÁCH MẠNG VIỆT NAM

PGS.TS. TRẦN MINH TRƯỜNG*

Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa kiệt xuất, người chiến sĩ lỗi lạc của phong trào giải phóng dân tộc, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của Người là bản anh hùng ca về chủ nghĩa yêu nước, tinh thần tận tụy, hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, hạnh phúc của nhân dân, vì hòa bình, phát triển và tiến bộ nhân loại. Di sản, tư tưởng, tấm gương đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh là tài sản vô cùng quý báu của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta, mãi là niềm tự hào, nguồn cổ vũ to lớn đối với các thế hệ người Việt Nam hôm nay và mai sau. Đảng ta đã khẳng định: “Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại... soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành thắng lợi, là tài sản tinh thần to lớn của Đảng và dân tộc ta”¹. Cố Đại tướng Võ Nguyên Giáp - người học trò xuất sắc, người cộng sự gần gũi

* Viện trưởng Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, tr.178.

của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dự báo: “Thế giới đã và sẽ còn đổi thay, nhưng tư tưởng Hồ Chí Minh vẫn sống mãi trong kho tàng văn hóa nhân loại”¹.

Khác với sự ra đời của nhiều hệ tư tưởng trên thế giới, tư tưởng Hồ Chí Minh được hình thành từ sự kết tinh những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc, được chắt lọc từ những giá trị tinh hoa của văn hóa nhân loại. Đặc biệt, tư tưởng Hồ Chí Minh được hình thành từ sự thâu thái, bổ sung và phát triển hệ thống lý luận cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê nin. Tư tưởng của Người được hình thành trong quá trình khảo cứu tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc, được khái quát, tổng kết, đúc rút từ lịch sử phong trào cách mạng thế giới và thực tiễn cách mạng Việt Nam. Vì vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh trở thành kim chỉ nam cho cách mạng Việt Nam.

Sinh ra và lớn lên trong bối cảnh nước mắt, nhà tan, Hồ Chí Minh đã trải qua bao nỗi đắng cay, khổ cực của người dân nô lệ. Trong bối cảnh nhiều cuộc khởi nghĩa và các phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp lần lượt thất bại, máu đào của biết bao người dân yêu nước đã đổ xuống, cách mạng Việt Nam rơi vào khủng hoảng, bế tắc về đường lối, noi gương các thế hệ cha anh, “người trước ngã, người sau tiếp bước”, Hồ Chí Minh nung nấu ý chí tìm con đường cách mạng để giải phóng dân tộc khỏi ách thống trị, bóc lột của chế độ thực dân, phong kiến. Trên hành trình bôn ba tìm đường cứu nước, Người đã tiếp thu lý luận cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lê nin, đỉnh cao của văn hóa thời đại; tìm ra con đường giải phóng dân tộc và phát triển đất nước, đó là con đường cách mạng vô sản; độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Điểm khác biệt quan trọng của Chủ tịch Hồ Chí Minh là, mặc dù coi hệ thống lý luận cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lê nin là cái “cẩm nang thần kỳ”, nhưng từ sự quan sát, nghiên cứu thực tiễn điều kiện lịch sử của các nước thuộc địa, Người cho rằng, nhiều vấn đề lý luận cách mạng mà các nhà kinh điển đưa ra chỉ đúng đối với điều kiện lịch sử

1. Võ Nguyên Giáp: *Tư tưởng Hồ Chí Minh: Quá trình hình thành và phát triển*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, tr.73.

châu Âu, không mấy phù hợp với cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa, bởi các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác - Lê nin chưa được chiêm nghiệm, hoặc chưa có điều kiện đi sâu tìm hiểu. Người đưa ra quan điểm cần phải nghiên cứu, bổ sung và phát triển lý luận, để vận dụng sáng tạo vào thực tiễn cách mạng; không giáo điều, rập khuôn. Theo Người: “Chủ nghĩa Mác - Lê nin là kim chỉ nam cho hành động, chứ không phải là kinh thánh”¹. Người đề nghị: “Những người cộng sản các nước phải cụ thể hóa chủ nghĩa Mác - Lê nin cho thích hợp với điều kiện hoàn cảnh từng lúc và từng nơi”². Quan điểm của Người thể hiện tính vượt trội, sáng tạo về tư duy so với những vấn đề lý luận đã có, tạo nên giá trị định hướng, soi sáng, dẫn dắt cách mạng phát triển, phù hợp với xu thế của thời đại.

Với bản lĩnh chính trị vững vàng của một nhà cách mạng mácxit chân chính, Người không nao núng trước những ý kiến phản đối của một số nhà cách mạng đương thời. Dựa trên nền tảng lý luận cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lê nin, Hồ Chí Minh đã bổ sung, phát triển và vận dụng sáng tạo vào thực tiễn cách mạng Việt Nam. Hệ thống quan điểm sáng tạo của Người thể hiện trong việc nhìn nhận, giải quyết mỗi quan hệ giữa vấn đề dân tộc và giai cấp; về mối quan hệ giữa cách mạng vô sản và cách mạng thuộc địa; về lực lượng cách mạng trong cách mạng giải phóng dân tộc; về vấn đề xây dựng một chính đảng mácxit ở một nước thuộc địa, phong kiến, trong điều kiện giai cấp công nhân ra đời muộn, vừa yếu, lại vừa thiếu, v.v.. Đây là những vấn đề lý luận mới mẻ, không dễ gì được thừa nhận lúc bấy giờ nhưng đã làm nên thành công của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, xóa bỏ chế độ thực dân đô hộ, áp bức hơn 80 năm và xóa bỏ chế độ phong kiến bóc lột hàng mấy ngàn năm ở Việt Nam. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc - kỷ nguyên độc lập, hòa bình và chủ nghĩa xã hội;

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t7, tr.120.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t11, tr.95.

mở ra thời đại phát triển rực rỡ của đất nước - thời đại Hồ Chí Minh. Đồng thời chứng tỏ tính đúng đắn, sáng tạo của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam.

Cách mạng Tháng Tám giành thắng lợi, chính quyền đã về tay nhân dân, nhưng đời sống nhân dân vẫn gặp vô vàn khó khăn, nền kinh tế kiệt quệ, ngân khố trống rỗng. Nạn đói xảy ra ở miền Bắc làm hàng triệu đồng bào ta bị chết đói, trong lúc đó quân Pháp nổ súng quay trở lại Nam Bộ. Đất nước trong tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”, cùng một lúc nhân dân ta phải chống ba thứ giặc: giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm, chúng âm mưu lật đổ chính quyền nhân dân, xóa bỏ thành quả cách mạng. Trước tình hình đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: “Nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”¹. Ngay phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời (ngày 03/9/1945), dưới sự chủ trì của Người, Chính phủ đã đề ra những nhiệm vụ cấp bách cần phải giải quyết, trước tiên là phát động phong trào tăng gia sản xuất, giải quyết nạn đói; phát động phong trào quyên góp lương thực, ủng hộ người nghèo cứu đói; tổ chức “Tuần lễ vàng”, vận động nhân dân ủng hộ Chính phủ, góp tiền, vàng cho ngân quỹ quốc gia. Chủ trương của Chính phủ đã được các ngành, các giới và các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia ủng hộ, chỉ trong thời gian ngắn, đã cơ bản giải quyết được nạn đói, giúp duy trì, điều hành hoạt động của Chính phủ trong những ngày gian khó. Bằng trí tuệ mẫn tiệp, vận dụng sáng tạo những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin và bài học kinh nghiệm của Nhà nước Xôviết về vấn đề xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng, “phân hóa kẻ thù và lợi dụng mâu thuẫn của kẻ thù”, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký với Chính phủ Pháp Hiệp định Sơ bộ (ngày 06/3/1946) và Tạm ước 14/9/1946 hòa hoãn với Pháp để đuổi gần 20 vạn quân Tưởng về nước; tranh thủ có thời gian hòa bình xây dựng lực lượng, chuẩn bị đối phó với âm mưu xâm lược của thực dân Pháp.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.64.

Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã làm hết sức để cứu vãn hòa bình, nhưng trước dã tâm quay trở lại xâm lược của thực dân Pháp, kháng chiến toàn quốc bùng nổ (tháng 12/1946). Hồ Chí Minh ra *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*: “Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa! Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ. *Hỡi đồng bào!* Chúng ta phải đứng lên!”¹. Nghe theo tiếng gọi của Người, cả dân tộc tham gia cuộc chiến đấu “quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”, thực hiện đường lối kháng chiến “toute dâng, toute diện, trường kỳ và tự lực cánh sinh”; “vừa kháng chiến, vừa kiến quốc”, nhân dân ta đã làm nên kỳ tích, với đỉnh cao là chiến thắng Điện Biên Phủ, “lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu”, Hiệp định Giơnevơ được ký kết, miền Bắc hoàn toàn giải phóng.

Hòa bình lập lại ở miền Bắc (tháng 7/1954), trong khi miền Nam vẫn dưới sự cai trị của chính quyền thân Pháp - Mỹ. Đảng ta xác định, nhiệm vụ của miền Bắc là quá độ lên chủ nghĩa xã hội; miền Nam tiếp tục sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, tiến tới thống nhất đất nước. Xuất phát từ điều kiện lịch sử cụ thể, Hồ Chí Minh chỉ ra đặc điểm kinh tế - xã hội nước ta, một nước nông nghiệp lạc hậu, cơ sở vật chất kinh tế - xã hội yếu kém, bị chiến tranh tàn phá nặng nề, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa để tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội. Đây là một nhiệm vụ mới mẻ, chưa hề có tiền lệ trong lịch sử. Do đó, nhiệm vụ trọng tâm và quan trọng nhất trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là khôi phục phát triển kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân.

Dưới sự chỉ đạo của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, miền Bắc đã hoàn thành vượt mức chỉ tiêu, kế hoạch hai năm 1957 - 1958 về khôi phục, cải tạo, phát triển kinh tế. Đến tháng 9/1960, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III, Đảng đã đề ra kế hoạch 5 năm lần thứ nhất,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.534.

phát triển kinh tế - xã hội. Tháng 8/1964, đế quốc Mỹ tiến hành chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân, đánh phá miền Bắc. Một lần nữa dân tộc ta, cả hai miền Nam - Bắc tập trung toàn lực cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, vì “Không có gì quý hơn độc lập tự do”, vì sự nghiệp thống nhất Tổ quốc.

Mùa Xuân năm 1975, với thắng lợi của chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, quân và dân ta đã hoàn thành sự nghiệp giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước. Thực hiện di huấn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, “đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn”¹, cả nước cùng đi lên chủ nghĩa xã hội. Tư tưởng Hồ Chí Minh đã trở thành kim chỉ nam cho cách mạng Việt Nam, giương cao ngọn cờ “Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội”, cả dân tộc Việt Nam đoàn kết một lòng, bằng ý chí, quyết tâm và sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, đã anh dũng đấu tranh giành độc lập, tự do cho đất nước, bảo vệ sự thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc, hạnh phúc của nhân dân.

Tổ quốc đã thống nhất, non sông thu về một mối, nhưng ảnh hưởng của sự khủng hoảng, sụp đổ của các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu và Liên Xô đã tác động mạnh mẽ đến cách mạng Việt Nam. Đứng trước những thử thách nghiệt ngã của lịch sử, Đảng ta khẳng định, phải tiến hành đổi mới toàn diện, trước hết là đổi mới tư duy lý luận và đổi mới kinh tế. Nhưng đổi mới thế nào, bằng con đường nào? Sau thời gian trăn trở, tìm tòi, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI đã khẳng định: “Muốn đổi mới tư duy, Đảng ta phải nắm vững bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê nin, kế thừa di sản quý báu về tư tưởng và lý luận cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh”².

Dưới ánh sáng định hướng soi đường của tư tưởng Hồ Chí Minh, sau gần 35 năm đổi mới, đất nước ta đã giành được “những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử”. Những thành tựu đổi mới được thể hiện trên

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.15, tr.131.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.47, tr.459.

tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, văn hóa - giáo dục, đối ngoại và an ninh - quốc phòng, thể hiện sự đúng đắn, sáng suốt của Đảng và nhân dân ta, đã kiên định lập trường, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hành động. Bởi hệ thống lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh mang bản chất khoa học, cách mạng và là một hệ thống mở. Tư tưởng Hồ Chí Minh thể hiện tính độc lập, tự chủ và sáng tạo, không giáo điều, không thiên kiến, là sự trân trọng, chắt lọc các giá trị tốt đẹp của văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại. Do đó, tư tưởng Hồ Chí Minh có giá trị bền vững, định hướng cho sự nghiệp đổi mới và phát triển của cách mạng Việt Nam. Thủ tướng Phạm Văn Đồng nhận định: “... *Hệ thống luận điểm của Hồ Chí Minh mới mẻ đến kỳ lạ, khó lòng tưởng tượng. Nó nằm trong dòng sáng tạo cách mạng của những con người mà cống hiến lý luận và sự nghiệp đấu tranh vạch đường cho thời đại*”¹.

Giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với dân tộc và thời đại đã được lịch sử kiểm nghiệm và chứng minh là hoàn toàn đúng đắn. Nhưng các thế lực thù địch và một số người có tư tưởng “thù hận chính trị” không chịu thừa nhận, thậm chí xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

Có ý kiến cho rằng, tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là giáo điều, rập khuôn theo đường lối của Liên Xô và Trung Quốc. Họ lấy dẫn chứng từ sai lầm trong cải cách ruộng đất (từ thập niên 50 của thế kỷ XX); những yếu kém, trì trệ của cơ chế quản lý quan liêu bao cấp để quy kết và phán xét. Tuy nhiên, có thể thấy sự “phán xét” của họ xuất phát từ hiện tượng, mà không có sự suy xét, nghiên cứu một cách nghiêm túc, không nhìn nhận từ bản chất, nguồn gốc của vấn đề và không dựa vào sự thật lịch sử. Bởi vì, nếu những ai đã nghiên cứu thấu đáo, khách quan

1. Tạp chí *Công tác tư tưởng và văn hóa*, tháng 9/1994, tr.26.

những quan điểm lý luận của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, đều nhận thấy những quan điểm lý luận của Người xuất phát từ đặc điểm, điều kiện lịch sử Việt Nam và giàu tính hiện thực.

Hồ Chí Minh khẳng định mục tiêu cao cả của chế độ xã hội chủ nghĩa, trước nhất thể hiện ở việc xóa bỏ chế độ người bóc lột người; giải phóng con người khỏi mọi sự áp bức, bất công, hướng tới xây dựng một chế độ xã hội “không có người bóc lột người, mọi người sung sướng, vể vang, tự do, bình đẳng, xứng đáng là thế giới của loài người”¹.

Bằng cái nhìn lịch sử cụ thể, không hề “giáo điều hay rập khuôn” theo mô hình Liên Xô và Trung Quốc, Hồ Chí Minh nhận thấy điều kiện, đặc điểm kinh tế - xã hội nước ta, một nước nông nghiệp lạc hậu, có xuất phát điểm thấp, chưa kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, do đó Người xác định mục tiêu ban đầu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là: “Làm cho người nghèo thì đủ ăn. Người đủ ăn thì khá giàu. Người khá giàu thì giàu thêm. Người nào cũng biết chữ. Người nào cũng biết đoàn kết, yêu nước”². Người còn nói: “Chủ nghĩa xã hội là mọi người cùng ra sức lao động sản xuất để được ăn no, mặc ấm, và có nhà ở sạch sẽ”³; và “xã hội ngày càng tiến, vật chất ngày càng tăng, tinh thần ngày càng tốt, đó là chủ nghĩa xã hội”⁴. Cụ thể hơn, Hồ Chí Minh cho rằng, chủ nghĩa xã hội phải “có công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, có văn hóa và khoa học tiên tiến”⁵; về chính trị, xã hội xã hội chủ nghĩa là do nhân dân làm chủ, bao nhiêu lợi ích đều vì dân, bao nhiêu quyền hạn đều của dân, quyền hành và lực lượng đều ở mọi người dân⁶, tất cả cán bộ, công chức nhà nước đều là công bộc của dân.

1, 5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t12, tr.70, 412.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t5, tr.81.

3, 4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t13, tr.17, 438.

6. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t6, tr.232.

Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ ra rằng, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội hoàn toàn không bằng phẳng, mà có vô vàn khó khăn, phức tạp phải vượt qua. Người nói: “Xây dựng chủ nghĩa xã hội là một cuộc đấu tranh cách mạng phức tạp, gian khổ và lâu dài”¹; bởi “biến đổi một xã hội cũ thành một xã hội mới, không phải là một chuyện dễ”². Theo Hồ Chí Minh, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam phải trải qua nhiều bước, “bước ngắn, bước dài, tùy theo hoàn cảnh”³; nhưng “chớ ham làm mau, ham rầm rộ... Đi bước nào vững vàng, chắc chắn bước ấy, cứ tiến tới dần dần”⁴. Người căn dặn, phải nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo, chống giáo điều rập khuôn kinh nghiệm nước ngoài: “Ta không thể giống Liên Xô, vì Liên Xô có phong tục tập quán khác, có lịch sử địa lý khác... ta có thể đi con đường khác để tiến lên chủ nghĩa xã hội”⁵. Những quan điểm đó của Chủ tịch Hồ Chí Minh là cơ sở, điều kiện bảo đảm cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội nước ta đi tới thành công.

Về vấn đề này, Viện sĩ Viện Hàn lâm khoa học Nga V.M. Xônxép cho rằng: Trong thế giới đầy năng động của chúng ta ngày nay đang diễn ra những biến đổi lớn lao... Khái niệm của chúng ta về chủ nghĩa xã hội, về các con đường và các phương pháp xây dựng chủ nghĩa xã hội cũng thay đổi. Nhưng trong mọi biến đổi cũng có một số điều quan trọng không hề thay đổi. Đó là lý tưởng xã hội chủ nghĩa, các tư tưởng nhân đạo chủ nghĩa, tự do, dân chủ và công bằng xã hội, mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhà yêu nước vĩ đại, người theo chủ nghĩa quốc tế đã cống hiến trọn đời mình cho những lý tưởng đó. Năm tháng sẽ qua đi nhưng nhân loại tiến bộ nhớ mãi tên tuổi và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh⁶.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.11, tr.216.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.13, tr.376.

3, 4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.9, tr.464, 466.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.10, tr.391.

6. Xem Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia - Ủy ban UNESCO của Việt Nam: *Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa lớn*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1995, tr.120.

Một số ý kiến khác giả danh khoa học, họ tự nhận “xuất phát từ truyền thống văn hóa dân tộc” để “phê phán” Hồ Chí Minh; cho rằng, việc Hồ Chí Minh “du nhập chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam là một sai lầm lịch sử, chỉ đưa đến tai họa vì chủ nghĩa Mác - Lênin là tư tưởng ngoại lai, xa lạ với truyền thống dân tộc”. Họ còn lập luận “lý luận Mác - Lênin chỉ giải quyết vấn đề đấu tranh giai cấp, còn tư tưởng Hồ Chí Minh giải quyết đấu tranh dân tộc thuần túy, không thể áp đặt mẫu học thuyết Mác - Lênin vào Việt Nam, nhất là trong hoàn cảnh kinh tế thị trường”. Một số người cố tình xuyên tạc, nhầm hạ thấp uy tín và tên tuổi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tự cho mình “quyền phán xét” Hồ Chí Minh. Thâm độc hơn, một số ngòi bút giả danh “cách mạng” khi đưa ra lập luận: “Chủ nghĩa Mác - Lênin vận dụng ở Việt Nam là không phù hợp với thực tiễn, chỉ cần nghiên cứu vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh là đủ”.

Đó là những lời lẽ xuyên tạc hết sức thâm độc, nguy hiểm, với mưu đồ “thật - hư lẫn lộn; đánh lận con đen”, phớt lờ sự thật lịch sử, cố tình quay lưng lại với lợi ích dân tộc, phản bội đồng bào. Thủ hỏi việc tiếp thu, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam của Hồ Chí Minh đã đưa đến thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, giành độc lập cho đất nước, để dân tộc Việt Nam đứng ngang hàng với các dân tộc trên thế giới; để “những người đang cho mình cái quyền phán xét” từ thân phận của người nô lệ thành người tự do, là đúng hay sai?

Để chống phá cách mạng Việt Nam, các thế lực thù địch đã đưa ra luận điệu tuyên truyền rằng: “chủ nghĩa Mác - Lênin vận dụng ở Việt Nam là không phù hợp với thực tiễn, chỉ cần nghiên cứu vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh là đủ”, thực chất là nhằm tách rời tư tưởng Hồ Chí Minh khỏi học thuyết Mác - Lênin, để rồi từng bước vừa phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, vừa xuyên tạc tư tưởng Hồ Chí Minh, phủ nhận nền tảng lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam. Nhưng trong thời đại cách mạng thông tin, thông tin nhiều chiêu, đầy đủ, những thủ đoạn thâm độc đó đã bị phơi bày. Bởi thực tiễn lịch sử hào hùng của cách mạng

Việt Nam đã chứng tỏ rằng, Hồ Chí Minh đã tiếp thu, vận dụng sáng tạo, bổ sung và phát triển lý luận chủ nghĩa Mác - Lê nin vào thực tiễn Việt Nam, dẫn dắt cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Ngày nay, chúng ta đều thừa nhận rằng, chủ nghĩa Mác - Lê nin là một trong ba nguồn gốc cơ bản cấu thành nền tư tưởng Hồ Chí Minh. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã khẳng định, chủ nghĩa Mác - Lê nin với linh hồn là phép biện chứng duy vật đã được Người vận dụng trong thực tiễn cách mạng Việt Nam, trở thành phương pháp luận cách mạng Hồ Chí Minh. Với phương châm “đã bất biến ứng vạn biến”, tùy hoàn cảnh và điều kiện cụ thể, tùy từng lĩnh vực và đối tượng mà có sự vận dụng linh hoạt, phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể để giành thắng lợi cuối cùng.

Đối với phong trào cách mạng thế giới, trong những năm giữa thập niên 50 của thế kỷ XX, những cống hiến lý luận xuất sắc của Hồ Chí Minh đã kịp thời bổ sung vào kho tàng lý luận cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lê nin, đồng thời cổ vũ, động viên các dân tộc thuộc địa trên thế giới cùng đứng lên đấu tranh, lật đổ chính quyền thực dân cai trị, làm sụp đổ chủ nghĩa thực dân kiểu cũ trên phạm vi toàn thế giới. Đó là minh chứng sinh động về tính đúng đắn, giá trị thời đại của tư tưởng Hồ Chí Minh. Tiến sĩ Ahmed - Giám đốc UNESCO khu vực châu Á - Thái Bình Dương đã nhận xét: “Chỉ có ít nhân vật lịch sử trở thành một bộ phận của huyền thoại khi còn sống và rõ ràng cụ Hồ Chí Minh là một trong số đó; Người sẽ được ghi nhớ không phải chỉ là người giải phóng cho Tổ quốc và nhân dân bị đô hộ, mà còn là một nhà hiền triết hiện đại đã mang lại một viễn cảnh và hy vọng mới cho những người đấu tranh không khoan nhượng để loại bỏ bất công, bất bình đẳng khỏi trái đất này”¹.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đi xa, song giá trị vĩnh hằng của tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, tên tuổi và sự nghiệp cách mạng

1. Xem *Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh*, Viện Hồ Chí Minh xuất bản, Hà Nội, 1993, t.2, tr.42.

vĩ đại của Người vẫn tỏa sáng, mãi là kim chỉ nam soi sáng, dẫn dắt cách mạng Việt Nam đi đến thắng lợi vinh quang. Tên tuổi và sự nghiệp của Người là tấm gương cổ vũ nhân dân ta và các dân tộc yêu chuộng hòa bình, tự do, công lý trên thế giới đấu tranh vì độc lập dân tộc, hòa bình và tiến bộ xã hội. Trong giai đoạn cách mạng mới, tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh tiếp tục là nền tảng tư tưởng, là kim chỉ nam, là ánh sáng soi đường, dẫn dắt sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta đi tới thành công. Tư tưởng Hồ Chí Minh với những giá trị vĩnh hằng, sẽ mãi mãi trường tồn cùng dân tộc và thời đại.

GIÁ TRỊ NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH ĐỐI VỚI SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG VIỆT NAM HIỆN NAY

GS.TS. TRẦN VĂN PHÒNG*

Hiện nay, kẻ thù tư tưởng của Đảng, của dân tộc và cách mạng Việt Nam luôn tìm mọi cách, bằng mọi thủ đoạn, bất chấp phương thức nhầm bôi đen, xuyên tạc, bóp méo những giá trị của những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Nhưng cả về lý luận, cả về thực tiễn cách mạng Việt Nam đều chứng tỏ, những giá trị của những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh đã, đang và sẽ là ngọn đèn soi sáng, dẫn dắt cách mạng Việt Nam phát triển đi lên.

1. Giá trị những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam hiện nay

Thứ nhất, chủ nghĩa Mác - Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Thực tiễn cách mạng Việt Nam đã chứng tỏ, nếu không có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam dựa trên nền tảng tư tưởng

* Viện Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

là chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh thì sự nghiệp cách mạng không thể thành công. 90 năm, kể từ khi ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn kiên trì, kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động cách mạng. Với bản chất khoa học, cách mạng, vì mục tiêu giải phóng con người, trước hết là giải phóng nhân dân lao động khỏi mọi hình thức nô dịch, áp bức, bóc lột, bất công, chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh luôn là cơ sở, nền tảng tư tưởng định hướng cho cương lĩnh, chủ trương, đường lối đúng đắn của Đảng ta. Nhờ vậy, trong quá trình lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc trước đây cũng như trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay, Đảng ta luôn hoàn thành sứ mệnh lịch sử mà dân tộc giao phó. Thực tiễn cách mạng thế giới đã chứng tỏ, khi nào xa rời những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin thì sẽ gây tổn thất cho cách mạng. Chính vì vậy, Đảng ta luôn đề ra nhiệm vụ “kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh”¹. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung, phát triển năm 2011) của Đảng cũng như Hiến pháp của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đều khẳng định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động cách mạng của Đảng ta. Bởi lẽ, với bản chất khoa học, cách mạng, với phương pháp luận biện chứng duy vật và thế giới quan duy vật biện chứng, chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đã trở thành cơ sở lý luận khoa học và nền tảng phương pháp luận khoa học để Đảng ta nhận thức đúng tình hình thực tiễn trong nước và quốc tế, nắm bắt được xu hướng vận động của thời đại, đề ra được chủ trương, đường lối, chính sách phát triển đất nước, bảo vệ Tổ quốc phù hợp thực tiễn. Không những vậy, chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh còn là ngọn cờ tư tưởng, lý luận cho sự đoàn kết, thống nhất,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.186.

nhất trí trong Đảng về tư tưởng, tổ chức và hành động cũng như củng cố niềm tin của nhân dân vào Đảng, tạo sự đồng thuận xã hội xung quanh Đảng. Chính vì vậy, suốt 90 năm qua, trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn “đẩy mạnh tuyên truyền, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh”¹ và “vận dụng sáng tạo, phát triển phù hợp với thực tiễn Việt Nam”².

Thứ hai, những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là cơ sở lý luận khoa học và nền tảng phương pháp luận khoa học để Đảng ta xác định đúng con đường cách mạng: Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin sớm nhận thức sâu sắc rằng, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là con đường cách mạng chân chính của dân tộc Việt Nam. Chỉ có đi theo con đường xã hội chủ nghĩa thì độc lập dân tộc mới vững bền. Nói khác đi, chỉ có lựa chọn con đường phát triển xã hội chủ nghĩa mới là con đường bảo vệ và phát triển vững chắc nhất thành quả của độc lập dân tộc, mới bảo đảm cho nhân dân ta thực sự có được quyền tự do, có cuộc sống thực sự ấm no, hạnh phúc. Tất nhiên, không có độc lập dân tộc thì cũng không có điều kiện, tiền đề, cơ sở để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Do vậy, sau khi giành được độc lập dân tộc, đi lên chủ nghĩa xã hội là con đường phát triển đúng đắn, phù hợp quy luật khách quan của cách mạng Việt Nam.

Thứ ba, những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là cơ sở lý luận khoa học và nền tảng phương pháp luận khoa học để Đảng ta xác định rõ mục tiêu của cách mạng Việt Nam.

Dựa trên nền tảng tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin xuất phát từ con người hiện thực, đang sống, đang lao động, hoạt động thực tiễn và cũng nhằm mục đích giải phóng con người, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam không có mục tiêu nào khác là giải phóng nhân dân lao động Việt Nam khỏi mọi hình thức nô dịch, áp bức, bóc lột,

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.200, 199.

bất công. Nhưng để giải phóng nhân dân lao động Việt Nam, trước hết phải giành được độc lập dân tộc. Sau khi giành được độc lập dân tộc phải đi lên chủ nghĩa xã hội, tăng cường phát triển kinh tế - xã hội để nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân. Bởi lẽ, “nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”¹. Thực tiễn lịch sử phát triển của nhân loại đã chứng tỏ ý nghĩa to lớn của mục tiêu giải phóng con người, trước hết là giải phóng giai cấp công nhân của chủ nghĩa Mác - Lênin cũng như mục tiêu giải phóng nhân dân lao động Việt Nam của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam. Giải phóng con người Việt Nam khỏi mọi rào cản phát triển, phục vụ con người Việt Nam luôn là mục tiêu, tâm điểm cốt lõi nhất trong mọi chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam.

Thứ tư, những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng, dẫn dắt sự nghiệp đổi mới và phát triển của Việt Nam hiện nay.

Trung thành với những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, nhưng có sự bổ sung, phát triển sáng tạo cho phù hợp với điều kiện thực tiễn Việt Nam, Đảng ta đã thực hiện sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước và đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Từ một nước kém phát triển, qua gần 35 năm đổi mới, Việt Nam đã trở thành nước đang phát triển, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu, rộng. Quy mô, tiềm lực nền kinh tế được nâng lên nhiều so với trước đây (năm 1986). Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện rất rõ. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục phát triển, kinh tế vĩ mô ổn định. Giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ tiếp tục được đổi mới và có bước phát triển. Các lĩnh vực văn hóa, xã hội, phát triển con người, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu ngày càng được quan tâm, coi trọng và đạt được kết quả

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.64.

quan trọng. Chính trị - xã hội ổn định, quốc phòng, an ninh được giữ vững. Độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc được bảo vệ vững chắc. Sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố, dân chủ xã hội chủ nghĩa tiếp tục được phát huy. Hệ thống chính trị được củng cố, ngày càng hiệu lực, hiệu quả, trong sạch, vững mạnh. Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị được đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ, quyết liệt, có hiệu quả rõ. Phá thế bao vây, cấm vận trong một thời gian dài; uy tín, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng lên, “tạo nên cơ đồ, vị thế và uy tín của đất nước ta như ngày nay”¹. Việt Nam là một trong những quốc gia hoàn thành trước thời gian các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ của Liên hợp quốc. Những thành tựu toàn diện đó của công cuộc đổi mới khẳng định mục đích đúng đắn, tính khoa học, tính thực tiễn của đường lối đổi mới của Đảng ta. Đồng thời, những thành tựu này còn chứng minh giá trị định hướng, soi đường, dẫn dắt của những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ trong cách mạng giải phóng dân tộc trước đây, mà còn cả trong sự nghiệp đổi mới và phát triển đất nước Việt Nam ngày nay.

2. Nhận diện các luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh

Thứ nhất, những quan điểm sai trái, thù địch tấn công vào những giá trị nền tảng tư tưởng của Đảng ta, với biểu hiện rất đa dạng.

- Có quan điểm cho rằng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh không quan tâm đến con người sinh học bình thường, chỉ quan tâm tới con người giai cấp, con người chính trị. Thực chất là không quan tâm giải phóng con người mà là “bỏ rơi” con người.

- Quan điểm khác thì rêu rao, xuyên tạc rằng chủ nghĩa Mác - Lênin là đúng đắn nhưng chỉ đúng đắn trong điều kiện Cách mạng

1. Nguyễn Phú Trọng: *Chuẩn bị thật tốt đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2020, tr.30.

công nghiệp 1.0 (động cơ hơi nước), nền sản xuất dựa trên máy móc cơ khí. Còn hiện nay, nhân loại đã chuyển sang Cách mạng công nghiệp 4.0, kinh tế tri thức, kinh tế số, toàn cầu hóa, tin học hóa, dữ liệu lớn (Big Data) thì chủ nghĩa Mác - Lê nin trở nên lỗi thời, không nên lấy làm nền tảng tư tưởng. Đến lúc cần thay thế học thuyết hình thái kinh tế - xã hội bằng các học thuyết khác như lý thuyết phân kỳ xã hội theo các thời đại văn minh, hoặc “thế giới phẳng”, v.v..

- Trong thời đại ngày nay, trong nền sản xuất hiện đại đã sử dụng nhiều robot - người máy, tự động hóa, người công nhân được tuyển dụng và sử dụng rất ít, cho nên học thuyết giá trị thặng dư của C. Mác, học thuyết về vai trò sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, v.v. không còn phù hợp nữa.

- Có quan điểm cho rằng, chủ nghĩa Mác - Lê nin do C. Mác, Ph. Ăngghen sáng lập, được V.I. Lê nin phát triển là sản phẩm của sự phát triển kinh tế, văn hóa của châu Âu là chủ yếu. Mà đó lại là châu Âu cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Do vậy, đối với châu Âu hiện nay thì nó không còn phù hợp. Đối với châu Á thì càng không phù hợp. Bởi lẽ, châu Á có sự phát triển kinh tế khác, có trình độ văn hóa, phong tục, tập quán khác châu Âu. Do vậy, chủ nghĩa Mác - Lê nin không phù hợp với Việt Nam, v.v.. Tư tưởng Hồ Chí Minh lấy chủ nghĩa Mác - Lê nin làm nền tảng, cơ sở, do vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh cũng không thể và không nên vận dụng vào Việt Nam. Vì vậy, không nên lấy học thuyết Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng cho dân tộc Việt Nam.

Thứ hai, xuyên tạc học thuyết về chủ nghĩa xã hội của chủ nghĩa Mác - Lê nin. Quan điểm này cho rằng, chủ nghĩa xã hội đã bị thất bại qua sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên Xô và Đông Âu. Họ cố tình đồng nhất sự sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên Xô và Đông Âu với sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội nói chung, sự sụp đổ của chủ nghĩa Mác - Lê nin về chủ nghĩa xã hội nói riêng. Họ ca ngợi mô hình chủ nghĩa xã hội dân chủ - mô hình phát triển phù hợp với thế giới đương đại, vừa tích hợp được những mặt mạnh của chủ

nghĩa tư bản với mặt mạnh của chủ nghĩa xã hội. Có một số ý kiến cho rằng, những nước đi theo con đường tư bản chủ nghĩa, mặc dù có những bất cập nhất định nhưng tốc độ phát triển kinh tế nhanh, những vấn đề xã hội, môi trường thường được giải quyết tốt hơn các nước đi theo chủ nghĩa xã hội. Các nước đi theo chủ nghĩa xã hội thường xảy ra tình trạng tham nhũng, quan liêu, độc đoán. Cho nên Việt Nam không nên gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội.

Thứ ba, nói xấu, bôi nhọ, xuyên tạc bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam, nói xấu lãnh tụ Đảng, Nhà nước... Các quan điểm sai trái, thù địch thường đồng nhất sự cầm quyền duy nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam với độc đoán, chuyên quyền, từ đó kêu gọi đa nguyên, đa đảng. Họ thường đồng nhất những yếu kém, hạn chế của chủ nghĩa xã hội hiện thực, hay những sai lầm, hạn chế của một số đảng cộng sản để minh chứng cho sự không đúng đắn của học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, v.v..

3. Những luận cứ khoa học để đấu tranh, phản bác các luận điệu sai trái, thù địch hiện nay

Đối với những luận điểm sai trái, thù địch cho rằng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh không quan tâm giải phóng con người mà “bỏ rơi” con người, cần chỉ rõ đây là một luận điệu vô căn cứ cả về mặt lý luận lẫn về mặt thực tiễn. Bởi lẽ, một là, chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh xuất phát từ con người hiện thực, chứ không phải con người trừu tượng, chung chung, trống rỗng. Hai là, chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh không có mục đích nào khác ngoài mục đích giải phóng con người khỏi bất công, áp bức, bóc lột. Ba là, tinh thần nhân văn của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là tinh thần nhân văn triệt để, đặt ra mục tiêu giải phóng người lao động khỏi áp bức, bóc lột, bất công trên thực tế. Bốn là, với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh con người luôn là thực thể sinh học - xã hội thống nhất với nhau.

Đối với những luận điểm sai trái, thù địch tấn công vào học thuyết giá trị thặng dư, vai trò sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chúng ta cần chỉ ra rằng: Đúng là trong điều kiện Cách mạng công nghiệp 4.0, kinh tế tri thức, kinh tế số, toàn cầu hóa, tin học hóa, dữ liệu lớn... thì các chủ tư bản sử dụng nhiều robot - người máy thông minh, nhiều dây chuyền sản xuất tự động hóa hơn trước đây. Nhưng, chính công nhân - người lao động mới là người làm chủ quá trình sản xuất vật chất nói chung, quá trình sản xuất ra chính robot - người máy, dây chuyền sản xuất tự động nói riêng. Trong quan hệ giữa công nhân - người lao động với các robot - người máy, các dây chuyền sản xuất tự động thì công nhân - người lao động là chủ thể quyết định robot - người máy, các dây chuyền sản xuất tự động. Robot - người máy, các dây chuyền sản xuất tự động có thông minh đến đâu chăng nữa thì cũng chỉ là sản phẩm của con người. Công nhân lao động ở đây có thể là công nhân trí thức, công nhân lao động truyền thống hay công nhân dịch vụ.

Rõ ràng, máy móc, tự động hóa, robot - người máy, các dây chuyền sản xuất tự động đã thay thế một phần lao động trực tiếp và lao động trí tuệ của con người - người lao động, nhưng *không thể thay thế địa vị chủ thể quá trình sản xuất vật chất của con người* - người lao động trong nền sản xuất vật chất xã hội hiện đại. Điều này cho thấy, công nhân - người lao động vẫn đóng vai trò quyết định quá trình sản xuất vật chất. Thiếu sức lao động sống của người công nhân thì quá trình sản xuất vật chất không thể diễn ra. Do đó, việc tạo ra sản phẩm lao động nói chung, tạo ra giá trị thặng dư nói riêng vẫn thuộc về sức lao động sống của công nhân. Giá trị thặng dư vẫn do sức lao động sống của công nhân tạo ra chứ không phải do người máy - robot hay các dây chuyền sản xuất tự động tạo ra. Điều này nói lên rằng học thuyết giá trị thặng dư của C. Mác vẫn đúng trong điều kiện sản xuất vật chất hiện đại. Tất nhiên, so với thời đại của C. Mác thì học thuyết giá trị thặng dư cũng cần bổ sung những yếu tố mới, như vấn đề bản quyền;

sở hữu trí tuệ, sự thay đổi trong nội bộ giai cấp công nhân, v.v.. Tuy nhiên, bản chất khoa học của học thuyết giá trị thặng dư của C. Mác vẫn giữ nguyên giá trị. Xét về nội dung kinh tế; về khía cạnh tư tưởng, văn hóa; về mặt chính trị, giai cấp công nhân hiện đại vẫn là chủ thể chủ yếu của quá trình sản xuất vật chất của xã hội hiện đại, vẫn đóng vai trò sứ mệnh lịch sử toàn thế giới là lật đổ chế độ tư bản bóc lột, áp bức, nô dịch con người xây dựng xã hội mới, trong đó “sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người”¹.

Đối với những luận điểm sai trái, thù địch cho rằng chủ nghĩa Mác - Lênin là sản phẩm của sự phát triển kinh tế, văn hóa của châu Âu nên không phù hợp với châu Á và Việt Nam, chúng ta cần chỉ rõ: Các châu lục khác nhau có những đặc thù khác nhau trong quá trình vận động, phát triển, khác nhau về ngôn ngữ, văn hóa, tâm lý nhưng họ đều tư duy dựa trên biện chứng khách quan, quy luật khách quan. Chính các quy luật khách quan, cái biện chứng khách quan đã quy định cái biện chứng chủ quan trong đầu óc con người. Các quy luật khách quan không phụ thuộc vào ngôn ngữ, văn hóa, phong tục, tập quán, chỉ phụ thuộc vào nội dung khách quan mà nó phản ánh. Các yếu tố ngôn ngữ, văn hóa, phong tục, tập quán, v.v. chỉ làm cho các tri thức về các quy luật khách quan được phát hiện, trình bày mang thêm sắc thái đặc thù dân tộc khác nhau chứ nội dung khách quan mà chúng phản ánh vẫn không thay đổi. Đúng như V.I. Lenin đã viết: “Những khái niệm của con người là chủ quan trong tính trừu tượng của chúng, trong sự tách rời của chúng, nhưng là khách quan trong chỉnh thể, trong quá trình, trong kết cuộc, trong khuynh hướng, trong nguồn gốc”². Chủ nghĩa Mác - Lênin mặc dù ra đời từ những năm 40 của thế kỷ XIX, nhưng luôn được bổ sung, phát triển bằng tổng kết thực tiễn mới bởi các nhà mácxít chân

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.628.

2. V.I. Lenin: *Toàn tập*, Sđd, t.29, tr.223-224.

chính và dù được trình bày bằng ngôn ngữ nào thì nó vẫn phản ánh đúng quy luật vận động khách quan của lịch sử loài người, trong đó có quy luật “sự sụp đổ của giai cấp tư sản và thắng lợi của giai cấp vô sản đều là tất yếu như nhau”¹.

Hơn nữa, chủ nghĩa Mác - Lênin mang bản chất khoa học nên nó mang tính phổ biến và đúng ở mọi châu lục. Tất nhiên, những điều kiện lịch sử cụ thể ở mỗi nước, đòi hỏi chủ nghĩa Mác - Lênin phải được vận dụng cho phù hợp. Chúng ta đều rõ, tính đặc thù là hình thức biểu hiện của tính phổ biến trong sự vật riêng, vừa mang những nét của tính phổ biến, vừa mang thêm nét “đặc thù” riêng có của sự vật. Nét “đặc thù” riêng này không đối lập với nét chung của tính phổ biến và do những đặc điểm riêng của từng sự vật quy định. Chính vì vậy, những giá trị khoa học, phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lênin phải được vận dụng cho phù hợp với những điều kiện lịch sử cụ thể.

Đối với những luận điểm đồng nhất sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội hiện thực với chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa Mác - Lênin, ca ngợi chủ nghĩa xã hội dân chủ, v.v. thì chúng đều sai lầm ở một điểm là đồng nhất một mô hình chủ nghĩa xã hội giáo điều với chủ nghĩa Mác - Lênin và học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội. Sự sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên Xô và Đông Âu là sự sụp đổ của một mô hình chủ nghĩa xã hội giáo điều, bảo thủ, máy móc, còn nhiều khiếm khuyết chứ không phải là sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội. Họ cố tình làm ngơ trước những thành tựu cải cách, mở cửa, đổi mới ở các nước xã hội chủ nghĩa. Họ đồng nhất hiện tượng tham nhũng, quan liêu, độc đoán, chuyên quyền với chủ nghĩa xã hội. Chúng ta không phủ định hiện tượng tham nhũng, quan liêu ở một số nước xã hội chủ nghĩa, nhưng hiện tượng này cũng tồn tại ở các nước tư bản phát triển, ở các nước không đi theo định hướng xã hội chủ nghĩa, không loại trừ quốc gia nào. Nó là căn bệnh mà Đảng và

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.613.

Nhà nước Việt Nam đang quyết tâm phòng, chống. Hơn nữa, chủ nghĩa xã hội mới có lịch sử ngắn ngủi 103 năm, ít hơn gần 4 lần so với lịch sử của chủ nghĩa tư bản, nhưng trong hơn 100 năm ấy, chủ nghĩa xã hội đã làm được những điều mà từ trước tới khi chủ nghĩa xã hội ra đời nhân loại chưa bao giờ làm được. Đó là giải phóng người lao động khỏi nô lệ, áp bức, bóc lột, đưa họ lên địa vị làm chủ. Đồng thời, chủ nghĩa xã hội lại phải thực hiện nhiều cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại, thậm chí cứu cả nhân loại khỏi sự diệt chủng. Mặt khác, xây dựng một xã hội mới tốt đẹp chưa có tiền lệ trong lịch sử là một công việc hết sức khó khăn, gian khổ và khó tránh khỏi những sai lầm, thất bại.

Đối với những luận điểm sai trái, thù địch nói xấu, bôi nhọ, xuyên tạc bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam, nói xấu lãnh tụ Đảng, Nhà nước, đồng nhất sự lãnh đạo duy nhất của Đảng ta là độc đoán, chuyên quyền, cho đa nguyên mới dân chủ, v.v. chúng ta cần chỉ rõ: Đảng Cộng sản Việt Nam không có lợi ích nào khác ngoài lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam. Lợi ích của Đảng là lợi ích của nhân dân, của dân tộc. Sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội đã được Hiến pháp ghi nhận. Hơn nữa, Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, phục vụ nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân về các quyết định của mình. Đảng, các tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Chúng ta cũng cần chỉ rõ, dân chủ và đa nguyên là hai vấn đề hoàn toàn khác nhau, không có mối liên hệ nhân quả nào với nhau. Dân chủ theo đúng nghĩa của nó là dân làm chủ, dân là chủ. Nghĩa là trong một nhà nước dân chủ thì quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, do nhân dân quyết định. Còn đa nguyên chính trị, đa đảng là trong chính quyền nhà nước có nhiều đảng phái đối lập nhau, đại diện cho những lợi ích đối lập nhau của các giai cấp đối lập nhau. Có một số thể chế chính trị có nhiều đảng nhưng thực chất chỉ là đại diện cho các phe phái khác nhau của cùng một giai cấp.

Như vậy, nhiều đảng không đồng nhất với dân chủ và cũng không liên quan tới dân chủ. Một đảng không có nghĩa là không có dân chủ và đồng nhất với độc đoán, chuyên quyền.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam cũng như bất kỳ một đảng cầm quyền nào trên thế giới, cũng có thể có những sai lầm nhất định, nhưng Đảng luôn nhìn thẳng vào sự thật để sửa chữa sai lầm và kiên quyết sửa chữa. Thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội, vị thế thực sự của Việt Nam trên trường quốc tế, sự nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, kết quả đấu tranh chống tham nhũng... đã chứng minh điều đó.

4. Kiến nghị

Thứ nhất, muốn đấu tranh chống lại các quan điểm sai trái, thù địch này một cách hiệu quả, chúng ta cần có sự phối hợp và phát huy sức mạnh tổng hợp của các lực lượng, và phải thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp. Biện pháp quan trọng nhất là phải bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; ổn định chính trị, xã hội, an ninh, an toàn, trật tự. Mỗi cán bộ, đảng viên phải thực sự gương mẫu trong cuộc sống và trong công việc. Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị thực sự trong sạch, vững mạnh.

Thứ hai, trong cuộc đấu tranh chống các quan điểm sai trái thù địch, cần quán triệt tốt một số nguyên tắc cơ bản: *Một là*, đứng vững trên lập trường của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, chính sách, pháp luật của Nhà nước Việt Nam và dựa trên cơ sở thực tiễn lịch sử - cụ thể để đấu tranh phê phán các quan điểm sai trái, thù địch. *Hai là*, phân biệt rõ quan điểm sai trái, quan điểm thù địch, trên cơ sở đó có phương pháp đấu tranh, phê phán cụ thể, phù hợp, hiệu quả. *Đối* với các quan điểm thù địch, phải kiên quyết, kiên trì đấu tranh chống lại, bác bỏ toàn diện, triệt để trên nhiều phương diện lý luận, pháp lý, lịch sử, khoa học,

thực tiễn. Phân biệt những quan điểm sai trái do nhận thức chưa đúng, chưa đầy đủ với những quan điểm sai trái do cố ý, cố tình để có phuong thức đấu tranh phù hợp. *Ba là*, vận dụng linh hoạt, sáng tạo nguyên tắc khách quan trong đấu tranh, phê phán quan điểm sai trái, thù địch. *Bốn là*, quán triệt nguyên tắc dân chủ trong đấu tranh, phê phán quan điểm sai trái, thù địch.

Thứ ba, cần tổ chức lực lượng, đầu tư công sức dịch lại một số luận điểm quan trọng của các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác - Lênin cho chính xác tránh những sự hiểu lầm, làm cơ sở cho các thế lực thù địch dựa vào đó để xuyên tạc các tư tưởng mácxít.

CƯƠNG LĨNH CỦA ĐẢNG - NGỌN ĐÈN SOI SÁNG CHO SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG VIỆT NAM

PGS.TS. TRẦN THỊ THU HƯƠNG*
PGS.TS. PHẠM ĐỨC KIÊN**

Cương lĩnh chính trị là văn kiện quan trọng nhất của một chính đảng, có tính chiến lược lâu dài nhằm định hướng lớn, toàn diện đối với sự nghiệp cách mạng trong từng giai đoạn lịch sử nhất định. Cương lĩnh chính trị là cơ sở thống nhất ý chí và hành động của toàn Đảng, là ngọn cờ tập hợp, đoàn kết các lực lượng xã hội nhằm phấn đấu cho mục tiêu, lý tưởng cách mạng của Đảng.

Từ khi thành lập đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam đã luôn chú trọng xây dựng các cương lĩnh chính trị phù hợp với yêu cầu cách mạng trong các thời kỳ lịch sử nhất định. Dưới những hình thức và tên gọi khác nhau, Đảng Cộng sản Việt Nam đã năm lần ban hành cương lĩnh chính trị.

Ngay tại Hội nghị thành lập (đầu năm 1930), Đảng Cộng sản Việt Nam đã thông qua các văn kiện quan trọng: *Chánh cương văn tắt của Đảng*, *Sách lược văn tắt của Đảng*, *Chương trình tóm tắt của Đảng* và *Điều lệ tóm tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam*¹, tầm tháng sau (tháng 10/1930),

* , ** Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

1. Ba văn kiện *Chánh cương văn tắt của Đảng*, *Sách lược văn tắt của Đảng*, *Chương trình tóm tắt của Đảng* sau này được coi là *Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng*.

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ nhất đã thông qua *Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương*; tháng 02/1951, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng thông qua *Chính cương Đảng Lao động Việt Nam*; tháng 6/1991, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Đảng thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và 20 năm sau*; Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng (tháng 01/2011) thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)*.

Nhìn lại tiến trình lịch sử 90 năm, dưới ánh sáng của các cương lĩnh chính trị, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đưa đến những bước ngoặt căn bản, có tính cách mạng làm thay đổi cả vận mệnh dân tộc, thay đổi thân phận của người dân và vị thế của Việt Nam ngày càng được khẳng định trên trường quốc tế. Đó là thực tế lịch sử khách quan, một minh chứng sinh động về vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với tiến trình lịch sử dân tộc trong chín thập kỷ qua - từ khi Đảng ra đời, hoạt động và lãnh đạo cách mạng Việt Nam cho đến nay - mà không một thế lực nào có thể phủ nhận được. Những thắng lợi vĩ đại đó trước hết gắn liền với việc xác định cương lĩnh chính trị, đường lối chiến lược đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam - nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam qua các chặng đường lịch sử.

Mục tiêu chiến lược được nêu ra trong Cương lĩnh đầu tiên của Đảng đã làm rõ nội dung: cách mạng thuộc địa nằm trong phạm trù cách mạng vô sản, gắn giải phóng dân tộc với giải phóng giai cấp và giải phóng con người, gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội. Mục tiêu chiến lược đó đã chỉ rõ tính chất và phương hướng phát triển của cách mạng Việt Nam - một nước thuộc địa nửa phong kiến, là tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc, giành độc lập, tự do cho Tổ quốc và ruộng đất cho dân cày; đưa đất nước lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Về phương diện chính trị, Cương lĩnh xác định nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của cách mạng Việt Nam: “Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến, làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập”¹. Các nhiệm vụ này đã phản ánh đúng mâu thuẫn cơ bản của xã hội Việt Nam thuộc địa, nửa phong kiến và đáp ứng đúng yêu cầu bức thiết của cách mạng Việt Nam lúc này là đánh đuổi đế quốc xâm lược giành lại độc lập cho dân tộc.

Cương lĩnh xác định những nhiệm vụ cụ thể về xã hội và kinh tế, thể hiện tính cách mạng, toàn diện, triệt để là xóa bỏ tận gốc ách thống trị, bóc lột hà khắc của ngoại bang, nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội, đặc biệt là giải phóng giai cấp công nhân và nông dân.

Về phương pháp tiến hành cách mạng, Cương lĩnh khẳng định phải bằng con đường bạo lực cách mạng của quần chúng để giải phóng dân tộc, chứ không thể là con đường cải lương thoả hiệp “không khi nào nhượng một chút lợi ích gì của công nông mà đi vào đường thoả hiệp”². Có sách lược đấu tranh cách mạng thích hợp để lôi kéo tiểu tư sản, trí thức, trung nông về phía giai cấp vô sản, còn “bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng (Đảng Lập hiến, v.v.) thì phải đánh đổ”³.

Về xác định lực lượng đồng minh quốc tế, Cương lĩnh không chỉ đặt cách mạng Việt Nam trong dòng chảy của cách mạng giải phóng dân tộc thế giới, nhằm phát huy sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, mà còn đặt cách mạng Việt Nam trong mối quan hệ chặt chẽ và sự chủ động của cách mạng giải phóng dân tộc với phong trào cách mạng vô sản thế giới. Đồng thời, Cương lĩnh còn phân hóa kẻ thù khi xác định đánh đổ thực dân Pháp, nhưng chủ trương đoàn kết với giai cấp vô sản thế giới, nhất là đoàn kết với giai cấp vô sản Pháp⁴.

Sau khi xác định vai trò lãnh đạo của Đảng, Cương lĩnh khẳng định: “Đảng là đội tiên phong của vô sản giai cấp phải thu phục cho

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t2, tr.2, 4.

4. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t2, tr.5.

được đại bộ phận giai cấp mình, phải làm cho giai cấp mình lãnh đạo được dân chúng”¹. Đây chính là nội dung về xây dựng, chỉnh đốn Đảng được chỉ rõ ngay trong văn kiện đầu tiên khi Đảng mới được thành lập.

Giá trị của Cương lĩnh là ở chỗ, lần đầu tiên xác định cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa như Việt Nam không thể giành thắng lợi hoàn toàn và triệt để, nếu không gắn liền với giải phóng giai cấp những người lao khổ, giải phóng xã hội, mang lại quyền tự do, hạnh phúc cho con người. Hai cuộc giải phóng vĩ đại đó chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Những nội dung cơ bản trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam được hoạch định trên cơ sở vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam; thể hiện bản lĩnh chính trị độc lập, tự chủ, sáng tạo trong việc phân tích, nhận định đặc điểm, tính chất xã hội thuộc địa, nửa phong kiến Việt Nam trong những năm 20 của thế kỷ XX, chỉ rõ những mâu thuẫn cơ bản và chủ yếu của dân tộc Việt Nam lúc đó, đặc biệt là việc đánh giá đúng đắn, sát thực thái độ các giai tầng xã hội đối với nhiệm vụ giải phóng dân tộc. Từ đó, các văn kiện đã xác định đường lối chiến lược và sách lược của cách mạng Việt Nam, xác định phương pháp cách mạng, nhiệm vụ cách mạng và lực lượng của cách mạng để thực hiện mục tiêu đặt ra.

Tháng 10/1930, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng thông qua *Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương* (còn được gọi là Luận cương cách mạng tư sản dân quyền do đồng chí Trần Phú khởi thảo). Luận cương làm rõ những nội dung cốt lõi về đường lối chiến lược cách mạng đã được Cương lĩnh chính trị đầu tiên xác định. Sau khi phân tích tình hình xã hội Việt Nam, Luận cương xác định: Nhiệm vụ cốt yếu của cách mạng tư sản dân quyền là phải “tranh đấu để đánh đổ

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.2, tr.4.

các di tích phong kiến, đánh đổ các cách bóc lột theo lối tiền tư bốn và để thực hành thổ địa cách mạng cho triệt để”¹ và “đánh đổ để quốc chủ nghĩa Pháp, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập”². Hai nhiệm vụ chiến lược đó có quan hệ khăng khít với nhau: “Có đánh đổ để quốc chủ nghĩa mới phá được cái giai cấp địa chủ và làm cách mạng thổ địa được thắng lợi; mà có phá tan chế độ phong kiến thì mới đánh đổ được đế quốc chủ nghĩa”³.

Động lực chính của cách mạng là công nhân và nông dân.

Về phương pháp cách mạng, Luận cương nêu rõ phải ra sức chuẩn bị cho quần chúng về con đường “võ trang bạo động”. Đến lúc có tình thế cách mạng, “Đảng phải lập tức lãnh đạo quần chúng để đánh đổ chánh phủ của địch nhân và giành lấy chánh quyền cho công nông”⁴.

Về lãnh đạo cách mạng, Luận cương khẳng định: “Điều kiện cốt yếu cho sự thắng lợi của cách mạng ở Đông Dương là cần phải có một Đảng Cộng sản có một đường chánh trị đúng, có kỷ luật, tập trung, mật thiết liên lạc với quần chúng, và từng trải tranh đấu mà trưởng thành”⁵.

Về liên minh quốc tế, Luận cương xác định cách mạng Đông Dương là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới, vì thế giai cấp vô sản Đông Dương phải đoàn kết gắn bó với giai cấp vô sản thế giới, trước hết là giai cấp vô sản Pháp; phải mật thiết liên hệ với phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa.

Đặc biệt, về phương hướng chiến lược của cách mạng, Luận cương nhất quán với Cương lĩnh chính trị đầu tiên, khẳng định lúc đầu là một cuộc “cách mạng tư sản dân quyền”, “có tính chất thổ địa và phản đế”. Sau đó sẽ tiếp tục “phát triển, bỏ qua thời kỳ tư bốn mà tranh đấu thắng lên con đường xã hội chủ nghĩa”⁶. Được hoạch định trong bối cảnh có những tác động khách quan, có những vấn đề về sách lược cách mạng trong Luận cương được điều chỉnh trong quá trình hoạt động cho phù hợp với thực tiễn cách mạng Việt Nam, nhưng phải khẳng định rằng:

1, 2, 3, 4, 5, 6. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.2, tr.94, 94, 102, 100, 94.

“Toàn bộ nội dung Luận cương chánh trị của Đảng Cộng sản Đông Dương là trình bày những tư tưởng cơ bản về mục tiêu, nhiệm vụ và phương pháp đấu tranh cách mạng của Đảng Cộng sản Đông Dương, tiếp tục khẳng định và bổ sung một số vấn đề cốt lõi về con đường cách mạng của Việt Nam mà Chánh cương vẫn tắt đã nêu”¹.

Hai cương lĩnh chính trị của Đảng được hoạch định ngay khi Đảng mới được thành lập, trong bối cảnh hoạt động bí mật, dưới sự khủng bố, đàn áp gắt gao của kẻ thù, đã khẳng định nội dung, xu hướng phát triển của xã hội Việt Nam là con đường cách mạng vô sản - con đường gắn liền độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội.

Các cương lĩnh chính trị được hoạch định trong năm 1930 đã đáp ứng khát vọng giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử, do vậy, chỉ 15 năm sau đi theo đường lối cách mạng được hoạch định trong các cương lĩnh chính trị của Đảng, dân tộc Việt Nam đã làm nên kỳ tích vĩ đại trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945, làm thay đổi vận mệnh của cả dân tộc và của nhân dân Việt Nam. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã đập tan xiềng xích nô lệ của chủ nghĩa đế quốc trong gần một thế kỷ, chấm dứt sự tồn tại của chế độ quân chủ chuyên chế ngót nghìn năm, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Nhà nước dân chủ đầu tiên ở Đông Nam Á được thành lập. Nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ bước lên địa vị người chủ đất nước, có quyền quyết định vận mệnh của mình. Nước Việt Nam từ một nước thuộc địa trở thành một quốc gia độc lập có chủ quyền, vươn lên cùng các dân tộc trên thế giới đấu tranh cho những mục tiêu cao cả của thời đại là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Đảng Cộng sản ra hoạt động công khai, nắm chính quyền cách mạng. Thắng lợi đó “Chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng

1. Nguyễn Phú Trọng: “Cương lĩnh chính trị - Ngọn cờ tư tưởng lý luận chỉ đạo sự nghiệp cách mạng của chúng ta”, báo Nhân Dân, ngày 26/01/2010.

có thể tự hào rằng: Lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc”¹.

Năm 1949, cách mạng Trung Quốc thành công, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu bước vào công cuộc xây dựng cơ sở vật chất cho chế độ mới, làm thay đổi so sánh lực lượng có lợi cho phong trào cách mạng. Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được nhiều nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa công nhận, đặt quan hệ ngoại giao. Cuộc kháng chiến của nhân dân ba nước Đông Dương đã giành được những thắng lợi quan trọng. Trong lúc đó, đế quốc Mỹ bắt đầu can thiệp trực tiếp vào cuộc chiến tranh Đông Dương. Trước bối cảnh đó, cần phải bổ sung và hoàn chỉnh đường lối cách mạng Việt Nam phù hợp với tình hình mới, đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II (tháng 2/1951) quyết định Đảng ra hoạt động công khai và lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam và đề ra *Chính cương Đảng Lao động Việt Nam*. Nội dung cơ bản của *Chính cương Đảng Lao động Việt Nam* phản ánh một cách đầy đủ, toàn diện về đường lối cách mạng Việt Nam. Đó là, đường lối cách mạng dân tộc - dân chủ nhân dân tiến lên chủ nghĩa xã hội - tiếp tục phát triển và cụ thể hóa đường lối chiến lược được hoạch định trong các cương lĩnh chính trị trước đó của Đảng trong điều kiện lịch sử mới để “phát triển chế độ dân chủ nhân dân, tiến lên chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, để thực hiện tự do, hạnh phúc cho giai cấp công nhân, nhân dân lao động và tất cả các dân tộc đa số, thiểu số Việt Nam”².

Đảng đã phân tích về tính chất xã hội: “Xã hội Việt Nam hiện nay gồm có ba tính chất: dân chủ nhân dân, một phần thuộc địa và nửa phong kiến”³; từ đó xác định “mâu thuẫn chủ yếu lúc này là mâu thuẫn giữa tính chất dân chủ nhân dân và tính chất thuộc địa”⁴. Do vậy,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t7, tr.25.

2, 3, 4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.12, tr.444, 433.

Chính cương xác định cụ thể đối tượng của cuộc kháng chiến: “Cách mạng Việt Nam có hai đối tượng. Đối tượng chính hiện nay là chủ nghĩa đế quốc xâm lược, cụ thể lúc này là đế quốc Pháp và bọn can thiệp Mỹ. Đối tượng phụ hiện nay là phong kiến, cụ thể lúc này là phong kiến phản động”¹. Sau khi xác định đối tượng chính của cách mạng, Chính cương chỉ rõ: “Nhiệm vụ cơ bản hiện nay của cách mạng Việt Nam là đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược, giành độc lập và thống nhất thật sự cho dân tộc, xóa bỏ những di tích phong kiến và nửa phong kiến, làm cho người cày có ruộng, phát triển chế độ dân chủ nhân dân, gây cơ sở cho chủ nghĩa xã hội”². Chính cương xác định ba nhiệm vụ đó có mối quan hệ khăng khít với nhau. Nhiệm vụ chính lúc này là hoàn thành giải phóng dân tộc, phải tập trung lực lượng vào cuộc kháng chiến để quyết thắng quân xâm lược. Một vấn đề được Chính cương làm rõ hơn so với các cương lĩnh trước là việc xác định lực lượng của cách mạng Việt Nam gồm có giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, giai cấp tiểu tư sản và tư sản dân tộc. Ngoài ra, còn có những thân sĩ (địa chủ) yêu nước và tiến bộ. Những giai cấp, tầng lớp và phần tử đó họp lại thành nhân dân mà nền tảng là khối liên minh công, nông và lao động trí thức. Giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo cách mạng³. Về tính chất cuộc cách mạng, lần đầu tiên Đảng xác định một cách khái quát, đầy đủ: Cách mạng Việt Nam là *cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân* do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo, nhất định sẽ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội Chính cương chỉ rõ là một quá trình lâu dài, và đại thể trải qua ba giai đoạn⁴, mỗi giai đoạn có nhiệm vụ trung tâm, nhưng ba giai đoạn ấy không tách rời nhau mà mật thiết liên hệ, xen lấn với nhau trong tiến trình cách mạng.

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.12, tr.433, 433-434, 437.

4. Giai đoạn thứ nhất, nhiệm vụ chủ yếu là hoàn thành giải phóng dân tộc. Giai đoạn thứ hai, nhiệm vụ chủ yếu là xóa bỏ những di tích phong kiến và nửa phong kiến, thực hiện triệt để người cày có ruộng, phát triển kỹ nghệ, hoàn chỉnh chế độ dân chủ nhân dân. Giai đoạn thứ ba, nhiệm vụ chủ yếu là xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội, tiến lên thực hiện chủ nghĩa xã hội.

Để thực hiện đường lối chiến lược được xác định, Chính cương nêu rõ 15 chính sách lớn của Đảng để đẩy mạnh kháng chiến đến thắng lợi và đặt cơ sở kiến thiết quốc gia. Trong đó, Chính cương làm rõ các chính sách về đối nội trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, quốc phòng, an ninh. Đặc biệt, về chính sách đối ngoại, khẳng định nguyên tắc “tôn trọng độc lập dân tộc, chủ quyền lãnh thổ, thống nhất quốc gia của nhau và cùng nhau bảo vệ hòa bình dân chủ thế giới, chống bọn gây chiến”¹; mở rộng ngoại giao nhân dân, giao thiệp thân thiện với chính phủ nước nào tôn trọng chủ quyền của Việt Nam, đặt quan hệ ngoại giao với các nước đó theo nguyên tắc tự do, bình đẳng và có lợi cho cả hai bên, đấu tranh cho hòa bình thế giới.

Thực hiện Chính cương, Đảng đẩy mạnh công cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp với sự phát huy sức mạnh tổng hợp từ đường lối chiến tranh nhân dân, với sự tập hợp lực lượng của tất cả các giai tầng để kiến thiết đất nước trong điều kiện có chiến tranh, với đường lối đối ngoại rộng mở, trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng và cùng có lợi, kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại tạo nên thế và lực cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ “lùng lẫy năm châu, chấn động địa cầu” đã kết thúc 9 năm kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ (1945 - 1954), bảo vệ và phát triển thành quả Cách mạng Tháng Tám năm 1945, chấm dứt ách thống trị của thực dân Pháp, giải phóng miền Bắc, đưa cách mạng Việt Nam bước sang giai đoạn mới. Một lần nữa, Cương lĩnh chính trị được Đảng bổ sung, phát triển trong điều kiện lịch sử mới đã minh chứng tính đúng đắn, sáng tạo qua thực tiễn cách mạng Việt Nam. “Lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nhỏ yếu đã đánh thắng một nước thực dân hùng mạnh. Đó là một thắng lợi vẻ vang của nhân dân Việt Nam, đồng thời cũng là một thắng lợi của các lực lượng hòa bình, dân chủ và xã hội chủ nghĩa trên thế giới”².

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.12, tr.441.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.12, tr.410.

Sau khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết, với mưu đồ biến miền Nam Việt Nam thành “con đê” ngăn chặn “làn sóng đỏ” - chủ nghĩa xã hội sang Đông Nam Á, đế quốc Mỹ từng bước can thiệp và tiến hành xâm lược miền Nam, chia cắt đất nước. Vận mệnh của dân tộc Việt Nam một lần nữa đặt trước thách thức: Đất nước tạm thời bị chia làm hai miền với hai chế độ chính trị khác nhau, phải đương đầu với một thế lực kẻ thù hùng mạnh trong bối cảnh quốc tế vô cùng phức tạp, không thuận chiêu cho cách mạng Việt Nam. Với bản lĩnh của một Đảng được tôi luyện trong đấu tranh cách mạng, Nghị quyết Hội nghị Trung ương (mở rộng) lần thứ 15 (năm 1959) đã xác định con đường phát triển của cách mạng miền Nam, là sự tiếp tục đường lối chiến lược đã được hoạch định trong *Chính cương Đảng Lao động Việt Nam* trong tình hình mới. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng đã xác định: “Đại hội toàn quốc của Đảng ta lần này là Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà”¹. Quyết định đồng thời tiến hành hai chiến lược cách mạng là một điểm vận dụng sáng tạo, linh hoạt, độc đáo về đường lối chiến lược cách mạng. Thực hiện đường lối đồng thời tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, quân và dân cả nước đã kết hợp sức mạnh hậu phương với tiền tuyến, sức mạnh dân tộc và sức mạnh của thời đại, sức mạnh của độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, cả nước đồng tâm, nhất trí nhìn về một hướng. Nếu không tiến hành đưa miền Bắc đi lên chủ nghĩa xã hội sau khi miền Bắc giải phóng, mà vẫn tiếp tục tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ như một số kẻ cơ hội xuyên tạc lịch sử, thì làm sao có được sức mạnh tổng hợp để “miền Bắc đã dốc vào chiến tranh cứu nước và giữ nước toàn bộ sức mạnh của chế độ xã hội chủ nghĩa, và đã làm tròn một cách xuất sắc nghĩa vụ cùi cứ địa cách mạng của cả nước, xứng đáng là pháo đài vô địch của chủ nghĩa xã hội”². Đây là sự thật khách quan của lịch sử, không ai có thể

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.21, tr.502.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.37, tr.490.

phủ nhận. Với sức mạnh tổng hợp, nhân dân Việt Nam đã đánh thắng cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ, giải phóng hoàn toàn miền Nam, kết thúc vẻ vang 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, hoàn thành về cơ bản cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, non sông thu về một mảnh. Chiến công ấy là “một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc”¹. Dân tộc Việt Nam tiến vào một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên cả nước hòa bình, thống nhất, cùng quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Mô hình xây dựng chủ nghĩa xã hội kiểu cũ bị sụp đổ tại trung tâm của hệ thống xã hội chủ nghĩa. Chế độ chính trị ở Liên Xô, các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu đứng trước sự khủng hoảng trầm trọng. Nhiều Đảng Cộng sản bế tắc, mất phương hướng, các thế lực thù địch tấn công quyết liệt vào nền tảng tư tưởng của các đảng cộng sản. Ở trong nước, đất nước đã phải trải qua 30 năm chiến tranh, bị bao vây cấm vận từ nhiều phía. Sau 5 năm đổi mới, đất nước vẫn chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân dao động về tư tưởng, niềm tin... Trước bối cảnh đó, Đảng Cộng sản Việt Nam đã vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lần đầu tiên, hoạch định Cương lĩnh xây dựng đất nước trong điều kiện hòa bình. Đó là *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* được thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (tháng 6/1991).

Tổng kết hơn 60 năm Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Cương lĩnh đã khẳng định những thành công, đồng thời chỉ rõ những khuyết điểm, sai lầm và rút ra năm bài học lớn. Với sự kết tinh trí tuệ của toàn Đảng, Cương lĩnh đã nhận định xu thế phát triển của thế giới, đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Lần đầu tiên trong lịch sử lý luận về chủ nghĩa xã hội của Việt Nam, Cương lĩnh đã nêu

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.37, tr.471.

những đặc trưng cơ bản của mô hình xã hội xã hội chủ nghĩa sát thực với thực tiễn xã hội Việt Nam và phù hợp với xu thế phát triển của thời đại. “Do nhân dân lao động làm chủ. Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu. Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân. Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ. Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới”¹. Đây cũng là lần đầu tiên trong một văn kiện quan trọng được thông qua tại một đại hội Đảng đã tuyên bố Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các nước không cùng chế độ chính trị vì mục tiêu chung của nhân loại: Hòa bình, độc lập và phát triển. Đây chính là bản lĩnh, sự nhạy bén về chính trị của Đảng trước xu thế phát triển tất yếu của các quốc gia trên thế giới.

Cương lĩnh nêu ra bảy phương hướng lớn, bao hàm những lĩnh vực quan trọng cả về tư tưởng, chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, quốc phòng - an ninh và đối ngoại. Cương lĩnh năm 1991 tiếp tục làm rõ con đường đi lên chủ nghĩa xã hội như các cương lĩnh trước đó xác định và thực tế lịch sử đã chứng minh: Đó là một quá trình lâu dài, trải qua nhiều chặng đường với những định hướng lớn về chính sách kinh tế, xã hội, quốc phòng - an ninh, đối ngoại. “Mục tiêu tổng quát phải đạt tới khi kết thúc thời kỳ quá độ là xây dựng xong về cơ bản những cơ sở kinh tế của chủ nghĩa xã hội, với kiến trúc thượng tầng về chính trị và tư tưởng, văn hóa phù hợp, làm cho nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh”².

Để thực hiện được mục tiêu tổng quát, Cương lĩnh nêu rõ quan điểm về xây dựng hệ thống chính trị, trong đó Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là một bộ phận, vừa tổ chức lãnh đạo hệ thống đó. Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.51, tr.134, 136.

tưởng, kim chỉ nam cho hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Trước sóng gió của sự tác động từ khủng hoảng trầm trọng về mô hình chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đúc kết thực tiễn cách mạng Việt Nam và kinh nghiệm cách mạng thế giới, ban hành Cương lĩnh năm 1991, giải đáp đúng đắn vấn đề cơ bản nhất của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; đặt nền tảng đoàn kết, thống nhất giữa tư tưởng với hành động, tạo ra sức mạnh tổng hợp cho cách mạng Việt Nam. Cương lĩnh năm 1991 là “đường lối cách mạng đúng đắn, phù hợp với yêu cầu, nguyện vọng của nhân dân”¹. Tháng 12/1991, Đảng Cộng sản Liên Xô - chính đảng có bề dày truyền thống cách mạng của thế giới - tự giải tán, Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xôviết - thành trì của cách mạng thế giới tan rã, kéo theo sự sụp đổ của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới. Trước cơn chấn động chính trị ấy, mặc dù phải đổi mới với nhiều nguy cơ, nhưng với định hướng của Cương lĩnh năm 1991, Việt Nam vẫn vững vàng, tiếp tục công cuộc đổi mới, kiên định vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lenin và tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn Việt Nam.

Tại các kỳ đại hội tiếp theo, Đảng ta vẫn khẳng định mục tiêu, lý tưởng đã xác định về con đường cách mạng Việt Nam. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI đã quyết định bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991 đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước trong tình hình mới, thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)*, Cương lĩnh đã đúc kết những bài học kinh nghiệm có giá trị định hướng cho hiện tại, trong đó, nhấn mạnh sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu, quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam; bổ sung vào nội dung phân tích ở bài học thứ hai: “Quan liêu, tham nhũng, xa rời nhân dân, sẽ dẫn đến những tổn thất khôn lường đối với vận mệnh của đất nước, của chế

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.51, tr.208-209.

độ xã hội chủ nghĩa và của Đảng”¹. Sau khi phân tích, dự báo tình hình thế giới, Cương lĩnh nhận định về đặc điểm nổi bật hiện nay của thời đại là: Các nước có chế độ chính trị và trình độ phát triển khác nhau cùng tồn tại, vừa hợp tác vừa đấu tranh, cạnh tranh gay gắt vì lợi ích quốc gia, dân tộc. Cuộc đấu tranh của nhân dân các nước vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, phát triển và tiến bộ xã hội dù gặp nhiều khó khăn, thách thức, nhưng sẽ có những bước tiến mới. “Theo quy luật tiến hóa của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội”². Sự khẳng định, niềm tin của Cương lĩnh là định hướng tư tưởng quan trọng đối với quá trình xây dựng đất nước trước nhiều vận hội, nhưng không ít khó khăn, thách thức. Đặc biệt, Cương lĩnh năm 2011 đã bổ sung, phát triển các đặc trưng của mô hình xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Ngoài hai đặc trưng được bổ sung: “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh... có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo”³, các đặc trưng khác diễn đạt mới rõ hơn, không chỉ là thay đổi từ ngữ mà chứa đựng những nội dung mới.

Cương lĩnh năm 2011 xác định mục tiêu tổng quát khi kết thúc thời kỳ quá độ ở Việt Nam là xây dựng được về cơ bản nền tảng kinh tế với kiến trúc thương天堂 về chính trị, tư tưởng, văn hóa phù hợp, tạo cơ sở để Việt Nam trở thành một nước xã hội chủ nghĩa ngày càng phồn vinh, hạnh phúc. Mục tiêu đến giữa thế kỷ XXI là xây dựng nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Để thực hiện mục tiêu tổng quát trên, Cương lĩnh năm 2011 chỉ rõ tám phương hướng cơ bản cần nắm vững và giải quyết tốt tám mối quan hệ lớn chi phối trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, Cương lĩnh đã đưa ra những định hướng lớn về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại và tiếp tục khẳng định: Đảng Cộng sản Việt Nam “lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd, tr.65, 69, 70.

tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản¹. Tư tưởng Hồ Chí Minh là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam giành thắng lợi.

Như vậy, sau 20 năm thực hiện *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, tại Đại hội XI Đảng Cộng sản Việt Nam đã tổng kết thực tiễn, nâng tầm lý luận, bổ sung, phát triển và thông qua Cương lĩnh. Nội dung cơ bản của Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) là sự kế tục đường lối chiến lược cách mạng Việt Nam từ Cương lĩnh chính trị đầu tiên, nhưng được phát triển nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của thời kỳ mới. Do vậy, Cương lĩnh năm 2011 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về lý luận và thực tiễn, là sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; thể hiện nhận thức mới về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đây chính là cơ sở đoàn kết, thống nhất giữa tư tưởng với hành động của toàn Đảng, toàn dân, là ngọn cờ chiến đấu vì thắng lợi của sự nghiệp xây dựng đất nước Việt Nam từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, định hướng cho mọi hoạt động của Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay và trong những thập niên tới.

Thực tế gần 35 năm đổi mới, hiện thực hóa mục tiêu của Cương lĩnh, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện trên con đường xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Nền kinh tế của đất nước ngày càng phát triển, tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, trở thành một trong những nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất khu vực và thế giới. Thu nhập bình quân đầu người tăng từ 200 USD năm 1990 lên 2.587 USD năm 2018. Đặc biệt, năm 2019, tăng trưởng GDP cả nước đạt 7,02%, quy mô nền

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr.88.

kinh tế đạt hơn 262 tỷ USD¹. Kinh tế Việt Nam hội nhập mạnh mẽ với khu vực và thế giới. Hiện Việt Nam có quan hệ thương mại với hơn 200 quốc gia và vùng lãnh thổ, ký hiệp định thương mại song phương với hơn 100 nước. Văn hóa, xã hội và đời sống nhân dân không ngừng được nâng lên, trở thành điểm sáng trong thực hiện các mục tiêu Thiên niên kỷ. Chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam năm 2007 - 2008 đạt 0,733, xếp hạng 100/177 quốc gia và lãnh thổ, thuộc nhóm trung bình cao của thế giới. Thành tựu về giảm nghèo của Việt Nam đã được Liên hợp quốc và cộng đồng quốc tế công nhận, đánh giá cao. Tỷ lệ hộ nghèo bình quân cả nước giảm từ 53% năm 1993 xuống còn dưới 4% năm 2019²...

Xây dựng và hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội toàn diện và đa dạng, ngày càng mở rộng và hiệu quả. Công tác xây dựng hệ thống chính trị, đặc biệt xây dựng và chỉnh đốn Đảng được đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ, tạo nhiều chuyển biến tích cực; công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực chuyển biến mạnh mẽ, đạt nhiều kết quả nổi bật; chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng - an ninh không ngừng được củng cố, độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc được giữ vững.

Quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng và hiệu quả. Từ “phá thế bị bao vây, cấm vận” tiến đến “hội nhập vào nền kinh tế khu vực và thế giới” và tiếp theo là “chủ động và tích cực hội nhập quốc tế” một cách toàn diện. Đến nay Việt Nam có quan hệ ngoại giao với 185 nước trong tổng số 193 nước thành viên Liên hợp quốc. Đã thiết lập quan hệ đối tác chiến lược với 16 nước, quan hệ đối tác toàn diện với 14 nước³. Nâng cao hình ảnh và vị thế của Việt Nam trên trường quốc

-
1. Xem “Tăng trưởng GDP trong 10 năm qua của Việt Nam”, tapchitaichinh.vn, ngày 16/02/2020.
 2. Xem “Toàn văn Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2019 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020”, tạp chí *Điển đản doanh nghiệp*, ngày 21/10/2019.
 3. Xem “Để nâng tầm đối ngoại đa phương Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế”, tapchicongsan.org.vn, ngày 30/12/2019.

tế, đóng góp ngày càng tích cực, có trách nhiệm vào đời sống chính trị khu vực và thế giới, phát huy vai trò tích cực trong Cộng đồng ASEAN. Việt Nam là Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2008 - 2009. Ngày 07/6/2019, Đại hội đồng Liên hợp quốc bầu Việt Nam làm Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2020 - 2021 với số phiếu 192/193. Điều đó chứng tỏ thế và lực của đất nước, sức mạnh tổng hợp quốc gia, uy tín của đất nước ngày càng được nâng lên... “Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử qua 30 năm đổi mới khẳng định đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn của Việt Nam và xu thế phát triển của lịch sử. Thành tựu và những kinh nghiệm, bài học đúc kết từ thực tiễn tạo tiền đề, nền tảng quan trọng để đất nước ta tiếp tục đổi mới và phát triển mạnh mẽ trong những năm tới”¹.

Những thành tựu chủ yếu nêu trên tạo tiền đề quan trọng để Việt Nam tiếp tục đổi mới và phát triển. Tuy nhiên, cho đến nay những nguy cơ mà Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII của Đảng (năm 1994) nêu ra vẫn tồn tại, có mặt diễn biến phức tạp, như nguy cơ “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch với những thủ đoạn mồi tinh vi và thâm độc chống phá cách mạng và những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Niềm tin của một số cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với Đảng, đối với chế độ có mặt bị giảm sút... Do vậy, để hoạch định được cương lĩnh cách mạng tiếp tục soi sáng con đường cách mạng Việt Nam, Đảng phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ năng lực và phẩm chất, ngang tầm nhiệm vụ. Đồng thời, Đảng tiếp tục đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân, tuyệt đối trung thành với lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân và của dân tộc, coi đó là điểm xuất phát, là mục tiêu của mọi đường lối, chính sách của Đảng,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.16-17.

như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “*Đảng ta vĩ đại*, vì ngoài lợi ích của giai cấp, của nhân dân, của dân tộc, Đảng ta không có lợi ích gì khác”¹. Trong mọi thời điểm, Đảng phải luôn quán triệt quan điểm “dân là gốc”, vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò làm chủ, tinh thần trách nhiệm, sức sáng tạo và mọi nguồn lực của nhân dân; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, vì nhân dân và do nhân dân. Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước. Đổi mới là sự nghiệp khó khăn, phức tạp cần phải phát huy quyền làm chủ, sức sáng tạo và mọi nguồn lực của nhân dân; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, đồng thời cần phòng, chống đặc quyền, đặc lợi, chống suy thoái, biến chất... Trong mọi hoàn cảnh, mọi thời điểm để hoàn thành thắng lợi sự nghiệp cách mạng của dân tộc, chúng ta phải luôn lấy đường lối lãnh đạo, cương lĩnh chính trị của Đảng làm ngọn đèn soi sáng cho đường đi của dân tộc Việt Nam.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.12, tr.402.

SỨC SỐNG VÀ TIỀN ĐỒ CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI - NHÌN TỪ CUỘC ĐẤU TRANH TƯ TƯỞNG, LÝ LUẬN HIỆN NAY

TS. NHỊ LÊ*

Sau hơn 100 năm phát triển trên nền móng chủ nghĩa xã hội khoa học, lịch sử càng cho thấy vị trí, vai trò của chủ nghĩa xã hội hiện thực, với tư cách mở đường, là động lực lịch sử của cuộc đấu tranh trên phương diện tư tưởng, lý luận; là một phần tất yếu của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, cũng như của mọi cuộc cách mạng mang tính thời đại từ xưa tới nay - điều mà các thế lực thù địch chống phá điên cuồng với những âm mưu thâm độc nhất, nhằm thủ tiêu chủ nghĩa xã hội. Ở Việt Nam, *cuộc đấu tranh tư tưởng, lý luận hiện nay chính là cuộc đấu tranh nhằm phát triển và bảo vệ chủ nghĩa xã hội và con đường xã hội chủ nghĩa*. Vì thế, đây là cuộc đấu tranh có tính chất sinh tử, không thể khoan nhượng.

Với sự bùng nổ của cuộc cách mạng công nghệ thông tin, cuộc đấu tranh trên không gian mạng mở rộng không chỉ về quy mô mà còn phức tạp về tính chất và gia tăng về tốc độ. Kẻ thù tìm mọi thủ đoạn để chui sâu, làm phân hóa trong chính bộ máy của chúng ta; đồng thời, sự thoái hóa, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” của một số phần tử trong đội ngũ chúng ta khiến cho trận địa tư tưởng, lý luận lại càng phức tạp.

* Nguyên Phó Tổng Biên tập *Tạp chí Cộng sản*.

Đó là thách thức mang tầm vóc lịch sử đối với chủ nghĩa xã hội và con đường xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

1. Để xứng đáng là cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, tự nó phải phủ định và phát triển để trở thành chính nó

Vào những năm 90 của thế kỷ XX, chủ nghĩa xã hội hiện thực lâm vào một cuộc khủng hoảng nhưng là khủng hoảng mang tính tất yếu; khiến cho một loạt thể chế các quốc gia xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu tan vỡ, tạo ra một khoảng trống cho hệ thống xã hội chủ nghĩa trên thế giới. Sự sụp đổ này mở ra cơ hội cho chủ nghĩa tư bản phát triển hòng tiêu diệt chủ nghĩa xã hội, truy đuổi những người cộng sản, các đảng cộng sản và công nhân, công kích phong trào xã hội chủ nghĩa, phá hoại phong trào cánh tả, bành trướng sức mạnh, siết chặt vòng chẽ ngự các dân tộc trên thế giới và nô dịch nhân loại..., ảnh hưởng sâu sắc tới sự thăng trầm, còn mất của nền tảng tư tưởng, lý luận chính trị xã hội chủ nghĩa; làm cho tính chỉnh thể hệ thống xã hội chủ nghĩa bị chấn động và đổ vỡ, đòi hỏi phải đổi mới và cải cách toàn diện, từ tư duy chính trị tới cấu trúc lại hệ thống và chỉnh đốn lại lực lượng..., trước hết và trực tiếp ở đây là về vị thế, vai trò, trách nhiệm của công tác tư tưởng, lý luận xã hội chủ nghĩa.

Phát triển không phải là con đường thẳng tắp. Chủ nghĩa xã hội khủng hoảng là cú sốc trong mỗi bước trưởng thành. Điều quan trọng là chúng ta không được nao núng, mất niềm tin, không được phép quên mất rằng, đã có lúc cách mạng vô sản thế giới từng gánh chịu thất bại từ những ngày phôi thai. Ngay từ năm 1918, V.I. Lê nin từng tiên liệu và cảnh báo, rằng: Nếu chính quyền Xôviết bị chủ nghĩa đế quốc liên minh đè bẹp, trong trường hợp xấu nhất ấy, những sách lược Bônsêvích cũng không vì thế mà không có ích lợi to lớn cho chủ nghĩa xã hội và giúp cho sự lớn mạnh của cách mạng thế giới vô địch.

Sự thật của chủ nghĩa xã hội đã và đang như vậy. Trái với ý muốn của chủ nghĩa tư bản về một cuộc sụp đổ có tính “đôminô” của chủ nghĩa

xã hội, các nước xã hội chủ nghĩa còn lại đã đổi mới, cải cách không ngừng, tiếp tục khẳng định vị thế của mình.

Kinh nghiệm lịch sử cho thấy, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện thực sẽ trở nên rất khó khăn, thậm chí lại lâm vào nguy cơ khủng hoảng và thất bại, nếu công tác tư tưởng, lý luận yếu đuối và tụt hậu. Vì, đến lượt nó, sự thiển cận và hẹp hòi về chính trị, ngắn hạn và chắp vá về tầm nhìn, sợ hãi và lảng tránh về tâm lý, lạc hậu và đơn điệu về tư duy, lệch lạc và lầm lẫn về phương pháp, khép kín và nặng nề về hệ thống, mơ hồ và chủ quan về đấu tranh tự vệ và phát triển, trì trệ và tụt hậu về tổ chức thực tiễn lịch sử xã hội chủ nghĩa..., nhất định khiến cho công tác tư tưởng, lý luận lâm vào sự lúng túng, lệch lạc, thậm chí mất phương hướng, kéo lùi công cuộc đổi mới toàn diện và đồng bộ. Do đó, nếu *không trung thành - không đổi mới sáng tạo - không phát triển - và không biết tự bảo vệ mình, nhất định không có bất kỳ tương lai nào cho chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*. Đó cũng là trọng trách tự nhiên của công tác tư tưởng, lý luận hiện nay.

Cuộc đấu tranh tư tưởng, lý luận hiện nay về chủ nghĩa xã hội gồm rất nhiều vấn đề: *Một là*, sự phát triển của nhân loại: Thời đại ngày nay với tất yếu chủ nghĩa xã hội và chế độ xã hội chủ nghĩa - lôgích vận động và thành tựu hiện thực lịch sử; *Hai là*, mối quan hệ tự nhiên và biện chứng giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản - nhìn từ sự thống nhất và đa dạng của thế giới đương đại và tương lai; *Ba là*, sinh thành - trưởng thành - khủng hoảng - phục hồi - phát triển và tiên đồ của chủ nghĩa xã hội - nhìn từ sự phát triển tất yếu và tự nhiên của chủ nghĩa tư bản và thế giới; *Bốn là*, mối quan hệ giữa thống nhất và đa dạng, giữa lý tưởng và hiện thực, giữa lý thuyết và thực tiễn, giữa thất bại và thành công: Lôgích vận động hiện thực của chủ nghĩa xã hội; *Năm là*, tương lai của chủ nghĩa xã hội - nhìn từ bản chất và tiên đồ của chủ nghĩa tư bản; *Sáu là*, đặc trưng và mô hình phát triển của chủ nghĩa xã hội trong sự phát triển đa dạng của thế giới hiện đại; *Bảy là*, phát triển và phản phát triển - trên đường đi tới tương lai của chủ nghĩa xã hội; *Tám là*, chủ nghĩa Mác - Lê nin và các học thuyết chính trị

thế giới với chủ nghĩa xã hội; *Chín là*, vấn đề Đảng chính trị, thiết chế xã hội truyền thống và hiện đại với chủ nghĩa xã hội; *Mười là*, vấn đề Đảng - dân tộc - và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; *Mười một là*, sự đa dạng, phong phú của các mô hình xã hội chủ nghĩa và xu thế phát triển của chủ nghĩa xã hội; *Mười hai là*, thế giới phẳng, toàn cầu hóa, Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trí tuệ nhân tạo - thách thức hiện thực và sứ mệnh tương lai của chủ nghĩa xã hội.

Đó chính là một nguồn gốc sức mạnh hiện thực và tiền đề của chủ nghĩa xã hội và con đường xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Tiếp tục giải quyết một cách chủ động, hệ thống, khoa học và thuyết phục những vấn đề đó là vai trò và trọng trách của công tác tư tưởng, lý luận, tiếp tục xứng đáng với vị thế tiên phong của tư tưởng, lý luận hiện nay.

2. Chủ nghĩa xã hội cần tự bảo vệ mình bằng công tác tư tưởng, lý luận

Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam đang đối mặt với không ít nguy cơ, thách thức. Kẻ thù của chủ nghĩa xã hội mang nhiều bộ mặt mới, rất khó phân định rạch ròi, với những thủ đoạn thâm hiểm, tráng trộn hơn, len lỏi vào trong đội ngũ của chúng ta phá ta từ bên trong.

Thực tiễn đòi hỏi công tác tư tưởng, lý luận phải tự vươn lên và những người làm công tác tư tưởng, lý luận cần nghiêm khắc tự chỉnh đốn, nâng cao trình độ một cách toàn diện, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Gần 35 năm qua, các lực lượng chống đối, kẻ thù tư tưởng đã không từ một thủ đoạn nào, bỏ sót một phương diện nào, khi công khai, lúc ngầm ngầm bôi nhọ, xuyên tạc các phương diện, các cá nhân và tổ chức tiến hành sự nghiệp đổi mới. Tận dụng ưu thế của công nghệ thông tin, với sự tiếp sức của các lực lượng phản động và truyền thông ngoài biên giới, sự chống phá đó càng rộng khắp, quyết liệt và vô cùng thâm hiểm. Việt Nam là nước có số người dùng internet và mạng xã hội thuộc các nước đứng đầu trên thế giới, với hơn 64 triệu người dùng internet

(chiếm 67% dân số) đứng thứ 16 trên thế giới; hơn 55 triệu người dùng mạng xã hội¹ (chiếm 57% dân số). Cùng với những giá trị tích cực, mạng xã hội cũng bộc lộ những mặt trái và hệ lụy của nó đối với sự phát triển của đất nước. Những kẻ chống phá chủ nghĩa xã hội sử dụng các website, blog, dịch vụ thư điện tử (email) và các mạng xã hội, các dịch vụ chat (nhắn tin, hội thoại), truyền thoại, diễn đàn... để đăng tải, phát tán thông tin xấu độc, phản động. Sự chống phá của chúng, có sức công phá không thể lảng tránh hoặc xem thường.

Trong thế giới hiện nay, quy mô và tính chất của những hành động chống phá cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa được che phủ một cách tinh vi dưới nhiều hình thức, thậm chí bị đánh tráo một cách ngụy trá và biến ảo, với tốc độ ngày càng khốc liệt. Do đó, cuộc đấu tranh này dù âm thầm hay sôi động vẫn chứa đầy sự khó khăn và nguy hiểm, đòi hỏi chúng ta không được lơ là, mất cảnh giác trước bất cứ kẻ thù nào. Sự chuyển hóa giữa đối tác, đối trọng, đối thủ, đối đầu ở ngay trong chính chúng ta ngày càng phức tạp khôn lường và rất khó nhận diện.

Về hình thức và thủ đoạn: *Thứ nhất*, các thế lực thù địch triệt để lợi dụng một số cá nhân cơ hội chính trị, thoái hóa, biến chất, suy thoái đạo đức, lối sống, để thành lập các hội, nhóm “xã hội công dân”; thông qua cái gọi là “diễn đàn dân chủ”, sử dụng các website và các trang mạng xã hội dưới danh nghĩa phản biện, để bôi nhọ Đảng Cộng sản Việt Nam, phát tán thông tin xấu độc xâm hại Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, để dọn đường lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa. *Thứ hai*, bằng con đường tổ chức, thông qua liên kết, hợp tác, dưới hình thức tài trợ của các tổ chức phi chính phủ (NGO) hoặc các tổ chức dưới danh nghĩa từ thiện, nhân đạo, chúng len lỏi, luồn sâu và thông qua các tổ chức này tạo lập chỗ đứng, với sự dọn đường, cổ xúy biểu tình và thúc đẩy bạo loạn của mạng xã hội. *Thứ ba*, không ít đối tượng có quan hệ khá mật thiết với tổ chức phản động nước ngoài; và, khi những đối tượng xuất hiện trên các trang

1. Xem “Việt Nam nằm trong nhóm nước có lượng người dùng internet lớn nhất thế giới”, báo *Sài Gòn giải phóng online*, ngày 07/11/2019.

mạng cá nhân thì lập tức được các trang tin hải ngoại dẫn lại và được các tổ chức phản động cổ xúy. Thứ tư, với sự phụ họa của các hãng truyền thông phản động như VOA, RFA, RFI đưa các thông tin xuyên tạc, bịa đặt làm cho thông tin bị thổi phồng, phát tán rộng rãi, gây ảnh hưởng tiêu cực cho xã hội.

Chúng ta đã chủ động tiên lượng, từng bước đấu tranh một cách hiệu quả những sự chống phá đó, dù trên không gian mạng hay bất cứ hình thức và phương tiện nào khác.

Nhìn tổng thể, về nội dung, có thể thấy, kẻ địch tập trung chống phá chủ nghĩa xã hội thế giới và Việt Nam ở các vấn đề chính yếu: 1) Công phá trực diện chủ nghĩa Mác, chủ nghĩa Lê nin; 2) Tách rời và đồi lập chủ nghĩa Mác với chủ nghĩa Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh; 3) Thổi phồng bản ngã dân tộc, cổ vũ chủ nghĩa dân tộc cực đoan, tán dương chủ nghĩa cá nhân vị kỷ, cô độc và hẹp hòi; khuếch trương chủ nghĩa tự do, vô chính phủ; núp bóng chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa dân túy; 4) Nhập khẩu tư tưởng ngoại lai, bài trừ chủ nghĩa Mác - Lê nin, xuyên tạc tư tưởng Hồ Chí Minh dưới mọi hình thức và mức độ; 5) Lật ngược và đánh tráo lịch sử, tạo nên những đảo lộn và khoảng trống tư tưởng gây nên tình trạng hỗn mang về tư tưởng chính trị và vô định về lịch sử; 6) Chỗ đứng nào cho chủ nghĩa xã hội và cái gọi là con đường xã hội chủ nghĩa Việt Nam; 7) Chủ nghĩa nào cũng được miễn rằng dân giàu, nước mạnh, văn minh; 8) Mọi con đường đều đưa dân tộc đi tới độc lập và phồn vinh; 9) Bôi nhọ và phủ nhận nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; 10) Kỳ thị và phủ định vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước; 11) Thổi phồng kinh tế tư nhân, đòi kinh tế tư nhân thay thế vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trong nền kinh tế quốc dân; 12) Xuyên tạc, đả kích và phủ nhận sở hữu toàn dân và sở hữu nhà nước, đòi tư hữu hóa các tư liệu sản xuất chủ yếu của nền kinh tế xã hội; 13) Bôi nhọ, phủ nhận vai trò và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; 14) Thổi phồng và cổ xúy tầng lớp trí thức thay thế vai trò và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; 15) Cổ xúy chủ nghĩa dân tộc và đòi trở lại xây dựng nhà nước dân chủ nhân dân; 16) Thổi phồng

học thuyết tam quyền phân lập - con đường dân chủ tối cao và pháp trị phồn vinh; 17) Xã hội công dân sẽ sánh vai cùng nhà nước quản trị xã hội; 18) Độc đảng toàn trị sẽ dẫn tới vô dân chủ và phi pháp quyền; 19) Đa đảng - con đường tất yếu dẫn tới dân chủ; và 20) Đu dây hay nhất biên đảo (ngả về một bên) - con đường nào dẫn tới độc lập, dân chủ và giàu mạnh?

Hơn bao giờ hết, công tác tư tưởng, lý luận phải đứng trên nền tảng học thuyết Mác - Lê nin để soi rọi, kiến giải những vấn đề nóng bỏng của thời đại ngày nay, trực tiếp là những vấn đề của chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội, để xem xét, luận chiến trên những vấn đề đó một cách chủ động và hiệu quả. Điều đó giải thích vì sao kẻ thù điên cuồng không ngớt đả phá chủ nghĩa Mác nhưng giữa lúc cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế toàn cầu diễn ra vào năm 2008 - 2009, thì một số nhà tư bản ở Italia, Anh, Đức... lại đỗ xô đi mua bộ *Tư bản* của C. Mác để nghiên cứu với hy vọng tìm lối thoát cho cuộc khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản.

Gần 35 năm đổi mới, dưới ngọn cờ xã hội chủ nghĩa, Việt Nam giành được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, dân tộc ta tiến những bước quan trọng trong lịch sử nước nhà; vị thế quốc gia - dân tộc được khẳng định vững vàng trên trường quốc tế. Đó chính là hiện thân của quyền dân tộc tự quyết mà Việt Nam lựa chọn và phát triển, con đường của sự phát triển đa dạng trong thống nhất của khu vực và của thế giới chính thể được các quốc gia, dân tộc tôn trọng và ghi nhận. Đánh giá về công cuộc đổi mới toàn diện của Việt Nam, bạn bè quốc tế ghi nhận Việt Nam kiên định chủ nghĩa Mác - Lê nin và chủ trương xây dựng chủ nghĩa xã hội, đã đạt được những thành tích to lớn về mọi mặt.

Toàn bộ hệ thống tư tưởng và lý luận của chúng ta từ Trung ương tới các địa phương cần chủ động phối hợp, đón bắt và tấn công, phản công một cách chủ động phù hợp, từng bước hiệu quả với những tư tưởng chống phá cách mạng dân tộc. Đó là trọng trách to lớn và khó khăn nhất. Bảo vệ chủ nghĩa xã hội và con đường xã hội chủ nghĩa Việt Nam một cách bình tĩnh, khoa học, cầu thị và thuyết phục chính là bảo

vệ tiền đồ của nhân loại tiến bộ và dân tộc chúng ta; là trọng trách lịch sử, là con đường trưởng thành và phát triển của công tác tư tưởng, lý luận hiện nay.

3. Trọng trách phát triển tư tưởng, lý luận của chúng ta hiện nay

Chủ nghĩa xã hội và xây dựng xã hội chủ nghĩa là sự nghiệp mới mẻ, chưa có tiền lệ trong lịch sử ở các quốc gia. Dù cho đã có một số quốc gia đi trước, nhưng điều đó không thể chuyển dịch cơ học hoặc nhập khẩu mô hình và kinh nghiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội. Việc đó khác hẳn với sự tham chiếu, tiếp biến những thành công và cả những thất bại, để tìm con đường phát triển cho riêng mình. Phương thức phát triển xã hội chủ nghĩa là *trung thành - độc lập - sáng tạo - và cụ thể*, quyết không phải là ở việc có tiền lệ hay không, càng không thể chờ đợi hay đổ lỗi cho tiền lệ.

Thực tiễn cho thấy, sự thất bại của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác ở Đông Âu là sự đổ vỡ của những mô hình chủ nghĩa xã hội cụ thể chứ tuyệt nhiên không phải là sự biến mất của lý tưởng xã hội chủ nghĩa. Vì, như Ph. Héghen khẳng định, tất cả các nguyên lý triết học hiện đại đều là sự kế thừa và phát triển từ tất cả các nguyên lý triết học có từ trước đó.

Công cuộc đổi mới toàn diện, đồng bộ vì chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đã, đang và tiếp tục phải tự vạch ra con đường phát triển riêng cho mình phù hợp với mình và thế giới, không ai có thể thay thế chúng ta hoặc càng không thể nhập khẩu mô hình hoặc kinh nghiệm từ bên ngoài vào. Đó chính là con đường phát triển dân tộc độc lập và hùng cường, nhân dân tự do và hạnh phúc, quốc gia phát triển bền vững và hội nhập toàn cầu, dưới ngọn cờ xã hội chủ nghĩa.

Vì vậy, công tác tư tưởng, lý luận cần phải xác định rằng, *nếu lúc nào và ở đâu sự ảo tưởng, thiển cận, thiên kiến, hẹp hòi, cô độc hay sự cơ hội, giáo điều, rập khuôn, dao động, hèn nhát, thì khi đó và ở đó nhất định dẫn tới tự đầu hàng, tự thoái bộ, tự tụt hậu và nhất định sẽ tự cáo*

chung sứ mệnh và vai trò của mình về mặt tư tưởng và lý luận. Nói cách khác, đó cũng chính là thách thức đối với sự phát triển và tiền đề của chủ nghĩa xã hội hiện nay, bắt đầu từ công tác tư tưởng, lý luận.

Theo đó, cần tiếp tục giải quyết đồng bộ và thống nhất các nhiệm vụ cấp bách trong cuộc đấu tranh tư tưởng, lý luận hiện nay:

Một là, khoa học chính trị và niềm tin chính trị.

Chủ nghĩa xã hội sở dĩ trở thành khoa học bởi nó đúng vững và phát triển ngay trên mảnh đất hiện thực của chính nó. Khi sự phát triển của chủ nghĩa xã hội chính là sự phát triển thống nhất trong đa dạng một cách độc lập, khoa học và sáng tạo thì việc *tìm tòi và lựa chọn con đường, phương thức kiến tạo riêng* của chủ nghĩa xã hội Việt Nam đối với công tác tư tưởng, lý luận càng trở nên cấp bách. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra: Tùy hoàn cảnh mà các dân tộc phát triển theo con đường khác nhau. Có nước thì đi thẳng đến chủ nghĩa xã hội (cộng sản) như Liên Xô. Có nước thì phải kinh qua chế độ dân chủ mới, rồi tiến lên chủ nghĩa xã hội (cộng sản) - như các nước Đông Âu, Trung Quốc, Việt Nam ta... “Ta có thể đi con đường khác để tiến lên chủ nghĩa xã hội”¹.

Nhìn rộng ra, chủ nghĩa tư bản phát triển ở mỗi nước lại có đặc trưng riêng: Mỹ, Pháp khác Anh, Đức, Tây Ban Nha, Nhật Bản rất khác Italia, Bồ Đào Nha...; chủ nghĩa tư bản ở châu Âu cũng không giống chủ nghĩa tư bản ở châu Á, tất nhiên rất khác với chủ nghĩa tư bản ở các châu lục còn lại của thế giới. Nhưng, tất cả vẫn nguyên vẹn là chủ nghĩa tư bản. Đó là một nguồn tham chiếu tư tưởng, lý luận của chúng ta.

Vì vậy, mối liên hệ giữa khoa học và cách mạng - bản chất của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa mà các nước xây dựng chủ nghĩa xã hội xử lý không giống nhau - công tác tư tưởng, lý luận tiếp tục phải nắm lấy và góp phần giải quyết về mặt chính trị trong việc xây dựng đường lối và các quyết sách chính trị. Niềm tin chính trị chính là xuất phát từ đây. Niềm tin chính trị phải đặt trên cơ sở khoa học chính trị; và ngược lại,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.10, tr.391.

mà trước hết và trực tiếp là bảo vệ và phát triển niềm tin chính trị của nhân dân. Khi mất niềm tin là mất hết.

Hai là, vê tâm nhìn chính trị chiến lược và khát vọng phát triển.

Công tác tư tưởng, lý luận phải hoạch định tầm nhìn chiến lược quốc gia. Con đường phát triển Việt Nam trong tầm nhìn chiến lược tới năm 2030 là con đường xã hội chủ nghĩa hiện thực Việt Nam. Đó là sự lựa chọn tất yếu, là nguyên tắc phát triển phù hợp với Việt Nam và thời đại ngày nay.

Không biết quốc gia đứng ở đâu nhất định sẽ không thể dẫn dắt quốc gia đi tới đâu và đi như thế nào. Việt Nam độc lập, thống nhất, công nghiệp, hiện đại, phồn thịnh, hùng cường và văn hiến, giữ vị thế xứng đáng trên trường quốc tế. Đó là định vị chiến lược phát triển Việt Nam.

Bảo vệ và vun đắp lòng tin của nhân dân, đó chính là cái tôn quý nhất của đất nước, tài sản vô giá và to lớn nhất của cách mạng Việt Nam. Quốc gia thịnh suy, đất nước còn mất ở khắp mọi thời và hiện nay do muôn dân định đoạt. Mất lòng tin của nhân dân là mất hết.

Việt Nam cần giữ và nhân lên triết lý của sự phát triển mạnh mẽ, bền vững và nhân văn. Hội nhập quốc tế để thuỷ thai tinh hoa, hòa mục, để cầu thị và phát triển tự cường, mà không rơi vào cô độc và bị cô lập, với tư cách là một quốc gia độc lập. Chỉ có tự cường mới chủ động hội nhập quốc tế thật sự bình đẳng, ngang tầm và hiệu quả. Chỉ có tự cường mới thật sự độc lập, tự do, mới thật sự là chính mình và tự quyết nắm lấy cơ hội vượt lên.

Công tác tư tưởng, lý luận phát triển và bảo vệ tầm nhìn chính trị chiến lược ấy và thổi bùng lên khát vọng Việt Nam hùng cường. Vì khát vọng đó luôn là điểm xuất phát cho mọi thành công của tương lai. Khát vọng và hành động vì khát vọng là ngọn nguồn của mọi thành công. *Khi quốc gia độc lập - Tổ quốc tự tôn - Mỗi người tự trọng - Dân tộc đoàn kết - Hội nhập bốn bề thì nhất định đất nước Tự cường!* Điều đó phải trở thành phương châm hành động trước hết của công tác tư tưởng, lý luận vì tầm nhìn phát triển chiến lược và khát vọng Việt Nam.

Ba là, về kiến tạo lực lượng và tổ chức bộ máy công tác tư tưởng, lý luận.

Hoạt động trong lĩnh vực tư tưởng, lý luận trước hết phải bao gồm những người có khả năng, tư chất và hành động thực tiễn về tư tưởng, lý luận, trực tiếp là lý luận chính trị.

Muốn làm tốt công tác tư tưởng, mỗi người phải xứng đáng là một nhà tư tưởng, một nhà lý luận chính trị, trước hết về nhân cách, bản lĩnh chính trị và lối sống. Vì đó là hình ảnh mẫu mực của thể chế về dung khí, cá tính sáng tạo và óc phản biện cầu thị.

Tiếp tục tổ chức bộ máy làm công tác tư tưởng, lý luận theo hướng: *gọn nhẹ, tinh hoa, chuyên nghiệp, hiện đại và liên thông các binh chủng trên hai phương diện tư tưởng và lý luận, làm rường cột trong bộ máy tổng thể của hệ thống chính trị.*

Bốn là, về cơ chế vận hành phát triển và đấu tranh tư tưởng, lý luận.

Khoa học chính trị làm rường cột cùng với các khoa học liên ngành khác (khoa học tự nhiên, khoa học - công nghệ, khoa học nông nghiệp...) hợp thành chỉnh thể công tác tư tưởng, lý luận, tham mưu và tham gia hoạch định những quyết sách chính trị chung và trên từng lĩnh vực. Cùng với nghiên cứu cơ bản, hết sức coi trọng nghiên cứu ứng dụng và nghiên cứu triển khai; qua đó sơ kết, tổng kết, phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Việc nghiên cứu cơ bản phải được tổ chức thật sự hệ thống và xứng tầm; đồng thời, chủ động tổng kết thực tiễn, không ngừng phát triển lý luận là mục tiêu hoạch định đường lối chính trị của Đảng và những quyết sách chính trị khác. Vì nếu không như vậy sẽ rất dễ phạm sai lầm trên những phương diện, những vấn đề cụ thể; càng rất khó khăn trong việc tổng kết, phát triển và đấu tranh một cách chủ động, hiệu quả nhằm bảo vệ nền tảng tư tưởng chính trị của công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế hiện nay.

Bảo đảm sự thống nhất giữa tư tưởng - lý luận - và thực tiễn mang tính chính thể; kết hợp chặt chẽ công tác tuyên truyền, cổ động với

nghiên cứu tổng kết, phát triển lý luận nhằm tạo sự thống nhất về tư tưởng, sự đột phá sáng tạo về lý luận bằng tổ chức thực tiễn và tổng kết thực tiễn; tăng cường đối thoại một cách dân chủ và cầu thị. Lúc này, hơn lúc nào hết, một bước tiến của thực tiễn đổi mới xây dựng chủ nghĩa xã hội có giá trị đặc biệt trong việc phát triển tư tưởng, lý luận, bảo vệ trực tiếp nền tảng tư tưởng và thực tiễn đổi mới; phát triển và làm phong phú kho tàng của chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh hiện nay.

Phối hợp thống nhất công tác tư tưởng, lý luận theo chức năng, nhiệm vụ của các ngành, địa phương, đơn vị và nắm bắt, theo sát dự luận xã hội để hoạch định những công việc lớn, dành sự ưu tiên thích đáng một cách toàn diện.

Năm là, về sự hợp tác quốc tế và tham chiếu phát triển tư tưởng, lý luận.

Tư tưởng, lý luận tự nó không có biên giới. Trong thế giới phẳng, với sự phát triển của công nghệ thông tin, phát triển của mạng xã hội trên nền tảng internet và hiện nay, mọi sự hạn chế không gian về tư tưởng, lý luận đều trở nên chật hẹp, bị dỡ bỏ và san phẳng. Theo đó, công tác tư tưởng, lý luận của chúng ta hiện nay đang đứng trước những thời cơ, thuận lợi cũng như những nguy cơ, thách thức mới chưa bao giờ có: chiến tranh không gian mạng trên mọi lĩnh vực, xung đột và khủng bố tư tưởng, dân tộc, sự trỗi dậy của chủ nghĩa cá nhân dưới mọi hình thức, v.v..

Phương châm chung là *phải chủ động và cầu thị để giải quyết các vấn đề, mở rộng mọi con đường, mức độ phát triển và bảo vệ tư tưởng, lý luận một cách đa diện, phong phú và thiết thực.*

Trước hết, chú trọng hợp tác song phương, dưới mọi quy mô và hình thức trao đổi, tham chiếu về tư tưởng, lý luận một cách chủ động và hiệu quả, nhất là những vấn đề nghiên cứu lý luận cơ bản và nghiên cứu ứng dụng ở mọi cấp độ.

Kết hợp chặt chẽ hợp tác song phương với hợp tác đa phương, dưới quy mô và hình thức phù hợp, nhằm tập trung nghiên cứu, trao đổi

những vấn đề lý luận cơ bản, nhất là những vấn đề chúng ta còn thiếu, còn đang bỏ ngỏ.

Cầu thị nhưng không ảo tưởng, không huyễn hoặc hay rụt rè, cố thủ, càng không kỳ thị, xa lánh... bảo đảm việc hợp tác, tham chiếu tư tưởng, lý luận thật sự ngang tầm, cụ thể và thiết thực.

Sáu là, vê định chế và thực thi nghiêm chế tài theo kỷ luật và pháp luật.

Tự do, dân chủ là động lực phát triển của tư tưởng, lý luận. Nhưng, nó sẽ trở thành phản động lực khi sử dụng tự do, dân chủ nhằm bôi nhọ, xúc phạm người khác; nhân danh dân chủ lý luận để công kích, xúc phạm, xâm hại lợi ích quốc gia, dân tộc dưới mọi hình thức, mọi môi trường và mọi mức độ. Tự do internet, dân chủ mạng xã hội không có nghĩa là tự do tuyệt đối, dân chủ vô giới hạn.

Tất cả đều được xử lý theo luật pháp và thông lệ quốc tế một cách kiên quyết, không ngoại lệ, không miễn trừ một ai, một tổ chức nào.

Tại các quốc gia - nơi các thiết chế vốn tự coi là dân chủ nhất đối với báo chí hay các phương tiện truyền thông khác, nạn tin giả, tin thất thiệt - buộc rất nhiều quốc gia phải vào cuộc bằng những chế tài nghiêm khắc.

Vì tự do và cho tự do của mỗi người và toàn cộng đồng, một cách văn minh và tiến bộ, dù ngay cả trên không gian mạng, chúng ta kiên định và nghiêm khắc thực thi dân chủ và pháp quyền trong việc giữ vững và bảo vệ tự do chính trị, tự do tư tưởng và tự do lý luận.

NIÊM TIN CỦA CHÚNG TA

TS. NGUYỄN TRI THỨC*

Niềm tin, tự bao đời nay, vốn luôn tồn tại trong bất cứ xã hội nào, từ những sơ khai, hồn nhiên thời nguyên thủy mông muội cho đến đủ đầy nguyên lý, thang đo trong xã hội hiện đại. Nhưng niềm tin, vốn bị chi phối, thậm chí thuộc về lĩnh vực tình cảm, nên vẫn có những sai số, khoảng chênh nhát định... Điều quan trọng là phải tạo được niềm tin có cơ sở khoa học, thuyết phục, vững chãi.

Niềm tin giúp cá nhân, tập thể vượt qua những giới hạn nhất định, trên mọi lĩnh vực. Niềm tin là cội nguồn, nền tảng sức mạnh của mỗi cá nhân, tập thể, cũng như toàn dân tộc. Tất nhiên, đó phải là niềm tin triết học, niềm tin nội lực, được xây dựng trên những cơ sở khoa học, thực tiễn chắc chắn, rõ ràng, vững vàng.

1. Gieo rắc hoài nghi, rắp tâm chống phá

Từ khi đất nước Việt Nam hoàn toàn giải phóng đến nay, các thế lực thù địch, những kẻ cơ hội chính trị luôn ra sức tạo dựng, tung ra những ý kiến, quan điểm sai trái, bất mãn, xuyên tạc, bóp méo nhằm mục đích cuối cùng là xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản, lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Những năm gần đây, khi tình hình quốc tế có

* Tạp chí Cộng sản.

nhiều biến động phức tạp, những cuộc “cách mạng màu” xảy ra cùng việc bạo loạn lật đổ ở một số quốc gia, những khó khăn, thách thức về kinh tế - xã hội trong nước; lợi dụng vấn đề “dân chủ”, “nhân quyền”, các thế lực thù địch thường xuyên đẩy mạnh hoạt động hỗ trợ cho số đối tượng phản động tuyên truyền những luận điểm sai trái, thù địch, ra sức chống phá Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Chúng sử dụng các phương tiện truyền thông bên ngoài tập trung tuyên truyền chống phá cách mạng Việt Nam. Hàng năm, có hàng nghìn tài liệu, hàng chục nghìn thư ân xá quốc tế phát tán vào Việt Nam bằng nhiều con đường khác nhau. Các thế lực thù địch, phản động triệt để lợi dụng internet, không gian mạng để tuyên truyền bịa đặt, sai trái nhằm chống đối, phá hoại thành quả cách mạng của nhân dân ta. Chúng chủ yếu tập trung tấn công, phá hoại nền tảng chính trị, tư tưởng của Đảng, xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; phê phán đường lối của Đảng và Nhà nước ta, chĩa mũi nhọn, đả kích các cơ quan bảo vệ pháp luật, đòi “phi chính trị hóa” lực lượng vũ trang. Chúng đe cao các giá trị của chủ nghĩa tư bản, cổ xúy đa nguyên chính trị, đa đảng tự do, thực thi dân chủ, nhân quyền theo kiểu phương Tây... Những âm mưu, thủ đoạn này tác động không nhỏ, gây hoang mang, dao động, gieo rắc tâm lý hoài nghi trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân, dẫn đến “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, phai nhạt niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng...

Trước tình hình đó, Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương đề ra nhiều chủ trương, biện pháp và ban hành các chỉ thị, nghị quyết, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh các hoạt động đấu tranh phản bác những quan điểm, luận điệu sai trái, thù địch; góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa. Nghị quyết Đại hội XII của Đảng nhấn mạnh: “Tăng cường đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch; chủ động ngăn chặn, phản bác các thông tin,

quan điểm xuyên tạc, sai trái, thù địch”¹. Ngày 22/10/2018, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 35-NQ/TW về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới...

Trong bối cảnh mới với nhiều diễn biến phức tạp, khó lường, việc chủ động nhận diện các biểu hiện, chiêu trò của thế lực thù địch, những phần tử cơ hội chính trị để chủ động, quyết liệt đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là hết sức cấp bách, từ đó làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình”, bóc trần, dập tắt những luận điệu cũ, sai trái của các thế lực thù địch. Nhưng những kẻ cùng đường hép hòi, hận thù, chống phá chưa bao giờ dừng lại.

Ngay sau khi Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 30/5/2019 về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, các thế lực thù địch và những kẻ cơ hội chính trị lại tung ra những luận điệu bất mãn, sai trái, xuyên tạc nhằm gieo rắc sự hoài nghi, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam. Vẫn những chiêu bài, thủ đoạn cũ, chúng tìm mọi cách bôi nhọ, hạ thấp và tiến tới phủ nhận những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử mà nước ta đã đạt được dưới sự lãnh đạo của Đảng. Chúng đưa ra những hạn chế, khiếm khuyết liên quan đến quá trình lãnh đạo của Đảng, nêu ra những bất cập, khó khăn trong công cuộc đổi mới đất nước,... quy kết, chụp mũ, cho rằng tham nhũng là bản chất của chế độ ta, sự tồn tại của Đảng là cản nguyên dẫn đến mọi trì trệ, yếu kém, sai lầm; muốn đất nước phát triển thì phải xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng...

Lợi dụng không gian mạng, chúng tạo dựng, đắp bồi những thông tin, hình ảnh “nửa thật nửa giả”, đa phần là bịa đặt, xuyên tạc, vu khống nhằm cố tình gieo rắc hoài nghi cho những cư dân mạng khi vô tình tiếp nhận thông tin, hình ảnh, video clip mà chúng đăng tải. Mục đích cuối cùng, không gì khác, đó là “đổi trắng thay đen”, thêu dệt, đơm

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.201.

đặt, xuyên tạc,... nhằm nói xấu chế độ, hô hào, kêu gọi “đa nguyên, đa đảng” ở Việt Nam, rằng chỉ có “đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập” mới có dân chủ thực sự, xã hội mới hết tham nhũng, tiêu cực, người dân mới được tôn trọng...

Đáng nguy hiểm là những luận điệu nghe qua có vẻ như sự thật (vì chúng lợi dụng sự việc, hiện tượng có thật rồi nhào nặn, đắp bồi để “bôi đen”, bóp méo, làm giả), nhất là về công tác cán bộ cấp chiến lược, về “tình hình nội bộ trong Đảng”, “sự thanh toán phe phái”,... khiến một bộ phận nhân dân, nhất là giới trẻ và những người ở nước ngoài thiếu thông tin, vì mơ hồ và thiếu cảnh giác, thiếu bản lĩnh và nhạy cảm chính trị nên đã vô tình “tiếp tay” cho những điều dối trá, lừa bịp. Thậm chí, có những người vì thiếu niềm tin, mất sức đề kháng, vội vã “a dua” nên đã phần nào lung lay, hoài nghi vào sự lãnh đạo của Đảng...

2. Những thành tựu, kết quả không thể phủ nhận

Phải khẳng định rằng, không có một đảng phái, quốc gia nào không có những khiếm khuyết, hạn chế, tồn tại trong quá trình lãnh đạo, phát triển đất nước. Vấn đề là mỗi quốc gia, mỗi đảng lãnh đạo nhìn nhận ra khuyết điểm, khắc phục nó như thế nào để ngày càng hoàn thiện đường lối của mình. Về Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Đảng phải luôn luôn xét lại những nghị quyết và những chỉ thị của mình đã thi hành thế nào. Nếu không vậy thì những nghị quyết và chỉ thị đó sẽ hóa ra lời nói suông mà còn hại đến lòng tin cậy của nhân dân đối với Đảng”¹.

Sau gần 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới, từ một đất nước nghèo nàn, có cơ sở vật chất - kỹ thuật, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội lạc hậu, trình độ thấp, đến nay, Việt Nam đã vươn lên trở thành nước đang phát triển, có thu nhập trung bình... Việt Nam đã trở thành một quốc gia có quy mô dân số gần 100 triệu người với mức thu nhập bình quân 2.800 USD/người/năm; đã tham gia hầu hết các tổ chức quốc tế, là bạn,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t5, tr.290.

là đối tác tin cậy, thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế. Năm 2020, Việt Nam lần thứ hai đảm nhiệm trọng trách Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc; cũng là lần thứ hai đảm nhận vai trò Chủ tịch ASEAN...

Lịch sử chứng minh rằng, kể từ khi thành lập, Đảng ta luôn tự soi, tự sửa, luôn thấu triệt những quan điểm, tư tưởng, lời răn dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh, thẳng thắn chỉ ra và thật thà sửa chữa những khuyết điểm, hạn chế để xây dựng, chỉnh đốn Đảng ngày càng hoàn thiện hơn, quyết tâm một lòng vì dân, vì nước, đưa đất nước vượt qua những sóng gió, thác ghềnh, hiểm nguy, chiếm trọn vẹn niềm tin trong đại đa số nhân dân, đạt được những kết quả, thành tựu rõ ràng, không thể phủ nhận.

Thứ nhất, những thành tựu quan trọng trong phát triển kinh tế.

Đất nước ta đã phát triển vượt bậc từ sau khi tiến hành công cuộc đổi mới. Nhìn một cách tổng thể, sau gần 35 năm tiến hành đổi mới, nhất là trong vòng 10 năm gần đây, Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng, có ý nghĩa lịch sử, được bạn bè quốc tế ghi nhận, đánh giá cao. Đất nước luôn nắm vững, giải quyết hài hòa, hợp lý, có hiệu quả các mối quan hệ lớn, như: Quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa tuân theo quy luật thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ...

Năm 2019, trong bối cảnh kinh tế thế giới và khu vực có nhiều biến động phức tạp, kinh tế Việt Nam vẫn đạt mức tăng trưởng ấn tượng 7,02%. Đây là năm thứ hai liên tiếp chúng ta hoàn thành tất cả 12/12 chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội mà Quốc hội đề ra. Đáng chú ý, kim ngạch xuất nhập khẩu đạt trên 516 tỷ USD, tăng 7,6% so với năm 2018. Đây là lần đầu tiên kim ngạch xuất nhập khẩu Việt Nam vượt trên 500 tỷ USD. Số mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu từ 1 tỷ USD trở lên tăng qua các năm. Năm 2011 có 21 mặt hàng, đến năm 2019 là 32 mặt hàng... Theo số liệu của Tổng cục Thống kê đến ngày

20/12/2019, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) thực hiện đạt 20,38 tỷ USD, tăng 6,7% so với năm 2018; tổng vốn đăng ký mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 38,02 tỷ USD, tăng 17,2% so với cùng kỳ năm 2018...

Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) ghi nhận, Việt Nam nằm trong nhóm các nước có tốc độ tăng trưởng chỉ số phát triển con người (HDI) cao nhất trên thế giới. Với chỉ số HDI năm 2019 là 0,63, Việt Nam đang ở gần mức tràn của nhóm các nước có HDI ở mức trung bình và chỉ cần thêm 0,007 điểm để vào nhóm các nước có HDI ở mức cao. Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 1,45%, và theo UNDP, Việt Nam đã tạo ra câu chuyện huyền thoại trong công cuộc giảm nghèo...

Những tháng đầu năm 2020, khi cả thế giới lao đao vì đại dịch COVID-19, kinh tế thế giới đổi mặt với cuộc suy thoái chưa từng có trong lịch sử, Việt Nam vẫn quyết tâm đạt mục tiêu kép: Giành thắng lợi trong cuộc chiến chống dịch bệnh và bảo đảm mục tiêu tăng trưởng kinh tế. Đầu tháng 4/2020, Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam năm 2020 sẽ đạt mức 4,8%, do tác động của dịch COVID-19 và sự suy giảm thương mại toàn cầu. Tuy nhiên, bất chấp khả năng bị ảnh hưởng nặng nề, theo ADB, các yếu tố nền tảng của kinh tế Việt Nam sẽ vẫn được duy trì. Nếu khống chế được dịch bệnh trong nửa đầu năm 2020, tăng trưởng sẽ hồi phục trở lại mức 6,8% vào năm 2021 và duy trì mạnh mẽ trong trung và dài hạn. ADB cho rằng, các yếu tố thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - tầng lớp trung lưu đang phát triển và khu vực tư nhân năng động, đáng chú ý là kinh tế hộ gia đình và các doanh nghiệp khu vực tư nhân trong nước - vẫn vững mạnh.

Thứ hai, quyết liệt, hiệu quả trong công tác phòng, chống tham nhũng.

Cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng của Đảng ta đang diễn ra quyết liệt, cẩn trọng, nghiêm túc, khách quan, không có vùng cấm, thu hút sự quan tâm của đông đảo nhân dân; tuy nhiên, các thế lực thù địch không ngừng vu khống rằng, đó là “cuộc chiến phe phái”, “thanh trừng nội bộ”, “trả thù cá nhân”... Chúng xoáy vào những vụ “đại án”, những

cán bộ cấp cao bị xử lý kỷ luật để nói xấu, bôi nhọ, kích động dư luận,... nhằm làm nhiễu loạn thông tin, khiến những ai không có đủ trình độ, bản lĩnh, kinh nghiệm có thể tin theo, hoang mang, dao động.

Trên thực tế, việc chống tham nhũng là việc mà bất kỳ quốc gia nào, thể chế chính trị nào cũng phải đối mặt và không ít nguyên thủ các nước trên thế giới đã vướng vòng lao lý vì tham nhũng. Thế nhưng, khi mà quyết tâm của toàn Đảng ta ra sức chỉnh đốn, làm trong sạch nội bộ, thì chúng lại ra sức xuyên tạc, tung tin sai trái, bịa đặt nhằm hạ thấp uy tín, vai trò lãnh đạo của Đảng... Nhưng không vì thế mà chúng ta chùn tay, xao nhãng.

Từ đầu nhiệm kỳ khóa XII của Đảng (tháng 01/2016) đến nay, các cấp có thẩm quyền đã thi hành kỷ luật hơn 90 cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý. Trong đó, có 2 Ủy viên Bộ Chính trị và 19 Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, 22 sĩ quan cấp tướng trong lực lượng vũ trang. Một số cán bộ cấp cao đã bị xử lý hình sự¹...

Điều đó thể hiện sự quyết tâm chính trị cao trong xây dựng, chỉnh đốn Đảng, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực của Đảng ta. Quyết tâm ấy sẽ không thể dừng lại, bởi đòi hỏi chính đáng từ nhân dân về một bộ máy trong sạch, vững mạnh, về một đất nước công bằng, dân chủ. Quyết tâm ấy cũng thể hiện sự cố gắng của Đảng ta - Đảng của dân, do dân, vì dân - trong việc ngày càng làm sạch, làm mạnh bản thân mình.

Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng nhận định: “Thật đau xót, nhưng không thể không làm, không có cách nào khác! Tất cả là vì sự nghiệp chung của Đảng, của đất nước, của nhân dân”². Trước những “bài học sâu sắc, đắt giá” như vậy, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước đề nghị từng Ủy viên Trung ương Đảng và mỗi cán bộ, đảng viên, công chức cần thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện; thường xuyên nêu gương,

1. Xem Trang Thông tin điện tử Ủy ban Kiểm tra Trung ương, ngày 15/01/2020.

2. Nguyễn Phú Trọng: *Chuẩn bị thật tốt đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng*, Sđd, tr.70.

tự soi, tự sửa, tránh xa những cám dỗ vật chất, tham vọng để không đi vào vết xe đổ, gây ra những hậu quả, tổn thất khôn lường... Trong quá trình chuẩn bị đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, phải “kiên quyết không để lọt vào cấp ủy những cán bộ vi phạm, thoái hóa, biến chất!”¹.

Thực tế, không chỉ hai vấn đề lớn, xuyên suốt kể trên mà Đảng ta lãnh đạo đạt được kết quả, mà còn nhiều lĩnh vực, mặt trận khác. Để rồi, những hoài nghi ban đầu, những dao động, xao nhãng thoảng qua dần bị bỏ lại. Niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng được củng cố. Như trong cuộc chiến chống dịch COVID-19, niềm tin của dân vào Đảng lại một lần nữa được khẳng định, bất chấp những chống phá điên cuồng từ các thế lực thù địch, những phần tử cơ hội chính trị.

Như một thói xấu, sự ích kỷ, hần học, trước mỗi thành công của đất nước, các thế lực thù địch, những kẻ cơ hội chính trị lại điên cuồng chống phá. Lợi dụng sự lo lắng, bất an trước đại dịch COVID-19 của người dân, chúng cố tình bóp méo, “bơm căng”, “thổi phồng” về chuyện cách ly, về việc Việt Nam “giấu dịch”, về chuyện “bỏ rơi” người dân... Thế nhưng, những sự thật, những kết quả hoàn toàn trái ngược. Cả hệ thống chính trị đã vào cuộc quyết liệt, chung sức, đồng lòng trong thế trận thời chiến chủ động khoanh vùng, kiểm soát, tiến công “giặc dịch”; đón người Việt từ vùng dịch trở về; miễn phí hoàn toàn chi phí khi cách ly, chữa trị dịch bệnh; hỗ trợ doanh nghiệp, những đối tượng yếu thế trong xã hội... Không phải ngẫu nhiên mà nhiều nước trên thế giới đánh giá cao và mong muốn học hỏi kinh nghiệm của chúng ta.

Đặc biệt, theo khảo sát được nền tảng nghiên cứu Dalia² công bố ngày 30/3/2020, có 62% số người Việt Nam cho rằng Chính phủ đã thực thi các biện pháp kiểm soát dịch bệnh COVID-19 phù hợp. Theo xếp

-
1. Nguyễn Phú Trọng: *Chuẩn bị thật tốt đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng*, Sđd, tr.70.
 2. Dalia là nền tảng nghiên cứu thị trường có trụ sở tại Berlin (Đức), chuyên thu thập ý kiến theo thời gian thực và xây dựng dữ liệu thị trường thông qua các khảo sát nhỏ trên điện thoại di động của người dùng.

hạng của Dalia, Việt Nam là quốc gia có độ hài lòng của người dân cao nhất thế giới về phản ứng của chính phủ đối với dịch bệnh, xếp trên Áchentina (61%), Áo (58%), Xingapo (57%)... Với tổng cộng 32.631 ý kiến phản hồi đến từ 45 quốc gia, Dalia cho biết, mỗi quốc gia được khảo sát có ít nhất 500 người tham gia. Kết quả mang tính đại diện cho mỗi quốc gia được tính toán dựa trên phân bố chính thức về độ tuổi, giới tính, ở một số nước, là cả trình độ học vấn.

Việc “chống dịch như chống giặc” bước đầu rất thành công của Việt Nam không chỉ đáp trả những luận điệu, thông tin xuyên tạc, bịa đặt, chống phá mà còn cho thấy sự tôn trọng người dân, không để ai bị bỏ lại phía sau của Việt Nam một cách đầy sống động, thuyết phục, khác xa những cáo buộc vô lối hằng năm của các tổ chức nước ngoài công bố, rêu rao...

3. Tiếp tục xây dựng, nhân rộng, phát huy sức mạnh nền tảng của niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng

Dù đã đạt được những thành tựu quan trọng, đầy kiêu hãnh, đáng tự hào trên nhiều lĩnh vực, nhưng chúng ta cũng còn không ít hạn chế, khuyết điểm cần khắc phục, phải giải quyết triệt để, tiếp tục tạo niềm tin trong nhân dân về sự lãnh đạo của Đảng. Lấy lại, giữ vững niềm tin trong nhân dân, đó vừa là yêu cầu, vừa là mệnh lệnh phải thực thi bằng được. Và Đảng ta luôn khẳng định điều ấy. Phát biểu Bế mạc Hội nghị Trung ương lần thứ mười một, ngày 12/10/2019, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng khẳng định: “Chúng ta phải... giữ vững kỷ cương, kỷ luật của Đảng, để lấy lại và củng cố niềm tin và tình thương yêu, quý trọng của nhân dân”¹. Để tiếp tục xây dựng, nhân rộng, phát huy sức mạnh nền tảng của niềm tin vào chủ nghĩa xã hội, vào sự lãnh đạo của Đảng trong giai đoạn cách mạng hiện nay, cần chú ý một số giải pháp sau:

1. Nguyễn Phú Trọng: Chuẩn bị thật tốt đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Sđd, tr.70.

Thứ nhất, tiếp tục nghiên cứu hệ thống, toàn diện chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; khẳng định chủ nghĩa Mác - Lê nin là học thuyết khoa học nhất, cách mạng nhất, tư tưởng Hồ Chí Minh là sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, kết tinh những giá trị văn hóa, tinh thần của dân tộc ta trong thời đại ngày nay. Cần quán triệt Nghị quyết số 35-NQ/TW, ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới; Kế hoạch số 14-KH/TW, ngày 25/3/2019 của Ban Bí thư thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XII. Trong đó, cần tuyên truyền sâu rộng, thiết thực bốn nhiệm vụ thường xuyên tại Kế hoạch số 14-KH/TW, đó là: (1) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tăng cường thông tin tích cực; (2) Đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận, hoàn thiện hệ thống lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường lén chủ nghĩa xã hội ở nước ta trong tình hình mới; (3) Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phổ biến, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức lý luận chính trị; (4) Tăng cường quản lý, giáo dục cán bộ, đảng viên, xử lý nghiêm minh những trường hợp vi phạm...

Bên cạnh đó, cần tăng cường đổi mới nhận thức; chú trọng nghiên cứu những vấn đề lý luận lớn, cấp bách; gắn lý luận với thực tiễn. Cần nghiên cứu một cách sâu sắc vấn đề đổi mới chính trị và thể chế, đổi mới để phát huy thành tựu đã có, khắc phục hạn chế, tồn tại. Phải coi gắn lý luận với thực tiễn là nguyên tắc tối quan trọng, vì nếu tách rời lý luận và thực tiễn thì mọi chính sách, định hướng sẽ lập tức bị rơi vào siêu hình, thiếu tính khả thi...

Thứ hai, ngày càng hoàn thiện thể chế chính sách, đặc biệt về hội nhập quốc tế, phát triển kinh tế, công bằng xã hội,... để tạo gốc rễ, nền tảng vững chắc góp phần đẩy mạnh công cuộc phát triển đất nước bền vững. Tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, phát huy những thành quả cách mạng đã đạt được; tuyệt đối không được chủ quan, tự mãn, không quá say sưa với thắng lợi, “ngủ quên trên vòng nguyệt quế”. Có như thế mới không tạo ra những “kẽ hở”, “khoảng trống” để tạo cơ hội cho việc

hình thành, phát sinh, duy trì những “nhóm lợi ích”, những quan tham, nhũng nhiễu, tiêu cực trong xã hội. Như vậy, việc “phòng” sẽ tốt hơn, tránh phải “chống” rất khó khăn, phức tạp, đau đớn... Cùng với đó, cần duy trì những kết quả tích cực đã đạt được trong phát triển kinh tế - xã hội những năm qua, tạo đà cho sự bứt phá tiếp theo, với kỳ vọng sẽ đạt được những thành tựu nổi bật hơn nữa trong vấn đề giảm nợ công, đẩy nhanh, mạnh, vững bền tốc độ tăng trưởng GDP, nâng cao đời sống, bảo đảm an sinh xã hội cho người dân, rút ngắn khoảng cách phát triển giữa các vùng, miền trong cả nước...

Thứ ba, thực hiện nghiêm túc tự phê bình và phê bình trong Đảng, bởi chỉ có thực hiện tốt vấn đề này, Đảng mới luôn giữ được niềm tin của nhân dân. Đảng phải liêm chính, chí công, vô tư. Đảng phải dũng cảm dám thừa nhận sai lầm, dám tự phê bình trước dân. Cụ thể, cần tiếp tục quán triệt, thực hiện tốt Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XI “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”; Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII “về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”; Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 khóa XII “về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ”.

Cần thường xuyên đổi mới để nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác giáo dục chính trị tư tưởng; trong đó, tập trung quán triệt sâu sắc và thực hiện nghiêm chỉnh, thăng lợi Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 30/5/2019 của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

Thứ tư, làm tốt công tác cán bộ để góp phần chặn đứng tình trạng tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Mọi cán bộ đều được đặt đúng vị trí, đúng khả năng, trình độ của mình. Kiên quyết chống tiêu cực, “chạy chức, chạy quyền”, “lợi ích nhóm”,... dẫn đến những sai lầm gây hậu quả đáng tiếc, với cá nhân cán bộ thì giảm sút ý chí phấn đấu, cống hiến, thậm chí “thân bại, danh liệt”; với tập thể thì suy yếu, mất cán bộ, trì

trệ; với xã hội thì suy giảm niềm tin của nhân dân vào vai trò lãnh đạo của Đảng, Nhà nước.

Thứ năm, kiên quyết đẩy mạnh cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực từ Trung ương đến địa phương, tránh tình trạng “trên nóng, dưới lạnh”, gây tâm lý hoài nghi, bất an, thậm chí mất niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng. Có thể khẳng định rằng, việc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, những mặt trái trong xã hội thời gian qua đạt được nhiều kết quả tích cực, lấy lại niềm tin của đông đảo quần chúng nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng. Đây là vấn đề hệ trọng, là mối quan tâm lớn của toàn Đảng, toàn dân nên không thể vội vàng, mắc sai lầm. Nhưng cũng vì thế mà không thể “trùng xuống”, không thể thiếu quyết liệt trong chỉ đạo, thực hiện, nhất là việc đẩy nhanh tiến độ xác minh, điều tra, xử lý các vụ việc, vụ án tham nhũng nghiêm trọng, phức tạp... Có như vậy mới thấy rằng, cuộc đấu tranh này là không có “vùng cấm”, không loại trừ bất kỳ ai vi phạm pháp luật; qua đó tiếp tục củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, mới giúp cả nước đồng lòng, quyết tâm đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần đẩy mạnh công bằng xã hội, giúp đất nước phát triển tích cực, vững bền...

Thứ sáu, cần tăng cường đấu tranh chống “diễn biến hòa bình” trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa, nhất là âm mưu, thủ đoạn lôi kéo cán bộ, đảng viên và nhân dân để gieo rắc tâm lý, tư tưởng hoài nghi về vai trò và khả năng lãnh đạo của Đảng ta... Cần kịp thời phát hiện, nhận diện để đấu tranh, ngăn chặn những phần tử phá hoại núp dưới danh nghĩa “yêu nước”, “nhân quyền”, “công bằng” để kích động, tạo lập các mầm mống gây bạo loạn, lật đổ... trên tất cả các phương diện, hình thức khác nhau, từ không gian mạng, đến các vụ, việc cụ thể trong đời sống. Phải khu biệt, cô lập, xác định đúng đối tượng phản động, phá hoại, kích động, chủ mưu trong từng vụ việc, cũng như đã cố tình vi phạm cả thời gian dài một cách có hệ thống để đưa ra xét xử trước pháp luật một cách nghiêm minh, đủ sức răn đe... Sự nghiêm trị của pháp luật cũng góp

phản cảnh tinh, răn đe các đối tượng khác không bước chân vào con đường tội lỗi, tàn phá chính đất nước, đồng bào mình.

*

* * *

Rõ ràng, niềm tin chính là nền tảng sức mạnh của mỗi cá nhân và của cả dân tộc. Đó là sức mạnh truyền cảm hứng và ảnh hưởng. Đó là chất keo gắn bó con người với nhau. Đảng đã luôn cố gắng tạo dựng niềm tin trong dân thông qua những kết quả, thành tựu cụ thể, từng bước giúp dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Và rồi quay trở lại, đại đa số nhân dân tuyệt đối tin Đảng, một lòng theo Đảng. Những niềm tin đó hòa quyện, bện chặt vào nhau tạo ra động lực, sức mạnh. Những giá trị đích thực, tích cực của niềm tin ấy giúp chúng ta vượt qua mọi thử thách để thực hiện mong muốn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đó là: “mọi người dân được ấm no, hạnh phúc”¹.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.12, tr.521.

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM - CỘI NGUỒN SÁNG TẠO VÀ SỨC MẠNH CỦA ĐẤT NƯỚC, DÂN TỘC VIỆT NAM

PGS.TS. TRẦN TRỌNG THƠ*

1. Vai trò lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng và dân tộc Việt Nam, trước hết bắt nguồn từ yêu cầu khát khao của dân tộc Việt Nam về độc lập, tự do, hòa bình và phát triển; từ thực tiễn cuộc đấu tranh của nhân dân chống sự nô dịch đế quốc, được soi rọi dưới ánh sáng chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vừa nằm trong quy luật vận động của cách mạng thế giới, vừa phù hợp với đặc điểm kinh tế, xã hội và văn hóa Việt Nam.

Sự ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam chấm dứt thời kỳ bế tắc về đường lối, khủng hoảng về lực lượng lãnh đạo, đồng thời, tạo nên một bước ngoặt to lớn của cách mạng Việt Nam, mở ra chặng đường đấu tranh oanh liệt đầy trí tuệ, bản lĩnh và sức sáng tạo của Đảng. Đứng ở vị trí trung tâm lãnh đạo phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc mở đường tiến lên chủ nghĩa xã hội, Đảng là cội nguồn sáng tạo và sức mạnh để dân tộc Việt Nam gặt hái được những thành công rực rỡ.

Trên chặng đường 15 năm đấu tranh giành độc lập dân tộc từ năm 1930 đến năm 1945, trí tuệ, bản lĩnh và sức sáng tạo to lớn của Đảng đã

* Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

kết tinh trong đường lối cách mạng giải phóng dân tộc đúng đắn. Đảng đã xác định đúng tâm quan trọng của vấn đề độc lập dân tộc, giường cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, xử lý đúng đắn mối quan hệ dân tộc - giai cấp, dân tộc - dân chủ, dân tộc - quốc tế, qua đó, huy động được sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc cùng đồng tâm hiệp lực đấu tranh thực hiện mục tiêu cách mạng do Đảng xác định. Đảng đã áp dụng sáng tạo và đạt hiệu quả cao các phương pháp cách mạng trong tổ chức, xây dựng, tập dượt lực lượng gắn kết với các hình thức đấu tranh độc đáo, tiến tới nhìn nhận và nắm bắt đúng thời cơ, kịp thời phát động và lãnh đạo nhân dân ta Tổng khởi nghĩa thành công vào Tháng Tám năm 1945, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, mở ra một kỷ nguyên mới của dân tộc Việt Nam, kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là thắng lợi vĩ đại của dân tộc Việt Nam trong thế kỷ XX, cũng là thắng lợi vĩ đại đầu tiên của Đảng trong vai trò lãnh đạo dân tộc Việt Nam hòa vào dòng chảy của lịch sử nhân loại đang vận động không ngừng.

Trên chặng đường 30 năm chiến tranh cách mạng từ năm 1945 đến năm 1975, Đảng đã lãnh đạo nhân dân lần lượt đánh thắng hai đế quốc to là thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, trở thành ngọn cờ đầu trong công cuộc đấu tranh phi thực dân hóa trên phạm vi toàn thế giới, vì hòa bình, độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội.

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, trở thành đảng cầm quyền với biết bao khó khăn chồng chất, nạn thù trong, giặc ngoài đe dọa, phải tự lực chiến đấu giữa vòng vây của đủ loại kẻ thù, Đảng đã giường cao ngọn cờ “độc lập trên hết”, “Tổ quốc trên hết”. Đảng đã phát huy trí tuệ hoạch định đường lối kháng chiến kiến quốc, kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính. Đường lối kháng chiến kết hợp với tài mưu lược của Đảng đã nhân lên sức mạnh đại đoàn kết của toàn dân tộc, đã gắn kết sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của khối đoàn kết ba nước Đông Dương, gắn đại đoàn kết toàn dân tộc với đoàn kết quốc tế. Đảng đã lãnh đạo nhân dân tiến hành cuộc kháng chiến trường kỳ, vừa kháng chiến vừa kiến quốc,

càng đánh càng mạnh và đi đến kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Đối đầu với cuộc chiến tranh xâm lược và chế độ thực dân kiểu mới do đế quốc Mỹ thiết lập ở miền Nam Việt Nam, Đảng đã phát huy cao độ trí tuệ và bản lĩnh chính trị, đề ra đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đúng đắn, kết hợp mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong điều kiện chiến tranh; tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng là cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam nhằm mục tiêu trước mắt là giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, mở đường đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đường lối chính trị, đường lối quân sự, đường lối chiến tranh nhân dân đúng đắn của Đảng đã phát huy cao độ sức mạnh khôi đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế, thúc đẩy sức sáng tạo vô hạn của quân và dân cả nước trong xây dựng và chiến đấu. Nhờ đó, nhân dân ta đã đánh bại các kế hoạch xâm lược tàn bạo của kẻ thù và giành thắng lợi trọn vẹn trong mùa Xuân 1975, giang sơn thu về một mảnh. *Cho đến nay, chưa có một đảng chính trị cầm quyền nào trên thế giới giải quyết thành công đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt, kéo dài và trong bối cảnh thế giới rất phức tạp như Đảng Cộng sản Việt Nam. Đó là kỳ tích thứ hai của dân tộc Việt Nam kể từ khi có Đảng lãnh đạo, cũng là thành tựu vĩ đại thứ hai của Đảng trong vai trò lãnh đạo dân tộc Việt Nam.*

Trên chặng đường cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa từ năm 1975 đến nay, Đảng lãnh đạo nhân dân đánh thắng trong hai cuộc chiến tranh biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc, làm nghĩa vụ quốc tế đối với cách mạng Campuchia, tiến hành công cuộc đổi mới, mở cửa và hội nhập quốc tế. Với đường lối đổi mới đúng đắn, sáng tạo, toàn diện, đồng bộ và có bước đi thích hợp, Đảng đã lãnh đạo đưa đất nước từng bước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, tiến hành sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, mở cửa, tích cực hội nhập quốc tế. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự đoàn kết của toàn dân cùng nỗ lực phấn đấu thực hiện những mục tiêu, nhiệm vụ

đặt ra, công cuộc đổi mới đã đạt được những thành tựu hết sức to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Kinh tế tăng trưởng ổn định với mức tăng trưởng khá cao; văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ; đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt; quốc phòng và an ninh được bảo đảm vững chắc; quan hệ đối ngoại được mở rộng. Thành tựu của gần 35 năm đổi mới đã chứng tỏ nhận thức và lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đã được thực tiễn kiểm nghiệm là đúng đắn; tạo nền tảng, cơ sở chắc chắn cho kỳ vọng phát triển và cho sức vươn lên của dân tộc Việt Nam trong tương lai. Thành tựu đó là kỳ tích vĩ đại thứ ba từ khi có Đảng, được nhân dân thế giới ngưỡng mộ, trong đó Đảng Cộng sản Việt Nam đóng vai trò quyết định.

Từ thực tiễn lịch sử có thể khẳng định, Đảng Cộng sản Việt Nam là cội nguồn sáng tạo và sức mạnh của dân tộc trong đấu tranh giành độc lập, tự do, trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, là nhân tố quyết định dòng chảy của lịch sử dân tộc trong quá khứ, hiện tại và tương lai. Sức sáng tạo và sức mạnh của Đảng bắt nguồn từ học thuyết khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, từ truyền thống yêu nước, tinh thần cố kết cộng đồng, thông minh, sáng tạo của dân tộc Việt Nam. Tổng kết thực tiễn lịch sử, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)* khẳng định: “Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc”¹. Đó là một sự thật lịch sử không thể phủ nhận.

2. Ngay sau khi ra đời và trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, ngoài sự đàn áp, đánh phá của thực dân Pháp, sau này là đế quốc Mỹ và tay sai của chúng ở miền Nam, Đảng đã là mục tiêu xuyên tạc, chống phá của các thế lực thù địch nhằm ngăn chặn tầm ảnh hưởng, hạ thấp vai trò lãnh đạo của Đảng đối với dân tộc Việt Nam.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr.88.

Các đối tượng thù địch xuyên tạc, chống phá Đảng trước đây chủ yếu là các đảng phái phản động trong nước, ở nước ngoài, hiện nay còn có những người nghiên cứu lý luận, thực tiễn ở các nước có định kiến hoặc thiếu hiểu biết về thực tiễn Việt Nam, người Việt ở nước ngoài cực đoan, bị lôi kéo, kết hợp với số chống đối, bất mãn ở trong nước lập ra các tổ chức như Việt Tân, Việt Nam phục quốc, Triệu đại Việt...; một số cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, phản bội lại quá khứ, phản bội lại lý tưởng... Lực lượng thù địch tập trung xuyên tạc bóp méo, bôi nhọ mối quan hệ giữa dân với Đảng, giữa dân tộc với Đảng, đối lập giữa lợi ích dân tộc và lợi ích của Đảng.

Trước hết, các thế lực thù địch xuyên tạc *tính tất yếu khách quan và vai trò lãnh đạo của Đảng đối với dân tộc Việt Nam; chống phá cơ sở lý luận, nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh*. Thời kỳ trước Cách mạng Tháng Tám, sau khi khởi nghĩa Yên Bái thất bại, lãnh tụ Nguyễn Thái Học bị tử hình, những phần tử Quốc dân Đảng biến chất đã đả phá Đảng Cộng sản, phủ nhận sự phân chia giai cấp trong xã hội Việt Nam, phủ nhận vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân; cho rằng: Đầu tranh giai cấp theo luận điểm của C. Mác “không phù hợp với Việt Nam”, chủ trương đấu tranh giai cấp của những người cộng sản là “sai”; xuyên tạc rằng chủ nghĩa quốc tế, chủ trương “thế giới đại đồng” của những người cộng sản chỉ dẫn đến “xã hội tam vô” - “vô gia đình, vô Tổ quốc, vô tôn giáo”. Trong những năm kháng chiến, đặc biệt là khi mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, các thế lực phản động ra sức tung ra luận điệu: Đảng Cộng sản Việt Nam dựa trên nền tảng tư tưởng “du nhập”, “vay mượn” từ bên ngoài; rằng “chủ nghĩa Mác - Lênin là sai lầm, sai lầm từ trong bản chất chứ không phải do nhận thức và vận dụng sai”, chủ nghĩa Mác - Lênin không phải là sản phẩm của thực tiễn Việt Nam, Hồ Chí Minh du nhập chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam là “một sai lầm của lịch sử”, “đã kìm hãm sự phát triển của đất nước”; rằng “chủ nghĩa cộng sản xuất hiện bởi đói nghèo, tồn

tại bởi độc tài và tiêu vong bởi dân chủ”. Thâm độc hơn, họ sử dụng chiêu bài tính lịch sử của một đảng chính trị, rằng Đảng Cộng sản có công trong lãnh đạo dân tộc đấu tranh giành độc lập; song, sứ mệnh lịch sử đó “đã hoàn thành”, Đảng nên “thực hiện dân chủ hóa”, “đa nguyên chính trị”, “đa đảng cầm quyền” để huy động “sự ủng hộ của người Việt Nam trong và ngoài nước”... Có thể thấy, rất nhiều thế lực khác nhau, hành động theo những toan tính chính trị khác nhau, song đều có một mục tiêu chung là phủ nhận tính tất yếu khách quan và vai trò lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam, chia tách mối quan hệ giữa Đảng và dân tộc.

Các thế lực thù địch còn *xuyên tạc, phủ nhận đường lối cách mạng đúng đắn giải quyết hài hòa lợi ích dân tộc - giai cấp, dân tộc - quốc tế của Đảng*. Trong thời kỳ nhân dân ta đấu tranh giành độc lập, với đủ mọi lập luận, các thế lực thù địch phủ mọi màu sắc xuyên tạc đường lối của Đảng, phê phán đường lối của Đảng là “giai cấp chủ nghĩa, nặng về đấu tranh giai cấp”, “theo chủ nghĩa Xtalin”; rêu rao là đường lối của những người cộng sản Việt Nam là “dân tộc chủ nghĩa”, là “thỏa hiệp, đầu hàng”, “theo đuôi đế quốc”... Trong 30 năm chiến tranh cách mạng, trong khi quân và dân ta đồng tâm hiệp lực kháng chiến chống thực dân Pháp rồi đế quốc Mỹ xâm lược, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, các thế lực thù địch phê phán đường lối kháng chiến kiến quốc, đường lối đấu tranh giải phóng miền Nam thống nhất đất nước của Đảng. Họ lập luận rằng, công cuộc thống nhất đất nước không nhất thiết phải tiến hành chiến tranh cách mạng, không nhất thiết phải sử dụng bạo lực để “tránh việc gây chết chóc cho người dân vô tội, cho đồng bào ở cả hai miền Nam Bắc”, “tránh tổn hại cho dân tộc”, có thể thống nhất đất nước theo “mô hình nước Đức ở châu Âu”; rằng, đưa miền Bắc đi lên chủ nghĩa xã hội trong điều kiện xuất phát thấp, lại trong hoàn cảnh chiến tranh là “duy ý chí”, là “sai lầm”, không phù hợp với Việt Nam... Khi Đảng khởi xướng công cuộc đổi mới, các lực lượng phản động ngoài nước, những phần tử bất mãn, thậm chí có cả một số cán bộ lão thành trong nước lên tiếng trên các diễn đàn, gửi “Tâm thư” lên Đảng,

Nhà nước đòi hỏi “dân chủ hóa đời sống xã hội”; “phải đưa dân tộc Việt Nam đi dưới tấm biển chỉ đường của nhân loại”,... Ngôn từ và biểu hiện khác nhau, song tựu trung lại, chúng kêu gọi “đa nguyên chính trị”, “đa đảng cầm quyền”... Trong khi toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta đấu tranh bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ một cách kiên quyết, kiên trì, khôn khéo thì các thế lực phản động rêu rao, xuyên tạc rằng Đảng và chính quyền Việt Nam “sợ Trung Quốc”, “chấp nhận mất đất cho Trung Quốc”..., kích động nhân dân biểu tình, bạo loạn trái pháp luật để “thể hiện lòng yêu nước”, thực chất là gây bất ổn xã hội, làm tổn hại đến sản xuất, kinh doanh và môi trường ổn định, hòa bình của đất nước.

Một trong những thủ đoạn các thế lực thù địch chia rẽ, xuyên tạc mối quan hệ Đảng với nhân dân, Đảng với dân tộc là đánh vào nền tảng lịch sử của Đảng, nền tảng lịch sử cách mạng do Đảng lãnh đạo, phủ nhận những thành tựu lớn lao của dân tộc Việt Nam giành được dưới sự lãnh đạo của Đảng, xuyên tạc lịch sử cách mạng Việt Nam và lịch sử cách mạng thế giới, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng. Thông qua các bài viết, các “công trình khoa học”, các diễn đàn, hội thảo,... các thế lực thù địch tấn công vào lịch sử Đảng. Họ xoáy vào một số sự kiện lịch sử, một số thời điểm của lịch sử với những đánh giá sai lệch, hoặc thổi phồng những sai lầm, khuyết điểm trong lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng nhằm phủ nhận những thành quả cách mạng của quần chúng nhân dân, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng, thậm chí bóp méo sự thật, bôi đen lịch sử. Họ rêu rao: Việt Nam chủ trương lập “Liên bang Đông Dương” do người Việt Nam “thống trị”; những người cộng sản Việt Nam và “Việt Minh cướp công” trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945; Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là cuộc “đảo chính”, là “sự ăn may” khi đã có một “khoảng trống quyền lực” mà không có sự chỉ đạo thống nhất. Họ thổi phồng những sai lầm của Đảng trong cải cách ruộng đất; đánh giá sai lệch về cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968)... Một số học giả tư sản còn đánh đồng tổ chức Tờ rốtxkít với tổ chức Đảng Cộng sản, từ đó “khái quát” rằng Đảng Cộng sản Đông Dương một thời

kỳ “tồn tại trong sự mâu thuẫn”. Gần đây, xuất hiện những ý kiến “đánh giá lại lịch sử”, ngại viết, ngại nói về lịch sử Đảng, cho rằng viết về Đảng là “không khách quan”, “không khoa học”, đòi xem xét, đánh giá lại những vấn đề lịch sử, cho rằng cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là “cuộc nội chiến”, là “cộng sản - quốc gia đánh nhau” cùng nhận vũ khí từ bên ngoài giết hại đồng bào mình; một số người nhân danh “khoa học” lên tiếng “nghi ngờ” những thành tựu mà nhân dân ta đã giành được... Đó chính là đánh phá trực tiếp vào cơ sở thực tiễn, vào nền tảng lịch sử của Đảng. Bài học từ sự sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu cho thấy, việc nhận thức không đúng về lịch sử, hoài nghi về lịch sử, xem xét lại lịch sử có thể gây ra những hậu quả khôn lường.

Một thủ đoạn rất thâm độc, tinh vi của các thế lực thù địch là “*hạ bệ thần tượng*” vu cáo, xuyên tạc các lãnh tụ của Đảng, nhất là xuyên tạc về cuộc đời, sự nghiệp, tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Các thế lực thù địch trăng trộn bịa đặt về đời tư của Bác Hồ, vẽ ra sự đối lập Hồ Chí Minh với một số lãnh đạo tiền bối của Đảng. Đồng thời, dưới chiêu bài “khách quan”, “khoa học”, nhiều phần tử phản động còn ra sức đề cao những nhân vật phản diện, đòi trả lại “công bằng” cho những tên tay sai của thực dân, đế quốc như Ngô Đình Diệm,... Một thủ đoạn thâm độc là quảng bá rộng rãi “những giá trị” của xã hội tư sản phương Tây, đề cao “nhân quyền” dân chủ, “đa nguyên, đa đảng” đi đôi với xuyên tạc chủ trương, chính sách của Đảng về xây dựng và quản lý xã hội.

Những hoạt động vu cáo, xuyên tạc của các thế lực thù địch nếu không được kịp thời nhận diện, đấu tranh sẽ dẫn đến những hậu quả khôn lường trong nhận thức về Đảng, về vai trò lãnh đạo của Đảng đối với dân tộc, về uy tín của Đảng; gây hậu quả khôn lường đối với ổn định xã hội, phát triển kinh tế, đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa theo đường lối đổi mới.

3. Nhận thức rõ tầm quan trọng trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng, chống sự xuyên tạc của các thế lực thù địch, Đảng Cộng sản

Việt Nam từ rất sớm đã tiến hành đấu tranh bảo vệ vai trò lãnh đạo của Đảng, bảo vệ lịch sử Đảng, bảo vệ mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với nhân dân, Đảng với dân tộc. Hiện nay, công tác đấu tranh chống quan điểm sai trái, thù địch được Đảng chú trọng, được coi là một nhiệm vụ trọng tâm trong công tác xây dựng Đảng.

Công tác đấu tranh chống quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ vai trò lãnh đạo của Đảng, bảo vệ mối quan hệ giữa Đảng với dân tộc, Đảng với nhân dân được thực hiện trên hai phương diện: *Một là*, giáo dục, tuyên truyền về Đảng, về lịch sử Đảng, lịch sử đấu tranh cách mạng, về mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân, với dân tộc; *Hai là*, đấu tranh chống các luận điểm sai trái, xuyên tạc vai trò lãnh đạo của Đảng, chống lại sự phủ nhận lịch sử của các thế lực thù địch.

Công tác giáo dục, tuyên truyền được tiến hành dưới nhiều hình thức như: thông qua sinh hoạt thường kỳ của các tổ chức đảng, qua các đợt sinh hoạt, nghiên cứu quán triệt các nghị quyết của Đảng; giáo dục về lịch sử Đảng, lịch sử dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng thông qua hệ thống giáo dục quốc dân, các chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhất là thông qua hệ thống trường Đảng các cấp, hệ thống Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, các trường chính trị tỉnh, thành phố, các trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện, quận; thông qua các hoạt động kỷ niệm những ngày lễ lớn của dân tộc, của cách mạng, kỷ niệm ngày sinh của các danh nhân văn hóa, có nhiều công tích đóng góp cho dân tộc, của những nhà lãnh đạo tiền bối tiêu biểu; thông qua các cuộc thi tìm hiểu về Đảng. Đặc biệt, thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, báo viết, báo hình, báo nói, báo mạng... những thông tin về vai trò lãnh đạo của Đảng, về lịch sử Đảng, lịch sử đấu tranh cách mạng do Đảng lãnh đạo, về những thành tựu của dân tộc Việt Nam giành được dưới sự lãnh đạo của Đảng được tuyên truyền, phổ biến rộng rãi cả trong và ngoài nước. Những bộ phim tư liệu về cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của các lãnh tụ, về những chiến thắng của dân tộc ta được phát trên truyền hình gây niềm xúc động lớn và có hiệu ứng lan tỏa tốt trong cộng đồng nhân dân...

Công tác đấu tranh chống các luận điểm sai trái về vai trò lãnh đạo của Đảng, chống sự phủ nhận lịch sử của các thế lực thù địch, chống xuyên tạc mối quan hệ giữa Đảng với dân tộc, với nhân dân, xuyên tạc về các nhân vật lịch sử của Đảng cũng được coi trọng. Thời kỳ đấu tranh giành độc lập, các nhà lãnh đạo của Đảng đã sử dụng báo chí đấu tranh chống lại các luận điểm phản cách mạng, phủ nhận những luận điểm sai trái về chủ nghĩa Mác - Lê nin, về đường lối cách mạng của Đảng. Cuộc đấu tranh bảo vệ lý tưởng, bảo vệ Đảng, bảo vệ mối quan hệ giữa Đảng và dân tộc gắn với cuộc đấu tranh bảo vệ khí tiết người cộng sản diễn ra trong các nhà tù đế quốc, như Hỏa Lò, Sơn La, Buôn Mê Thuột, Côn Đảo... đã có tác dụng to lớn, giác ngộ nhiều người thuộc các tổ chức đảng phái khác nhau tự nguyện chuyển sang lập trường của giai cấp vô sản. Sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, Tổng Bí thư Trường Chinh đã có những bài viết sắc sảo, đấu tranh chống lại sự xuyên tạc của các đảng phái phản động về Cách mạng Tháng Tám, bảo vệ chân lý lịch sử về vai trò lãnh đạo của Đảng, chủ trương vì dân tộc, vì độc lập, tự do của Đảng là nhân tố quyết định thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945... Hiện nay, việc thông qua nhiều hình thức, phương tiện, nhiều diễn đàn, nhiều lực lượng để đấu tranh vạch trần, chống lại những luận điệu xuyên tạc, bôi đen, bóp méo về Đảng, về các lãnh tụ của Đảng, về lịch sử Đảng... đã phát huy tác dụng. Nhiều bài viết đấu tranh trực diện với những luận điệu vu khống, xuyên tạc của các thế lực thù địch; nhiều hoạt động được tổ chức đã mang lại những hiệu quả rõ rệt.

Đặc biệt, Đảng và Nhà nước đã phát huy vai trò của các nhà khoa học trong đấu tranh chống các luận điệu xuyên tạc về Đảng, về vai trò lãnh đạo của Đảng, mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân, với dân tộc; tạo điều kiện nguồn lực để các nhà khoa học tham gia các diễn đàn khoa học trong nước và quốc tế, nghiên cứu, xuất bản nhiều công trình khoa học, nhiều ấn phẩm tổng kết lý luận và thực tiễn để làm sáng rõ, sâu sắc và khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng đối với dân tộc. Bằng những luận cứ khoa học xác đáng, thực tiễn lịch sử Đảng và thực tiễn

phát triển của đất nước, các nhà khoa học đã làm rõ sự đúng đắn, sáng tạo, vai trò quyết định thắng lợi của Đảng; phê phán những luận điểm định kiến, sai trái về Đảng, về vai trò lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam.

Có thể thấy, công tác đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng nói chung, bảo vệ chân lý lịch sử về vai trò lãnh đạo, nhân tố quyết định thắng lợi của Đảng, mối quan hệ hữu cơ, bền chặt giữa Đảng với dân tộc Việt Nam trong thời đại mới nói riêng, luôn được Đảng quan tâm và đạt được những kết quả quan trọng, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, bảo đảm thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ chính trị to lớn, lãnh đạo nhân dân giành những thắng lợi có ý nghĩa lịch sử; củng cố mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân, giữa nhân dân với Đảng.

Phần thứ hai

**VÂN DỤNG SÁNG TẠO
CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN,
TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH
VÀO THỰC TIỄN CÁCH MẠNG VIỆT NAM
HIỆN NAY**

**VẬN DỤNG ĐÚNG ĐẮN, SÁNG TẠO
CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH -
NHÂN TỐ QUYẾT ĐỊNH MỌI THẮNG LỢI
TRONG SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG VÀ
BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA**

PGS.TS. VŨ VĂN PHÚC*

Toàn bộ sự nghiệp cách mạng Việt Nam khẳng định: Trên cơ sở vận dụng đúng đắn, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào hoàn cảnh, điều kiện lịch sử cụ thể của nước ta, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo cách mạng nước ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Điều đó cho thấy: vận dụng đúng đắn, sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nhân tố quyết định mọi thắng lợi trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Sau nhiều năm bôn ba hoạt động ở nước ngoài, Nguyễn Ái Quốc đã đến với chủ nghĩa Mác - Lenin, tìm thấy ở học thuyết khoa học, cách mạng này con đường cứu nước đúng đắn - con đường cách mạng vô sản. Người đã kiên trì nghiên cứu, vận dụng sáng tạo và từng bước truyền bá chủ nghĩa Mác - Lenin về Việt Nam, dày công chuẩn bị

* Phó Chủ tịch Hội đồng khoa học các cơ quan Đảng Trung ương.

những điều kiện cần thiết cho việc thành lập một Đảng cách mạng chân chính. Khi thời cơ cách mạng chín muồi, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng với Đảng Cộng sản Việt Nam đã vận dụng đúng đắn, sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, lãnh đạo nhân dân ta làm nên thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 “long trời, lở đất”, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vào ngày 02/9/1945 - Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á. Tiếp theo đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo quân và dân ta anh dũng đấu tranh giành thắng lợi vẻ vang trong hai cuộc kháng chiến trường kỳ, thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Ngay cả khi mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ vào cuối những năm 80, đầu những năm 90 của thế kỷ XX, nhiều nước, nhiều người, thậm chí cả những người cộng sản đã dao động, hoài nghi chủ nghĩa Mác - Lênin, hoài nghi con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; những kẻ cơ hội, phản động cho rằng, chủ nghĩa Mác - Lênin chỉ đúng trong thế kỷ XIX, cùng lắm là đầu thế kỷ XX và chỉ đúng ở phương Tây chứ không đúng ở phương Đông; Việt Nam đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nền sản xuất nhỏ phổ biến là không đúng quy luật khách quan, không đúng quá trình lịch sử - tự nhiên, v.v..

Trước những diễn biến lịch sử rất phức tạp như vậy, Đảng ta vẫn kiên định, kiên trì vận dụng đúng đắn, sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lãnh đạo nhân dân ta tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện đất nước. Qua gần 35 năm đổi mới, đất nước ta đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử; lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng sáng rõ hơn và từng bước được hiện thực hóa; quy mô, trình độ nền kinh tế được nâng lên; đời sống nhân dân cả về vật chất và tinh thần được cải thiện rõ rệt; chính trị - xã hội ổn định, quốc phòng, an ninh được giữ vững và tăng cường, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, lợi ích quốc gia - dân tộc; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo đảm an ninh quốc gia và trật tự an

toàn xã hội; quan hệ đối ngoại, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, đạt nhiều thành tựu nổi bật, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước...

Tuy nhiên, các phần tử cơ hội, các thế lực thù địch vẫn ngày càng ráo riết chống phá cách mạng nước ta về nhiều mặt, nhất là phá hoại nền tảng tư tưởng của Đảng bằng nhiều thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt. Chúng ra sức xuyên tạc, vu cáo Đảng ta, Nhà nước ta, tấn công vào hệ tư tưởng, Cương lĩnh, đường lối chính trị của Đảng; kích động, chia rẽ nội bộ Đảng, chia rẽ Đảng, Nhà nước với nhân dân, hòng làm tan rã Đảng ta, chế độ ta từ gốc, từ bên trong, hết sức thâm độc và nguy hiểm. Chúng thường đưa ra những luận điệu cho rằng, du nhập chủ nghĩa Mác - Lenin vào Việt Nam là một sai lầm lịch sử, chỉ đưa đến tai họa vì chủ nghĩa Mác - Lenin là tư tưởng ngoại lai, chỉ phù hợp với các nước tư bản phát triển phương Tây, xa lạ với truyền thống dân tộc, không phù hợp với các nước phương Đông như Việt Nam có xuất phát điểm rất thấp về mọi mặt. Chúng cho rằng, chủ nghĩa Mác - Lenin chỉ giải quyết vấn đề thông qua đấu tranh giai cấp bằng nhà nước chuyên chính vô sản...; còn tư tưởng Hồ Chí Minh là xuất phát từ chủ nghĩa yêu nước, chỉ giải quyết đấu tranh dân tộc thuần túy, không thể áp đặt khuôn mẫu chủ nghĩa Mác - Lenin vào Việt Nam, đặc biệt trong giai đoạn hiện nay khi nước ta phát triển kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế... Thậm chí, chúng còn phủ định tư tưởng Hồ Chí Minh khi cho rằng, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ là người tiếp thu và du nhập chủ nghĩa Mác - Lenin vào Việt Nam một cách máy móc, giáo điều, chứ không hề có tư tưởng cao siêu gì. Thâm độc hơn, chúng tung ra luận điệu tách rời tư tưởng Hồ Chí Minh với chủ nghĩa Mác - Lenin khi ngụy biện rằng, bây giờ chủ nghĩa Mác - Lenin đã lỗi thời, chỉ nên dựa vào tư tưởng Hồ Chí Minh với hàm ý tư tưởng Hồ Chí Minh là chủ nghĩa dân tộc. Đây là luận điệu rất nguy hiểm, vì như vậy vừa hạ thấp tư tưởng Hồ Chí Minh, vừa phủ định chủ nghĩa Mác - Lenin, tiến tới phủ định chính tư tưởng Hồ Chí Minh... Từ những luận điệu đó, chúng cho rằng Đảng ta lấy chủ nghĩa

Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động là một sai lầm; rằng, Đảng ta lựa chọn con đường đưa đất nước lên chủ nghĩa xã hội là một ảo tưởng vì thực tế không có chủ nghĩa xã hội. Chúng biện minh là một số nước hiện nay trên lời nói là chủ nghĩa xã hội, nhưng trong thực tiễn đang phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa. Chúng ca ngợi con đường tư bản chủ nghĩa, chúng tấn công vào định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình phát triển kinh tế thị trường; cho rằng: kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa không thể dung nhập với nhau làm một, v.v.. Thực tiễn kiểm nghiệm có phải như vậy không?

C. Mác, Ph. Ăngghen và V.I. Lênin trên cơ sở nghiên cứu và phát hiện ra quy luật vận động, phát triển của thế giới khách quan đã chỉ ra con đường, phương thức, phương pháp cải tạo thế giới một cách khoa học, cách mạng. Hay nói gọn lại, học thuyết Mác - Lênin là một khoa học cách mạng để nhận thức thế giới và cải tạo thế giới. Đồng thời, học thuyết Mác - Lênin là học thuyết mở, luôn cần và phải phát triển cho phù hợp với bối cảnh mới, điều kiện lịch sử - cụ thể. Điều đó là đòi hỏi từ bên trong, là sức sống của học thuyết Mác - Lênin. Còn những nguyên lý cơ bản nhất, những quy luật khách quan mà các ông phát hiện ra có ý nghĩa phổ biến và lâu dài. Toàn bộ học thuyết Mác - Lênin xét trong thực chất và nội dung cốt lõi thì có giá trị bền vững chỉ những luận điểm riêng rẽ, cụ thể gắn với một thời điểm lịch sử - cụ thể có thể bị vượt qua. Chủ nghĩa Mác - Lênin là học thuyết khoa học và cách mạng triệt để nên nó giải quyết tất cả những vấn đề đặt ra của lịch sử, những yêu cầu tiến bộ của nhân loại cần lao, dù ở phương Đông hay phương Tây, như chính giá trị đích thực của bản thân nó.

Thực tế lịch sử cho thấy, từ khi hình thành và được xác lập ở giữa thế kỷ XIX, hệ thống các tư tưởng, quan điểm và những nguyên lý, quy luật kinh tế - xã hội của chủ nghĩa xã hội khoa học ngày càng được chứng minh bằng thực tiễn cuộc sống, được thừa nhận rộng rãi và trở thành nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động cách mạng của

giai cấp công nhân toàn thế giới; là vũ khí lý luận sắc bén của giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở khắp các châu lục và của các đảng tiên phong, chân chính của giai cấp đó, không kể ở Việt Nam hay bất cứ quốc gia, dân tộc nào. Ngay từ khi mới chỉ là một “bóng ma” ở châu Âu, chủ nghĩa cộng sản khoa học đã được thực nghiệm bằng những cuộc cách mạng vô sản nổ ra và thành công, chính quyền công - nông được xác lập trong thực tiễn. Chủ nghĩa xã hội hiện thực đã tồn tại với tất cả tính ưu việt và sức sống mãnh liệt của nó trên thế giới, là linh hồn của các phong trào tiến bộ, giúp các dân tộc đập tan chủ nghĩa phát xít, giải phóng khỏi chủ nghĩa thực dân cũ và mới, giành độc lập dân tộc, dân quyền và tự do cho toàn thể nhân loại cần lao, không cứ là phương Đông hay phương Tây.

C. Mác là nhà khoa học thiên tài và cách mạng triệt để nhất đã vạch trần một cách chính xác bản chất bóc lột của chế độ tư bản là bóc lột giá trị thặng dư - thủ đoạn, hình thức bóc lột rất tinh vi của giai cấp công nhân và nhân dân lao động dù ở chính quốc hay thuộc địa của giai cấp tư sản; chà đạp lên độc lập, tự do của các quốc gia, dân tộc từ Á tới Âu... Bản chất bóc lột của chủ nghĩa tư bản vẫn không thay đổi; bản chất phản động toàn diện của nền chính trị tư sản hiện đại vẫn tồn tại, bản chất máu thuẫn, khủng hoảng và xu hướng diệt vong tất yếu của chủ nghĩa tư bản vẫn là vấn đề thời sự của không chỉ thời C. Mác sống mà ngay cả với ngày nay. V.I. Lenin chỉ rõ: “Học thuyết của Mác là học thuyết vạn năng vì nó là một học thuyết chính xác”¹, “... nó kết hợp tính chất khoa học chặt chẽ và cao độ (đó là đỉnh cao nhất của khoa học xã hội) với tinh thần cách mạng...”². Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: “Chủ nghĩa Lenin... là cái “cẩm nang” thần kỳ, không những là cái kim chỉ nam, mà còn là mặt trời soi sáng con đường chúng ta đi tới thắng lợi cuối cùng, đi tới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản”³...

1. V.I. Lenin: *Toàn tập*, Sđd, t.23, tr.50.

2. V.I. Lenin: *Toàn tập*, Sđd, t.1, tr.412.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.12, tr.563.

Nhưng, các quan điểm sai trái, phản động lại vin vào việc chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Đông Âu và Liên Xô sụp đổ để tuyên truyền “chủ nghĩa Mác đã thất bại”. Nhưng lý lẽ đó không thể đánh lừa được ai. Lương tri của nhân loại vẫn rất tinh táo và sáng suốt khi đánh giá rằng, “chủ nghĩa Mác vẫn giữ nguyên ý nghĩa và tầm quan trọng của nó trong thế giới hiện đại...”¹; đánh dấu sự phát triển trí tuệ của nhân loại trong thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới. Hơn nữa, chính những người xuyên tạc và bôi nhọ chủ nghĩa Mác - Lenin cố tình không hiểu rằng, chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ không phải vì tư tưởng khoa học của học thuyết Mác - Lenin đã lỗi thời và lạc hậu mà là sự phá sản mô hình chủ nghĩa xã hội khoa học có nhiều khuyết tật và thiếu sót: đường lối lãnh đạo chủ quan duy ý chí, quan liêu bao cấp, xa rời các nguyên tắc của chủ nghĩa Mác - Lenin, bắt đầu từ việc giáo điều, xơ cứng hóa học thuyết này và kết thúc bằng việc xuyên tạc, phá bỏ các nguyên lý mácxít - leninnít; do sự chống phá của các thế lực thù địch bên trong và bên ngoài. Song, kẻ thù của chủ nghĩa Mác - Lenin đổ tội tất cả điều đó cho C. Mác, cho chủ nghĩa Mác - Lenin, đó là một điều phi lý, phản khoa học!

Lý tưởng mà các ông theo đuổi là khát vọng của nhân loại tiến bộ - lý tưởng giải phóng hoàn toàn con người khỏi mọi ách áp bức, bóc lột, vươn tới ấm no, tự do, hạnh phúc. Cho đến ngày nay, khi khoa học - công nghệ phát triển như vũ bão, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang làm thay đổi căn bản phương thức sản xuất và mọi mặt của đời sống xã hội, thế giới đang chuyển biến hết sức phức tạp, nhanh chóng, khó lường..., nhưng lịch sử đang chứng minh học thuyết của C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lê nin là học thuyết khoa học và cách mạng, đã, đang và sẽ là ngọn đuốc soi đường để đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng loài người khỏi mọi áp bức bất công. Dù ở phương Tây hay phương Đông,

1. Đánh giá của Đại hội Mác quốc tế họp ở Pari từ ngày 27 đến ngày 30/9/1995 để kỷ niệm 100 năm chủ nghĩa Mác, với 500 đại biểu của gần 100 viện nghiên cứu, tạp chí mácxít và 30 trường đại học đến từ 22 nước trên thế giới (xem *Tạp chí Cộng sản*, số 9, tháng 5/1996, tr.27-31).

chủ nghĩa Mác - Lênin vẫn luôn là “chìa khóa vạn năng, chiếc gậy thần” giúp nhân loại tiến bộ nhận thức khoa học thế giới khách quan và đấu tranh cho độc lập, tự do, ấm no, hạnh phúc của mọi người, chống lại mọi áp bức, bóc lột, bất công. Chủ nghĩa do các ông sáng lập và đấu tranh bảo vệ không mệt mỏi là nhằm hiện thực hóa lý tưởng đó, trên cơ sở lịch sử - cụ thể, một cách khách quan theo *cái lôgích phát triển tất yếu của nhân loại*, bằng cách giải phẫu và biến đổi cách mạng đối với các xã hội mà loài người đã và đang tồn tại. Nói cách khác, lý luận của các ông giúp loài người *lựa chọn điều cần và phải đi con đường dẫn tới chân lý*, với những *lực lượng* tiên quyết, những *điều kiện* có tính chất cần và đủ khi đứng ở ngã ba lịch sử của sự *lựa chọn và phải quyết định...* Cho đến nay, mặc dù học thuyết nhiều, lý luận nhiều, nhưng chưa có học thuyết hay lý luận nào có thể thay thế được học thuyết Mác - Lênin.

Bài học không thành công của những người cộng sản ở không ít quốc gia đã minh chứng cho chúng ta thấy một cách thuyết phục về sự kiên định và vận dụng đúng đắn, sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin có tầm quan trọng sống còn như thế nào. Trong quá khứ, ở không ít nơi, với không ít người, sự kiên định bị biến thành thói bảo thủ, rập khuôn, tối mức giáo điều; và, sự sáng tạo lại được bóp méo và nhảy sang thái cực hoặc là thực dụng hoặc là cơ hội, thậm chí xét lại. Chủ nghĩa Mác - Lênin khi bị vi phạm một cách thô bạo, bị làm cho biến dạng, bị xuyên tạc sẽ dẫn tới chao đảo, đổ vỡ không chỉ trên phương diện chính trị tư tưởng mà còn làm sụp đổ về mặt tổ chức thực tiễn cách mạng một cách nặng nề, tới mức không thể cứu vãn nổi. Sự sụp đổ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu làm cho một bộ phận nhân dân ta, thậm chí đảng viên hoang mang, dao động. Có một số người nhụt ý chí, giảm tinh thần chiến đấu, thậm chí có người khuyên Đảng ta từ bỏ chủ nghĩa Mác - Lênin, từ bỏ con đường đi lên chủ nghĩa xã hội... Nhưng thực tế lịch sử cách mạng thế giới và cách mạng Việt Nam đã chứng minh hùng hồn rằng: chỉ có đảng nào kiên định và vận dụng đúng đắn, sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của nước mình,

mới thực sự trở thành đảng cách mạng kiểu mới chân chính, có lý luận đúng đắn soi đường, mới đủ năng lực lãnh đạo sự nghiệp cách mạng của nhân dân đi đến thắng lợi...

Chủ nghĩa Mác - Lênin đã sống, đang sống và mãi mãi là kim chỉ nam cho cách mạng Việt Nam, dưới ngọn cờ của Đảng Cộng sản Việt Nam, dân tộc Việt Nam đang từng bước vững chắc đi lên chủ nghĩa xã hội và góp phần vào sự nghiệp giải phóng toàn thể nhân loại cần lao... Ở Việt Nam, trong quá trình vận dụng vào thực tiễn, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã dùng phương pháp luận mácxít để vận dụng sáng tạo và không ngừng bổ sung, phát triển học thuyết Mác - Lênin lên một trình độ cao hơn để đáp ứng nhu cầu thực tiễn không ngừng biến đổi. Sức sống và giá trị bền vững của chủ nghĩa Mác - Lênin được Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta vận dụng đúng đắn, sáng tạo, đó là phương pháp luận biện chứng, là phép biện chứng duy vật, là chủ nghĩa duy vật lịch sử, là học thuyết kinh tế, mà hòn đá tảng là học thuyết giá trị thặng dư... Kể từ *Đường cách mệnh* do Chủ tịch Hồ Chí Minh khởi thảo và *Luận cương chính trị* do Hội nghị Trung ương tháng 10/1930 thông qua cho đến nay, Đảng ta đều khẳng định: Chủ nghĩa Mác - Lênin là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động cách mạng của Đảng. Xuất phát từ yêu cầu của công cuộc đổi mới, từ Đại hội VII Đảng ta khẳng định: “*Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng...*”¹. Đây là vấn đề cực kỳ hệ trọng và có ý nghĩa hết sức to lớn đối với tiến trình đẩy mạnh công cuộc đổi mới và tiền đồ cách mạng Việt Nam trong thời kỳ mới. Đảng ta đã chỉ rõ: “Tư tưởng Hồ Chí Minh chính là kết quả sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin trong điều kiện cụ thể của nước ta và trong thực tế tư tưởng Hồ Chí Minh đã trở thành một tài sản tinh thần quý báu của Đảng và của cả dân tộc; Đảng Cộng sản Việt Nam là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước của nhân dân Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh là hiện thân trọn vẹn

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.51, tr.29.

nhất cho sự kết hợp đó, là tiêu biểu sáng ngời cho sự kết hợp giai cấp và dân tộc, dân tộc và quốc tế, độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội”¹. Đảng ta đã nhận thức đầy đủ hơn, toàn diện hơn về tư tưởng Hồ Chí Minh, mối quan hệ nội tại và sức mạnh vô địch của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong tiến trình lãnh đạo thắng lợi công cuộc đổi mới đất nước. Do đó, tư tưởng Hồ Chí Minh, với tính cách là sản phẩm sáng tạo của sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, đã được Đảng ta khẳng định cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng.

Sức sống và giá trị của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh chính là ở trong sự phát triển không ngừng, phản ánh sự vận động, phát triển không ngừng của thế giới khách quan. *Thực tiễn lịch sử chứng minh hiển nhiên rằng, Đảng Cộng sản Việt Nam - Đảng cách mạng chân chính, đại diện cho lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc Việt Nam, đang lãnh đạo, dẫn dắt toàn thể nhân dân ta xây dựng một xã hội mới tốt đẹp hơn - xã hội xã hội chủ nghĩa, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của mình là hoàn toàn đúng đắn.* Chính sự vận dụng đúng đắn, sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào hoàn cảnh, điều kiện lịch sử - cụ thể của nước ta là nhân tố quyết định mọi thắng lợi trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đối với cách mạng Việt Nam, chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là vũ khí vô địch trong cách mạng giải phóng dân tộc, đang và sẽ là vũ khí tư tưởng không gì thay thế được trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ chế độ xã hội mới... Càng trong khó khăn, phức tạp càng đòi hỏi phải kiên định đường lối và vai trò lãnh đạo của Đảng, kiên định con đường mà Bác Hồ, Đảng ta và nhân dân ta đã lựa chọn. Chỉ có lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, Đảng ta mới đủ sức chiến đấu, đủ năng lực và tầm cao trí

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.51, tr.29-30.

tuệ đê ra chủ trương, đường lối đúng đắn lãnh đạo sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa đi đến thắng lợi hoàn toàn. Lịch sử cách mạng Việt Nam và lịch sử 90 năm qua của Đảng ta đã chứng minh điều đó.

Trong việc xác định, đê ra đường lối đổi mới, Đảng ta luôn nắm vững và vận dụng đúng đắn, sáng tạo những nguyên lý, quy luật, quan điểm cơ bản, và phương pháp duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và kinh nghiệm thực tiễn ở trong nước và quốc tế, xử lý tốt các mối quan hệ cơ bản, như phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân và kết hợp chặt chẽ đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị; giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; kết hợp có hiệu quả giữa phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng - an ninh, giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; giữa độc lập, tự chủ và chủ động, tích cực hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ... Không phiến diện, cực đoan, duy ý chí, từ cực này nhảy sang cực kia. Thực tế qua gần 35 năm đổi mới, từ một đất nước nghèo nàn, có cơ sở vật chất - kỹ thuật, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội lạc hậu, trình độ thấp, đến nay Việt Nam đã vươn lên trở thành nước đang phát triển, có thu nhập trung bình; văn hóa, xã hội tiếp tục phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện; công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị có bước đột phá; khôi đại đoàn kết toàn dân tộc không ngừng được củng cố; chính trị, xã hội ổn định, quốc phòng - an ninh, độc lập, chủ quyền được giữ vững; vị thế và uy tín của đất nước ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế. Việt Nam đã trở thành một quốc gia có quy mô dân số gần 100 triệu người với mức thu nhập bình quân khoảng 2.800 USD/người; đã tham gia hầu hết các tổ chức quốc tế, trở thành một thành viên tích cực, có trách nhiệm trong các hoạt động của cộng đồng quốc tế...

Thực tiễn phong phú, sinh động của cách mạng Việt Nam trong 90 năm từ khi có Đảng đã chứng tỏ sự lãnh đạo đúng đắn và sáng

suốt của Đảng, trên cơ sở vận dụng đúng đắn, sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh, là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Và cũng chính trong quá trình đó, Đảng ta đã tích lũy và đúc rút được nhiều bài học quý báu, trong đó có bài học về sự trung thành vô hạn với lợi ích của dân tộc và giai cấp, kiên định mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh; bài học giữ vững độc lập, tự chủ về đường lối, nắm vững, vận dụng đúng đắn, sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lenin, tham khảo kinh nghiệm của quốc tế để đề ra đường lối đúng và tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ cách mạng...

Sự vận dụng đúng đắn, sáng tạo của Đảng được thể hiện cụ thể trên các mặt:

- Vận dụng đúng đắn, sáng tạo lý luận về kinh tế thị trường được C. Mác, Ph. Ăngghen trình bày trong bộ *Tư bản* và các tác phẩm khác của hai ông. Trong *Chính sách kinh tế mới*, V.I. Lenin đã khẳng định rằng, đi lên chủ nghĩa xã hội không phải là xóa bỏ kinh tế hàng hóa, kinh tế thị trường, mà phải phát triển mạnh kinh tế hàng hóa, kinh tế thị trường; không phải là nền kinh tế của một thành phần độc tôn, mà là nền kinh tế nhiều thành phần với nhiều hình thức sở hữu, v.v..

Sự vận dụng đúng đắn, sáng tạo, phát triển học thuyết Mác - Lenin vào hoàn cảnh, điều kiện cụ thể Việt Nam được thể hiện đặc biệt rõ nét trong quan điểm, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng ta về phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, về phát triển nền kinh tế nhiều thành phần... trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Định hướng xã hội chủ nghĩa và kinh tế thị trường là hai mặt của một thể thống nhất biện chứng là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Thực tiễn gần 35 năm đổi mới toàn diện đất nước khẳng định, Đảng ta phát triển lý luận nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là hoàn toàn đúng đắn, là sự vận dụng đúng đắn, sáng tạo của Đảng và là con đường, phương thức để xây dựng chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta.

- Sau những sai lầm do chủ quan, duy ý chí trong giai đoạn trước đổi mới, Đảng ta trở lại với *Chính sách kinh tế mới* của V.I. Lenin và từ khi đổi mới đất nước, Đảng ta có chủ trương, quan điểm nhất quán: Phát triển lâu dài nền kinh tế với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế. Nhờ vậy mà nền kinh tế nước ta có bước phát triển vượt bậc do huy động và sử dụng ngày càng hiệu quả mọi nguồn lực của các thành phần kinh tế, của cả dân tộc cho phát triển, đất nước ta đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Điều đó chứng minh: Đảng ta vận dụng đúng đắn, phát triển sáng tạo **chính sách kinh tế mới** của V.I. Lenin là phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện lịch sử - cụ thể của Việt Nam.

- V.I. Lenin cho rằng phải xây dựng nền móng kinh tế cho tòa nhà mới, tòa nhà xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trọng yếu nhất. Do vậy, ngay từ Đại hội lần thứ III, Đảng ta đã khẳng định: “*Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ ở nước ta*”¹. Từ đó đến nay, nội dung công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa được xác định có nhiều thay đổi, điều chỉnh cho phù hợp với mỗi giai đoạn phát triển nền kinh tế, nhưng đều có mục tiêu chung là xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội, xây dựng nền tảng kinh tế của chủ nghĩa xã hội... Chủ trương, quan điểm, đường lối công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức của Đảng ta là sự vận dụng đúng đắn, sáng tạo, phát triển quan điểm công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa của V.I. Lenin vào hoàn cảnh lịch sử - cụ thể của nước ta, phù hợp với từng giai đoạn, phù hợp với yêu cầu, đòi hỏi của bối cảnh, tình hình mới.

- *Lý luận về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân là sự phát triển mới về nhận thức lý luận mô hình xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, và là một mục tiêu quyết định, một nội dung căn bản, một bước tiến lớn về thực tiễn của công cuộc đổi mới toàn diện đất nước,*

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.21, tr.543-544.

trước hết trên bình diện chính trị của Đảng ta, là sự sáng tạo của Đảng trên cơ sở vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào hoàn cảnh, điều kiện lịch sử - cụ thể của nước ta.

- *Đảng ta nhận diện và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng; xây dựng con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.* Phát huy mạnh mẽ vai trò nền tảng của giá trị văn hóa, con người Việt Nam; coi con người là trung tâm, là chủ thể, là nguồn lực chủ yếu và là mục tiêu của sự phát triển; phát triển hài hòa giữa kinh tế với văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; huy động mọi nguồn lực, phát triển đất nước nhanh và bền vững trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo...; xây dựng xã hội kỷ cương, công bằng; bảo đảm an toàn cho cuộc sống của người dân. Đó chính là sự vận dụng đúng đắn, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh...

- *Trên cơ sở học thuyết Mác - Lênin về chính đảng vô sản kiểu mới, Đảng ta phát triển lý luận về Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền.* Chủ nghĩa Mác - Lênin chỉ ra quy luật khách quan của quá trình ra đời, phát triển của chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản, đồng thời cũng chỉ ra điều kiện chủ quan quyết định của quá trình đó là: lý luận tiên phong và đảng tiên phong của giai cấp công nhân. Nói về vai trò của Đảng Cộng sản, trong tác phẩm *Đường cách mệnh* (1927), Nguyễn Ái Quốc trích câu nói nổi tiếng của V.I. Lênin trong tác phẩm *Làm gì?* - Cách mệnh, trước hết cần cái gì? Và Người trả lời rõ ràng: “Trước hết phải có Đảng cách mệnh... Đảng có vững cách mệnh mới thành công... Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm nòng cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam. Bay giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin”¹. Đảng ta

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.2, tr.289.

vận dụng đúng đắn, sáng tạo, phát triển học thuyết Mác - Lênin về chính đảng vô sản kiểu mới, xây dựng Đảng ta ngày càng vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức. Xây dựng Đảng về đạo đức theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là bước phát triển sáng tạo mới của Đảng ta.

- *Đảng ta xác định và phát huy động lực to lớn của cách mạng Việt Nam*, là: “Kế thừa truyền thống quý báu của dân tộc, Đảng ta luôn luôn giữ gìn cao ngọn cờ đại đoàn kết toàn dân. Đó là đường lối chiến lược, là nguồn sức mạnh và động lực to lớn để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội”¹. Đó là sự vận dụng đúng đắn, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng là sự nghiệp của quần chúng trong thời đại ngày nay: “Đoàn kết làm ra sức mạnh”², “đoàn kết là sức mạnh của chúng ta”³, “là then chốt của thành công”⁴. “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công”⁵. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn phát huy, thực hành dân chủ trong Đảng và trong xã hội nhằm tạo sự thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận xã hội - coi đó là một động lực to lớn của cách mạng Việt Nam.

- Vận dụng đúng đắn, sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng ta đã chủ động xây dựng, từng bước bổ sung, ngày càng hoàn thiện lý luận và đường lối đối ngoại Việt Nam thời kỳ đất nước mở cửa, hội nhập quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa. Với đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa, sự vận động và phát triển của luận điểm có tính nguyên tắc chỉ đạo: Từ “Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.60, tr.209.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.1, tr.482.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.9, tr.145.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.14, tr.186.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.13, tr.119.

độc lập và phát triển”¹ (năm 1991) tới “Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phần đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển”² (năm 2001) và Việt Nam “là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế”³ trong thế “chủ động, tích cực hội nhập quốc tế”⁴ toàn diện, sâu rộng (năm 2011) đã thể hiện một cách biện chứng quan điểm, phương châm, nghệ thuật ngoại giao và khát vọng của Việt Nam trước cộng đồng quốc tế. Những thành tựu Việt Nam đạt được trong lĩnh vực đối ngoại, một phần rất quan trọng là do chúng ta biết kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; bảo đảm lợi ích tối cao của quốc gia - dân tộc trên cơ sở tôn trọng luật pháp quốc tế, bình đẳng, cùng có lợi, chú trọng nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế. Xét về bản chất, đường lối đối ngoại rộng mở trên đây của Việt Nam chính là sự vận dụng sáng tạo lý luận của V.I. Lenin của Đảng, Nhà nước ta về “cùng tồn tại hòa bình” vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, vào bối cảnh mới trong nước và quốc tế hiện nay.

- Vận dụng đúng đắn, sáng tạo học thuyết quân sự của chủ nghĩa Mác - Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng ta đề ra và thực hiện thắng lợi đường lối chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân bách chiến bách thắng trước mọi kẻ thù xâm lược. Tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên. Phát huy cao nhất sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị và sức mạnh thời đại, tranh thủ tối đa sự đồng tình, ủng hộ của cộng đồng quốc tế để bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân, chế độ xã hội chủ nghĩa, nền văn hóa và lợi ích quốc gia - dân tộc; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị, an ninh quốc gia, an ninh con người, xây dựng xã hội

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.51, tr.49.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.60, tr.146.

3, 4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.236, 214.

trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh, phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Vận dụng đúng đắn, sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng ta xác định định hướng xã hội chủ nghĩa trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và xây dựng mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam. Qua gần 35 năm đổi mới, Đảng đã hoạch định về cơ bản định hướng xã hội chủ nghĩa trên những lĩnh vực chủ yếu của công cuộc đổi mới: Kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại..., chỉ rõ những khía cạnh cần đề phòng nguy cơ chênh hướng xã hội chủ nghĩa trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội trong bối cảnh mới của thời đại và đất nước. Luận điểm định hướng có tính chất then chốt là giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản cầm quyền, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò làm chủ của nhân dân là lý thuyết về sự “phát triển rút ngắn”, con đường quá độ “bỏ qua” chế độ tư bản chủ nghĩa lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam một cách biện chứng và thực tế: Từ định hướng, định tính tới định lượng và định kỳ với những nấc thang, nhịp độ, bước đi cụ thể, phù hợp. Định hướng xã hội chủ nghĩa là quá trình xác định những giới hạn, những “độ” tồn tại lịch sử của chủ nghĩa xã hội bắt đầu từ điểm xuất phát tới đích cuối cùng, với những hành trình, bước đi cụ thể và phù hợp... theo những quy luật, tính quy luật và nguyên tắc xã hội chủ nghĩa mà nếu vượt ra ngoài những giới hạn, những “độ” ấy sẽ chênh hướng xã hội chủ nghĩa và tất yếu xuất hiện một chế độ xã hội khác. Đảng ta bổ sung thêm những nhận thức mới về vấn đề căn bản này. Từ mô hình chủ nghĩa xã hội với sáu đặc trưng (Cương lĩnh năm 1991) tới mô hình chủ nghĩa xã hội với tám đặc trưng (Văn kiện Đại hội X năm 2006 và Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011) là bước tiến vượt bậc trong xử lý mối quan hệ biện chứng giữa cái phổ biến và cái đặc thù về chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời đại ngày nay của Đảng ta.

Đạt được những thành tựu to lớn trên đây là do Đảng ta luôn luôn kiên định và phát triển nền tảng tư tưởng của Đảng. Dưới ngọn cờ của

chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng ta lãnh đạo sự nghiệp cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này tới thắng lợi khác.

Như vậy, với những minh chứng trên đây càng khẳng định, càng làm sáng tỏ rằng: Sự lãnh đạo của Đảng ta nhờ vận dụng đúng đắn, sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trở thành nhân tố quyết định mọi thắng lợi trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Bởi vì:

Thứ nhất, học thuyết Mác - Lênin có sức sống mãnh liệt và có giá trị thời đại, là học thuyết khoa học và cách mạng nhất cho đến ngày nay. Học thuyết Mác - Lênin là cơ sở thế giới quan, phương pháp luận khoa học của nhân loại và gợi mở cho sự phát triển tiếp tục trong tương lai của loài người. Học thuyết Mác - Lênin, cùng với tư tưởng Hồ Chí Minh thực sự trở thành nền tảng tư tưởng lý luận, kim chỉ nam cho hành động cách mạng của Đảng ta trong lãnh đạo sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Thứ hai, dù học thuyết Mác - Lênin có khoa học và đúng đắn đến đâu đi nữa, thì nó cũng là sản phẩm của thời đại, của hoàn cảnh lịch sử nhất định; do vậy, không thể giải đáp đầy đủ, chi tiết, cặn kẽ mọi vấn đề, ở mọi thời đại, của mọi quốc gia, đòi hỏi phải được bổ sung, phát triển cùng với tiến trình phát triển tri thức, khoa học và thực tiễn của nhân loại. Khi vận dụng các nguyên lý cơ bản của học thuyết đó, nhất thiết phải căn cứ điều kiện lịch sử - cụ thể của từng nước trong từng thời kỳ cách mạng để vận dụng một cách sáng tạo và phát triển không ngừng. Những thắng lợi mang tính lịch sử của cách mạng Việt Nam từ khi có Đảng Cộng sản lãnh đạo là minh chứng thuyết phục nhất về sự vận dụng đúng đắn, sáng tạo và sự đóng góp cho phát triển học thuyết Mác - Lênin của Đảng ta, của nhân dân ta.

Thứ ba, vận dụng lý luận vào thực tiễn là con đường cam go, khúc khuỷu, phải có cơ chế thích hợp và đòi hỏi thái độ khách quan, khoa học, trung thực thì mới thành công. Bước vào thế kỷ XXI, sự phát triển mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, nhất là cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư với xung lực là kinh tế tri thức, kinh tế số

đang tiến triển đột phá và quá trình toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế đã và đang đặt ra trước toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta những trọng trách mới, ngày càng to lớn, phức tạp và khó khăn hơn. Nói cách khác, khi lịch sử thế giới bước vào thời kỳ phát triển mạnh mẽ, hơn bao giờ hết, hàng loạt vấn đề vừa có ý nghĩa chiến lược, vừa cơ bản, vừa cấp bách đặt ra liên quan tới tương lai của dân tộc đang đòi hỏi Đảng Cộng sản Việt Nam phải tìm được câu trả lời đúng đắn cho những vấn đề mới mẻ và khó khăn ấy. Đồng thời, công cuộc đổi mới toàn diện đất nước tiếp tục đặt ra nhiều vấn đề về lý luận và thực tiễn phải tập trung giải quyết để đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững, nhất là việc nhận thức, giải quyết đúng, hiệu quả các mối quan hệ lớn. Nhưng có một điều chắc chắn rằng, giai cấp công nhân, đứng đầu là đảng cách mạng của nó đã, đang và sẽ tiếp tục đủ sức gánh vác trọng trách đó của lịch sử, biết cách vượt lên những thách thức của thời đại, trong đó ý nghĩa quyết định nhất là phải trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin, biết dựa vào sự chỉ dẫn về thế giới quan và phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin một cách kiên định và sáng tạo. Chủ nghĩa Mác - Lênin là học thuyết không chỉ nhằm giải thích thế giới mà quan trọng hơn, còn nhằm cải tạo thế giới. Kiên định với chủ nghĩa Mác - Lênin cũng chính là phải không ngừng bổ sung, phát triển nó bằng thực tiễn cách mạng sáng tạo; đồng thời, tinh táo chống lại một cách kịp thời và hiệu quả mọi biểu hiện của chủ nghĩa thực dụng, chủ nghĩa cơ hội và chủ nghĩa xét lại. Do đó, việc tiếp tục nghiên cứu, phát triển di sản lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin thực chất là nghiên cứu, phát hiện và tổng kết những vấn đề mang tính quy luật, những quy luật của sự vận động tự nhiên, xã hội và tư duy một cách tổng quát, có tính chất chung nhất, mang tính tất yếu nhưng lại được hàm chứa và được thể hiện sinh động ở những thời kỳ lịch sử cụ thể, nhất định, xét trong toàn bộ tiến trình phát triển lịch sử - tự nhiên của nhân loại, vì sự sống còn và phát triển của chủ nghĩa xã hội trong thế kỷ XXI. Thực chất của toàn bộ việc vận dụng đúng đắn, sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nhằm mục tiêu góp phần xác lập một đường lối chính trị

độc lập, tự chủ, đúng đắn và sáng tạo dẫn dắt, chỉ đạo thắng lợi công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, dưới sự lãnh đạo của Đảng ở nước ta hiện nay.

Chính sự phát triển phức tạp và khó khăn của thực tiễn cách mạng cho thấy, *không gì có thể thực tiễn hơn khi chúng ta có một lý luận khoa học và cách mạng dẫn đường*. Thực tiễn xác nhận, chỉ có xuất phát từ chủ nghĩa Mác - Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tổ chức tốt thực tiễn, kịp thời và thường xuyên tổng kết kinh nghiệm thực tiễn cách mạng mới là con đường duy nhất đúng để phát triển và bảo vệ lý luận cách mạng, mới tiếp tục đưa sự nghiệp cách mạng không ngừng tiến lên. Lịch sử Đảng trong 90 năm qua khẳng định: Nhờ kiên định và vận dụng đúng đắn, sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tìm đúng bản chất, quy luật vận động đặc thù của xã hội Việt Nam và xu thế vận động tất yếu của thời đại; đồng thời, đấu tranh một cách kiên quyết chống mọi biểu hiện của chủ nghĩa thực dụng, chủ nghĩa giáo điều, chủ nghĩa cơ hội..., Đảng ta đã xây dựng thành công một đường lối cách mạng độc lập, tự chủ và sáng tạo. Đó chính là một trong những bài học lịch sử vô giá làm nên thắng lợi của cách mạng Việt Nam, góp phần vào sự phát triển sáng tạo và bảo vệ thành công chủ nghĩa Mác - Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh, trên cơ sở bảo đảm sự thống nhất giữa lý luận cách mạng và thực tiễn cách mạng, vừa nâng cao trình độ lý luận vừa đẩy mạnh năng lực tổ chức thực tiễn cách mạng. Vận dụng đúng đắn, sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh đã, đang và sẽ mãi là nhân tố quyết định mọi thắng lợi trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

MÔ HÌNH XÃ HỘI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM - NHỮNG BIỂU HIỆN ĐẶC TRƯNG TRONG KINH TẾ, CHÍNH TRỊ, VĂN HÓA, XÃ HỘI

PGS.TS. NGÔ TUẤN NGHĨA*

1. Mô hình xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam - những giá trị cốt lõi

Như chính lịch sử loài người đã và đang thể hiện, dù tiếp cận theo các phương pháp luận khác nhau, thế giới không thể phủ nhận được rằng lịch sử phát triển của nhân loại là một dòng chảy không ngừng nghỉ. Vấn đề sâu sắc ở chỗ, những thời đại lịch sử sau luôn có xu hướng văn minh và tiến bộ hơn thời đại trước đó. Mặc dù có thể có những khúc quanh co, thậm chí có những thời điểm thụt lùi, song xu hướng lịch sử vẫn tiến lên và văn minh hơn.

Trong dòng chảy của lịch sử, việc lựa chọn con đường và cách thức phát triển của mỗi quốc gia được quy định bởi hoàn cảnh lịch sử khách quan của quốc gia đó trong sự liên hệ với sự phát triển theo chiều hướng tiến bộ của thời đại. Với Việt Nam, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là con đường duy nhất đúng để phát triển tiến lên theo xu hướng lịch sử của loài người. Thực tế khách quan phát triển của chúng ta đang xác thực giá trị đúng đắn đó. Những thành tựu khách quan,

* Viện trưởng Viện Kinh tế chính trị học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

không chỉ tự chúng ta công nhận mà là sự ghi nhận của cộng đồng quốc tế về con đường và những giá trị cốt lõi trong mô hình phát triển của Việt Nam.

Trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* của Việt Nam năm 1991, được bổ sung, phát triển năm 2011, Đảng ta khẳng định: Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân Việt Nam xây dựng là một xã hội được biểu hiện ở những giá trị cốt lõi như:

Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Do nhân dân lao động làm chủ.

Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp.

Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện.

Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển.

Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới¹.

Đây là một hệ thống các giá trị cốt lõi định hình xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Những giá trị đó cũng chính là khát vọng mà nhân dân Việt Nam mong muốn đạt được, đồng thời, những giá trị đó cũng phản ánh sự phù hợp với khát vọng của nhân loại đang mong muốn.

Xã hội xã hội chủ nghĩa là xã hội do nhân dân lao động làm chủ. Đây là đặc trưng có ý nghĩa bao trùm. Tinh thần này thể hiện cô đọng giá trị cốt lõi của chủ nghĩa Mác - Lênin về mục tiêu cách mạng của những người cộng sản là đưa nhân dân lao động trở thành chủ thể làm chủ vận mệnh lịch sử của mình, con người được tự do. Tinh thần đó cũng đồng thời được phản ánh trong tư tưởng Hồ Chí Minh: “Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân. Công việc

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.70.

đổi mới, xây dựng là *trách nhiệm của dân... quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân*¹.

Mỗi quốc gia trên thế giới đều có giai cấp nhất định làm chủ đất nước của họ. Đối với Việt Nam, trong xã hội xã hội chủ nghĩa, chủ thể duy nhất làm chủ chính là nhân dân lao động. Đây là giá trị cốt lõi, bao trùm, chi phối các thành tố giá trị khác và cũng là điểm căn bản phản ánh đặc trưng xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Hệ giá trị phản ánh mô hình xã hội xã hội chủ nghĩa nêu trên là hệ thống mở, phản ánh quá trình phát triển theo chiều hướng tiến bộ của Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng. Với tinh thần ấy, xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội hướng tới hệ giá trị thống nhất biện chứng: *Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh*.

Xét trong suốt chiều dài lịch sử loài người, những giá trị cốt lõi về dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh luôn là khát vọng chung mà mọi quốc gia đều mong muốn. Tuy vậy, lịch sử thế giới hiện nay đang cho thấy, có quốc gia dân đã giàu song nước không mạnh; có quốc gia giàu mạnh song chưa hẳn đã dân chủ; có quốc gia giàu mạnh, dân chủ chưa hẳn đã công bằng, văn minh. Do đó, phán đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, lấy sự phát triển vì mục tiêu con người và giải phóng con người chính là hệ giá trị phản ánh khát vọng và phù hợp với xu hướng phát triển chung của nhân loại.

Với nghĩa như vậy, những giá trị cốt lõi về một xã hội mà nhân dân Việt Nam xây dựng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam phản ánh xu hướng phát triển của lịch sử và phù hợp với xu hướng phát triển theo chiều hướng tiến bộ của lịch sử nhân loại. Đó cũng là con đường đúng đắn định hướng cho sự phát triển của Việt Nam. Một con đường phát triển vừa phản ánh khát vọng của toàn thể nhân dân lao động, vừa phù hợp với xu hướng phát triển của loài người. Con đường đó chắc chắn sẽ đi đến thắng lợi và thành công.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.6, tr.232.

2. Biểu hiện đặc trưng trong kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội phản ánh giá trị xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

Trên nền tảng hệ giá trị cốt lõi, quá trình hiện thực hóa xã hội xã hội chủ nghĩa của Việt Nam cần được quan sát cụ thể hơn trên nhiều chiều cạnh biện chứng trong một chỉnh thể thống nhất.

Về *biểu hiện đặc trưng trong lĩnh vực kinh tế*, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là phương thức để hiện thực hóa xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một kiểu hình kinh tế thị trường phản ánh điều kiện, hoàn cảnh lịch sử cụ thể và con đường phát triển của Việt Nam. Lịch sử phát triển kinh tế thị trường trên thế giới cho thấy, cơ chế thị trường là kết quả của quá trình lịch sử nhân loại. Cơ chế thị trường không phải là sản phẩm riêng có của một quốc gia hay một nhóm quốc gia nào đó. Tuy nhiên, cơ chế thị trường được vận hành trong một nền kinh tế thị trường nhất định lại phản ánh đặc thù lịch sử, hoàn cảnh cụ thể của quốc gia ấy. Kinh tế thị trường ở Việt Nam cũng không phải là ngoại lệ. Kinh tế thị trường Việt Nam phản ánh đặc thù hoàn cảnh lịch sử cụ thể của Việt Nam.

Con đường phát triển của Việt Nam là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Nhưng như thế không có nghĩa Việt Nam đã là một quốc gia xã hội chủ nghĩa hoàn thiện. Việt Nam đang phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa, mà xã hội chủ nghĩa, như trên đã chỉ ra, là xã hội với một hệ giá trị biện chứng thống nhất. Cho nên, kinh tế thị trường ở Việt Nam cũng phải mang đặc trưng của nền kinh tế thị trường phản ánh con đường phát triển của Việt Nam, đó là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nghĩa là một kiểu hình kinh tế thị trường phản ánh đặc trưng con đường phát triển của Việt Nam. Đây là một kiểu hình kinh tế thị trường vừa có những đặc trưng chung, phổ biến không thể thiếu trong mọi nền kinh tế thị trường, vừa có những đặc trưng phản ánh những hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một kiểu hình kinh tế thị trường

bổ sung vào hệ thống các kiểu hình kinh tế thị trường đa dạng trên khắp thế giới.

Về mặt lý luận, việc khái quát những đặc trưng cơ bản của một nền kinh tế thị trường cần căn cứ trên những tiêu chí, như: Nền tảng tư tưởng, lý luận, lý thuyết cho sự phát triển nền kinh tế thị trường đó; nền tảng kinh tế biểu hiện cô đọng ở chế độ sở hữu và mục đích của chế độ sở hữu trong nền kinh tế thị trường; bản chất và vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường; vai trò của thị trường trong việc điều tiết và phân bổ nguồn lực của nền kinh tế thị trường. Nếu xét theo những tiêu chí này, thế giới đang cho thấy có hàng trăm kiểu nền kinh tế thị trường ứng với hàng trăm quốc gia khác nhau. Không có một nền kinh tế thị trường của quốc gia nào thuần nhất rập khuôn một nền kinh tế thị trường của quốc gia khác, mặc dù giữa các quốc gia đó có nhiều điểm tương đồng, thậm chí cùng trình độ phát triển thì nền kinh tế thị trường của các quốc gia đó cũng không hoàn toàn đồng nhất.

Với những nét lớn đó, có thể thấy, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam phản ánh những nét khái quát đặc trưng gồm:

Một là, về nền tảng tư tưởng của các chủ thể tham gia vận hành nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đó là những giá trị phương pháp luận, kim chỉ nam của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Hệ giá trị phương pháp luận như trên đã nói, đó là khát vọng giải phóng, quyền lực thuộc về nhân dân, phát triển vì mục đích hướng đến con người, do con người và vì con người. Đây là kim chỉ nam cho các hành động xây dựng, hoạch định chính sách cũng như thực hành sản xuất, kinh doanh. Trên nền tảng tư tưởng này, các chủ thể kinh doanh và quản lý trong thực hành quyền quản lý nhà nước cũng như sản xuất, kinh doanh, vừa tuân thủ các quy luật khách quan của nền kinh tế thị trường, vừa hướng đến hiện thực hóa hệ giá trị dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Đây là điểm đặc trưng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phân biệt với các nền kinh tế thị trường khác vốn rất đa dạng trên thế giới. Thực tế,

trong mọi nền kinh tế thị trường, giới tinh hoa quản lý và quản trị kinh doanh luôn dựa trên một hệ tư tưởng, lý thuyết nhất định. Theo đó sẽ hình thành những nền kinh tế thị trường đặc trưng của các quốc gia đó. Với Việt Nam, các chủ thể kinh doanh và quản lý cũng như người lao động hướng tới hệ giá trị cốt lõi định hướng phát triển chung của Việt Nam. Hệ giá trị này được xây dựng dựa trên nền tảng phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

Hai là, về nền tảng kinh tế, trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam có sự tồn tại đa dạng, khách quan của nhiều loại hình sở hữu. Trong đó, mọi nguồn lực, tiềm lực, tiềm năng và lợi ích của các nguồn lực đó là của nhân dân lao động và do nhân dân lao động quyết định. Đây là nguyên tắc định hướng trong phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam. Mặc dù sở hữu có vai trò quyết định trong quan hệ sản xuất và trao đổi, song, sở hữu tự thân nó không đem lại lợi ích. Lợi ích từ đối tượng sở hữu được phát huy thông qua quá trình quản lý, phân phôi, trao đổi. Do đó, để khai thác được lợi ích từ các nguồn lực, các tiềm lực, tiềm năng và lợi thế của nền kinh tế cần thông qua vai trò của thể chế quản lý, phân phôi. Thể chế quản lý này cũng cần phải thực hiện nguyên tắc của dân, do dân và vì dân. Với nghĩa như vậy, đặc trưng về sở hữu được biểu hiện tập trung ở cách thức khai thác lợi ích và sử dụng, phân bổ lợi ích. Chính điểm này phản ánh sự khác nhau về chế độ kinh tế giữa các nền kinh tế thị trường. Với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bao nhiêu lợi ích là của dân, do dân và vì dân. Đây là điểm phân biệt kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam với các nền kinh tế thị trường khác trên thế giới.

Ba là, về bản chất và vai trò của nhà nước, cũng như mọi nền kinh tế thị trường trên thế giới, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là nền kinh tế thị trường có sự kết hợp giữa vai trò quản lý của Nhà nước với sự vận động khách quan của các quy luật thị trường. Trong đó, xét về bản chất, Nhà nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa mang bản chất của giai cấp công nhân, Nhà nước dân chủ, của dân, do

dân, vì dân. Do đó, vai trò của Nhà nước trong điều tiết nền kinh tế thị trường vừa tuân thủ các nguyên tắc khách quan của nền kinh tế thị trường, vừa đảm bảo định hướng hoạt động của các chủ thể trong toàn xã hội hướng tới hiện thực hóa mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Về biểu hiện đặc trưng trong chính trị, như đã chỉ ra, chế độ chính trị của Việt Nam là chế độ chính trị dân chủ, của dân, do dân, vì dân. Đó là chế độ chính trị do nhân dân lao động làm chủ. Quyền lực Nhà nước là thống nhất của nhân dân, do nhân dân quyết định việc phân công và phối hợp giữa các thành tố cấu thành nhà nước. Không thực hiện tam quyền phân lập. Nền tảng tư tưởng của chế độ chính trị là nhất nguyên dựa trên chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, có kế thừa tinh hoa, trí tuệ của nhân loại để phát triển và hoàn thiện các phương thức vận hành chế độ chính trị theo đúng nguyên tắc của dân, do dân, vì dân. Tinh thần xã hội chủ nghĩa phản ánh trong chế độ chính trị ở Việt Nam chính là ở giá trị cốt lõi: Nhà nước của dân, do dân, vì dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Bao nhiêu lợi ích là của dân, hoạt động của bộ máy quyền lực là vì dân, do dân. Những nguyên tắc này phản ánh đặc trưng cơ chế vận hành, phương thức hình thành và phát triển của hệ thống chính trị mang đặc trưng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Về biểu hiện đặc trưng trong văn hóa, trong mô hình xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là động lực của quá trình phát triển. Giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp luôn được phát huy, kết hợp với những tinh hoa văn hóa của nhân loại, được giao lưu, tiếp biến tạo thành một chỉnh thể nền văn hóa tiên tiến, đậm bản sắc, đa dạng về biểu hiện ứng với mỗi tộc người trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ. Mô hình văn hóa xã hội chủ nghĩa được định hướng phát triển hướng tới những giá trị phổ quát tự do, hạnh phúc, con người được giải phóng, có cơ hội phát triển toàn diện. So sánh với quan điểm phát triển của các quốc gia trên thế giới, rất hiếm các quốc

gia khẳng định được mô hình phát triển dựa trên văn hóa là nền tảng tinh thần, là động lực của quá trình phát triển. Đây cũng là một trong những biểu hiện phản ánh đặc trưng mô hình xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Khi văn hóa được đặt đúng vị trí là nền tảng tinh thần của xã hội, văn hóa sẽ trở thành động lực của quá trình phát triển, văn hóa cho phát triển và phát triển có văn hóa chính là đường nét phản ánh sự khác biệt giữa các quốc gia. Đối với Việt Nam, phát triển với động lực văn hóa cũng chính là hướng xã hội tới trình độ văn minh, góp phần hiện thực hóa hệ giá trị cốt lõi của mô hình xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Về biểu hiện đặc trưng trong lĩnh vực xã hội, phương châm phát triển trong lĩnh vực xã hội mang tính nguyên tắc ở Việt Nam là vì con người và do con người. Con người là trung tâm của quá trình phát triển. Con người vừa là chủ thể, vừa là mục đích của quá trình phát triển. Yếu tố xã hội góp phần phản ánh kết quả của việc hiện thực hóa giá trị xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Do đó, khía cạnh xã hội luôn được chú trọng chăm lo. Các yếu tố cấu thành của khía cạnh xã hội cơ bản như y tế, giáo dục, an sinh xã hội là một trong những trụ cột rất được chăm lo trong quá trình phát triển xã hội. Hướng tới mục tiêu dân giàu, làm giàu chính đáng để vươn lên thoát nghèo bền vững, mỗi người dân trở nên giàu có, đất nước sẽ giàu mạnh; sự công bằng về cơ hội phát triển là mục tiêu hướng tới trong hệ giá trị cốt lõi của mô hình xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Với ý nghĩa đó, khía cạnh công bằng luôn được chú ý, thực hiện tinh thần kết hợp ngay từ đầu và trong suốt quá trình phát triển tăng trưởng kinh tế đi liền với tiến bộ, công bằng xã hội. Đây là cách thức không phải quốc gia nào trên thế giới cũng thực hiện được. Nhiều quốc gia chủ trương thực hiện nhưng ít quốc gia thành công. Với Việt Nam, việc thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội đã đem lại những thành tựu có tính lịch sử về giảm nghèo, về cải thiện chỉ số thu nhập và cơ hội phát triển cho mọi người dân. Những kết quả này của Việt Nam đã được cộng đồng thế giới ghi nhận, được Liên hợp quốc đánh giá cao. Khía cạnh xã hội luôn được kết hợp thống nhất giữa các nguồn lực của

nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, đây là nét đặc trưng phản ánh mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam khi so sánh với cách thức phát triển của các quốc gia khác trên thế giới trong bối cảnh thế giới ngày nay.

Như vậy, những giá trị cốt lõi của mô hình xã hội chủ nghĩa mà nhân dân Việt Nam xây dựng được biểu hiện ở sự thống nhất các khía cạnh kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Đồng thời, các khía cạnh đặc trưng kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội cũng là sự phản ánh quá trình hiện thực hóa sự phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Thực tiễn đã chứng minh xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng dưới sự lãnh đạo của Đảng ngày càng sáng tỏ hơn.

3. Phê phán một số quan điểm xuyên tạc mô hình chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Trong bối cảnh bùng nổ về thông tin và phương tiện truyền thông hiện nay, với các cách quan sát xuất phát từ lợi ích và động cơ của các thành viên trong xã hội đã có rất nhiều quan điểm khác nhau về con đường phát triển của Việt Nam. Trong đó, rất nhiều quan điểm có động cơ trong sáng, mong muốn đạt được những thành quả tốt đẹp hơn cho đất nước, cho nhân dân. Những ý kiến đó rất quý và đáng ghi nhận. Tuy nhiên, có một số quan điểm sai trái, xuyên tạc, thậm chí thù địch, chống phá công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta gây ra những nhiễu loạn trong xã hội cần phê phán.

Một là, quan điểm phủ nhận nền tảng tư tưởng chủ nghĩa Mác - Lê nin với động cơ phủ nhận con đường phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Thuộc nhóm quan điểm này, các cá nhân đưa ra lập luận có vẻ có tính lý luận, nhưng thực ra là ngụy biện thiếu tri thức và cố tình xuyên tạc lịch sử. Chẳng hạn, họ lập luận rằng, nhiều quốc gia trên thế giới không tuyên bố lấy chủ nghĩa Mác - Lê nin làm nền tảng tư tưởng tại sao họ vẫn phát triển. Còn Việt Nam dựa trên nền tảng là chủ nghĩa Mác - Lê nin lại vẫn là một quốc gia tụt hậu. Đi xa hơn, các quan điểm

phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin còn dẫn ra một số nước có những thành công trên con đường phát triển làm minh chứng luận cứ cho việc khẳng định rằng không dựa trên chủ nghĩa Mác - Lênin vẫn có thể phát triển được... Lịch sử phát triển của nhân loại đã chứng minh rằng, sự phát triển của các quốc gia không phải là một đường thẳng tuột. Càng không phải thành tựu phát triển của ngày hôm nay không bắt nguồn từ lịch sử. Những người chỉ biết quan sát hiện tượng bề ngoài ngày hôm nay làm sao đủ trải nghiệm những khúc quanh trong lịch sử mà các quốc gia phát triển đã phải trải qua. Vì thế, không có căn cứ nào để khẳng định rằng các quốc gia cứ phải nhất định đi những con đường phát triển rập khuôn như nhau. Mỗi quốc gia cần phải lựa chọn con đường phát triển phù hợp với hoàn cảnh lịch sử quốc gia mình. Và vì thế, nếu không đủ tri thức lịch sử thì rõ ràng không thể khẳng định con đường của quốc gia nào đã chính xác hay chưa. Hơn nữa, việc khẳng định con đường phát triển nào đúng còn đòi hỏi sự cống hiến cho sự phát triển theo con đường đó. Chỉ thông qua sự cống hiến cho sự phát triển ấy người ta mới có tư cách để khẳng định quá trình phát triển đúng hay còn khiếm khuyết. Thật tiếc cho những ai đã và đang được thụ hưởng những thành quả do con đường phát triển của Việt Nam, thành quả do nhân dân cố gắng phấn đấu và hy sinh không biết mệt mỏi mới có được lại quay trở lại phê phán con đường phát triển của đất nước mình. Đó là sự vong ơn, bội nghĩa với nhân dân và dân tộc.

Hai là, quan điểm phủ nhận kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Lập luận của quan điểm phủ nhận này cho rằng không thể có cái gọi là kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, và rằng không thể gán ghép kinh tế thị trường với cái đuôi định hướng xã hội chủ nghĩa. Đáng tiếc, quan điểm này không chỉ dừng lại ở nhóm các thành viên không có điều kiện tích lũy tri thức mà còn xuất hiện ngay cả trong một số cá nhân thành viên xã hội được đào tạo và có học vấn. Vì sao lại có sự đáng tiếc này? Thực tế, một số cá nhân có chút ít học vấn đã tự cho mình là đủ, đã ngộ nhận mình có thể xoay chuyển càn khôn mà

không biết rằng “học hải vô nhai” (biển học vô bờ), thành ra khi không đủ sức giải thích được và không có năng lực tự cắt nghĩa thì họ trở nên lúng túng và cho rằng không thể có được kiểu hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa cũng là một kiểu hình kinh tế thị trường trong đa dạng các nền kinh tế thị trường trên thế giới. Lịch sử phát triển kinh tế thị trường trên thế giới cho thấy, kinh tế thị trường xã hội kiểu Cộng hòa Liên bang Đức chưa có trước Chiến tranh thế giới thứ hai, kinh tế thị trường kiểu Nhật Bản cũng vậy, kinh tế thị trường tự do kiểu Mỹ cũng phải ra sức xây dựng mới có. Nghĩa là, một nền kinh tế thị trường không tự nhiên mà có, mà phải qua quá trình xây dựng và phát triển mới có thể thành công. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa cũng như vậy.

Mặt khác, một số cá nhân có quan điểm phủ nhận đó không hiểu xã hội xã hội chủ nghĩa với hệ thống giá trị cốt lõi phản ánh giá trị phổ quát của nhân loại mà vẫn ngộ nhận tư duy giáo điều về chủ nghĩa xã hội, không thể lý giải được tại sao lại có kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Sự lúng túng này do họ chưa đủ tầm trí tuệ, chưa đủ hiểu biết để tự cắt nghĩa cho bản thân.

Tóm lại, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là con đường duy nhất đúng cho Việt Nam. Những giá trị phổ quát của mô hình này cần phải được nỗ lực hiện thực hóa mới có thể thành công được. Đó cũng chính là con đường đem lại lợi ích chân chính cho nhân dân.

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH - SỰ VẬN DỤNG SÁNG TẠO VÀ PHÁT TRIỂN CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN TRONG ĐIỀU KIỆN CÁCH MẠNG VIỆT NAM

GS.TS. MẠCH QUANG THẮNG*

1. Cách nhìn nhận

Trong nhiều quan điểm xuyên tạc, chống đối tư tưởng Hồ Chí Minh liên quan đến chủ nghĩa Mác - Lenin, đáng chú ý là có ý kiến cho rằng tư tưởng Hồ Chí Minh chỉ là sự sao chép chủ nghĩa Mác - Lenin mà thôi. Đó cũng là điều làm cho một số người bị lệch về cách nhìn, nhầm lẫn sang một ý là ở Việt Nam hiện nay, về lý luận chính trị chỉ cần nêu tư tưởng Hồ Chí Minh là đủ. Có ý kiến ngược lại, cho rằng, Hồ Chí Minh thực ra không thực sự theo chủ nghĩa Mác - Lenin, biểu hiện là Hồ Chí Minh nêu cao chủ nghĩa dân tộc, với ý đi ngược lại, đòi xem xét lại chủ nghĩa Mác - Lenin¹; rằng, Hồ Chí Minh coi trọng V.I. Lenin mà không coi trọng C. Mác lắm, với ý là trong tác phẩm *Đường cách mệnh* (năm 1927), Hồ Chí Minh nhấn mạnh C. Mác “là kinh tế học cách mệnh”² kèm theo vài điểm nữa mà không nhấn mạnh rằng C. Mác chính là

* Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

- Xem bài “Báo cáo về Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ”, in ở phần Phụ lục sách Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.1, tr.500-520. Bài viết này có đoạn: “Xem xét lại chủ nghĩa Mác về cơ sở lịch sử của nó, cung cố nó bằng dân tộc học phương Đông” (tr.510).
- Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.2, tr.284.

người đã xác lập lý luận chủ nghĩa xã hội khoa học, là “ông tổ” của học thuyết khoa học và cách mạng mà các đảng cộng sản trên thế giới lấy đó làm cơ sở lý luận phát triển cho mình. Có một số ý kiến cho rằng, Hồ Chí Minh không hẳn phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, nhưng Hồ Chí Minh chỉ coi chủ nghĩa Mác - Lênin như là một phương tiện hoạt động mà thôi; dẫn chứng là Hồ Chí Minh coi chủ nghĩa Mác - Lênin “như cái cẩm nang thần kỳ”¹ (“cẩm nang” ở đây được hiểu là phương tiện Hồ Chí Minh tự nhận mình là “học trò nhỏ”² của một loạt nhân vật: C. Mác, V.I. Lênin, Khổng Tử, Giêsu, Thích Ca Mâu Ni, Tôn Dật Tiên..., như vậy có thể hiểu rằng chủ nghĩa Mác - Lênin chỉ là một trong nhiều luồng tư tưởng, một trong nhiều học thuyết mà Hồ Chí Minh sử dụng để đạt mục đích hoạt động chính trị của mình mà thôi.

Thực chất, Hồ Chí Minh khẳng định một cách chắc chắn rằng, chủ nghĩa Mác - Lênin là “mặt trời soi sáng”, là “trí khôn” của con người, là “bàn chỉ nam” cho con tàu đi. Trong tác phẩm *Đường cách mệnh*, Hồ Chí Minh cho rằng, Đảng phải có chủ nghĩa làm cốt, trong Đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa đó. Hồ Chí Minh dẫn ý của V.I. Lênin trong tác phẩm *Làm gì?* như “đề từ” cho tác phẩm, “Không có lý luận cách mệnh, thì không có cách mệnh vận động... Chỉ có theo lý luận cách mệnh tiên phong, đảng cách mệnh mới làm nổi trách nhiệm cách mệnh tiên phong”³, nghĩa là đảng phải có một lý luận chính trị dẫn đường. Và Hồ Chí Minh thấy rằng: “Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin”⁴; chõ khác trong tác phẩm này khi đề cập đến Cách mạng Tháng Mười Nga, Hồ Chí Minh viết rộng hơn là “phải theo chủ nghĩa Mã Khắc Tư và Lênin”⁵. Hiểu như ngôn ngữ hiện nay thì chủ nghĩa Mác - Lênin đúng là nền tảng tư tưởng (“trí khôn”

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t15, tr.588.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t12, tr.714.

3, 4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t2, tr.279, 289.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t2, tr.304. Mã Khắc Tư tức là C. Mác.

của con người) và kim chỉ nam (“bàn chỉ nam”) cho hành động của tổ chức và người cộng sản, dứt khoát không phải là phương tiện.

Thực chất, Hồ Chí Minh coi chủ nghĩa Mác - Lênin là cơ sở để đạt mục đích tối cao là giải phóng con người, giải phóng hoàn toàn, triệt để, con người vươn tới vương quốc của tự do thì chỉ có thể thực hiện được dưới chế độ cộng sản chủ nghĩa - điều mà trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, C. Mác và Ph. Ăngghen khẳng định ý bất hủ: “Thay cho xã hội tư sản cũ, với những giai cấp và đối kháng giai cấp của nó, sẽ xuất hiện một liên hợp, trong đó sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người”¹. Xây dựng chủ nghĩa xã hội là một cuộc chiến đấu khổng lồ cho thắng lợi từng bước của sự nghiệp giải phóng con người, đòi hỏi đảng cộng sản cầm quyền phải có năng lực dồi dào, tư duy sáng tạo, nhạy bén, bản lĩnh chính trị cao cường và hàng loạt yếu tố nữa. Do vậy, nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, theo Hồ Chí Minh, là sự chỉ dẫn quan trọng đồng thời gây nguồn cảm hứng sáng tạo và phát triển. Giáo điều, cứng nhắc cũng như xa rời những nguyên lý cơ bản có tính chất phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin đều là con đường chết của cách mạng. Thực tế hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền cũng như của nhiều đảng cộng sản cầm quyền khác trên thế giới đã chỉ rõ điều đó.

Sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin của Hồ Chí Minh được thể hiện: Một là, làm phong phú lý luận Mác - Lênin, vận dụng lý luận Mác - Lênin, làm cho lý luận Mác - Lênin thấm vào đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; hai là, lấy cái không thay đổi (nguyên lý cơ bản) để ứng với muôn vàn sự thay đổi của tình hình “Dĩ bất biến ứng vạn biến”; ba là, sáng tạo và phát triển lý luận chính trị ở Việt Nam cũng là quá trình bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin.

Hồ Chí Minh có tư duy đúng về mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn. Người cho rằng: “Lý luận là đem *thực tế* trong lịch sử, trong kinh

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.628.

nghiệm, trong các cuộc tranh đấu, xem xét, so sánh thật kỹ lưỡng rõ ràng, làm thành kết luận. Rồi lại đem nó chứng minh với thực tế. Đó là lý luận chân chính. Lý luận như cái kim chỉ nam, nó chỉ phương hướng cho chúng ta trong công việc thực tế. Không có lý luận thì lúng túng như nhắm mắt mà đi¹. Hồ Chí Minh cảnh báo người cách mạng về bệnh chủ quan, kém lý luận, “mắc phải cái bệnh *khinh lý luận*²”, “có kinh nghiệm mà không có lý luận, cũng như một mắt sáng, một mắt mờ”³, “vì kém lý luận, cho nên gặp mọi việc không biết xem xét cho rõ, cân nhắc cho đúng, xử trí cho khéo. Không biết nhận rõ điều kiện hoàn cảnh khách quan, ý mình nghĩ thế nào làm thế ấy. Kết quả thường thất bại”⁴. Hồ Chí Minh chỉ rõ rằng, người cách mạng có thể bị mắc phải bệnh “lý luận suông”⁵ nếu không áp dụng vào thực tế, “dù xem được hàng ngàn, hàng vạn quyển lý luận, nếu không biết đem ra thực hành, thì khác nào một cái hòm đựng sách. Xem nhiều sách để mà *hở*, để làm ra *ta đây*, thế không phải là biết lý luận... Phải ra sức thực hành mới thành người biết lý luận... Phải đem lý luận áp dụng vào công việc thực tế... Lý luận phải đem ra thực hành. Thực hành phải nhằm theo lý luận. Lý luận cũng như cái tên (hoặc viên đạn). Thực hành cũng như cái đích để bắn. Có tên mà không bắn, hoặc bắn lung tung cũng như không có tên”⁶. Ở Hồ Chí Minh có một tinh thần sáng tạo, luôn đổi mới, là con người của sự giải phóng và phát triển.

2. Sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin

Sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin trong cách mạng Việt Nam của Hồ Chí Minh được thể hiện ở năm vấn đề tiêu biểu:

Thứ nhất, về mục tiêu và con đường phát triển của dân tộc Việt Nam.

Đó là mục tiêu chủ nghĩa cộng sản, con đường đi tới là làm cách mạng tư sản dân quyền do Đảng Cộng sản lãnh đạo (cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới). Sau này, trong văn kiện của Đảng, mục tiêu đó

1, 2, 3, 4, 5, 6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.273-274, 274, 274-275.

được diễn đạt bằng nhiều cụm từ như “cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân”, “độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội”. Trong tư duy của Hồ Chí Minh, mục tiêu này bao gồm nội dung giải phóng dân tộc, nội dung dân chủ (dân chủ ở đây chủ yếu là giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân) và nội dung cách mạng xã hội chủ nghĩa. Hồ Chí Minh còn vận dụng lý luận của V.I. Lênin về cách mạng không ngừng với việc đưa Việt Nam tiến lên chủ nghĩa xã hội không phải kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa¹.

Một số người nhận định không đúng về mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội do Hồ Chí Minh tìm và chọn trong những năm 10 - 20 của thế kỷ XX. Họ cho rằng, Hồ Chí Minh đã chọn sai, và hệ lụy, theo họ, là khiến cho đất nước Việt Nam lâm vào nhiều cuộc chiến tàn khốc không cần thiết; rằng, vì mục tiêu và con đường mà Hồ Chí Minh chọn không đúng, cho nên đất nước Việt Nam mới tiến chậm chạp trong khi tiềm lực, tiềm năng của đất nước rất lớn, nếu chọn đúng mục tiêu và con đường - theo họ - (mà nói thẳng ra là mục tiêu và con đường tư bản chủ nghĩa), thì dân tộc Việt Nam sẽ sớm sánh vai với các cường quốc năm châu, chứ đâu phải như hiện thời mới ở vào dạng nước vừa thoát nghèo, GDP đầu người năm 2019 chỉ đạt gần 3.000 USD, vẫn chưa thoát ra khỏi cái bẫy của nước thu nhập trung bình, trong khi mức GDP bình quân đầu người thế giới đang đạt con số gần 9.000 USD.

Lập luận của họ trên đây không phù hợp với thực tế của Việt Nam và thế giới trong những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Thực tế là ngay từ thời điểm đó, Việt Nam đã kiểm nghiệm tất cả các mục tiêu và con đường phát triển. Cần Vương ư? Vũ trang đánh đuổi thực dân Pháp để rồi quay lại củng cố chế độ phong kiến thì chính là sự đi ngược lại xu thế phát triển của xã hội Việt Nam, vì chế độ phong kiến đã bị khủng hoảng từ thế kỷ XVI. Năng lực và sức mạnh của thời đại phong kiến Việt Nam bị tàn lụi một cách thảm hại, trong khi thế giới đã vượt qua thời kỳ tư bản tự do cạnh tranh, đã đạt ở mức tư bản xuyên quốc gia.

1. Nay thường được diễn đạt lại là: Không phải kinh qua chế độ tư bản chủ nghĩa.

Dân chủ tư sản ư? Kể cả hình thức cộng hòa đại nghị và quân chủ lập hiến tuy là mới đối với Việt Nam nhưng đã là cũ và lỗi thời đối với thế giới. Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Nguyễn Thái Học... đầy dũng khí nhưng đường lối, phương pháp cách mạng không hợp với đất nước trong những năm 20 - 30 thế kỷ XX. Do vậy, các phong trào đấu tranh yêu nước đó thất bại nhanh chóng, mà nguyên nhân chủ yếu là do các phong trào yêu nước đó không hợp thời.

Xu thế mới - đó là con đường cách mạng vô sản, mục tiêu và con đường mà lý luận C. Mác và V.I. Lênin nêu lên. Xu thế đó được nắm bắt bởi giai cấp công nhân, giai cấp đứng trung tâm của thời đại. Mục tiêu và con đường cách mạng vô sản của Việt Nam đầu thế kỷ XX hiển nhiên là đi đúng xu thế đó, quy luật đó. Hồ Chí Minh là người đáp ứng được yêu cầu của xu thế phát triển này một cách xuất sắc. Nhận thức và hành động của Hồ Chí Minh là nhận thức, hành động của người đại diện, người đi tiên phong của xu thế đó.

Thứ hai, về cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam.

Trước hết là việc huy động, tập hợp lực lượng cách mạng do giai cấp công nhân lãnh đạo. Trong khi Quốc tế Cộng sản ở đường lối của Đại hội VI năm 1928, và nhiều đảng cộng sản không đánh giá đúng vai trò của các giai tầng ngoài công nhân và nông dân thì Hồ Chí Minh đánh giá đúng và đưa họ vào trong một tập hợp lực lượng để hướng đến phục vụ cho mục tiêu giải phóng dân tộc ở một nước thuộc địa và phong kiến, nơi mà tất cả các giai tầng, trừ Việt gian, phản động, đều có mâu thuẫn dân tộc với mức độ khác nhau, đều có một “mẫu số chung” là nhu cầu giải phóng dân tộc. Khác với Quốc tế Cộng sản, Hồ Chí Minh chủ trương tập hợp cả trung, tiểu địa chủ, cả tư sản dân tộc (trừ tư sản mại bản), cả tiểu tư sản, nghĩa là biên độ tập hợp lực lượng cách mạng rất rộng, gồm tất cả những người Việt Nam yêu nước với mức độ khác nhau. Biên độ lực lượng cách mạng rộng như vậy, nhưng cái cốt, cái nhân, cái lõi rất chắc, đó là liên minh công nhân - nông dân - trí thức do giai cấp công nhân, với Đảng Cộng sản Việt Nam làm đại biểu, lãnh đạo. Ngoài lực lượng ở trong nước, Hồ Chí Minh còn chủ trương và cùng với Đảng lãnh

đạo thực hiện tập hợp lực lượng đoàn kết quốc tế, coi cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới, ai ủng hộ cách mạng Việt Nam đều là bạn; đặt cách mạng Việt Nam trong sự phát triển của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; thực hiện quyền dân tộc tự quyết trong việc thiết lập tổ chức chính trị - xã hội (không phải là tổ chức của liên bang Đông Dương, mà là riêng của Việt Nam: Đảng Cộng sản Việt Nam, Đảng Lao động Việt Nam, Mặt trận Việt Nam Độc lập Đồng minh, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa).

Hồ Chí Minh là người đã vận dụng, bổ sung, phát triển quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lenin về mối quan hệ giữa cách mạng giải phóng dân tộc ở nước thuộc địa với cách mạng vô sản ở “chính quốc”. C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lenin và Hồ Chí Minh đều có điểm chung khi khẳng định sự gắn kết chặt chẽ giữa cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa và cách mạng vô sản ở “chính quốc”. Nhưng, vấn đề đặt ra là quan hệ giữa cách mạng vô sản ở “chính quốc” và cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa là quan hệ ngang hàng nhau, hay đó là quan hệ chính - phụ, cái nọ phụ thuộc vào cái kia? Về vấn đề này, lý luận Mác - Lenin cho rằng, cách mạng vô sản ở “chính quốc” đóng vai trò quyết định, sẽ nổ ra và giành thắng lợi trước, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa thành công. C. Mác viết: “So với các nước khác, Anh là nước mà ở đó sự đối lập giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản đã đạt tới trình độ phát triển cao hơn cả. Do vậy thắng lợi của những người vô sản Anh đối với giai cấp tư sản Anh có ý nghĩa quyết định cho sự thắng lợi của tất cả những người bị áp bức đối với những kẻ áp bức họ. Đó là nguyên nhân vì sao mà phải giải phóng Ba Lan không phải ở Ba Lan mà là ở Anh”¹. Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, C. Mác và Ph. Ăngghen xác định rằng, chế độ người bóc lột người chính là căn nguyên dẫn đến sự nô dịch của dân tộc này đối với dân tộc khác, vì vậy giải quyết vấn đề dân tộc ở

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.527.

các nước thuộc địa lại tùy thuộc vào việc giải quyết vấn đề giai cấp, trước hết là ở các nước “chính quốc”. Do đó, các ông chủ trương: “Hãy xóa bỏ tình trạng người bóc lột người thì tình trạng dân tộc này bóc lột dân tộc khác cũng sẽ bị xóa bỏ. Khi mà sự đối kháng giữa các giai cấp trong nội bộ dân tộc không còn nữa thì sự thù địch giữa các dân tộc cũng đồng thời mất theo”¹.

So với C. Mác và Ph. Ăngghen thì V.I. Lê nin có điều kiện thực tế để quan tâm nhiều đến phong trào giải phóng dân tộc ở các thuộc địa và phụ thuộc, trong bối cảnh chủ nghĩa đế quốc đã thiết lập ách thống trị ở nhiều nước châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ Latinh. Song, rất tiếc là V.I. Lê nin cũng có quan điểm giống C. Mác và Ph. Ăngghen về sự phụ thuộc của cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa vào thắng lợi của cách mạng vô sản ở “chính quốc”. Là người xuất thân từ một nước thuộc địa, vận dụng thành công phép biện chứng duy vật của chủ nghĩa Mác - Lê nin vào phân tích điều kiện cụ thể của Việt Nam và một số nước thuộc địa khác, Hồ Chí Minh, *một mặt* luôn khẳng định phải nêu cao tinh thần độc lập tự chủ, đem sức ta mà tự giải phóng cho ta, không trông chờ, ỷ lại, dựa dẫm vào sự giúp đỡ của bên ngoài; *mặt khác*, Người nhận thấy rằng, thuộc địa chính là nơi tập trung những mâu thuẫn gay gắt nhất của thế giới lúc đó, là nơi kết tụ những “nọc độc” và “sức sống” của “con rắn độc tư bản chủ nghĩa”. Do đó, cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa vẫn có tính độc lập trong mối quan hệ với cách mạng vô sản ở “chính quốc” và điều quan trọng hơn cả là: cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa có thể nổ ra, giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở “chính quốc”, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho giai cấp công nhân ở “chính quốc” trong cuộc đấu tranh chống lại giai cấp tư sản, giành chính quyền (tức là “đánh rắn đằng đầu”).

Thứ ba, về vấn đề Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền.

Trong học thuyết của mình, C. Mác và Ph. Ăngghen thường đề cập vấn đề xây dựng và phát triển đảng cộng sản trong xã hội công nghiệp,

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.624.

khi giai cấp công nhân đại công nghiệp đã hình thành và phát triển. Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, C. Mác và Ph. Ăngghen phân biệt rất rõ đảng cộng sản là một bộ phận của giai cấp vô sản, là bộ phận giác ngộ chính trị, kỷ luật và tổ chức. Hai ông viết: “Những người cộng sản là bộ phận kiên quyết nhất trong các đảng công nhân ở tất cả các nước, là bộ phận luôn luôn thúc đẩy phong trào tiến lên về mặt lý luận, họ hơn bộ phận còn lại của giai cấp vô sản ở chỗ là họ hiểu rõ những điều kiện, tiến trình và kết quả chung của phong trào vô sản”¹.

Đảng cộng sản, theo hai ông, là tổ chức trong đó có đội ngũ chủ yếu là công nhân đại công nghiệp, gắn liền với nền sản xuất công nghiệp. Từ môi trường này, đảng cộng sản tổ chức cho giai cấp công nhân lãnh đạo và liên minh chặt chẽ với giai cấp nông dân trong cả quá trình hoạt động. Thực tế cho thấy, thời của C. Mác và Ph. Ăngghen chưa có một tổ chức cộng sản nào cầm quyền trên thế giới, cho nên quan điểm của hai ông chưa được kiểm nghiệm một cách chắc chắn trong thực tế.

Trong thời kỳ chủ nghĩa tư bản đã chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, đặc biệt là từ sau Cách mạng Tháng Mười năm 1917, Đảng Bônsêvích Nga hoạt động trong bối cảnh nước Nga nói chung vẫn ở trong tình trạng chủ nghĩa tư bản mới phát triển ở mức độ trung bình so với các nước tư bản chủ nghĩa khác ở châu Âu. Khi thành lập Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xôviết (1922 - gọi tắt là Liên Xô), tình trạng kinh tế - xã hội ở nhiều vùng vẫn còn ở trình độ tiền tư bản, nhất là các nước Trung Á². Trong khi đó, V.I. Lênin lãnh đạo Đảng Cộng sản (b) cầm quyền với đội ngũ có nhiều thành phần xuất thân khác nhau, kinh tế đất nước chưa phát triển, và chỉ được 6 năm thì qua đời.

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.614.

2. Năm 1920, khi Đảng Nhân dân cách mạng Mông Cổ thiết lập chính quyền cách mạng, V.I. Lênin đã nêu lên luận điểm: Với sự giúp đỡ của các nước vô sản tiên tiến, các nước lạc hậu có thể đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Thực tế từ đó trở đi, một loạt nước đi lên chủ nghĩa xã hội theo dạng này, sớm nhất là các nước cộng hòa ở Trung Á khi gia nhập Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xôviết và nước Mông Cổ.

Trong công tác xây dựng Đảng, V.I. Lênin nhấn mạnh rằng, ngoài tính chất lý luận và bản chất giai cấp công nhân của Đảng Bônsêvích, cần lưu ý phải đưa nhiều công nhân vào Đảng để cải thiện thành phần trong Đảng vì số lượng đảng viên xuất thân từ giai cấp công nhân ở nước Nga (sau này là cả ở Liên Xô) còn ít. Điều này có khác với thời kỳ của C. Mác và Ph. Ăngghen. Nó có căn nguyên ở môi trường xã hội nước Nga, và sau này là Liên Xô, không phải là một nước công nghiệp, không như hoàn cảnh hình thành tư tưởng của C. Mác và Ph. Ăngghen đã nêu khi đề cập đến vấn đề đảng cộng sản.

Liệu có thể tổ chức xây dựng và phát triển được một tổ chức đảng cộng sản theo chủ nghĩa Mác - Lênin ở môi trường kinh tế lạc hậu, chậm phát triển như ở Việt Nam không, khi có khoảng 90 - 95% dân số ở Việt Nam là nông dân, số lượng giai cấp công nhân rất ít so với tổng số dân cư?

Hồ Chí Minh là người trả lời cả về mặt lý luận và thực tiễn là hoàn toàn có thể xây dựng được một đảng Mác - Lênin - đảng cộng sản cầm quyền ở một nước nông nghiệp lạc hậu, kinh tế chậm phát triển, giai cấp công nhân có số lượng ít. Đây là điểm sáng tạo về lý luận và thực tiễn có giá trị của Hồ Chí Minh so với lý luận Mác - Lênin về đảng cộng sản. Điều này thể hiện trong nhiều tác phẩm của Hồ Chí Minh và ngay trong các điều lệ Đảng sinh thời của Người. Theo đó, trừ những người đang thuộc thành phần “bóc lột”, còn lại bất kỳ ai, từ giai tầng nào, nam hay nữ, miền nào... nếu đủ điều kiện đều có thể gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam¹.

Hồ Chí Minh nêu lên quy luật ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là sự kết hợp của chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước. Nhưng, cần nhấn mạnh thêm: Đây không những là quy luật *ra đời*, mà còn là quy luật *phát triển* của Đảng nữa, vì nó có ý nghĩa lớn đối với một đảng cầm quyền như Đảng Cộng sản Việt Nam.

1. Sau này, trong thời kỳ đổi mới, từ Đại hội X (2006), Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương kết nạp cả chủ doanh nghiệp vào Đảng (được hiểu là doanh nghiệp tư nhân, không hạn chế quy mô thuê nhân công).

Chính việc đưa thêm yếu tố phong trào yêu nước vào kết hợp với chủ nghĩa Mác - Lênin và phong trào công nhân đã làm cơ sở cho tư tưởng chiến lược của Đảng trong việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Cơ sở xã hội của Đảng không chỉ là giai cấp công nhân mà còn là toàn thể nhân dân lao động. Hồ Chí Minh đã không ít lần bày tỏ quan điểm này khi cho rằng, bản chất giai cấp của Đảng là bản chất giai cấp công nhân. Nhưng Đảng không chỉ là Đảng của giai cấp công nhân, mà đồng thời còn là của nhân dân lao động và toàn dân tộc. Luận điểm này của Hồ Chí Minh nêu một cách rõ ràng, đậm nét, nhất là trong Báo cáo chính trị tại Đại hội II của Đảng (tháng 2/1951)¹: “Trong giai đoạn này, quyền lợi của giai cấp công nhân và nhân dân lao động và của dân tộc là một. Chính vì Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên nó phải là Đảng của dân tộc Việt Nam”².

Thời kỳ của C. Mác và Ph. Ăngghen còn sống chưa có cuộc cách mạng vô sản nào giành được thắng lợi. Công xã Pari năm 1871 là cuộc thử nghiệm đầu tiên của giai cấp vô sản Pháp vùng lên với khí thế xung thiên đập đổ nhà nước của giai cấp tư sản, lập nên nhà nước của giai cấp công nhân Pháp, nhưng lúc đó Đảng Cộng sản Pháp chưa ra đời. Những tổng kết của C. Mác trong tác phẩm *Nội chiến ở Pháp* tuy biểu đạt năng lực tư duy rất nhanh nhạy của C. Mác (tổng kết ngay khi Công xã Pari đang diễn ra), nhưng đối với riêng vấn đề đảng của giai cấp công nhân lại chưa có gì để nói vì thực tế chưa xuất hiện.

V.I. Lênin nêu lên một số vấn đề có tính nguyên tắc, nguyên lý về đảng vô sản kiểu mới của giai cấp vô sản, rõ nhất là từ năm 1903 với việc hình thành Đảng Cộng sản (Bônsêvích) Nga. Đây là những nội dung chung cho tất cả các thời kỳ, không chỉ riêng cho thời kỳ đảng cộng sản

1. Trong thời kỳ đổi mới, từ Đại hội X, Đảng Cộng sản Việt Nam nêu rằng, Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và toàn dân tộc, đại biểu trung thành cho lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn dân tộc. Nêu như vậy, về cơ bản, theo quan điểm của Hồ Chí Minh về cách diễn đạt vấn đề “đảng của ai”.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.12, tr.38.

cầm quyền. Sau này, các đảng cộng sản trên thế giới, trong đó có Đảng Cộng sản Việt Nam, lấy đó làm cơ sở lý luận để xây dựng thành đảng mácxít - léninnít.

“Đảng ta là một đảng cầm quyền”¹ là cụm từ do Hồ Chí Minh nêu lên trong tác phẩm *Di chúc*. Tính từ tháng 9/1945 đến tháng 9/1969, Hồ Chí Minh giữ trọng trách lãnh tụ của Đảng Cộng sản; trong 24 năm, Người đã vận dụng những tư tưởng của C. Mác, Ph. Ăngghen và V.I. Lênin về đảng cộng sản vào xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ mới, khi chính quyền về tay nhân dân.

Người bổ sung, phát triển lý luận của V.I. Lênin trên nhiều vấn đề, đặc biệt có bốn vấn đề chủ yếu: 1) Đảng của ai; 2) Xây dựng Đảng về đạo đức cách mạng; 3) Nhấn mạnh những vấn đề đảng cầm quyền trong điều kiện lãnh đạo Nhà nước; 4) Nhắc nhở, cảnh báo nguy cơ suy thoái của một đảng cầm quyền, nhất là chủ nghĩa cá nhân.

C. Mác và Ph. Ăngghen cho rằng, đảng cộng sản là bộ phận ưu tú nhất trong giai cấp vô sản của nền đại công nghiệp. V.I. Lênin thì cho rằng, đảng cộng sản là bộ phận có tổ chức và là tổ chức cao nhất của giai cấp công nhân. Còn Hồ Chí Minh, trong điều kiện kinh tế chậm phát triển ở Việt Nam, xác định Đảng là Đảng của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của toàn dân tộc. Điểm mấu chốt của vấn đề này trong quan điểm của Hồ Chí Minh về vấn đề *đảng của ai* đã chế định toàn bộ chiến lược hoạt động của Đảng, xét về cả bản chất khoa học và cách mạng, cả mục tiêu, nhiệm vụ cũng như tổ chức, bộ máy, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng.

Hồ Chí Minh nhấn mạnh: Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền là Đảng của đạo đức và văn minh. Với trách nhiệm là lãnh tụ của Đảng, người sáng lập và rèn luyện Đảng, Hồ Chí Minh rất quan tâm đến vấn đề xây dựng đảng cầm quyền về mặt đạo đức. đương nhiên, đảng cầm quyền có trách nhiệm lãnh đạo toàn diện đất nước, trước hết là đề ra đường lối, chủ trương phát triển đất nước; lãnh đạo tổ chức thực hiện

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.15, tr.611.

đường lối đó, trong đó có việc lãnh đạo Nhà nước và hệ thống chính trị nói chung theo đường lối mà Đảng đã xác định. Muốn thế, Đảng phải có tư cách của một đảng cầm quyền, tức là Đảng phải tỏ rõ về thực chất Đảng “là đạo đức, là văn minh”¹. Đây chính là điểm bổ sung, phát triển lớn của Hồ Chí Minh so với chủ nghĩa Mác - Lênin.

Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền, theo Hồ Chí Minh, là đảng phải bảo đảm tính đảng trong các hoạt động của Nhà nước cũng như các tổ chức chính trị - xã hội khác. Đảng phải quan tâm một cách toàn diện và thực thi trách nhiệm lãnh đạo của mình đối với toàn xã hội. Và, điều đặc biệt ở tư duy cũng như hành động của Hồ Chí Minh, cũng là điểm bổ sung, phát triển lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, là ở chỗ Hồ Chí Minh lưu ý đặc biệt tới nhiệm vụ lãnh đạo - phục vụ của Đảng cầm quyền. Hồ Chí Minh coi lãnh đạo cũng tức là “làm trâu ngựa, làm tói tớ trung thành của nhân dân”², “phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”³. Quyền mà Đảng cầm là từ nhân dân *trao* cho. Sự cầm quyền của Đảng không phải cứ tự nhận mà được, mà do uy tín của Đảng qua các thời kỳ cách mạng và từ đó mà nhân dân tin tưởng trao cho Đảng quyền lãnh đạo đất nước.

Thứ tư, về xây dựng Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam.

Trong các bài nói, bài viết của mình, Hồ Chí Minh chưa sử dụng khái niệm “Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam”, nhưng tinh thần vẫn toát lên nội hàm khái niệm đó. Trong thực tế, Hồ Chí Minh cùng với Đảng và Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thực thi những vấn đề cốt yếu nhất của việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, điều mà C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lênin đề cập rất ít. Đó là những vấn đề: Nhà nước hợp hiến, hợp pháp; Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; mọi tổ chức chính trị - xã hội, kể cả đảng cầm quyền,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.12, tr.403.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.7, tr.50.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.15, tr.612.

mọi cá nhân đều có trách nhiệm thực hiện pháp luật với tinh thần thượng tôn pháp luật. Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam không phải theo mô hình tam quyền phân lập; đó là Nhà nước bảo đảm bản chất giai cấp công nhân, đồng thời mang tính dân tộc sâu sắc; đó cũng là Nhà nước mà trong hoạt động, vận hành bộ máy đều mang tính nhân văn, nhân đạo, nhân nghĩa - tất cả vì sự nghiệp giải phóng con người - mục tiêu cao nhất, mục tiêu cuối cùng theo tư tưởng Hồ Chí Minh về giải phóng dân tộc - giải phóng xã hội - giai cấp - giải phóng con người. Tính khoa học và cách mạng của tư tưởng Hồ Chí Minh được phản ánh rõ nhất là từ sự nghiệp giải phóng này.

Cũng như về Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền, Hồ Chí Minh luôn chú trọng tới trách nhiệm phục vụ nhân dân của Nhà nước, của tất cả cán bộ, công chức của Nhà nước. Điều này hoàn toàn phù hợp với xã hội hiện đại, khi vấn đề bảo đảm và phát huy quyền con người, quyền công dân được coi trọng hơn. Hồ Chí Minh chính là người nhấn rất mạnh tới Nhà nước với vai trò và chức năng quản lý, phục vụ nhân dân, trong khi lý luận chủ nghĩa Mác - Lê nin lại nhấn mạnh hơn vai trò thống trị của một giai cấp - vốn là bản chất gốc của nhà nước ở phương Tây.

Xin lưu ý rằng, nhà nước ở phương Tây xuất hiện là do trong xã hội có các giai cấp và đấu tranh giai cấp. Nó ra đời là từ yêu cầu của đấu tranh giai cấp. Cho nên, ban đầu, nhà nước chính là đại diện cho ý chí của giai cấp thống trị trong xã hội. Khái niệm nhà nước đã được rất nhiều người đề cập. Mongtexkiơ trong tác phẩm *Tinh thần luật pháp* và Rúttxô trong tác phẩm *Khế ước xã hội* bàn khá sâu về nhà nước. Ph. Ăngghen dựa trên tài liệu của Moócgan để nghiên cứu về nguồn gốc của nhà nước, của gia đình và của chế độ tư hữu. C. Mác cũng đã nghiên cứu vấn đề nhà nước cách mạng qua tổng kết Công xã Pari năm 1871. Kế thừa quan điểm của C. Mác và Ph. Ăngghen, V.I. Lê nin cho rằng, nhà nước chính là bộ máy dùng để giữ vững sự thống trị của một giai cấp này đối với một giai cấp khác. Còn J.Xtalin thì cho rằng, nhà nước là

một bộ máy dùng để đè bẹp sự phản kháng của những kẻ thù giai cấp. Quan niệm của J.Xtalin nặng về nghĩa nhà nước là một tổ chức cai trị, trấn áp hơn là xây dựng.

Sự thật thì nhà nước là một tổ chức chính trị thực hiện chức năng đối nội và đối ngoại, xây dựng đất nước và bảo vệ lãnh thổ, tổ chức cộng đồng các dân tộc, bảo đảm cuộc sống cho nhân dân; công cụ bạo lực của nhà nước là quân đội và công an. Theo C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lênin, lịch sử loài người đã diễn ra ba kiểu nhà nước chủ yếu của giai cấp bóc lột: Chủ nô, phong kiến, tư sản.

Còn Nhà nước Việt Nam mới, theo tư tưởng Hồ Chí Minh, là Nhà nước đại diện cho ý chí của giai cấp công nhân, đồng thời đại diện cho ý chí của nhân dân lao động và toàn dân tộc. Điều này thể hiện trong cách cấu tạo bộ máy Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và thể hiện trong Hiến pháp đầu tiên (Hiến pháp năm 1946), cũng như Hiến pháp năm 1959, trong đó Hồ Chí Minh tham gia với tư cách người lãnh đạo soạn thảo để trình Quốc hội thông qua. Hồ Chí Minh vận dụng sáng tạo, bổ sung và phát triển lý luận Mác - Lênin về vấn đề này ở chỗ, nhà nước từ chủ yếu có chức năng cai trị chuyển mạnh sang chức năng chủ yếu là quản lý và cao hơn nữa là chức năng phục vụ. Chính vì thế, Hồ Chí Minh đề cập rất nhiều đến quan điểm Chính phủ và cán bộ, công chức phải làm đầy tớ, là công bộc cho dân. Quốc hội chính là cơ quan lập pháp và là cơ quan thể hiện quyền lực tối cao tập trung thuộc về nhân dân. Từ chính phủ của nhà nước cai trị đến chính phủ phục vụ làm đầy tớ dân, chính phủ kiêm tạo là cả một bước tiến dài về nhận thức và hành động theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Cần nhấn mạnh thêm: Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư với những đột phá chưa từng có về trí tuệ nhân tạo và công nghệ thông tin, từ đó xây dựng “Chính phủ điện tử” là một trong nhiều biểu hiện của quá trình tăng cường tính phục vụ nhân dân một cách hiện đại nhất (dịch vụ công qua hệ thống mạng internet).

Còn một vấn đề nữa cần đề cập đó là vấn đề phân chia các quyền: lập pháp, hành pháp, tư pháp (được gọi là tam quyền phân lập). Trong các bài nói, bài viết, trong cả hành động thực tế của Hồ Chí Minh,

chúng ta không thấy Người nêu lên và áp dụng điều này. Bản thân C. Mác có nêu rằng, đến thời kỳ của chủ nghĩa xã hội thì tính chất pháp quyền tư sản vẫn còn được sử dụng. Còn đối với V.I. Lê nin, cả trong văn bản, cả trong hoạt động thực tế, không thấy ông áp dụng tam quyền phân lập.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà nước quản lý bằng bộ máy và bằng nhiều biện pháp khác nhau, nhưng quan trọng nhất là quản lý bằng pháp luật. Muốn vậy, trước hết, cần làm tốt công tác lập pháp. Hồ Chí Minh luôn chú trọng xây dựng hệ thống luật pháp dân chủ, hiện đại. Cùng với công tác lập pháp, Hồ Chí Minh cũng rất chú trọng đưa pháp luật vào trong cuộc sống, bảo đảm cho pháp luật được thi hành và có cơ chế giám sát việc thi hành pháp luật.

Một vấn đề được đặt ra trong di sản tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam là bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản đối với Nhà nước. Về bản chất, đây là một nguyên tắc vận hành của Nhà nước mới của Việt Nam thể hiện trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Ngay cả khi từ tháng 11/1945 Đảng tuyên bố tự giải tán thì Điều thứ 49 và Điều thứ 50 của Hiến pháp năm 1946 về những quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch nước cho thấy trên thực tế Đảng vẫn có trách nhiệm lãnh đạo Nhà nước thông qua nguyên thủ quốc gia Hồ Chí Minh. Hiến pháp năm 1959 không có điều nào ghi về sự lãnh đạo của Đảng như những Hiến pháp sau này, nhưng thực chất vẫn toát lên nguyên tắc Đảng có trách nhiệm lãnh đạo Nhà nước và toàn xã hội. Cần lưu ý rằng, Hồ Chí Minh chưa bao giờ xác định Nhà nước là công cụ của Đảng. Hồ Chí Minh cũng chưa bao giờ cho rằng, Cương lĩnh, điều lệ, nghị quyết, quyết định của Đảng cầm quyền cao hơn Hiến pháp và pháp luật. Hiến pháp và pháp luật vẫn có vai trò quan trọng nhất trong sự vận hành thực tế của cuộc sống. Như vậy, trong tư tưởng Hồ Chí Minh về một Nhà nước pháp quyền Việt Nam không có chỗ đứng cho cái gọi là “Đảng trị”, nghĩa là Đảng tranh quyền, soán quyền quản lý xã hội của Nhà nước. Nhất nhât, cả về lý luận và thực tiễn, sự chi phối, sự chế định tối cao cho mọi hành xử trong xã hội đều thuộc về pháp luật.

Nhà nước pháp quyền Việt Nam là Nhà nước tôn trọng, bảo đảm thực hiện đầy đủ các quyền con người. Tiếp thu và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin cũng như các lý thuyết hiện đại về quyền con người, Hồ Chí Minh tiếp cận quyền con người một cách toàn diện. Bản *Tuyên ngôn độc lập* toát lên quyền con người theo quan điểm hiện đại, vừa có tính phổ cập toàn nhân loại, vừa có giá trị lý luận và thực tiễn to lớn đối với chính thể Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Hồ Chí Minh đề cập các quyền tự nhiên của con người, trong đó quyền cao nhất là quyền sống, và liền ngay sau đó là quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc. Hồ Chí Minh cũng đề cập đến các quyền chính trị, quyền kinh tế, văn hóa, xã hội của con người. Hồ Chí Minh chú trọng quyền của công dân nói chung, đồng thời cũng chú trọng đến quyền của những nhóm người cụ thể như phụ nữ, trẻ em, người dân tộc thiểu số, v.v.. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh thể hiện rõ về một Nhà nước pháp quyền nhân nghĩa, pháp luật có tính nhân văn, khuyến thiện, đặt con người ở vị trí trung tâm, con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực cho sự phát triển xã hội Việt Nam.

Nhà nước phải phục vụ lợi ích và nguyện vọng của nhân dân, không có đặc quyền đặc lợi, phải thực sự trong sạch. Hồ Chí Minh nói: “Các công việc của Chính phủ làm phải nhắm vào một mục đích duy nhất là mưu tự do hạnh phúc cho mọi người. Cho nên Chính phủ nhân dân bao giờ cũng phải đặt quyền lợi dân lên trên hết thảy. Việc gì có lợi cho dân thì làm. Việc gì có hại cho dân thì phải tránh”¹. Theo Hồ Chí Minh, thước đo một nhà nước vì dân là phải được lòng dân. Hồ Chí Minh đặt vấn đề với cán bộ nhà nước phải làm sao cho được lòng dân, dân tin, dân mến, dân yêu, đồng thời chỉ rõ: “Muốn được dân yêu, muốn được lòng dân, trước hết phải yêu dân, phải đặt quyền lợi của dân trên hết thảy, phải có một tinh thần chí công vô tư”². Trong Nhà nước vì dân, cán bộ vừa là đầy tớ, vừa là người lãnh đạo nhân dân. Hai đòi hỏi này tưởng

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.21, 52.

chừng như mâu thuẫn, nhưng đó là những phẩm chất cần có ở cán bộ nhà nước vì dân. Là đầy tớ thì phải trung thành, tận tụy, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ. Là người lãnh đạo thì phải có trí tuệ hơn người, minh mẫn, sáng suốt, nhìn xa trông rộng, gần gũi nhân dân, trọng dụng hiền tài. Như vậy, để làm người thay mặt nhân dân phải gồm đủ cả đức và tài.

Thứ năm, về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Hồ Chí Minh kế thừa phương pháp luận của chủ nghĩa Mác khi xem xét xã hội cộng sản là kết quả vận động lịch sử tự nhiên trong sự thay thế của các hình thái kinh tế - xã hội, là bước phát triển về chất so với các xã hội trước đó. Ở nước Nga, sau khi V.I. Lê nin mất, đã trải qua nhiều thời kỳ, dần dần trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế định hình mô hình Xôviết. Việc xây dựng ở các nước xã hội chủ nghĩa sau này (hơn 10 nước) chủ yếu theo mô hình này. Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, có nhiều đảng cộng sản cầm quyền vận dụng thành công những quan điểm của V.I. Lê nin về chủ nghĩa xã hội và vận dụng được những điều phù hợp của mô hình Xôviết vào điều kiện của nước mình. Song, bên cạnh đó, nhiều đảng cũng đã vận dụng sai, rõ nhất là tư duy đốt cháy giai đoạn, duy ý chí, giáo điều, bao cấp, mệnh lệnh hành chính trong khi lý luận Mác - Lê nin luôn nhấn mạnh tính phong phú, tính sáng tạo khi xây dựng chủ nghĩa xã hội ở mỗi nước.

Hồ Chí Minh, trên thực tế, đã quán triệt sâu sắc quan điểm của V.I. Lê nin: “Chúng ta không hề coi lý luận của Mác như là một cái gì đã xong xuôi hẳn và bất khả xâm phạm; trái lại, chúng ta tin rằng lý luận đó chỉ đặt nền móng cho môn khoa học mà những người xã hội chủ nghĩa cần phải phát triển hơn nữa về mọi mặt, nếu họ không muốn trở thành lạc hậu đối với cuộc sống. Chúng tôi nghĩ rằng, những người xã hội chủ nghĩa ở Nga đặc biệt cần phải tự mình phát triển hơn nữa lý luận của Mác, vì lý luận này chỉ đề ra những nguyên lý chỉ đạo chung, còn việc áp dụng những nguyên lý ấy thì, xét riêng từng nơi,

ở Anh không giống ở Pháp, ở Pháp không giống ở Đức, ở Đức không giống ở Nga”¹. Đảng Cộng sản Việt Nam, do Hồ Chí Minh đứng đầu, đã vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin vào xây dựng chủ nghĩa xã hội và đạt được những kết quả nhất định, nhưng cũng bộc lộ những khiếm khuyết như nhiều đảng cộng sản cầm quyền khác trong cùng hệ thống, phổ biến nhất là tư duy cài tạo nóng vội nền kinh tế; xác lập hai thành phần kinh tế: Nhà nước và tập thể; xác định một cách chủ quan các bước đi; nhận thức chưa đúng về các quy luật kinh tế - xã hội có giá trị chung, không phải chỉ của riêng xã hội tư bản (kinh tế thị trường, kinh tế hàng hóa, quy luật giá trị, v.v.).

Hồ Chí Minh luôn chú ý đến hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam qua các thời kỳ để vận dụng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, và sau này là những kinh nghiệm của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác trong xây dựng đất nước. Đặc biệt là đất nước vừa có hòa bình, vừa có chiến tranh, nửa nước đang tiến hành chiến tranh giải phóng, đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội trong hoàn cảnh nước tiểu nông, kinh tế lạc hậu, Hồ Chí Minh đã vận dụng xây dựng một nền kinh tế phát triển toàn diện với hai chân (công nghiệp và nông nghiệp, trong đó nông nghiệp là nền tảng); quản lý kinh tế phù hợp với bước đi dần dần, tiến hành xây dựng xã hội mới với con người xã hội chủ nghĩa.

Trong chủ nghĩa xã hội, vấn đề xây dựng văn hóa, con người, xây dựng đạo đức được Hồ Chí Minh chú ý. Đó cũng là điều mà Hồ Chí Minh tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin để vận dụng, bổ sung, phát triển ở Việt Nam. Quan điểm trước hết phải có con người xã hội chủ nghĩa là sự bổ sung, phát triển lý luận Mác - Lênin, không phải là chủ quan duy ý chí. Con người đứng ở vị trí, vai trò chủ thể của mọi sự phát triển; đồng thời con người cũng là mục tiêu của cách mạng giải phóng trong lý luận Mác - Lênin. Điều này phải được thể hiện một cách rõ ràng, đậm nét trong xã hội xã hội chủ nghĩa. Chính vì thế, Hồ Chí Minh cùng với

1. V.I. Lênin: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.232.

Đảng lãnh đạo sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của Việt Nam, đã dành nhiều tâm huyết cho việc xây dựng văn hóa, con người, đạo đức cách mạng, coi đó là nền tảng tinh thần mà nếu không có thì không thể xây dựng được xã hội xã hội chủ nghĩa - một xã hội tốt đẹp hơn và là một nấc thang phát triển so với xã hội thuộc địa phong kiến của Việt Nam trước đây.

Đó cũng là điều mà Hồ Chí Minh bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin về xây dựng xã hội mới trong nấc thang phát triển của xã hội loài người. Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, đó là nền tảng, là cốt lõi, là bàn đạp để xây dựng xã hội mới, chứ không phải là chỉ từ kinh tế. Văn hóa, đạo đức, con người mới - đó mới chính là những nét độc đáo của Việt Nam trên con đường phát triển. Hồ Chí Minh là người khởi xướng và kiên trì quan điểm đó, vì thế mà Người luôn nhấn mạnh nhân dân phải có cơm no, áo ấm, ai cũng được học hành, rồi tiến lên nấc cao nữa là nhân dân Việt Nam phấn đấu và có quyền được sống một cuộc sống tự do, hạnh phúc. Tự do, hạnh phúc của con người bao hàm trong đó cả các giá trị đời sống vật chất được bảo đảm, dân chủ thực sự được thực thi, con người được giải phóng khỏi mọi áp bức, bất công, con người được làm chủ bản thân mình và xã hội.

Hồ Chí Minh chính là nhân vật lịch sử đặc biệt của cách mạng Việt Nam và của phong trào cộng sản, phong trào giải phóng dân tộc thế giới. Điều làm nên sự đặc biệt của Hồ Chí Minh chính là sự vận dụng sáng tạo và phát triển của Người đối với chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện thời gian, không gian phù hợp. Việc nghiên cứu làm rõ sự đặc biệt này của Hồ Chí Minh là cả một quá trình lâu dài đòi hỏi chúng ta phải khách quan, khoa học và sáng tạo trong quá trình nghiên cứu và vận dụng.

ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI, SÁNG TẠO - TỐ CHẤT MỚI BỔ SUNG, HOÀN THIỆN NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

PGS.TS. NGUYỄN DANH TIỀN*

Giữa thập kỷ 80 của thế kỷ XX, đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng. Trước thực trạng đó, trên cơ sở khảo nghiệm thực tiễn trong nước, thế giới và tiếp thu những sáng kiến của địa phương, cơ sở, với tinh thần “nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật và nói rõ sự thật”, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (tháng 12/1986) đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện, trong đó nhấn mạnh: Đổi mới phải bắt đầu từ đổi mới tư duy, trước tiên là đổi mới tư duy kinh tế. Đường lối đổi mới là kết tinh trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân, đánh dấu bước đột phá trên hành trình quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, mở đầu tư duy sáng tạo của Đảng. Căn cứ vào tình hình thực tiễn của đất nước, đường lối đổi mới tiếp tục được bổ sung, phát triển trên cơ sở kiên định mục tiêu, lý tưởng của Đảng là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

1. Đường lối đổi mới toàn diện của Đảng Cộng sản Việt Nam

Thực tiễn gần 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới chứng tỏ: Đường lối đổi mới là một cuộc cách mạng trong thời kỳ mới, một sự nghiệp thật sự

* Viện trưởng Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

sáng tạo của dân tộc Việt Nam; khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là phù hợp với thực tiễn của đất nước và xu thế phát triển của lịch sử. Những thành tựu đạt được trong gần 35 năm qua là không thể phủ nhận. Tuy nhiên, với nhiều âm mưu và thủ đoạn tinh vi, các thế lực thù địch đã xuyên tạc, bóp méo, phủ định đường lối đổi mới và *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*. Chúng phủ định chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm phá hoại nền tảng tư tưởng của Đảng; phủ nhận mục tiêu, lý tưởng của Đảng và dân tộc; hạ thấp và đi đến phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Chúng coi đường lối đổi mới và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là “mù mờ”, “thiên đường mù”, “không tưởng”; đòi tách rời và đối lập độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội. Bên cạnh đó, chúng tăng cường chống phá những vấn đề lý luận: Về thời đại ngày nay; về giai cấp, dân tộc và đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc; về đường lối phát triển kinh tế thị trường trong điều kiện toàn cầu hóa, mở cửa, hội nhập quốc tế; đường lối xây dựng và phát triển văn hóa - xã hội vì con người, đặt con người ở vị trí trung tâm; đường lối xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân... Đối với quân đội, các thế lực thù địch tăng cường thực hiện “phi chính trị hóa” quân đội, tìm cách tách quân đội ra khỏi sự lãnh đạo của Đảng; từng bước làm suy yếu bản chất cách mạng và truyền thống vẻ vang của Quân đội nhân dân Việt Nam. Đề cập đến vai trò lãnh đạo của Đảng, luận điệu của chúng là Đảng Cộng sản độc quyền lãnh đạo là “độc tài”, là “bóp nghẹt dân chủ”, “kìm hãm tự do”, vì thế phải thay bằng chế độ chính trị đa đảng. Đối với chủ trương đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng của Đảng, chúng lớn tiếng rằng: Đó chỉ là “hô khẩu hiệu”, là “đáu đá phe cánh”, là “thanh trùng nội bộ”...

Trước sự chống phá quyết liệt của các thế lực thù địch trên lĩnh vực tư tưởng, nhất là sự chống phá, phủ định đường lối đổi mới và *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, những năm gần đây, đã có nhiều bài viết, với nhiều góc độ khác nhau

nhằm làm rõ những vấn đề lý luận mới nảy sinh, như nội hàm vấn đề Đảng cầm quyền, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, dân chủ xã hội chủ nghĩa trong điều kiện Đảng cầm quyền, v.v.. Bởi đây là những vấn đề kẻ thù đang cố tình lợi dụng hòng làm thay đổi chế độ chính trị, chêch hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Bên cạnh đó, có nhiều bài viết dưới góc độ: Triết học, kinh tế học, chủ nghĩa xã hội khoa học, chính trị học, lịch sử Đảng... đã khẳng định và làm rõ tính đúng đắn của đường lối đổi mới và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trên các lĩnh vực: Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; xây dựng văn hóa và phát triển con người Việt Nam toàn diện; các chính sách xã hội vì con người; đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa; đường lối quốc phòng bảo vệ độc lập, chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và thực hiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa; đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; xây dựng Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh, xây dựng tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là đội ngũ cán bộ chủ chốt có phẩm chất đạo đức, trí tuệ, hết lòng phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân.

Bài viết này đi sâu phân tích, luận giải để làm rõ: Đường lối đổi mới, sáng tạo - tố chất mới bổ sung, hoàn thiện nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Thực tiễn sinh động 90 năm qua, kể từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, đã chứng minh một chân lý: Mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam đều bắt nguồn từ việc lựa chọn con đường cách mạng giải phóng dân tộc theo tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin. Đó là con đường cách mạng vô sản, gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội - con đường cách mạng mà như Nguyễn Ái Quốc khẳng định: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”¹. Bởi lẽ, con đường này chẳng những

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.12, tr.30.

giải phóng hoàn toàn dân tộc Việt Nam khỏi ách nô lệ của chủ nghĩa đế quốc, mà còn giải phóng nhân dân Việt Nam khỏi mọi sự áp bức, bóc lột, đưa dân tộc đến ấm no, tự do, hạnh phúc thực sự. Sự lựa chọn này vừa đáp ứng yêu cầu phát triển của dân tộc Việt Nam, vừa phù hợp với xu thế phát triển của thời đại.

Đi theo con đường cách mạng vô sản, Đảng đã lãnh đạo dân tộc ta giành độc lập, kháng chiến thắng lợi. Sau khi hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, Đảng chủ trương đưa cả nước lên chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên, đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội theo cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp đã đẩy đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng. Trước tình hình đó, trên cơ sở phân tích sâu sắc tình hình đất nước và qua quá trình tìm tòi, khảo nghiệm thực tiễn, với tinh thần “tôn trọng sự thật, nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật”¹, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (tháng 12/1986) đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện, với những nội dung cơ bản sau:

Đổi mới cơ cấu kinh tế: Xây dựng chính sách sử dụng và cải tạo đúng đắn các thành phần kinh tế theo quan điểm của V.I. Lenin “coi nền kinh tế có cơ cấu nhiều thành phần là một đặc trưng của thời kỳ quá độ”². Nhận thức và vận dụng đúng quy luật quan hệ sản xuất phải phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất. Bố trí lại cơ cấu sản xuất, điều chỉnh lại cơ cấu đầu tư, tập trung thực hiện ba chương trình kinh tế lớn: Sản xuất lương thực, sản xuất thực phẩm, sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế: Kiên quyết xóa bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp; đổi mới cơ chế kế hoạch hóa, kết hợp kế hoạch hóa với thị trường, từng bước đưa nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Phương hướng đổi mới cơ chế quản lý kinh tế là xóa bỏ tập trung quan liêu, bao cấp, xây dựng cơ chế mới phù hợp với quy luật khách quan và trình độ phát triển của nền kinh tế.

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.47, tr.269, 389-390.

Trong cơ chế quản lý đó, tính kế hoạch là đặc trưng thứ nhất và sử dụng đúng đắn quan hệ hàng hóa - tiền tệ là đặc trưng thứ hai. Thực chất của cơ chế mới về quản lý kinh tế là cơ chế kế hoạch hóa theo phương thức hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa theo đúng nguyên tắc tập trung dân chủ¹.

Đổi mới và tăng cường vai trò quản lý, điều hành của Nhà nước về kinh tế: Tăng cường bộ máy nhà nước từ Trung ương đến địa phương thành một thể thống nhất, có sự phân biệt rành mạch nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của từng cấp theo nguyên tắc tập trung dân chủ: “Phân biệt rõ chức năng quản lý hành chính - kinh tế của các cơ quan nhà nước trung ương và địa phương với chức năng quản lý sản xuất - kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở”². Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội, thực hiện cơ chế “quản lý đất nước bằng pháp luật, chứ không chỉ bằng đạo lý”³.

Đổi mới hoạt động kinh tế đổi ngoại: Đổi mới hoạt động kinh tế đổi ngoại trên cơ sở mở rộng và nâng cao hiệu quả. Mở rộng hợp tác đầu tư với nước ngoài thông qua việc công bố chính sách khuyến khích đầu tư với nhiều hình thức, nhất là những ngành đòi hỏi kỹ thuật cao và làm hàng xuất khẩu. Bên cạnh đó, tạo điều kiện cho người nước ngoài và Việt kiều về nước đầu tư, hợp tác kinh doanh.

Đổi mới tư duy lý luận và phong cách lãnh đạo của Đảng: Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng trên cơ sở nâng cao nhận thức lý luận, vận dụng đúng quy luật khách quan, khắc phục bệnh chủ quan, duy ý chí hoặc bảo thủ, trì trệ. Đổi mới bắt đầu từ đổi mới tư duy, trước tiên là đổi mới tư duy kinh tế trên cơ sở nắm vững bản chất cách mạng, khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, kế thừa tư tưởng cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đảng phải quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc”, phải nắm vững thực tiễn và không ngừng nâng cao trình độ trí tuệ và đổi mới phong cách, phương pháp làm việc.

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.47, tr.554-555.

2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.47, tr.398, 455.

Nội dung đường lối đổi mới khác căn bản so với đường lối xây dựng đất nước trước đây. Đó là sự đột phá, đánh dấu bước ngoặt trên hành trình quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Sự ra đời của đường lối đổi mới đã đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn lịch sử, chứng tỏ bản lĩnh vững vàng, tư duy sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, mở ra một thời kỳ mới cho sự phát triển của đất nước. Đường lối đổi mới đã phát huy trí tuệ, bản lĩnh của Đảng, đáp ứng yêu cầu bức thiết của cuộc sống, phù hợp với nguyện vọng của nhân dân và xu thế phát triển của thời đại nên đã khơi dậy mọi tiềm năng, thế mạnh của đất nước và huy động được sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc nhằm đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới.

2. Quá trình bổ sung, phát triển đường lối đổi mới, góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng

Trong những năm 90 của thế kỷ XX, vượt qua thách thức từ sự sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên Xô và các nước Đông Âu, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn kiên trì lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng của Đảng; đồng thời, chủ trương tiếp tục vững bước và sáng tạo trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội phù hợp với điều kiện cụ thể và đặc điểm của Việt Nam. Đảng khẳng định: “Chủ nghĩa xã hội hiện đứng trước nhiều khó khăn, thử thách, lịch sử thế giới đang trải qua những bước quanh co; song, loài người cuối cùng nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội vì đó là quy luật tiến hóa của lịch sử”¹. Vì vậy, đi lên chủ nghĩa xã hội là con đường tất yếu, là sự lựa chọn duy nhất đúng. Những kết luận đúng đắn, kịp thời của Đảng về chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa tư bản chính là cơ sở để củng cố niềm tin, định hướng chính trị đúng đắn cho cán bộ, đảng viên và nhân dân ta trước khúc quanh của lịch sử.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được thông qua tại Đại hội VII của Đảng (năm 1991) xác định xã hội

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, tr.133.

xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng gồm sáu đặc trưng và bảy phương hướng nhằm xây dựng và phát triển đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Bên cạnh đó, Đại hội thông qua *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000*. Nếu *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* “là ngọn cờ chiến đấu vì thắng lợi của sự nghiệp xây dựng đất nước Việt Nam từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, định hướng cho mọi hoạt động của Đảng hiện nay và trong những thập kỷ tới”¹, thì *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000* “là phương hướng hành động của nhân dân Việt Nam đến năm 2000 nhằm chiến thắng nghèo nàn, lạc hậu, làm giàu cho mình và cho đất nước”².

Trong quá trình triển khai thực hiện đường lối đổi mới và *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, trước những biến đổi mau lẹ của tình hình thế giới và trong nước, Đảng đã không ngừng phát triển tư duy lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đảng khẳng định: Đổi mới nhưng không “đổi màu”, không phải là từ bỏ mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, mà là làm cho chủ nghĩa xã hội được xây dựng có hiệu quả hơn, thiết thực hơn trên thực tế; trong đó, phải kết hợp chặt chẽ giữa đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, cùng với phát triển văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội.

Trên cơ sở tổng kết 25 năm đổi mới, 20 năm thực hiện *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng (năm 2011) khẳng định: công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Việt Nam đã ra khỏi tình trạng nước nghèo, kém phát triển, trở thành nước có thu nhập trung bình.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.60, tr.178.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.51, tr.193.

Đại hội thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung, phát triển năm 2011). Từ thực tiễn công cuộc đổi mới và xây dựng chủ nghĩa xã hội, Cương lĩnh khẳng định: “Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới”¹.

Trên cơ sở phân tích sâu sắc thực tiễn xây dựng và phát triển đất nước sau 25 năm tiến hành công cuộc đổi mới, Cương lĩnh đã bổ sung hai đặc trưng: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo, đồng thời, điều chỉnh nội dung 5 trong số sáu đặc trưng mà Cương lĩnh năm 1991 đã đề ra. Trong đó, mở rộng biên độ “do nhân dân làm chủ” thay cho “do nhân dân lao động làm chủ”; bỏ cụm từ “con người được giải phóng khỏi áp bức, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động”, thay vào đó là: “Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện”; điều chỉnh đặc trưng “các dân tộc trong nước phát triển toàn diện, bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ” bằng “các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng phát triển”; thay “Việt Nam có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới”, bằng “Việt Nam có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới”.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr.70.

Cương lĩnh xác định: Mục tiêu tổng quát khi kết thúc kỳ quá độ ở nước ta là xây dựng được về cơ bản nền tảng kinh tế của chủ nghĩa xã hội với kiến trúc thượng tầng về chính trị, tư tưởng, văn hóa phù hợp, tạo cơ sở để nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa ngày càng phồn vinh, hạnh phúc. Cương lĩnh nêu tầm phương hướng để xây dựng và phát triển đất nước, trong đó nhấn mạnh đến việc nắn vũng và giải quyết các mối quan hệ lớn: Quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ...

*Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) đã tổng kết sâu sắc, toàn diện quá trình tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và là bước phát triển mới cả về thực tiễn và nhận thức lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Cương lĩnh dẫn dắt sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ mới và bảo đảm cho thắng lợi của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Những đặc trưng mới được nêu ra trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)* là sự kiên định nền tảng tư tưởng của Đảng, kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền chủ nghĩa xã hội theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê nin.*

Cùng với việc khẳng định những vấn đề lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong bối cảnh mới, Đảng từng bước bổ sung, hoàn thiện đường lối đổi mới toàn diện trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Trên lĩnh vực kinh tế, Đảng không ngừng đổi mới nhận thức và tư duy lý luận về kinh tế, từ tư duy kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang tư duy kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (năm 2001), xác định: Mô hình kinh tế tổng quát trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội

ở Việt Nam là *kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*. Đó là bước đột phá lý luận cơ bản và sáng tạo của Đảng, là thành quả lý luận quan trọng của Đảng trên cơ sở tổng kết thực tiễn Việt Nam và tiếp thu, chọn lọc kinh nghiệm của thế giới. Đảng xác định: “Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Đó là nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế; có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, nhằm mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh””¹.

Nền kinh tế đó vừa chịu sự chi phối của các quy luật kinh tế thị trường khách quan, vừa bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế. Điểm mới và bước tiến trong tư duy và nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của Đảng chính là khẳng định sự “bình đẳng” và “phát triển lâu dài” của các thành phần kinh tế và khẳng định việc “thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và phân phối thông qua hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội”².

Cùng với sự đổi mới trong tư duy lý luận và đường lối kinh tế, trong chỉ đạo thực tiễn, Đảng đã kịp thời, sáng tạo và linh hoạt điều chỉnh chính sách kinh tế phù hợp với thực tiễn đất nước và xu thế phát triển của thời đại; khơi dậy, phát huy mọi tiềm năng, thế mạnh của đất nước và các thành phần kinh tế cũng như sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Thực tiễn gần 35 năm đổi mới đã khẳng định: Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là sự vận dụng, phát triển sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam về kinh tế thị trường - loại

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.102, 74.

hình kinh tế phổ biến của xã hội loài người vào thực tiễn Việt Nam, nhằm phát huy cao độ vai trò tích cực của kinh tế thị trường; đồng thời, hạn chế tối đa những khuyết tật, mặt trái của kinh tế thị trường trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Định hướng xã hội chủ nghĩa là tính chất, thuộc tính của nền kinh tế thị trường mà Việt Nam đang xây dựng. Định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam phản ánh mục tiêu, phương thức phát triển, cơ chế quản lý và phương thức phân phối của nền kinh tế nhằm khai thác tối đa mặt tích cực, lợi thế của kinh tế thị trường; đồng thời, hạn chế, khắc phục mặt trái, khuyết điểm khuyết của kinh tế thị trường phục vụ lợi ích của mọi người dân, hướng đến thực hiện các mục tiêu của chủ nghĩa xã hội. Thực tiễn cũng chứng minh rằng, sự nỗ lực, sáng tạo và trung thành với lợi ích chung của nhân dân lao động của Đảng, Nhà nước, nhân dân Việt Nam chính là bản chất xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế.

Cùng với những đổi mới, sáng tạo về xây dựng và phát triển kinh tế, Đảng không ngừng đổi mới tư duy lý luận và đường lối văn hóa, với việc xác định xây dựng *nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc* là một trong những đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Bên cạnh đó, Đảng nhấn mạnh, phát triển văn hóa đồng bộ và tương xứng với tăng trưởng kinh tế; xây dựng văn hóa và con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc đổi mới; phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là động lực phát triển kinh tế - xã hội; đầu tư cho giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là đầu tư cho phát triển. Vấn đề xã hội là lĩnh vực được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm, thể hiện sự ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa. Quan điểm cốt lõi về chính sách xã hội của Đảng được thể hiện ở những điểm sau: Chính sách xã hội vì con người, lấy con người là trung tâm, là sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Mục tiêu xây dựng và thực hiện chính sách xã hội là xây dựng một xã hội dân chủ,

công bằng, tiến bộ, văn minh, trong đó nhân dân được hưởng cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Kết hợp tăng trưởng kinh tế với thực hiện công bằng và tiến bộ xã hội ngay trong từng bước đi, từng chính sách, ở quy mô quốc gia, địa phương và cơ sở. Thực hiện chính sách phát triển bao trùm để mọi người dân đều được hưởng trực tiếp và công bằng các thành tựu của phát triển và không ai bị bỏ lại phía sau. Phát triển văn hóa, xã hội hài hòa với phát triển kinh tế. Tiến hành xã hội hóa việc thực hiện chính sách xã hội, trong đó Nhà nước có vai trò nòng cốt; đồng thời, đa dạng hóa các chính sách xã hội phù hợp với nhu cầu của xã hội hiện đại đi đôi với tập trung nguồn lực cho các chính sách trọng yếu, như việc làm, xóa đói, giảm nghèo, đền ơn, đáp nghĩa, bảo hiểm và cứu trợ xã hội.

Lĩnh vực đối ngoại thể hiện rõ những đổi mới và sự sáng tạo, linh hoạt trong tư duy lý luận và chỉ đạo thực tiễn. Trước xu thế toàn cầu hóa và sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ, đặc biệt là cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, để khẳng định vị thế của đất nước, Đảng và Nhà nước chủ trương Việt Nam sẵn sàng “là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế”¹, tích cực tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển, Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương “thực hiện đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế”² nhằm hội nhập sâu rộng với thế giới. Tuy nhiên, Đảng nhấn mạnh nguyên tắc “hội nhập” nhưng không “hòa tan”; tiếp biến những tinh hoa của toàn nhân loại, song vẫn bảo đảm những giá trị cốt lõi của dân tộc để phát triển bền vững đất nước.

Trong bối cảnh mới, khái niệm và nội hàm “bảo vệ Tổ quốc” được Đảng xác định đầy đủ hơn, bao gồm: *Kiên quyết, kiên trì bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ vững chắc biên giới và chủ quyền biển, đảo, vùng trời Tổ quốc; bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa,*

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr.153.

bảo vệ thành quả cách mạng, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân; bảo vệ kinh tế, văn hóa dân tộc, bảo vệ sự nghiệp đổi mới. Trong tình hình phức tạp hiện nay, Đảng chủ trương *càng phải kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội*. Bởi độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là mục tiêu xuyên suốt của cách mạng Việt Nam, là con đường duy nhất đúng mà Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam đã lựa chọn. Trong mối quan hệ biện chứng đó, độc lập dân tộc là mục tiêu, tiền đề và là điều kiện tiên quyết để xây dựng chủ nghĩa xã hội, không có độc lập dân tộc thì không thể xây dựng chủ nghĩa xã hội; còn xây dựng chủ nghĩa xã hội là nhằm tăng cường nguồn lực vật chất - kỹ thuật ngày càng dồi dào hơn, tạo cơ sở, nền tảng vững chắc để giữ vững độc lập dân tộc.

Đối với công tác xây dựng Đảng, Đảng chủ trương phát huy bản lĩnh, trí tuệ và truyền thống đoàn kết, tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; kiên trì bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; kế thừa và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện cách mạng mới; trong đó, tiếp tục tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ và đội ngũ đảng viên; chú trọng vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là những người đứng đầu, giữ trọng trách trong các cơ quan Đảng và Nhà nước; giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, thường xuyên tự phê bình và phê bình, thực hiện nghiêm minh kỷ cương, kỷ luật Đảng, pháp luật của Nhà nước; phát huy dân chủ, công khai, minh bạch; kiên trì, kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí và tiêu cực. Đảng khẳng định: Xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, có ý nghĩa sống còn trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng; thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn là quy luật tồn tại và phát triển của Đảng; tăng cường đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; ngăn chặn, đẩy lùi những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Bên cạnh đó, Đảng chủ trương tăng cường đổi mới hệ thống chính trị, tập trung xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thực sự của nhân dân,

do nhân dân và vì nhân dân; bảo đảm quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Đồng thời, đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể quần chúng nhân dân.

Như vậy, quá trình đổi mới ở Việt Nam là quá trình vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh trên những vấn đề căn bản có tầm chiến lược của cách mạng, trong đó, vấn đề hàng đầu là kiên định và nhận thức đúng đắn về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong điều kiện mới của thời đại và hoàn cảnh mới của đất nước. Năm vũng ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là bài học xuyên suốt tiến trình cách mạng Việt Nam và cũng là kinh nghiệm thành công của công cuộc đổi mới.

Việc không ngừng đổi mới tư duy lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam cũng như sự đổi mới đường lối phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị cùng sự sáng tạo, linh hoạt trong chỉ đạo thực tiễn của Đảng là nhân tố quyết định tạo nên những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trong sự đổi mới. Sau gần 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới, từ một đất nước với cơ sở vật chất - kỹ thuật, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội lạc hậu, trình độ thấp, đến nay Việt Nam đã vươn mình trở thành nước đang phát triển, có thu nhập trung bình; nhân dân có cuộc sống tốt đẹp hơn; khối đại đoàn kết toàn dân tộc không ngừng được củng cố; chính trị, xã hội ổn định, quốc phòng - an ninh được giữ vững; độc lập, chủ quyền được bảo đảm; vị thế và uy tín của đất nước ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế. Đặc biệt, đến hết năm 2019, tăng trưởng kinh tế đạt 7,02%; công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị có bước đột phá; công cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng đạt hiệu quả tích cực; Việt Nam lần thứ hai được bầu với số phiếu gần như tuyệt đối, trở thành Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, nâng tầm vị thế đất nước trên trường quốc tế.

Với những thành tựu đạt được, có thể thấy, chưa bao giờ Việt Nam có cơ đồ, uy tín và vị thế như ngày nay.

*

* * *

Có thể nói, đường lối đổi mới đã đáp ứng được những đòi hỏi bức thiết của tình hình đất nước, phù hợp với xu thế phát triển của thời đại; có ý nghĩa như một cuộc cách mạng trong thời kỳ mới, một sự nghiệp thật sự sáng tạo của dân tộc Việt Nam; khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là phù hợp với thực tiễn của đất nước và xu thế phát triển của lịch sử. Đó chính là tố chất mới bổ sung và hoàn thiện nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam trên cơ sở kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; là yếu tố quyết định, tạo nên những kỳ tích trên đất nước Việt Nam, tạo cơ sở và nền tảng để xây dựng một nước Việt Nam hùng cường, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VỀ XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG TRONG ĐIỀU KIỆN MỘT ĐẢNG DUY NHẤT CẦM QUYỀN, NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỞNG VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ

PGS.TS. LÂM QUỐC TUẤN*

Trong những năm qua, một trong những trọng điểm chống phá của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam là phủ nhận, xuyên tạc vai trò lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam bằng nhiều phương thức, thủ đoạn khác nhau, với mục tiêu làm suy giảm uy tín của Đảng trước nhân dân, thúc đẩy “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Trong bối cảnh hiện nay, việc nhận diện và đấu tranh phản bác những quan điểm sai trái, thù địch xuyên tạc sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam là rất cần thiết.

1. Nhận diện các quan điểm sai trái xuyên tạc, vu cáo Đảng ta

Hiện nay, các quan điểm sai trái, thù địch chống phá nền tảng tư tưởng của Đảng cũng như sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng rất đa dạng, về cơ bản gồm các nhóm chủ yếu: (1) Nhóm quan điểm, tư tưởng gắn liền với chủ nghĩa tự do mới; (2) Nhóm quan điểm, tư tưởng gắn liền với chủ nghĩa xã hội dân chủ; (3) Nhóm quan điểm, tư tưởng gắn liền với

* Phó Viện trưởng Viện Xây dựng Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

chủ nghĩa hư vô lịch sử với nội dung và mục đích phủ định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, phủ định chủ nghĩa Mác - Lênin và phủ định sự lãnh đạo của Đảng; (4) Nhóm quan điểm, tư tưởng gắn liền với chủ nghĩa bảo thủ mới; (5) Nhóm quan điểm, tư tưởng gắn liền với chủ nghĩa phục cổ; (6) Nhóm quan điểm, tư tưởng xuất phát từ chủ nghĩa chiết trung. Riêng nhóm quan điểm sai trái, thù địch xuyên tạc, phủ nhận sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng phổ biến có các loại quan điểm sau: (1) Xuyên tạc lịch sử, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam; (2) Phủ nhận, xuyên tạc nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; cho rằng, chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đã lỗi thời về lịch sử, việc Đảng Cộng sản Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng là bảo thủ, giáo điều!; (3) Xuyên tạc Cương lĩnh, đường lối, chủ trương của Đảng; (4) Cho rằng, “một đảng duy nhất cầm quyền tất yếu dẫn đến trì trệ, quan liêu, tham nhũng, suy thoái, mất dân chủ!”. Họ lập luận rằng, chế độ và thể chế chính trị một đảng cầm quyền chính là mảnh đất tốt cho sự nảy sinh, dung dưỡng và phát triển tư tưởng và hành vi chuyên quyền, độc quyền, từ đó dẫn đến sự lộng hành quyền lực của bản thân đảng cầm quyền, gây mất dân chủ, làm rối loạn chính trị, bế tắc kinh tế, cản trở quá trình phát triển xã hội, từ đó họ quy kết, “ở quốc gia mà chỉ có một đảng duy nhất lãnh đạo như Việt Nam thì không có dân chủ, sẽ đưa đất nước, dân tộc đi vào ngõ cụt”. Vì vậy, theo họ, “từ bỏ độc quyền lãnh đạo là vấn đề căn bản vì đó là then chốt của chế độ dân chủ”; muốn dân chủ phải thực hiện chế độ đa nguyên, đa đảng; (5) Xuyên tạc các nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt đảng nhằm chia rẽ nội bộ Đảng ta, cho rằng, “thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ chỉ dẫn đến tập trung quan liêu, độc tài, mất dân chủ!”; (6) Lợi dụng những khó khăn, hạn chế của chúng ta, hay lợi dụng tình trạng có một số đảng viên có chức quyền tham nhũng, quan liêu để qua đó nói xấu, xuyên tạc bản chất của Đảng, cho Đảng ta là quan liêu, tham nhũng, xa dân, không vì lợi ích của nhân dân; (7) Lợi dụng một số cán bộ cố ý làm trái các quy định của pháp luật, gây hậu quả

nghiêm trọng và việc xử lý đôi khi còn chưa kịp thời để “chụp mũ” rằng, “Đảng Cộng sản Việt Nam đứng trên pháp luật”, rằng xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam chỉ là “mị dân”! Mục tiêu của các thế lực thù địch là tập trung hướng vào nội bộ ta, tìm mọi hình thức tinh vi hoặc trắng trợn, công khai hoặc bí mật, ráo riết làm cho nội bộ không ổn định, luôn gieo rắc ngờ vực, nghi kỵ, giảm sút lòng tin hòng gây chia rẽ, lục đục nội bộ. Đặc biệt, chúng xuyên tạc trong nội bộ Đảng vẫn duy trì chế độ tập trung dân chủ, mà hầu hết các đảng cộng sản trên thế giới đã từ bỏ, vì thế, thực chất, sự tập trung quyên lực bao giờ cũng đưa tới chỗ triệt tiêu dân chủ; đòi xóa bỏ Điều 4 trong Hiến pháp, “Đảng là cản trở của nền dân chủ” nên kiến nghị đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng theo hướng “Đảng chỉ nên lãnh đạo tư tưởng, đạo đức, lối sống và định hướng chung chung”, “không lãnh đạo kinh tế, văn hóa, không lãnh đạo lực lượng vũ trang”..., đó là công việc của Nhà nước. Đây là thủ đoạn dọn đường cho sự hình thành tư tưởng đa nguyên chính trị, phi chính trị hóa quân đội để vô hiệu hóa vai trò lãnh đạo của Đảng...

2. Đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch về Đảng và vai trò lãnh đạo của Đảng - tiếp cận từ quan điểm của Đảng về xây dựng Đảng trong điều kiện một đảng cầm quyền, kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế

Khi Đảng Cộng sản Việt Nam đã trở thành Đảng cầm quyền, lãnh đạo xã hội và Nhà nước để đi tới mục tiêu và thực hiện lý tưởng của chủ nghĩa xã hội, thì vấn đề xây dựng nền dân chủ, bảo đảm quyền dân chủ và làm chủ của nhân dân lao động trở thành một trong những vấn đề cơ bản, cốt yếu của chế độ. Tất cả mọi khó khăn, phức tạp đặt ra trong việc xây dựng thể chế dân chủ xã hội chủ nghĩa là ở chỗ: đảm bảo thực chất chế độ ủy quyền của nhân dân, ngăn chặn nguy cơ suy thoái và biến dạng của chế độ ủy quyền đó bởi tình trạng quan liêu trong thể chế Đảng và Nhà nước, quan liêu đi liền với tham nhũng, thói vô trách nhiệm, lộng quyền và lạm quyền, xa rời nhân dân, làm tổn hại tới lợi ích

của dân và đối lập với dân; đảm bảo dân chủ trong sinh hoạt đảng của toàn Đảng, tuân thủ nghiêm ngặt chế độ tập trung dân chủ trong Đảng và trong Nhà nước là điều kiện để đảm bảo dân chủ của nhân dân trong xã hội... Chính vì vậy, để góp phần đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch xuyên tạc, vu cáo Đảng ta, điều quan trọng là chúng ta xây dựng được hệ thống lý luận khoa học về Đảng cầm quyền và nội dung cầm quyền của Đảng một cách khoa học trong điều kiện một đảng duy nhất cầm quyền, nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Đây là đòi hỏi khách quan, quan trọng hàng đầu đối với Đảng ta trong giai đoạn hiện nay.

Có thể thấy, quan điểm của Đảng ta về xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong điều kiện một đảng duy nhất cầm quyền, kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế qua những phương diện chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, khẳng định xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt nhằm làm cho Đảng hoàn thành tốt sứ mệnh lịch sử của mình trước dân tộc và nhân dân. Thực tiễn phong phú, sinh động của cách mạng Việt Nam trong 90 năm qua đã chứng tỏ, sự lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng, lập nên nhiều kỳ tích trên đất nước Việt Nam. Thực tiễn đó khẳng định một chân lý: Ở Việt Nam, không có một lực lượng chính trị nào khác, ngoài Đảng Cộng sản Việt Nam có đủ bản lĩnh, trí tuệ, kinh nghiệm, uy tín và khả năng lãnh đạo đất nước vượt qua mọi khó khăn, thử thách, đưa sự nghiệp cách mạng của dân tộc ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Thực tiễn này vừa phủ nhận mọi mưu đồ hòng phủ nhận, xuyên tạc vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với cách mạng Việt Nam, vừa cho thấy để Đảng hoàn thành sứ mệnh và trọng trách lịch sử của mình trước đất nước và dân tộc trong từng giai đoạn khác nhau, Đảng cần phải đặc biệt coi trọng việc tự xây dựng, tự chỉnh đốn. Thực tiễn cho thấy, “để giải quyết tất cả các vấn đề của Việt Nam”, vấn đề không phải là “đa nguyên đa đảng” cũng như từ bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, mà là bảo đảm sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam trên cơ sở xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Trong điều kiện một đảng duy nhất cầm quyền thì “giải quyết tất cả vấn đề của Việt Nam then chốt là ở Đảng”. Do đó, phải luôn coi trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Văn kiện Đại hội VII của Đảng chỉ rõ: “Để lãnh đạo thắng lợi công cuộc đổi mới cũng như toàn bộ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, Đảng ta phải tự đổi mới và chỉnh đốn để có kiến thức, năng lực và sức chiến đấu mới, khắc phục có hiệu quả các hiện tượng tiêu cực và các mặt yếu kém, khôi phục và nâng cao uy tín của Đảng trong nhân dân. Đảng phải được xây dựng vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức, thực sự là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc”¹. Đến Đại hội VIII, Đảng ta chỉ rõ: “Trong giai đoạn hiện nay lãnh đạo kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt”². *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)* xác định xây dựng, chỉnh đốn Đảng là một trong tám phương hướng cơ bản trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII nhấn mạnh hơn nữa nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng khi chỉ rõ: “Trong những năm tới, yêu cầu, nhiệm vụ nặng nề của thời kỳ phát triển mới đòi hỏi phải đẩy mạnh hơn nữa công tác xây dựng Đảng, trọng tâm là kiên quyết, kiên trì tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI”³; phải “xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức”⁴.

Thứ hai, giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng là nhiệm vụ có ý nghĩa quan trọng hàng đầu đối với Đảng ta, cũng là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Mục tiêu chiến lược của các thế lực thù địch là thông qua nhiều phương thức nhằm làm cho Đảng Cộng sản Việt Nam không còn giữ được bản chất giai cấp công nhân, từ đó mất vai trò lãnh đạo và

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.51, tr.119.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.55, tr.362.

3, 4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.198-199, 220.

cầm quyền. Cụ thể là: (1) Đòi hỏi Việt Nam từ bỏ mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; (2) Cho rằng, việc Đảng Cộng sản Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng là một sai lầm, là bảo thủ, giáo điều. Bởi lẽ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đã trở nên lỗi thời về lịch sử!; (3) Xuyên tạc nguyên tắc tập trung dân chủ, mưu đồ muốn Đảng Cộng sản Việt Nam từ bỏ nguyên tắc tập trung dân chủ; (4) Vu cáo, xuyên tạc Đảng Cộng sản Việt Nam và đội ngũ cán bộ không còn đại diện cho lợi ích của quần chúng nhân dân, cho rằng Đảng chỉ là một nhóm lợi ích!

Trước những mưu đồ, thủ đoạn của các thế lực thù địch cũng như xuất phát từ bản chất giai cấp công nhân của mình, Đảng luôn nhấn mạnh vấn đề giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng, coi đây là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Đảng Cộng sản Việt Nam cho rằng, phương hướng để giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng là: kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định và vận dụng sáng tạo, góp phần phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, xuất phát đầy đủ từ thực tiễn Việt Nam, trên cơ sở đó xây dựng đường lối, chủ trương và các chính sách đúng đắn; giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, thường xuyên tự phê bình và phê bình, giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng; thường xuyên giáo dục, bồi dưỡng lập trường, quan điểm, ý thức tổ chức của giai cấp công nhân; xây dựng đội ngũ cán bộ và đảng viên theo quan điểm của giai cấp công nhân; củng cố mối quan hệ gắn bó mật thiết với nhân dân, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân; chăm lo đời sống, thực sự phát huy quyền làm chủ của nhân dân; trung thành với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại¹.

Đảng Cộng sản Việt Nam cho rằng, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là sự lựa chọn duy nhất đúng đắn của dân tộc Việt Nam, đáp ứng

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.55, tr.416.

nhu cầu của dân tộc và nhân dân cũng như phù hợp với xu thế của thời đại. Kiên trì và trung thành với con đường này cũng chính là sự thể hiện tập trung nhất bản chất giai cấp công nhân của Đảng. Do đó, cần phải nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. “Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội là cơ sở bảo đảm vững chắc cho độc lập dân tộc”¹. Luận điệu xuyên tạc cho rằng “Việt Nam kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là đi theo vết xe đổ của Liên Xô” là hư vô lịch sử. Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định: Sự sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu không đồng nghĩa với sự thất bại của chủ nghĩa Mác - Lênin. Chủ nghĩa Mác - Lênin vẫn giữ nguyên tính cách mạng, khoa học và nhân văn cũng như giá trị bền vững của nó, vẫn là vũ khí để giai cấp công nhân và nhân dân lao động trên toàn thế giới cải tạo xã hội cũ, xây dựng một xã hội mới nhân đạo và hoàn bị hơn. Do đó, Đảng phải nắm vững, vận dụng sáng tạo, góp phần phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, không ngừng làm giàu trí tuệ, nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực tổ chức để đủ sức giải quyết các vấn đề do thực tiễn cách mạng đặt ra.

Thứ ba, trong điều kiện một đảng duy nhất cầm quyền, nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng phải hướng đến yêu cầu là “Đảng lãnh đạo và cầm quyền một cách khoa học”. Tuy trong các văn kiện và nghị quyết, Đảng chưa sử dụng thuật ngữ “lãnh đạo và cầm quyền theo khoa học” song từ thực tiễn công tác xây dựng Đảng, có thể thấy, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn nhấn mạnh một mục tiêu, yêu cầu của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đó là làm cho Đảng lãnh đạo và cầm quyền theo khoa học. Cốt lõi của lãnh đạo và cầm quyền theo khoa học là hoạt động lãnh đạo, cầm quyền của Đảng phải theo đúng quy luật khách quan. Việc lãnh đạo và cầm quyền theo quy luật khách quan có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với năng lực lãnh đạo và cầm quyền của Đảng. Để lãnh đạo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Sđd, tr.65.*

và cầm quyền theo khoa học, Đảng Cộng sản Việt Nam nhấn mạnh những vấn đề cốt lõi sau:

- Kiên định chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh trên cơ sở vận dụng sáng tạo và bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh cũng như coi trọng nghiên cứu lý luận. Tính khoa học trong lãnh đạo, cầm quyền của Đảng trước tiên thể hiện ở việc Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, cơ sở lý luận với tư cách kim chỉ nam cho sự nhận thức và hoạt động thực tiễn của Đảng. Linh hồn, hạt nhân cốt lõi làm nên giá trị và sức sống của chủ nghĩa Mác - Lê nin, như Hồ Chí Minh đã chỉ rõ, là phương pháp biện chứng duy vật. Để đảm bảo tính khoa học trong lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, Đảng yêu cầu, *một mặt*, cần kiên trì và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; *mặt khác*, Đảng yêu cầu “làm rõ những giá trị bền vững của chủ nghĩa Mác - Lê nin, những vấn đề cần bổ sung và phát triển cho phù hợp với thực tiễn đất nước và thời đại; đẩy mạnh nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh gắn với triển khai sâu rộng, có hiệu quả việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Để góp phần đảm bảo tính khoa học trong lãnh đạo, cầm quyền, Đảng còn nhấn mạnh việc tăng cường nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn nhằm góp phần cung cấp luận cứ cho việc hoạch định chủ trương, đường lối. Ngoài ra, Đảng còn nhấn mạnh việc tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại cũng như nghiên cứu những học thuyết khác ngoài chủ nghĩa Mác - Lê nin. Nghị quyết số 01-NQ/TW, ngày 28/3/1992 của Bộ Chính trị (khóa VII) về “Công tác lý luận trong giai đoạn hiện nay” đã chỉ rõ: “Đối với những học thuyết khác - ngoài chủ nghĩa Mác - Lê nin - về xã hội, cần được nghiên cứu trên quan điểm khách quan, biện chứng. Kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa giáo điều cũng như chủ nghĩa xét lại, chủ nghĩa cơ hội dưới mọi màu sắc”¹.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.52, tr.23.

- Đổi mới phong cách lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với Nhà nước. Để tăng cường tính khoa học trong lãnh đạo và cầm quyền, trên cơ sở đảm bảo vai trò lãnh đạo, cầm quyền duy nhất của Đảng đối với Nhà nước, Đảng luôn nhấn mạnh việc phân định chức năng của Đảng đối với Nhà nước cũng như đổi mới phong cách lãnh đạo, phong cách cầm quyền đối với Nhà nước. Đảng chỉ rõ: “Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng đường lối, quan điểm, các nghị quyết; lãnh đạo thể chế hóa, cụ thể hóa thành *Hiến pháp*, pháp luật; bố trí đúng cán bộ và thường xuyên kiểm tra việc tổ chức thực hiện. Đảng lãnh đạo nhưng không bao biện, làm thay Nhà nước; trái lại, phát huy mạnh mẽ vai trò chủ động, sáng tạo của Nhà nước trong quản lý đất nước và xã hội”¹.

- Luôn nhấn mạnh việc xây dựng, hoạch định được đường lối, chính sách đúng đắn. Với tư cách đảng cầm quyền, Đảng Cộng sản thực hiện sự lãnh đạo toàn diện đối với xã hội thông qua đường lối, chính sách phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội... của mình. Do vậy, việc xây dựng đường lối, chính sách đúng đắn, khoa học của Đảng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Từ vị trí của đảng cầm quyền và để chống nguy cơ sai lầm về đường lối, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn nhấn mạnh quan điểm thực tiễn cũng như phương châm “nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật”, “tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan”. Chính việc thấm nhuần quan điểm thực tiễn, “thực sự cầu thị”, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan mà Đảng đã lãnh đạo đất nước đạt được thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử sau gần 35 năm đổi mới.

- Để lãnh đạo và cầm quyền một cách khoa học, Đảng còn nhấn mạnh việc xây dựng tổ chức bộ máy của Đảng, hệ thống chính trị về tổ chức bộ máy và công tác cán bộ một cách phù hợp nhằm đáp ứng yêu cầu của tình hình mới.

Thứ tư, trong điều kiện một đảng duy nhất cầm quyền, nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng phải

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.65, tr.164.

huống đến yêu cầu làm cho Đảng “lãnh đạo và cầm quyền một cách dân chủ”. Các thế lực thù địch vu cáo, xuyên tạc rằng, chế độ và thể chế chính trị một đảng duy nhất cầm quyền chính là mảnh đất tốt cho sự nảy sinh, dung dưỡng và phát triển tư tưởng và hành vi chuyên quyền, độc quyền, từ đó dẫn đến sự lộng hành quyền lực của bản thân đảng cầm quyền, gây mất dân chủ, làm rối loạn chính trị, bế tắc kinh tế, cản trở quá trình phát triển xã hội, từ đó họ quy kết, ở quốc gia mà chỉ có một đảng duy nhất lãnh đạo như Việt Nam thì không có dân chủ, sẽ đưa đất nước, dân tộc đi vào ngõ cụt. Vì vậy, theo họ từ bỏ độc quyền lãnh đạo là vấn đề căn bản vì đó là then chốt của chế độ dân chủ; muốn dân chủ phải thực hiện chế độ đa nguyên, đa đảng.

Trước vấn đề này, Đảng ta cho rằng, chế độ một đảng cầm quyền không đồng nghĩa với mất dân chủ. Dân chủ hay không dân chủ không phụ thuộc vào số lượng các đảng chính trị, vào việc có áp dụng hay không áp dụng chế độ đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập. Trong từng thời điểm cụ thể, nhà nước nói riêng và xã hội nói chung đều phải do một đảng lãnh đạo. Có hay không có dân chủ, dân chủ được thực hiện ở trình độ cao hay thấp, tất cả phụ thuộc vào bản chất của đảng cầm quyền, chứ không phụ thuộc vào số lượng nhiều hay ít các đảng phái chính trị. Trong các nước xã hội chủ nghĩa, đảng cộng sản là tổ chức thực hiện sự thống trị của giai cấp vô sản, cho nên sự lãnh đạo của đảng cộng sản đối với hệ thống chính trị là điều đương nhiên. Điều đó được thể hiện ở đường lối, chính sách của Đảng về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội được thể chế hóa trong toàn bộ Hiến pháp và pháp luật. Đảm bảo sự lãnh đạo của đảng cộng sản là nguyên tắc cơ bản trong tổ chức và phát triển của nhà nước xã hội chủ nghĩa, cũng là nhân tố cơ bản để bảo đảm dân chủ. Ở Việt Nam, thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân là bản chất, là quy luật hình thành, phát triển và tự hoàn thiện của Nhà nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Từ khi ra đời đến nay, Đảng là nhân tố đảm bảo cho mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Đó không phải là ý chí chủ quan về chính trị

mà là một tất yếu khách quan của lịch sử. Mọi mưu toan hạ thấp vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản là trái với yêu cầu khách quan của quá trình phát triển đất nước và nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Trên thực tế, Đảng Cộng sản Việt Nam là người đại diện chân chính duy nhất cho lợi ích và nguyện vọng của nhân dân lao động trong cuộc đấu tranh bảo vệ quyền sống, quyền tự do, dân chủ và hạnh phúc. Ngoài Đảng Cộng sản, không một đảng phái hoặc một lực lượng chính trị nào có thể đưa ra được cương lĩnh, đường lối cho cách mạng Việt Nam, có thể đồng thời giải quyết hai mục tiêu dân tộc và dân chủ, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội¹.

Trong thực tiễn, những thành tựu trong đảm bảo và thực hiện dân chủ ở Việt Nam là không thể phủ nhận. Đảng luôn nhấn mạnh nguyên tắc lãnh đạo và cầm quyền một cách dân chủ, coi đây là một trong những yêu cầu cơ bản, cốt lõi trong công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, chủ yếu được thể hiện ở chỗ: (1) Nhấn mạnh phát huy dân chủ trong Đảng cũng như thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ. Nhận thức sâu sắc vai trò của thực hành dân chủ đối với một đảng n้อม trọng trách cầm quyền, Đảng ta đã xác định phải phát huy dân chủ trong sinh hoạt đảng, từ chi bộ, cấp ủy ở cơ sở đến Ban Chấp hành Trung ương, trong công tác cán bộ cũng như trong việc xây dựng và hoàn thiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng; (2) Đảng lãnh đạo nhưng không ở ngoài dân và đứng trên dân mà ở trong dân, gắn bó mật thiết với nhân dân, chịu trách nhiệm trước dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng, chịu sự giám sát của nhân dân, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật; (3) Khẳng định “dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước”. Xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm dân chủ được thực hiện trong thực tế cuộc sống ở mỗi cấp, trên tất cả

1. Xem Tô Huy Rứa: “Phải chăng chế độ một đảng cầm quyền là mất dân chủ”, tạp chí Quốc phòng toàn dân, ngày 04/12/2011.

các lĩnh vực. Mọi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phải xuất phát từ nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, được nhân dân tham gia ý kiến. Bảo đảm để nhân dân tham gia ở tất cả các khâu của quá trình đưa ra những quyết định liên quan đến lợi ích, cuộc sống của nhân dân, từ nêu sáng kiến, tham gia thảo luận, tranh luận đến giám sát quá trình thực hiện; (4) Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và những thành tựu quan trọng trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam đã từng bước đảm bảo tốt dân chủ trên các lĩnh vực; (5) Nhấn mạnh và thực hiện đảng cầm quyền nhưng không phải tự mình biến thành Nhà nước, một mình nắm chính quyền và làm thay công việc của Nhà nước; (6) Phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, báo chí và các tầng lớp nhân dân trong xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Tất cả những điều nói trên cho thấy, quan điểm cho rằng một đảng duy nhất cầm quyền là lực cản của dân chủ là thiếu căn cứ. Trái lại, với việc nhấn mạnh lãnh đạo và cầm quyền một cách dân chủ, Đảng Cộng sản Việt Nam đã và đang không ngừng đảm bảo tốt quyền làm chủ của nhân dân.

Thứ năm, trong điều kiện một đảng duy nhất cầm quyền, nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng phải góp phần làm cho Đảng “lãnh đạo và cầm quyền theo pháp luật”. Lợi dụng thiếu sót, hạn chế trong thực tiễn, một số quan điểm sai trái, xuyên tạc cho rằng, ở Việt Nam pháp luật chỉ được dùng cho “dân”, mà không phải cho “Đảng và đội ngũ cán bộ của Đảng”! Do đó, nếu nói xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân chỉ là “mì dân”! Có thể nói, những thiếu sót, yếu kém trong việc thực thi pháp luật là điều không thể tránh khỏi. Điều này xảy ra ở mọi nhà nước, mọi chế độ chính trị. Chính vì thế, không thể từ một số hiện tượng riêng lẻ để vu cáo Đảng Cộng sản Việt Nam và đội ngũ cán bộ, đảng viên “đứng trên pháp luật”. Nội hàm cơ bản của pháp quyền là: (1) Xã hội có một khung khổ “pháp luật tốt”; (2) Sự độc lập của hệ thống tư pháp; (3) Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật, bất cứ

người nào, bất cứ tổ chức nào đều chịu sự điều chỉnh của pháp luật; (4) Sự tự do, bình đẳng và quyền công dân đều được tôn trọng và bảo đảm một cách đầy đủ; (5) Pháp luật là chuẩn tắc cao nhất trong quản trị quốc gia, tất cả hoạt động của khu vực công đều phải theo pháp luật; (6) Sự tôn trọng và thừa nhận rộng rãi của mọi người đối với pháp luật. Pháp quyền nhấn mạnh hơn sự chế ước có hiệu quả của pháp luật đối với tổ chức công (bao gồm đảng cầm quyền), nhấn mạnh việc dùng luật để “quản quyền lực”, “quản người” và “quản việc”¹.

Chủ trương và thực tiễn về lãnh đạo và cầm quyền theo pháp luật của Đảng Cộng sản Việt Nam là cơ sở quan trọng để phản bác các quan điểm sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch. Có thể từ những phương diện sau để thấy rõ điều này:

1) Nhận thức rõ giá trị và tầm quan trọng của pháp quyền và nhà nước pháp quyền trong đảm bảo dân chủ, quyền con người và quyền công dân, Đảng Cộng sản Việt Nam đã sớm có chủ trương về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; đồng thời coi đây là một trong tám phương hướng lớn trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

2) Nhận thức rõ để nội hàm thực chất của pháp quyền được thể hiện trong thực tế, Cương lĩnh của Đảng chỉ rõ: “Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là một bộ phận của hệ thống ấy. Đảng liên hệ mật thiết với nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật”². Điều lệ Đảng và Văn kiện Đại hội X tiếp tục chỉ rõ: “Đảng lãnh đạo, tôn trọng và phát huy vai trò của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội; hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật”³; Đảng phải “hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật”⁴. Theo đó, các tổ

1. Xem Nguyễn Trọng Bình: *Hành chính công và quản trị công - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2018.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, tr.51, tr.147.

3, 4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, tr.60, tr.412.

chức đảng và mọi đảng viên của Đảng phải đi tiên phong, gương mẫu trong việc tuân theo và chấp hành Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước. Đảng cho rằng, lãnh đạo và cầm quyền theo pháp luật là điều kiện bảo đảm ngăn chặn sự tha hóa của quyền lực, bảo đảm cho quyền lực của nhân dân không bị biến thành quyền lực riêng của cá nhân hoặc một nhóm người có đặc quyền, đặc lợi.

3) Để thực hiện cầm quyền theo pháp luật, Đảng đã lãnh đạo quá trình xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật nhằm tạo dựng “hệ thống pháp luật tốt” làm căn cứ pháp lý để thực thi và bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước.

4) Để thực hiện cầm quyền theo pháp luật, Đảng chủ trương xây dựng và hoàn thiện thể chế giám sát, kiểm tra tính hợp hiến và hợp pháp trong các hoạt động và quyết định của các cơ quan công quyền.

5) Để cầm quyền theo pháp luật, bên cạnh sự nhấn mạnh việc kiểm soát quyền lực nhà nước, Đảng còn nhấn mạnh việc tăng cường kiểm tra, giám sát trong các tổ chức đảng;

6) Để thực hiện tốt nguyên tắc lãnh đạo và cầm quyền theo pháp luật, Đảng đã lãnh đạo các cơ quan có thẩm quyền xử lý nghiêm minh theo pháp luật đối với những cán bộ, đảng viên vi phạm pháp luật với phương châm “không có vùng cấm”, “không có đặc quyền” và “không có ngoại lệ”. Từ đầu nhiệm kỳ Đại hội XII đến nay, đã thi hành kỷ luật 1.111 tổ chức đảng, 18.265 cấp ủy viên các cấp và 54.573 đảng viên. Trong đó, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư thi hành kỷ luật 8 tổ chức đảng, 45 đảng viên; Ủy ban Kiểm tra Trung ương thi hành kỷ luật 111 đảng viên. Trong số đảng viên bị kỷ luật, có 92 cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý, gồm: 2 Ủy viên Bộ Chính trị, 21 Ủy viên và nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, 38 sĩ quan trong lực lượng công an, quân đội (cấp tướng là 23 người)¹. Đặc biệt, việc xử lý cán bộ, đảng viên vi phạm không chỉ dừng lại ở kỷ luật Đảng, mà còn có nhiều cán bộ, đảng viên đã bị xử lý hình sự. Thực tế đó cho thấy, quan

1. Xem Báo Thanh niên điện tử: “Đã kỷ luật 92 cán bộ diện Trung ương quản lý từ đầu nhiệm kỳ XII”, ngày 11/01/2020.

điểm xuyên tạc cho rằng “ở Việt Nam pháp luật chỉ được dùng cho “dân”, mà không dùng cho Đảng và cán bộ, đảng viên của Đảng!” là một sự vu cáo, xuyên tạc trắng trợn của các thế lực thù địch.

Thứ sáu, trong điều kiện một đảng duy nhất cầm quyền, vấn đề then chốt nhất của xây dựng Đảng là xây dựng đội ngũ cán bộ. Từ nhận định cho rằng, chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và một số nước Đông Âu sụp đổ là do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân rất quan trọng là lựa chọn, bố trí sai một số cán bộ lãnh đạo cấp chiến lược, nhất là cấp cao nhất và từ vị trí, vai trò cầm quyền của mình, Đảng Cộng sản Việt Nam đặc biệt coi trọng vấn đề xây dựng đội ngũ cán bộ và cho rằng: “Trong bất cứ giai đoạn cách mạng nào, ở bất kỳ lĩnh vực, địa phương nào, cán bộ bao giờ cũng đóng vai trò quyết định; công tác cán bộ không chỉ là khâu then chốt trong công tác xây dựng Đảng mà còn là mắt xích trọng yếu trong toàn bộ hoạt động của Đảng, nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng”¹. Có thể nói, đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng quy định rất lớn đến trình độ trí tuệ, tính văn minh và đạo đức của Đảng. Để xây dựng đội ngũ cán bộ, Đảng rất chú trọng việc đổi mới công tác cán bộ, kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ, chống chạy chức, chạy quyền. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 khóa XII về xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp đã chỉ rõ các nhiệm vụ, giải pháp xây dựng đội ngũ cán bộ, bao gồm: (1) Nâng cao nhận thức, tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên; (2) Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cán bộ; (3) Xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp có phẩm chất, năng lực, uy tín, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới; (4) Tập trung xây dựng cán bộ cấp chiến lược ngang tầm nhiệm vụ; (5) Kiểm soát chặt chẽ quyền lực trong công tác cán bộ; chống chạy chức, chạy quyền; (6) Phát huy vai trò của nhân dân tham gia xây dựng đội ngũ

1. Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng: “Một số vấn đề cần được đặc biệt quan tâm trong công tác chuẩn bị nhân sự Đại hội XIII của Đảng”, Tạp chí *Công sản điện tử*, ngày 27/4/2020.

cán bộ; (7) Nâng cao chất lượng công tác tham mưu, coi trọng tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về công tác tổ chức, cán bộ.

Đặc biệt, Đảng nhấn mạnh trên cơ sở đảm bảo yêu cầu, tiêu chuẩn, việc lựa chọn cán bộ cần phải kiên quyết không bỏ sót những người thật sự có đức, có tài, đủ tiêu chuẩn; đồng thời không để lọt vào cơ quan lãnh đạo của Đảng những người có một trong các khuyết điểm, như: (1) Bản lĩnh chính trị không vững vàng; không kiên định đường lối, quan điểm của Đảng; có biểu hiện cơ hội chính trị, tham vọng quyền lực, xu nịnh, chạy chọt, tham nhũng, quan liêu, cục bộ, vận động cho cá nhân, phe cánh, lợi ích nhóm; thiếu chính kiến, thấy đúng không bảo vệ, thấy sai không đấu tranh; (2) Vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, mị dân, chuyên quyền, độc đoán; không công bằng, công minh trong đánh giá, sử dụng cán bộ, trù dập người thẳng thắn đấu tranh, phê bình; (3) Để nội bộ mất đoàn kết nghiêm trọng hoặc để xảy ra tham nhũng, thất thoát, vụ việc tiêu cực lớn ở địa phương, cơ quan, đơn vị; (4) Không chịu nghiên cứu học hỏi; bảo thủ, trì trệ, làm việc kém hiệu quả, nói nhiều làm ít, nói không đi đôi với làm; ý thức kỷ luật kém, không chấp hành sự điều động, phân công của tổ chức, uy tín giảm sút; (5) Kê khai tài sản không trung thực, có biểu hiện giàu nhanh, nhiều nhà, nhiều đất, nhiều tài sản khác mà không giải trình rõ được nguồn gốc; bản thân hoặc vợ, chồng, con có lối sống thiếu gương mẫu, lợi dụng chức quyền để thu lợi bất chính; (6) Vi phạm quy định về lịch sử chính trị hoặc chính trị hiện nay¹. Mặt khác, việc lựa chọn cán bộ phải được tiến hành theo một quy trình chặt chẽ, khoa học và nhất quán, bảo đảm thật sự công tâm, thật sự trong sáng, khách quan, đặc biệt phải “có con mắt tinh đời” trong việc đánh giá, giới thiệu, lựa chọn; lấy tiêu chuẩn về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và hiệu quả công tác, uy tín của bản thân và gia đình làm thước đo chủ yếu. Đặc biệt, Đảng cần tăng cường trau dồi kiến thức, nâng cao trình độ lý luận, chuyên môn, bồi dưỡng lý luận

1. Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng: “Một số vấn đề cần được đặc biệt quan tâm trong công tác chuẩn bị nhân sự Đại hội XIII của Đảng”, *Tlđd*.

Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho đội ngũ cán bộ chủ chốt; bảo đảm việc học tập các môn lý luận chính trị được tiến hành một cách thực chất hơn, để người học nắm được những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, làm cơ sở xem xét, phân tích, đánh giá thấu đáo các vấn đề chính trị - xã hội diễn ra trong đời sống hiện thực. Mặt khác, xử lý nghiêm các tổ chức đảng, đảng viên vi phạm Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng. Các tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên phải chấp hành nghiêm kỷ luật phát ngôn; nghiêm cấm để lộ bí mật của Đảng, Nhà nước, lan truyền những thông tin sai lệch hoặc có nội dung xấu, xuyên tạc, vu khống, kích động..., làm nguy hại an ninh quốc gia.

Thứ bảy, trong điều kiện một đảng duy nhất cầm quyền, nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng luôn hướng tới mục tiêu, yêu cầu là “lãnh đạo và cầm quyền vì dân”. Từ lời di huấn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, rằng “Đảng ta là một đảng cầm quyền, mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần *đạo đức cách mạng*, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư”¹, Đảng luôn nhấn mạnh việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng nhằm làm cho Đảng lãnh đạo, cầm quyền thật sự vì dân. Để thực hiện điều này, Đảng nhấn mạnh kết hợp phương châm “xây” và “chống”, trong đó xây dựng là cơ bản. “Xây” ở đây bao gồm: (1) Xây dựng Đảng về đạo đức, làm cho Đảng và mỗi cán bộ, đảng viên thật sự “chí công vô tư”, “diligent vi thượng”, đặt lợi ích của Đảng, của dân tộc, của nhân dân lên trên hết, trước hết; yêu cầu cán bộ, đảng viên phải luôn “lấy ấm no, hạnh phúc và sự hài lòng của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu”; (2) Xây dựng Đảng về tác phong và lề lối làm việc. Đảng cho rằng, trong điều kiện Đảng là đảng duy nhất cầm quyền, cần phải tăng cường mối quan hệ máu thịt giữa Đảng và nhân dân, phải phòng tránh được những biểu hiện quan liêu, xa dân. Đảng yêu cầu: “Các cấp ủy đảng và chính quyền phải thường xuyên đổi

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.15, tr.611-612.

thoại, lắng nghe, học hỏi, tiếp thu ý kiến, giải quyết các khó khăn, vướng mắc và yêu cầu chính đáng của nhân dân; tin dân, tôn trọng, lắng nghe những ý kiến khác; có hình thức, cơ chế, biện pháp cụ thể, thích hợp để nhân dân bày tỏ chính kiến, nguyện vọng và thực hiện quyền làm chủ của mình thông qua Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân; trân trọng, tôn vinh những đóng góp, cống hiến của nhân dân¹. Đảng yêu cầu mỗi cán bộ, đảng viên cần phải “trọng dân”, “gắn dân”, “hiểu dân”, “học dân” và “có trách nhiệm với dân”. Để thực hiện nguyên tắc “lãnh đạo và cầm quyền vì dân”, bên cạnh nhấn mạnh “xây”, Đảng còn nhấn mạnh nhiệm vụ “chống”. Trước thực trạng tham nhũng, lăng phí, quan liêu, Đảng nhấn mạnh và đề ra nhiều biện pháp hiệu quả nhằm chống tham nhũng, lăng phí và quan liêu. Trước tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, trên cơ sở nhận diện được các biểu hiện, Đảng đã đề ra nhiều biện pháp nhằm phòng, chống sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII đã đề ra 4 nhóm nhiệm vụ, giải pháp nhằm ngăn ngừa sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong một bộ phận cán bộ, đảng viên.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.160.

TĂNG CƯỜNG XÂY DỰNG ĐẢNG VỀ ĐẠO ĐỨC ĐỂ ĐẢNG TA LUÔN TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH, TRƯỞNG TỒN CÙNG DÂN TỘC

TS. BÙI TRƯỜNG GIANG*

Xây dựng Đảng về đạo đức trở thành một nhiệm vụ chủ yếu, vừa cơ bản, lâu dài, vừa cấp bách, thường xuyên của công tác xây dựng Đảng, được ghi rõ trong Văn kiện Đại hội XII của Đảng Cộng sản Việt Nam: “*Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức*”¹. Điều đó có nghĩa là, xây dựng Đảng về đạo đức là một trong bốn nội dung cơ bản; được đặt ở vị trí ngang hàng với công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

1. Người cách mạng phải có đạo đức cách mạng làm nền tảng

Đạo đức (trong đó: Đạo là con đường, đức là tính tốt) được hiểu là “phẩm chất tốt đẹp của con người: sống có đạo đức - rèn luyện đạo đức”²; dùng để chỉ một thành tố trong tính cách và giá trị của một con người; giúp con người luôn giữ được nhân cách, bản lĩnh làm người trong mọi hoàn cảnh. Đạo đức có vai trò quan trọng trong đời sống xã hội, trong đời sống của con người, giúp con người điều chỉnh hành vi của mình phù

* Phó Trưởng ban Tuyên giáo Trung ương.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.202.

2. Nguyễn Như Ý (Chủ biên): *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2008, tr.480.

hợp với lợi ích của cộng đồng, vì thế, từ xưa đến nay, yêu cầu về việc cần phải xây dựng, rèn luyện đạo đức đối với mỗi con người càng trở nên quan trọng và cần thiết.

Chú trọng đạo đức và phép xử thế, Khổng Tử coi đức là gốc của con người và quan niệm về đức của Khổng Tử không chỉ dừng ở thiện đức mà phải là hành động; là lời nói đi đôi với việc làm; *đức* phải đi đôi với *tài*, song *đức* là gốc, là cội rễ, *tài* là ngọn cành. Khi nói về đạo lý làm người, Khổng Tử cho rằng: “Thực hành được 5 điều trong thiên hạ thì có thể làm người rồi: đó là cung, khoan, tín, mẫn, huệ”¹.

Trong tư tưởng của V.I. Lenin, đạo đức của người đảng viên cộng sản chính là những phẩm chất: Trung thành²; đoàn kết, thống nhất, không bè phái, phường hội; “làm việc tận tụy và nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật”³, “hy sinh quên mình phục vụ chủ nghĩa cộng sản”⁴; không thiên vị, không hẹp hòi, không ham đĩa vị, không lạm quyền, không đặc quyền, đặc lợi; gương mẫu, khiêm tốn, cầu thị, không “kiêu ngạo cộng sản”, không tự phụ, không tự cao tự đại, không quan liêu; gần gũi quần chúng... “góp phần phá hủy xã hội cũ của bọn bóc lột và góp phần đoàn kết tất cả những người lao động chung quanh giai cấp vô sản đang sáng tạo ra xã hội mới của những người cộng sản”⁵...

Đạo đức trong tư tưởng Hồ Chí Minh là đạo đức mới của người cách mạng - *đạo đức cách mạng*, mang bản chất giai cấp công nhân, kết hợp những phẩm chất đạo đức truyền thống của dân tộc với tinh hoa đạo đức của nhân loại. Người coi *đức* là gốc, là nền tảng, là phẩm chất đầu tiên, là vấn đề gốc - được đặt trước *tài*, cần phải xây dựng, rèn luyện đối với mỗi đảng cách mạng chân chính và với mỗi cán bộ, đảng viên, bởi nó liên quan tới sự thành bại của sự nghiệp cách mạng. Đề cao vai trò của

1. Phan Bội Châu: *Khổng học dăng*, Nxb. Khai Trí, Sài Gòn, 1973, tr.45.
2. V.I. Lenin: *Toàn tập*, Sđd, t.40, tr.326.
3. V.I. Lenin: *Toàn tập*, Sđd, t.37, tr.588.
4. V.I. Lenin: *Toàn tập*, Sđd, t.39, tr.256.
5. V.I. Lenin: *Toàn tập*, Sđd, t.41, tr.369.

đạo đức như là nguồn dinh dưỡng để phát triển con người, Hồ Chí Minh khẳng định: “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân. Vì muốn giải phóng cho dân tộc, giải phóng cho loài người là một công việc to tát, mà tự mình không có đạo đức, không có căn bản, tự mình đã hủ hóa, xấu xa thì còn làm nổi việc gì?”¹. Đồng thời, Người yêu cầu mỗi người cách mạng, cán bộ, đảng viên phải có đạo đức cách mạng, đó là: Trung với nước, với Đảng, hiếu với dân; yêu thương con người; cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; tinh thần quốc tế trong sáng và nguyễn suốt đời đấu tranh cho độc lập, tự do của Tổ quốc, ấm no, hạnh phúc của nhân dân. Cụ thể, mỗi người phải: “Tự mình phải: Cần kiệm. Hòa mà không tư. Cả quyết sửa lỗi mình. Cần thận mà không nhút nhát. Hay hỏi. Nhẫn nại (chịu khó). Hay nghiên cứu, xem xét. Vị công vong tư. Không hiếu danh, không kiêu ngạo. Nói thì phải làm. Giữ chủ nghĩa cho vững. Hy sinh. Ít lòng ham muốn về vật chất. Bí mật.

Đối người phải: Với từng người thì khoan thứ. Với đoàn thể thì nghiêm. Có lòng bày vẽ cho người. Trực mà không táo bạo. Hay xem xét người.

Làm việc phải: Xem xét hoàn cảnh kỹ càng. Quyết đoán. Dũng cảm. Phục tùng đoàn thể”².

Trong lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đạo đức cách mạng là nguồn sức mạnh “nội sinh” giúp mỗi người cách mạng khi gặp thuận lợi, thành công không kiêu ngạo, tự mãn; khi gặp khó khăn, thậm chí thất bại không nản lòng, nhụt chí và nhất là, để “- Giàu sang không thể quyến rũ, - Nghèo khó không thể chuyền lay, - Uy lực không thể khuất phục”³. Vì “Đảng ta là Đảng của giai cấp, đồng thời

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd, t5, tr.292.*

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd, t2, tr.280-281.*

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd, t7, tr.50.*

cũng là của dân tộc, không thiên tư, thiên vị”¹, cho nên muốn “Đảng là đạo đức, là văn minh” và xứng đáng với vai trò tiên phong, thì trong lý luận và thực tiễn đều phải chú trọng xây dựng, giáo dục, rèn luyện Đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên về đạo đức.

Nhận thức sâu sắc vị trí, tầm quan trọng của đạo đức - bởi nó là hiện thực trực tiếp của tư tưởng con người, chỉ đạo mọi tư duy và hành động của con người, dù nhấn mạnh công tác xây dựng Đảng phải tập trung vào chính trị, tư tưởng, tổ chức, song Hồ Chí Minh dành sự quan tâm nhiều hơn đến đạo đức cách mạng; đồng thời, nhấn mạnh yêu cầu cán bộ, đảng viên phải thường xuyên rèn luyện đạo đức cách mạng. Đặc biệt, khi Đảng Cộng sản Việt Nam trở thành đảng cầm quyền, nhìn thấy trước đội ngũ cán bộ, đảng viên có thể bị tha hóa, biến chất trong hoàn cảnh mới; nhận thức rõ sự suy thoái về đạo đức tất yếu sẽ dẫn đến sự “tự tiêu vong” về chính trị, Người càng quan tâm hơn đến vấn đề xây dựng Đảng về đạo đức, rèn luyện đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên. Để mỗi cán bộ, đảng viên thực sự xứng đáng là người lãnh đạo, người đầy tớ thật trung thành của nhân dân, Hồ Chí Minh yêu cầu mỗi người phải: “Quyết tâm suốt đời đấu tranh cho Đảng, cho cách mạng. Đó là điều chủ chốt nhất. Ra sức làm việc cho Đảng, giữ vững kỷ luật của Đảng, thực hiện tốt đường lối, chính sách của Đảng. Đặt lợi ích của Đảng và của nhân dân lao động lên trên, lên trước lợi ích riêng của cá nhân mình. Hết lòng hết sức phục vụ nhân dân. Vì Đảng, vì dân mà đấu tranh quên mình, gương mẫu trong mọi việc. Ra sức học tập chủ nghĩa Mác - Lenin, luôn luôn dùng tự phê bình và phê bình để nâng cao tư tưởng và cải tiến công tác của mình và cùng đồng chí mình tiến bộ”².

Sự lành mạnh của đạo đức xã hội nói chung, đạo đức của một đảng cầm quyền nói riêng phụ thuộc một phần rất quan trọng vào **sự nêu gương** về đạo đức của đội ngũ cán bộ, đảng viên, của đảng cầm quyền. Lịch sử từ xưa đến nay đều cho thấy, niềm tin chính trị của quần chúng

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t13, tr.275.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t11, tr.603.

nhân dân gắn liền với niềm tin, với tấm gương đạo đức của người cầm quyền, vì “Trước mặt quần chúng, không phải ta cứ viết lên trán chữ “cộng sản” mà ta được họ yêu mến. Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách, đạo đức. Muốn hướng dẫn nhân dân, mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước”¹. Với ý nghĩa đó, nội dung xây dựng Đảng về đạo đức không chỉ nằm trong tổng thể công tác xây dựng Đảng mà còn luôn được khẳng định trong văn kiện các kỳ đại hội của Đảng và được các cấp ủy từ Trung ương đến địa phương triển khai thực hiện.

2. Thực trạng công tác xây dựng Đảng về đạo đức và vấn đề đặt ra trong tình hình hiện nay

Trong hơn 30 năm tiến hành công cuộc đổi mới, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã ban hành một số nghị quyết, kết luận, chỉ thị, quy định về công tác xây dựng Đảng, thể hiện rõ nội hàm xây dựng Đảng về đạo đức, phù hợp với điều kiện cụ thể của tình hình và nhiệm vụ cách mạng đề ra². Việc ban hành các nghị quyết, chỉ thị, quy định liên quan đến công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; trong đó, lựa chọn “một số vấn đề cấp bách nhất về xây dựng Đảng trong tình hình hiện nay để tập trung chỉ đạo thực hiện với mong muốn khắc phục những cách làm dàn trải trước đây, tạo ra bước chuyển biến cụ thể, thiết thực trong thực tế”³, chính là nhằm ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.6, tr.16.

2. Nghị quyết số 03-NQ/TW, ngày 26/6/1992 của Hội nghị Trung ương 3 khóa VII về “Một số nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng”; Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 02/02/1999 của Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII về “Một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng hiện nay”; Chỉ thị số 23-CT/TW, ngày 27/3/2003 của Ban Bí thư về “Đẩy mạnh nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới”; Chỉ thị số 03-CT/TW, ngày 14/5/2011 của Bộ Chính trị về “Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”; Nghị quyết số 12-NQ/TW, ngày 16/01/2012 của Hội nghị Trung ương 4 khóa XI về “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay” và Quy định số 101-QĐ/TW, ngày 07/6/2012 của Ban Bí thư về “Trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên nhất là lãnh đạo chủ chốt các cấp”...

3. Nguyễn Phú Trọng: *Xây dựng, chỉnh đốn Đảng là nhiệm vụ then chốt để phát triển đất nước*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2018, tr.37-38.

suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cao. Thông qua việc triển khai đồng bộ từ Trung ương đến cơ sở trong xây dựng và thực hành đạo đức công vụ, rèn luyện đạo đức cách mạng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng địa phương, cơ quan, đơn vị; trong chấp hành nguyên tắc sinh hoạt Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình, kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật nghiêm minh, gắn bó mật thiết với nhân dân; trong đổi mới phương pháp công tác, nâng cao tinh thần, thái độ phục vụ nhân dân, v.v. mà những chuyển biến tích cực từ nhận thức đến hành động của mỗi cấp ủy, tổ chức đảng, của từng cán bộ, đảng viên đã và đang góp phần củng cố niềm tin của nhân dân với Đảng, Nhà nước và chế độ.

Tuy nhiên, thực trạng công tác xây dựng Đảng nói chung, việc xây dựng, giáo dục và rèn luyện đạo đức nói riêng đã được nêu rõ trong văn kiện các kỳ Đại hội IX, X, XI của Đảng cho thấy: “*Tình trạng tham nhũng, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên là rất nghiêm trọng*”¹; “*Tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên gắn liền với tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí vẫn đang diễn ra nghiêm trọng chưa được ngăn chặn có hiệu quả*”²; “*Tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên và tình trạng tham nhũng, lãng phí, quan liêu, những tiêu cực và tệ nạn xã hội chưa được ngăn chặn đẩy lùi mà còn tiếp tục diễn biến phức tạp*”³. Điều đó cho thấy, dù đã chú trọng vấn đề đạo đức, xây dựng, rèn luyện đạo đức cách mạng trong Đảng, song so với yêu cầu thực tiễn thì “chúng ta đã thiếu chủ động trong việc đề ra một chiến lược giáo dục đạo đức cho cán bộ, đảng viên

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.60, tr.172.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.65, tr.142.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.173.

khi bước vào đổi mới cơ chế, mở cửa, hội nhập, làm ăn với tư bản nước ngoài. Chúng ta chưa thừa kế tốt tấm gương và cách làm của Bác Hồ trước mỗi bước chuyển của cách mạng”¹.

Trước Đại hội XII của Đảng, nội dung xây dựng Đảng về đạo đức chưa trở thành một thành tố, nhưng yêu cầu xây dựng đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên “lấy đạo đức làm gốc”² đã được khẳng định, thể hiện trong nội dung xây dựng Đảng về tư tưởng. Tuy nhiên, trước tình trạng một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên của Đảng có những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tại Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII (tháng 01/1994), Đảng ta đã chỉ ra những biểu hiện của tình trạng này và coi đó là một trong bốn nguy cơ đối với cách mạng Việt Nam³. Đặc biệt, Nghị quyết số 12-NQ/TW, ngày 16/01/2012 của Hội nghị Trung ương 4 khóa XI về “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay” nhấn mạnh: “Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trong đó có những đảng viên giữ vị trí lãnh đạo, quản lý, kể cả một số cán bộ cao cấp, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống với những biểu hiện khác nhau về sự phai nhạt lý tưởng, sa vào chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, cơ hội, thực dụng, chạy theo danh lợi, tiền tài, kèn cựa địa vị, cục bộ, tham nhũng, lãng phí, tùy tiện, vô nguyên tắc”. Và trên thực tế, mặc dù việc triển khai Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI gắn với Chỉ thị số 03-CT/TW về “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” được đẩy mạnh, song sự phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí, suy thoái về đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, nhất là một số cán bộ cao cấp của Đảng, Nhà nước, vẫn chưa được ngăn chặn. Cụ thể, trong nhiệm kỳ khóa XI, Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã kiểm tra 16.000 tổ chức đảng, 55.000 đảng viên và cấp ủy viên có dấu hiệu vi phạm⁴.

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008, tr.375-376.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd, t.65, tr.226.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd, t.53, tr.25.

4. Theo Quỳnh Hoa (TTXVN/Vietnam+), ngày 23/01/2020.

Về thực trạng này, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng cho rằng: “Về *tính chất*, là nghiêm trọng, kéo dài qua nhiều nhiệm kỳ, chậm được khắc phục. Về *phạm vi*, là tương đối phổ biến, có ở các cấp, các ngành (“Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trong đó có những đảng viên giữ vị trí lãnh đạo, quản lý, kể cả một số cán bộ cao cấp, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống”¹). Về *xu hướng*, là diễn biến phức tạp, chưa ngăn chặn, đẩy lùi được. Về *hậu quả*, là làm giảm sút lòng tin của Nhân dân đối với Đảng; làm suy giảm vị trí, vai trò, sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của Đảng; làm tổn hại tới uy tín, thanh danh của Đảng, Nhà nước”². Từ đó cho thấy, nhiệm vụ xây dựng Đảng về đạo đức, việc tu dưỡng đạo đức cách mạng trong đội ngũ cán bộ, đảng viên chưa đạt được kết quả như mong muốn; còn chưa kịp thời, thiếu sâu sát và hình thức. Việc xây dựng, rèn luyện đạo đức cách mạng trong đội ngũ cán bộ, đảng viên và tổ chức đảng còn hạn chế; việc phát huy tính tiên phong, gương mẫu, nêu gương thống nhất giữa nói và làm, tự phê bình và phê bình của đội ngũ cán bộ, đảng viên nói chung, đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu tại mỗi địa phương, cơ quan, đơn vị nói riêng chưa cao... Việc thực thi các nguyên tắc xây dựng Đảng như nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình, kiểm tra, giám sát chưa nghiêm, tạo “kẽ hở” cho bộ phận cán bộ, đảng viên sa vào chủ nghĩa cá nhân, suy thoái, biến chất, xa rời đạo đức cách mạng. Trong đó, có những người tham ô, tham nhũng, quan liêu, vi phạm Điều lệ Đảng, vi phạm pháp luật, xâm phạm lợi ích của Nhà nước và nhân dân; có những người công thần, kiêu ngạo, không chịu học tập, không cầu tiến bộ, thậm chí coi thường, khinh thường quần chúng, ngày càng rời xa nhân dân; có người “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, dao động về mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, cỗ xúy, thậm chí bị lợi dụng và sa vào “bẫy” “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, trở

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012, tr.22.

2. Nguyễn Phú Trọng: *Xây dựng, chỉnh đốn Đảng là nhiệm vụ then chốt để phát triển đất nước*, Sđd, tr.43-44.

thành kẻ cơ hội chính trị, phần tử bất mãn, phản động..., làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến thanh danh, uy tín của Đảng, làm suy giảm niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân vào chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đe dọa sự tồn vong của Đảng, Nhà nước và chế độ.

Nguyên nhân của thực trạng này là do “công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống nhiều khi còn hình thức, chưa đủ sức động viên ý chí cách mạng của cán bộ, đảng viên”¹... Những hạn chế, khuyết điểm trên đây là “do nguyên nhân chủ quan, do lỗi của chúng ta; do sự yếu kém, thiếu kiên quyết trong công tác giáo dục, lãnh đạo, quản lý; do sự thiếu rèn luyện, tu dưỡng, thực hành liêm chính của một số cán bộ, đảng viên; sự thiếu gương mẫu của một số cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp. Suy đến cùng là do không vượt qua được chủ nghĩa cá nhân”².

3. Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng Đảng về đạo đức gắn với phát huy vai trò nêu gương của đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ cấp chiến lược

Đạo đức là một bộ phận của hình thái ý thức xã hội. Đạo đức của người cách mạng - đạo đức cách mạng của người đảng viên cộng sản quyết định bản chất cách mạng của Đảng Cộng sản. Đối với các dân tộc phương Đông nói chung và Việt Nam nói riêng, đạo đức là điều kiện tiên quyết của những người lãnh đạo, cho nên trong nội dung xây dựng Đảng về đạo đức, giáo dục, rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên, Đảng ta coi trọng cả đức và tài, song lấy đức làm gốc.

Là kết tinh của 3 chỉ thị về nghiên cứu, học tập, làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh³, Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của

1, 2. Nguyễn Phú Trọng: *Xây dựng, chỉnh đốn Đảng là nhiệm vụ then chốt để phát triển đất nước*, Sđd, tr.48, 49.

3. Chỉ thị số 23-CT/TW, ngày 27/3/2003 của Ban Bí thư về “Đẩy mạnh nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới”; Chỉ thị số 06-CT/TW, ngày 07/11/2006 của Bộ Chính trị về tổ chức cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”; Chỉ thị số 03-CT/TW, ngày 14/5/2011 của Bộ Chính trị về “Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”.

Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” (Chỉ thị 05) ra đời, cùng với các quy định về những điều đảng viên không được làm, về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng¹ đã trở thành một hệ thống đạo đức cách mạng trước yêu cầu của giai đoạn cách mạng mới, là chuẩn mực các mối quan hệ của cán bộ, đảng viên với tổ chức đảng và với nhân dân; là nhóm giải pháp đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả để tăng cường công tác xây dựng Đảng về đạo đức, suy rộng ra là xây dựng cái căn bản, gốc rễ tinh thần vững chắc của Đảng, làm cho Đảng trong sạch, vững mạnh, thống nhất về ý chí và hành động, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng để Đảng xứng đáng với niềm tin và sự kỳ vọng của nhân dân.

Để đưa Nghị quyết Đại hội XII vào cuộc sống, hơn 4 năm qua, công tác xây dựng Đảng về đạo đức được triển khai đồng bộ, hệ thống từ Trung ương đến cơ sở. Hàng năm, các cấp ủy đều triển khai theo kế hoạch, chương trình, nội dung công tác xây dựng Đảng, xây dựng nghị quyết chuyên đề để cụ thể hóa các nghị quyết, kết luận, chỉ thị, quy định của Trung ương liên quan đến công tác xây dựng Đảng gắn với nội dung Chỉ thị 05 theo chuyên đề từng năm. Việc xây dựng, giáo dục và rèn luyện đạo đức được thực hiện theo phương châm “trên trước, dưới sau”, “trong trước, ngoài sau”, “nói đi đôi với làm”, phát huy vai trò tự giác học trước, làm theo trước để nêu gương rèn luyện đạo đức cách mạng, thực hiện cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư của đội ngũ

1. Quy định số 47-QĐ/TW, ngày 01/11/2011 của Ban Chấp hành Trung ương về “Những điều đảng viên không được làm”, Quy định số 101-QĐ/TW, ngày 07/6/2012 của Ban Bí thư về “Trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp”, Quy định số 55-QĐ/TW, ngày 19/12/2016 của Bộ Chính trị về “Một số việc cần làm ngay để tăng cường vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên”, Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII, ngày 30/10/2016 về “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ” và Quy định số 08-QĐ/TW, ngày 25/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về “Trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương”, v.v..

cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu mỗi địa phương, cơ quan, đơn vị.

Việc xây dựng Đảng về đạo đức được tập trung vào một số nội dung trọng tâm như: (1) Xây dựng, hoàn thiện các quy định, quy chế làm việc, xác định rõ trách nhiệm tập thể, trách nhiệm cá nhân người đứng đầu, phát huy vai trò nêu gương của mỗi cá nhân, nhất là người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, trong thực hiện nhiệm vụ chính trị gắn với công tác chuyên môn; (2) Đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống, rèn luyện bản lĩnh chính trị cho đội ngũ cán bộ, đảng viên gắn kết chặt chẽ với công tác nắm bắt tư tưởng, tâm tư, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên; (3) Nhận diện những biểu hiện mơ hồ, dao động, suy thoái trong cán bộ, đảng viên theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII để chủ động ngăn chặn, đẩy lùi, đồng thời với việc tăng cường phòng, chống âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch; (4) Lựa chọn những vấn đề trọng tâm, bức xúc để tập trung giải quyết gắn với đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, cải cách hành chính, phòng, chống tham ô, tham nhũng, lãng phí, quan liêu; (5) Nghiêm túc thực hiện tự phê bình và phê bình, kiểm tra và giám sát trong mỗi cấp ủy, trong đội ngũ cán bộ chủ chốt, người đứng đầu theo kế hoạch hàng tháng, quý, năm và đột xuất, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; (6) Bổ sung, hoàn thiện các chuẩn mực đạo đức theo tư tưởng Hồ Chí Minh cho phù hợp chức năng, nhiệm vụ của từng địa phương, cơ quan, đơn vị gắn với nâng cao chất lượng, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng; (7) Đổi mới phong cách lãnh đạo, tác phong công tác, nhất là phong cách, tác phong gần dân, sát dân, lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của dân, sẵn sàng đối thoại với dân để kịp thời giải quyết yêu cầu chính đáng của nhân dân trên tinh thần nêu cao trách nhiệm thực thi công vụ, nói đi đôi với làm, v.v..

Trong tu dưỡng đạo đức cách mạng, mỗi cấp ủy, mỗi cán bộ, đảng viên thực hiện theo đúng các nguyên tắc: Nói đi đôi với làm, trước hết là

sự nêu gương đạo đức của đội ngũ cán bộ chủ chốt, người đứng đầu với cấp dưới, với quần chúng; xây đi đôi với chống, muốn xây phải chống và chống nhằm mục đích để xây; kết hợp giữa xây dựng đạo đức cách mạng với đấu tranh chống những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân; tu dưỡng đạo đức cách mạng suốt đời được quán triệt theo chỉ dẫn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đó là “Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bên bỉ hăng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong”¹. Cụ thể, mỗi cán bộ, đảng viên đã đăng ký học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh và thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII, các quy định về nêu gương với các nội dung cụ thể về đạo đức cách mạng theo tư tưởng Hồ Chí Minh như: “*Tuyệt đối trung thành với Đảng, với nhân dân*”²; “*ra sức phấn đấu để thực hiện mục tiêu của Đảng*”³; “*quyết tâm suốt đời đấu tranh cho Đảng, cho cách mạng*”⁴; “vô luận trong hoàn cảnh nào, cũng phải quyết tâm đấu tranh, chống mọi kẻ địch”⁵; “*kiên quyết làm đúng chính sách và nghị quyết của Đảng... đặt lợi ích của Đảng lên trên hết*”⁶; “hòa mình với quần chúng thành một khối, tin quần chúng, hiểu quần chúng, lắng nghe ý kiến của quần chúng... làm cho dân tin, dân phục, dân yêu, đoàn kết quần chúng chặt chẽ chung quanh Đảng, tổ chức, tuyên truyền và động viên quần chúng hăng hái thực hiện chính sách và nghị quyết của Đảng”⁷; “*cố gắng học tập lý luận Mác - Lenin... để áp dụng một cách sáng tạo vào hoàn cảnh thực tế của nước ta. Học để mà làm. Lý luận đi đôi với thực tiễn*”⁸; “*đấu tranh trừ bỏ chủ nghĩa cá nhân*”, vì nó “để ra trăm thứ bệnh nguy hiểm: quan liêu, mệnh lệnh, bè phái, chủ quan, tham ô, lăng phí...”⁹. Qua đó, đã tạo chuyển biến tích cực từ nhận thức đến hành động của từng cấp ủy, từng cán bộ, đảng viên trên mọi lĩnh vực.

Cùng với việc thực hiện nghiêm các nguyên tắc xây dựng Đảng như: Tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình, đoàn kết thống nhất, kỷ

1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.11, tr.612, 604, 605, 605, 606, 607, 609, 610-611, 611.

luật nghiêm minh và tự giác, gắn bó mật thiết với nhân dân, v.v.; chế độ sinh hoạt Đảng, công tác kiểm tra, giám sát được triển khai theo kế hoạch và đột xuất nên đại đa số cán bộ, đảng viên, đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt, người đứng đầu đã nêu cao vai trò, trách nhiệm nêu gương trong rèn luyện đạo đức cách mạng theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, hướng về cơ sở, nâng cao tinh thần gần dân, trọng dân, phục vụ nhân dân với trách nhiệm người “công bộc”; đã chủ động phòng và đấu tranh với âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, từng bước ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

Tuy nhiên, công tác xây dựng Đảng nói chung, xây dựng Đảng về đạo đức nói riêng vẫn còn những hạn chế, làm suy giảm niềm tin của nhân dân đối với Đảng, tổn thương đến uy tín và đe dọa sự tồn vong của Đảng, của chế độ. Vì thế, để đáp ứng yêu cầu và tình hình nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn hiện nay, cần phải đặt công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng về đạo đức theo **“Tư cách của Đảng chân chính cách mạnh”¹** và **“Phận sự của đảng viên và cán bộ”²** lên hàng đầu, nếu không việc xây dựng Đảng về tư tưởng, chính trị và tổ chức không những không thể thực hiện được, mà sức chiến đấu, năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng cũng bị ảnh hưởng và suy yếu nghiêm trọng.

Để tăng cường công tác xây dựng Đảng về đạo đức trong thời gian tới, cần được tập trung thực hiện một số giải pháp trọng tâm sau:

Nhóm giải pháp về nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng đối với công tác xây dựng Đảng nói chung, xây dựng Đảng về đạo đức nói riêng.

Một là, nâng cao nhận thức của các cấp ủy, bộ, ban, ngành chức năng về yêu cầu tất yếu phải xây dựng, giáo dục, rèn luyện đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên; coi đó là nhiệm vụ trọng tâm xuyên suốt nhằm xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; kết hợp chặt chẽ

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.289-290, 290.

xây dựng Đảng về đạo đức với xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị 05 gắn với Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII và các quy định về nêu gương, với những cách làm mới, hiệu quả gắn với tăng cường giáo dục lý tưởng, mục tiêu của Đảng, thường xuyên phổ biến, quán triệt việc học tập chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng, các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Hai là, thực hiện nghiêm các nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình, đoàn kết thống nhất, kỷ luật tự giác và nghiêm minh, kiểm tra và giám sát chặt chẽ, gắn bó mật thiết với nhân dân... gắn với nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ theo chuyên đề, để không chỉ tạo sự chuyển biến về nhận thức và hành động mà còn thiết thực siết chặt kỷ cương, kỷ luật trong Đảng; đồng thời, góp phần cảnh tỉnh, cảnh báo, răn đe và ngăn chặn tình trạng suy thoái về chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên.

Ba là, xây dựng, hoàn thiện và triển khai cơ chế phòng ngừa, răn đe, kiểm soát quyền lực trong Đảng và hệ thống chính trị, đảm bảo phòng ngừa và triệt tiêu mọi sự tha hóa và thoái hóa quyền lực, để mỗi cán bộ, đảng viên khi được giao/ủy quyền đảm nhiệm các chức vụ trong Đảng và hệ thống chính trị không thể tham nhũng và không dám tham nhũng. Phòng, chống và đấu tranh ngăn chặn tình trạng chạy chức, chạy quyền, đặc quyền, đặc lợi, cánh hẩu, bè phái, lợi ích nhóm, tham ô, tham nhũng... Đưa ra khỏi Đảng những người vi phạm kỷ luật Đảng, vi phạm pháp luật theo đúng Hiến pháp, pháp luật bất kể là ai, giữ chức vụ gì dù đang đương chức hay đã nghỉ hưu, không có vùng cấm.

Nhóm giải pháp về đổi mới nội dung, phương pháp tuyên truyền, giáo dục xây dựng Đảng về đạo đức.

Một là, tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ, ban, ngành và các cơ quan chức năng, các binh chủng làm công tác tư tưởng trong công tác tuyên truyền về xây dựng Đảng, học tập và làm theo tư

tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với đổi mới các chuyên trang, chuyên mục trên báo chí và các phương tiện truyền thông, đảm bảo sát thực tế, hấp dẫn, thiết thực, hiệu quả. Trong đó, một mặt, ủng hộ, cổ vũ những nhân tố mới, phản ánh trung thực những gương tập thể và cá nhân điển hình tiên tiến, nhân rộng và tạo sự lan tỏa những tấm gương “người tốt, việc tốt” trong các phong trào thi đua yêu nước; mặt khác, thông tin chính xác, kịp thời những hiện tượng tiêu cực, những người vi phạm pháp luật, kỷ luật Đảng, tham ô, tham nhũng, lăng phí... để bồi đắp cái tốt, cái đúng, lên án cái xấu, cái ác, lấy cái đẹp dẹp cái xấu, tạo sự lan tỏa trong cộng đồng, phòng và chống “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ hiệu quả.

Hai là, hệ thống các học viện, trung tâm bồi dưỡng chính trị các cấp nâng cao chất lượng giảng dạy các môn lý luận chính trị, Hội thi Olympic các môn khoa học Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh “Tầm nhìn xuyên thế kỷ”; hội thi tìm hiểu các môn khoa học Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh “Ánh sáng thời đại”... Các tổ chức đoàn thể tiếp tục đổi mới và đa dạng hóa hình thức, biện pháp tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho cán bộ, đảng viên.

Ba là, nâng cao vai trò đi trước, mở đường, dẫn đường của công tác tư tưởng, của hệ thống tuyên giáo, nhất là đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên các cấp và đội ngũ cộng tác viên dư luận xã hội trong nắm bắt tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân; trong tham mưu, hướng dẫn, tổ chức học tập, quán triệt, triển khai, sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị, nhất là về công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng, về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh...; kịp thời đáp ứng yêu cầu cung cấp thông tin chính thống cho cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Nhóm giải pháp phát huy tính tự giác trong rèn luyện đạo đức cách mạng và phát huy vai trò nêu gương của mỗi cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu.

Một là, đội ngũ cán bộ, đảng viên, cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp, nhất là người đứng đầu phải nỗ lực rèn luyện bản lĩnh chính trị, đạo đức cách mạng, thực hiện cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư theo phương châm “trên trước, dưới sau”, “trong trước ngoài sau”, “xây đi đôi với chống”, “xây để chống và chống để xây”, “nói đi đôi với làm”, “cấp trên làm trước, cấp dưới noi theo”, tạo sức hút để tập hợp, quy tụ và phát huy sức mạnh của tổ chức đảng, của quần chúng nhân dân trong thực hiện nhiệm vụ.

Hai là, phát huy tính tự giác, vai trò nêu gương về rèn luyện đạo đức cách mạng của mỗi cán bộ, đảng viên, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt và người đứng đầu theo tinh thần Quy định số 101-QĐ/TW, ngày 07/6/2012 của Ban Bí thư về “Trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp” và Quy định số 08-QĐ/TW, ngày 25/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về “Trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương”; coi đó là một phương pháp cơ bản trong xây dựng, giáo dục, rèn luyện đạo đức, lối sống của mỗi cán bộ, đảng viên và trở thành lối sống của mỗi người, làm cho sự nêu gương lan tỏa trong Đảng, trong xã hội.

Ba là, hướng về cơ sở, tăng cường mối quan hệ mật thiết với nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng và chỉnh đốn Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức; đồng thời, phát huy vai trò của nhân dân trong giám sát cán bộ, đảng viên, cán bộ lãnh đạo chủ chốt, người đứng đầu về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, trách nhiệm nêu gương trong chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thực thi công vụ, thực hiện nghĩa vụ công dân, v.v. ở cơ quan công tác và địa bàn cư trú.

*

* * *

Nội dung “xây dựng Đảng về đạo đức” là một thành tố quan trọng, cùng với các nội dung xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức,

được khẳng định trong Văn kiện Đại hội XII của Đảng không chỉ thể hiện sự phát triển lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam về xây dựng đảng cầm quyền, đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, mà còn cho thấy nhiệm vụ xây dựng đạo đức trong từng tổ chức đảng, trong mỗi cán bộ, đảng viên có vị trí quan trọng nhằm ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, trở thành nhiệm vụ vừa cơ bản, lâu dài, vừa thường xuyên, cấp bách trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Việc tăng cường xây dựng Đảng về đạo đức là mệnh lệnh của thực tiễn cách mạng Việt Nam hiện nay nhằm xây dựng Đảng ta thực sự trong sạch, vững mạnh, trưởng tồn cùng dân tộc.

PHÁT HUY DÂN CHỦ, TĂNG CƯỜNG KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC, XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ HOẠT ĐỘNG HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ TRONG TÌNH HÌNH MỚI

PGS.TS. LƯU VĂN QUẢNG*

1. Vấn đề phát huy dân chủ trong tình hình mới

a) *Dân chủ và vấn đề bảo đảm, phát huy dân chủ ở nước ta*

Dân chủ, nói một cách dễ hiểu, là quyền lực thuộc về nhân dân. Đây là một nấc thang trong tiến trình phát triển của lịch sử nhân loại. Dân chủ được hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau: Đó có thể là một giá trị mà nhân loại hướng tới trong quá trình phát triển; cũng có thể là một hình thức tổ chức quyền lực của xã hội dựa trên việc thừa nhận nhân dân là nguồn gốc của quyền lực nhà nước; cũng có thể là cách thức các nhóm, các tổ chức cộng đồng đưa ra các quyết định tập thể; hoặc là quá trình giáo dục trách nhiệm xã hội đối với công dân.

Trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Đảng ta nhấn mạnh sự cần thiết phải “Tiếp tục phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân”¹. Dân chủ

* Viện trưởng Viện Chính trị học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.169.

phải được thực hiện trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, cho phép nhân dân tham gia vào tất cả các khâu của quá trình đưa ra các quyết định liên quan đến lợi ích và cuộc sống của người dân. Cơ chế thực hành dân chủ của người dân được thực hiện thông qua bộ máy nhà nước, thông qua các thành tố trong hệ thống chính trị. Dân chủ được thực hiện dưới hình thức dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện, nhằm thể chế hóa và thực hiện phương châm: “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”.

Trong những năm qua, việc phát huy dân chủ ở nước ta không chỉ dừng lại ở chủ trương, đường lối, mà đã từng bước được thể chế hóa. Hiến pháp năm 2013 đã ghi nhận các quyền công dân, quyền con người cơ bản trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Để người dân thực hiện được quyền dân chủ của mình một cách thực sự, Nhà nước đã từng bước thiết lập các cơ chế cho phép nhân dân tham gia vào việc lập ra bộ máy nhà nước, vào quản lý các công việc của Nhà nước, tham gia vào các quyết định quan trọng của đất nước. Việc mở rộng và thực hành dân chủ cho phép người dân tham gia giám sát tốt hơn hoạt động của bộ máy nhà nước, góp phần khắc phục tình trạng quan liêu, tham nhũng, làm cho bộ máy nhà nước hoạt động hiệu quả, vì dân hơn.

Tuy nhiên, cũng cần nhận thức rằng, việc thực hành dân chủ ở nước ta trong thời gian qua cũng còn một số yếu kém: Một bộ phận người dân còn nhận thức chưa rõ về quyền làm chủ của mình, quyền dân chủ của người dân ở một số nơi còn bị vi phạm, diễn ra một cách hình thức, hoặc có hiện tượng lợi dụng dân chủ để gây chia rẽ, mất đoàn kết nội bộ. Một số quyền làm chủ của nhân dân được Hiến pháp ghi nhận, nhưng đến nay vẫn chưa được thể chế hóa.

b) Nhận diện và đấu tranh phản bác những luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch về dân chủ

Về luận điểm “trong hệ thống một đảng duy nhất cầm quyền không thể có dân chủ”; “không có dân chủ tư sản hay dân chủ xã hội chủ nghĩa mà dân chủ là phô夸t”.

Một trong những luận điệu quen thuộc của các thế lực thù địch khi nói về tình trạng dân chủ ở nước ta là: Trong hệ thống một đảng duy nhất cầm quyền, không thể có dân chủ. Dân chủ chỉ tồn tại trong các xã hội đa đảng cạnh tranh. Họ cho rằng, lợi ích và sự quan tâm của người dân trong xã hội là rất đa dạng. Mỗi đảng chính trị sẽ đại diện cho các khối cử tri với các lợi ích đa dạng đó. Không có một đảng chính trị nào có thể tích hợp được toàn bộ các lợi ích đa dạng của người dân trong đường lối, cương lĩnh chính trị của mình. Hơn nữa, trước mỗi vấn đề mà quốc gia phải đối mặt, mỗi đảng chính trị có thể sẽ đưa ra phương án, cách thức khác nhau để giải quyết vấn đề. Đây chính là căn cứ để người dân lựa chọn bỏ phiếu cho các đảng trong các cuộc bầu cử. Đảng nào giành được đa số tín nhiệm của người dân, đảng đó sẽ trở thành đảng cầm quyền. Những đảng nào không còn đáp ứng được mong đợi của người dân, sẽ bị người dân tẩy chay và phải rời khỏi vị trí quyền lực. Nếu chỉ có một đảng, người dân sẽ không có được sự lựa chọn đó. Ở Việt Nam, chỉ có một Đảng Cộng sản cầm quyền, mọi quyết định của Đảng là quyết định tối thượng. Đó là tình trạng “Đảng chủ” chứ không phải “Dân chủ”. Người dân không có quyền lựa chọn các đảng khác, ngay cả khi họ không hài lòng với Đảng. Các cuộc bầu cử Quốc hội chỉ là hình thức, những người được bầu đều là đảng viên, đã được Đảng chọn sẵn, v.v..

Để đấu tranh, phản bác, các lực lượng của ta thường sử dụng các luận điểm:

- Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng đại diện cho lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của toàn thể dân tộc. Đảng không có lợi ích nào khác ngoài lợi ích của nhân dân lao động. Đảng luôn nắm bắt được các nhu cầu, nguyện vọng của người dân và phản ánh vào trong các chủ trương, chính sách của mình. Nhà nước Việt Nam do Đảng lãnh đạo là Nhà nước của dân, do dân và vì dân. Nhà nước luôn tôn trọng và bảo vệ các quyền lợi hợp pháp và chính đáng của người dân. Do vậy, ở Việt Nam không cần thiết phải có một đảng phái chính trị nào khác.

- Hệ thống đa đảng cạnh tranh theo kiểu dân chủ phương Tây cũng không phải là cơ chế hiệu quả để thực hiện quyền dân chủ của người dân. Các đảng chính trị tư sản không thực sự đại diện cho lợi ích của người dân lao động, mà chủ yếu đại diện cho lợi ích của giai cấp tư sản, của giới chủ giàu có.

Thực tế cho thấy, cần bổ sung một số luận điểm sau đây:

- Trong hệ thống đa đảng cạnh tranh, các đảng sẽ không ngại tuyên bố họ đại diện cho lợi ích của nhân dân và có thể dẫn tới xu hướng dân túy trong đời sống chính trị. Thực tế đời sống chính trị của không ít các quốc gia trên thế giới thời gian qua đã cho thấy, để giành được lá phiếu ủng hộ, các đảng có thể hứa hẹn cả những điều không thể thực hiện. Họ có thể bỏ qua lợi ích dài hạn, quan trọng của quốc gia để tập trung vào những vấn đề ngắn hạn, trước mắt, chiêu theo ý muốn của một số nhóm quần chúng nào đó.

- Trong các cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp ở Việt Nam, các đại biểu được bầu không chỉ là đảng viên. Bên cạnh các ứng cử viên là người của Đảng, cũng có các ứng cử viên là người ngoài Đảng ra tranh cử. Nhằm tạo điều kiện cho sự lựa chọn của người dân, danh sách bầu cử luôn có số dư, tạo sự cạnh tranh ở mức độ nhất định. Để có cơ hội trúng cử, các ứng cử viên phải có chương trình hành động và phải trình bày trước hội nghị cử tri. Đây sẽ là một trong những căn cứ để người dân lựa chọn. Trên thực tế, số người ngoài Đảng trong Quốc hội đang dần tăng lên, tạo ra một Quốc hội với sự đại diện đa dạng hơn, phản ánh được nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân khác nhau.

Về luận điểm “Ở Việt Nam, quyền công dân và quyền con người không được đảm bảo”.

Các thế lực thù địch cho rằng, trong một xã hội dân chủ, các quyền con người cơ bản phải được nhà nước đảm bảo. Trong các quyền, phải kể đến các quyền quan trọng như: Tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do lập hội, quyền được bình đẳng trước pháp luật và được pháp luật bảo vệ...

Họ cho rằng, tất cả những quyền con người kể trên ở Việt Nam đều không được đảm bảo. Những công dân cố gắng thực hiện quyền tự do ngôn luận, phê phán, chỉ trích chính quyền đều có thể bị ngăn cấm, hoặc chịu sự đàn áp của Nhà nước. Họ khẳng định, ở Việt Nam không có tự do báo chí. Các tờ báo chủ yếu là của Nhà nước, báo “lề phải”, báo “quốc doanh” và bị kiểm soát chặt chẽ bởi Đảng và Nhà nước, không có báo chí độc lập. Các tờ báo nói khác với ý Đảng không thể tồn tại. Các tổ chức, hội nhóm bị kiểm soát chặt chẽ, các tổ chức mang màu sắc chính trị về cơ bản không được phép hoạt động, v.v..

Để đấu tranh, phản bác những luận điệu trên, chúng ta thường sử dụng các luận điểm:

- Ở Việt Nam, các quyền công dân và quyền con người được Đảng và Nhà nước ta rất coi trọng. Các quyền này đã được ghi nhận trong các bản Hiến pháp 1946, 1959, 1980, 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001). Đảng và Nhà nước ta đã thể chế hóa chính sách đảm bảo quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân và tham gia vào hầu hết các điều ước quốc tế về quyền con người. Đến Hiến pháp năm 2013, các quy định về quyền con người cũng được quy định rất rõ và tiệm cận với nội dung Công ước quốc tế về quyền con người. Thể chế hóa Hiến pháp năm 2013, trong giai đoạn 2014 - 2018, Việt Nam đã bổ sung, sửa đổi, hoặc ban hành mới 96 văn bản luật, pháp lệnh liên quan đến bảo đảm quyền con người, quyền công dân¹.

- Các quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí và tự do hội họp ở Việt Nam cũng luôn được Nhà nước đảm bảo. Từ thực tiễn có thể thấy, báo chí ở Việt Nam đã phát triển mạnh mẽ trong những năm qua, trở thành diễn đàn ngôn luận của các tổ chức xã hội, của nhân dân, là công cụ bảo vệ quyền và lợi ích của người dân, của xã hội. Tính đến tháng 6/2018, cả nước đã có tới 857 cơ quan báo chí với 1.119 ấn phẩm, 1.495 trang thông tin điện tử tổng hợp và 430 mạng xã hội, với 19.165 nhà báo được cấp thẻ.

1. Xem Tạp chí *Tài chính điện tử*: “Nhất quán về quyền con người và quyền công dân”, ngày 03/12/2018.

Hơn 20 cơ quan báo chí nước ngoài có phóng viên thường trú tại Việt Nam. Hiện tại Việt Nam có khoảng hơn 50 triệu người dùng internet và khoảng 60 triệu tài khoản Facebook.

- Quyền lập hội cũng được Nhà nước bảo đảm. Tính đến năm 2017, Việt Nam có hàng chục nghìn hội, trong đó có các tổ chức, hiệp hội của thanh niên, phụ nữ, công nhân, nông dân, người cao tuổi, người khuyết tật, các hội từ thiện, các tổ chức khoa học, nghệ nghiệp, các tổ chức phi chính phủ. Dự thảo Luật về Hội đã được tham vấn nhiều lần, lấy ý kiến của các cơ quan nhà nước, các tổ chức phi chính phủ, các chuyên gia và người dân trước khi trình Quốc hội cho ý kiến và phê chuẩn.

Thực tế cho thấy, cần bổ sung các luận điểm:

- Quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do hội họp theo pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế là “quyền có giới hạn” chứ không phải là “quyền tuyệt đối”. Nói cách khác, “tự do ngôn luận” không phải là “muốn nói gì thì nói”.

- Nước ta đang dần thể chế hóa các quyền con người được ghi nhận trong Hiến pháp thành các luật và bộ luật để có thể áp dụng và thực thi trên thực tế. Trong thời gian qua Quốc hội đã ban hành một số luật quan trọng như: Luật báo chí, Luật tiếp cận thông tin, Luật an ninh mạng. Một số luật đang được đưa ra thảo luận, lấy ý kiến thu hút sự quan tâm của người dân như: Luật biểu tình, Luật về hội... Khi các luật này được thông qua, thì về căn bản, hệ thống pháp luật bảo đảm thực thi quyền con người ở nước ta sẽ được hoàn thiện.

Về luận điểm “Ở Việt Nam người dân không có quyền gì trong các quyết định của Nhà nước”.

Các thế lực thù địch lập luận rằng, trong xã hội dân chủ, người dân là chủ thể gốc của quyền lực nhà nước. Cử tri, người dân có thể tác động đến quá trình xây dựng chính sách thông qua những người đại diện cho mình do mình trực tiếp bầu ra tại các đơn vị bầu cử. Đến lượt mình, những người đại diện cho dân sẽ tích hợp ý kiến của cử tri thành các vấn đề chính sách và biểu đạt nó trước cơ quan đại diện

(Quốc hội, Hội đồng nhân dân). Ở Việt Nam, những người đại diện được bầu chủ yếu là đảng viên. Họ trúng cử không phải do lá phiếu của dân, mà là do sự sắp xếp, cơ cấu của Đảng. Do vậy, ý thức về mối quan hệ giữa người chủ quyền lực và người đại diện tương đối mờ nhạt. Các đại biểu Quốc hội trên thực tế đại diện cho Đảng, chứ không phải đại diện cho dân. Các chính sách thể hiện ý Đảng hơn là lòng dân, v.v..

Để đấu tranh, phản bác những luận điệu trên, các lực lượng của ta thường sử dụng luận điểm:

- Ở Việt Nam, người dân được tạo điều kiện tham gia vào các quyết định của Nhà nước, tham gia quản lý xã hội. Nhà nước có nhiều cơ chế, hình thức để huy động sự tham gia của người dân. Người dân có thể phản ánh các mong muốn, nguyện vọng của bản thân với các đại biểu Quốc hội đã được bầu ra. Các đại biểu Quốc hội sẽ tổng hợp ý kiến của cử tri, người dân để báo cáo với Quốc hội, từ đó Quốc hội, Chính phủ sẽ có những đề xuất chính sách phù hợp.

- Người dân cũng có thể đề xuất các nguyện vọng, ý tưởng chính sách qua các tổ chức chính trị - xã hội mà mình là thành viên; hoặc tham gia trực tiếp vào các dự thảo chính sách với tư cách cá nhân. Các dự thảo chính sách của Việt Nam theo quy định thường được đăng tải trên mạng internet để xin ý kiến của người dân. Do đó, có thể khẳng định, ở Việt Nam, người dân có ảnh hưởng quan trọng đến các quyết định của Nhà nước thông qua các hình thức tham gia khác nhau.

Thực tế cho thấy, cần bổ sung một số luận điểm sau đây:

- Trước các kỳ họp Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam bao giờ cũng tiến hành tiếp nhận các ý kiến phản ánh của cử tri đối với các vấn đề chính sách và trình Quốc hội xem xét. Thông qua đó, người dân tác động đến các quyết định chính sách của Nhà nước.

- Luật trưng cầu ý dân của nước ta đã được thông qua từ năm 2015, nhưng chưa có điều kiện để sử dụng trên thực tế, vì theo quy định thì Nhà nước chỉ tiến hành trưng cầu ý dân đối với các vấn đề quan trọng của quốc gia.

2. Vấn đề tăng cường kiểm soát quyền lực trong tình hình mới

a) Kiểm soát quyền lực và sự cần thiết phải kiểm soát quyền lực ở nước ta

“Kiểm soát quyền lực” có thể được hiểu dưới các khía cạnh “kiểm soát quyền lực nhà nước” và “kiểm soát quyền lực chính trị trong Đảng trong điều kiện một đảng cầm quyền”.

Sự cần thiết phải kiểm soát quyền lực xuất phát từ nhận thức rằng quyền lực của Đảng, của Nhà nước có nguồn gốc từ quyền lực của dân, nhân dân là chủ thể của quyền lực. Việc kiểm soát quyền lực cũng nhằm bảo đảm các quyền công dân, quyền con người không bị vi phạm, bảo đảm các nguyên tắc của nhà nước pháp quyền. Các cơ chế kiểm soát quyền lực sẽ góp phần quan trọng trong việc ngăn ngừa và xử lý kịp thời các biểu hiện của sự tha hóa quyền lực, khắc phục tình trạng lạm dụng, sử dụng quyền lực phục vụ cho các lợi ích cá nhân, lợi ích nhóm.

Theo Hiến pháp năm 2013, kiểm soát quyền lực được xem như một nguyên tắc hiến định. Theo đó, “quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp”¹. Đây có thể được xem là một bước hoàn thiện quan trọng đối với cơ chế kiểm soát quyền lực ở nước ta. Với các quy định này, dù nước ta không tổ chức quyền lực theo nguyên tắc tam quyền phân lập theo kiểu phương Tây, nhưng vẫn có sự phân công, phối hợp và kiểm soát lẫn nhau giữa các cơ quan quyền lực nhà nước. Sau khi Hiến pháp năm 2013 được ban hành, nhiều chủ trương, giải pháp kiểm soát quyền lực đã được cụ thể hóa và được triển khai áp dụng. Điều này được thể hiện qua pháp luật về tổ chức bộ máy nhà nước, về kiểm tra, giám sát quyền lực, tạo ra cơ chế kiểm soát lẫn nhau giữa các cơ quan trong bộ máy nhà nước.

1. Khoản 3, Điều 2 Hiến pháp năm 2013.

Cùng với cơ chế kiểm soát quyền lực trong bộ máy nhà nước, các cơ chế kiểm soát quyền lực trong Đảng cũng đã được quan tâm, đặc biệt là trong công tác cán bộ. Sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội và của nhân dân cũng được phát huy. Trên thực tế, cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, chống lạm quyền ở nước ta trong thời gian qua đã diễn ra tương đối quyết liệt cho thấy quyết tâm chính trị của Đảng và Nhà nước ta.

Tuy nhiên, dù có những tiến bộ rõ nét, nhưng cơ chế kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan trong bộ máy nhà nước, hoạt động giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cơ chế bảo hiến theo quy định của pháp luật, cho đến nay, vẫn chưa được xác lập đầy đủ. Đối với bộ máy nhà nước, cơ chế kiểm soát quyền lực mới chỉ nhấn mạnh một chiều sự kiểm soát thông qua giám sát tối cao của Quốc hội đối với hai cơ quan thực hiện quyền hành pháp và tư pháp, chứ chưa có quy định sự kiểm soát của các cơ quan này đối với Quốc hội. Bản thân cơ chế kiểm soát quyền lực nội bộ của mỗi cơ quan trong bộ máy nhà nước cũng chưa được nhấn mạnh. Chính vì vậy, tình trạng lạm quyền, tham nhũng trong các cơ quan quyền lực nhà nước vẫn tiếp tục diễn ra ở một số nơi.

b) Nhận diện các luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, những luận điểm đấu tranh, phản bác của ta và kiến nghị

Về luận điệu “Ở Việt Nam không có tam quyền phân lập nên không thể kiểm soát được quyền lực, dẫn tới tham nhũng”

Các thế lực thù địch lập luận rằng:

- Bản chất con người là vị kỷ, là vì mình. Với bản tính như vậy, khi được giao quyền lực, nguy cơ lạm dụng quyền lực là rất lớn. Vì vậy, nguyên tắc tam quyền phân lập được Montesqueu đưa ra nhằm mục đích kiểm soát lòng tham và nguy cơ lạm quyền của người cầm quyền dựa trên nguyên tắc: Dùng quyền lực này để kiểm soát quyền lực kia. Hầu hết các quốc gia dân chủ trên thế giới hiện nay áp dụng nguyên tắc

tam quyền phân lập trong tổ chức quyền lực nhà nước, dù cách thức áp dụng có sự khác nhau nhất định. Thực tế cũng cho thấy, ở những nước này, mức độ tham nhũng trong bộ máy nhà nước là rất thấp.

- Ở Việt Nam, tổ chức bộ máy nhà nước theo nguyên tắc tập quyền, không có sự kiểm soát giữa các nhánh quyền lực trong bộ máy nhà nước. Trong khi đó, có một nguyên lý khá hiển nhiên là: Quyền lực luôn có xu hướng tham nhũng. Quyền lực tuyệt đối sẽ dẫn tới tham nhũng tuyệt đối. Tình trạng tham nhũng phổ biến ở Việt Nam trong thời gian qua cho thấy sự bất lực của hệ thống trong chống tham nhũng. Các giải pháp đưa ra chỉ có tính tình thế, đối phó, chứ không thể giải quyết được những căn nguyên mang tính hệ thống. Cho nên, việc xử lý các vụ án tham nhũng chỉ là xử lý phần nổi của tảng băng, không thể giải quyết được vấn đề một cách căn cơ, dài hạn.

Để đấu tranh, phản bác những luận điệu trên, các lực lượng của ta thường sử dụng các luận điểm:

- Nguyên tắc tam quyền phân lập được áp dụng trong tổ chức bộ máy nhà nước ở các quốc gia phương Tây. Thực tế cho thấy, các nhánh quyền lực lập pháp, hành pháp và tư pháp vẫn không thể kiểm soát lẫn nhau một cách hiệu quả, vì họ đều là đại diện cho các nhóm lợi ích khác nhau của giai cấp tư sản, chỉ là sự phân chia quyền lực trong nội bộ giai cấp tư sản và bảo vệ cho quyền lợi của giai cấp tư sản, của giới chủ.

- Ở Việt Nam, quyền lực nhà nước là thống nhất, không phân chia. Sự thống nhất đó không chỉ thể hiện trong nguồn gốc của quyền lực, mà còn thể hiện trong mục đích phục vụ nhân dân của quyền lực. Trên thực tế, ba cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp đều thực hiện sự ủy quyền của nhân dân. Dù không áp dụng nguyên tắc tam quyền phân lập, nhưng giữa các cơ quan trong bộ máy nhà nước vẫn có sự phân công, phối hợp và kiểm soát lẫn nhau trong thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Về bản chất, quyền lực của nhân dân là không thể phân chia. Do vậy, Nhà nước Việt Nam không cần tới mô hình tam quyền phân lập.

- Bên cạnh cơ chế kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan trong bộ máy nhà nước, sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc (qua cơ chế giám sát và phản biện xã hội) và các tổ chức chính trị - xã hội của người dân cũng góp phần quan trọng vào quá trình kiểm soát quyền lực. Thực tế, vấn đề kiểm soát quyền lực, chống tham nhũng ở Việt Nam trong thời gian gần đây đã có những bước tiến quan trọng, cho thấy tính hiệu quả của các biện pháp áp dụng. Hàng loạt vụ án tham nhũng đã và đang được đưa ra xét xử với những hình phạt nghiêm khắc, trong đó có nhiều người là các cán bộ, đảng viên có chức, có quyền trong bộ máy của Đảng và Nhà nước. Điều đó cho thấy, vấn đề kiểm soát quyền lực ở Việt Nam đang diễn ra theo chiều hướng tích cực.

Thực tế cho thấy, cần bổ sung một số luận điểm sau đây:

- Trong tổ chức bộ máy nhà nước, việc áp dụng lý thuyết tam quyền phân lập sẽ trở nên hình thức nếu không có sự phân lập trong mục đích sử dụng quyền lực, nếu cả ba nhánh quyền lực đều hướng tới bảo vệ cho lợi ích của một nhóm nhỏ nào đó trong xã hội.

- Về nguyên tắc, trong một con người luôn tồn tại hai thái cực: Tính vị tha (vì người, vì xã hội) và tính vị kỷ (vì bản thân mình). Hành vi của con người không chỉ bị chi phối bởi tính vị kỷ, mà còn chịu sự tác động của các giá trị văn hóa, bởi các lý tưởng, niềm tin cao đẹp. Hành vi của người cầm quyền không chỉ bị ràng buộc bởi hệ thống thể chế kiểm soát từ bên ngoài, mà còn bị ảnh hưởng bởi sự tự kiểm soát của mỗi cá nhân. Mức độ tự kiểm soát của mỗi cá nhân phụ thuộc vào nền tảng đạo đức, văn hóa mà mỗi người có. Do vậy, bên cạnh việc hoàn thiện thể chế kiểm soát quyền lực thì ở Việt Nam, vấn đề tuyên truyền, giáo dục niềm tin, lý tưởng, về trách nhiệm công vụ cho đội ngũ cán bộ làm việc trong bộ máy của hệ thống chính trị là hết sức cần thiết. Đó cũng là một yếu tố góp phần kiểm soát quyền lực.

- Hơn nữa, nguyên tắc tam quyền phân lập khi áp dụng vào các quốc gia khác nhau cũng phải tính đến đặc điểm văn hóa, lịch sử của từng quốc gia. Không phải ngẫu nhiên mà các mô hình Anh (phân quyền

mềm dẻo), Mỹ (phân quyền cứng rắn), Pháp (phân quyền hỗn hợp) có sự khác nhau ở một số điểm quan trọng trong tổ chức quyền lực. Một số quốc gia trên thế giới “nhập khẩu” các mô hình này về áp dụng ở nước mình mà không tính tới yếu tố văn hóa đã phải gánh chịu sự thất bại.

- Việc áp dụng lý thuyết tam quyền phân lập cũng có thể dẫn tới hoạt động của bộ máy nhà nước, của đời sống chính trị bị ngưng trệ, khi các nhánh quyền lực không thể thỏa hiệp với nhau. Đó là tình trạng “cùng chung sống” giữa Tổng thống và Thủ tướng thuộc về hai đảng khác nhau, trong hệ thống hỗn hợp (tiêu biểu là Pháp); tình trạng phủ quyết lẫn nhau giữa hai viện của Quốc hội, giữa Tổng thống và Quốc hội (Nghị viện) trong hệ thống tổng thống (tiêu biểu là Mỹ).

Về luận điệu “Hệ thống một đảng cầm quyền là nguyên nhân dẫn đến tham nhũng, vì đảng không thể chống lại chính mình”

Các thế lực thù địch lập luận rằng:

- Hệ thống đa đảng đối lập sẽ chống tham nhũng hiệu quả nhất. Trong các hệ thống đa đảng cạnh tranh, luôn có đảng, hoặc liên minh cầm quyền và có các đảng phái đối lập, hoặc liên minh đối lập. Thậm chí ở các nước theo mô hình Anh còn tổ chức “chính phủ bóng” để giám sát, phản biện lại đảng cầm quyền. Các đảng đối lập có nhiệm vụ giám sát mọi hoạt động của đảng cầm quyền, vạch trần những khuyết điểm, những lỗ hổng trong các chính sách mà đảng cầm quyền đưa ra. Điều đó khiến cho mọi hoạt động của chính phủ cầm quyền bị đặt trong vòng kiểm soát và buộc chính phủ phải hoạt động có trách nhiệm hơn, chống được tình trạng lạm quyền, tham nhũng.

- Ở Việt Nam, chỉ có một đảng duy nhất cầm quyền, Đảng nắm giữ các vị trí quyền lực từ Trung ương đến địa phương. Một đảng cầm quyền thì sẽ không có phản biện, dẫn đến tình trạng độc đoán, chuyên quyền. Hơn nữa, trong hệ thống một đảng cầm quyền, động cơ chống tham nhũng là rất yếu. Vì có chống hay không thì đảng vẫn cầm quyền, người dân dù mất niềm tin, nhưng cũng không thể có lựa chọn nào

khác. Trong khi đó, ở các quốc gia đa đảng, việc các đảng đối lập đưa ra ánh sáng các hành vi lạm quyền, tham nhũng của đảng cầm quyền, có thể khiến cho đảng đó bị thất cử, và nếu đảng đối lập đủ sự tín nhiệm của người dân sẽ lại trở thành đảng cầm quyền. Do vậy, ở Việt Nam muốn chống tham nhũng phải hình thành đa đảng đối lập.

Để đấu tranh, phản bác những luận điệu trên, các lực lượng của ta thường sử dụng các luận điểm:

- Tham nhũng không hoàn toàn gắn với chế độ đa đảng đối lập hay một đảng duy nhất cầm quyền. Trên thực tế, có rất nhiều quốc gia có hệ thống đa đảng đối lập nhưng tình trạng tham nhũng vẫn diễn ra khá trầm trọng. Theo Tổ chức minh mạch quốc tế (Transparency International - TI) xếp hạng những quốc gia có nạn tham nhũng nhất thế giới năm 2013 lại là những quốc gia có chế độ đa đảng, đa nguyên chính trị như: Xômali, Ápganixtan, Xuđang, Libi, Irắc, Udobêkixtan, Yêmen... Đây cũng là những quốc gia có bất ổn về chính trị và gặp khó khăn về kinh tế. Ở các nước phát triển, nạn tham nhũng có giảm, nhưng không phải là đã được loại bỏ hoàn toàn. Như vậy, có thể khẳng định, không hẳn hệ thống một đảng cầm quyền là nguyên nhân dẫn đến tham nhũng.

- Ở Việt Nam, Đảng ta đã sớm nhận rõ mức độ nghiêm trọng của tham nhũng khi nhận định tham nhũng là “quốc nạn”, có thể ảnh hưởng đến sự tồn vong của chế độ. Đảng và Nhà nước ta ban hành một loạt các chủ trương, chính sách để chống tham nhũng một cách quyết liệt. Các đại hội Đảng X, XI và XII đều khẳng định mức độ nghiêm trọng của tham nhũng và thể hiện quyết tâm của Đảng trong chống tham nhũng.

- Trong thời gian qua, hàng loạt các vụ án tham nhũng được đưa ra xét xử thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, không có vùng cấm trong quá trình xét xử. Cả những người có chức vụ cao như Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên Bộ Chính trị cũng phải chịu những mức án rất nặng. Điều đó khẳng định rằng, trong hệ thống một đảng cầm

quyền như ở Việt Nam, nếu Đảng thường xuyên nghiêm khắc với chính mình, kiên quyết chống tham nhũng thì tình hình sẽ dần được cải thiện.

Trong các biện pháp chống tham nhũng, Đảng ta không chỉ dựa vào sự kêu gọi tinh thần tự giác của đảng viên, tự phê bình và phê bình, tuyên truyền, vận động, mà Đảng đã có những bước đi thích hợp trong đổi mới về thể chế. Điều này thể hiện rõ trong những quy định của Đảng về kiểm soát quyền lực trong Đảng, đặc biệt là người đứng đầu; trong những điều chỉnh của hệ thống pháp luật về kiểm soát quyền lực, chống tham nhũng. Với những nỗ lực trên, chắc chắn cuộc chiến chống tham nhũng của Đảng ta trong thời gian tới sẽ chuyển sang một giai đoạn mới.

3. Vấn đề xây dựng hệ thống chính trị hoạt động hiệu lực, hiệu quả trong tình hình mới

a) Hệ thống chính trị và vấn đề đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta

Hệ thống chính trị Việt Nam là một chính thể thống nhất bao gồm Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội. Hệ thống chính trị Việt Nam tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Trong hệ thống chính trị Việt Nam, cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ” được coi là phương thức vận hành chủ đạo.

Trong tình hình hiện nay, vấn đề xây dựng một hệ thống chính trị hoạt động hiệu lực, hiệu quả trở thành một nhiệm vụ cấp bách. Ý thức rõ về vấn đề này, Hội nghị Trung ương 6 khóa XII đã ban hành Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp, tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”. Bộ Chính trị cũng đã ban hành Kế hoạch số 07-KH/TW, ngày 27/11/2017 nhằm sớm đưa Nghị quyết này vào cuộc sống. Tinh thần của Nghị quyết đã được phổ biến, quán triệt tới đội ngũ

cán bộ chủ chốt ở các địa phương, cơ quan, đơn vị và toàn thể cán bộ, đảng viên, người lao động trong hệ thống chính trị.

Sau hai năm thực hiện, xét về tính hiệu lực, hiệu quả của hệ thống chính trị Việt Nam, có thể thấy một số ưu điểm nổi bật như: Mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị đã bước đầu đáp ứng được những đòi hỏi của tình hình thực tiễn. Tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị đã từng bước được tinh gọn, sắp xếp lại theo hướng hợp lý hơn. Các thành tố trong hệ thống chính trị đã có đổi mới về phương thức hoạt động, đưa ra được những quyết sách giải quyết các vấn đề bức thiết đặt ra đối với sự phát triển của đất nước. Cơ chế kiểm soát quyền lực bước đầu hạn chế được tình trạng tham nhũng, lạm dụng quyền lực. Điều này góp phần củng cố niềm tin của người dân đối với chế độ, đối với Đảng và Nhà nước.

Bên cạnh các kết quả đạt được, thực tế ở một số địa phương, đơn vị cho thấy, việc nghiên cứu, hoàn thiện mô hình tổng thể của hệ thống chính trị cho phù hợp với điều kiện mới còn chậm; việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy còn chưa đạt mục tiêu đề ra. Quá trình thực hiện tinh giản chủ yếu mới dừng lại ở số lượng, chưa tiến hành cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí, việc làm. Những hạn chế này có nguyên nhân quan trọng từ công tác tổ chức, do đây là một công việc nhạy cảm và phức tạp, ảnh hưởng đến lợi ích của nhiều đối tượng; nhưng quan trọng hơn, là do cấp ủy đảng còn chưa nhận thức được tầm quan trọng của việc thực hiện Nghị quyết trong bối cảnh mới hiện nay.

b) Nhận diện các luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, những luận điểm đấu tranh, phản bác của ta và những kiến nghị

Các thế lực thù địch tập trung cho rằng, mô hình hệ thống chính trị Việt Nam quá cồng kềnh, hoạt động kém hiệu quả, không phù hợp với hoàn cảnh mới. Theo họ, mô hình hệ thống chính trị Việt Nam gồm bộ máy Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, được tổ chức từ Trung ương đến địa phương là quá cồng kềnh,

chi phí cho hoạt động của bộ máy quá lớn (cả hệ thống đều hưởng lương từ ngân sách nhà nước). Bên cạnh đó, chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức trong hệ thống chính trị có sự trùng chéo. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội chỉ là cánh tay nối dài của Đảng. Do vậy, họ đề xuất các tổ chức đảng, Mặt trận và tổ chức đoàn thể phải tự chủ về kinh phí hoạt động; các tổ chức chính trị - xã hội phải có vị thế độc lập mới có thể đại diện cho lợi ích của các thành viên trong tổ chức.

Để đấu tranh, phản bác những luận điệu trên, các lực lượng của ta thường sử dụng các luận điểm:

- Nhận thức được những bất cập trong mô hình tổ chức của hệ thống chính trị Việt Nam, Đảng ta đã chủ trương phải tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả thông qua việc ban hành một loạt các nghị quyết (Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XII) và kế hoạch thực hiện. Những định hướng trên của Đảng đã được hiện thực hóa trong hơn hai năm qua trong toàn hệ thống chính trị.

Những nỗ lực trên đã giúp tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị từng bước được kiện toàn theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Từng cấp, từng ngành đã triển khai, tổ chức thực hiện đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm với những lộ trình và bước đi phù hợp. Các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị đã giảm dần đầu mối, nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị được rà soát, bổ sung, hoàn thiện, từng bước khắc phục sự trùng chéo, trùng lặp; xác định rõ hơn thẩm quyền, trách nhiệm của các tổ chức; giảm cấp trung gian, giảm các đầu mối bên trong, giảm số lượng các tổ chức và lãnh đạo, quản lý cấp phòng khối chính quyền địa phương, đơn vị sự nghiệp trong các đơn vị của cơ quan Trung ương.

Bản thân trong nội bộ từng cơ quan, tổ chức cũng có những thay đổi, điều chỉnh theo hướng hợp lý hóa, tối ưu hóa, phù hợp với chức năng,

nhiệm vụ, và đòi hỏi của tình hình mới. Một loạt các quyết định chính trị liên quan đến việc xác lập các hành lang pháp lý, quy chế hoạt động của hệ thống chính trị cũng đã được bổ sung và hoàn thiện.

Sau hai năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII, chúng ta đã đạt được một số kết quả đáng ghi nhận. Cụ thể, theo các số liệu của Ban Tổ chức Trung ương, tính đến hết năm 2019, toàn hệ thống chính trị đã giảm 4 đầu mối trực thuộc Trung ương, 61 đầu mối trực thuộc cấp tỉnh, 485 đầu mối trực thuộc cấp huyện; 7 tổng cục và tương đương; 87 cục, vụ, 73 đơn vị sự nghiệp thuộc ban, bộ, ngành Trung ương; gần 2.500 phòng và tương đương; hơn 2.100 đội thuộc chi cục; giảm hơn 4.100 đơn vị sự nghiệp công lập, giảm hơn 2.200 đầu mối trong các đơn vị sự nghiệp công lập; giảm gần 15.200 cấp trưởng, phó¹.

- Bên cạnh đó, việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cũng đã giảm được hàng chục nghìn cán bộ, công chức tại các cơ quan, đơn vị, địa phương. Sau khi thực hiện tinh giản biên chế, các mô hình mới bước đầu đã phát huy hiệu quả. Có thể nói, kết quả rõ nhất là việc thí điểm và sáp nhập một số cơ quan, tổ chức có cùng các chức năng tương ứng trong hệ thống chính trị như: Hợp nhất Ban tổ chức cấp ủy với Cơ quan nội vụ cấp huyện; Ủy ban kiểm tra cấp ủy với Cơ quan thanh tra cấp huyện; Đảng bộ khối doanh nghiệp với Đảng bộ khối các cơ quan cấp tỉnh; Văn phòng cấp ủy với Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện, hay mô hình Trưởng ban Dân vận đồng thời là Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc; Trưởng ban Tuyên giáo đồng thời là Giám đốc Trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện.

Những bằng chứng trên cho thấy, mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị Việt Nam đang được đổi mới theo hướng hợp lý hóa,

1. Xem trang Thông tin điện tử tổng hợp Ban Nội chính Trung ương: "Đổi mới, sáp xếp bộ máy chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả", ngày 24/12/2019.

tối ưu hóa. Từ đó, làm cho tính hiệu lực, hiệu quả của hệ thống chính trị được cải thiện rõ rệt.

Thực tế cho thấy, cần bổ sung luận điểm sau đây: Tính hiệu lực, hiệu quả trong tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị có thể được tính toán dựa trên nhiều tiêu chí khác nhau, như tính khả thi và thực tế của các quyết định chính trị, mức chi phí cho hoạt động của bộ máy, tính kịp thời và chất lượng của các quyết định của hệ thống trong việc đáp ứng được các đòi hỏi của môi trường bên ngoài. Nếu xét theo các tiêu chí này, trong thời gian qua, tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị Việt Nam đều có những cải thiện đáng kể. Đồng thời, Đảng và Nhà nước sẽ tiếp tục rà soát, bổ sung lại các quy định, hướng dẫn, các văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện một số nội dung mới được đưa ra trong Nghị quyết số 18-NQ/TW.

Phân thứ ba

**TỔNG KẾT THỰC TIỄN, NGHIÊN CỨU
LÝ LUẬN VỀ SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG, BẢO VỆ
TỔ QUỐC VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ
CỦA VIỆT NAM TRONG TÌNH HÌNH MỚI**

NHẬN THỨC VÀ GIẢI QUYẾT MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐỔI MỚI KINH TẾ VÀ ĐỔI MỚI CHÍNH TRỊ

PGS.TS. PHẠM VĂN LINH*

1. Nhận thức về đổi mới kinh tế, đổi mới chính trị

a) Về đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị

Mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị là một trong tám mối quan hệ lớn được nêu trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)*. Tuy nhiên, vấn đề này được đặt ra ngay từ khi đất nước ta tiến hành công cuộc đổi mới, trong đó trực tiếp và trước hết là đổi mới kinh tế. Đây cũng được coi là một bước ngoặt lịch sử, một sự thay đổi căn bản, sâu sắc và toàn diện, cả về nhận thức và hành động, để chuyển đất nước từ mô hình phát triển cũ sang mô hình mới, là tiền đề quan trọng để đem lại thành quả to lớn và có ý nghĩa lịch sử ngày hôm nay. Thực tiễn lịch sử cho thấy, mọi cuộc đổi mới đều bắt đầu trước hết từ đổi mới tư duy, tiếp đó là đổi mới thể chế và cuối cùng là đổi mới tổ chức, bộ máy, con người cho phù hợp với yêu cầu mới. Do vậy, đó cũng chính là nội dung cốt lõi của mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị, là cơ sở cho việc hình thành chủ trương, đường lối phát triển đất nước trong suốt gần 35 năm qua.

* Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương.

Ở Việt Nam, đổi mới không có nghĩa là phủ định mọi thành quả của đất nước đã đạt được, mà là sự kế thừa, “sửa chữa những sai lầm, khuyết điểm”, tôn trọng quy luật khách quan, đảm bảo cho đất nước phát triển nhanh và bền vững theo mục tiêu đã lựa chọn. Tại Đại hội VI, Đảng ta khẳng định: “Đổi mới tư duy không có nghĩa là phủ nhận những thành tựu lý luận đã đạt được, phủ nhận những quy luật phổ biến của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, phủ nhận đường lối đúng đắn đã được xác định, trái lại, chính là bổ sung và phát triển những thành tựu ấy”¹.

Về kinh tế, đó cũng là quá trình đổi mới tư duy kinh tế, từ tư duy của kinh tế hiện vật, bao cấp khép kín với tư tưởng nóng vội, chủ quan, duy ý chí, “càng công hữu nhiều, càng nhiều chủ nghĩa xã hội”, sang hệ thống quan điểm phát triển mới, xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đó cũng là quá trình khắc phục những sai lầm, khuyết điểm của tư duy giáo điều, coi kinh tế thị trường đồng nhất với chủ nghĩa tư bản, kinh tế kế hoạch đồng nhất với chủ nghĩa xã hội. Chuyển từ nền kinh tế bị chia cắt, khép kín trong nước sang hội nhập quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại, tham gia sâu vào phân công lao động và hợp tác quốc tế với tư cách là thành viên có trách nhiệm, đối tác tin cậy trong cộng đồng quốc tế... Đổi mới tư duy kinh tế ở Việt Nam còn là quá trình bổ sung, phát triển vừa tuân tự, kế thừa, vừa đi tắt, đón đầu, tôn trọng quy luật khách quan, tiếp tục hoàn thiện tư duy kinh tế, hình thành hệ thống các quan điểm kinh tế mới phù hợp với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Đổi mới kinh tế đòi hỏi phải thể chế hóa các chủ trương, quan điểm đổi mới trong kinh tế thành luật pháp, cơ chế chính sách, đảm bảo cho nền kinh tế vận hành trên nền tảng của thể chế phát triển mới. Từ những tư tưởng đổi mới kinh tế của Đại hội VI của Đảng, nhiều cơ chế,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.47, tr.460.

chính sách mới được ban hành, được thể chế hóa đảm bảo tính pháp lý cho quan hệ hàng hóa - tiền tệ; các thành phần kinh tế được tồn tại và phát triển bình đẳng trước pháp luật với nhiều hình thức sở hữu, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức. Chức năng quản lý kinh tế của Nhà nước, từ trực tiếp kinh doanh chuyển sang xây dựng thể chế, tạo môi trường, xây dựng chiến lược, quy hoạch và kiểm tra giám sát, hạn chế tối đa can thiệp vào thị trường. Trải qua các thời kỳ, các quan điểm, thể chế phát triển kinh tế thị trường tiếp tục được hoàn thiện. Đến Đại hội IX, Đảng ta khẳng định, mô hình kinh tế tổng quát trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa: “Mục đích của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là phát triển lực lượng sản xuất, phát triển kinh tế để xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, nâng cao đời sống nhân dân”¹.

Đổi mới kinh tế tiếp tục đi vào chiều sâu trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam, những vấn đề đã rõ tiếp tục được khẳng định, vấn đề chưa rõ được nghiên cứu, bổ sung cả về lý luận và thực tiễn qua các nhiệm kỳ sau này, nhất là các khóa XI, XII. Khẳng định, đó là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vừa tuân thủ các quy luật khách quan của thị trường, có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Đó là nền kinh tế nhiều thành phần, nhiều hình thức sở hữu, trong đó vị trí của kinh tế tư nhân được xác định là một trong những động lực quan trọng. Đó là nền kinh tế hội nhập sâu rộng với thế giới, nhưng vẫn đảm bảo là nền kinh tế độc lập, tự chủ, phù hợp với các thông lệ quốc tế: “Bảo đảm tính công khai, minh bạch, tính dự báo được thể hiện trong xây dựng và thực thi thể chế kinh tế, tạo điều kiện ổn định, thuận lợi cho phát triển

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.60, tr.181.

kinh tế - xã hội”¹. Như vậy, quá trình đổi mới tư duy kinh tế, hoàn thiện hệ thống các quan điểm lý luận về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam được phát triển lên tầm cao mới. Đặc biệt, Dự thảo văn kiện trình Đại hội XIII tiếp tục khẳng định: “Đó là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước nhằm mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh””².

Về đổi mới chính trị, trước hết được xác định là đổi mới tư duy về nền tảng tư tưởng trên cơ sở kế thừa những giá trị cốt lõi của chủ nghĩa Mác - Lê nin, những vấn đề có tính nguyên tắc về mô hình chủ nghĩa xã hội; về cơ cấu tổ chức, cơ chế vận hành hệ thống chính trị; về phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị; về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; về Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân; đổi mới việc xây dựng, vận hành nền dân chủ, pháp quyền xã hội chủ nghĩa... Đây là vấn đề lớn, hệ trọng của đất nước trong quá trình phát triển. Từ khi Đảng ta ra đời cho đến nay, thể chế chính trị nước ta đã được tổ chức chặt chẽ, thể hiện tính ưu việt của nền dân chủ mới và sự đoàn kết, thống nhất trong toàn xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng. Tuy nhiên, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong điều kiện mới đòi hỏi phải đổi mới đồng bộ, trong đó đổi mới chính trị cho phù hợp là hết sức quan trọng. Tại Hội nghị Trung ương 6 khóa VI, lần đầu tiên Đảng ta đề cập rõ nội hàm về hệ thống chính trị trong mối quan hệ thống nhất của các thành tố: Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị. Hội nghị Trung ương 7 khóa VI, xác định: “Chế độ chính trị của chúng ta là chế độ làm chủ của nhân dân lao động

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.104.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng (Tài liệu sử dụng tại đại hội chi bộ, đảng bộ cơ sở)*, Hà Nội, 02/2020, tr.19.

dưới sự lãnh đạo của Đảng... Chúng ta không chấp nhận chủ nghĩa đa nguyên chính trị, không để cho các tổ chức chống đối chủ nghĩa xã hội ra đời và hoạt động. Không coi việc thực hiện chính sách kinh tế nhiều thành phần là thực hiện chủ trương đa nguyên về kinh tế”¹. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (năm 1991) đã xác định mục tiêu tổng quát của hệ thống chính trị nước ta là nhằm từng bước xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân; xác định trách nhiệm của Đảng phải liên hệ mật thiết với nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật; lần đầu tiên xác định rõ về phương thức lãnh đạo của Đảng trong giai đoạn mới, Đảng không làm thay Nhà nước.

Trong các nhiệm kỳ từ khóa VII đến khóa X của Đảng, tư duy mới về chính trị tiếp tục được bổ sung và hoàn thiện, thể chế chính trị nước ta từng bước đổi mới cả về phương diện lý luận và thực tiễn hoạt động. Trong điều kiện xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô sụp đổ, trong nước công cuộc đổi mới mới bắt đầu, Đảng Cộng sản Việt Nam đã không ngừng đổi mới và chỉnh đốn nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí; chống suy thoái về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Đổi mới từng bước phương thức lãnh đạo của Đảng với Nhà nước và hệ thống chính trị... Đồng thời, coi trọng đổi mới tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, theo hướng xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân; quyền lực nhà nước là thống nhất trên cơ sở có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan trong bộ máy nhà nước, giữa các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Xác định rõ mọi quyền lực của Nhà nước đều thuộc về nhân dân, trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức.

Từ thực tiễn Việt Nam và thế giới, nhất là các nước đi lên chủ nghĩa xã hội, đổi mới chính trị, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.49, tr.745.

chính trị trước hết phải đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, theo hướng khoa học, dân chủ và tuân thủ pháp luật, đảm bảo hiệu quả lãnh đạo. Tiếp đó, phải tập trung xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, tăng cường kỷ luật, kỷ cương gắn với mở rộng dân chủ trong Đảng và toàn xã hội. Đổi mới chính trị là để hệ thống chính trị hoạt động hiệu quả hơn, hướng tới người dân, gắn bó máu thịt với nhân dân, làm cho mọi chủ trương, đường lối của Đảng đi vào cuộc sống. Trong quá trình đó, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng có vị trí hết sức quan trọng trong đổi mới chính trị. Các nhiệm kỳ khóa XI, XII của Đảng tiếp tục làm rõ hơn phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị; tập trung sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội. Dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội XIII của Đảng chỉ rõ: “Tiếp tục cụ thể hóa phương thức lãnh đạo của Đảng đã được xác định trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) ở tất cả các cấp bằng những quy chế, quy định, quy trình cụ thể”¹. Quy định cụ thể Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, phục vụ nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân về những quyết định của mình.

b) Mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị

Ở Việt Nam, từ khi Nhà nước công nông đầu tiên ra đời năm 1945 đến nay, mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị được phân kỳ thành hai giai đoạn rõ rệt: 1945 - 1986; 1986 đến nay. Trong giai đoạn đầu, nhiệm vụ trọng tâm là đánh đuổi đế quốc, thực dân giành độc lập và có hơn 10 năm đất nước thống nhất, nhưng bị bao vây cô lập, kinh tế hết sức khó khăn. Do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan, trong mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị giai đoạn này, chính trị được đặt lên hàng đầu với mục tiêu thống nhất đất nước, chính trị can thiệp sâu vào kinh tế, kinh tế phục vụ mục tiêu chính trị. Tuy vậy, sự phát triển kinh tế có

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng*, Tlđd, tr.40.

nhiều thời điểm đạt được thành tựu quan trọng, đáp ứng yêu cầu giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Nhưng cần khẳng định, đó là giai đoạn đặc biệt, việc giải quyết mối quan hệ kinh tế và chính trị kéo dài trong 10 năm tiếp theo, trước khi đất nước tiến hành công cuộc đổi mới đã vi phạm nhiều quy luật khách quan trong phát triển kinh tế. Từ năm 1986 đến nay là thời kỳ đổi mới kinh tế gắn với đổi mới chính trị, tất nhiên, đó là quá trình phát triển từ thấp đến cao, nhưng đó là quá trình thay đổi căn bản, có lộ trình, từ thực tiễn tổng kết thành lý luận để hoàn thiện hệ thống quan điểm đổi mới. Hội nghị Trung ương 6 khóa VI xác định: “Tập trung làm tốt đổi mới kinh tế, đồng thời từng bước đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của các tổ chức chính trị. Không thể tiến hành cải cách hệ thống chính trị một cách vội vã khi chưa đủ căn cứ, mở rộng dân chủ không có giới hạn, không có mục tiêu cụ thể và không đi đôi với tập trung thì dẫn đến sự mất ổn định về chính trị, gây thiệt hại cho sự nghiệp đổi mới”¹.

Giải quyết mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị luôn phải bám sát và giải quyết mối quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển, vừa phải tránh giáo điều cũ, chủ quan nóng vội, đồng thời phải tránh mất phương hướng, rơi vào giáo điều mới, vi phạm quy luật khách quan. Đại hội VIII của Đảng xác định: “Kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị”² và yêu cầu phải thống nhất từ nhận thức, tư duy và tổ chức thực hiện; phải có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp; phải toàn diện, đồng bộ và có tính kế thừa, tiến hành trên tất cả các lĩnh vực từ kinh tế, chính trị, văn hóa, đối ngoại... Trong các nhiệm kỳ từ Đại hội IX, X, XI và XII của Đảng, vấn đề giải quyết mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị tiếp tục được Đảng ta quan tâm sâu sắc, là tiền đề quan trọng để đất nước đạt được nhiều thành tựu to lớn, chuyển từ nước nghèo và kém phát triển sang

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.49, tr.745.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.55, tr.312.

nước có mức thu nhập trung bình và đang hướng tới quốc gia đang phát triển có mức thu nhập trung bình cao vào năm 2025.

Đại hội XI khẳng định: “Đổi mới chính trị phải đồng bộ với đổi mới kinh tế theo lộ trình thích hợp, trọng tâm là hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, mở rộng dân chủ trong Đảng và trong xã hội gắn với tăng cường kỷ luật, kỷ cương”¹. Giải quyết mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị là vấn đề cơ bản để đảm bảo cho đất nước ổn định và phát triển nếu như có bước đi và cách làm phù hợp. Trong quá trình đó, ở Việt Nam bên cạnh những thành tựu to lớn đã đạt được, vẫn còn nhiều điểm nghẽn, bất cập, trên một số vấn đề, đổi mới chính trị chưa đồng bộ với đổi mới kinh tế, năng lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị chưa ngang tầm với nhiệm vụ, bộ máy còn cồng kềnh, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế còn hạn chế. Đại hội XII chỉ rõ: “Đổi mới mạnh mẽ, toàn diện và đồng bộ, có bước đi phù hợp trên các lĩnh vực, nhất là giữa kinh tế và chính trị”², do đó để thúc đẩy mạnh hơn quá trình này, trước hết cần tập trung đổi mới thể chế phát triển cả kinh tế và chính trị. Trong nhiệm kỳ Đại hội XII, nhiều chủ trương lớn được Đảng, Nhà nước ban hành và tổ chức thực hiện, về kinh tế là thực hiện ba đột phá chiến lược (thể chế, nhân lực, kết cấu hạ tầng) cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng; thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới. Về chính trị là tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; tạo bước tiến và thành quả rõ rệt trong chống quan liêu, tham nhũng. Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh, xây dựng Đảng về đạo đức được coi trọng hơn, coi trọng sự nêu gương của người đứng đầu; tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.99-100.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.75.

Đồng thời, đẩy mạnh việc tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Ngăn chặn và đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị và đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, tạo tiền đề để đất nước bước vào giai đoạn mới hướng tới kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng (1930 - 2030) và 100 năm thành lập Nhà nước Việt Nam (1945 - 2045).

2. Đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái về đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị ở Việt Nam

a) Nhận diện các luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch chống phá Việt Nam

Vấn đề đổi mới kinh tế, đổi mới chính trị và mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị ở Việt Nam luôn bị các thế lực cơ hội, thù địch chống phá. Bởi vì, đây là vấn đề hệ trọng, liên quan đến sự ổn định và phát triển đất nước, đặc biệt những lúc khó khăn. Mục tiêu sâu xa của chúng là xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản, xóa bỏ chủ nghĩa xã hội, thành quả cách mạng của đất nước, nhân dân ta dày công xây dựng dưới sự lãnh đạo của Đảng. Chúng thông qua việc chống phá, gây mất ổn định, mất lòng tin, làm cho kinh tế không phát triển, xã hội bất ổn dẫn tới rối loạn, khủng hoảng và sụp đổ; hoặc làm cho chính trị rối loạn, đất nước không ổn định, kinh tế không phát triển, tất yếu cũng dẫn tới xóa bỏ chế độ chính trị.

Về đổi mới kinh tế, bên cạnh những vấn đề thường xuyên bị các thế lực thù địch chống phá, mang tính ý thức hệ, như quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Chúng cho rằng làm gì có quy luật này, các nước tư bản chủ nghĩa không thừa nhận quy luật này nhưng vẫn phát triển, hay quy luật này chỉ đúng trong thời của Mác - Lê nin, khi khoa học và công nghệ chưa phát triển; ngày nay người lao động gắn bó với tư bản, có cổ phần trong các doanh nghiệp tư bản, không bị bóc lột như trước đây, được quan tâm nhiều đến

lợi ích, chủ nghĩa tư bản đã có nhiều điều chỉnh, do đó không còn mâu thuẫn đối kháng giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản, do đó cho rằng, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là lỗi thời.

Vấn đề sở hữu công cộng dưới hai hình thức toàn dân và tập thể vẫn là một nội dung các thế lực thù địch xuyên tạc, chống phá. Lợi dụng một số yếu kém trong quản lý kinh tế ở một số nước đi lên chủ nghĩa xã hội, tình trạng tham nhũng, suy thoái đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên; tình hình một số doanh nghiệp nhà nước làm ăn kém hiệu quả, thất thoát tài sản; tình trạng khiếu kiện đông người diễn biến phức tạp liên quan đến đất đai, chúng cho rằng, còn duy trì sở hữu công cộng, nguồn lực đất nước còn lãng phí, sẽ không chống được tham nhũng, lãng phí, kinh tế tiếp tục chậm phát triển.

Về các thành phần kinh tế, cho dù đến nay chúng cho rằng chế độ cộng sản đã có những đổi mới về kinh tế, các thành phần kinh tế, nhưng không căn bản, không thực chất, do vẫn giữ kinh tế nhà nước có vị trí chủ đạo; nói rằng các thành phần kinh tế bình đẳng trước pháp luật, nhưng trên thực tế các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh vẫn bị phân biệt đối xử, không công bằng trong môi trường kinh doanh, trong tiếp cận nguồn lực. Cơ chế phân chia lợi ích chưa rõ ràng ngay trong doanh nghiệp nhà nước, trong việc thực hiện nghĩa vụ đóng góp đối với xã hội của các thành phần kinh tế. Tuy coi kinh tế tư nhân là động lực quan trọng, nhưng kinh tế tư nhân vẫn bị phân biệt đối xử, chưa minh bạch trong chính sách, vẫn còn tình trạng “võ béo để thịt”, bị sách nhiễu, kiểm tra, vòi vĩnh vô lý.

Về chính trị và đổi mới chính trị, đây là vấn đề các thế lực thù địch thường xuyên chống phá quyết liệt. Ở Việt Nam, sự chống phá của các thế lực thù địch bên trong, bên ngoài vẫn tập trung vào phê phán chế độ một đảng, coi đó là đảng trị, mất dân chủ, đòi phải đa nguyên, đa đảng. Hệ thống tổ chức, bộ máy công kênh, Chính phủ, Quốc hội, các tổ chức chính trị - xã hội chỉ là hình thức, theo đuôi Đảng. Đảng đứng trên luật pháp, quyền lực xã hội tập trung vào một số ít người. Rằng chỉ có tam quyền phân lập mới giám sát được quyền lực, hoạt động của

Nhà nước mới hiệu quả, mới chống được tham nhũng. Nói là xây dựng Nhà nước pháp quyền, nhưng trên thực tế, luật pháp không được tôn trọng, nhiều vụ việc thực hiện theo sự chỉ đạo của Đảng.

Họ cho rằng, chủ nghĩa xã hội là mất dân chủ, như thực tế ở Bắc Triều Tiên, Trung Quốc, Việt Nam... tình trạng khiếu kiện, điểm nóng xảy ra thường xuyên, người có tôn giáo, người dân tộc bị đàn áp; các tổ chức chính trị do Đảng thành lập ra hoạt động kém hiệu quả, là sân sau của quan chức, không có vai trò đại diện cho quần chúng, làm cho bộ máy công kẽm, tốn tiền thuế của người dân. Tình trạng bưng bít thông tin tràn lan, người dân không có tiếng nói, không cho phép các tổ chức dân sự được hoạt động; báo chí bị kiểm duyệt, không có báo tư nhân; những người bất đồng chính kiến thì bị bắt, bị tra tấn, đánh đập; vẫn còn phân biệt đối xử theo lý lịch, miền Bắc, miền Nam, trong và ngoài nước. Tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị đều do Đảng chi phối, do vậy mất đi sự sáng tạo.

Việc giải quyết mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị trong quá trình phát triển đất nước cũng đặt ra nhiều vấn đề tồn tại, bất cập để các thế lực thù địch, cơ hội lợi dụng chống phá. Quá trình nhận thức về sự phù hợp giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị ở Việt Nam không phải đã có tiền lệ, nhiều vấn đề mới phải qua thực tiễn kiểm nghiệm; không ít những hạn chế, yếu kém do nhận thức và thực hiện của bộ máy hành chính trong quá trình chuyển đổi, dẫn đến sự trì trệ ở một số lĩnh vực, thiếu sáng tạo, khách quan, đôi khi có biểu hiện chính trị hóa một số vấn đề kinh tế cụ thể. Bởi vậy, các thế lực cơ hội, thù địch cho rằng, đó là sự nửa vời, đổi mới kinh tế mà không đổi mới chính trị tương ứng, kinh tế nhiều thành phần nhưng chính trị lại độc đảng, đó là sự pha trộn giữa “nước với lửa”, chắc chắn sẽ kém hiệu quả. Rằng, phải từ bỏ chủ nghĩa Mác - Lênin, sử dụng các lý thuyết, trường phái kinh tế học mới tránh được sự can thiệp quá sâu của Nhà nước vào sự vận hành của nền kinh tế thị trường, tránh được sự can thiệp của chính trị vào kinh tế. Rằng, không có khái niệm dân chủ xã hội chủ nghĩa, dân chủ là giống nhau, chỉ khác

là cách thực hiện, vận dụng; dân chủ là phi chính trị, phi giai cấp, không đảng phái, là tự do tranh cử, v.v..

Việc chấp nhận kinh tế thị trường đối với các nước đi lên chủ nghĩa xã hội vẫn còn khiên cưỡng, nửa vời. Đã chấp nhận kinh tế thị trường, tuân thủ theo quy luật thị trường lại còn “định hướng xã hội chủ nghĩa”, trên thực tế chưa rõ về mô hình, hoặc chỉ danh nghĩa, thực chất đã chuyển sang theo mô hình chủ nghĩa tư bản. Một số nước xã hội chủ nghĩa còn lại kinh tế gặp nhiều khó khăn, nhìn chung đó là sự mâu thuẫn.

b) Những luận cứ đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch

Cần phải thấy rõ rằng, sự chống phá của các thế lực cơ hội, thù địch là cuộc đấu tranh ý thức hệ, diễn ra lâu dài, chúng ta có làm tốt, chúng vẫn phá, vẫn xuyên tạc. Biện pháp phản bác hữu hiệu nhất là đất nước vẫn ổn định, phát triển, đời sống người dân không ngừng được nâng lên. Sức mạnh tổng hợp của đất nước được tăng cường, vị thế quốc gia ngày càng tăng trên trường quốc tế. Vì vậy, nhìn lại thực tiễn lịch sử nước ta, những thành tựu đã đạt được trong bối cảnh quốc tế diễn biến phức tạp, càng khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, mô hình phát triển đất nước do Đảng, nhân dân ta lựa chọn. Sự chống phá của các thế lực cơ hội, thù địch chỉ mang tính hận thù giai cấp, không có giá trị. Cụ thể là:

Thứ nhất, nhìn lại 75 năm ra đời nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, dù phải trải qua nhiều khó khăn, gian khổ, sự chống phá của các thế lực cơ hội, thù địch; sự thoái trào của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, nhưng Việt Nam vẫn phát triển, đất nước thống nhất, đạt được nhiều thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Trong quá trình đó, xét về bản chất, phải giải quyết nhiều vấn đề to lớn, trong đó có mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị. Khi thực hiện cách mạng giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, nhờ giải quyết tốt mối quan hệ

giữa kinh tế và chính trị, Việt Nam mới giành được chiến thắng trong cuộc đấu tranh bảo vệ nền độc lập trước các thế lực xâm lăng có sức mạnh hơn ta nhiều lần. Khi đất nước đã thống nhất, dưới sự lãnh đạo của Đảng, từ một nước có điểm xuất phát thấp, bị tàn phá sau chiến tranh, sau gần 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới, đây lại là một cuộc cách mạng mới, sâu sắc, toàn diện, trong đó có đổi mới kinh tế, đồng thời với đổi mới chính trị với bước đi, hình thức phù hợp. Những thành tựu đạt được trên nhiều lĩnh vực của Việt Nam được thế giới ghi nhận, đất nước chưa bao giờ có được cơ đồ như ngày nay. Cho đến nay, ở Việt Nam, không có tổ chức chính trị nào có thể thay thế được vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Thứ hai, trong việc giải quyết mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị, đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị, trên thế giới không có quốc gia nào không bị trả giá, bị sai lầm trong quá trình phát triển. Chủ nghĩa tư bản có lịch sử ra đời và phát triển hàng trăm năm nay, làm giàu trên máu và nước mắt của biết bao quốc gia, dân tộc, và ngay người lao động trên đất nước của họ, nhưng với hơn 200 quốc gia trên thế giới, số nước giàu có mới chỉ được vài nước. Hơn nữa, ngay trong những nước đó, sự bất công, phân biệt chủng tộc, xung đột sắc tộc, phân hóa giàu nghèo rất lớn. Bởi vậy, những hạn chế, khuyết điểm của Việt Nam trong quá trình phát triển nói chung, trong giải quyết mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị nói riêng cũng không làm mất đi tính chính nghĩa, tính đúng đắn của sự lựa chọn mô hình phát triển, của con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, là xu thế phát triển của lịch sử loài người.

Thứ ba, quá trình giải quyết mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị ở Việt Nam là quá trình thận trọng, chắc chắn, lấy thực tiễn làm tiêu chuẩn của chân lý, được tổng kết từ thực tiễn để khái quát thành lý luận, vừa tránh giáo điều cũ, đồng thời không nóng vội, chủ quan duy ý chí, vi phạm quy luật khách quan. Nhìn thẳng vào những sai lầm, khuyết điểm, không né tránh. Điều này được thực tiễn

kiểm nghiệm trong quá trình phát triển ở Việt Nam, Đảng luôn lấy lợi ích quốc gia, dân tộc làm tiêu chí để xem xét; lấy mục tiêu vì lợi ích của nhân dân để điều chỉnh, giải quyết những mâu thuẫn, vướng mắc đặt ra trong quá trình phát triển. Khi mắc sai lầm, trước hết xem xét từ trong nội bộ Đảng, trách nhiệm của Đảng, Nhà nước để tìm biện pháp khắc phục, xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa “xây và chống”, trong đó xây là cơ bản, lâu dài; chống là kiên quyết, triệt để.

Thứ tư, về phương pháp luận giải quyết mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị, trước hết được xem xét trong tính chỉnh thể, hệ thống, đó là nền tảng tư tưởng - chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, để thấy rõ đâu là những nguyên lý còn nguyên giá trị nhưng các thế lực thù địch, cơ hội vẫn chống phá; đâu là những vấn đề cần bổ sung, phát triển và vấn đề nào thực tiễn cuộc sống đã vượt qua trong lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin. Đây là điều hết sức quan trọng để đảm bảo tính khoa học, cách mạng, hơi thở cuộc sống, tiếp thu tinh hoa của nhân loại trong nền tảng tư tưởng của Đảng, từ đó phân loại, thấy rõ hơn âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch, giúp chúng ta không bị mất phương hướng. Bên cạnh đó, cần phân loại đâu là những vấn đề sai lầm trong tổ chức thực hiện, những sai lầm, khuyết điểm mắc phải do tác động của các yếu tố từ bên ngoài.

Thứ năm, đổi mới chính trị ở Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, trực tiếp là cơ sở để đất nước có được bước phát triển to lớn hiện nay. Hệ thống lý luận về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam ngày càng sáng rõ hơn, nền tảng tư tưởng của Đảng tiếp tục được bổ sung và phát triển, là cơ sở quan trọng để hoạch định đường lối, chủ trương của Đảng một cách đúng đắn. Hệ thống tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tiếp tục được tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả hơn; phương thức lãnh đạo của Đảng tiếp tục được đổi mới và hoàn thiện: “Tổ chức bộ máy các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục được sắp xếp, kiện toàn theo yêu cầu

nhiệm vụ mới. Chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của các tổ chức trong hệ thống chính trị được phân định, điều chỉnh phù hợp hơn”¹, và “phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị tiếp tục được đổi mới. Đã ban hành nhiều quy chế, quy định, quy trình công tác để thực hiện, bảo đảm giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, đồng thời phát huy vai trò, tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chính trị”²; “Quốc hội có nhiều đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động. Hệ thống pháp luật tiếp tục được hoàn thiện”³; “Chính phủ và các bộ tập trung hơn vào quản lý, điều hành vĩ mô và năng động giải quyết những vấn đề lớn, quan trọng. Cải cách hành chính tiếp tục được chú trọng và bước đầu đạt kết quả tích cực”⁴. Những kết quả tích cực đó tạo ra nhiều thay đổi lớn trong đời sống xã hội. Dân chủ xã hội chủ nghĩa được phát huy, mở rộng hơn, người dân được thông tin, giám sát hoạt động của các cơ quan Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội: “Quyền làm chủ của nhân dân được phát huy tốt hơn trong các lĩnh vực của đời sống xã hội bằng dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện, nhất là trong lĩnh vực chính trị và kinh tế”⁵. Hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách ngày càng thích ứng với thông lệ quốc tế, tính nghiêm minh trong thực hiện cao hơn. Nhờ đó, Việt Nam đạt được nhiều thành tựu to lớn, được thế giới ghi nhận, nhân dân đồng tình, ủng hộ.

Thứ sáu, những hạn chế, yếu kém, sai lầm, khuyết điểm được Đảng, Nhà nước thẳng thắn chỉ rõ và tìm cách khắc phục. Đại hội XII đã chỉ rõ: “Đổi mới chính trị chưa đồng bộ với đổi mới kinh tế, năng lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị chưa ngang tầm nhiệm vụ”⁶. Một số vấn đề trong đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị còn chưa đồng bộ, làm ảnh hưởng, thậm chí là điểm nghẽn của sự phát triển: “Hoàn thiện thể chế kinh tế còn chậm, thiếu kiên quyết; hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách chưa hoàn chỉnh và đồng bộ, chất lượng không cao, chưa đáp

1, 2, 3, 4, 5, 6. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.187, 190, 172, 172, 167, 68.

ứng được yêu cầu đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, thực hiện ba đột phá chiến lược”¹. Sự tác động trở lại của đổi mới chính trị đối với đổi mới kinh tế chưa tương xứng, nhiều khi còn chậm. Trong nhiều trường hợp, chủ trương, đường lối đúng nhưng vướng mắc trong tổ chức bộ máy, thể chế và tổ chức thực hiện dẫn đến hạn chế sự phát triển, như: “Quyền tự do kinh doanh chưa được tôn trọng đầy đủ; môi trường đầu tư, kinh doanh không thật sự thông thoáng, bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng giữa các doanh nghiệp. Giá cả một số hàng hóa, dịch vụ thiết yếu chưa thật sự tuân theo nguyên tắc thị trường”². Một số hạn chế, vướng mắc chậm được giải quyết, thậm chí kéo dài trong một số nhiệm kỳ, làm cho vận hành của các tổ chức trong hệ thống chính trị trong một số trường hợp thiếu thống nhất, thông suốt, như công tác xây dựng Đảng còn nhiều yếu kém chậm được khắc phục; việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa chưa theo kịp yêu cầu phát triển kinh tế và quản lý đất nước; chưa chế định rõ, đồng bộ, hiệu quả cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực nhà nước ở các cấp. Từ đó, nhiều tiềm năng, thế mạnh của đất nước chưa được phát huy, lực lượng sản xuất, sức sản xuất của xã hội chưa được giải phóng đầy đủ, môi trường dân chủ, sáng tạo chưa phát huy tốt: “Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc chưa được phát huy đầy đủ”³.

Từ thực tiễn thành tựu và những hạn chế trong đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị tác động đến sự phát triển của đất nước cho thấy, những kết quả đạt được trong phát triển của đất nước là cơ bản, to lớn và có ý nghĩa lịch sử, khẳng định con đường, mô hình phát triển và những đổi mới kinh tế và chính trị của Việt Nam là đúng hướng. Chúng ta thảng thắn nhìn nhận và sửa chữa những hạn chế, khuyết điểm. Sự chống phá của các thế lực cơ hội, thù địch là sự tiếp nối của cuộc đấu tranh ý thức hệ trong điều kiện mới, một phần là hận thù dân tộc, muốn phá hoại, làm mất ổn định, phát triển đất nước. Những luận điểm

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.98-99, 99, 179.

này không có ý nghĩa gì về tri thức, lý luận, nhưng chúng ta không được coi nhẹ; phải kiên quyết, kiên trì đấu tranh, phê phán.

c) Một số kiến nghị, đề xuất

Một là, tiếp tục nghiên cứu, bổ sung và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tiếp thu tinh hoa của nhân loại và vận dụng phù hợp vào thực tiễn Việt Nam. Bổ sung hệ thống lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam vào nền tảng tư tưởng của Đảng. Bám sát mục tiêu, phương hướng phát triển đất nước trong từng thời kỳ, bối cảnh thế giới để định hướng cho đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị, đảm bảo sự đồng bộ, tránh chủ quan duy ý chí hoặc mất phương hướng, rơi vào giáo điều mới. Tiến hành từng bước, có trọng tâm, trọng điểm; giải quyết mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị phải đặt trong tổng thể sự phát triển đất nước, trong mối quan hệ với các vấn đề khác, như quốc phòng, an ninh, đối ngoại, các vấn đề về văn hóa, xã hội khác.

Hai là, luôn bám sát thực tiễn phát triển đất nước, dự báo đúng đắn những thời cơ, thách thức từ bên ngoài để giải quyết mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị, đảm bảo nguyên tắc, mục tiêu đã xác định, đồng thời nắm vững những mâu thuẫn, điểm nghẽn cần tháo gỡ, phù hợp với xu thế chung của nhân loại, nhất là những trọng tâm, trọng điểm trong từng thời kỳ. Về mục tiêu phát triển, cần cập nhật tiêu chí đánh giá sự tiến bộ xã hội, tiêu chí về hạnh phúc theo thông lệ quốc tế để có căn cứ phấn đấu; tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, làm rõ hơn vấn đề đảng cầm quyền, đảng lãnh đạo, vấn đề giám sát quyền lực trong Đảng và hệ thống chính trị. Đấu tranh chống tham nhũng, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong nội bộ. Tiếp tục đẩy mạnh việc tinh gọn tổ chức, bộ máy, lựa chọn cán bộ trong hệ thống chính trị đi đôi với hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách, nhất là thể chế phát triển, thúc đẩy giải phóng sức sản xuất xã hội.

Ba là, đổi mới nội dung, phương thức đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng nói chung và giải quyết mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị nói riêng. Các thế lực cơ hội, thù địch xuyên tạc, chống phá chúng ta trên nhiều phương diện, trong đó có vấn đề lý luận chính trị với những âm mưu, thủ đoạn khác nhau. Trong từng thời kỳ, cần có những nghiên cứu, dự báo phân loại đối tượng, lựa chọn các vấn đề cần tập trung; phối hợp chặt chẽ các cơ quan lý luận, bảo vệ pháp luật, thông tin đại chúng để nắm chắc tình hình, cung cấp luận cứ kịp thời, thuyết phục, lựa chọn phương thức đấu tranh phù hợp. Thường xuyên tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, tiếp thu những thành tựu, tinh hoa của nhân loại, bổ sung và phát triển nền tảng tư tưởng của Đảng. Trong điều kiện hiện nay, bên cạnh các hình thức đấu tranh thông thường, cần chú ý coi trọng việc đấu tranh trên mạng xã hội và đối thoại với những cá nhân bất đồng chính kiến, đi đôi với giữ nghiêm kỷ luật phát ngôn, ý thức chấp hành các quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với cán bộ, đảng viên. Quan tâm đúng mức việc thông tin, tuyên truyền, giáo dục lý luận chính trị trong xã hội để nâng cao sức đề kháng của nhân dân, nhất là thế hệ trẻ.

NHẬN THỨC VÀ GIẢI QUYẾT MỐI QUAN HỆ GIỮA TUÂN THEO CÁC QUY LUẬT CỦA KINH TẾ THỊ TRƯỜNG VÀ BẢO ĐẢM ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

PGS.TS. NGUYỄN VĂN THẠO*

1. Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một trong những nội dung quan trọng hàng đầu trong đường lối đổi mới của Đảng, Nhà nước ta gần 35 năm qua. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được xác định là mô hình kinh tế tổng quát trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội của nước ta. Nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa cũng ngày càng rõ và đầy đủ hơn. Đến nay, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa mà nước ta xây dựng được xác định là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, đồng thời có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, phù hợp với trình độ phát triển đất nước trong từng giai đoạn, hướng tới mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Đó là nền kinh tế có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, bao gồm kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân

* Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương.

trong nước và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; trong đó, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể trở thành nền tảng của nền kinh tế, kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế. Các quyền sở hữu, quyền tài sản, quyền tự do kinh doanh, tự do lưu thông được pháp luật bảo vệ. Doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế đều hoạt động theo cơ chế thị trường, hợp tác và cạnh tranh bình đẳng theo pháp luật. Cơ chế vận hành nền kinh tế là cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Thị trường, với sự tác động của các quy luật khách quan của kinh tế thị trường, là yếu tố chủ yếu quyết định giá cả hàng hóa, huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa; tạo động lực phát triển và điều tiết hoạt động của doanh nghiệp, thanh lọc doanh nghiệp yếu kém. Nhà nước quản lý kinh tế bằng luật pháp, chính sách, các tiêu chuẩn, định mức, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và sử dụng lực lượng kinh tế của mình (gồm các nguồn lực thuộc sở hữu nhà nước và các doanh nghiệp nhà nước) để tạo khung khổ pháp luật, môi trường công khai, minh bạch, thuận lợi cho các chủ thể kinh tế, các thị trường hoạt động, cho sản xuất và lưu thông; khắc phục các khuyết tật của cơ chế thị trường; đồng thời, thúc đẩy và định hướng phát triển kinh tế, gắn kết phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường. Phân phối được thực hiện theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, theo mức đóng góp vốn và các nguồn lợi khác vào hoạt động kinh tế và thông qua hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội. Định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường được bảo đảm bởi vai trò quản lý của Nhà nước xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, được thể hiện ở hệ thống luật pháp, chính sách, các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch để tạo ra môi trường kinh doanh công khai, minh bạch, thuận lợi, tạo động lực phát triển kinh tế nhanh, bền vững; gắn kết phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội phù hợp với trình độ phát triển kinh tế; thể hiện ở quan hệ phân phối để mọi người đều được hưởng thành quả phát triển đất nước, hướng tới mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Nhận thức, quan điểm của Đảng về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được thể chế hóa thành luật pháp, chính sách, các chiến lược, chương trình, kế hoạch của Nhà nước, được thực hiện đạt kết quả, thành tựu to lớn. Đến nay, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của nước ta đã có đầy đủ các yếu tố của nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, đồng thời các yếu tố bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục được củng cố, tăng cường; kinh tế đất nước đạt tốc độ tăng trưởng cao trong một thời gian dài, cơ cấu và trình độ công nghệ thay đổi tích cực theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đưa đất nước thoát khỏi tình trạng nước nghèo, kém phát triển, trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình thấp, đời sống nhân dân được cải thiện, uy tín quốc tế của đất nước được nâng cao.

2. Từ nhiều năm trước và đến ngày nay, vẫn có một số người ở cả trong nước và nước ngoài, vì nhiều lý do, động cơ khác nhau, vẫn cho rằng không có nền kinh tế nào là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; kinh tế thị trường, các quy luật của kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa là những yếu tố đối lập nhau, loại trừ nhau; ghép định hướng xã hội chủ nghĩa vào kinh tế thị trường là sự gán ghép chủ quan duy ý chí, không có cơ sở khoa học, không thuyết phục, làm nảy sinh nhiều mâu thuẫn; nếu bỏ, không có cái đuôi “định hướng xã hội chủ nghĩa” thì kinh tế đất nước còn phát triển nhanh hơn, kết quả đạt được còn lớn hơn. Do đó, mặc dù Việt Nam ra sức tuyên truyền, vận động, nhưng nhiều nước vẫn không công nhận kinh tế Việt Nam là kinh tế thị trường để được hưởng các quy chế ưu đãi trong quan hệ kinh tế với các nước.

Họ còn cho rằng, *một mặt*, Nhà nước ta chủ trương phát triển kinh tế thị trường, phát triển kinh tế nhiều thành phần, đa dạng các hình thức sở hữu; doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế được bình đẳng, hợp tác và cạnh tranh theo pháp luật; *mặt khác*, lại xác định kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể là nền tảng của nền kinh tế thì như vậy là có phân biệt đối xử,

không thể bình đẳng, do đó, không thể có kinh tế thị trường thật sự, kinh tế thị trường theo thông lệ quốc tế. Hơn nữa, Nhà nước ta lại xác định kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế, được khuyến khích phát triển thành các tổng công ty, tập đoàn kinh tế mạnh, hoạt động cả trong nước và ngoài nước thì nền kinh tế thị trường sẽ phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa, như các nước tư bản khác, chứ không phải phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nói định hướng xã hội chủ nghĩa chỉ là chủ quan, duy ý chí hay là tự lừa dối chính mình, lừa dối người khác mà thôi...

Những nhận thức, quan điểm như vậy không phải là không có tác động đến cán bộ, đảng viên, nhân dân, làm một số người băn khoăn, ảnh hưởng đến sự thống nhất nhận thức, tư tưởng trong Đảng và trong xã hội; làm giảm lòng tin của nhân dân vào Đảng, Nhà nước, vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; ảnh hưởng tới việc thực hiện có hiệu quả chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, cần phải được đấu tranh, phản bác.

3. Sai lầm của những người cho rằng không thể có nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thứ nhất, là do họ đã đồng nhất kinh tế thị trường với kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa, cho rằng, chỉ có một loại kinh tế thị trường là kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa. Song, thực chất các quan hệ kinh tế thị trường và các quan hệ tư bản là hoàn toàn khác nhau. Nguồn gốc và bản chất của kinh tế thị trường là kinh tế hàng hóa; các phạm trù giá trị, giá cả, hàng hóa, tiền tệ, các quy luật cạnh tranh, cung cầu, quy luật giá trị của kinh tế hàng hóa cũng là các phạm trù và quy luật của kinh tế thị trường. Các phạm trù, quy luật này có trước chủ nghĩa tư bản, được chủ nghĩa tư bản nấm lấy, sử dụng để phát triển thành kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa. Giá trị và tư bản là những phạm trù khác nhau, cũng như quy luật giá trị và quy luật giá trị thặng dư là những quy luật khác nhau.

Thứ hai, sai lầm của những người này là cho rằng dường như kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa từ khi ra đời đến nay là không thay đổi,

“nhất thành, bất biến”. Họ không thấy rằng trải qua thời gian, kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa cũng có nhiều biến đổi. Thời kỳ đầu khi mới ra đời, kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa là kinh tế thị trường tự do cạnh tranh, chưa có sự can thiệp của nhà nước. Sự điều tiết của “bàn tay vô hình” của thị trường đã đưa đến nhiều hiệu quả tiêu cực, đặc biệt là các cuộc khủng hoảng kinh tế chu kỳ, đòi hỏi phải có bàn tay quản lý của nhà nước để hạn chế, khắc phục những khuyết tật do điều tiết tự phát của cơ chế thị trường. Ngày nay, nền kinh tế thị trường hiện đại của các nước tư bản phát triển trên thế giới đều là nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước, vừa có điều tiết bởi “bàn tay vô hình” của thị trường, vừa có điều tiết bằng “bàn tay hữu hình” của nhà nước; trong đó, điều tiết của thị trường là cơ sở, nền tảng, điều tiết của nhà nước trên cơ sở tôn trọng điều tiết của thị trường (công cụ quản lý, điều tiết kinh tế của nhà nước là luật pháp, chính sách và các nguồn lực kinh tế của nhà nước).

Hơn nữa, kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước ở mỗi nước cũng không hoàn toàn giống nhau, mà có nhiều mô hình khác nhau, tùy thuộc vào mức độ can thiệp và nội dung, định hướng can thiệp của nhà nước. Có mô hình kinh tế thị trường tự do ở những nước mức độ can thiệp của nhà nước vào kinh tế thấp; nhà nước chỉ bảo vệ quyền sở hữu, quyền tài sản, tự do kinh doanh, bảo đảm trật tự, ổn định xã hội, còn để phạm vi điều tiết của thị trường lớn, điều tiết mọi hoạt động kinh tế (như Mỹ trước thời Tổng thống D. Trump). Có mô hình kinh tế thị trường xã hội mà nhà nước can thiệp vào nền kinh tế để tạo cơ hội như nhau cho mọi người tham gia vào phát triển và hưởng thụ thành quả phát triển, chống lại độc quyền, phát triển kinh tế theo định hướng xã hội (như Đức). Có mô hình kinh tế thị trường phúc lợi xã hội mà nhà nước can thiệp vào nền kinh tế để điều tiết thu nhập, phát triển các dịch vụ xã hội công, bảo đảm phúc lợi cho người dân, đặc biệt những người cần được trợ giúp: Trẻ em, người già, người thất nghiệp... (như các nước Bắc Âu). Có mô hình kinh tế thị trường nhà nước phát triển ở nước

mà nhà nước không chỉ tạo thể chế, môi trường cho các chủ thể kinh tế hoạt động, mà còn có chiến lược, chính sách và sử dụng các nguồn lực kinh tế của nhà nước để định hướng và thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế (như Nhật Bản, Hàn Quốc)...

Kinh tế thị trường là sản phẩm của văn minh nhân loại. Chủ nghĩa tư bản đã lấy kinh tế thị trường làm cơ sở cho sự tồn tại, vận động, phát triển của mình. Trong thời đại ngày nay, đã xuất hiện nhiều mô hình kinh tế thị trường ở các nước tư bản phát triển, dù ở mức độ khác nhau, đều có định hướng xã hội. Đây là xu hướng tiến bộ, là những mầm mống của chủ nghĩa xã hội trong lòng chủ nghĩa tư bản (là những sự phủ định đối với tư bản tư nhân, dù vẫn chưa phá bỏ được chế độ tư bản). Do tính chất của thời đại ngày nay, một nước kinh tế chưa phát triển, chưa qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, cũng có thể quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở những nước này, sử dụng cả kinh tế thị trường lẫn kinh tế tư bản chủ nghĩa để xây dựng nền tảng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội.

Về sai lầm của luận điệu cho rằng các quy luật của kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa hoàn toàn đối lập, loại trừ nhau.

Nền kinh tế thị trường phải vận hành theo các quy luật của thị trường, đó là các quy luật cạnh tranh, quy luật cung cầu, quy luật giá trị, quy luật lưu thông tiền tệ, trong đó trung tâm là quy luật giá trị. Đặc trưng của kinh tế thị trường là cạnh tranh. Các doanh nghiệp (chỉ chung tất cả các chủ thể kinh tế) luôn phải cạnh tranh với nhau để chiếm được các nguồn lực sản xuất (đất đai, tài nguyên, vốn, lao động, khoa học công nghệ...), các dự án đầu tư, thị trường tiêu thụ sản phẩm.

Cạnh tranh là sức ép, động lực thúc đẩy các doanh nghiệp năng động, sáng tạo, cải tiến quản lý, tổ chức sản xuất, kinh doanh hợp lý; ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ; đổi mới, nâng cao chất lượng sản phẩm; tiết kiệm, giảm chi phí sản xuất, nâng cao năng suất lao động, hiệu quả sản xuất, kinh doanh, qua đó thúc đẩy kinh tế phát triển,

thanh lọc những doanh nghiệp yếu kém. Đây là mặt tích cực của cạnh tranh. Nhưng cạnh tranh giữa các doanh nghiệp cũng dẫn đến những hậu quả tiêu cực: Khai thác tối đa sức lực người lao động (kéo dài giờ làm, tăng cường độ lao động), giảm chi phí cho lao động (giảm lương, giảm bảo hộ lao động); khai thác cạn kiệt tài nguyên, gây ô nhiễm môi trường; sử dụng các biện pháp cạnh tranh không lành mạnh, như: Làm hàng giả, kém chất lượng, ăn cắp công nghệ, buôn lậu, trốn thuế, phá hoại đối thủ... Trong nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước ở các nước phát triển hiện nay, nhà nước tạo khung khổ pháp luật cho cạnh tranh; bảo vệ, tôn trọng, thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh; nhưng, đồng thời, ngăn ngừa, hạn chế độc quyền cản trở cạnh tranh và chống lại các hoạt động cạnh tranh không lành mạnh.

Lưu thông hàng hóa trong nền kinh tế thị trường (cả hàng hóa là yếu tố đầu vào của sản xuất và hàng hóa là sản phẩm do sản xuất tạo ra) được điều tiết bởi quy luật cung cầu. Khi cung lớn hơn cầu, giá cả hàng hóa sẽ giảm xuống; khi cung nhỏ hơn cầu, giá cả hàng hóa sẽ tăng lên. Sự tăng lên hay giảm xuống của giá cả hàng hóa là tín hiệu của thị trường để những người kinh doanh thương mại chuyển hàng hóa từ nơi có giá thấp đến nơi có giá cao, từ nơi thừa đến nơi thiếu; để các nhà sản xuất thu hẹp hay dừng sản xuất các hàng hóa thừa, cung lớn hơn cầu, tăng cường, mở rộng sản xuất các hàng hóa thiếu, cung nhỏ hơn cầu. Đây chính là sự điều tiết sản xuất và lưu thông một cách tự động, linh hoạt, nhanh nhạy của cơ chế thị trường, là mặt tích cực của quy luật cung cầu. Nhưng, trong nền kinh tế thị trường tự do cạnh tranh, những người sản xuất và lưu thông đều chạy theo lợi nhuận tối đa, luôn muốn đè bẹp đối thủ, lại không xác định được tổng cầu của xã hội (từ người sản xuất đến người tiêu dùng phải qua rất nhiều khâu trung gian), nên thường xuyên sản xuất thừa, dẫn đến những cuộc khủng hoảng chu kỳ, phá hoại nền kinh tế, gây bất ổn xã hội. Đây là mặt trái của quy luật cung cầu, của cơ chế tự điều tiết của thị trường. Trong nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước, nhà nước có khả năng thấy rõ hơn

từng người sản xuất, kinh doanh về tổng cung, tổng cầu của xã hội; sự can thiệp của nhà nước là để khắc phục khiếm khuyết này, khắc phục những mất cân đối lớn, những cuộc khủng hoảng chu kỳ do điều tiết tự phát của cơ chế thị trường gây ra.

Quy luật giá trị là quy luật cơ bản, trung tâm của kinh tế thị trường. Giá trị hàng hóa là lao động xã hội cần thiết kết tinh trong hàng hóa. Chi phí để sản xuất hàng hóa, xét đến cùng, là chi phí lao động, bao gồm lao động của người trực tiếp sản xuất ra hàng hóa (lao động sống) và lao động chi phí để sản xuất ra các tư liệu sản xuất được sử dụng để sản xuất ra hàng hóa này (lao động quá khứ). Về lượng giá trị, không phải mọi hao phí lao động cá biệt của những người sản xuất hàng hóa đều được xã hội thừa nhận để trở thành giá trị, chỉ những hao phí lao động ở mức trung bình xã hội, được hình thành do cạnh tranh, được xem là hao phí lao động xã hội cần thiết, mới là lượng giá trị. Giá trị biểu hiện ra bên ngoài thành giá cả, giá cả là biểu hiện bằng tiền của giá trị. Giá trị là hình thái của cải trong nền kinh tế thị trường, là mục tiêu, là yếu tố chi phối mọi hoạt động sản xuất và lưu thông hàng hóa trong nền kinh tế thị trường.

Trong kinh tế thị trường, đối với người sản xuất, việc sản xuất hàng hóa chỉ là phương tiện để làm giàu, để thu được nhiều giá trị nhất. Trong sản xuất, họ năng động, sáng tạo, cải tiến, đổi mới... là để nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất, để chi phí sản xuất của họ thấp hơn mức hao phí lao động xã hội cần thiết, qua đó thu được nhiều giá trị hơn. Đối với người lưu thông hàng hóa cũng vậy, mua và bán hàng hóa gì đối với họ không quan trọng, vấn đề cũng là để thu được nhiều giá trị nhất, để làm giàu. Họ năng động, sáng tạo, nắm bắt kịp thời yêu cầu của thị trường, đưa hàng hóa từ nơi thừa đến nơi thiếu, từ nơi cung lớn hơn cầu đến nơi cung nhỏ hơn cầu, từ nơi giá thấp đến nơi giá cao; cải tiến quản lý để giảm chi phí lưu thông... cũng để thực hiện mục đích này. Đây là cách thức vận hành của quy luật giá trị, cách thức vận hành đó gắn bó chặt chẽ với quy luật cạnh tranh, quy luật

cung cầu. Có thể nói, các quy luật cạnh tranh, quy luật cung cầu là những hình thức biểu hiện, cách thức vận hành của quy luật giá trị. Tác động của quy luật giá trị bao gồm những tác động của quy luật cạnh tranh và quy luật cung cầu (tất nhiên, quy luật giá trị còn có nội dung rộng hơn hai quy luật này), cả những tác động tích cực, như: thúc đẩy năng động, sáng tạo, không ngừng cải tiến quản lý, đổi mới công nghệ... thúc đẩy kinh tế phát triển; điều tiết sản xuất, lưu thông một cách nhanh nhạy... và cả những hậu quả tiêu cực, như: Khủng hoảng chu kỳ, phân hóa xã hội, cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường... Trong các nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước, sự can thiệp của nhà nước vào nền kinh tế là để tạo khung khổ pháp luật và điều kiện thuận lợi cho quy luật giá trị vận hành, đồng thời hạn chế, khắc phục những hậu quả tiêu cực này.

Trong nền kinh tế thị trường còn có quy luật lưu thông tiền tệ. Quy luật này phản ánh mối quan hệ giữa hàng hóa và tiền tệ trong lưu thông, về số lượng tiền cần thiết cho lưu thông hàng hóa, bảo đảm cho lưu thông hàng hóa thuận lợi, trôi chảy. Theo quy luật này, số lượng tiền cần thiết cho lưu thông hàng hóa là do tổng giá trị hàng hóa cần lưu thông và tốc độ luân chuyển (hay tốc độ vòng quay) của tiền quyết định. Trong thời kỳ sử dụng tiền vàng, tiền có đủ giá trị, thì khi số lượng tiền vượt quá yêu cầu của lưu thông hàng hóa, tiền vàng sẽ tự động được rút khỏi lưu thông. Khi tiền giấy thay cho tiền vàng, nếu số lượng tiền vượt quá yêu cầu của lưu thông hàng hóa, tiền sẽ mất giá, gây ra hiện tượng lạm phát. Giữ vững giá trị đồng tiền là nhiệm vụ hàng đầu của nhà nước ở các nước có nền kinh tế thị trường trên thế giới.

Tóm lại, trong tất cả các nền kinh tế thị trường hiện đại trên thế giới, đều có hoạt động của các quy luật kinh tế của kinh tế thị trường và có vai trò quản lý của nhà nước. Nhà nước vừa bảo đảm, tôn trọng hoạt động của các quy luật kinh tế thị trường, đồng thời, vừa hạn chế, khắc phục những tác động tiêu cực, tự phát do các quy luật kinh tế thị trường

gây ra, giữ môi trường ổn định cho kinh tế phát triển và hướng sự phát triển kinh tế vào các mục tiêu xã hội, bảo đảm công bằng xã hội, quan tâm đến lĩnh vực an sinh xã hội. Song, không có phê phán nào về vai trò của nhà nước, cho rằng điều này đối lập với hoạt động của các quy luật của nền kinh tế thị trường.

Ở nước ta, sau gần 35 năm đổi mới, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, về cơ bản đã có đầy đủ các yếu tố của nền kinh tế thị trường hiện đại theo các chuẩn mực quốc tế: đa dạng các hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế, tự do kinh doanh, tự do lưu thông hàng hóa, doanh nghiệp cạnh tranh bình đẳng, hệ thống thị trường phát triển ngày càng đồng bộ...; quản lý kinh tế của Nhà nước đã đổi mới, quản lý bằng luật pháp, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và sử dụng nguồn lực kinh tế của Nhà nước, không can thiệp vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, giữ giá trị của đồng tiền, ổn định kinh tế vĩ mô, khắc phục khuyết tật của cơ chế thị trường... Trong điều kiện đó, các quy luật của kinh tế thị trường đã vận hành đồng bộ: các doanh nghiệp đã phải nỗ lực cạnh tranh để tồn tại và phát triển; giá cả hàng hóa đã cơ bản do thị trường quyết định; sản xuất và lưu thông đã phải chú ý đến những tín hiệu giá cả, cung - cầu trên thị trường; thị trường đã đóng vai trò trực tiếp điều tiết sản xuất và lưu thông, điều tiết hoạt động của doanh nghiệp, huy động và phân bổ các nguồn lực của sản xuất...

Các yếu tố bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường gắn liền với vai trò quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo để hạn chế, khắc phục những tác động tiêu cực của cơ chế thị trường, để giữ vững các cân đối lớn của nền kinh tế, ổn định xã hội, gắn kết phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường... Nội dung và phương thức quản lý của Nhà nước ta như vậy không mâu thuẫn, cản trở hoạt động của các quy luật của kinh tế thị trường mà tạo điều kiện phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực

của các quy luật này, để nền kinh tế phát triển nhanh, bền vững, hướng tới mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Về những luận điệu sai lầm liên quan đến vai trò của kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể và kinh tế tư nhân trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Sai lầm của những người cho rằng nếu kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo thì không có bình đẳng giữa các doanh nghiệp trong nền kinh tế và không thể có nền kinh tế thị trường, *thứ nhất*, là do bị ám ảnh bởi kinh tế nhà nước trong nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp trước đây; *thứ hai*, do hiểu sai về vai trò chủ đạo, cho rằng chủ đạo là phải được ưu đãi, ưu ái của Nhà nước, phải chiếm tỷ trọng lớn, chèn ép, lấn lướt các thành phần kinh tế khác. Trong nền kinh tế trước đổi mới, chỉ có kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể, không có kinh tế tư nhân (kinh tế tư nhân không được phép tồn tại); kinh tế nhà nước chiếm tỷ trọng tuyệt đối trong nền kinh tế, do Nhà nước trực tiếp quản lý bằng cơ chế kế hoạch hóa tập trung, thì không thể có kinh tế thị trường.

Ngày nay, kinh tế nhà nước hoàn toàn khác. Kinh tế nhà nước bao gồm các nguồn lực kinh tế của nhà nước và các doanh nghiệp nhà nước. Kinh tế nhà nước là một công cụ của Nhà nước, để cùng với các công cụ khác như luật pháp, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch nhà nước quản lý, điều tiết hoạt động của nền kinh tế. Các nguồn lực kinh tế của Nhà nước được huy động, phân bổ, sử dụng theo yêu cầu phải phù hợp, phục vụ việc thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển đất nước; nhưng khi thực hiện phải theo cơ chế thị trường, thông qua đấu thầu cạnh tranh, có sự tham gia của doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, để việc phân bổ hợp lý, sử dụng có hiệu quả cao.

Doanh nghiệp nhà nước được Nhà nước đầu tư, phát triển ở những ngành, lĩnh vực, địa bàn quan trọng về kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh của đất nước (nhất là khi các thành phần kinh tế khác không được,

không muốn hay không đủ sức đầu tư), làm lực lượng tiên phong, nòng cốt cho sự phát triển ngành, lĩnh vực, địa bàn đó. Các doanh nghiệp nhà nước tự chủ, hoạt động theo cơ chế thị trường, cạnh tranh bình đẳng với doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác. Khi đã có các thành phần kinh tế khác đầu tư vào các ngành, lĩnh vực, địa bàn này và không nhất thiết phải có doanh nghiệp nhà nước, thì Nhà nước có thể thoái vốn, cổ phần hóa doanh nghiệp, chuyển vốn nhà nước đầu tư vào những ngành, lĩnh vực, địa bàn quan trọng khác để thực hiện chiến lược, mục tiêu mới của Nhà nước. Như vậy, vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước với ý nghĩa là công cụ quan trọng để Nhà nước điều tiết, thúc đẩy, định hướng phát triển kinh tế, xã hội đất nước. Với ý nghĩa đó, vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước không mâu thuẫn, cản trở hoạt động của các quy luật kinh tế và sự phát triển của kinh tế thị trường.

Trước đổi mới, kinh tế tập thể, dưới hình thức là các hợp tác xã sở hữu tập thể về đất đai và các tư liệu sản xuất chủ yếu, quản lý theo kế hoạch, phân phối theo lao động và năm trong cơ chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp chung của đất nước thì đối lập với kinh tế thị trường. Trong những năm đổi mới, các hợp tác xã cũng đã được đổi mới cả về tổ chức và phương thức hoạt động, khác rất nhiều so với các hợp tác xã trước đây. Hợp tác xã hiện nay (hợp tác xã kiểu mới) là tổ chức kinh tế tập thể do các hộ sản xuất, kinh doanh tự nguyện thành lập để làm dịch vụ cho các hộ thành viên, hỗ trợ cho các thành viên, những người sản xuất nhỏ, yếu thế khi tham gia thị trường, giúp họ nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh. Tùy theo năng lực của hợp tác xã và nhu cầu của các hộ thành viên, hợp tác xã có thể cung ứng các vật tư, nguyên liệu, các yếu tố đầu vào cho sản xuất của các hộ (với giá rẻ hơn, chất lượng bảo đảm hơn khi từng hộ riêng lẻ mua); đảm nhận các dịch vụ sản xuất như làm đất, chăm sóc, thu hoạch cho các hộ thành viên (tiết kiệm cho các hộ phải mua máy móc thiết bị nhưng sử dụng không hết công suất); bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm cho các hộ thành viên (có lợi hơn cho các hộ thành viên so với khi từng hộ bảo

quản, chế biến, tiêu thụ); hỗ trợ các hộ thành viên vay vốn của các tổ chức tín dụng, ngân hàng... Các hợp tác xã phát triển không chỉ trong lĩnh vực nông nghiệp, mà cả trong các lĩnh vực tiểu, thủ công nghiệp, thương mại, vận tải... Các hợp tác xã từng bước tích lũy vốn, quỹ, tài sản, mở rộng quy mô hoạt động; liên kết với nhau thành hiệp hội, liên hiệp hợp tác xã theo ngành nghề, theo địa bàn hoạt động... tạo thành mạng lưới rộng khắp để hỗ trợ những người sản xuất nhỏ, đưa những người sản xuất nhỏ đi lên chủ nghĩa xã hội, phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Kinh tế tập thể với vai trò hỗ trợ cho những người sản xuất nhỏ hoạt động, phát triển trong nền kinh tế thị trường và cùng với kinh tế nhà nước, với vai trò là công cụ để Nhà nước thúc đẩy, định hướng phát triển kinh tế đất nước, đi tiên phong để thu hút các thành phần kinh tế khác đầu tư vào những ngành, lĩnh vực, địa bàn quan trọng của đất nước thì hai thành phần kinh tế này được xác định là nền tảng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là đúng đắn, không cản trở sự phát triển của các thành phần kinh tế khác, cản trở sự phát triển của kinh tế thị trường.

Về sai lầm của luận điểm cho rằng kinh tế tư nhân với vai trò là một động lực quan trọng của nền kinh tế, được khuyến khích phát triển thành các tổng công ty, tập đoàn kinh tế mạnh thì nền kinh tế không thể phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa mà sẽ trở thành nền kinh tế tư bản chủ nghĩa. Quả thật là nếu để kinh tế tư nhân phát triển một cách tự phát thì nền kinh tế thị trường nước ta sẽ đi theo con đường tư bản chủ nghĩa. Nhưng nền kinh tế thị trường nước ta có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, kinh tế tư nhân không phát triển tự phát, mà phải tuân thủ luật pháp, chính sách của Nhà nước, được định hướng hoạt động phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế của Nhà nước. Mặt khác, khi Nhà nước khuyến khích kinh tế tư nhân phát triển thành các tổng công ty, tập đoàn kinh tế mạnh, hoạt động ở cả trong

nước và ngoài nước thì luật pháp, chính sách của Nhà nước cũng định hướng các tổng công ty, tập đoàn kinh tế phát triển thành các công ty cổ phần có sự tham gia rộng rãi của các lực lượng xã hội. Bằng cách đó, Nhà nước ta sẽ đưa kinh tế tư nhân vào con đường phát triển chủ nghĩa tư bản nhà nước, một nấc thang quá độ lên chủ nghĩa xã hội, để kinh tế tư nhân đóng góp vào phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

4. Một số kiến nghị, đề xuất

Một là, đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn tạo cơ sở khoa học cho việc xây dựng, hoàn thiện đường lối phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta; cho công tác tư tưởng, đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, tạo sự thống nhất về chính trị, tinh thần trong Đảng và toàn xã hội; củng cố và tăng cường niềm tin của nhân dân với Đảng, Nhà nước, với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của đất nước; tăng thêm động lực, quyết tâm thực hiện thắng lợi đường lối của Đảng, Nhà nước.

Việc nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn cần tiếp tục làm rõ những vấn đề mà thực tiễn phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta đặt ra hiện nay, chuẩn bị cho việc hình thành lý luận về phát triển kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở một nước kinh tế chưa phát triển, chưa qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa như Việt Nam. Đồng thời, cần phải nghiên cứu những vấn đề mới của thời đại, của chủ nghĩa tư bản hiện đại, những mâu thuẫn và xu hướng phát triển trên thế giới, làm rõ tính chất quá độ lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới trong thời đại ngày nay.

Hai là, tiếp tục hoàn thiện thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, tập trung vào những vấn đề còn vướng mắc trong nhận thức, quan điểm, lúng túng trong thực hiện, như thể chế trong huy động, phân bổ các nguồn lực để các nguồn lực được sử

dụng tiết kiệm, hiệu quả; thể chế thúc đẩy việc sắp xếp lại, đổi mới, phát triển doanh nghiệp nhà nước, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa; xây dựng, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; thể chế cho sự ra đời các mô hình kinh doanh mới, phát triển các sản phẩm mới, đẩy mạnh ứng dụng các thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; thể chế định hướng các doanh nghiệp tư nhân phát triển theo mô hình công ty cổ phần, gắn kết các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài với doanh nghiệp trong nước, đưa các doanh nghiệp trong nước tham gia vào các chuỗi giá trị toàn cầu; thể chế tạo thuận lợi cho tích tụ tập trung đất đai, phát triển nông nghiệp sản xuất lớn, công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái... để phát huy mặt tích cực của các quy luật của kinh tế thị trường, đồng thời củng cố, tăng cường các nhân tố bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế.

Ba là, tiếp tục làm rõ nội dung và thực hiện có kết quả nhiệm vụ chiến lược cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong bối cảnh mới để phát triển đất nước nhanh, bền vững. Cái thiếu nhất đối với nước ta cũng như các nước kinh tế kém phát triển, chưa qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa nói chung, quá độ lên chủ nghĩa xã hội là cơ sở vật chất - kỹ thuật, là trình độ phát triển của nền kinh tế (việc hoàn thiện thể chế, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa cùng hướng tới thực hiện mục tiêu này); bởi, xét đến cùng, năng suất lao động là yếu tố quyết định sự thắng lợi của một chế độ xã hội. Nhận thức rõ điều này, Đảng, Nhà nước ta đã đề ra nhiệm vụ đẩy mạnh công nghiệp hóa, cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng; việc thực hiện tuy có đạt một số kết quả, nhưng chưa đạt yêu cầu, mục tiêu đề ra. Trong bối cảnh mới, nguy cơ chưa giàu đã già, rơi vào bẫy thu nhập trung bình, tụt hậu xa hơn về kinh tế so với thế giới đối với nước ta là rất lớn. Vượt qua thách thức này, nguy cơ này là yêu cầu cấp bách hàng đầu của nước ta trong những năm tới.

Bốn là, tập trung đổi mới, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nâng cao chất lượng luật pháp, cơ chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch trong lĩnh vực kinh tế; rà soát, khắc phục những chồng chéo, mâu thuẫn, những điểm mơ hồ, bất hợp lý, không khả thi, tình trạng luật pháp mới ban hành, chờ thực hiện đã phải sửa đổi, bổ sung, tình trạng luật chờ nghị định, nghị định chờ thông tư... Đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là thủ tục hành chính, xóa bỏ những thủ tục hành chính không hợp lý, gây khó khăn cho người dân và doanh nghiệp. Nâng cao trách nhiệm cá nhân, kỷ luật, kỷ cương trong thực hiện công vụ, trong tổ chức thực hiện. Xây dựng tổ chức bộ máy quản lý nhà nước tinh gọn, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước, đẩy nhanh việc sử dụng các công cụ, phương thức quản lý hiện đại ở các cơ quan quản lý kinh tế nhà nước các cấp. Điều này gắn liền với nhiệm vụ xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, nhân tố quyết định đối với sự ổn định, phát triển của đất nước, với thành công của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ mới.

NHẬN THỨC VÀ GIẢI QUYẾT MỐI QUAN HỆ GIỮA NHÀ NƯỚC - THỊ TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

GS.TS. PHÙNG HỮU PHÚ*

Xuất phát từ yêu cầu của thực tiễn đất nước giữa những năm 80 của thế kỷ XX, trên cơ sở tổng kết sự sáng tạo của nhân dân trong sản xuất, kinh doanh và nghiên cứu, nám bát xu thế phát triển của thế giới, kinh nghiệm thành công của các quốc gia trong khu vực, trên thế giới, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI Đảng Cộng sản Việt Nam đã khởi xướng công cuộc đổi mới. Trong quá trình gần 35 năm đổi mới, Đảng đã vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh gắn với tổng kết thực tiễn, xây dựng và từng bước hoàn thiện hệ thống lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, trong đó có những điểm nhấn sáng tạo về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, về dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân. Trong nhận thức của Đảng, Nhà nước, thị trường và dân chủ xã hội không tồn tại, vận động biệt lập mà có quan hệ mật thiết, tương tác với nhau, tạo thành mối quan hệ có tính quy luật giữa nhà nước - thị trường - xã hội trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Đây là một trong những mối quan hệ lớn đã được Đảng khái quát ở tầm lý luận trong Văn kiện Đại hội lần thứ XII của

* Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương.

Đảng¹, được tiếp tục hoàn thiện trong Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa XII và được nhận thức, thực hiện trong thực tiễn đổi mới. Nhận thức, thực hiện mối quan hệ này là quá trình lâu dài, không ngừng hoàn thiện, tương thích với trình độ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, với truyền thống lịch sử, cách mạng và văn hóa của dân tộc; vừa phản ánh xu thế phát triển chung, phổ biến của các nền kinh tế thị trường trên thế giới, vừa thể hiện đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Lý giải tường minh về bản chất, tính chất, ý nghĩa của quan hệ nhà nước - thị trường - xã hội sẽ góp phần làm sáng rõ sự sáng tạo, tính đúng đắn trong đường lối phát triển đất nước của Đảng, cung cấp luận cứ phê phán những luận điệu sai trái, thù địch muốn xuyên tạc, phủ nhận đường lối và sự nghiệp đổi mới của Đảng và nhân dân ta.

1. Tính khách quan, biện chứng của quan hệ nhà nước - thị trường - xã hội và những thể nghiệm lịch sử

Từ rất sớm, các quốc gia lựa chọn phát triển kinh tế thị trường đều phải nhận thức, giải quyết mối quan hệ cặp đôi, xuất hiện một cách khách quan giữa nhà nước và thị trường, sau đó là quan hệ cặp ba nhà nước - thị trường - xã hội. Đây là mối quan hệ cơ bản, bao trùm, xuyên suốt giữa ba thực thể quan trọng nhất trong đời sống kinh tế - xã hội của một quốc gia phát triển kinh tế thị trường; là quan hệ tương tác, cộng sinh, tùy thuộc và bổ trợ lẫn nhau, tạo thành nền tảng bảo đảm sự phát triển bền vững của quốc gia. Mỗi quan hệ này bắt nguồn từ chức năng, khả năng, hạn chế vốn có của nhà nước, thị trường, xã hội và từ sự vận động khách quan của hình thái kinh tế - xã hội theo quy luật về sự tương thích giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng, sự phù hợp giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất.

Nhà nước với tư cách là thiết chế chính trị đặc biệt, có chức năng kinh tế, xã hội, và do vậy, mặc nhiên có quan hệ thường xuyên với thị

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.17-18.

trường, xã hội. Nhà nước, thông qua hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách, tổ chức bộ máy, đội ngũ công chức và các nguồn lực nắm trong tay, tạo điều kiện hoàn thiện và định hướng phát triển kinh tế thị trường lành mạnh, hiệu quả, quản lý phát triển xã hội hài hòa, bền vững. Tuy nhiên, nhà nước không phải là một thực thể toàn năng, mà cũng tiềm ẩn những hạn chế về nguồn lực, năng lực, không thể bao quát hết mọi lĩnh vực vốn rất phức tạp, đầy biến động của thị trường và không thể đáp ứng đầy đủ mọi nhu cầu rất rộng lớn, đa dạng của xã hội.Thêm nữa, bản thân nhà nước cũng luôn tiềm ẩn nguy cơ tha hóa về quyền lực và sự suy thoái, biến chất của một bộ phận công chức; nguy cơ xuất hiện sự câu kết giữa quyền lực bị tha hóa với mặt trái của thị trường và tiêu cực xã hội, dẫn đến sự bất lực của nhà nước, làm biến dạng các quy luật thị trường và kìm hãm phát triển xã hội. Như vậy, nhà nước với chức năng và vai trò của mình có thể thúc đẩy thị trường phát triển, phát huy mặt tích cực của thị trường; tạo hành lang pháp lý và các thiết chế cần thiết để xã hội phát triển bền vững, lành mạnh. Mặt khác, nhà nước cần có sự tiếp sức các nguồn lực và tạo những tiền đề vật chất của thị trường để hoạt động, hoàn thiện; cần có sự bổ sung các nguồn lực xã hội, sự tham gia của xã hội trong hoạt động kinh tế, nhất là cung ứng dịch vụ công, sự giám sát, phản biện xã hội... để bù đắp những thiếu hụt về nguồn lực và khắc chế những hạn chế, bất cập cùng nguy cơ bị tha hóa.

Thị trường bao gồm các loại thị trường, các yếu tố thị trường, các chủ thể kinh tế, hình thành một cách khách quan, vận động theo quy luật giá trị, cung cầu, cạnh tranh, lưu thông tiền tệ, giá trị thặng dư... Thị trường là không gian tương tác, giao dịch, mua bán giữa các chủ thể (nhà nước, doanh nghiệp, người dân) trong việc hình thành giá cả, phân bố tài nguyên, xác định cơ cấu và khối lượng sản xuất. Thị trường tạo ra xung lực, động lực kích thích lao động, sáng tạo, làm sinh động và sôi động hoạt động của nhà nước, làm phong phú diện mạo và sức sống xã hội. Với ý nghĩa đó, thị trường đánh dấu bước phát triển về chất trong đời sống sản xuất của con người; kinh tế thị trường là thành tựu của

văn minh nhân loại. Tuy nhiên, thị trường không phải là chủ thể vạn năng, nó cũng chưa đựng nhiều hạn chế, khuyết tật, rủi ro. Thị trường không thể tự thân phát triển và hoàn thiện, không đủ năng lực đáp ứng đầy đủ các yêu cầu xã hội và luôn luôn tiềm ẩn nguy cơ mất ổn định, khủng hoảng do phát triển một cách tự phát. Mặt khác, bị chi phối bởi nguyên tắc tối đa hóa lợi nhuận, thị trường là tác nhân tiềm ẩn làm thay hóa quyền lực nhà nước và gây ra những hệ lụy xã hội, đặc biệt là tình trạng phân cực giàu nghèo, phân hóa xã hội, làm gia tăng bất bình đẳng, mâu thuẫn, xung đột xã hội. Do vậy, để phát triển, phát huy vai trò tích cực, bù lấp, khắc phục những khiếm khuyết, rủi ro, thất bại, thị trường không thể thiếu sự định hướng, dẫn dắt, điều tiết, bảo trợ của nhà nước, sự vào cuộc, hỗ trợ, giám sát của xã hội.

Xã hội là không gian kết nối người dân trong các mối quan hệ gia đình, cộng đồng, tổ chức; là không gian hoạt động của nhà nước, thị trường, do vậy môi trường xã hội, các thành tố xã hội có quan hệ và tác động hai chiều đối với nhà nước, thị trường. Xã hội là nền tảng, là chỗ dựa và sức mạnh của nhà nước, có khả năng bổ sung nguồn lực, hỗ trợ hoạt động, tham gia quản lý, xây dựng, giám sát nhà nước, giúp nhà nước hoàn thành chức năng, sứ mệnh của mình. Xã hội thông qua người dân và các thiết chế xã hội là chủ thể quan trọng góp phần cung cấp đầu vào (chủ thể sản xuất, kinh doanh) và giải quyết đầu ra (tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ...) làm cho thị trường phát triển, hoàn thiện. Xã hội thực hiện vai trò giám sát, điều chỉnh những hoạt động không hợp lý, phi hiệu quả và ngăn ngừa những tác động tự phát, tiêu cực của thị trường (biểu hiện qua hoạt động của doanh nghiệp); góp phần lành mạnh hóa quan hệ nhà nước - thị trường. Tuy nhiên, xã hội cũng tiềm ẩn những khuynh hướng vận động tự phát và cũng dễ bị tổn thương trước những biến động, rủi ro trong đời sống chính trị, kinh tế và sự tác động của môi trường, do vậy rất cần sự tổ chức, kết nối, bảo đảm và bảo vệ của nhà nước. Xã hội cũng chỉ có thể phát huy sức mạnh sáng tạo để ngày càng sung túc, phát triển đầy đủ, toàn diện hơn thông qua các hoạt động gắn với thị trường.

Như vậy, quan hệ nhà nước - thị trường - xã hội là mối quan hệ khach quan, rất phức tạp, đan xen, tương tác lẫn nhau trên nhiều bình diện, không chỉ kinh tế mà cả chính trị, xã hội, văn hóa. Mỗi quan hệ này tồn tại lâu dài, không nhất thành bất biến, mà thay đổi tùy thuộc vào trình độ phát triển của từng quốc gia trong mỗi giai đoạn phát triển. Việc nhận thức và giải quyết mỗi quan hệ này cũng không giống nhau, không có một khuôn mẫu chung cho tất cả các quốc gia mà tùy thuộc vào bản chất của chế độ xã hội, vào đặc điểm, truyền thống lịch sử, văn hóa, tâm lý cộng đồng, phong tục, tập quán của mỗi nước hoặc một nhóm nước có nhiều điểm tương đồng. Nhìn lại lịch sử, từ khi thị trường ra đời đến nay, các nhà nghiên cứu, đặc biệt là các nhà kinh tế học đã nỗ lực tiếp cận, phân tích bản chất, đặc điểm quan hệ nhà nước - thị trường, tiếp đó là quan hệ nhà nước - thị trường - xã hội nhằm tìm chọn giải pháp phù hợp, xử lý hiệu quả mối quan hệ này với mong muốn ba chủ thể có thể phát huy cùng chiều mặt tích cực, khắc chế mặt tiêu cực dẫn đến kìm hãm, triệt tiêu nhau. Nhiều trường phái kinh tế đã lần lượt ra đời, được đưa vào thử nghiệm, kiểm chứng trong thực tiễn.

Khi thị trường mới hình thành ở các nước tư bản phương Tây, phá vỡ sự khép kín của kinh tế tự nhiên, tạo sự phát triển đột phá trong sản xuất, trường phái kinh tế thị trường cổ điển đã tuyệt đối hóa vai trò của thị trường, xem đó là “bàn tay vô hình” vạn năng; vai trò của nhà nước bị thu hẹp lại. Cuộc đại khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 - 1933 đã bộc lộ những khuyết tật, thất bại của thị trường, do vậy các nhà kinh tế học chuyển sang đề cao vai trò quản lý của nhà nước - “bàn tay hữu hình”. Từ cuối thập niên 30 đến thập niên 60 của thế kỷ XX, nhà nước can dự sâu vào mọi phương diện của nền kinh tế (giá cả, lao động, tài chính, thị trường hối đoái...)¹. Việc đề cao, nhấn mạnh vai trò của nhà nước không phát huy tác dụng được bao lâu thì cuộc khủng hoảng giá dầu năm 1973, khủng hoảng nợ những năm 80 buộc một số tổ chức kinh tế

1. Xem Ngân hàng Thế giới: *Nhà nước trong một thế giới đang chuyển đổi*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.39.

quốc tế (IFM, WB...) phải điều chỉnh, dẫn đến “Đồng thuận Washington”¹, đề cao vai trò của thị trường. Tuy nhiên, sự ám ảnh của cuộc đại khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 - 1933 đã làm cho nhiều nhà kinh tế học cảnh giác, muốn tìm một hướng tiếp cận mới. Trường phái kinh tế thị trường hỗn hợp với khuynh hướng đề cao đồng thời cả nhà nước - “bàn tay hữu hình” và thị trường - “bàn tay vô hình” ra đời, có sức lan tỏa rộng, nhất là sau cuộc khủng hoảng tài chính, suy giảm kinh tế toàn cầu 2008 - 2009. Cũng từ nửa cuối thế kỷ XX, một số học giả, một số quốc gia nhận thấy, đường như quan hệ nhà nước - thị trường chỉ có thể phát huy hiệu quả nếu có sự tham dự của chủ thể thứ ba - xã hội. Khuynh hướng này gia tăng khi Liên hợp quốc khởi xướng định hướng phát triển bền vững với ba trụ cột: kinh tế - xã hội - môi trường. Mô hình kinh tế thị trường xã hội, nhà nước phúc lợi, xã hội dân sự ở một số nước Tây Âu, Bắc Âu được quan tâm, đề cập nhiều. Tuy nhiên, việc quá nhấn mạnh vai trò xã hội, những lợi ích xã hội mà không tính đến đầy đủ khả năng của nhà nước, vai trò của thị trường cũng dẫn đến tình trạng quá tải, kìm hãm phát triển và dẫn đến những rủi ro, buộc các nước theo mô hình kinh tế thị trường xã hội, nhà nước phúc lợi, xã hội dân sự phải điều chỉnh².

Điểm lại lịch sử để thấy một thực tế, các quốc gia đi vào kinh tế thị trường đã phải trải qua cuộc hành trình hàng trăm năm để nhận thức và thử nghiệm các phương thức giải quyết mối quan hệ nhà nước - thị trường - xã hội. Đó là một quá trình không mấy dễ dàng, có thành công, có thất bại, và cho đến bây giờ câu hỏi kéo dài nhiều thế kỷ vẫn chưa có lời giải đáp tối ưu. Thực tế lịch sử cho thấy, không có khuôn mẫu nhận thức, phương thức giải quyết quan hệ nhà nước - thị trường - xã hội nào

- “Đồng thuận Washington” là chương trình cải cách kinh tế gồm 10 chính sách với xu hướng mở rộng vai trò thị trường, hạn chế vai trò nhà nước xuất hiện từ năm 1990, do các tổ chức kinh tế quốc tế đóng trụ sở ở Washington (như IFM, WB...) cùng Bộ Tài chính Mỹ đưa ra. “Đồng thuận Washington” có những tương đồng với trường phái “Tự do mới”.
- Xem Trần Hậu Thành: “Một số vấn đề lý luận về quan hệ nhà nước, xã hội và công dân trong nhà nước pháp quyền”, Tạp chí Triết học số 6 (169), tháng 6/2005; Đỗ Công Tuân: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về xã hội dân sự ở Liên minh châu Âu, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2010.

có thể áp dụng cho mọi quốc gia. Mỗi quốc gia, trên cơ sở nắm bắt xu thế chung, tham chiếu kinh nghiệm của nhiều nước, phải tự nghiên cứu, thử nghiệm để không ngừng hoàn thiện nhận thức, thực hiện sáng tạo các phương thức hợp lý để giải quyết hiệu quả quan hệ nhà nước - thị trường - xã hội phù hợp với điều kiện của nước mình.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam từng bước nhận thức và giải quyết hiệu quả quan hệ nhà nước - thị trường - xã hội

Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo công cuộc đổi mới bắt đầu từ đổi mới tư duy, trong đó rất quan trọng là tư duy kinh tế. Từ chỗ phủ định thị trường, xem kinh tế thị trường là sản phẩm của chủ nghĩa tư bản, Đảng đã nhận thức kinh tế thị trường là thành quả của văn minh nhân loại; phát triển kinh tế thị trường là phương tiện cần thiết để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Từ Đại hội lần thứ IX, Đảng khẳng định phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế tổng quát trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Kiên định mục tiêu đi lên chủ nghĩa xã hội, nắm chắc điều kiện chính trị, kinh tế, xã hội của đất nước, Đảng nhất quán quan niệm về bản chất của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đó là “nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản; vừa vận động theo những quy luật của kinh tế thị trường, vừa được dẫn dắt, chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của chủ nghĩa xã hội, trong đó, cơ chế thị trường được vận dụng đầy đủ, linh hoạt để phát huy mạnh mẽ, có hiệu quả mọi nguồn lực nhằm phát triển nhanh, bền vững nền kinh tế; khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xóa đói, giảm nghèo, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”¹.

Những nhận thức nền tảng, nhất quán của Đảng về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã định hướng cho việc giải quyết từng bước, hợp lý, hiệu quả quan hệ nhà nước - thị trường - xã hội phù

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr.34-35.

hợp với điều kiện Việt Nam. Mặc dù đến Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, quan hệ nhà nước - thị trường - xã hội mới chính thức được đề cập trong văn kiện của Đảng, nhưng những định hướng cơ bản cho việc giải quyết mối quan hệ này đã hình thành từ sớm và từng bước được hoàn thiện trong quá trình đổi mới.

Đối với Nhà nước, ngay từ những năm đầu đổi mới, Đảng đã nhận rõ, “phải từng bước chuyển sang thực hiện chức năng quản lý nhà nước, khắc phục dần sự can thiệp vào điều hành kinh doanh của cơ sở”¹. Đại hội lần thứ VIII của Đảng nhấn mạnh: “Thực hiện đúng chức năng quản lý nhà nước về kinh tế và chức năng chủ sở hữu tài sản công của Nhà nước. Tôn trọng và phát huy đầy đủ quyền tự chủ kinh doanh của doanh nghiệp trong cơ chế thị trường”². Cùng với quá trình đổi mới, nhận thức của Đảng về vai trò của Nhà nước và quan hệ nhà nước - thị trường ngày càng được làm rõ hơn. Văn kiện Đại hội lần thứ X của Đảng xác định: Nhà nước tập trung làm tốt các chức năng: định hướng sự phát triển bằng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách trên cơ sở tôn trọng và tuân thủ các nguyên tắc của thị trường; tạo môi trường pháp lý thuận lợi để phát huy các nguồn lực của xã hội cho phát triển; bảo đảm tính bền vững và tích cực của cân đối vĩ mô, hạn chế các rủi ro và tác động tiêu cực của kinh tế thị trường; thực hiện quản lý nhà nước bằng hệ thống pháp luật, giảm tối đa sự can thiệp hành chính vào hoạt động của thị trường, doanh nghiệp³. Đến nhiệm kỳ Đại hội XII, nhận thức của Đảng về vai trò của Nhà nước, về quan hệ nhà nước - thị trường - xã hội trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có bước tiến quan trọng: “Nhà nước đóng vai trò định hướng, xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, minh bạch và lành mạnh, sử dụng các công cụ, chính sách và các nguồn lực của Nhà nước để định hướng và

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.51, tr.57.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.55, tr.323.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.65, tr.146.

điều tiết nền kinh tế, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh và bảo vệ môi trường; thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển. Phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong phát triển kinh tế - xã hội”¹.

Về *thị trường*, từ khi chủ trương phát triển kinh tế thị trường, Đảng luôn nhấn mạnh phải tôn trọng và tuân theo quy luật khách quan của thị trường; tạo điều kiện để thị trường phát triển, ngày càng đầy đủ, hoàn thiện theo hướng hiện đại, hội nhập với các loại thị trường, các yếu tố thị trường, thật sự là sân chơi bình đẳng của các chủ thể, các thành phần kinh tế. Thị trường đóng vai trò chủ yếu trong huy động và phân bổ có hiệu quả các nguồn lực phát triển, là động lực chủ yếu để giải phóng sức sản xuất; các nguồn lực nhà nước được phân bổ theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phù hợp với cơ chế thị trường”². Thị trường, cơ chế thị trường là cơ sở xác định giá các hàng hóa, dịch vụ thiết yếu.

Về *xã hội*, nhận thức sâu sắc dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân là bản chất của chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa, bước vào thời kỳ đổi mới, Đảng nhất quán chủ trương đặt con người vào vị trí trung tâm của chiến lược phát triển; nhân dân - chủ thể của xã hội chính là chủ thể phát triển kinh tế thị trường và chủ thể thụ hưởng thành quả của kinh tế thị trường; là chủ thể tham gia xây dựng, đóng góp ý kiến, phản biện xã hội và giám sát công việc của Đảng, Nhà nước, nhất là về các chính sách kinh tế, xã hội, về quy hoạch, kế hoạch, chương trình và dự án phát triển quan trọng; thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở với phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và người dân chủ động phát huy vai trò trong việc quản lý và tổ chức đời sống cộng đồng theo quy định của pháp luật. Các hội, hiệp hội nghề nghiệp, các doanh nghiệp xã hội, các cơ sở trợ giúp xã hội, quỹ xã hội... tham gia cung ứng các dịch vụ xã hội công ích, giúp nhà nước giám sát, điều tiết thị trường, góp phần bảo vệ, bảo đảm lợi ích thiết

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.103.

yếu của các thành viên xã hội, đặc biệt là người lao động và các tầng lớp dễ bị tổn thương trước những rủi ro, thất bại của thị trường.

Những nhận thức ở tâm đường lối, chủ trương của Đảng đã được Nhà nước thể chế hóa bằng hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách, qua đó phân định ngày càng rõ, hợp lý hơn chức năng, vai trò và quan hệ giữa ba chủ thể nhà nước - thị trường - xã hội. Nhà nước chuyển dần từ chức năng quản lý trực tiếp, can dự, chỉ huy sang chức năng kiến tạo hành lang pháp lý, môi trường sản xuất, kinh doanh, phát triển xã hội; đổi mới hoạt động lập pháp, cải cách hành chính, cải cách tư pháp, tinh gọn bộ máy, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, hướng mọi hoạt động phục vụ thiết thực yêu cầu chính đáng, hợp pháp của nhân dân, doanh nghiệp. Thị trường với các loại thị trường, yếu tố thị trường ngày càng phát triển, hoàn thiện bao gồm nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo, kinh tế tập thể, hợp tác xã ngày càng phát triển, kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng, kinh tế hỗn hợp đang từng bước hình thành. Các quy luật thị trường được tôn trọng, phát huy theo chiều hướng tích cực, tạo môi trường hợp tác, cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh giữa các chủ thể kinh tế trên cơ sở pháp luật. Thị trường từng bước phát huy vai trò quan trọng trong phân bổ các nguồn lực; giải phóng, thúc đẩy sự phát triển của lực lượng sản xuất; xác định giá cả... góp phần tăng cường tiềm lực, quy mô của nền kinh tế, cải thiện đời sống của nhân dân. Xã hội, thông qua người dân, cộng đồng, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội, nghề nghiệp... phát huy ngày càng tốt hơn tính tích cực chính trị - xã hội, quyền làm chủ, vai trò tự quản, tham gia có hiệu quả vào quá trình xây dựng, giám sát nhà nước, thị trường; thúc đẩy sản xuất, kinh doanh; xây dựng, lành mạnh hóa quan hệ xã hội, quan hệ lao động; góp phần bảo đảm, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng, hợp pháp của con người, cộng đồng... Sự phát triển, hoàn thiện của ba chủ thể nhà nước, thị trường, xã hội và việc nhận thức, giải quyết từng bước có hiệu quả quan hệ giữa ba chủ thể này là một trong những nhân tố góp phần trực tiếp tạo nên những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của

công cuộc đổi mới ở Việt Nam trong gần 35 năm qua, nhất là trong 10 năm trở lại đây.

Với âm mưu chống phá Đảng Cộng sản Việt Nam và sự nghiệp đổi mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị bất chấp phải trái, trắng đen, luôn tìm mọi cách xuyên tạc, phủ nhận đường lối của Đảng, trong đó đường lối phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và quan hệ nhà nước - thị trường - xã hội ở Việt Nam là một trong những trọng điểm bị bóp méo, xuyên tạc. Đồng thời với luận điệu được lặp đi lặp lại trong thời gian dài về sự đổi lập, như nước với lửa, không thể tương dung giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa, những năm gần đây, các thế lực thù địch, chống đối tập trung khoét sâu, thổi phồng những mặt còn hạn chế, thiếu sót trong quá trình vận hành kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam để xuyên tạc, đả phá quan hệ nhà nước - thị trường - xã hội. Họ cho rằng, ở Việt Nam, quan hệ nhà nước - thị trường - xã hội là quan hệ hình thức, phi hiệu quả, chỉ phục vụ lợi ích cục bộ và đặc quyền, đặc lợi của Đảng Cộng sản. Theo họ, nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa không dựa trên nguyên tắc “tam quyền phân lập” thì quyền lực sẽ bị thao túng, tha hóa, là chiêu bài để Đảng Cộng sản thực hiện độc tài toàn trị! Kinh tế thị trường không dựa trên nền tảng sở hữu tư nhân, kinh tế tư nhân mà lấy sở hữu toàn dân, lấy kinh tế nhà nước làm nền tảng, chủ đạo chính là tạo mảnh đất lợi ích để quan chức của Đảng, Nhà nước vơ vét, tham nhũng; xã hội Việt Nam không phải là “xã hội công dân”, không có những tổ chức đối trọng với Đảng, Nhà nước nên không có dân chủ thật sự, tất cả do Đảng, Nhà nước giật dây, chi phối!? Họ nhấn mạnh, Việt Nam chỉ có thể giải quyết hiệu quả quan hệ nhà nước - thị trường - xã hội, tạo nên sự phát triển bứt phá nếu học theo mô hình, kinh nghiệm phương Tây: nhà nước pháp quyền theo nguyên tắc tam quyền phân lập - thị trường tự do trên nền tảng sở hữu tư nhân, kinh tế tư nhân - xã hội công dân, đề cao vai trò thể chế đa nguyên và các tổ chức phi quan phương!?

Xét từ phương diện nhận thức lý luận và thực tiễn, có thể chỉ ra sự lừa mị đầy ác ý của những luận điệu này.

Trước hết, như đã phân tích, không có sẵn khuôn mẫu về mô hình, phương thức giải quyết quan hệ nhà nước - thị trường - xã hội phù hợp với mọi quốc gia. Do tính chất rất phức tạp, phong phú của mỗi quan hệ này, các quốc gia cần tham chiếu xu hướng, kinh nghiệm có tính phổ biến ở các quốc gia khác để tìm chọn cho mình phương thức xử lý hiệu quả quan hệ giữa ba thực thể nhà nước - thị trường - xã hội. Không thể áp đặt kinh nghiệm, phương thức xử lý của nước này vào điều kiện cụ thể của nước khác.

Thứ hai, Đảng Cộng sản Việt Nam nhận thức và thực hiện quan hệ nhà nước - thị trường - xã hội xuất phát từ đặc điểm chính trị, kinh tế, xã hội của Việt Nam và phù hợp với xu thế chung của thế giới. Đường lối phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nói chung, việc nhận thức, giải quyết quan hệ nhà nước - thị trường - xã hội ở Việt Nam nói riêng, là một bộ phận hữu cơ của đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Nhà nước, thị trường, xã hội ở Việt Nam và quan hệ giữa ba thực thể này vừa có những đặc trưng chung mang tính phổ biến, vừa có những đặc điểm, sắc thái riêng do lịch sử chính trị, đặc điểm kinh tế, xã hội của đất nước quy định.

Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân, dưới sự lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam. Quá trình hình thành, phát triển của Nhà nước gắn liền với sự lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản; quyền lực nhà nước là thống nhất, sự vận hành của Nhà nước theo nguyên tắc phân công, phối hợp trên cơ sở mục tiêu thống nhất, lợi ích thống nhất, không bị chi phối bởi đường lối chính trị và lợi ích khác nhau của nhiều đảng chính trị như ở phương Tây. Trong quá trình đổi mới, để làm tốt chức năng quản lý kinh tế, xã hội phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế thị trường, Nhà nước đề cao nguyên tắc kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp; phân biệt quản lý nhà nước với

quản lý sản xuất, kinh doanh, tách bạch chức năng quản lý kinh tế vĩ mô với chức năng chủ sở hữu tài sản nhà nước, doanh nghiệp nhà nước; tách trách nhiệm sản xuất, kinh doanh với trách nhiệm xã hội; từng bước xóa bỏ “bộ chủ quản”, “chính quyền chủ quản” đổi với doanh nghiệp nhà nước; thực hiện cơ chế giá thị trường... Nhà nước hoàn thiện cơ chế kinh tế thị trường, tạo lập môi trường hợp tác, cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh giữa các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp; kiên quyết chống độc quyền, chống tham nhũng, lãng phí, phát hiện, xử lý nghiêm minh những công chức nhà nước lạm dụng chức quyền câu kết với doanh nghiệp để trục lợi... Nhà nước xây dựng cơ chế, chính sách để nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp phát huy quyền làm chủ, quyền tự chủ trong các hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội; chăm lo an sinh xã hội, phúc lợi xã hội. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam tuy không xây dựng, vận hành theo mô hình “tam quyền phân lập”, nhưng đang đổi mới mạnh mẽ theo hướng kiến tạo, liêm chính, phục vụ nhân dân, doanh nghiệp, giải quyết ngày càng hiệu quả quan hệ với thị trường, xã hội.

Thị trường ở Việt Nam được hình thành trên cơ sở nền kinh tế tập trung, kế hoạch hóa, khép kín với hai thành phần kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể. Trong quá trình thực hiện công cuộc đổi mới, đồng thời với việc duy trì, đổi mới kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, doanh nghiệp nhà nước, hợp tác xã - là những nhân tố vốn đã tồn tại lâu dài, thị trường ở Việt Nam ngày càng mở rộng, phát triển với sự tham gia sôi động của kinh tế tư nhân, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Các loại thị trường, các yếu tố thị trường ngày càng phát triển đồng bộ hơn theo hướng hiện đại, hội nhập; các hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế, các quy luật thị trường được tôn trọng và phát huy tác động tích cực; phương thức đối tác công - tư được thực hiện có hiệu quả; sự tham gia, liên kết giữa các chủ thể nhà nước - doanh nghiệp - người dân ngày càng mở rộng, góp phần quan trọng vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Những mặt hạn chế, tiêu cực của thị trường từng bước được khắc phục theo sự dẫn dắt, điều tiết của Nhà nước và sự giám sát của xã hội.

Trong suốt 90 năm qua, kể từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, lãnh đạo cách mạng, người dân, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp... đã trở thành các thành viên của Mặt trận dân tộc thống nhất do Đảng tổ chức, dẫn dắt; trở thành chủ thể quan trọng, đóng góp to lớn vào công cuộc giành độc lập dân tộc, xây dựng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đặc điểm và truyền thống cách mạng đó cùng với truyền thống đoàn kết dân tộc được vun đắp từ hàng ngàn năm dựng nước, giữ nước, làm cho xã hội Việt Nam định hình bền vững mối quan hệ tự nhiên giữa các tổ chức xã hội với Nhà nước cách mạng; không phải là môi trường thuận lợi cho việc ra đời, phát triển các tổ chức xã hội ngoài nhà nước, đối trọng với nhà nước như ở các quốc gia phương Tây vốn hình thành từ sớm xã hội thị dân, xã hội công dân. Trong quá trình lãnh đạo, nhất là từ khi đất nước phát triển kinh tế thị trường, Đảng Cộng sản Việt Nam, một mặt tăng cường, giữ vững vai trò lãnh đạo, mặt khác luôn tôn trọng vai trò độc lập, tính chủ động, tự chủ, tự quản, năng động của các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp; tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền làm chủ của nhân dân trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; tạo môi trường thuận lợi để người dân và các tổ chức xã hội tham gia phát triển, giám sát thị trường, tham gia xây dựng, kiểm tra, giám sát hoạt động của Đảng, Nhà nước. Xã hội Việt Nam là xã hội dân chủ, là chủ thể quan trọng trong phát triển thị trường, hoàn thiện nhà nước.

Thứ ba, thực tế đã chứng minh tính hiệu quả trong việc nhận thức, giải quyết quan hệ nhà nước - thị trường - xã hội ở Việt Nam. Suy đến cùng, hiệu quả thực tế vẫn là thước đo chính xác nhất để xác định giá trị của nhận thức, hành động. Kinh tế thị trường đã hình thành từ rất sớm ở các nước tư bản phương Tây và các nhà nước phương Tây đã trải qua hàng trăm năm kiểm chứng nhận thức, tiến hành giải quyết mối quan hệ nhà nước - thị trường - xã hội. Nhưng cho đến nay, chưa có quốc gia phát triển kinh tế thị trường hiện đại nào tuyên bố hoàn toàn có thể nhận thức đúng và giải quyết tốt mối quan hệ có ý nghĩa kinh điển này. Những cuộc khủng hoảng kinh tế, tài chính mang tính chu kỳ;

sự bất ổn và những rủi ro xã hội diễn ra ở nhiều nơi vẫn tạo một khoảng trống về lý thuyết và những thách đố về hành động đối với các quốc gia phát triển kinh tế thị trường. Việt Nam mới bước vào phát triển kinh tế thị trường trong khoảng thời gian rất ngắn so với các nước tư bản phát triển; còn nhiều vấn đề mới mẻ về nhận thức cần tiếp tục được nghiên cứu, hoàn thiện; còn nhiều hạn chế, yếu kém trong hoạt động thực tiễn phải tiếp tục khắc phục, song nhìn tổng thể, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam đã phát triển đúng hướng và giành được những thành tựu quan trọng bước đầu; việc nhận thức, giải quyết quan hệ nhà nước - thị trường - xã hội về cơ bản hợp lý, có hiệu quả.

Trong gần 35 năm đổi mới, mặc dù vừa làm vừa học, vừa rút kinh nghiệm, song việc nhận thức, giải quyết quan hệ giữa ba thực thể quan trọng nhất trong kinh tế thị trường không làm tổn thương, không gây ra những chấn động về kinh tế, xã hội. Trái lại, chính kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và việc giải quyết hợp lý, hiệu quả quan hệ nhà nước - thị trường - xã hội đã góp phần quan trọng giúp Việt Nam thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng trầm trọng về kinh tế - xã hội trong những năm 70, 80 của thế kỷ XX; thoát khỏi tình trạng nước nghèo, kém phát triển, trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình, có tốc độ phát triển cao, tiềm lực, quy mô kinh tế ngày càng được tăng cường¹; đứng vững không bị sụp đổ trước tác động của các cuộc khủng hoảng, suy thoái tài chính, kinh tế khu vực, toàn cầu cuối thập niên 90 của thế kỷ XX và thập niên đầu thế kỷ XXI. Công cuộc xóa đói, giảm nghèo của Việt Nam đạt được những thành tựu ấn tượng, được thế giới ghi nhận². Sự ổn định xã hội, sự đoàn kết, đồng thuận xã hội ở Việt Nam là nhân tố quan trọng để củng cố, hoàn thiện nhà nước, bình ổn và phát triển thị trường, tạo nên sức mạnh

1. Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân giai đoạn 2016 - 2020 ước đạt 6,8% (giai đoạn 2011 - 2015 đạt bình quân 5,9%); quy mô GDP tăng gấp 2,5 lần so với năm 2010; GDP bình quân đầu người tăng từ 1.332 USD năm 2010 lên hơn 3.000 USD - tính theo số liệu của Tổng cục Thống kê Việt Nam, đối chiếu với số liệu của Ngân hàng Thế giới, Cơ quan Thống kê Liên hợp quốc.

2. Tỷ lệ hộ nghèo cả nước giảm từ 14,2% năm 2010 xuống 7% năm 2016 và ước còn dưới 3% vào năm 2020.

to lớn, giúp Việt Nam vượt qua mọi khó khăn, thử thách, không ngừng phát triển. Thách thức khốc liệt của đại dịch Covid-19 vừa qua và thành công của Việt Nam trong phòng, chống dịch là minh chứng hùng hồn về sức mạnh, sự bền vững của quan hệ nhà nước - thị trường - xã hội ở Việt Nam.

3. Tự tin, tiếp tục nhận thức và giải quyết hiệu quả hơn nữa quan hệ nhà nước - thị trường - xã hội trong giai đoạn phát triển mới

Đồng thời với việc khẳng định những mặt thành công trong quá trình nhận thức, giải quyết quan hệ nhà nước - thị trường - xã hội, Đảng Cộng sản Việt Nam cũng thẳng thắn chỉ ra những hạn chế, yếu kém, khuyết điểm cần kiên quyết khắc phục. Tổ chức bộ máy của Nhà nước vẫn còn cồng kềnh, hiệu lực, hiệu quả quản lý kinh tế, xã hội chưa cao; phẩm chất, năng lực của một bộ phận công chức chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; kiểm soát quyền lực, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí mới đạt kết quả bước đầu. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa còn nhiều vướng mắc, bất cập chưa được tháo gỡ. Môi trường đầu tư kinh doanh chưa thực sự thông thoáng, minh bạch; các nguồn lực phát triển chưa được phân bổ, sử dụng hiệu quả. Một số loại thị trường hiện đại và phương thức giao dịch thị trường hiện đại phát triển chậm; cơ chế giá thị trường đối với một số hàng hóa, dịch vụ thực hiện còn khó khăn. Sự kết nối, tương tác giữa các hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế, các loại hình sản xuất, kinh doanh, giữa thị trường trong nước và thị trường quốc tế chưa chặt chẽ, hiệu quả. Phát triển, quản lý phát triển xã hội chưa được chú trọng đúng tầm. Quyền làm chủ của nhân dân, nhất là quyền dân chủ trực tiếp và vai trò tự chủ, tự quản chưa được phát huy đầy đủ. Hoạt động giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội còn hạn chế; sự tham gia của các hội, hiệp hội nghề nghiệp, các doanh nghiệp xã hội... vào quá trình phát triển thị trường chưa thật rõ nét...

Bước vào giai đoạn phát triển mới, để thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025 với tầm nhìn đến năm 2030, 2045, trên cơ sở tổng kết, đúc rút kinh nghiệm của gần 35 năm đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (năm 1991), đặc biệt là 10 năm thực hiện *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)*, Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục hoàn thiện đường lối đổi mới nhằm phát triển đất nước nhanh, bền vững hơn, trong đó chú trọng nhận thức đầy đủ hơn, thực hiện hiệu quả hơn quan hệ nhà nước - thị trường - xã hội.

Tiếp tục hoàn thiện tổ chức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, thúc đẩy thị trường và xã hội phát triển bền vững. Rà soát chức năng, tổ chức, kiện toàn nhà nước thật sự tinh gọn, đồng bộ, thông suốt. Nâng cao chất lượng quản trị quốc gia gắn với xây dựng chính quyền điện tử; chú trọng hoàn thiện, thực thi thể chế phát triển, trọng tâm là thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, sản xuất, kinh doanh; huy động, phân bổ, sử dụng hiệu quả các nguồn lực phát triển; thực hiện phân cấp, phân quyền hợp lý gắn với kiểm soát chặt chẽ quyền lực, đẩy lùi tệ nạn tham nhũng, lãng phí. Thực hành dân chủ rộng rãi, phát huy mạnh mẽ dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của nhân dân trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Tạo cơ chế, môi trường thuận lợi để các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện hiệu quả vai trò giám sát, phản biện xã hội; các tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp xã hội, các tổ chức tự quản... tham gia sâu rộng vào quá trình phát triển kinh tế thị trường và phát triển, quản lý phát triển xã hội.

Tiếp tục phát triển đầy đủ, đồng bộ các yếu tố thị trường, các loại thị trường theo hướng hiện đại, hội nhập. Gắn kết hiệu quả các loại thị trường, các thị trường vùng, liên vùng, thị trường trong nước và thị trường quốc tế. Đổi mới, cơ cấu lại, nâng cao vai trò, chất lượng, hiệu quả kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể; phát triển mạnh kinh tế tư nhân,

kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; kết nối các thành phần kinh tế, các loại hình sản xuất, kinh doanh tạo thành sức mạnh tổng thể, thống nhất của nền kinh tế quốc dân. Thực hiện nhất quán cơ chế giá thị trường với hàng hóa, dịch vụ; đề cao và phát huy vai trò quyết định của thị trường trong huy động, phân bổ, sử dụng hiệu quả các nguồn lực phát triển; phát huy mặt tích cực của cơ chế thị trường, tạo động lực đổi mới sáng tạo, phát triển xã hội, phát triển lực lượng sản xuất. Thông qua hoạt động có hiệu quả, hiệu lực của Nhà nước và hoạt động tự giác, có tổ chức của xã hội, điều tiết, phòng ngừa những rủi ro, hệ lụy từ những khuyết tật của thị trường.

Chú trọng phát triển, quản lý phát triển xã hội trên nền tảng thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội gắn với tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội. Gắn kết chặt chẽ các chính sách kinh tế với chính sách xã hội; giải quyết hài hòa quan hệ xã hội, quan hệ lao động, quan hệ lợi ích; nâng cao chất lượng an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội tương ứng với tăng trưởng kinh tế. Nâng cao chất lượng, hiệu quả giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, thực hiện đầy đủ, có kết quả Quy chế dân chủ ở cơ sở theo đúng phương châm: “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Phát huy vai trò các tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp xã hội... trong phát triển thị trường và điều tiết quan hệ kinh tế thị trường. Tổng kết, nhân rộng mô hình tự quản trong phát triển kinh tế, xây dựng nông thôn mới, xây dựng đô thị văn minh.

Qua thực tiễn gần 35 năm đổi mới với những thành quả hiện thực, nổi bật đã chứng minh tính hợp lý, hiệu quả trong việc nhận thức, giải quyết quan hệ nhà nước - thị trường - xã hội phù hợp với điều kiện Việt Nam, tạo tiền đề vững chắc để Việt Nam tiếp tục giải quyết thành công mối quan hệ quan trọng này trong giai đoạn phát triển mới.

NHẬN THỨC VÀ GIẢI QUYẾT MỐI QUAN HỆ GIỮA TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, THỰC HIỆN TIẾN BỘ, CÔNG BẰNG XÃ HỘI VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

GS.TS. TẠ NGỌC TẤN*

1. Cơ sở lý luận, thực tiễn của mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường

Tăng trưởng kinh tế luôn là vấn đề được các nước đang phát triển quan tâm hàng đầu. Tăng trưởng kinh tế thường được xem xét cả về số lượng và chất lượng, trong đó mặt số lượng thường được nhấn mạnh hơn. Về mặt *số lượng*, tăng trưởng kinh tế thường được đo đếm bằng tốc độ tăng trưởng giá trị tổng sản phẩm quốc dân (GDP) và thu nhập bình quân đầu người (GNI/người). Về mặt chất lượng, tăng trưởng kinh tế được nhìn nhận từ những yếu tố bên trong, gắn liền với tính chất, hiệu quả của quá trình tăng trưởng, như năng suất lao động, chỉ số cạnh tranh, mức độ tiêu hao nhiên liệu, năng lượng, mức độ ảnh hưởng đến môi trường, v.v..

Tăng trưởng kinh tế tạo ra cơ sở vật chất cho sự phát triển chung của xã hội. Chỉ có tăng trưởng kinh tế mới tạo ra các điều kiện cần thiết

* Phó Chủ tịch chuyên trách Hội đồng Lý luận Trung ương.

cho phát triển văn hóa và thực hiện tiến bộ xã hội, bảo vệ môi trường sống an toàn cho con người. Bản thân nội hàm của tăng trưởng kinh tế bao gồm hai mặt: *số lượng* và *chất lượng*. Thông thường, trong giai đoạn đầu của phát triển, mặt tăng trưởng số lượng được quan tâm nhiều hơn, coi như mục tiêu ưu tiên. Trong điều kiện đó, quá trình tăng trưởng kinh tế không tránh khỏi những ảnh hưởng tiêu cực nhất định đến xã hội và con người. Nguồn gốc của những ảnh hưởng tiêu cực đó thường do sự nhận thức chưa đầy đủ tác động của các hoạt động phát triển sản xuất; không kịp thời đưa ra các chính sách để ngăn chặn, giải quyết; không kiểm soát tốt hoặc không đủ nguồn lực, thiếu điều kiện kỹ thuật giải quyết các tác động tiêu cực đó. Chỉ khi sự tăng trưởng đạt đến mức độ nhất định nào đó, vấn đề chất lượng mới được thực sự quan tâm một cách đầy đủ và có hiệu quả. Đó là khi sự tăng trưởng kinh tế giúp tăng cường cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, nguồn lực tài chính và nhất là nguồn lực con người được tăng cường về chất lượng và kỹ năng quản trị, bảo đảm cho chất lượng của tăng trưởng kinh tế.

Văn hóa là toàn bộ các giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong quá trình trong hoạt động thực tiễn và nhằm phục vụ cho cuộc sống, sự phát triển của chính con người. Văn hóa là một bộ phận không thể tách rời của con người, vậy nên sự phát triển xã hội bao giờ cũng gắn bó hữu cơ chặt chẽ giữa cải thiện đời sống vật chất và thúc đẩy sự phát triển của văn hóa.

Nói đến văn hóa là nói đến hai bộ phận: Văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể. *Văn hóa vật thể* là khía cạnh thực tế xã hội, như các di sản vật chất, công trình xây dựng, các sản phẩm văn hóa, thiết chế văn hóa vật chất, v.v.. Nó bao gồm việc chế tác, sử dụng, trao đổi các sản phẩm vật chất, hành vi, cách thức và các chuẩn mực của con người khi tham gia các công việc đó. Người ta còn gọi đây là “phần cứng” của văn hóa. *Văn hóa phi vật thể* là các yếu tố của đời sống tinh thần của con người, bao gồm: Lối sống, đạo đức, đức tin, ý thức dân tộc, tinh thần yêu nước, các giá trị tinh hoa truyền thống, các hệ giá trị phổ biến của con người, của xã hội và cộng đồng, v.v.. Các yếu tố văn hóa phi vật thể tạo thành

cốt lõi của vốn xã hội, của nền kinh tế, sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển đất nước.

Phát triển văn hóa chính là sự thay đổi các yếu tố văn hóa vật thể, phi vật thể theo chiều hướng tích cực, tiến bộ nhằm đáp ứng các nhu cầu cuộc sống của con người ngày càng phong phú hơn, với chất lượng ngày càng cao hơn. Theo nghĩa chung nhất, phát triển văn hóa cũng chính là sự phát triển các phẩm chất, giá trị trong đời sống tinh thần của con người, của cộng đồng. Sự phát triển ấy gắn liền và là lôgich tất yếu của nền tảng vật chất của nó, tức là kinh tế. Đến lượt nó, sự phát triển các giá trị, phẩm chất của con người, của cộng đồng lại trở thành nguồn sống nuôi dưỡng, củng cố và phát triển các giá trị chung của quốc gia, dân tộc, tăng cường nguồn lực nội sinh cho sự phát triển xã hội, gia tăng sức mạnh của vốn xã hội của nền kinh tế quốc gia.

Nói đến tiến bộ, công bằng xã hội là nói đến mức độ đạt được về chất lượng cuộc sống, về tính chất tốt đẹp của xã hội và những điều kiện bảo đảm cho cuộc sống hạnh phúc của mọi người dân. Với ý nghĩa đó, *thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội* chính là quá trình nhà nước, các tổ chức, thiết chế chính trị - xã hội cùng người dân thực hiện các chính sách, tiến hành các công việc và những hoạt động khác nhau để không ngừng cải thiện toàn diện đời sống của người dân, bảo đảm cho mỗi người dân đều có thể được phát triển một cách tự do, được sống hạnh phúc. Cụ thể hơn, *thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội* có thể hiểu theo các khía cạnh: 1) Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; 2) Hoàn thiện và thực thi hệ thống pháp luật bảo đảm quyền con người, bảo đảm sự bình đẳng của người dân về quyền và trách nhiệm xã hội; 3) Thực hiện chính sách phân phối bảo đảm cho người lao động, tổ chức, nhóm người trong xã hội được hưởng thụ tương xứng với sức lao động, nguồn vốn đóng góp vào quá trình sản xuất, kết hợp các biện pháp hỗ trợ của Nhà nước và cộng đồng, hệ thống an sinh xã hội, bảo đảm cho mọi người dân đều được thụ hưởng thành tựu phát triển một cách công bằng, hợp lý; 4) Không ngừng cải thiện các điều kiện vật chất và tinh thần của

môi trường xã hội để mọi người dân được sống trong an toàn, khỏe mạnh và tự do phát triển.

Bảo vệ môi trường chính là bảo vệ không gian sống của nhân loại, bảo vệ “bà mẹ thiên nhiên”, nơi cung cấp nguồn sống như nước, không khí, đất đai, các tài nguyên thiên nhiên, v.v.. Việc khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên bằng mọi giá, phát triển các ngành công nghiệp, nông nghiệp không có sự kiểm soát tác động tiêu cực, xả thải ra môi trường một cách vô trách nhiệm gây ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí quá nặng nề, để lại những hậu quả nghiêm trọng và đe dọa sự tồn vong của con người. **Bảo vệ môi trường** là công việc có tính chất toàn cầu, trách nhiệm chung của mọi dân tộc, mọi quốc gia. Nội dung của bảo vệ môi trường là: Giữ cho môi trường trong lành, sạch đẹp; đảm bảo cân bằng sinh thái; khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên; ngăn chặn, khắc phục các tác động xấu do con người và thiên nhiên gây ra cho môi trường...

Một xã hội được coi là tốt đẹp khi nó mang lại cho con người những điều kiện sống ngày càng tốt đẹp hơn, trong đó có các điều kiện về vật chất, về tinh thần và về môi trường sống xã hội, môi trường sống tự nhiên. *Tăng trưởng kinh tế* nhằm bảo đảm các điều kiện về vật chất cho con người và xã hội ngày càng đầy đủ hơn với chất lượng ngày càng được cải thiện hơn. *Phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường* nhằm đáp ứng ngày càng đầy đủ, phong phú hơn những nhu cầu về đời sống tinh thần, xã hội của người dân, tạo dựng và củng cố các điều kiện môi trường sống xã hội và tự nhiên của con người, làm cho con người có cuộc sống ngày càng an toàn hơn, hài hòa hơn và hạnh phúc hơn. Mặt khác, phát triển văn hóa và phát triển con người cũng chính là tạo dựng nền tảng tinh thần cho xã hội, tăng cường nguồn lực nội sinh cho tăng trưởng kinh tế, động lực cho sự phát triển chung của đất nước. Như vậy, tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội có mối quan hệ gắn bó chặt chẽ với nhau, tác động lẫn nhau, làm điều kiện phát triển cho nhau nhằm mục đích xây dựng và không ngừng cải thiện các điều

kiện về vật chất, tinh thần và môi trường sống xã hội, bảo đảm cho con người có cuộc sống an toàn, hạnh phúc, được phát triển tự do toàn diện. Yêu cầu giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội xuất phát từ tính chất nhân văn của chế độ, từ mục đích cao cả cuối cùng của cuộc cách mạng, của công cuộc đổi mới, xây dựng và phát triển đất nước là *từ con người và vì con người*.

Tuy nhiên, việc giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường là *có điều kiện*. Vậy các điều kiện ấy là gì? *Thứ nhất*, tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội là những quá trình, có tính quy luật và đòi hỏi thời gian nhất định. V.I. Lenin đã từng nhấn mạnh rằng, nếu để giành chính quyền thì chỉ một cuộc cách mạng là được, nhưng để phát triển kinh tế, nâng cao năng suất lao động, “tổ chức lao động theo một trình độ cao hơn”¹ so với chủ nghĩa tư bản thì “phải mất nhiều năm mới giải quyết được”². *Thứ hai*, chính là nhân dân chứ không phải ai khác là nguồn động lực, là lực lượng để thực hiện việc tăng trưởng kinh tế, phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường. Đảng, Nhà nước chỉ là người lãnh đạo, tổ chức lực lượng của nhân dân để giải quyết mối quan hệ đó. *Thứ ba*, quá trình giải quyết mối quan hệ này luôn chịu các tác động khách quan, từ bên ngoài, bao gồm: Bối cảnh quốc tế và khu vực, các yếu tố chính trị, quan hệ kinh tế, các vấn đề an ninh truyền thống và phi truyền thống, v.v.. Điều đó đòi hỏi Đảng, Nhà nước phải có đường lối, chính sách sáng tạo, khéo léo, phát huy được thế mạnh và các nguồn lực của đất nước, tranh thủ được các nguồn lực từ bên ngoài, tận dụng được những thời cơ, điều kiện quốc tế có lợi để đạt được mục tiêu. Điều đó cũng đòi hỏi sự thống nhất về tư tưởng, nhận thức, ý chí chung của xã hội và quyết tâm chính trị mạnh mẽ của Đảng, Nhà nước.

1, 2. V.I. Lenin: *Toàn tập*, Sđd, t.36, tr.228-229, 229.

2. Thành tựu trong nhận thức và giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội

Mặc dù chưa có tổng kết, khái quát lý luận về yêu cầu giải quyết mối quan hệ lớn giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, song nội dung của các yếu tố cụ thể cũng như mối quan hệ giữa các yếu tố đó đã được Đảng ta nhận thức và quan tâm trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Trong *Chánh cương văn tắt* của Đảng năm 1930, Đảng đã đề cập nhiệm vụ về phương diện xã hội là: Dân chúng được tự do tổ chức; nam nữ bình quyền; phổ thông giáo dục theo công nông hóa¹ đồng thời với nhiệm vụ về phương diện kinh tế là “mở mang công nghiệp và nông nghiệp”². Đến Đại hội II vào đầu năm 1951, cùng với nhiệm vụ đánh đuổi đế quốc xâm lược, trừ diệt bọn phản quốc, giành độc lập cho dân tộc, Đảng ta cũng nhấn mạnh nhiệm vụ: “Xúc tiến công tác văn hóa để đào tạo con người mới và cán bộ mới cho công cuộc kháng chiến quốc. Phải triệt để tẩy trừ mọi di tích thuộc địa và ảnh hưởng nô dịch của văn hóa đế quốc. Đồng thời, phát triển những truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc và hấp thụ những cái mới của văn hóa tiến bộ thế giới, để xây dựng một nền văn hóa Việt Nam có tính chất dân tộc, khoa học và đại chúng”³. Trong Báo cáo *Hoàn thành giải phóng dân tộc, phát triển dân chủ nhân dân, tiến tới chủ nghĩa xã hội*, Tổng Bí thư Trường Chinh đã phân tích, làm rõ nội dung hai nhiệm vụ lớn: Mở mang kinh tế và phát triển văn hóa giáo dục. Như vậy, ngay trong quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc, nhất là điều kiện khắc nghiệt của chiến tranh chống đế quốc xâm lược, Đảng Cộng sản Việt Nam đã định hướng mục đích cuộc cách mạng rất rõ ràng, hướng tới con người, vì con người, xác định các yêu cầu nhiệm vụ xây dựng, phát triển kinh tế gắn với giải

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.2, tr.2, 3.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.12, tr.36.

quyết các vấn đề văn hóa, xã hội nhằm cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân.

Đại hội III của Đảng (tháng 9/1960), đề ra đường lối xây dựng nền kinh tế theo phương hướng “phát triển thành phần kinh tế quốc doanh, thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa bằng cách ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý, đồng thời ra sức phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ”¹. Đồng thời với xây dựng nền kinh tế là “đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa về tư tưởng, văn hóa và kỹ thuật; biến nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa và có công nghiệp hiện đại, nông nghiệp hiện đại, văn hóa và khoa học tiên tiến”². Trên cơ sở đường lối chung ấy, Đại hội III đề ra năm nhiệm vụ cơ bản của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, trong đó, nhiệm vụ cơ bản thứ tư là: “Cải thiện đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân thêm một bước, làm cho nhân dân ta được ăn no, mặc ấm, tăng thêm sức khỏe, có thêm nhà ở và được học tập, mở mang sự nghiệp phúc lợi công cộng, xây dựng đời sống mới ở nông thôn và thành thị”³. Như vậy, về nhận thức và đường lối, Đảng đã có bước cải thiện với cách nhìn rõ hơn, toàn diện hơn về sự cần thiết phát triển cân đối, hài hòa giữa kinh tế và đời sống xã hội, giữa nâng cao điều kiện vật chất với làm giàu có, phong phú hơn đời sống tinh thần cho nhân dân.

Đến Đại hội IV (tháng 12/1976) Đảng ta xác định đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam trong giai đoạn mới là: “tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt; đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hóa mới, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa; xóa bỏ chế độ người

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.21, tr.559, 559, 932.

*bóc lột người, xóa bỏ nghèo nàn và lạc hậu*¹. Trong đường lối chung do Đại hội IV đề ra, vấn đề phát triển văn hóa, xây dựng con người, cải thiện cuộc sống toàn diện cho nhân dân được quan tâm trong mối quan hệ chặt chẽ với công nghiệp hóa, phát triển lực lượng sản xuất, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Đại hội VI của Đảng (tháng 12/1986) mở đầu cho công cuộc đổi mới với chủ trương phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, đặc biệt Đảng ta đã công nhận sản xuất hàng hóa và tư bản tư nhân; thúc đẩy thu hút vốn đầu tư nước ngoài; đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, tự do lưu thông hàng hóa, xóa bỏ mọi hình thức ngăn sông, cấm chợ. Cùng với đường lối đổi mới trong kinh tế, Đại hội VI nhấn mạnh: “Chính sách xã hội nhằm phát huy mọi khả năng của con người và lấy việc phục vụ con người làm mục đích cao nhất. Coi nhẹ chính sách xã hội cũng là coi nhẹ yếu tố con người trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc”². Cụ thể là: Bảo đảm việc làm cho người lao động, thực hiện công bằng xã hội phù hợp với điều kiện thực tế, nâng cao chất lượng giáo dục nhằm hoàn thiện nhân cách con người xã hội chủ nghĩa, tiếp tục phát triển nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa, dịch vụ y tế, v.v..

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (năm 1991) đã xác lập đường lối đổi mới của Đảng về xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Cương lĩnh năm 1991 đề ra phương hướng xây dựng đất nước, trong đó “phát triển lực lượng sản xuất, công nghiệp hóa đất nước theo hướng hiện đại..., không ngừng nâng cao năng suất lao động xã hội”³ gắn liền với “cải thiện đời sống nhân dân”⁴ và “tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng văn hóa làm cho thế giới quan Mác - Lê nin và tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh giữ vị trí chỉ đạo trong đời sống tinh thần xã hội”⁵.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.37, tr.523.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.47, tr.557.

3, 4, 5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.51, tr.135.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 1991 - 2000 đã xác định rõ: “Mục tiêu và động lực chính của sự phát triển là vì *con người, do con người,... đặt con người vào vị trí trung tâm, giải phóng sức sản xuất*, khơi dậy mọi tiềm năng của mỗi cá nhân”¹. Trong quá trình thực hiện mục tiêu này, cần bảo đảm: “Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với *tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hóa, bảo vệ môi trường*”². Như vậy, về cơ bản, trong đường lối của Đảng, vấn đề tăng trưởng kinh tế vẫn song hành với yêu cầu phát triển đời sống tinh thần, cải thiện các khía cạnh xã hội, phục vụ cho đời sống con người ngày càng tốt đẹp hơn.

Từ thực tiễn công cuộc đổi mới, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)* lần đầu tiên đề ra tám mối quan hệ lớn cần giải quyết trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước, trong đó có *mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội*³. Việc đưa ra các mối quan hệ lớn xuất phát từ tính quy luật của quá trình xây dựng đất nước. Các bình diện, các tiến trình xã hội đều có mối quan hệ, tác động qua lại, gắn bó với nhau, trở thành điều kiện cho nhau trong quá trình phát triển chung. Vì thế, Đảng ta chủ trương thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước đi, từng chính sách cụ thể. Việc nhận thức và giải quyết tốt các mối quan hệ giữa các bình diện, các tiến trình kinh tế - xã hội chính là điều kiện cho sự phát triển hài hòa, bền vững của đất nước. Mặt khác, đó là điều kiện giúp cho nhân dân được thụ hưởng những thành tựu mới nhất của công cuộc đổi mới, cuộc sống của nhân dân được cải thiện toàn diện, không ngừng. Đến lượt nó, sự phát triển văn hóa, cải thiện đời sống nhân dân tạo ra động lực, góp phần động viên sức người, sức của và các nguồn lực to lớn của xã hội vào công cuộc xây dựng đất nước, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.51, tr.154, 156.

3. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.72-73.

Vấn đề *bảo vệ môi trường* được đặt ra một cách khẩn thiết trong điều kiện hiện nay, khi con người chạy theo lợi nhuận, khai thác cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên, phát triển các ngành sản xuất bằng mọi giá, bất chấp sự nguy hại, đã và đang từng ngày, từng giờ phá hủy môi trường đất, nước và không khí. Sự tác động vô trách nhiệm của con người vào môi trường thiên nhiên không chỉ phá hoại rừng, làm ô nhiễm nguồn nước, đất đai và không khí, mà còn là nguyên nhân dẫn đến hiện tượng trái đất nóng lên, nước biển dâng, thiên tai, dịch bệnh bùng phát và diễn biến ngày càng khốc liệt. Những vấn đề về môi trường đang trở thành nguy cơ về an ninh phi truyền thống, đe dọa sự tồn vong của loài người. Riêng với nước ta, những nguy cơ về môi trường đang hiện hữu, ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống của người dân ở nhiều địa phương, nhất là khu vực Tây Nam Bộ. Thực tế này đòi hỏi chúng ta phải có thái độ, quan điểm rõ ràng về môi trường, phải đặt vấn đề môi trường trong mối quan hệ với tăng trưởng kinh tế để xem xét, giải quyết nhanh và bảo đảm chất lượng.

Về *tăng trưởng kinh tế*, so với thời kỳ đầu đổi mới, chúng ta đã có những bước đi thần kỳ, những thành tựu to lớn chưa từng thấy. Từ năm 1990 đến nay, nước ta liên tục nằm trong tốp các nước có tốc độ tăng trưởng cao hàng đầu của khu vực và thế giới. Riêng trong giai đoạn 10 năm 2011 - 2020, tốc độ tăng trưởng GDP đạt khoảng 6,4%/năm. GDP bình quân đầu người của Việt Nam năm 2020 đã đạt khoảng 3.000 USD, tăng đến hơn 31 lần so với năm 1990 là 95 USD. Thu nhập bình quân đầu người đạt 45,1 triệu đồng (xấp xỉ 2.000 USD) năm 2018. Tỷ lệ hộ nghèo trong cả nước từ hơn 60% năm 1990 giảm còn dưới 3% năm 2020 (theo chuẩn nghèo đa chiều). Nguồn lực đầu tư của Nhà nước cho khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, nhất là đường giao thông, hạ tầng kinh tế, hạ tầng giáo dục, được quan tâm hơn. Chương trình xây dựng nông thôn mới đã đạt được những kết quả to lớn, góp phần cải thiện cuộc sống của cư dân khu vực nông thôn một cách toàn diện. Đến hết năm 2019, cả nước có 54% số xã, 111 huyện đạt chuẩn nông thôn mới, 99,7% số xã có trường tiểu học và mẫu giáo, 99,5% số xã có trạm y tế.

Dịch vụ y tế ngày càng được nâng cao về chất lượng, thuận lợi về điều kiện tiếp cận. Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 90,7% năm 2020 (năm 1990 chưa có gì). Chỉ số phát triển con người của Việt Nam được cải thiện từng năm, thuộc nhóm nước có chỉ số phát triển con người trung bình cao của thế giới. Công tác bảo vệ môi trường sống, ứng phó với những nguy cơ từ an ninh phi truyền thống như nước biển dâng, thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường... được chú trọng, góp phần bảo đảm cuộc sống an toàn cho nhân dân. Chúng ta đã hoàn thành trước thời hạn nhiều mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ, được đánh giá là điểm sáng của thế giới về các lĩnh vực xóa đói, giảm nghèo, phát triển y tế, giáo dục.

Đời sống văn hóa, tinh thần của người dân ngày càng được cải thiện, đáp ứng nhu cầu phong phú, toàn diện và không ngừng tăng lên của nhân dân. Hệ thống giáo dục, đào tạo quốc dân được tăng cường về nguồn lực đầu tư, cơ sở hạ tầng kỹ thuật, đội ngũ nhà giáo, nhà quản lý giáo dục. Nhà nước thực hiện nhiều chính sách bảo đảm công bằng, hỗ trợ một cách hợp lý, giúp cho mọi người dân đều có điều kiện hưởng thụ nền giáo dục tốt đẹp, suốt đời. Sự phát triển của hệ thống giáo dục và đào tạo không chỉ góp phần đào tạo nguồn nhân lực cho xã hội, mà còn là một yếu tố quan trọng góp phần hoàn thiện nhân cách, xây dựng lối sống tích cực cho thanh niên, thiếu niên, những chủ nhân tương lai của đất nước.

Về *thể chế*, Hiến pháp năm 2013 và hệ thống luật pháp đã thể chế hóa các nguyên tắc, yêu cầu về tiến bộ, công bằng xã hội, các điều kiện bảo vệ và bảo đảm các quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân. Con người được giáo dục, bảo vệ và tạo các điều kiện ngày càng thuận lợi hơn cho sự phát triển toàn diện, theo nguyên tắc “thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển”. Quyền tự do báo chí, ngôn luận, tự do sáng tạo và quảng bá các giá trị văn hóa, nghệ thuật; quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và không tín ngưỡng, tôn giáo; quyền tiếp cận thông tin, v.v. của người dân được tôn trọng và bảo vệ.

Việc thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa được đẩy mạnh làm cho môi trường xã hội của đất nước ngày càng tốt đẹp, các quyền tự do dân chủ của công dân được thực hiện rộng rãi với những chế định đảm bảo ngày càng chặt chẽ. Việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở đã có đóng góp tích cực vào việc thực hiện quyền làm chủ của người dân, bảo vệ những quyền và lợi ích chính đáng của họ trong các quyết định về kinh tế - xã hội ở các địa phương. Nhiều phong trào xã hội rộng rãi được thực hiện như: “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, “Xây dựng gia đình văn hóa mới”, “Xây dựng nông thôn mới”, “Xây dựng đô thị văn minh”, “Văn hóa doanh nghiệp”, “Văn hóa doanh nhân”, “Đường phố tự quản”,... đã góp phần tạo nên chuyển biến to lớn trong xây dựng môi trường sống tích cực, lành mạnh cho con người, hạn chế những biểu hiện tiêu cực, xuống cấp về đạo đức xã hội.

Cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu được đẩy mạnh, không chỉ hạn chế những thiệt hại về của cải, tài sản của Nhà nước, của nhân dân mà quan trọng hơn là loại khỏi các cơ quan Đảng, Nhà nước những phần tử cơ hội, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để đục khoét Nhà nước, đục khoét nhân dân, làm cho hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, qua đó lấy lại và củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ. Đó cũng là trường học để răn đe, giáo dục về đạo đức công vụ, trách nhiệm chính trị - xã hội cho chính đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là những người có chức, có quyền.

Tự do tôn giáo, tín ngưỡng và tự do không tôn giáo, tín ngưỡng được tôn trọng và được Đảng, Nhà nước, hệ thống luật pháp bảo vệ. Các tín ngưỡng truyền thống được tôn trọng và phát huy ý nghĩa xã hội tốt đẹp. Các tôn giáo chính thức được hoạt động và phát triển thuận lợi theo chính sách, pháp luật Nhà nước. Nhiều cơ sở, tổ chức tôn giáo đã tích cực đóng góp nguồn lực, tham gia phát triển kinh tế, xã hội, chung tay giải quyết những khó khăn, góp phần xây dựng phát triển các địa phương. Chính sách dân tộc của Đảng tạo điều kiện thuận lợi cho đồng bào các dân tộc thiểu số phát triển kinh tế, bảo tồn và phát huy những

giá trị văn hóa bản sắc, từng bước cải thiện cuộc sống. An ninh, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm một cách cơ bản, thường xuyên. Đời sống vật chất, văn hóa và an sinh xã hội của đồng bào các tôn giáo, các dân tộc thiểu số được cải thiện.

Các hoạt động văn hóa như văn học, nghệ thuật, thư viện, bảo tàng phát huy giá trị các di sản văn hóa, được Đảng, Nhà nước quan tâm phát triển, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân Việt Nam có nhiều cơ hội để học tập, nâng cao hiểu biết, giao lưu, kết nối văn hóa với các nền văn hóa trên thế giới. Hoạt động thể dục, thể thao quần chúng, thể thao thành tích cao đều có sự mở rộng, đạt được nhiều kết quả, góp phần nâng cao sức khỏe cho nhân dân.

Đảng, Nhà nước đã nhận thức rõ và đầy đủ hơn nội dung, tính chất, tầm quan trọng đặc biệt của vấn đề môi trường. Bảo vệ môi trường trở thành một yêu cầu, không thể tách rời với phát triển kinh tế. Bước đầu, chúng ta đã có nhận thức rõ và sâu sắc hơn về tính chất và tác động của môi trường đối với tăng trưởng kinh tế và các ngành nghề, khu vực khác. Việc hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, dự báo và giải quyết các vấn đề về môi trường đã có nhiều đổi mới, gắn với khoa học, công nghệ.

Có thể nói, những kết quả to lớn về nhận thức và giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường trong thời gian vừa qua là rất to lớn, toàn diện. Những kết quả đó, một mặt là hệ quả trực tiếp của đường lối đổi mới của Đảng về phát triển văn hóa, quản lý phát triển xã hội trong thời gian vừa qua; mặt khác, trở thành nguồn vốn xã hội, nguồn lực nội sinh cho sự tăng trưởng kinh tế, xây dựng và phát triển đất nước.

3. Những nhận thức sai lầm và luận điệu thù địch về mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường

Trong điều kiện hiện nay, sau khi mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, phong trào công nhân và cộng sản

trên thế giới rơi vào thoái trào, tình hình khu vực và thế giới có những biến chuyển hết sức phức tạp, các thế lực thù địch tìm mọi cách chống phá Đảng, Nhà nước và công cuộc xây dựng, phát triển đất nước của Việt Nam; xuyên tạc, phủ nhận những thành tựu trong việc giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường. Có thể thấy sự chống phá của các thế lực thù địch, bất mãn, chống đối tập trung vào hai nhóm vấn đề sau:

a) Phủ nhận chủ nghĩa xã hội dẫn đến phủ nhận sạch sẽ mọi thành tựu mà công cuộc xây dựng phát triển đất nước đạt được

Những kẻ chống phá thường dựa vào một số luận điệu sau đây để phủ nhận chủ nghĩa xã hội, cùng với đó là sự phủ nhận đối với sự tiến bộ, công bằng xã hội trong thực tế ở nước ta hiện nay:

Thứ nhất, chủ nghĩa xã hội là học thuyết được nghiên cứu, tổng kết dựa trên thực tế xã hội châu Âu, mà xã hội châu Âu không phải là xã hội châu Á, nghĩa là giữa hai xã hội ấy có những đặc điểm khác biệt rất xa với nhau. Do đó, học thuyết về chủ nghĩa xã hội không thể áp dụng vào châu Á, vào Việt Nam. Mặt khác, thực tế xã hội châu Âu từ giữa thế kỷ XIX đến nay đã có những thay đổi hết sức to lớn, toàn diện, vì thế những kết quả nghiên cứu của C. Mác, Ph. Ăngghen về chủ nghĩa xã hội không thể áp dụng vào tình hình thực tế hiện nay ở Việt Nam hay bất cứ đâu trong thế giới hiện đại.

Đúng là trên thực tế, đời sống xã hội ở các châu lục khác nhau, thậm chí ở các địa phương khác nhau trong một quốc gia, đều có những tính chất, đặc điểm riêng có. Đó là những tính chất, đặc điểm về văn hóa hay những biểu hiện khác nhau trong các mối quan hệ xã hội. Tuy nhiên, những đặc điểm phổ biến, những mối quan hệ có tính quy luật của xã hội là của chung nhân loại, không phân biệt châu lục hay quốc gia, lãnh thổ. Ví dụ như tình yêu, gia đình có hình thức hay tục lệ khác nhau, nhưng đó là những mối quan hệ chung của mọi quốc gia, dân tộc, là một yếu tố cơ bản không thể thiếu để tạo nên xã hội loài người.

Cũng như giai cấp tư sản ở châu Âu hay châu Á đều bóc lột người lao động dựa trên giá trị thặng dư và nguồn gốc của sự bóc lột ấy đều do sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất. Học thuyết của C. Mác là kết quả của sự nghiên cứu, tổng kết lịch sử nhân loại để phát hiện ra tính quy luật trong sự vận động của xã hội loài người, trong đó chỉ ra tất yếu đi đến chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Nó không phải đơn thuần là nghiên cứu về một mô hình xã hội cụ thể ở châu Âu vào một thời điểm cụ thể là giữa thế kỷ XIX. Mặt khác, chủ nghĩa Mác - Lê nin là một học thuyết khoa học. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nhấn mạnh: “Chủ nghĩa Mác - Lê nin là kim chỉ nam cho hành động, chứ không phải là kinh thánh”¹, vì thế những người cộng sản tuyệt nhiên không tiếp nhận nó như những giáo lý khô cứng, mà phải biết vận dụng sáng tạo, làm sao cho phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của đất nước, từng lúc và từng nơi một cách hợp lý. Đó là một phương pháp nhận thức khoa học, phương pháp hành động đúng đắn không chỉ với học thuyết Mác - Lê nin, thực tiễn cách mạng Việt Nam, mà còn với mọi học thuyết khoa học chân chính, mọi hoạt động thực tiễn của xã hội con người nói chung. Chính vì thế, cần phải nói rằng, luận điệu xuyên tạc giá trị của chủ nghĩa Mác - Lê nin trên là siêu hình, phi thực tế, hoàn toàn phi lý, không nói đến những vấn đề có tính phổ biến, những quy luật chung của xã hội loài người. Cùng với đó, những thành tựu về tiến bộ, công bằng xã hội của chúng ta là thực tế, được cả thế giới công nhận, không ai có thể che giấu và bôi nhọ.

Thứ hai, cố tình coi sự sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên Xô và Đông Âu là sự cáo chung của chủ nghĩa xã hội khoa học.

Đúng là không chỉ có chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên Xô, Đông Âu, mà cả hệ thống xã hội chủ nghĩa đã sụp đổ, nhưng điều đó hoàn toàn không có nghĩa là học thuyết Mác - Lê nin về chủ nghĩa xã hội là sai lầm và không còn giá trị. Xin nhớ rằng, chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên Xô, Đông Âu chỉ là một mô hình cụ thể. Ngoài mô hình đó, trên thế

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.7, tr.120.

giới vẫn đang tồn tại và phát triển những mô hình cụ thể khác của chủ nghĩa xã hội hiện thực. Chưa kể, hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới trong hơn 70 năm tồn tại đã thu được những thành tựu vĩ đại, là đối trọng buộc chủ nghĩa tư bản phải có những thay đổi, mở rộng dân chủ, giảm thiểu sự khắc nghiệt trong các chính sách, thủ đoạn bóc lột người lao động, là động lực và chỗ dựa cho các dân tộc bị nô dịch đứng lên chống đế quốc thực dân, giành độc lập, tự do. Mặt khác, cho dù chế độ xã hội chủ nghĩa không còn duy trì ở một số quốc gia trên thế giới, nhưng những giá trị mà nó mang lại cho loài người và xã hội ở các quốc gia đó vẫn còn sống mãi, không bao giờ mất đi. Lý tưởng về chủ nghĩa xã hội, về xã hội không còn người bóc lột người, con người được sống hạnh phúc trong một môi trường xã hội nhân văn vẫn là một khát vọng của chung nhân loại.

Thứ ba, một số người cho rằng, Đảng, Nhà nước ta đang cố tình làm sai tư tưởng Hồ Chí Minh vì Người chỉ nói đến “xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh” mà không nói đến chủ nghĩa xã hội. Đó là sự xuyên tạc trắng trợn tư tưởng Hồ Chí Minh. Trên thực tế, khi Hồ Chí Minh đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I. Lenin, Người đã tìm thấy ở đây “con đường giải phóng dân tộc”. Đó chính là con đường tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc để tiến lên xây dựng chế độ xã hội Xôviết, tức là xây dựng chủ nghĩa xã hội. Bởi vì, như V.I. Lenin đã chỉ ra: “Chỉ có chế độ Xôviết là chế độ có thể thực sự đảm bảo quyền bình đẳng giữa các dân tộc, bằng cách thực hiện trước hết sự đoàn kết tất cả những người vô sản, rồi đến toàn thể quần chúng lao động, trong cuộc đấu tranh chống giai cấp tư sản”¹. Xuất phát từ quan điểm đó, Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định nguyên tắc cơ bản trong đường lối cách mạng là *độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội*. Hồ Chí Minh cũng đã nhiều lần nhấn mạnh: “phải phát triển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa thì

1. V.I. Lenin: *Toàn tập*, Sđd, t.41, tr.202.

mỗi giành được thắng lợi hoàn toàn”¹; rằng, “vì có tiến lên chủ nghĩa xã hội thì nhân dân mình mỗi ngày một no ấm thêm, Tổ quốc mỗi ngày một giàu mạnh thêm”².

Từ sự phủ nhận chủ nghĩa xã hội, những kẻ thù địch phủ nhận sạch sẽ tất cả những thành tựu của cách mạng, trong đó cả những thành tựu to lớn trong tăng trưởng kinh tế, phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường. Cách làm thường thấy nhất của họ là so sánh tình trạng kinh tế, xã hội của nước ta với những nước tư bản chủ nghĩa phát triển trên thế giới để phê phán, cho rằng ta lạc hậu, yếu kém, không xứng tầm với danh xưng chủ nghĩa xã hội. Đây là cách nói chủ quan, không có cơ sở, phi thực tế. Nước ta phải trải qua 80 năm bị thực dân Pháp đô hộ và tiếp theo là một cuộc chiến tranh khốc liệt kéo dài suốt 30 năm (1945 - 1975) chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược. Sau năm 1975, chúng ta lại phải đối đầu với cuộc chiến tranh biên giới Tây Nam, bảo vệ biên giới phía Bắc và sự bao vây cấm vận của Mỹ và nhiều nước trên thế giới. Trên thực tế, chỉ sau năm 1979, đất nước ta mới thực sự có hòa bình đầy đủ để tập trung vào công cuộc xây dựng, phát triển. Những thành tựu mà Việt Nam đạt được trong gần 35 năm đổi mới là vô cùng to lớn, được cả thế giới công nhận và đánh giá cao. Việc so sánh tình trạng kinh tế, điều kiện cơ sở vật chất giữa Việt Nam và các nước đã có hàng trăm năm hòa bình xây dựng, đã từng đô hộ, cướp bóc từ các dân tộc, quốc gia khác để làm giàu, sẽ là phi lý nếu không được xem xét trong các điều kiện lịch sử cụ thể.

b) Lợi dụng những sai lầm, khuyết điểm trong lãnh đạo, quản lý để chống Đảng, Nhà nước

Lợi dụng những sai lầm, khuyết điểm trong lãnh đạo, quản lý của các cơ quan của Đảng, Nhà nước; những khó khăn tạm thời trong cuộc

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd, t15, tr.392.*

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd, t11, tr.401.*

sóng của nhân dân ta; những hiện tượng tiêu cực trong kinh tế, xã hội để nói xấu chế độ, đả kích vào tổ chức, cơ quan của Đảng, Nhà nước, bôi nhọ các cán bộ lãnh đạo cao cấp của Đảng, Nhà nước, làm nhiễu loạn tư tưởng, gây mất đoàn kết nội bộ, kích động những bức xúc trong nhân dân. Trong nhiều trường hợp, họ còn cố tình biện luận để bảo vệ và kích động những hành vi vi phạm luật pháp, phá hoại trật tự trị an nhằm xuyên tạc các chính sách, luật pháp của Nhà nước Việt Nam, “nuôi dưỡng” những mầm bệnh bên trong lòng chế độ, gây rối loạn trong cộng đồng và hạ thấp uy tín của nước ta trên trường quốc tế. Mục đích chung của những luận điệu này là hòng lật đổ chế độ chính trị, phá hoại công cuộc xây dựng, phát triển đất nước của nhân dân ta.

Đây là những chiêu bài được những kẻ chống phá chế độ, Đảng, Nhà nước ta thường xuyên sử dụng. Họ thường phong đại quy mô, tính chất của những sai lầm, khuyết điểm; phân tích, đánh giá các khó khăn, hạn chế theo hướng tiêu cực, đổ lỗi cho chế độ chính trị. Họ không bao giờ nhắc đến những thành tựu, thắng lợi của chúng ta, thậm chí còn tìm cách giải thích, đánh giá các thắng lợi, thành tựu của cách mạng giải phóng dân tộc và xây dựng, phát triển đất nước của ta theo hướng tiêu cực, nói phải thành trái, chính nghĩa thành phi nghĩa.

Công cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do của dân tộc ta diễn ra trong những điều kiện vô cùng khó khăn, gian khổ. Một dân tộc bị áp bức, bóc lột đến tàn tệ trong một thuộc địa nghèo nàn, lạc hậu, phải đối đầu với những thế lực thực dân, đế quốc giàu mạnh, hung hãn nhất thời đại, chúng ta lại phải đối mặt với sự bao vây, chống phá của chủ nghĩa đế quốc, của các thế lực thù địch. Chúng ta bắt tay vào xây dựng, phát triển đất nước với muôn vàn khó khăn. Xoay chuyển tình thế, biến bất lợi thành lợi thế, vững tin và kiên trì với con đường đã định, sáng tạo và cần cù lao động, tạo dựng nên cơ đồ đất nước như hôm nay - đó là thực tế sáng chóe như mặt trời, không bàn tay xấu xa nào có thể che khuất được. Những khó khăn, khuyết điểm trong xây dựng, phát triển đất nước là khó tránh khỏi. Như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “xây dựng chủ nghĩa xã hội là một cuộc đấu tranh cách mạng phức tạp,

gian khổ và lâu dài”¹. Vấn đề là chúng ta đã dám nhìn thẳng vào sự thật, nhận ra và kiên quyết sửa chữa những sai lầm, khuyết điểm để tiếp tục thúc đẩy công cuộc đổi mới, quyết tâm thực hiện thắng lợi mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

4. Định hướng, giải pháp đột phá giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường trong thời gian tới

Trong định hướng chiến lược của Đảng và Nhà nước Việt Nam về xây dựng, phát triển đất nước từ nay đến giữa thế kỷ XXI, vấn đề giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường không chỉ là một nội dung, nhiệm vụ cụ thể rất quan trọng, mà còn là điều kiện tiên quyết để bảo đảm cho sự phát triển bền vững đất nước, vì con người. Để giải quyết tốt mối quan hệ lớn, quan trọng đó, Đảng, Nhà nước Việt Nam đã hoạch định đường lối chung về phát triển kinh tế - xã hội, đề ra hệ thống những giải pháp toàn diện, cụ thể.

Về tăng trưởng kinh tế, tập trung giải quyết các vấn đề:

Thứ nhất, đổi mới mô hình tăng trưởng, chuyển mạnh từ tăng trưởng theo chiều rộng chủ yếu dựa vào vốn đầu tư và nguồn tài nguyên sang tăng trưởng theo chiều sâu, chủ yếu dựa vào ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo để nâng cao năng suất lao động, hiệu quả sản xuất và sức cạnh tranh. Thúc đẩy phát triển sản xuất từ chỗ chủ yếu dựa vào xuất khẩu và vốn đầu tư sang hướng quan tâm thích đáng đến thị trường trong nước, phát huy vai trò quyết định của nội lực, đồng thời chủ động khai thác lợi thế cạnh tranh, tăng nhanh giá trị quốc gia và tham gia nhanh, có hiệu quả vào chuỗi giá trị toàn cầu. Cơ cấu lại các ngành, các khu vực kinh tế, ưu tiên phát triển các ngành quan trọng, cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, coi trọng phát triển kinh tế tư nhân, coi đó là một động lực quan trọng của tăng

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.11, tr.216.

trưởng kinh tế. Đổi mới cơ cấu đầu tư chủ yếu dựa trên yêu cầu của thị trường, tăng cường chọn lọc hiệu quả và trình độ kỹ thuật, công nghệ trong thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

Thứ hai, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, gắn với phát triển kinh tế tri thức, phát triển hạ tầng kinh tế - kỹ thuật, xây dựng lực lượng sản xuất hiện đại. Xây dựng nền công nghiệp và thương hiệu công nghiệp quốc gia theo hướng hiện đại, tăng hàm lượng khoa học - công nghệ, tập trung vào những ngành có lợi thế so sánh, có ý nghĩa chiến lược cho phát triển nhanh, bền vững và nâng cao tính tự chủ của nền kinh tế.

Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, ứng dụng công nghệ cao, nâng cao chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm và giá trị gia tăng của nông phẩm hàng hóa. Phát triển kinh tế nông thôn trên cơ sở phối hợp phát triển sản xuất nông nghiệp với dịch vụ, du lịch và đô thị, đổi mới và sắp xếp lại mô hình hợp tác xã gắn với xây dựng nông thôn mới, không ngừng nâng cao thu nhập cho người dân sống ở nông thôn, nhất là ở khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, bãi ngang ven biển và các hải đảo.

Về phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường, tập trung giải quyết các vấn đề:

Thứ nhất, nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, khích lệ sáng tạo các giá trị văn hóa mới, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống. Phát triển toàn diện các loại hình văn học - nghệ thuật, chăm lo bồi dưỡng, tạo các điều kiện thuận lợi cho hoạt động sáng tạo của đội ngũ văn nghệ sĩ, trí thức, những người lao động nghệ thuật và sáng tạo.

Thứ hai, xây dựng hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị chuẩn mực con người Việt Nam, làm cơ sở để xây dựng, phát triển con người Việt Nam thời kỳ mới. Xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế. Phát triển nhân cách, đạo đức, năng lực sáng tạo, ý thức trách nhiệm với Tổ quốc, với xã hội của người dân. Tôn vinh lòng yêu nước, tự hào dân tộc, nhân rộng

các giá trị nhân văn, cái đẹp trong cuộc sống, đấu tranh chống tiêu cực, sai trái làm ảnh hưởng đến thuần phong, mĩ tục.

Thứ ba, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phù hợp với bối cảnh kinh tế - xã hội trong nước và điều kiện hội nhập toàn cầu. Xây dựng văn hóa cộng đồng trong sạch, lành mạnh. Xây dựng gia đình văn minh, hạnh phúc. Nâng cao chất lượng, hiệu quả các phong trào văn hóa, từng bước thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hóa giữa nông thôn và đô thị, giữa đồng bằng, trung du và khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.

Thứ tư, làm tốt công tác lãnh đạo, quản lý báo chí, truyền thông, xuất bản. Chú trọng phát triển đi đôi với quản lý chặt chẽ internet, mạng xã hội để định hướng tư tưởng và thẩm mỹ cho nhân dân, nhất là thế hệ trẻ. Phát triển công nghiệp văn hóa gắn liền với phát triển và quản lý thị trường dịch vụ văn hóa. Chủ động hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về văn hóa, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa của nhân loại.

Thứ năm, tăng cường công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên, môi trường, ứng phó kịp thời, hiệu quả với biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Đổi mới cơ cấu năng lượng theo hướng tiết kiệm, sử dụng năng lượng tái tạo, năng lượng mới, hạn chế đến mức thấp nhất năng lượng từ nhiên liệu hóa thạch. Ngăn chặn và khắc phục sớm sự xuống cấp của môi trường, thực hiện nghiêm ngặt phục hồi môi trường sau khai thác. Thực hiện tốt công tác nghiên cứu, dự báo về tác động của biến đổi khí hậu và thiên tai, dịch bệnh. Tăng cường nguồn lực đầu tư cho hạ tầng kỹ thuật phục vụ thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh.

Về kết hợp giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường, để bảo đảm sự phát triển hài hòa, bền vững đất nước, cần tập trung thực hiện các giải pháp sau:

Thứ nhất, xây dựng, hoàn thiện thể chế, bảo đảm lồng ghép, kết hợp chặt chẽ tăng trưởng kinh tế nhanh với phát triển văn hóa, thực hiện

tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường thực hiện trong từng bước, từng chính sách, từng dự án kinh tế, kỹ thuật.

Thứ hai, đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa - xã hội của đất nước theo hướng tăng trưởng theo chiều sâu, chất lượng, hiệu quả cao. Toàn bộ quá trình tăng trưởng kinh tế dựa trên các động lực mới là: Đổi mới, sáng tạo và nguồn nhân lực chất lượng cao; ứng dụng nhanh các thành tựu khoa học - công nghệ cao của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong các ngành kinh tế và quản lý điều hành xã hội; phát triển khu vực nông nghiệp và chuỗi giá trị nông nghiệp có giá trị kinh tế cao; tạo điều kiện thuận lợi, công bằng cho mọi thành phần, khu vực kinh tế, nhất là kinh tế tư nhân năng động, tham gia vào hoạt động sản xuất, kinh doanh, phát triển kinh tế.

NHẬN THỨC VÀ GIẢI QUYẾT MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐỘC LẬP, TỰ CHỦ VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ

GS.TS. VŨ VĂN HIỀN*

Qua gần 30 năm thực hiện *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (năm 1991) và hơn 30 năm đổi mới, từ nhận thức lý luận và hoạt động thực tiễn, Đảng ta đã nhận rõ nhiều mối quan hệ đan xen nhau rất phức tạp đòi hỏi phải giải quyết, xử lý đúng đắn, hiệu quả. Trong *Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011)*, Đảng ta xác định phải đặc biệt chú trọng nấm vũng và giải quyết tốt tá móm quan hệ lớn, trong đó có mối quan hệ “giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế”¹. Văn kiện Đại hội XII của Đảng tiếp tục nhấn mạnh và cụ thể hơn là mối quan hệ “giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế”². Để nhận thức đúng và xử lý tốt mối quan hệ đó, Đảng đã chỉ rõ nguyên tắc và phương châm phải phát triển từ thực tiễn, bám sát thực tiễn đất nước, chú trọng nghiên cứu dự báo xu hướng phát triển của đất nước và thế giới, những diễn biến của khu vực, quốc tế tác động tới nước ta trên cả hai mặt thuận lợi và khó khăn, tích cực và tiêu cực để đón kịp, tận dụng thời cơ, chủ động vượt qua

* Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương.

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.72-73.
 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.17-18.

thách thức và nguy cơ, tôn trọng quy luật khách quan, “không phiến diện, cực đoan, duy ý chí”¹.

1. Bản chất, nội hàm của mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế

Trước hết, cần xác định đây là mối quan hệ khách quan, nảy sinh và ngày càng sâu đậm trong quá trình chúng ta đổi mới, phát triển đất nước và mở cửa, hội nhập với thế giới. Đó là mối quan hệ biện chứng, tác động qua lại lẫn nhau, nếu được xử lý tốt sẽ tạo tiền đề, điều kiện cho nhau, phát huy lẫn nhau, vừa thống nhất vừa thúc đẩy nhau trong việc bảo đảm lợi ích tối cao của quốc gia, dân tộc. Ngược lại, nếu không giải quyết tốt, hai mặt của mối quan hệ này sẽ hạn chế, cản trở lẫn nhau. Để giải quyết thật tốt mối quan hệ này, trước hết cần thấy rõ bản chất và nội hàm của nó thể hiện rõ trên những điểm cơ bản sau:

a) *Độc lập, tự chủ là cơ sở, điều kiện, tiền đề để chủ động, tích cực hội nhập quốc tế.* Điều đó thể hiện:

Một là, độc lập, tự chủ không phải là biệt lập, cô lập với thế giới bên ngoài, không đứng ngoài hội nhập quốc tế. Độc lập, tự chủ thể hiện chủ quyền, quyền tự quyết, tự lựa chọn con đường phát triển, tự quyết định mô hình phát triển của quốc gia, dân tộc. Tự chủ là năng lực thực hiện chủ quyền, tức là thực hiện quyền tự quyết dân tộc trên thực tế. Độc lập, tự chủ bao gồm độc lập, tự chủ về chính trị, kinh tế, văn hóa, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, v.v.. Do đó, không có độc lập, tự chủ thì không thể nói tới hội nhập quốc tế chứ chưa nói tới chủ động, tích cực hội nhập quốc tế.

Hai là, độc lập, tự chủ là nhân tố đóng vai trò quyết định trong mối quan hệ với hội nhập quốc tế. Có độc lập, tự chủ thì mới độc lập, tự chủ trong việc tự quyết định lộ trình, bước đi, cách thức, nội dung, biện pháp, đối tác, lĩnh vực, v.v. hội nhập quốc tế. Qua hơn 30 năm đổi mới cho thấy, đường lối độc lập, tự chủ của Đảng đã định hướng đúng cho

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr.73.

tiến trình hội nhập từ việc lựa chọn lĩnh vực ưu tiên, xác định lộ trình hội nhập phù hợp... Ban đầu, chúng ta chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, sau đó cùng với hội nhập kinh tế, đã từng bước hội nhập toàn diện vào khu vực và quốc tế. Vì vậy, quan hệ đối ngoại của nước ta được mở rộng và ngày càng đi vào chiều sâu, góp phần tạo ra thế và lực mới của đất nước. Quan điểm và chính sách kiên trì độc lập, tự chủ của Đảng ta luôn luôn được cụ thể hóa, bổ sung và phát triển theo sự chuyển biến của tình hình trong nước và quốc tế. Điều đó đã mở đường cho quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam ngày càng sâu rộng, phục vụ thiết thực và hiệu quả cho sự nghiệp bảo vệ và xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Ba là, có độc lập, tự chủ thì mới độc lập, tự chủ trong lựa chọn, đề xuất các giải pháp đồng bộ, hữu hiệu, hạn chế tác động tiêu cực, phát huy tác động tích cực trong quá trình hội nhập quốc tế; độc lập, tự chủ trong phân tích, xử lý thông tin trước sự thay đổi mau lẹ của tình hình thế giới và khu vực, mới chủ động, tích cực trong hội nhập quốc tế.

Bốn là, độc lập, tự chủ là cơ sở để tận dụng nhiều cơ hội to lớn, đồng thời hạn chế tối đa những thách thức gay gắt, nhất là đối với những nước vừa, nhỏ, đang phát triển như Việt Nam do quá trình toàn cầu hóa gây ra. Để thích ứng với tiến trình toàn cầu hóa, tận dụng được những cơ hội do toàn cầu hóa đem lại, ngăn ngừa và khắc phục những thách thức thì các quốc gia phải chủ động, độc lập, tự chủ và nỗ lực cùng nhau hợp tác, không phân biệt giàu nghèo, lớn nhỏ. Nhưng sự hợp tác đó phải trên tinh thần bình đẳng cùng có lợi, tôn trọng luật pháp quốc tế. Do vậy, các quốc gia, dân tộc chủ động hội nhập quốc tế trên cơ sở độc lập, tự chủ thì mới có hiệu quả.

Năm là, độc lập, tự chủ sẽ là cơ sở, điều kiện để nước ta chủ động phát huy được lợi thế so sánh của mình trong quá trình hội nhập quốc tế nhằm từng bước phát triển. Chẳng hạn, chúng ta có lợi thế về các sản phẩm nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp, may mặc, giày da,... chúng ta chỉ có thể xuất khẩu được những mặt hàng có lợi thế so sánh này khi hội nhập đầy đủ và sâu rộng vào kinh tế quốc tế. Nhưng nếu không

độc lập, tự chủ thì lợi thế so sánh trong hội nhập sẽ bị các nước lớn chi phối theo ý họ. Có độc lập, tự chủ mới cân đối được, làm chủ được quan hệ giữa xuất khẩu và nhập khẩu, tránh nhập siêu quá giới hạn cho phép của nền kinh tế. Có độc lập, tự chủ chúng ta mới thúc đẩy cho kinh tế du lịch phát triển, lôi cuốn, kêu gọi được khách quốc tế đến tham quan, du lịch, làm ăn tại nước ta. Đây cũng là một nhân tố quan trọng thúc đẩy kinh tế trong nước phát triển.

b) Đến lượt mình, hội nhập quốc tế góp phần tăng cường khả năng giữ vững độc lập, tự chủ của quốc gia, dân tộc. Có thể nhận rõ điều đó như sau:

Một là, hội nhập quốc tế sẽ tạo ra những cơ hội, tiền đề cho chúng ta giữ vững độc lập, tự chủ trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, từ chính trị, kinh tế, văn hóa, quốc phòng, an ninh. Thực tiễn hơn 30 năm mở cửa, hội nhập, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, sự điều hành, quản lý hiệu quả của Nhà nước, hội nhập quốc tế đã trở thành một trong các nguồn lực quan trọng để chúng ta củng cố độc lập, tự chủ. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế vừa là một giải pháp, vừa là một động lực để giữ vững độc lập, tự chủ.

Hai là, hội nhập quốc tế sẽ tạo ra cho chúng ta những cơ hội thuận lợi để huy động nguồn lực bên ngoài cho phát triển kinh tế - xã hội trong nước. Để phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững độc lập, tự chủ, chúng ta phải phát huy cao độ nội lực, xem đó là nhân tố quyết định đối với sự phát triển đất nước; tuy nhiên cũng phải coi trọng huy động các nguồn lực bên ngoài. Muốn phát huy được các nguồn lực bên ngoài thì phải thông qua hội nhập và hợp tác quốc tế. Hội nhập quốc tế tạo điều kiện để tận dụng được lợi thế của các nguồn lực bên ngoài, như vốn, kỹ thuật, quản trị, v.v.. Toàn cầu hóa tạo ra cơ hội mở rộng thị trường, hàng rào thuế quan ngày càng thu hẹp, làm cho các luồng chuyển giao vốn vượt ra khỏi biên giới quốc gia, dân tộc, tạo ra nhiều hình thức đầu tư, hợp tác sản xuất, v.v.. Tất cả những thuận lợi này cũng như các nguồn lực bên ngoài chỉ được phát huy có hiệu quả thông qua nội lực. Do vậy, phải chủ động, tích cực trong hội nhập quốc tế.

Ba là, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế giúp chúng ta thực hiện thành công công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức. Chính quá trình toàn cầu hóa đang làm thay đổi phân công lao động trên từng khu vực và trên toàn thế giới. Chúng ta có thể tận dụng sự tái phân công lao động này để phát huy mặt mạnh và lợi thế so sánh cho phát triển kinh tế, rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Bởi lẽ, hội nhập kinh tế trong điều kiện toàn cầu hóa sẽ có cơ hội tiếp nhận và ứng dụng nhanh chóng những thành tựu khoa học - công nghệ tiên tiến để rút ngắn quá trình phát triển.

Bốn là, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế sẽ tạo ra cơ hội, môi trường hòa bình, ổn định để chúng ta phát triển đất nước, trên cơ sở đó góp phần giữ vững độc lập, tự chủ. Là một dân tộc đã trải qua nhiều năm chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, Việt Nam hiểu rõ và khát khao hơn bất cứ quốc gia, dân tộc nào sự hòa bình, ổn định để chấn hưng đất nước. Hiện nay, đang nổi lên nhiều vấn đề an ninh đáng lo ngại như chủ nghĩa khủng bố, xung đột tôn giáo, xung đột sắc tộc, chủ nghĩa ly khai, nguy cơ bất ổn chính trị, v.v.. Những vấn đề này đang đe dọa trực tiếp đến sự ổn định và phát triển của từng quốc gia cũng như từng khu vực và cả thế giới. Điều này đòi hỏi phải có sự phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng, với cùng một cơ chế thống nhất, có hiệu quả trên cơ sở hợp tác giữa các nước, giữa các khu vực cũng như toàn thế giới. Muốn vậy các nước phải cùng nhau hợp tác.

Năm là, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế sẽ giúp chúng ta hội nhập đầy đủ, sâu rộng hơn vào các thể chế kinh tế thế giới cũng như thể chế kinh tế khu vực, như Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), Ngân hàng Thế giới (WB), Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), v.v.. Trên cơ sở đó, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế và giữ vững độc lập, tự chủ. Để phát triển kinh tế, chúng ta không thể không hội nhập quốc tế để hội nhập đầy đủ hơn vào các thể chế kinh tế thế giới cũng như thể chế kinh tế khu vực. Đại hội XII của Đảng đã chỉ rõ: “Triển khai mạnh mẽ định hướng chiến lược chủ động và tích cực

hội nhập quốc tế. Bảo đảm hội nhập quốc tế là sự nghiệp của toàn dân và cả hệ thống chính trị, đẩy mạnh hội nhập trên cơ sở phát huy tối đa nội lực, gắn kết chặt chẽ và thúc đẩy quá trình nâng cao sức mạnh tổng hợp, năng lực cạnh tranh của đất nước; hội nhập kinh tế là trọng tâm, hội nhập trong các lĩnh vực khác phải tạo thuận lợi cho hội nhập kinh tế; hội nhập là quá trình vừa hợp tác vừa đấu tranh, chủ động dự báo, xử lý linh hoạt mọi tình huống, không thể rời vào thế bị động, đối đầu bất lợi”¹.

Sáu là, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế còn tạo điều kiện, cơ hội cho chúng ta xuất khẩu lao động. Đó là cơ hội để nguồn lao động được tiếp thu những thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến của những nước khác; tiếp thu được phong cách làm việc; phương thức tổ chức sản xuất của các nước, v.v.. Điều này góp phần trực tiếp vào việc đào tạo nguồn nhân lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, thực hiện đột phá về nhân lực chất lượng cao. Hơn nữa, xuất khẩu lao động còn tạo thêm công việc cho số lao động có tay nghề. Điều này góp phần giải quyết việc làm, giảm thiểu thất nghiệp, trên cơ sở đó giảm thiểu tệ nạn xã hội. Đồng thời, xuất khẩu lao động còn góp phần tăng thu nhập trực tiếp cho người lao động, tăng thu ngân sách cho quốc gia.

2. Phương thức giải quyết mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế

Mối quan hệ giữa giữ vững độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế cần được giải quyết hài hòa, góp phần tạo nên những thành tựu to lớn của đất nước. Việc xử lý mối quan hệ này phải có sự thấu đáo và khoa học trên các phương diện sau:

Trên phương diện kinh tế, trước hết, muốn độc lập, tự chủ thì quốc gia phải có thực lực, cụ thể là có một nền kinh tế độc lập, tự chủ. Đó là nền kinh tế có cơ cấu kinh tế hợp lý, hiệu quả và đảm bảo độ an toàn cần thiết; nền kinh tế phát triển bền vững và có năng lực cạnh tranh cao;

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.154-155.

cơ cấu xuất nhập khẩu cân đối; cơ cấu mặt hàng đa dạng, phong phú với tỷ lệ các mặt hàng công nghệ và có giá trị gia tăng lớn chiếm ưu thế; cơ cấu thị trường quốc tế đối tác cũng đa dạng và tránh chỉ tập trung quá nhiều vào một vài mục tiêu. Đầu tư trực tiếp của nước ngoài, mặc dù là cần thiết và quan trọng nhưng không để chiếm lĩnh vai trò chi phối nền kinh tế quốc gia cũng như không thể được phép vào những ngành nhạy cảm có thể gây tổn hại đến an ninh, quốc phòng của đất nước. Một nền kinh tế độc lập, tự chủ trong bối cảnh toàn cầu hóa có thể được hiểu là nền kinh tế có khả năng thích ứng cao với những biến động của tình hình quốc tế và ít bị tổn thương trước những biến động đó; trong bất cứ tình huống nào nó cũng có thể cho phép duy trì được các hoạt động bình thường của xã hội và phục vụ đắc lực cho các mục tiêu an ninh, quốc phòng của đất nước.

Xây dựng kinh tế độc lập, tự chủ trước hết là độc lập, tự chủ về đường lối phát triển kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tạo tiềm lực kinh tế, khoa học và công nghệ, cơ sở vật chất - kỹ thuật đủ mạnh; có cơ cấu kinh tế hợp lý, có hiệu quả và sức cạnh tranh. Phát triển mạnh một số ngành, lĩnh vực và sản phẩm kinh tế chủ yếu có vai trò quan trọng hàng đầu, có hiệu quả như công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, luyện kim, hóa dầu, than, khoáng sản, cơ khí chế tạo... Bảo đảm an ninh lương thực quốc gia, an toàn năng lượng, an toàn tài chính - tiền tệ, an toàn môi trường; bảo đảm cho đất nước phát triển nhanh, hiệu quả, bền vững trong bất cứ tình huống nào, lúc thuận lợi cũng như lúc khó khăn, gặp rủi ro.

Trên phương diện xã hội, yêu cầu của một quốc gia độc lập, tự chủ hàm chứa năng lực thực hành thuần thực hai cách thức quản trị xã hội: Chính thức (tức là bằng pháp luật và các quy định thành văn) và phi chính thức (bằng con đường tuyên truyền, vận động, giáo dục...).

Sự phát triển sâu rộng của quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện nay đang tạo ra hàng loạt không gian quyền lực chung, có tính toàn cầu vượt ra ngoài tầm kiểm soát của chính phủ quốc gia. Để xử lý,

vượt qua các thách thức, chính phủ nhiều nước trên thế giới đã chủ động cải cách. Tuy nội dung và mô hình cải cách có khác nhau, nhưng nổi lên ba nét chung trong xu thế cải cách chính phủ hiện đại: *Một là*, phi tập trung hóa quyền lực nhà nước, mạnh dạn phân cấp, trao quyền cho các cơ cấu địa phương. Đây không phải là quá trình từ bỏ quyền lực trung ương, mà là biện pháp để củng cố bản thân quyền lực ấy một cách hợp lý, hiệu quả hơn. Trung ương không thay đổi địa phương trong quản lý xã hội ở phạm vi cụ thể, mà phải giám sát việc quản lý do chính quyền địa phương tiến hành. Nhờ quá trình phi tập trung hóa này, các quyết định trở nên gần gũi, sát hợp với thực tế hơn và động viên được đông hơn các tổ chức, cá nhân vào công việc quản lý xã hội. *Hai là*, phát huy đầy đủ vai trò của cơ chế thị trường trong phân bổ các nguồn lực phát triển xã hội; kết hợp tốt chức năng điều tiết của chính phủ với thị trường và xã hội. *Ba là*, phát huy rộng rãi dân chủ trong toàn xã hội, không chỉ thể hiện sự phát triển của nền dân chủ chính trị, mà còn phải bảo đảm mọi quyền lực là của nhân dân, dân chủ được thực thi trong nhân dân nhằm giúp chính phủ thực hiện sự quản lý hiện thực đối với các mặt của đời sống xã hội.

Trên phương diện chính trị, quốc phòng, an ninh và đối ngoại, độc lập, tự chủ là yêu cầu có tính nguyên tắc trong quá trình hội nhập quốc tế của nước ta. Độc lập, tự chủ về chính trị có nghĩa là tự mình xác định mục tiêu, con đường phát triển đất nước; tự mình hoạch định đường lối, chủ trương, chiến lược phát triển; tự mình xác lập và duy trì thể chế chính trị, không chấp nhận bất cứ sự can thiệp nào từ bên ngoài, kiên quyết giữ vững chủ quyền, lãnh thổ đất nước và trật tự, an toàn xã hội. Độc lập, tự chủ về chính trị được thể hiện cả trong đối nội và đối ngoại, cả kinh tế, văn hóa, xã hội và quốc phòng, an ninh...

Lôgích của tiến trình đổi mới là đổi mới kinh tế phải được đồng bộ, hài hòa với đổi mới chính trị, cải cách hành chính, mở rộng dân chủ, cải cách lập pháp, tư pháp. Yêu cầu đổi mới toàn diện như vậy đặt ra đòi hỏi ngày càng cấp thiết đổi mới năng lực quản trị của Nhà nước và năng lực cầm quyền của Đảng tại tất cả các cấp, các ngành, các địa phương.

Đổi mới chính trị đồng bộ với đổi mới kinh tế, tối ưu hóa hoạt động của hệ thống chính trị, phân bổ quyền lực chính trị hợp lý, kiểm soát quyền lực một cách hiệu quả là cách tốt nhất đáp ứng các yêu cầu và thách thức đặt ra.

Độc lập, tự chủ về đối ngoại là một vấn đề rất quan trọng. Độc lập, tự chủ trong quan hệ quốc tế và đối ngoại thể hiện trước hết ở tư duy, nhận thức độc lập, sáng tạo, xuất phát từ lợi ích tối cao của đất nước - dân tộc, không giáo điều, rập khuôn, máy móc trong hoạch định và thực hiện đường lối, chính sách đối ngoại, trong xác định đối tác, đối tượng và tập hợp lực lượng quốc tế. Chủ quyền quốc gia trên lĩnh vực đối ngoại vận động theo tiến trình mở cửa, hội nhập quốc tế. Hệ thống các quan hệ đối ngoại rộng lớn hiện nay của Việt Nam là kết quả của một quá trình thực hiện các bước đột phá: Từ phá thế bao vây, cấm vận, bình thường hóa quan hệ với các nước lớn, cải thiện quan hệ với các nước trong khu vực..., đến thực hiện chính sách đối ngoại rộng mở, hợp tác bình đẳng cùng có lợi, là bạn với tất cả các nước, tích cực, chủ động hội nhập quốc tế...

3. Phê phán các quan điểm sai trái về mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế

Trong quá trình nhận thức và thực tiễn giải quyết, xử lý mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế, ở những mức độ khác nhau, đã xuất hiện một số quan điểm và luận điệu lệch lạc, sai trái, nổi bật là ba nhóm vấn đề sau: *Loại ý kiến thứ nhất* cho rằng, “quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế không có trong thực tế”. *Loại ý kiến thứ hai* coi độc lập, tự chủ là giá trị thiêng liêng, bất khả xâm phạm, độc lập, tự chủ với hội nhập quốc tế như nước với lửa, không thể dung hòa được. *Loại ý kiến thứ ba* cho rằng, “trong một thế giới toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện nay, không cần và không thể giữ được độc lập, tự chủ”.

Về *loại ý kiến thứ nhất*, có thể thấy nếu đây không phải là cách tư duy thật sự thiếu hiểu biết, thì rõ ràng là một luận điệu chống đối, thô kệch. Các mối quan hệ trong tự nhiên và xã hội luôn xuất hiện một cách

khách quan, vấn đề là nhận thức được để tìm cách giải quyết theo chiều hướng tốt nhất. Ngay từ xưa ông cha ta đã dạy phải “biết mình, biết người”, phải học cách “đối nhân, xử thế”. Khi quá trình toàn cầu hóa kéo theo hội nhập quốc tế ngày càng mạnh mẽ như một cơn lốc toàn cầu, thì vấn đề đặt ra đối với tất cả các nước không phải là có hội nhập hay không mà chính là hội nhập thế nào để có lợi nhất cho quốc gia, dân tộc mình. Các nhà khoa học tính rằng, nếu hội nhập thật tốt thì được 7, mất 3 và tốt nhất là được những thứ đáng được và có mất cũng là những thứ đáng mất; trung bình thì có thể được 5, mất 5 và yếu kém thì được 3, mất 7. Tính ra thế để thấy đây là một mối quan hệ tất yếu, nước nào cũng phải có sự cân nhắc để giải quyết.

Đảng ta đã sớm nhận rõ điều đó nên coi độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế là mối quan hệ rất quan trọng, cần phải giải quyết trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Cụ thể hơn, Đại hội XII của Đảng còn nhấn mạnh, phải giải quyết tốt mối quan hệ giữa “độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế”¹.

Về loại ý kiến thứ hai, việc coi độc lập, tự chủ là một giá trị thiêng liêng, bất khả xâm phạm là hoàn toàn đúng. Lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước oai hùng của dân tộc ta đã minh chứng điều đó. Ngay từ những ngày đầu mới thành lập tới nay, Đảng ta luôn xác định độc lập, tự chủ là nguyên tắc bất di bất dịch. Đảng ta coi mục đích tối thượng và trước hết của công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế là lợi ích quốc gia, dân tộc, là bảo đảm độc lập, tự chủ, chủ quyền của đất nước.

Sự sai trái, lệch lạc của loại ý kiến này chính là coi độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế như nước với lửa xuất phát từ quan niệm độc lập, tự chủ là biệt lập, hoàn toàn tự lực cánh sinh, không tính đến các hoàn cảnh, điều kiện cụ thể. Trong bối cảnh toàn cầu hóa của thế giới hiện nay, nếu không hội nhập sẽ bị cô lập, bị bỏ rơi khỏi guồng máy và xu thế phát triển. Không hội nhập sẽ không tận dụng và kết hợp được sức mạnh quốc tế, sẽ không đủ nội lực cũng như không có sự giúp

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.18.

quốc tế để bảo vệ được độc lập, tự chủ trước những biến động nhanh chóng, phức tạp, khó lường của thời cuộc.

Về loại ý kiến thứ ba, cần khẳng định đây là dạng nhận thức cực đoan, hoàn toàn sai trái. Nghiêm trọng và ngược ngạo hơn, còn có ý kiến cho rằng cần hội nhập hẳn với các nước phương Tây, thậm chí cần nhập toàn bộ các luật pháp của phương Tây để về nước ta áp dụng, không phải mất công xây dựng luật pháp như ta đang làm. Cách suy nghĩ như vậy không chỉ là thiển cận, kém hiểu biết, mà còn mang tính đồi nghịch, không thể chấp nhận. Các nước đều tham gia quá trình hội nhập quốc tế; có thể ở các mức độ sâu rộng khác nhau, nhưng không nước nào quên đi lợi ích quốc gia, dân tộc mình, lại không tính đến độc lập, tự chủ, chủ quyền của đất nước. Đổi với nước ta, như đã phân tích ở trên, ta kiên quyết bảo vệ độc lập, tự chủ, chủ quyền quốc gia và có đầy đủ điều kiện, năng lực để thực hiện điều đó.

4. Một số giải pháp về giải quyết mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế trong tình hình mới

Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế và giữ vững độc lập, tự chủ của nước ta đang được tích cực thực hiện trong bối cảnh toàn cầu hóa, xu thế hòa bình, hợp tác vẫn tiếp tục phát triển nhưng tình hình thế giới và khu vực có những diễn biến hết sức phức tạp, khó lường, tính chất bất định, bất ổn gia tăng. Tình hình đó vừa tạo ra những cơ hội thuận lợi, vừa đưa tới những khó khăn, thách thức trong quá trình hội nhập quốc tế, cũng như tác động đến việc giữ vững độc lập, tự chủ của đất nước. Các thách thức quốc tế ngày càng đa dạng hơn, lan tỏa hơn, các “cú sốc” bên ngoài có khả năng tác động mạnh hơn. Các nước lớn, đặc biệt là một số lãnh đạo của nước lớn giữ vai trò định hình luật chơi quốc tế đã đưa ra nhiều chính sách mới, đặc biệt là việc toan tính sử dụng sức mạnh để áp đặt nước khác và bảo vệ lợi ích của mình. Những quan điểm và lập trường cực đoan, vị kỷ đó tác động tiêu cực đến “không khí” hội nhập quốc tế cũng như môi trường an ninh và phát triển của các nước nói chung, trong đó bị ảnh hưởng lớn nhất là các nước vừa và nhỏ.

Cùng với các thách thức an ninh phi truyền thống đã vượt quá giới hạn của một quốc gia, điều đáng lo ngại là gần đây, trên thế giới xuất hiện nhiều biến động phức tạp như xu hướng dân túy, bảo hộ, chống toàn cầu hóa và chống hội nhập quốc tế.

Ở trong nước, nhiệm vụ giữ vững độc lập, tự chủ trong hội nhập quốc tế trong những năm qua đã thực hiện tốt và đạt được những kết quả tốt đẹp. Tuy nhiên, trong những năm tới còn đứng trước nhiều khó khăn, phức tạp. Việt Nam đã có quan hệ ngoại giao, kinh tế với nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ nên sự đan xen lợi ích, tùy thuộc và chuyển hóa lẫn nhau ngày càng gia tăng. Kinh tế Việt Nam có độ mở cao, đã tham gia nhiều hiệp định kinh tế, thương mại thế hệ mới với tiêu chuẩn cao trong khi sức vóc của nền kinh tế còn có hạn nên áp lực từ quan hệ kinh tế quốc tế làm gia tăng nguy cơ phụ thuộc vào bên ngoài, ảnh hưởng trực tiếp đến tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế. Mặt trái của quá trình hội nhập trong điều kiện phát triển vượt bậc của khoa học, công nghệ, đặc biệt là mạng xã hội đang tác động tiêu cực đến tư tưởng, lối sống của một bộ phận nhân dân, làm gia tăng các vấn đề an ninh mạng, tội phạm xuyên quốc gia, tội phạm công nghệ cao. Tình hình chính trị nội bộ, an ninh kinh tế, an ninh tư tưởng văn hóa, an ninh các vùng miền còn diễn biến phức tạp. Đấu tranh phòng, chống tham nhũng, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Các thế lực thù địch lợi dụng quá trình cải cách thể chế, pháp luật và thực thi các cam kết quốc tế để tác động chuyển hóa, can thiệp vào các công việc nội bộ của ta.

Trước tình hình mới như vậy, để giữ vững độc lập, tự chủ trong khi thúc đẩy, tạo điều kiện thuận lợi cho hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng hơn, vấn đề quan trọng hàng đầu là phải bảo vệ vững chắc lợi ích quốc gia, dân tộc, bảo vệ Đảng, bảo vệ Nhà nước và nhân dân, giữ vững ổn định chính trị, xã hội, tạo môi trường hòa bình và điều kiện thuận lợi phát triển đất nước.

Các nghị quyết của Đảng đã xác định rõ những nguyên tắc, phương châm, mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng lớn cho quá trình hội nhập

quốc tế. Để bảo vệ, giữ vững độc lập, tự chủ trong quá trình hội nhập quốc tế cần thực hiện tốt một số định hướng giải pháp quan trọng sau:

Thứ nhất, xác định rõ và luôn kiên định lợi ích quốc gia là mục tiêu cao nhất trong quá trình hội nhập quốc tế. Lợi ích quốc gia là hằng số, mọi vấn đề liên quan đến quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế phải được soi chiếu từ lợi ích quốc gia, dân tộc. Bảo đảm lợi ích tối cao của quốc gia, dân tộc là giá trị cốt lõi trong quan hệ quốc tế.

Thứ hai, tăng cường sức mạnh tổng hợp quốc gia về chính trị - đối ngoại, kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh. Nâng cao sức mạnh tổng hợp quốc gia là yếu tố quyết định thành công của quá trình hội nhập quốc tế. Đó là sức mạnh được tạo nên từ sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước, của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, của văn hóa, con người Việt Nam; sức mạnh của nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân và thế trận an ninh nhân dân vững chắc.

Thứ ba, thực hiện nhất quán phương châm đa dạng hóa, đa phương hóa trong quan hệ quốc tế, lấy nguyên tắc của luật pháp quốc tế để xử lý quan hệ đối ngoại. Nước ta là một bộ phận không thể tách rời thế giới, gắn liền với tiến trình phát triển của thế giới. Xa rời sự vận động chung sẽ tự cô lập mình với thế giới bên ngoài và ảnh hưởng đến sự phát triển của đất nước. Lịch sử cho thấy “nhất biên đảo” hoặc chỉ quan hệ với một vài đối tác là nguồn gốc gây ra mất độc lập, tự chủ, vì sẽ bị bó hẹp trong sự lựa chọn và nếu không đủ bản lĩnh và nội lực sẽ dễ trở thành công cụ của quốc gia khác. Đa phương hóa, đa dạng hóa là cách để đan cài lợi ích với các đối tác, qua đó tăng cường vị thế đất nước, giữ vững độc lập, tự chủ quốc gia.

Là một thành viên của cộng đồng quốc tế, Việt Nam chấp nhận “luật chơi” chung, không thể hành động đơn phương, không tính đến lợi ích của nước khác. Đường lối, chính sách đối ngoại và đối nội của mỗi quốc gia đều có ảnh hưởng với mức độ nhất định của những yếu tố tác động từ bên ngoài hoặc từ nước khác. Trong quá trình hội nhập quốc tế, vừa hợp tác, vừa đấu tranh không tránh khỏi sự va chạm với các nước

khác, khi đó dùng luật pháp quốc tế để xử lý sẽ có sự công bằng hơn và bảo vệ độc lập, tự chủ hữu hiệu hơn.

Thứ tư, chủ động phát hiện, ngăn chặn “từ sớm, từ xa” các nguy cơ đối với đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh của đất nước. Quá trình hội nhập có sự tác động lẫn nhau giữa các nước lớn với nước vừa và nhỏ, giữa các nước có thể chế chính trị - xã hội khác nhau nên sẽ xuất hiện những xung đột về lợi ích hoặc các âm mưu chống phá từ bên ngoài. Vì vậy, việc chủ động phát hiện từ khoảng cách xa về không gian và sớm về thời gian những nguy cơ có thể xảy ra là yêu cầu bức thiết phải làm để có thể chủ động ngăn chặn, vô hiệu hóa, hóa giải các nguy cơ đó một cách kịp thời, hiệu quả. Phòng, chống một cách chủ động mọi âm mưu, hoạt động lợi dụng hội nhập quốc tế để chuyển hóa nội bộ; phát hiện, ngăn chặn kịp thời các đối tác nước ngoài lợi dụng những kẽ hở về luật pháp và sơ hở, yếu kém của ta để gây sức ép, trốn thuế, thao túng thị trường trong nước; đấu tranh với các loại tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia như rửa tiền, buôn lậu, sản xuất và tiêu dùng hàng giả, gian lận thương mại, tín dụng đen, tội phạm sử dụng công nghệ cao. Tăng cường quản lý hoạt động trên mạng xã hội và internet, có biện pháp ngăn chặn các thế lực thù địch xâm nhập vào các mạng nội bộ gây thiệt hại về kinh tế, phá hoại tư tưởng. Ngăn chặn việc nhập các ấn phẩm văn hóa độc hại từ bên ngoài để bảo đảm an ninh văn hóa.

Thứ năm, nâng cao năng lực dự báo tình hình quốc tế, khu vực để phục vụ đắc lực yêu cầu bảo vệ an ninh quốc gia, giữ vững độc lập, tự chủ trong hội nhập quốc tế. Cần đổi mới tư duy, nghiên cứu có chiều sâu, nhạy bén bám sát tình hình để có những dự báo xác đáng. Tập trung nghiên cứu những biến động mới của tình hình thế giới, khu vực, những điều chỉnh chiến lược và chính sách của các nước lớn, những mối quan hệ giữa các nước lớn. Nghiên cứu nắm bắt tình hình ở các nước láng giềng, tình hình an ninh khu vực, tình hình Biển Đông. Nghiên cứu đánh giá và xác định đúng đắn quan hệ đối tác, đối tượng trong từng tình huống cụ thể để có những ứng phó phù hợp, hiệu quả.

Thứ sáu, tăng cường sự lãnh đạo trực tiếp, tuyệt đối về mọi mặt của Đảng, nâng cao hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội; phát huy quyền làm chủ của nhân dân đối với sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia, giữ vững độc lập, tự chủ trong quá trình hội nhập quốc tế. Đảng ta đã xác định nâng cao bản lĩnh chính trị và trí tuệ của Đảng, kiên định chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vận dụng và phát triển sáng tạo trong thực tiễn hoạt động của Đảng. Đảng chủ trương xây dựng hệ thống chính trị thực sự trong sạch, vững mạnh, tạo chuyển biến rõ rệt trong công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước; ngăn chặn, từng bước đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng trong Đảng, nhất là cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt, cán bộ tham gia hoạt động hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực. Trên cơ sở đó, Đảng lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện hai nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, kết hợp thành công sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Như vậy, giữ vững độc lập, tự chủ trong hội nhập quốc tế là một trong những vấn đề lý luận, thực tiễn quan trọng trong chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Độc lập, tự chủ là nguyên tắc nhất quán, bất di, bất dịch. Quán triệt đường lối đối ngoại của Đảng, quan niệm về độc lập, tự chủ và xử lý mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế cần được tiếp tục nghiên cứu, làm rõ để tạo sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động. Thực hiện quá trình hội nhập quốc tế trên các lĩnh vực một cách chủ động, tích cực, sâu rộng và có hiệu quả là phương thức hữu hiệu để chuyển hóa ngoại lực thành nội lực, sức mạnh quốc tế thành sức mạnh quốc gia, sức mạnh thời đại thành sức mạnh dân tộc, qua đó giữ vững độc lập, tự chủ, chủ quyền đất nước. Từ đó, chúng ta cần phát huy những kết quả đã đạt được, đồng thời nắm bắt những thay đổi của thời cuộc để có những chính sách, biện pháp cụ thể nhằm đạt được những thành công mới trong tình hình mới.

Thống nhất cao về nhận thức và giải quyết hiệu quả trong thực tiễn quan hệ biện chứng giữa độc lập, tự chủ và chủ động, tích cực hội nhập quốc tế là yêu cầu khách quan, bức thiết trong việc giữ vững môi trường hòa bình, ổn định kinh tế, chính trị, xã hội, phát triển đất nước, đóng góp tích cực vào việc giữ gìn hòa bình, ổn định, hữu nghị và hợp tác ở khu vực và trên thế giới. Giương cao ngọn cờ hòa bình, hữu nghị, dự báo chính xác mọi diễn biến của tình hình thế giới và trong nước, chuẩn bị các nguồn lực đủ mạnh, các đối sách, phương án hợp lý thì nhất định chúng ta sẽ xử lý tốt mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế, góp phần đưa đất nước ta thực hiện thắng lợi mục tiêu: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

NHẬN THỨC VÀ GIẢI QUYẾT MỐI QUAN HỆ GIỮA THỰC HÀNH DÂN CHỦ VÀ TĂNG CƯỜNG PHÁP CHẾ, BẢO ĐẢM KỶ CƯƠNG XÃ HỘI

PGS.TS. NGUYỄN VIẾT THÔNG*

1. Mối quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội

a) Nhận thức về mối quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội

Thực hành dân chủ là việc triển khai trên thực tế (làm) những điều đã nói (lý luận) về dân chủ. Nói cách khác, thực hành dân chủ chính là cơ chế, chính sách, những quy định, nguyên tắc... để bảo đảm cho mọi người dân thực hiện quyền làm chủ của mình.

Tăng cường pháp chế là tăng cường quản lý mọi hoạt động của xã hội. Không để một lĩnh vực nào thiếu sự điều chỉnh của pháp luật hoặc không được pháp luật điều chỉnh tới.

Bảo đảm kỷ cương xã hội là thực hiện những phép tắc nhà nước duy trì trật tự của xã hội.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội

* Tổng Thư ký Hội đồng Lý luận Trung ương.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội bao gồm những nội dung cơ bản sau:

- Xây dựng Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Hồ Chí Minh chỉ rõ:

“NUỐC TA LÀ NUỐC DÂN CHỦ

Bao nhiêu lợi ích đều vì *dân*.

Bao nhiêu quyền hạn đều *của dân*.

Công cuộc đổi mới, xây dựng *là trách nhiệm của dân*.

Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là *công việc của dân*.

Chính quyền từ xã đến Chính phủ Trung ương *do dân cử ra*.

Đoàn thể từ Trung ương đến xã *do dân tổ chức nên*.

Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng *đều ở nơi dân*¹.

- Dân chủ tập trung là cơ chế, nguyên tắc cơ bản trong tổ chức, sinh hoạt của hệ thống chính trị. Người chỉ rõ: Để có dân chủ thật sự thì “tư tưởng phải được tự do”². Tự do tư tưởng là “đối với mọi vấn đề, mọi người tự do bày tỏ ý kiến của mình, góp phần tìm ra chân lý”³, “khi... tìm thấy chân lý, lúc đó quyền tự do tư tưởng hóa ra *quyền tự do phục tùng chân lý*”⁴. “Chân lý là cái gì có lợi cho Tổ quốc, cho nhân dân. Cái gì trái với lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân - tức là không phải chân lý. Ra sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân - tức là phục tùng chân lý”⁵. Kỷ luật, pháp luật phải được xây dựng và thực thi bằng phương thức dân chủ.

- Dân chủ thống nhất hữu cơ với chuyên chính. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Dân chủ là của quý báu nhất của nhân dân, chuyên chính là cái khóa, cái cửa để đề phòng kẻ phá hoại, nếu hòm không có khóa, nhà không có cửa thì sẽ mất cắp hết. Cho nên cửa phải có khóa... Thế thì dân chủ cũng phải có chuyên chính để giữ gìn lấy dân chủ”⁶. “Muốn dân chủ thực sự phải chuyên chính thực sự, vì không chuyên chính thực sự, bọn thù địch sẽ làm hại dân chủ của nhân dân”⁷.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.232.

2, 3, 4, 5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr.378.

6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr.457.

7. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.11, tr.247.

- Nhân dân là chủ, có quyền làm chủ thì phải có nghĩa vụ làm tròn bổn phận công dân, phải tuân theo pháp luật.

b) Sự phát triển nhận thức về thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (năm 1991) đã xác định xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là xã hội do nhân dân lao động làm chủ. Cương lĩnh cũng chỉ rõ: “Thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, giữ nghiêm kỷ cương xã hội, chuyên chính với mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân”¹; “Dân chủ đi đôi với kỷ luật, kỷ cương, phải được thể chế hóa bằng pháp luật và được pháp luật bảo đảm. Nhà nước định ra các đạo luật nhằm xác định các quyền công dân và quyền con người, quyền đi đôi với nghĩa vụ và trách nhiệm”².

Đến Đại hội IX (2001), Đảng ta xác định: “Phát huy dân chủ đi đôi với giữ vững kỷ luật, kỷ cương, tăng cường pháp chế, quản lý xã hội bằng pháp luật, tuyên truyền, giáo dục toàn dân, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật”³.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) xác định: “Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước. Xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm dân chủ được thực hiện trong thực tế cuộc sống ở mỗi cấp, trên tất cả các lĩnh vực. Dân chủ gắn liền với kỷ luật, kỷ cương và phải được thể chế bằng pháp luật, được pháp luật bảo đảm”⁴. Cương lĩnh cũng chỉ rõ: “Nhà nước ban hành pháp luật; tổ chức, quản lý xã hội bằng pháp luật và không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa”⁵.

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.51, tr.135, 145.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.60, tr.218-219.

4, 5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.84-85, 85.

Đến Đại hội XII (2016), Đảng ta khẳng định: “Phát huy dân chủ phải đi liền với tăng cường pháp chế, đề cao trách nhiệm công dân, giữ vững kỷ luật, kỷ cương và đề cao đạo đức xã hội”¹.

Như vậy, nhận thức về thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội ngày càng rõ hơn. Tuy nhiên, đến nay văn kiện Đảng chưa chính thức nêu thành một mối quan hệ lớn cần nhận thức đúng và giải quyết tốt. Nội hàm của nó chưa được xác định rõ.

c) Tình hình giải quyết mối quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội

- Hệ thống thể chế, nhất là hệ thống pháp luật được xây dựng ngày càng đầy đủ, hoàn thiện. Trong gần 35 năm đổi mới, nước ta đã hai lần lập hiến (ban hành Hiến pháp năm 1992 và Hiến pháp năm 2013), ba lần sửa đổi Hiến pháp (năm 1988, 1989 sửa đổi Hiến pháp năm 1980; năm 2001 sửa đổi Hiến pháp năm 1992). Số luật, pháp lệnh được ban hành gấp 8 lần so với số luật, pháp lệnh được ban hành trong 41 năm trước đổi mới. Với hệ thống thể chế, nhất là thể chế pháp luật, ngày càng đầy đủ, hoàn thiện, người dân có điều kiện thực hành dân chủ tốt hơn.

- Bộ Chính trị đã ban hành Chỉ thị số 30-CT/TW, ngày 18/02/1998 về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; ngày 20/4/2007, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn. Việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở và Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn đã có nhiều chuyển biến tích cực. Nhận thức về dân chủ và thực hành dân chủ của cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và các tầng lớp nhân dân ngày càng được nâng lên. Quyền làm chủ của nhân dân theo phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” được thực hiện tốt hơn.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.170.

- Thực hành dân chủ ngày càng tốt hơn. Dân chủ trong lĩnh vực kinh tế được mở rộng. Các chủ thể kinh tế được tự do sản xuất, kinh doanh tất cả những gì pháp luật không cấm, được tạo điều kiện thuận lợi để phát triển sản xuất, kinh doanh. Đây là thành tựu lớn nhất, góp phần thúc đẩy tăng trưởng và phát triển nền kinh tế. Dân chủ trong lĩnh vực chính trị được thực hiện tốt hơn và có những bước tiến nổi bật. Các tổ chức trong hệ thống chính trị đã và đang tiếp tục được đổi mới về tổ chức, nội dung và phương thức hoạt động. Các hình thức thực hiện dân chủ (dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp) ngày càng được coi trọng. Dân chủ trong lĩnh vực văn hóa và xã hội có những kết quả quan trọng; đặc biệt, dân chủ trong hoạt động lý luận khoa học đã có bước tiến, tạo điều kiện cho các nhà khoa học tranh luận, thảo luận và phát huy năng lực sáng tạo của mình, đóng góp tích cực vào việc xây dựng các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

- Thực hiện cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính có nhiều chuyển biến.

- Công tác đối thoại, tiếp công dân, đơn khiếu nại, tố cáo và những kiến nghị, nguyện vọng chính đáng, hợp pháp của người dân, doanh nghiệp được tăng cường hơn trước.

- Hoạt động giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, chính quyền của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đạt kết quả bước đầu.

- Giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, việc giải quyết mối quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội còn nhiều hạn chế, bất cập, đó là:

- Hệ thống pháp luật chưa đồng bộ, vẫn có tình trạng chồng chéo. Nhiều văn bản quy phạm pháp luật vi phạm Hiến pháp.

- Tình trạng vi phạm quyền làm chủ của nhân dân vẫn diễn ra ở nhiều nơi, thậm chí có nơi còn nghiêm trọng, kéo dài, làm giảm niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước.

- Tình trạng dân chủ cực đoan, tự do tùy tiện, chống pháp luật, vi phạm kỷ cương, phép nước vẫn còn. Ý thức pháp luật của người dân vẫn còn những hạn chế, yếu kém. Vẫn còn tình trạng “phép vua thua lê làng”, “lách luật”.

- Dân chủ trong Đảng chưa được thực hiện đầy đủ, vẫn còn tình trạng dân chủ hình thức. Tình trạng vi phạm việc thực hiện chế độ tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách còn xảy ra ở một số nơi. Quyền hạn và chế độ trách nhiệm của người đứng đầu và của tổ chức đảng, chính quyền chưa được quy định rõ ràng, thực hiện chưa nghiêm.

2. Nhận diện các quan điểm sai trái, thù địch về mối quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội

Các quan điểm sai trái, thù địch về mối quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội rất nhiều, nổi lên là những quan điểm sau:

a) Về thực hành dân chủ

Họ cho rằng “chừng nào ở Việt Nam chỉ có duy nhất một đảng lãnh đạo thì chừng đó không thể nói tới một nền dân chủ chân chính được”; “Việt Nam muốn có dân chủ thực sự thì phải hội nhập vào xu thế đa đảng như nước ngoài họ đã từng làm”; “Muốn thực sự có dân chủ cho người dân và phát triển xã hội phải thực hiện đa nguyên, đa đảng”. Không ít người lớn tiếng chỉ trích dân chủ của Việt Nam là “nửa vời”, “chưa mở ra đã khép lại”, cho rằng cách làm của ta là “non gan”, “yếu bóng vía”, không dám mở bung dân chủ hết cõi, không dám thực hiện dân chủ công khai, không giới hạn.

Họ còn cho rằng: Cách mạng Việt Nam, nhất là cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là “nồi da nấu thịt”, là “tàn bạo”, là vi phạm luật nhân đạo, luật nhân quyền; “Nhà nước Việt Nam ngày nay vẫn hạn chế nghiêm ngặt các quyền chính trị của công dân, đặc biệt là quyền thay

đổi chính phủ”; “Chính phủ cộng sản Việt Nam không cho người dân được hưởng các quyền tự do cơ bản nhất”; “Một chính quyền tàn bạo và đàn áp có hệ thống các quyền tự do ngôn luận, lập hội và nhóm họp ôn hòa, thường xuyên trấn áp những người chất vấn các việc làm của nhà nước hay đòi hỏi các giải pháp dân chủ khác”; Nhà nước Việt Nam hạn chế nghiêm ngặt “các quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí”; “Đàn áp những người bất đồng chính kiến”, bắt bớ, xét xử, bỏ tù tràn lan các blogger”; “Ở Việt Nam không có tự do tín ngưỡng, tôn giáo”; “Đồng bào các dân tộc thiểu số bị ngược đãi, phân biệt đối xử”, v.v..

b) *Về tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội*

Họ cho rằng Hiến pháp Việt Nam là không chính danh, luật pháp Việt Nam có nhiều điểm sai trái, nhiều quy định “mơ hồ”, như phê phán Bộ luật hình sự, Luật an ninh mạng, kích động nhân dân biểu tình khi Quốc hội thảo luận về Dự thảo Luật an ninh mạng, Dự thảo Luật đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, v.v..

3. Luận cứ phê phán các quan điểm sai trái, thù địch về mối quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội

a) *Luận cứ phê phán quan điểm “Muốn Việt Nam thực sự dân chủ và phát triển cần thực hiện đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập”*

- Phê phán quan điểm: Việt Nam hiện nay không cần thiết phải thực hiện đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập.

Sự lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam là sự lựa chọn tất yếu của lịch sử. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời chấm dứt cuộc khủng hoảng dài về tổ chức và đường lối của cách mạng Việt Nam. Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta làm nên thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, thành lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đảng đã lãnh đạo nhân dân đánh thắng mọi âm mưu, kế hoạch xâm lược của

thực dân Pháp với đỉnh cao là chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, buộc chúng phải ký Hiệp định Giơnevơ (năm 1954), chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Đảng đã lãnh đạo nhân dân tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đấu tranh giải phóng miền Nam, đánh thắng cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ, mà đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, thu non sông về một mối vào ngày 30/4/1975. Đảng khởi xướng và lãnh đạo công cuộc đổi mới (từ năm 1986 đến nay) đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Thực tế đã khẳng định: Ở Việt Nam, không có lực lượng chính trị nào khác ngoài Đảng Cộng sản Việt Nam có đủ bản lĩnh, trí tuệ, kinh nghiệm, uy tín và khả năng lãnh đạo đất nước vượt qua mọi khó khăn, thử thách, đưa sự nghiệp cách mạng của dân tộc ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

- Phê phán quan điểm: Dân chủ, phát triển không đồng nghĩa với đa nguyên, đa đảng và đa nguyên, đa đảng không đồng nghĩa với sẽ có dân chủ và phát triển.

Dân chủ là phạm trù lịch sử, được hình thành khi nhà nước xuất hiện và mỗi nền dân chủ gắn với một nhà nước nhất định, được pháp luật quy định, tùy thuộc vào sự phát triển kinh tế, văn hóa trong từng giai đoạn. Mỗi quốc gia có những đặc thù về trình độ phát triển về kinh tế, chính trị, lịch sử, văn hóa khác nhau, do đó có nền dân chủ khác nhau. Chính những điều kiện đó quy định dân chủ không phải là do cơ chế đa nguyên, đa đảng hay một đảng. Không phải có nhiều đảng thì dân chủ hơn, ít đảng thì ít dân chủ hơn.

- Về thực tiễn, các nước thực hiện đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập, nhưng việc thực hành dân chủ còn rất nhiều khuyết tật, người dân không được thực hiện đầy đủ quyền làm chủ của mình.

- Ở Việt Nam, Đảng và Nhà nước ta luôn đề cao thực hành dân chủ. Dân chủ xã hội chủ nghĩa ở nước ta được thực hiện ngày càng tốt hơn và đất nước đang trên đà tiếp tục phát triển. Không có chuyện đa nguyên chính trị, đa đảng mới thực hiện được dân chủ, đất nước mới phát triển. Nhân dân ta không chấp nhận đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập.

b) *Luận cứ phê phán các quan điểm cho rằng Việt Nam vi phạm quyền con người, quyền công dân, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, quyền tự do báo chí*

- *Về vấn đề nhân quyền:*

Trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, nhân dân Việt Nam sống trong vòng nô lệ của chế độ thực dân, phong kiến. Chỉ sau khi Cách mạng Tháng Tám năm 1945, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, nhân dân Việt Nam mới trở thành người chủ đất nước, mới có được quyền con người, trong đó quyền cơ bản nhất là được sống trong một nước độc lập, tự do, được làm chủ xã hội mới. Ngay trong bản *Tuyên ngôn độc lập* ngày 02/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trịnh trọng tuyên bố với thế giới rằng: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy”¹.

Trong các văn kiện Đảng, trong các bản Hiến pháp (1946, 1959, 1980, 1992, 2013), các quyền con người ngày càng được bổ sung, hoàn thiện. *Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011)* khẳng định: “Nhà nước tôn trọng và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; chăm lo hạnh phúc, sự phát triển tự do của mỗi người. Quyền và nghĩa vụ công dân do Hiến pháp và pháp luật quy định”².

Thể chế hóa *Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011)*, Hiến pháp năm 2013 dành Chương II với 36 điều quy định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. So với các bản Hiến pháp trước, Hiến pháp năm 2013 đã có những sửa đổi, bổ sung và phát triển quan trọng về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Nhiều văn bản pháp luật khác đều có những quy định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.6, tr.587.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.85.

Trên thực tế, quyền con người và quyền công dân được thực hiện ngày càng tốt hơn.

- Về vấn đề tôn giáo:

Ngay sau Cách mạng Tháng Tám, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ ngày 03/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói rõ: “Thực dân và phong kiến thi hành chính sách chia rẽ đồng bào giáo và đồng bào lương để dễ thống trị. Tôi đề nghị Chính phủ ta tuyên bố: TÍN NGƯỠNG TỰ DO và lương giáo đoàn kết”¹. Ngày 14/6/1955, Điều 1 trong Sắc lệnh số 234/SL của Chính phủ cũng khẳng định: Chính phủ bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và tự do thờ cúng của nhân dân. Không ai được xâm phạm đến quyền tự do ấy. Mọi người Việt Nam đều có quyền tự do theo một tôn giáo hoặc không theo một tôn giáo nào.

Các văn kiện của Đảng và pháp luật của Nhà nước đều ghi nhận quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân. Đảng Cộng sản Việt Nam xác định: “tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta”². *Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011)* xác định: “Tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và không tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân theo quy định của pháp luật”³. Vấn đề tự do tín ngưỡng, tôn giáo được ghi vào Hiến pháp, đạo luật cơ bản của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Điều 24 Hiến pháp năm 2013 quy định: Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo... Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để vi phạm pháp luật. Ngày 18/6/2004, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo. Ngày 18/11/2016, Quốc hội ban hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo quy định rõ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và không tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.8.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.62, tr.60.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.81.

Trên thực tế, Đảng và Nhà nước tạo điều kiện giúp các tôn giáo hoạt động bình thường theo pháp luật. Tín đồ, chức sắc các tôn giáo nhìn chung đã thực hiện tốt chính sách, pháp luật của Nhà nước, đoàn kết tôn giáo được củng cố, tăng cường. Các giá trị đạo đức tôn giáo tốt đẹp được tôn trọng, phát huy trong đời sống. Bảo đảm các tôn giáo hoạt động theo đúng chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- *Về vấn đề dân tộc:*

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “Đồng bào Kinh hay Thổ, Mường hay Mán, Gia Rai hay Ê Đê, Xê Đăng hay Ba Na và các dân tộc thiểu số khác đều là con cháu Việt Nam, đều là anh em ruột thịt. Chúng ta sống chết có nhau, sướng khổ cùng nhau, no đói giúp nhau”¹.

Đảng và Nhà nước ta luôn quán triệt và thực hiện chính sách dân tộc một cách nhất quán. Cương lĩnh năm 1991 xác định: Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ. Đến Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011), Đảng ta xác định: Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển. Điều 5 Hiến pháp năm 2013 quy định: “1. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là quốc gia thống nhất của các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam. 2. Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; nghiêm cấm mọi hành vi kỳ thị, chia rẽ dân tộc. 3. Ngôn ngữ quốc gia là tiếng Việt. Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc, phát huy phong tục, tập quán, truyền thống và văn hóa tốt đẹp của mình. 4. Nhà nước thực hiện chính sách phát triển toàn diện và tạo điều kiện để các dân tộc thiểu số phát huy nội lực, cùng phát triển với đất nước”.

Đảng, Nhà nước đã có rất nhiều cơ chế, chính sách, chương trình mục tiêu ưu tiên phát triển vùng có đồng đồng bào dân tộc thiểu số, tạo nên nhiều chuyển biến rõ nét. Kết cấu hạ tầng phát triển tương đối đồng bộ. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực. Giảm nghèo thu được kết quả đáng ghi nhận. Bản sắc văn hóa, ngôn ngữ các dân tộc

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.249.

được phát triển mạnh mẽ. Hệ thống chính trị vùng có đồng đồng bào dân tộc được củng cố. Tỷ lệ đại biểu người dân tộc thiểu số trong các cơ quan dân cử được bảo đảm. Quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở vùng dân tộc thiểu số được giữ vững. Đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào các dân tộc thiểu số ngày càng được nâng lên rõ rệt.

- *Về tự do ngôn luận, tự do báo chí:*

Tự do báo chí luôn trong khuôn khổ pháp luật. Tự do báo chí góp phần vào sự phát triển xã hội, chống lại cái xấu xa, tội lỗi. Tự do báo chí cũng tùy thuộc vào điều kiện kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Tự do báo chí phải dựa trên nền tảng một xã hội dân chủ.

Trong chủ nghĩa tư bản, báo chí hoạt động trong môi trường pháp luật phục vụ giai cấp tư sản chứ không phải vì quyền lợi của nhân dân lao động.

Trên phương diện pháp lý, tất cả các bản Hiến pháp của nước ta đều có những quy định về tự do ngôn luận, tự do báo chí.

Điều thứ 10 Hiến pháp năm 1946 quy định: Công dân Việt Nam có quyền tự do ngôn luận, tự do xuất bản, tự do tổ chức và hội họp. Các bản Hiến pháp sau đó đã phát triển quy định này. Điều 25 Hiến pháp năm 2013 quy định: Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình. Việc thực hiện các quyền này do pháp luật quy định.

Nhà nước ta đã ban hành Luật báo chí năm 1989 (được sửa đổi, bổ sung vào năm 1999) và Luật báo chí năm 2016.

Luật báo chí năm 2016 có 61 điều, trong đó có 4 điều (Điều 10, 11, 12, 13) quy định rõ về quyền tự do báo chí, tự do ngôn luận của công dân.

Trên thực tế, báo chí đã thật sự là cơ quan ngôn luận của Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp; là diễn đàn và công cụ quan trọng bảo vệ lợi ích và quyền tự do của các tầng lớp nhân dân. Mọi người dân đều có quyền để đạt nguyện vọng, phát biểu và đóng góp ý kiến trên tất cả các lĩnh vực của đời sống

xã hội thông qua các phương tiện thông tin đại chúng. Số lượng báo, ấn phẩm báo chí ngày càng tăng về số lượng, phong phú về ấn phẩm.

c) *Luận cứ phê phán quan điểm cho rằng “Hiến pháp Việt Nam là không chính danh”*

- Nước ta đã ban hành các bản Hiến pháp 1946, 1959, 1980, 1992, 2013 và ba lần sửa đổi Hiến pháp (năm 1988, 1989 sửa đổi Hiến pháp năm 1980; năm 2001 sửa đổi Hiến pháp năm 1992). Tất cả các bản Hiến pháp (kể cả các bản sửa đổi) đều được xây dựng theo một quy trình chặt chẽ, khoa học, dưới sự lãnh đạo của Đảng; bảo đảm sự tham gia của các chuyên gia, nhà khoa học, các nhà quản lý, tổ chức lấy ý kiến rộng rãi của nhân dân và các cơ quan, tổ chức.

Về quy trình làm Hiến pháp, sửa đổi Hiến pháp, Điều 120 Hiến pháp năm 2013 quy định:

1. Chủ tịch nước, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ hoặc ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Quốc hội có quyền đề nghị làm Hiến pháp, sửa đổi Hiến pháp. Quốc hội quyết định việc làm Hiến pháp, sửa đổi Hiến pháp khi có ít nhất hai phần ba tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành.

2. Quốc hội thành lập Ủy ban dự thảo Hiến pháp. Thành phần, số lượng thành viên, nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy ban dự thảo Hiến pháp do Quốc hội quyết định theo đề nghị của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

3. Ủy ban dự thảo Hiến pháp soạn thảo, tổ chức lấy ý kiến Nhân dân trình Quốc hội dự thảo Hiến pháp.

4. Hiến pháp được thông qua khi có ít nhất hai phần ba tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành. Việc trưng cầu ý dân về Hiến pháp do Quốc hội quyết định.

- Việc ban hành Hiến pháp năm 2013 được tổ chức rất chặt chẽ, khoa học, lấy ý kiến rộng rãi của nhân dân. Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 38/2012/QH13, ngày 23/11/2012 tổ chức lấy ý kiến nhân dân về

Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992. Việc lấy ý kiến nhân dân được các cấp, các ngành triển khai nhận được sự tham gia nghiêm túc, tích cực, tâm huyết của đông đảo các tầng lớp nhân dân và đồng bào Việt Nam ở nước ngoài, thực sự là đợt sinh hoạt chính trị - pháp lý dân chủ, sâu rộng trong cả hệ thống chính trị. Ngày 28/11/2013, với tuyệt đại đa số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành (486/488, chiếm 97,59%), Quốc hội khóa XIII đã thông qua Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Việc triển khai thực hiện Hiến pháp đã thu được những kết quả quan trọng. Trên cơ sở Hiến pháp năm 2013, Quốc hội đã ban hành, sửa đổi, bổ sung nhiều luật, được nhân dân đồng tình, hưởng ứng và tích cực thực hiện.

4. Kiến nghị một số giải pháp giải quyết tốt hơn mối quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội

Một là, cần đưa vào Văn kiện Đại hội XIII của Đảng mối quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội thành một mối quan hệ lớn, cần nhận thức đúng và giải quyết tốt.

Hai là, tiếp tục nghiên cứu làm rõ mối quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội trong bối cảnh đẩy mạnh phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Ba là, nâng cao nhận thức và giải quyết tốt mối quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội theo tinh thần Đại hội XII của Đảng: Phát huy dân chủ đi liền với tăng cường pháp chế, đề cao trách nhiệm công dân, giữ vững kỷ luật, kỷ cương và đề cao đạo đức xã hội. Phê phán những biểu hiện dân chủ cục đoan, dân chủ hình thức. Xử lý nghiêm những hành vi lợi dụng dân chủ làm mất an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội và những hành vi vi phạm quyền dân chủ và quyền làm chủ của nhân dân.

Bốn là, xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật theo yêu cầu dân chủ.

- Thể chế hóa, cụ thể hóa quan điểm: “Mọi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phải xuất phát từ nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, được nhân dân tham gia ý kiến... Bảo đảm để nhân dân tham gia ở tất cả các khâu của quá trình đưa ra những quyết định liên quan đến lợi ích, cuộc sống của nhân dân, từ nêu sáng kiến, tham gia phản biện, tranh luận đến giám sát quá trình thực hiện”¹.

- Tập trung xây dựng những văn bản pháp luật liên quan trực tiếp đến quyền làm chủ của nhân dân. Thể chế hóa và nâng cao chất lượng các hình thức dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện. Thực hiện quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo tinh thần Hiến pháp năm 2013; gắn quyền với trách nhiệm, nghĩa vụ, đề cao đạo đức xã hội. Tiếp tục thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở; hoàn thiện hệ thống pháp luật, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân.

- Thể chế hóa và thực hiện tốt phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”.

Năm là, có cơ chế bảo đảm và thực hiện tốt mối quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội.

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế bảo hiến và các quy chế, quy định khác liên quan đến mối quan hệ này, như quy chế chất vấn, giải trình; quy chế ứng cử, bầu cử có số dư; quy chế tranh cử, quy chế giám sát, phản biện xã hội, v.v..

Sáu là, chú trọng bảo đảm tính độc lập theo pháp luật của các cơ quan tư pháp, nhất là trong hoạt động xét xử của tòa án. Thể chế hóa quan điểm “Xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, từng bước hiện đại; bảo vệ pháp luật, công lý, quyền con

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.169.

người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân. Phân định rõ ràng trách nhiệm quản lý hành chính với trách nhiệm, quyền hạn tư pháp trong tổ chức, hoạt động của các cơ quan tư pháp. Cụ thể hóa đầy đủ các nguyên tắc hiến định về chức năng, nhiệm vụ của Tòa án nhân dân và hoạt động xét xử¹.

Bảy là, thực hành tốt dân chủ trong Đảng là hạt nhân để thực hành dân chủ trong xã hội. Mọi cán bộ, đảng viên, tổ chức đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Tăng cường pháp chế. Xử lý nghiêm mọi hành vi vi phạm pháp luật, bất kể người đó là ai.

Tám là, tiếp tục xây dựng các luận cứ khoa học, kịp thời phê phán các quan điểm sai trái, thù địch về mối quan hệ giữa thực hành dân chủ, tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.178-179.

TRUYỀN THÔNG XÃ HỘI ĐỐI VỚI ỔN ĐỊNH CHÍNH TRỊ, XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

VÕ VĂN THƯỜNG*

1. Cuối năm 2018, khởi lên từ đoạn video của một nghệ sĩ accordion thể hiện sự bất mãn về chính sách thuế được đưa lên mạng xã hội, những cuộc biểu tình mang tên “Phong trào áo Vàng” đã gây khủng hoảng triền miên trong suốt thời gian qua ở Pháp. Phong trào lan nhanh bởi những lời kêu gọi phát tán trên mạng xã hội đã thổi bùng cơn giận dữ, vượt xa mục tiêu ban đầu là kích động biểu tình để phản đối chính sách, trở thành bạo loạn.

Nhìn lại các cuộc “cách mạng màu” hay các cuộc biểu tình bạo động mang hơi hướng của “cách mạng màu” được hiện đại hóa trong mấy thập niên gần đây, chúng ta dễ dàng nhận thấy rằng, chính truyền thông xã hội đã châm ngòi, thổi bùng bằng kích động, tổ chức và thông tin, khiến ban đầu là các phong trào đường phố, đi đến bạo động và hệ quả là sự suy yếu nhanh chóng của các chế độ như ở Đông Âu, Trung Đông, Bắc Phi, Mỹ Latinh¹.

* Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương.

1. Từ “cách mạng nhung” ở Nam Tư năm 2000, “cách mạng hoa hồng” ở Grudia năm 2003, “cách mạng cam” ở Ukraina năm 2004, “cách mạng hoa tuy líp” ở Cưrgudoxtan năm 2005, “cách mạng màu Jean” ở Bélarút năm 2006, đặc biệt, “mùa xuân Arab” ở Tuynidi, Ai Cập năm 2010 lan sang Libi, Xyri năm 2011, cho đến những biến động chính trị, xã hội gần đây ở Hy Lạp, Vénézuela, Thổ Nhĩ Kỳ, Tây Ban Nha, Áo, Pháp... đều có vai trò tác động của truyền thông xã hội.

Truyền thông xã hội, tin giả đã trở thành từ khóa làm nhiều người liên tưởng tới những cuộc xuống đường bạo động khiến cả châu Âu và thế giới đứng ngồi không yên suốt thời gian qua. Ngay tại Mỹ, sau những cuộc biểu tình chiếm phố Wall (năm 2011), giới chính trị gia đã chỉ trích đích danh Facebook, Twitter là “công cụ của bạo loạn”.

Báo chí phương Tây cũng đúc rút phương thức dùng truyền thông xã hội tạo nên những “đám đông” kích động, đó là: châm ngòi xuống đường; triệt để lợi dụng các sự cố, tai nạn, những cái chết để tạo cớ bạo loạn; sử dụng điện thoại di động, mạng xã hội để kích động và liên kết trong, ngoài¹.

Truyền thông xã hội là một “dòng chảy thông tin” trên nền tảng, dịch vụ công nghệ cho phép người dùng tạo ra, chia sẻ, trao đổi, thảo luận và thay đổi các nội dung, thiết lập thành các mạng lưới liên kết và tương tác xã hội.

Truyền thông xã hội, nhất là mạng xã hội liên tục được nâng đỡ, hỗ trợ bởi những công nghệ mới, ngày càng tiện ích hơn, trở thành kênh quan trọng, thúc đẩy quá trình giao tiếp và kết nối xã hội.

Các thuật toán cho phép các nền tảng truyền thông xã hội thiết lập các cộng đồng hoạt động dưới nhiều hình thức khác nhau (diễn đàn, nhóm, hội công khai, hoặc bí mật...) có thể thu hút từ hàng nghìn lên đến hàng triệu thành viên, không giới hạn về địa lý, thành phần xã hội.

Sự tiếp cận đến từng cá nhân người dùng với tốc độ nhanh tạo ra nhiều cơ hội và lợi ích về truyền tải, tiếp nhận, chia sẻ thông tin, tri thức; phục vụ các nhu cầu đa dạng của cộng đồng như: kết bạn, giải trí, kinh doanh, bày tỏ quan điểm, phản biện xã hội, lan tỏa những điều tốt đẹp... Đồng thời, cũng từ các nền tảng truyền thông xã hội bộc lộ những tác động tiêu cực, ẩn chứa những nguy cơ phức tạp, khó lường, thậm chí có khả năng gây chia rẽ sâu sắc, kích động hận thù trong các cộng đồng xã hội, nhất là ở các quốc gia đa sắc tộc, tôn giáo.

1. Cục Tuyên huấn, Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam, Trung tâm Thông tin khoa học Quân sự, Bộ Quốc phòng: *Hiểm họa từ mặt trái của internet*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.50.

Nhà sử học người Ixraen - Yuval Noah Harari không hề phóng đại nỗi lo lắng toàn cầu khi cho rằng internet, mạng xã hội “là một vùng đất tự do và vô luật làm xói mòn chủ quyền quốc gia, phớt lờ các biên giới, phá hủy quyền riêng tư và đem lại mối đe dọa an ninh toàn cầu có thể nói là đáng sợ nhất”¹.

Với những tác động nhiều chiều, có thể xem không gian mạng như “miền chiến sự thứ năm”², ở đó, truyền thông xã hội đóng vai trò là một thứ “quyền lực”, vượt qua truyền thông chính thống, thách thức các biện pháp quản lý hành chính và kỹ thuật của tất cả các quốc gia, nhất là các quốc gia đang phát triển.

Nguồn thu lớn từ truyền thông xã hội vẫn đang đổ về quốc gia phát triển có trình độ công nghệ cao, những dữ liệu cá nhân đang ở trong tay số ít các “đại gia công nghệ” nước ngoài khiến kinh tế, luật pháp, an ninh, chủ quyền đều bị đe dọa.

Có người ví Facebook như một “quốc gia” lớn và chắc chắn có thông tin về các “công dân” của nó nhiều hơn bất kỳ chính phủ nào. Khi “dữ liệu trên mạng” là tài nguyên, thông tin là quyền lực, thì chúng ta có cơ sở để lo lắng rằng người nắm quyền “sở hữu thông tin” sẽ “tạo ra nhiều nguy cơ mới, đồng thời khuếch đại những nguy cơ khác”³.

Vụ bê bối dữ liệu do Cambridge Analytica, công ty phân tích dữ liệu chính trị tiếp cận trái phép và “đầu độc thông tin chính trị” tới 87 triệu người dùng là bài học đắt giá làm cho câu hỏi: “Làm thế nào để quản lý được quyền sở hữu thông tin?” trở thành “câu hỏi mang tính chính trị quan trọng nhất trong kỷ nguyên của chúng ta”⁴.

Trước những thách thức hiện hữu và nguy cơ tiềm ẩn đòi hỏi phải tự duy lại về mô hình và cách thức quản trị không gian mạng, các quốc gia

1. Yuval Noah Harari: *Lược sử tương lai*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2018, tr.445.

2. Bên cạnh mặt đất, bầu trời, biển cả và vũ trụ.

3. Jean Tirole: Quản lý các tác nhân gây xáo trộn, Dự báo năm 2019, Đại biến động, Thông tấn xã Việt Nam, Project Syndicate, Hà Nội, 2018, tr.92.

4. Yuval Noah Harari: *21 Lesson for the 21st Century*, Jonathan Cape, London, 2018, p.80.

đang ráo riết thiết lập những hàng rào bảo vệ bằng việc đưa ra những biện pháp cứng rắn. Bởi lẽ, “Quyền quyết sách đối với những vấn đề chính sách công liên quan tới mạng internet là chủ quyền của các nước”¹.

Đức đã thông qua luật về quản lý mạng xã hội (NetzDG), theo đó, những dịch vụ mạng xã hội nếu để xảy ra tình trạng người dùng lăng mạ, gây thù oán hay phát tán các tin tức giả mạo sẽ đối mặt với án phạt nặng có thể lên tới 50 triệu euro.

Ôxtrâylia tuyên bố sẽ phạt các công ty cung cấp dịch vụ mạng và các trang mạng xã hội, có thể phạt tối 10% tổng thu nhập hàng năm, thậm chí phạt tù lên tới ba năm đối với người điều hành nếu không loại bỏ hoàn toàn các nội dung xấu. Luật chống tin giả của Ai Cập cho phép cơ quan chức năng có quyền giám sát các tài khoản cá nhân trên những mạng xã hội có trên 5.000 người theo dõi.

Luật an ninh mạng của Thái Lan quy định đối tượng phát tán tin giả sẽ phải chịu 7 năm tù. Philíppin mới đây cũng ban hành luật quy định hoạt động truyền bá thông tin giả mạo bị coi là tội phạm hình sự, bị phạt tối 6 tháng tù, kèm khoản tiền phạt hơn 3.000 USD.

Còn Xingapo đã thông qua Dự luật Bảo vệ khỏi sự thao túng và lừa dối trực tuyến. Người lan truyền tin giả với dụng ý xấu, gây tổn hại nghiêm trọng lợi ích cộng đồng có thể đối mặt với bản án 10 năm tù, các công ty mạng xã hội nếu không tuân thủ các quy định có thể bị phạt lên đến 1 triệu đôla Xingapo²...

2. Trong bối cảnh bất ổn gia tăng ở nhiều nơi trên thế giới, sự ổn định chính trị, xã hội của Việt Nam là một lợi thế quan trọng để phát triển. Nhờ nhất quán quan điểm: “Ôn định và phát triển gắn liền với nhau trong quá trình vận động tiến lên, ổn định để phát triển và có

1. Liên hợp quốc: “Tuyên bố nguyên tắc xây dựng xã hội thông tin: Thách thức toàn cầu trong thiên niên kỷ mới”, Mục a, Điều 49 (WSIS-03/GENEVA/DOC), Hội nghị thượng đỉnh về xã hội thông tin, Geneva, ngày 12/12/2003.
2. Xem “Cuộc chiến chống tin giả và nội dung bạo lực trên mạng xã hội”, <http://www.nhandan.com.vn/thegioi/item/39805002-cuoc-chien-chong-tin-gia-va-noi-dung-bao-luc-tren-mang-xa-hoi.html>, ngày 10/4/2019; “Singapore: Luật chống tin giả khiến người dùng mạng xã hội phải cẩn trọng”, <http://vietnamnet.vn/vn/cong-nghe/tin-cong-nghe/singapore-luat-chong-tin-gia-khien-nguo-dung-mang-xa-hoi-phai-can-trong-531604.html>, ngày 14/5/2019.

phát triển mới ổn định được”¹ mà môi trường chính trị, xã hội ổn định, an ninh, an toàn được giữ vững, nội lực đất nước được khơi dậy và phát huy, ngoại lực được tiếp nhận và sử dụng hiệu quả, nên sau gần 35 năm đổi mới, đất nước đã đạt được những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử. Việt Nam trở thành điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư, của du khách, là điểm hẹn của khát vọng hòa bình thế giới.

Ôn định chính trị, xã hội dựa vào những nhân tố bên trong và bên ngoài. Trong đó, nhân tố cốt lõi là “yên dân”, là đoàn kết và đồng thuận, là niềm tin xã hội. Trong quá trình dựng nước, giữ nước, các bậc minh quân luôn coi “yên dân” là “kế sâu rẽ bền gốc”, “gốc có vững thì cây mới yên”, thế nước mới vững bền.

Thực tiễn phong phú của cách mạng Việt Nam từ khi có Đảng cho thấy, “dân là gốc” là tư tưởng dẫn dắt, chi phối đường lối, chủ trương, chính sách, hoạt động của Đảng và Nhà nước; là một trong những bài học kinh nghiệm lớn trong lãnh đạo của Đảng.

Không ngừng chăm lo, nâng cao đời sống nhân dân, vun đắp cho mối quan hệ máu thịt giữa Đảng và dân, củng cố lòng tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng là nền tảng cho sự ổn định chính trị, xã hội của nước ta trong thời gian qua. Tuy vậy, việc “yên dân” hay lòng dân, niềm tin, đồng thuận xã hội lại luôn bị thử thách, biến động không ngừng trong dòng chảy của thế sự, thời cuộc và các va đập của lịch sử, với rất nhiều yếu tố, tầng nấc đan xen tác động. Trong đó, báo chí, truyền thông nói chung, truyền thông xã hội nói riêng có vai trò rất quan trọng.

Sau hơn 20 năm internet có mặt (từ năm 1997), với hơn 60 triệu người sử dụng, Việt Nam là quốc gia đứng thứ 18 trên thế giới về tỷ lệ người dân sử dụng internet và là một trong 10 nước có lượng người dùng Facebook và YouTube cao nhất thế giới. Điều đó cho thấy sự cởi mở, năng động của Việt Nam trong tiến trình hội nhập cùng thế giới số.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.47, tr.376.

Cũng như các quốc gia khác trên toàn cầu, Việt Nam đang khai thác và phát huy những đặc tính ưu việt của truyền thông xã hội, đồng thời, cũng đang phải đối mặt với những tác động tiêu cực khó kiểm soát từ dạng thức truyền thông mới này.

Có thể nhận thấy, “hệ sinh thái” mạng xã hội đã hình thành tầng lớp KOLs (Key Opinion Leader), influencers là những người có “thương hiệu” hoặc là “người bình thường” mà thông tin, quan điểm nêu ra có sức thu hút, ảnh hưởng, được “cư dân mạng” chia sẻ, khuếch tán nhanh trên phạm vi rộng. Họ đa phần là những chủ thể tích cực góp phần tạo nên đời sống thông tin lành mạnh. Nhưng, cũng đã lộ diện những KOLs, influencers có động cơ không trong sáng, nền tảng văn hóa thấp, bất mãn chế độ, thậm chí từng vi phạm pháp luật nhưng lại biết “khoi gợi những cảm xúc xấu xa”; lạm dụng chữ nghĩa, ảo tưởng “quyền lực bàn phím”, luôn tìm cách điều hướng dư luận; tấn công doanh nghiệp nhằm trực lợi; đe dọa, xúc phạm cá nhân, tổ chức... Một số được sự bảo trợ từ các tổ chức thù địch bên ngoài. Lợi dụng những bất cập trong quản lý nhà nước về internet, mạng xã hội, chúng thâm nhập vào các nền tảng truyền thông xã hội, “nuôi” nick (tên tài khoản), lập ra hàng trăm nghìn tài khoản ảo và nhiều trang giả mạo cá nhân, tổ chức. Với nhiều thủ đoạn tinh vi được hỗ trợ bởi công nghệ, chúng tập trung chống phá nền tảng tư tưởng, phủ nhận thành tựu của công cuộc đổi mới, đòi xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, gieo rắc tư tưởng cực đoan, tạo bất đồng, xung đột trong nội bộ Đảng và nhân dân. Chúng cường điệu những hạn chế, khuyết điểm trong lãnh đạo, quản lý để khoét sâu vào xung đột lợi ích, làm chia rẽ xã hội, suy giảm lòng tin, thực hiện “diễn biến hòa bình”, đòi lật đổ chế độ. Từ đó, lôi kéo, tập hợp lực lượng, kích động biểu tình trái phép, chống đối, bạo loạn, ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh, trật tự xã hội như trong các vụ lợi dụng vấn đề môi trường tại Formosa Hà Tĩnh, phản đối Dự luật về đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, Luật an ninh mạng...

Có hiện tượng KOLs, influencers được hỗ trợ “không trong sáng” từ những thông tin mật trong nội bộ các cơ quan Đảng, Nhà nước bị rò rỉ,

có cả những sự tiếp tay vô cùng nguy hiểm của những cán bộ suy thoái, cơ hội chính trị, đầy tham vọng cá nhân. Trên thế giới, các chính trị gia đã sử dụng truyền thông xã hội làm công cụ để giao tiếp với công chúng, xây dựng hình ảnh hay vận động chính trị. Việc này có thể khuyến khích ở Việt Nam nhưng cần phải được xác lập thành một trong những nguyên tắc hành xử chính trị công khai và minh bạch. Còn việc lợi dụng các nhân tố mạng xã hội để tạo “sóng” trong dư luận vì ý đồ và động cơ cá nhân đều là những hành vi phạm pháp.

Sự lệch lạc trong nhận thức về các vấn đề chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội sẽ dẫn đến sai lầm trong hành vi, tạo nên những mối nguy về an ninh, bất ổn chính trị, xã hội. Một bộ phận người sử dụng mạng xã hội ở Việt Nam thường có xu hướng quan tâm, thích (like) và chia sẻ (share) thông tin giật gân, tiêu cực, trái chiều hơn thông tin tích cực, một cách cố tình hoặc vô ý thức, bất chấp các hậu quả. Nhiều người cho rằng mạng xã hội là ảo, không phải chịu trách nhiệm về những phát ngôn, hành xử của mình. Tâm lý đó cộng hưởng với các công cụ được tạo ra để thu hút người dùng của truyền thông xã hội, cùng với sự bất cập, hạn chế trong quản lý của các cơ quan chức năng càng làm cho việc phát tán thông tin xấu, độc trở nên dễ dàng và nguy hiểm.

Hiện tượng tin giả, các phát ngôn thù ghét, nói xấu, phỉ báng, vu khống, bịa đặt, kỳ thị dân tộc, tôn giáo, kỳ thị giới tính, các hành vi gây hấn, tấn công trên mạng,... đang trở nên đáng báo động¹. Những hành vi lệch lạc này có thể làm khủng hoảng đời sống của cá nhân, tổ chức, gây trầm cảm xã hội, thậm chí những “cơn bão mạng” có thể “khai tử” doanh nghiệp, có cá nhân đã lựa chọn cái chết làm lối thoát.

Tác động xấu từ truyền thông xã hội có thể dẫn đến những hậu quả trực tiếp, tức thì, nhưng cũng có những hậu quả len lỏi, lâu dài tích tụ vào ứng xử, lối sống, dần dần phá vỡ những hệ giá trị văn hóa và đạo đức tốt đẹp. Những đố võ về giá trị, những tổn thương về tâm lý ảnh hưởng

1. Theo khảo sát của chương trình nghiên cứu internet và xã hội (VPIS), Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2017.

đến đời sống mỗi cá nhân, từ đó, tác động đến ổn định chính trị, xã hội của quốc gia. Các nhà xã hội học cho rằng, việc dành quá nhiều thời gian cho mạng dân đến “cô lập với xã hội thực tại”, “xao nhãng các quan hệ đời thực”, “tin vào đó mà không dành thời gian cho các quan sát, trải nghiệm và tương tác thực tế để đưa ra các quyết định đúng đắn”, thậm chí lệch lạc về nhận thức, dẫn đến các hành vi vi phạm pháp luật, đặc biệt với giới trẻ. Về lâu dài, có thể khiến sự cố kết xã hội bị rạn nứt sâu sắc, gây phân rã, khó tạo nên sự đồng thuận trong việc chung tay giải quyết các vấn đề của cộng đồng, quốc gia hay nhân loại¹.

3. Có những ý kiến về việc mạng xã hội đã qua đi thời khắc đỉnh cao và đang chững lại. Có những đánh giá lạc quan rằng người dùng mạng xã hội đang dần trở nên sáng suốt hơn, bình tĩnh hơn, trang bị bộ lọc tốt hơn, có nhiều kinh nghiệm hơn sau khi bị tin giả lừa đảo nhiều lần. Nhưng trong thực tế, có thể khẳng định, truyền thông xã hội là một “mặt trận” ngày càng phức tạp, mở rộng mà các thế lực thù địch đang lợi dụng để thúc đẩy các “yếu tố cách mạng sắc màu ở Việt Nam”.

Bài học từ những cuộc “cách mạng màu” cho thấy không thể chủ quan, lơ là mà cần phải chủ động nhận diện, ngăn chặn kịp thời những nhân tố lợi dụng truyền thông xã hội để tác động đến ổn định chính trị, xã hội từ nhiều hướng, nhiều cách thức khác nhau. Yêu cầu ấy đòi hỏi phải nhìn nhận đúng về truyền thông xã hội ở cả hai mặt tích cực và tiêu cực, nhận diện và quản lý những tác nhân gây ảnh hưởng để bảo vệ, phát huy những giá trị tiến bộ được xã hội thừa nhận, đồng thời hạn chế, đẩy lùi, triệt phá những tác động tiêu cực bằng những giải pháp mạnh mẽ, đồng bộ và hiệu quả.

Một là, trong lãnh đạo, chỉ đạo cần tiếp tục quán triệt, nhận thức đúng, đầy đủ quan điểm: “không ngừng đổi mới tư duy lãnh đạo, chỉ đạo

1. Xem Nguyễn Hoài Sơn, Lê Quang Ngọc, Nguyễn Quang Tuấn, Nguyễn Đức Vinh, Viện Xã hội học, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam: “Một số chiều cạnh biến đổi xã hội trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư”, <http://www.haiphong.gov.vn/PortalFolders/ImageUploads/SKHCN/12/Cong%20nghiep%204.0/Bien%20doi%20xa%20hoi%20trong%20CMCN%204.0.pdf>.

và quản lý báo chí điện tử, mạng xã hội và các loại hình truyền thông khác trên internet theo kịp sự phát triển của công nghệ internet,... chủ động, kiên trì thúc đẩy phát triển đúng hướng đi đôi với quản lý chặt chẽ¹. Truyền thông xã hội là môi trường mở, độc đáo, đặc biệt quan trọng nằm bên cạnh dòng chảy thông tin của truyền thông truyền thống, cần khai thác tối đa mặt tích cực, cổ vũ những giá trị tiến bộ, định hướng và tiến hành đấu tranh đối với những nhận thức, tư tưởng, quan điểm sai trái. Phải chủ động đánh giá, dự báo chính xác tình hình; chú trọng giải quyết thấu đáo các vấn đề bức xúc của người dân; khắc phục hiệu quả những hạn chế, bất cập, không để hình thành “điểm nóng”, những xu hướng tiêu cực trên mạng xã hội. Các cơ quan chức năng cần cung cấp thông tin cho báo chí một cách đầy đủ, công khai, minh bạch, kịp thời, nhất là với các vấn đề quan trọng được người dân quan tâm, không để cho các thế lực thù địch lợi dụng, chiếm lĩnh truyền thông xã hội. Đồng thời, giữ nghiêm kỷ luật thông tin, kiên quyết đấu tranh, xử lý nghiêm khắc với các phần tử cơ hội chính trị, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” cố tình làm lộ, cung cấp thông tin nội bộ, hỗ trợ cho các phần tử mạng xã hội đưa tin sai sự thật, kích động, tấn công vào nội bộ.

Hai là, khẩn trương thể chế hóa, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý trong thực tiễn; tích cực xây dựng khung khổ pháp luật khoa học, tiến bộ để truyền thông xã hội hoạt động, phát triển lành mạnh, đúng hướng. Thời gian qua, những thay đổi nhanh chóng về thuật toán của các nền tảng công nghệ khiến các cơ quan chức năng vốn đã chậm trễ, hạn chế trong quản lý không gian mạng lại càng lúng túng, bất cập, chưa theo kịp trong việc hoạch định chính sách, pháp luật đối với truyền thông xã hội. Để quản lý tốt, cần nhanh chóng tiếp tục hoàn thiện đồng bộ hệ thống văn bản pháp luật với các điều khoản cụ thể, rõ ràng, sát thực, phù hợp, theo kịp tốc độ biến động của truyền thông

1. Chỉ thị số 30-CT/TW, ngày 25/12/2013 của Bộ Chính trị khóa XI về phát triển và tăng cường quản lý báo chí điện tử, mạng xã hội và các loại hình truyền thông khác trên internet.

xã hội... thay vì chỉ dừng ở quy tắc điều chỉnh mang tính khuyến nghị đạo đức và văn hóa. Bởi lẽ, khi các ràng buộc pháp lý không cụ thể, rõ ràng và đủ mạnh thì các quy tắc đạo đức, văn hóa cũng rất khó để đi vào cuộc sống.

Kiên trì vấn đề có tính nguyên tắc là các nhà mạng, nhà cung cấp dịch vụ, khai thác dịch vụ nhất là các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ xuyên biên giới phải có trách nhiệm tuân thủ luật pháp Việt Nam, tôn trọng chủ quyền, lợi ích, an ninh quốc gia Việt Nam. Yêu cầu các đối tác phải thể hiện sự hợp tác, tuân thủ các quy định khi vào Việt Nam như đặt cơ quan đại diện, thiết lập tính chính danh của người dùng trong đăng ký tài khoản, phối hợp tích cực để kịp thời bóc gỡ những trang mạo danh các đồng chí lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, xóa bỏ triệt để các tài khoản đưa thông tin sai sự thật,... Cần coi trọng hơn các biện pháp kinh tế, yêu cầu trách nhiệm của những doanh nghiệp phải tương xứng với lợi ích mà họ được hưởng. Tích cực triển khai thực hiện Luật an ninh mạng với các chế tài đủ mạnh để răn đe, xử lý những hành vi vi phạm, gây hại như lưu trữ, cung cấp, đăng tải, phát tán tin giả, sai sự thật, xuyên tạc, vu khống, nói xấu, kích động, chống phá Đảng, Nhà nước trên internet, mạng xã hội...

Ba là, phát huy vai trò chủ động, tiên phong, dấn dắt, định hướng của báo chí trong thông tin tích cực. Báo chí cách mạng cần khẳng định hơn nữa vai trò, vị thế của mình trong thời đại kỹ thuật số. Dòng thông tin tích cực của báo chí vẫn phải là dòng thông tin chủ lưu với thông tin chất lượng, chính xác, kịp thời, khách quan, là bộ lọc đáng tin cậy về mọi vấn đề xã hội, dư luận quan tâm. Vì vậy, phải khẩn trương tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Luật báo chí năm 2016, sửa đổi, bổ sung, hoàn chỉnh Luật cũng như các văn bản dưới Luật để hoàn thiện hơn nữa môi trường pháp lý cho hoạt động báo chí. Xác định rõ tiêu chí đối với từng loại hình thông tin điện tử nhất là báo điện tử, tạp chí điện tử, trang thông tin điện tử tổng hợp, mạng xã hội; có quy định để điều chỉnh hoạt động của các công ty công nghệ chuyên cung cấp thông tin báo chí. Tăng cường trách nhiệm của cơ quan chủ quản, của cơ quan báo

chí trong thực hiện tôn chỉ, mục đích và nội dung thông tin, trong hợp tác hoạt động báo chí, trong đầu tư nền tảng công nghệ số cho sự phát triển vươn tầm của báo chí. Thực hiện ngay quy hoạch báo chí đã được phê duyệt trong năm 2019, rà soát cấp phép lại hoặc thu hồi giấy phép hoạt động đối với các tổ chức, cơ quan trong thời gian qua đã buông lỏng quản lý, có nhiều vi phạm trong hoạt động báo chí. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng những người làm báo về bản lĩnh chính trị, về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, công nghệ, trau dồi đạo đức, ý thức về sứ mệnh nghề nghiệp, thực hiện tốt quy định về trách nhiệm và chuẩn mực khi tham gia mạng xã hội.

Bốn là, thúc đẩy các giải pháp công nghệ, các biện pháp kỹ thuật phù hợp bắt kịp với sự phát triển của internet, mạng xã hội. Khuyến khích mạng xã hội có nền tảng công nghệ trong nước phát triển, khuyến khích các cơ quan, tổ chức trong nước xây dựng mạng xã hội nội bộ. Tăng cường ứng dụng công nghệ để phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời các thông tin sai sự thật, xấu, độc có ảnh hưởng đến ổn định chính trị, xã hội. Nâng cao năng lực phân tích, điều tra, nghiên cứu công chúng, đo lường thái độ của người sử dụng internet, tham gia truyền thông xã hội đối với những vấn đề được dư luận quan tâm.

Năm là, truyền thông xã hội khác biệt vì nội dung do người dùng tạo ra và thông tin mang tính cá nhân hóa cao, do đó, sự quản lý của Nhà nước là cần thiết nhưng quan trọng nhất vẫn là ý thức người dùng. Việc người dùng nâng cao sức “đề kháng”, trang bị kiến thức về pháp luật, bộ lọc văn hóa tốt, ứng xử văn minh, lịch lâm trong tranh luận, phản biện, có năng lực về tin tức, đánh giá được độ tin cậy của thông tin trên truyền thông xã hội là rất quan trọng. Có như vậy, việc khai thác, sử dụng mạng xã hội mới hiệu quả, thiết thực và lành mạnh, người dùng mới có thể bảo vệ những giá trị của bản thân, của cộng đồng và dân tộc.

Cần chú trọng tăng cường các biện pháp tuyên truyền nâng cao hiểu biết pháp luật, ý thức, trách nhiệm khi tham gia các nền tảng truyền thông xã hội của mọi công dân. Giáo dục định hướng giá trị để người trẻ

biết tránh khỏi các biểu hiện lệch lạc về nhận thức và hành vi; trang bị cho học sinh, sinh viên kỹ năng tự bảo vệ thông tin cá nhân, cách thức chắt lọc, tiếp nhận thông tin.

Phát huy vai trò của các tổ chức và cá nhân, nhất là những người điều hành website, blog, fanpage, các KOLs, influencers, người trẻ trong xây dựng môi trường internet, mạng xã hội lành mạnh. Mỗi cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên tham gia mạng xã hội phải giữ vai trò là lực lượng nòng cốt đăng tải, chia sẻ, lan tỏa thông tin tích cực và xem đây là giải pháp thường xuyên, lâu dài.

Việt Nam đang là một quốc gia có chính trị, xã hội ổn định và trên đà phát triển, tuy nhiên, cũng vẫn tiềm ẩn những nguy cơ gây mất ổn định. Tạo lập môi trường thông tin lành mạnh, an toàn, trong đó, truyền thông xã hội là một trong những nguồn lực thông tin quan trọng, sẽ gop phần tích cực, hiệu quả, bảo vệ, gìn giữ môi trường chính trị, xã hội ổn định làm nền tảng cho đất nước phát triển bền vững.

PHÁT HUY DÂN CHỦ GẮN VỚI TĂNG CƯỜNG KỶ LUẬT, KỶ CƯƠNG Ở NƯỚC TA TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

TS. NGUYỄN VĂN CƯƠNG*

Ky luật” theo nghĩa thông thường là “tổng thể những điều quy định có tính bắt buộc đối với hoạt động của các thành viên trong một tổ chức, để bảo đảm tính chặt chẽ của tổ chức” hoặc “hình thức phạt đối với người vi phạm kỷ luật”. “Kỷ cương” theo nghĩa thông thường là “những phép tắc làm nên trật tự của một xã hội (nói tổng quát)¹”. Kỷ luật, kỷ cương đôi khi còn được hiểu chính là những quy tắc, quy định do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành hoặc thừa nhận điều chỉnh hành vi của các tổ chức, cá nhân trong xã hội nhằm duy trì xã hội hoặc các thành tố của xã hội trong một trật tự nhất định. Hình thức biểu hiện rõ nét nhất các quy tắc về kỷ luật, kỷ cương trong xã hội chính là các quy định pháp luật cũng như các quy tắc, quy chế hoạt động của các tổ chức trong xã hội. Trong tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội hoặc tổ chức xã hội, các quy tắc về kỷ luật, kỷ cương chính là các quy tắc, quy chế, quy định điều chỉnh tổ chức và hoạt động của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội ấy. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong xã hội chính là việc gia tăng

* Viện trưởng Viện Khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp.

1. Hoàng Phê (Chủ biên): *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng - Trung tâm Từ điển học, Hà Nội - Đà Nẵng, 2005, tr.519.

tính tuân thủ của các thành viên trong xã hội đối với các quy tắc ứng xử, với pháp luật, bảo đảm cho trật tự pháp luật thiết lập và bảo vệ được duy trì một cách thực chất. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong một tổ chức chính là việc gia tăng tính tuân thủ của các thành viên trong tổ chức đối với các quy tắc, quy định trong tổ chức ấy.

Trong thời đại ngày nay, có thể thấy rằng, dân chủ và kỷ luật, kỷ cương là hai tiền đề để có một quốc gia, dân tộc, xã hội phát triển nhanh và bền vững.

1. Những thành tựu trong phát huy dân chủ ở Việt Nam

Sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng có nội dung cốt lõi là sự nghiệp xây dựng nền dân chủ. Chế độ ta là sản phẩm của tiến trình vận động dân chủ. Đảng ta luôn khẳng định, cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, “*Sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân*. Chính nhân dân là người làm nên những thắng lợi lịch sử. Toàn bộ hoạt động của Đảng phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết với nhân dân. Quan liêu, tham nhũng, xa rời nhân dân sẽ dẫn đến những tổn thất khôn lường đối với vận mệnh của đất nước, của chế độ xã hội chủ nghĩa và của Đảng”¹.

Ngay trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ vào ngày 03/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề nghị: “Trước chúng ta đã bị chế độ quân chủ chuyên chế cai trị, rồi đến chế độ thực dân không kém phần chuyên chế, nên nước ta không có hiến pháp. Nhân dân ta không được hưởng quyền tự do dân chủ. Chúng ta phải có một hiến pháp dân chủ”². Ngày 08/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 14/SL về việc Tổng tuyển cử để bầu Quốc dân đại hội (Quốc hội). Ngày 20/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 34/SL thành lập Ủy ban Dự thảo Hiến pháp. Ngày 09/11/1946, Quốc hội đã thông qua bản Hiến pháp đầu tiên

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.65.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.7.

trong lịch sử nước nhà (còn gọi là Hiến pháp năm 1946), trong đó ngay điều thứ nhất đã quy định nước Việt Nam là một nước dân chủ, quyền lực trong nước là của toàn thể nhân dân. Cụ thể: “Nước Việt Nam là một nước dân chủ cộng hòa. Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo”.

Nhờ phát huy dân chủ, thực chất là phát huy vai trò sức mạnh của nhân dân, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân làm nên nhiều kỳ tích lịch sử: giành được độc lập dân tộc năm 1945; chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954; thống nhất đất nước năm 1975; bảo vệ vững chắc biên giới Tây Nam và phía Bắc; tiến hành đổi mới thành công từ năm 1986 đến nay.

Điều 3 Hiến pháp năm 2013 quy định: “Nhà nước bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện”. Điều 4 Hiến pháp năm 2013: “Đảng Cộng sản Việt Nam gắn bó mật thiết với Nhân dân, phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân về những quyết định của mình”, Điều 6: “Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp, bằng dân chủ đại diện thông qua Quốc hội, Hội đồng nhân dân và thông qua các cơ quan khác của Nhà nước” và Điều 8: “Các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức phải tôn trọng Nhân dân, tận tụy phục vụ Nhân dân, liên hệ chặt chẽ với Nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của Nhân dân; kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí và mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền”... Điều 9 Hiến pháp năm 2013 quy định rõ cơ sở hiến định về tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong việc phát huy dân chủ, theo đó “Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; tập hợp, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội; giám sát, phản biện

xã hội; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, hoạt động đối ngoại nhân dân góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”.

Hàng loạt các đạo luật thực hiện quyền dân chủ của nhân dân được ban hành như Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015¹, Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015², Luật khiếu nại năm 2011, sửa đổi, bổ sung năm 2013³, Luật tiếp công dân năm 2013, Luật tố cáo năm 2018, Luật tiếp cận thông tin năm 2016, Luật trưng cầu ý dân năm 2015, Luật doanh nghiệp năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2016)⁴, Luật bảo hiểm xã hội năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2015, 2018)⁵... Đặc biệt, Việt Nam đã ban hành Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007⁶, Nghị định số 04/2015/NĐ-CP, ngày 09/01/2015 về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập⁷.

Các thiết chế dân chủ từ Trung ương tới cơ sở đều có bước đổi mới và tăng cường, thể hiện qua sinh hoạt nghị trường tại Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp; qua hoạt động của các cơ quan truyền thông, báo chí, mạng xã hội. Hệ thống chính trị (Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội) được hình thành đầy đủ và đồng bộ, đại diện quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng cho các tầng lớp nhân dân, bảo đảm tiếng nói của nhân dân được lắng nghe trong các quyết sách quan trọng của Đảng và Nhà nước.

-
1. Trước đó có Luật bầu cử đại biểu Quốc hội năm 1959, 1980, 1992, 1997 (sửa đổi, bổ sung năm 2001) và năm 2010; Luật bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân năm 1983, 1989, 1994, 2003 (sửa đổi, bổ sung năm 2010)...
 2. Trước đó có các đạo luật, quy định quyền tham gia của nhân dân trong hoạt động xây dựng pháp luật như: Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 1996 (sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2008) và Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2004.
 3. Trước đó có Luật khiếu nại, tố cáo năm 1998 (sửa đổi, bổ sung năm 2004, 2005).
 4. Trước đó có Luật công ty và Luật doanh nghiệp tư nhân năm 1990 (sửa đổi, bổ sung năm 1994), Luật doanh nghiệp năm 1999, Luật doanh nghiệp năm 2005.
 5. Trước đó có Luật bảo hiểm xã hội năm 2006.
 6. Trước đó, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 29/1998/NĐ-CP, ngày 11/5/1998 về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở xã (sau đó được thay thế bởi Nghị định số 79/2003/NĐ-CP, ngày 07/7/2003).
 7. Trước đó, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 71/1998/NĐ-CP, ngày 08/9/1998 ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan.

Tính dân chủ của xã hội Việt Nam còn được thể hiện trong nhiều lĩnh vực khác, nhất là lĩnh vực kinh tế, người dân được làm chủ tư liệu sản xuất, làm chủ quá trình tổ chức quản lý kinh tế và thụ hưởng thành quả lao động đã đóng góp. Từ năm 2016 đến nay, mỗi năm, Việt Nam có thêm từ 110.000 đến gần 140.000 doanh nghiệp được thành lập mới. Năm 2019, cả nước có 138.100 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng vốn đăng ký 1.730 nghìn tỉ đồng, tăng 5,2% về số doanh nghiệp và 17,1% về số vốn đăng ký so với năm 2018¹. Có thể thấy, chưa bao giờ tinh thần khởi nghiệp - một biểu hiện của việc phát huy dân chủ trong lĩnh vực kinh tế lại được phát huy như hiện nay.

Dân chủ và sinh hoạt dân chủ ngày càng sinh động đang là thực tế chính trị của đất nước. Cả thể chế, thiết chế dân chủ và điều kiện bảo đảm dân chủ trong các lĩnh vực của đời sống chính trị, kinh tế, xã hội đều không ngừng được hoàn thiện.

2. Những thành tựu trong việc thiết lập kỷ luật, kỷ cương trong xã hội

Nhờ duy trì kỷ luật, kỷ cương trong xã hội, Đảng và Nhà nước ta đã phát huy sức mạnh tổng lực của nhân dân, giành chiến thắng trong cuộc kháng chiến chống thực dân, đế quốc, bảo vệ độc lập dân tộc.

Từ khi Đảng ta tiến hành đường lối đổi mới (năm 1986), việc thiết lập kỷ luật, kỷ cương trong xã hội lại có những yêu cầu mới. Một trong những yêu cầu hàng đầu của việc duy trì kỷ luật, kỷ cương trong xã hội của thời kỳ này là phải sớm xây dựng được một hệ thống pháp luật có chất lượng, điều chỉnh toàn diện các lĩnh vực của đời sống chính trị, kinh tế, xã hội. Cùng với đó là yêu cầu duy trì thượng tôn pháp luật, quản lý xã hội bằng pháp luật và theo pháp luật.

1. Cục Quản lý đăng ký kinh doanh, <https://dangkykinhdoanh.gov.vn/vn/tin-tuc/598/5051/tinh-hinh-dang-ky-doanh-nghiep-nam-2019.aspx>.

Sớm nhận thức yêu cầu có tính khách quan đó, việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đã trở thành một trong những công việc quan trọng hàng đầu của tiến trình đổi mới. Các số liệu thống kê cho thấy: từ năm 1986 đến nay, Việt Nam đã ban hành Hiến pháp năm 1992 (thay thế Hiến pháp năm 1980) và Hiến pháp năm 2013, bên cạnh lần sửa đổi, bổ sung Hiến pháp vào năm 2001. Từ ngày 01/01/1987 đến ngày 31/12/2019 (33 năm), Việt Nam đã ban hành được 616 luật, pháp lệnh, gấp hơn 9 lần so với số luật, pháp lệnh được ban hành trong 41 năm trước đó (63 luật, pháp lệnh).

Cho đến nay, tuyệt đại đa số các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội đều có luật điều chỉnh. Trong đó, các đạo luật mang tính rường cột của nước nhà (bên cạnh Hiến pháp) như Bộ luật dân sự, Bộ luật hình sự, Bộ luật tố tụng dân sự, Bộ luật tố tụng hình sự, Luật thương mại, Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư, Bộ luật lao động, Luật bảo vệ môi trường, v.v..

Các hành vi vi phạm pháp luật cũng là những hành vi xâm phạm trật tự của đời sống chính trị, kinh tế - xã hội về cơ bản được nhận diện khá đầy đủ, có các biện pháp chế tài tương xứng. Điều đó thể hiện rõ trong quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và nay là Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2014, 2018) và hàng chục nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trên các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội. Hệ thống các cơ quan, thiết chế về thanh tra, kiểm tra, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án được xây dựng, đó chính là hệ thống các cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước, cơ quan điều tra (thuộc lực lượng công an, quân đội và kiểm sát), hệ thống viện kiểm sát nhân dân các cấp, hệ thống tòa án nhân dân các cấp và các cơ quan thi hành án hình sự, dân sự và hành chính từ trung ương đến cấp huyện.

Thực tiễn triển khai các đạo luật trên cho thấy, bên cạnh các biện pháp phòng ngừa, công tác phát hiện, điều tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, nhất là tội phạm được quan tâm. Hàng năm, hàng

triệu hành vi vi phạm hành chính được phát hiện và xử lý cùng với hàng chục nghìn vụ án hình sự được điều tra, truy tố, xét xử đúng quy định của pháp luật, góp phần duy trì trật tự, kỷ cương trong toàn xã hội¹. Trong những năm gần đây, nhất là kể từ khi triển khai Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI và Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII, với quyết tâm cao của Đảng và Nhà nước ta, công tác phòng, chống tham nhũng được đẩy mạnh. Từ đầu nhiệm kỳ Đại hội XII của Đảng cho đến cuối năm 2019, Đảng ta đã thi hành kỷ luật hơn 90 cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý, trong đó có 21 đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Ủy viên Trung ương Đảng (2 Ủy viên Bộ Chính trị), 22 sĩ quan cấp tướng trong lực lượng vũ trang². Qua thanh tra, kiểm toán đã phát hiện vi phạm, kiến nghị thu hồi, xử lý tài chính 135.816 tỉ đồng và trên 897 ha đất, kiến nghị xử lý hành chính đối với 1.967 tập thể và nhiều cá nhân³.

Bên cạnh đó, các tranh chấp dân sự, hôn nhân, gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động được giải quyết theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật hòa giải ở cơ sở, v.v. nhằm góp phần duy trì sự ổn định xã hội, ngăn ngừa khả năng biến các tranh chấp nhỏ trong nhân dân thành các tranh chấp lớn, biến các tranh chấp lớn thành các vụ án hình sự.

Có thể nói, đến nay, về cơ bản, nước ta đã giữ vững kỷ luật, kỷ cương trong Đảng và kỷ luật, kỷ cương trong xã hội.

3. Đấu tranh với các luận điệu xuyên tạc về dân chủ gắn với kỷ cương, kỷ luật

Trong tiến trình cách mạng, Đảng ta gắn bó máu thịt với nhân dân, được nhân dân tín nhiệm, lãnh đạo nhân dân ta đi từ thắng lợi này tới

1. Báo cáo số 322/BC-BTP, ngày 15/11/2017 của Bộ Tư pháp về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2017.

2, 3. Xem Hiền Hòa: "Năm 2020, công tác phòng, chống tham nhũng cần quyết liệt hơn, hiệu quả hơn", <http://dangcongsan.vn/xay-dung-dang/nam-2020-cong-tac-phong-chong-tham-nhung-can-quyet-liet-hon-hieuqua-hon-546908.html>.

thắng lợi khác. Những thành tựu đặc biệt đó trong quá trình lãnh đạo, cầm quyền của Đảng củng cố niềm tin của nhân dân vào tiền đồ của dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng. Tuy nhiên, bên cạnh thừa nhận tiến trình phát triển của Việt Nam, ghi nhận sự phát triển của Việt Nam, động viên sự phát triển của Việt Nam, vẫn còn một số luận điệu xuyên tạc việc phát huy dân chủ gắn với kỷ luật, kỷ cương trong xã hội của Việt Nam. Các thế lực thù địch tìm mọi thủ đoạn để phủ nhận thành tựu cách mạng, hạ thấp vai trò, uy tín của Đảng, chia rẽ mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với nhân dân. Chúng tung ra nhiều luận điệu xuyên tạc Đảng và chế độ ta, xuyên tạc cách chúng ta xử lý vấn đề phát huy dân chủ gắn với tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong Đảng và trong xã hội.

Dựa vào việc có một bộ phận cán bộ, đảng viên, nhất là đảng viên ở trong bộ máy công quyền, do thiếu tu dưỡng, có biểu hiện hách dịch, cửa quyền, chúng gán cho Đảng ta đã biến chất, xa rời nhân dân, không tôn trọng quyền dân chủ của nhân dân. Chúng thậm chí vu cáo chế độ ta là chế độ dân chủ giả hiệu! Đòi Đảng ta phải trả lại cho nhân dân quyền dân chủ!

Dựa vào sự kiện có một bộ phận cán bộ, đảng viên, nhất là đảng viên ở vị trí lãnh đạo, suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, có lúc chưa được phát hiện để xử lý kịp thời, chúng gán cho Đảng ta buông lỏng kỷ luật, kỷ cương, bao che cho cán bộ, đảng viên sai phạm, duy trì “vùng cấm” trong xử lý vi phạm. Thêm vào đó, khi Đảng ta đẩy mạnh công cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, làm trong sạch Đảng, chúng lại xuyên tạc, vu khống Đảng ta thực hiện việc “đấu đá phe nhóm”, “thanh trừng nội bộ”, ra sức đòi Đảng ta phải thực hiện chế độ dân chủ đa đảng đối lập và đòi xây dựng hệ thống pháp luật theo mô hình của chế độ tư bản.

Có thể nói, những luận điệu trên là sự xuyên tạc hết sức trắng trợn và phạm phải sai lầm rất nghiêm trọng về phương pháp luận.

Các thế lực thù địch cố ý bỏ qua thực tế chính Đảng ta đã nhận thức rất rõ bài học quan trọng rằng “quan liêu, tham nhũng, xa rời nhân dân

sẽ dẫn đến những tổn thất khôn lường đối với vận mệnh của đất nước, của chế độ xã hội chủ nghĩa và của Đảng”¹, vì thế, Đảng và Nhà nước luôn kiên quyết chống quan liêu, tham nhũng, xây dựng đội ngũ cán bộ liêm chính, phục vụ nhân dân; những cán bộ, đảng viên tha hóa, biến chất, có hành vi quan liêu, tham nhũng, xa rời nhân dân không bao giờ và chưa khi nào đủ tư cách đại diện cho bản chất của Đảng ta. Các thế lực thù địch cũng cố tình phủ nhận quyết tâm đấu tranh phòng, chống tham nhũng của Đảng ta. Thực tiễn xử lý các trường hợp đảng viên sai phạm, trong đó có cả những đảng viên từng giữ cương vị Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Trung ương Đảng, nhiều tướng lĩnh trong công an và quân đội cho thấy sự nghiêm minh, kiên quyết “không có vùng cấm” mà các cấp lãnh đạo cao nhất của Đảng ta đã thể hiện. Những kết quả của cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng thời gian qua là bằng chứng thuyết phục nhất đập tan những luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch.

Cần phê phán việc áp đặt hoặc sử dụng không đúng đắn quan điểm từ bên ngoài để nhìn nhận, đánh giá về vị trí, vai trò của nhà nước trong mối quan hệ với nhân dân vào thực tiễn nước ta. Do quá đề cao tự do cá nhân, trong quan niệm của nhiều học giả phương Tây, nhà nước bị nhìn nhận như là lực lượng “bên ngoài” cá nhân, đối địch hoặc xâm phạm quyền tự do cá nhân. Chính vì thế, mối quan hệ giữa nhà nước với cá nhân công dân nhiều khi trở nên đối đầu hoặc thù địch. Điều này hoàn toàn xa lạ với thực tiễn hình thành nền mối quan hệ giữa Nhà nước với nhân dân. Bộ máy nhà nước ta được hình thành bằng con đường dân chủ phổ thông đầu phiếu với cuộc tổng tuyển cử đầu tiên được tổ chức vào ngày 06/01/1946 (chỉ sau 4 tháng kể từ khi Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản *Tuyên ngôn độc lập*). Chế độ bầu cử phổ thông đầu phiếu đó được duy trì ở nước ta kể từ đó tới nay. Với truyền thống “đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết”, bộ máy nhà nước do nhân dân lập

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr.65.

nên, được nhân dân ủng hộ, che chở, đùm bọc; đồng thời Nhà nước ấy, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đã tổ chức nhân dân tiến hành các cuộc đấu tranh cách mạng, giành được những thành tựu vĩ đại. Mặc dù không phải không có những lúc mắc sai lầm, khuyết điểm, nhưng với bản chất của dân, do dân và vì dân, Đảng và Nhà nước đã kịp thời nhận diện và khắc phục, sửa chữa theo ý nguyện của nhân dân. Bởi thế, mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân là mối quan hệ gắn bó keo sơn đặc biệt. Quan hệ máu thịt giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân được xem là cội nguồn sức mạnh không chỉ của Đảng, Nhà nước mà còn của cả dân tộc Việt Nam. Gần đây nhất, việc Việt Nam kiểm soát và đẩy lùi được đại dịch Covid-19 nhờ sự đồng lòng giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân và cả hệ thống chính trị càng minh chứng rõ điều này. Đây là điều mà không hệ thống chính trị nào của các quốc gia phương Tây có được và cần được xem là nét đặc sắc trong văn hóa chính trị của Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh. Bỏ qua thực tế chính trị ấy, hoặc cố ý bôi đen hiện thực, các thế lực thù địch mặc dù ra sức chống phá chế độ ta, xuyên tạc thành quả cách mạng của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta, nhưng chắc chắn, những âm mưu ấy của chúng sẽ thất bại.

Ngoài ra, các thế lực thù địch vẫn luôn xuyên tạc luận điệu rất cũ rích, dân chủ chỉ có được trong điều kiện đa đảng. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy, nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lập nên chế độ dân chủ. Cuộc kháng chiến chống thực dân, để quốc đã cho thấy sức mạnh của việc phát huy dân chủ, huy động sự tham gia rộng rãi của nhân dân. Tiến trình cải cách, đổi mới đất nước, suy cho cùng cũng là quá trình vận động dân chủ, phát huy sức mạnh của nhân dân. Nhờ các sáng kiến của nhân dân, sự nỗ lực của nhân dân, sự phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong lĩnh vực kinh tế cùng các lĩnh vực khác có liên quan, nước ta vươn lên đạt nhiều thành tựu về kinh tế. Ngày nay, Việt Nam là một quốc gia có nền kinh tế thị trường năng động, là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), có quan hệ đối tác chiến lược hoặc đối tác toàn diện với tất cả

các nước trong Thường trực Hội đồng bảo an Liên hợp quốc, có quan hệ ngoại giao với 185 quốc gia¹, có quan hệ kinh tế - thương mại rộng mở với tất cả các quốc gia trong G7², OECD³, G20, EU và tuyệt đại đa số các quốc gia còn lại trên thế giới, cùng với Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (đang trong tiến trình xây dựng và hoàn thiện) dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Có thể nói, những thành tựu mà đất nước và nhân dân ta đạt được trong suốt chiều dài lịch sử dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong đó có những thành tựu có ý nghĩa lịch sử của gần 35 năm đổi mới, bám sát vào điều kiện địa chính trị rất cụ thể của nước ta, cho thấy Việt Nam đã xây dựng được hệ thống chính trị phù hợp.

4. Kiến nghị một số giải pháp tiếp tục phát huy dân chủ gắn với tăng cường kỷ luật, kỷ cương

Thứ nhất, vấn đề phát huy dân chủ và tăng cường kỷ luật, kỷ cương ở nước ta chỉ được giải quyết một cách đúng đắn và trọn vẹn nếu dựa vào tư duy và phương pháp luận biện chứng mácxít. Theo đó, việc xây dựng và phát huy dân chủ hoặc thực hiện các phương thức dân chủ cần nhín nhện, gắn với điều kiện lịch sử, văn hóa, chính trị và trình độ phát triển của mỗi quốc gia, dân tộc. Nền dân chủ phù hợp nhất cho Việt Nam phải là nền dân chủ do chính nhân dân Việt Nam xây dựng nên chứ không thể là sự sao chép hoặc áp đặt mô hình dân chủ của bất cứ quốc gia nào khác. Các phương thức thực hiện dân chủ phù hợp nhất sẽ được tìm ra từ chính thực tiễn thực hiện dân chủ của Việt Nam. Điều đó có nghĩa là, thực tiễn xây dựng nền dân chủ hoặc phát huy dân chủ

1. Xem Hoa Nguyễn: "Để nâng tầm đối ngoại đa phương Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế", <http://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/quoc-phong-an-ninh-oi-ngoai1/-/2018/815723/de-nang-tam-doi-ngoai-da-phuong-viet-nam-trong-boi-canh-toan-cau-hoa-va-hoi-nhap-quoc-te.aspx>.
2. 7 quốc gia công nghiệp phát triển: Hoa Kỳ, Anh, Đức, Pháp, Nhật Bản, Italia và Canada.
3. Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế là diễn đàn hợp tác của 34 quốc gia có nền kinh tế thị trường phát triển nhất thế giới, bao gồm các nước G7 còn có các quốc gia khác như Ôxtrâylia, Niu Di Lan, Hàn Quốc, v.v..

hiện nay, dù đó là trong lĩnh vực chính trị hay kinh tế và xã hội, vẫn luôn còn những dư địa để đổi mới, hoàn thiện nhưng việc đổi mới, hoàn thiện ấy phải xuất phát từ sự phân tích kỹ nhu cầu, thực tiễn, trình độ phát triển của Việt Nam. Giải pháp đưa ra phải phù hợp với truyền thống lịch sử, văn hóa và thực tiễn chính trị của Việt Nam và phải là sự sáng tạo của chính người Việt Nam.

Thứ hai, cần tiếp tục nghiên cứu, học tập, quán triệt, thẩm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ, vận dụng sáng tạo những di sản tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ trong hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, bảo đảm dân chủ thực sự là bản chất của chế độ ta, là mục tiêu và là động lực của công cuộc đổi mới.

Thứ ba, thực hiện đúng chủ trương mà Đại hội XII của Đảng đã khẳng định: “Tiếp tục phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Mọi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phải xuất phát từ nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, được nhân dân tham gia ý kiến. Dân chủ phải được thực hiện đầy đủ, nghiêm túc trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Bảo đảm để nhân dân tham gia ở tất cả các khâu của quá trình đưa ra những quyết định liên quan đến lợi ích cuộc sống của nhân dân, từ nêu sáng kiến, tham gia thảo luận, tranh luận đến giám sát quá trình thực hiện. Tập trung xây dựng những văn bản pháp luật liên quan trực tiếp đến quyền làm chủ của nhân dân”¹.

Thứ tư, cần tiếp tục đầu tư cho công tác tổng kết thực tiễn xây dựng, vận hành nền dân chủ ở Việt Nam, kịp thời phát hiện những biểu hiện và căn nguyên của biểu hiện dân chủ hình thức hoặc dân chủ mang tính dân túy, dân chủ không gắn với kỷ luật, kỷ cương để kịp thời uốn nắn, căn chỉnh. Tiếp tục hoàn thiện các quy định về bầu cử trong các tổ chức của hệ thống chính trị, bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân, bảo đảm người thực hiện quyền bầu cử được biết đầy đủ hơn

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.169.

thông tin về những người ứng cử đồng thời quy định rõ hơn cơ chế giám sát, quy trách nhiệm đối với các đại biểu trúng cử trong việc thực thi chức trách của mình cũng như trong việc thực hiện cam kết của mình khi vận động bầu cử.

Đẩy mạnh việc thực hiện có hiệu quả các quy định pháp luật về bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền công dân, quyền khiếu nại, tố cáo, khởi kiện quyết định của cơ quan công quyền, bảo đảm đúng tinh thần Văn kiện Đại hội XII. Theo đó, pháp luật không chỉ là công cụ để Nhà nước quản lý xã hội mà còn là công cụ để nhân dân kiểm tra, giám sát việc thực hiện quyền lực nhà nước. Cần tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, gỡ bỏ các điều kiện đầu tư kinh doanh bất hợp lý, các thủ tục hành chính phức tạp, cải thiện môi trường cạnh tranh quốc gia, nâng cao thêm thứ hạng môi trường cạnh tranh quốc gia trong các bảng xếp hạng quốc tế để người dân được thụ hưởng nền hành chính trong sạch, chuyên nghiệp, phục vụ người dân, kiến tạo phát triển.

Thứ năm, tiếp tục hoàn thiện các quy định về kỷ luật trong Đảng, hoàn thiện pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính, xử lý tội phạm, giải quyết tranh chấp, đầu tư tương xứng với các thiết chế thi hành pháp luật (các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án) để mọi vi phạm kỷ luật đều được phát hiện và xử lý nghiêm minh, kịp thời. Tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lấy việc duy trì kỷ luật, kỷ cương trong Đảng, trong hệ thống chính trị, trong bộ máy nhà nước làm tiêu chuẩn, làm mục thước để chấn chỉnh trật tự, kỷ cương trong xã hội; kiên quyết, kiên trì và tích cực làm sạch đội ngũ của Đảng, ngăn chặn và đẩy lùi tệ tham nhũng, sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, tình trạng “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ... Mỗi cán bộ, đảng viên cần nghiêm túc thực hiện trách nhiệm nêu gương¹.

1. Xem Phát biểu của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước trong Lễ kỷ niệm 130 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (Báo Chính phủ Điện tử), <http://media.chinhphu.vn/video/nguyen-ke-tuc-thanh-va-xuat-sac-su-nghiep-vi-dai-cua-bac-ho-13775>.

Công tác tổ chức thi hành pháp luật, nhất là công tác phát hiện, điều tra, xử lý vi phạm pháp luật đặc biệt nhạy cảm, trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay, đây có thể là môi trường dễ bị chi phối bởi yếu tố “quan hệ”, “tiền tệ”, từ đó làm sai lệch hiệu quả điều chỉnh pháp luật. Chính vì thế, cần sớm hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực trong hoạt động thi hành pháp luật, nhất là hoạt động thanh tra, kiểm tra hành vi vi phạm, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án, nhằm duy trì môi trường thực sự trong sạch, nghiêm minh trong việc duy trì kỷ luật, kỷ cương của xã hội. Bên cạnh đó, cần kịp thời có giải pháp khắc phục tình trạng quá tải trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án ở nước ta hiện nay.

Dân chủ mang lại sinh khí cho sự tồn tại và phát triển của mỗi cá nhân, tổ chức và toàn xã hội. Kỷ luật và kỷ cương giúp cho mỗi cá nhân, mỗi tổ chức và cả xã hội dễ kết thành một khối thống nhất, làm cộng hưởng và gia tăng sức mạnh cho mỗi thành viên của tổ chức và xã hội. Do đó, phát huy dân chủ gắn với tăng cường kỷ luật, kỷ cương cả trong Đảng, Nhà nước và xã hội không chỉ là tiền đề thiết yếu mà còn là giải pháp có ý nghĩa chiến lược cho sự phát triển bền vững của đất nước và chế độ trong giai đoạn hiện nay.

DÂN CHỦ VỚI TƯ CÁCH LÀ MỘT PHƯƠNG THỨC KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

PGS.TS. TRẦN QUANG HIẾN*

1. Quyền lực, quyền lực nhà nước và dân chủ với tư cách là phương thức kiểm soát quyền lực nhà nước ở Việt Nam hiện nay

a) Quyền lực, quyền lực nhà nước và cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước

Quyền lực là năng lực, khả năng của một tổ chức hay cá nhân, tác động đến hành động, hành vi của những người khác, buộc họ phải thực hiện ý chí của mình thông qua các phương tiện, phương thức. Quyền lực nhà nước là quyền lực chính trị được thực hiện bằng bộ máy nhà nước; nhà nước là cơ quan, là công cụ của quyền lực chính trị, thể hiện một cách tập trung quyền lực chính trị. Quyền lực nhà nước trong xã hội hiện đại bao gồm: quyền lập pháp, quyền hành pháp và quyền tư pháp.

Trong xã hội xã hội chủ nghĩa hay như ở Việt Nam đang trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội: Tất cả quyền lực thuộc về nhân dân. Nhân dân trực tiếp thực hiện một số quyền lực nhất định, như quyền ứng cử, bầu cử, thực hiện các quyền sống, quyền tự do, dân chủ, quyền học hành, đi lại..., còn những quyền chung, như quyền quản lý, điều hành xã hội; quyền quản lý phát triển kinh tế,... thì

* Phó Viện trưởng Viện Nhà nước và Pháp luật, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

nhân dân trao cho các cơ quan, tổ chức do nhân dân lập nên, bầu ra, thậm chí nhân dân trao quyền cho một nhóm hoặc một cá nhân đại diện nhân dân thực hiện¹.

Quyền lực nhà nước là quyền lực được nhân dân trao cho. Điều đặc biệt là quyền lực nhà nước luôn có xu hướng tự mở rộng, tự tăng cường vai trò của mình, dần dần xuất hiện xu thế lạm quyền, chuyên quyền trong việc thực thi quyền lực nhà nước. Để bảo đảm thực thi quyền con người và các quyền cơ bản của công dân, ngăn ngừa hành vi lạm quyền của các chủ thể nắm giữ quyền lực, cần phải thiết lập phương thức kiểm soát quyền lực. Hơn thế nữa, quyền lực nhà nước không phải là một đại lượng có thể cân, đong, đo, đếm xác định được một cách chính xác, để có thể giao quyền một cách cụ thể. Điều đó lại càng đòi hỏi phải kiểm soát quyền lực nhà nước để hạn chế sự lộng quyền, lạm quyền, mâu thuẫn chồng chéo hoặc trùng lắp trong quá trình thực thi quyền lực nhà nước giữa các cơ quan nhà nước, làm cho hiệu lực và hiệu quả thực thi quyền lực nhà nước bị hạn chế. Kiểm soát quyền lực nhà nước là yêu cầu tất yếu của quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân ở Việt Nam hiện nay².

Do bản chất của việc tổ chức quyền lực nhà nước, việc kiểm soát quyền lực nhà nước thường được triển khai thông qua hai cơ chế chủ yếu với nhiều tiểu cơ chế hợp thành:

Một là, cơ chế kiểm soát bên trong hệ thống thực thi quyền lực nhà nước với ba tiểu cơ chế: (1) Kiểm soát bên trong hệ thống tổ chức lập pháp, hành pháp và tư pháp (tự kiểm soát quyền lực trong nội bộ); (2) Kiểm soát của lập pháp, hành pháp và tư pháp với nhau; (3) Kiểm soát của các thiết chế nhà nước khác (nguyên thủ

1. Xem Vũ Văn Phúc: "Quyền lực và kiểm soát quyền lực ở nước ta", <http://tuyengiao.vn/nghien-cuu/quyen-luc-va-kiem-soat-quyen-luc-o-nuoc-ta-120439>, ngày 17/4/2020.
2. Xem Trần Ngọc Đường: "Kiểm soát quyền lực nhà nước trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam", <http://tks.edu.vn/thong-tin-khoa-hoc/chi-tiet/119/669>, ngày 17/4/2020.

quốc gia, chính quyền địa phương...) đối với lập pháp, hành pháp và tư pháp. Đây là cơ chế kiểm soát quyền lực thể hiện rõ tính quyền lực nhà nước, do các cơ quan nắm giữ quyền lực nhà nước thực hiện nhằm bảo đảm quyền lực nhà nước thực thi đúng mục đích, nằm trong quỹ đạo quyền lực nhà nước, không mâu thuẫn hoặc triệt tiêu các phạm vi quyền lực khác.

Hai là, cơ chế kiểm soát từ bên ngoài hệ thống thực thi quyền lực nhà nước, gồm ba tiểu cơ chế: (1) Kiểm soát từ phía các lực lượng chính trị (kiểm soát mang tính trực tiếp của Đảng lãnh đạo trong thể chế nhất nguyên chính trị, còn trong thể chế chính trị đa nguyên, hầu như các đảng chính trị không trực tiếp thực hiện kiểm soát quyền lực nhà nước - về bản chất là loại hoạt động phi chính trị); (2) Giám sát của các thiết chế thuộc xã hội công dân (các nhóm, đoàn thể, tổ chức xã hội) với tư cách là sự tập hợp theo nhóm của các cá nhân nắm quyền lực nhân dân - chủ thể gốc của quyền lực nhà nước; (3) Giám sát của các cá nhân và các chủ thể khác. Đây là cơ chế kiểm soát mang tính xã hội, nhìn từ phía xã hội để phát hiện những sai trái trong tổ chức và hoạt động của chủ thể nắm quyền lực nhà nước nhằm bảo đảm cho quyền lực nhà nước được thực thi và đạt được mục đích cuối cùng. Tuy mang tính xã hội nhưng bản thân hoạt động kiểm soát từ phía xã hội vẫn là một loại hoạt động quyền lực, bởi các chủ thể thực hiện kiểm soát là những chủ thể mang quyền lực (quyền lực nhân dân, quyền lực chính trị) và mục tiêu của hoạt động kiểm soát là giám sát để bảo đảm quyền lực nhà nước được vận hành trong phạm vi quỹ đạo của quyền lực nhân dân. Vì vậy, cơ chế kiểm soát từ bên ngoài hệ thống thực thi quyền lực nhà nước thường được hiểu là cơ chế giám sát chính trị - xã hội¹.

1. Xem Đào Trí Úc (Chủ nhiệm): "Báo cáo tổng hợp Đề tài khoa học xã hội cấp Nhà nước", xây dựng cơ chế pháp lý bảo đảm sự kiểm tra, giám sát của nhân dân đối với hoạt động của bộ máy Đảng, Nhà nước và các thiết chế tổ chức trong hệ thống chính trị, mã số KX10-07, 2006.

b) Dân chủ với tư cách là phương thức kiểm soát quyền lực nhà nước ở Việt Nam hiện nay

Theo cách hiểu thông dụng, ở Việt Nam “dân chủ là hình thức tổ chức thiết chế chính trị của xã hội dựa trên việc thừa nhận nhân dân là nguồn gốc của quyền lực, thừa nhận nguyên tắc bình đẳng và tự do. Dân chủ cũng được vận dụng vào các tổ chức và hoạt động của những tổ chức và thiết chế xã hội nhất định”¹.

Dân chủ xã hội chủ nghĩa được biểu hiện rõ nét thông qua việc không ngừng mở rộng quyền dân chủ của công dân trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội; là mục tiêu cao cả mà Đảng và Nhà nước ta luôn hướng tới, quyết tâm biến nó thành hiện thực. Dân chủ là thuộc tính thể hiện bản chất của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, đồng thời là mục tiêu và động lực phát triển của đất nước. Một trong những biểu hiện đầy đủ, mang tính bản chất của việc phát huy các giá trị của dân chủ trong sự phát triển của xã hội ở nước ta là quyền làm chủ của nhân dân ta ngày càng được nâng cao. Hiệu quả của việc kiểm soát quyền lực được thực hiện thông qua việc thực thi thực chất, đầy đủ và rộng rãi quyền làm chủ của nhân dân, cả dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện; thực hiện nghiêm phương châm: “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, giám sát, thụ hưởng”. Thực hiện dân chủ đầy đủ, rộng rãi đã trở thành một yêu cầu khách quan, một động lực của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là quá trình tất yếu diễn ra nhằm xây dựng, phát triển và hoàn thiện dân chủ, đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng của nhân dân. Một trong những thành tựu đáng ghi nhận ở nước ta đó là *hệ thống thể chế về dân chủ với tư cách là phương thức kiểm soát quyền lực* được xây dựng ngày càng đồng bộ, đầy đủ, hoàn thiện hơn.

Trong những năm qua, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đã xây dựng và phát triển nền dân chủ xã hội chủ nghĩa tốt đẹp, công bằng,

1. Văn bản hướng dẫn xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, Nxb. Xây dựng, Hà Nội, 2002, tr.89.

văn minh, tạo ra những điều kiện thuận lợi để nhân dân tham gia một cách rộng rãi vào các hoạt động quản lý nhà nước, quản lý xã hội¹. Bên cạnh việc ghi nhận trong Hiến pháp quyền của công dân tham gia vào công việc quản lý nhà nước, quản lý xã hội, nhiều văn bản quy phạm pháp luật, như Luật bầu cử đại biểu Quốc hội; Luật bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân; Luật tổ chức Quốc hội; Luật tổ chức Chính phủ; Luật tổ chức chính quyền địa phương; Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Luật khiếu nại, Luật tố cáo; Luật phòng, chống tham nhũng; Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn..., cũng quy định cụ thể các điều kiện, phương thức để công dân tham gia vào hoạt động quản lý nhà nước, quản lý xã hội. Các văn bản quy phạm pháp luật về các tổ chức chính trị - xã hội, như Luật Mật trận Tổ quốc Việt Nam, Luật công đoàn, Luật thanh niên, Pháp lệnh cựu chiến binh... cũng cụ thể hóa quy định của Hiến pháp về vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội tham gia công việc quản lý nhà nước và xã hội.

- Điều 25 Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW) của Liên hợp quốc quy định: mọi công dân đều có quyền và cơ hội để tham gia vào việc điều hành các công việc xã hội một cách trực tiếp hoặc thông qua các đại diện được họ tự do lựa chọn. Với tư cách là thành viên tham gia Công ước, Việt Nam đã cam kết tôn trọng và bảo đảm cho mọi người trong phạm vi lãnh thổ và thẩm quyền pháp lý của mình các quyền đã được công nhận trong Công ước. Điều 25 Hiến pháp năm 2013 quy định: “Công dân có quyền tự do ngôn luận”. Điều 28 Hiến pháp năm 2013 quy định: “Công dân có quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận và kiến nghị với cơ quan nhà nước về các vấn đề của cơ sở, địa phương và cả nước” và một trong những nội dung của việc “tham gia quản lý nhà nước chính là việc nhân dân tham gia xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật”. Giám sát xã hội chính là bước phát triển cao của hình thức nhân dân chủ động

1. Xem Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật của Chính phủ: Đặc san tuyên truyền pháp luật, 2012.

tham gia giám sát, góp ý trong quá trình hoạch định và thực thi chính sách mà Việt Nam đã và đang cam kết thực hiện.

Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Nhân dân có quyền và có trách nhiệm giám sát sự lãnh đạo của Đảng, góp phần kiểm soát quyền lực của Nhà nước thông qua Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội. Khoản 2, Điều 4 Hiến pháp năm 2013 cũng đã quy định, Đảng phải “gắn bó mật thiết với Nhân dân, phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân về những quyết định của mình”. Thực tiễn ở nước ta trong thời gian qua cho thấy, dân chủ ngày càng được mở rộng và phát huy, thông qua đó nhân dân kiểm soát quyền lực nhà nước bằng nhiều phương thức, với nhiều nội dung khác nhau. Biểu hiện cụ thể:

- Nhân dân là người kiểm soát quyền lực nhà nước, vì quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức không tự nhiên có quyền lực, mà về bản chất đó là việc nhận sự ủy quyền của nhân dân, thay mặt nhân dân thực thi quyền lực nhà nước để phục vụ lợi ích của nhân dân. Nhân dân thực hiện quyền làm chủ thông qua hệ thống chính trị mà chủ yếu là thông qua Nhà nước, với các hình thức dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện.

- Nhân dân kiểm soát quyền lực thông qua Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và được thực hiện trước hết ở việc phản biện các chính sách của Đảng và Nhà nước. Quy định số 217-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị cần phải được triển khai nghiêm túc. Theo đó, nhân dân không chỉ góp ý như trước đây mà còn phản biện xã hội nhằm phát hiện những nội dung còn thiếu, chưa sát, chưa đúng, chưa phù hợp trong các văn bản dự thảo của các cơ quan Đảng, Nhà nước; kiến nghị những nội dung thiết thực, góp phần bảo đảm tính đúng đắn, phù hợp với thực tiễn đời sống xã hội và tính hiệu quả trong việc hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Quyền hạn lớn nhất của nhân dân là bầu và bãi miễn các chức vụ quan trọng trong cơ quan nhà nước - một biểu hiện của hình thức

dân chủ trực tiếp. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam được tổ chức thông qua bầu cử dân chủ. Đây là hình thức kiểm soát quyền lực nhà nước quan trọng nhất. Người dân có quyền, trách nhiệm và điều kiện để lựa chọn những người đại diện thực hiện sứ mệnh của nhân dân; có quyền giám sát họ thực thi nhiệm vụ và có quyền bãi miễn khi họ không còn xứng đáng. Với tư cách là đảng chính trị, Đảng lựa chọn đảng viên giới thiệu ra ứng cử, để nhân dân bầu, thực sự bảo đảm và phát huy dân chủ, không phô trương, hình thức, bảo đảm tăng cường hình thức dân chủ trực tiếp. Vì thế, cần sớm hoàn tất các căn cứ pháp lý để thí điểm nhân dân bầu trực tiếp Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã. Các quy trình bầu cử chủ yếu phải dựa vào nhân dân, xuất phát từ nhân dân, coi trọng sự tín nhiệm của nhân dân chứ không phải là một hình thức hợp pháp hóa “quy trình” nhân sự của Đảng¹.

- Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm đến việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Pháp luật Việt Nam ghi nhận rộng rãi các quyền dân chủ của công dân. Cụ thể, Hiến pháp năm 2013 quy định các quyền của công dân trong lĩnh vực chính trị, trong đó có những quyền năng gắn với mục tiêu và để hiện thực hóa mục tiêu mở rộng dân chủ, phát huy quyền của người dân trong việc kiểm soát quyền lực, như: Quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình (Điều 25); quyền bầu cử và quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân (Điều 27); quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội (Điều 28); quyền tham gia thảo luận và kiến nghị với cơ quan nhà nước về các vấn đề của cơ sở, địa phương và cả nước (Điều 28); quyền khiếu nại, tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về những việc làm trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân (Điều 30). Đây là các quyền cơ bản của

1. Xem Nguyễn Minh: "Kiểm soát quyền lực trong thực hiện cơ chế "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ": Lý luận và thực tiễn", <https://www.moha.gov.vn/nghi-quyet-tw4/tin-noi-bat-nqtw4/kiem-soat-quyen-luc-trong-thuc-hien-co-che-dang-40514.html>.

công dân Việt Nam trong lĩnh vực chính trị, được Hiến pháp ghi nhận và được bảo đảm thực hiện có hiệu quả trong thực tiễn quản lý nhà nước và xã hội.

- Nhân dân còn kiểm soát quyền lực của Đảng và Nhà nước thông qua việc góp ý, tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước. Nhiều nội dung cụ thể để phát huy dân chủ, phát huy vai trò của nhân dân trong kiểm soát quyền lực, nhất là trong công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, như quy định việc công khai Bản cam kết rèn luyện, giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống, không suy thoái, không “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” của cán bộ, đảng viên; bản kê khai tài sản, thu nhập của cán bộ lãnh đạo, quản lý và người phải kê khai theo quy định. Ngoài ra, nhân dân còn theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các Quy định số 47-QĐ/TW, ngày 01/11/2011, Quy định số 08-QĐ/TW, ngày 25/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương; Quy định số 55-QĐ/TW, ngày 19/12/2016, Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 28/8/2018 của Bộ Chính trị; Quy định số 101-QĐ/TW, ngày 07/6/2012 của Ban Bí thư.

Tuy nhiên, hiện nay vẫn còn một số vấn đề tiếp tục đặt ra xung quanh việc phát huy dân chủ với tư cách là một phương thức kiểm soát quyền lực ở Việt Nam với việc phát huy và bảo vệ quyền dân chủ của người dân trong tham gia quản lý nhà nước và kiểm soát quyền lực:

Một là, vẫn chưa xác định được rõ giới hạn quyền tham gia quản lý nhà nước của các cơ quan đại diện của nhân dân. Do vậy, nhân dân ủy quyền nhưng có xu hướng nhân dân không thể kiểm soát được việc thực hiện quyền tham gia quản lý nhà nước của các cơ quan này...

Hai là, việc phản biện đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước cũng như tổ chức lấy ý kiến của nhân dân về dự án luật, pháp lệnh vẫn chưa được thực hiện một cách đồng bộ, có hệ thống và ít nhiều còn mang tính hình thức...

Ba là, cơ chế để bảo vệ những người tham gia vào quá trình kiểm soát việc thực hiện quyền lực nhà nước, như trong hoạt động phòng, chống tham nhũng, lãng phí, khiếu nại, tố cáo... chưa thực sự hữu hiệu.

2. Nhận diện luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch liên quan về dân chủ với tư cách là một phương thức kiểm soát quyền lực ở Việt Nam hiện nay

Trong thời gian qua, các thế lực thù địch tập trung công kích, chống phá Đảng, Nhà nước và nhân dân ta bằng nhiều thủ đoạn nham hiểm, tinh vi, xảo quyệt theo các nhóm vấn đề cơ bản sau:

Một là, vấn đề xây dựng “xã hội công dân” và quyền dân chủ trong quản lý nhà nước và xã hội. Các thế lực thù địch tập trung phê phán chế độ xã hội chủ nghĩa, thổi phồng học thuyết tam quyền phân lập, coi đó là phương thức lý tưởng để kiểm soát quyền lực nhà nước; cổ xúy cho “xã hội công dân” theo kiểu phương Tây. Dưới chiêu bài cũ là ca ngợi nền dân chủ phương Tây trong quản lý nhà nước và xã hội, phê phán cái gọi là thiếu dân chủ trong quản lý nhà nước, quản lý xã hội; dấn chứng những mặt trái của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, họ kích động, thúc đẩy sự xuất hiện các tổ chức chính trị đối lập với âm mưu hướng tới mục tiêu đa nguyên, đa đảng; hậu thuẫn các “hội”, các “nhóm” dưới chiêu bài cổ xúy “xã hội công dân” theo kiểu phương Tây nhằm nuôi dưỡng và phát triển các “hội”, các “nhóm” để trao đổi, cung cấp thông tin qua mạng xã hội, định hướng viết bài, tổ chức các hoạt động chống phá cách mạng.

Hai là, các thế lực thù địch tập trung chống phá ta liên quan đến vấn đề nhân quyền. Một số nước phương Tây đưa ra những chiêu bài, như “nhân quyền cao hơn chủ quyền quốc gia”, “nhân quyền không biên giới”, “nhân quyền về bản chất không còn được coi là công việc nội bộ của một quốc gia”. Thậm chí, họ còn lấp liếm rằng, cộng đồng quốc tế “có quyền” can thiệp vào bên trong lãnh thổ quốc gia để “bảo vệ” nhân quyền, can thiệp “nhân đạo”, mặc dù điều này đã bị nhiều quốc gia và tổ chức trên thế giới phản đối. Ngay cả khi quan hệ Việt Nam - Mỹ đã được nâng cấp thành *quan hệ đối tác toàn diện*, một số đối tượng trong chính quyền Mỹ vẫn còn tuyên bố: *Vấn đề nhân quyền vẫn sẽ là trọng tâm của sự bang giao giữa Mỹ và Việt Nam*; không ít kẻ cho rằng,

sự khác biệt về nhân quyền giữa Việt Nam và Mỹ đã cản trở mối giao hảo giữa hai nước và sự tiến bộ chậm chạp về nhân quyền đã làm tắc nghẽn sự phát triển của Việt Nam.

Ba là, luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch tập trung chống phá thông qua lợi dụng quyền tự do báo chí, quyền tiếp cận thông tin. Một số cơ quan thông tấn báo chí và mạng xã hội nước ngoài đưa các tin, bài vu cáo chúng ta vi phạm nhân quyền, đòn áp tôn giáo. Hiện nay ở bên ngoài có 52 đài phát thanh và truyền hình có chương trình Việt ngữ, mạng điện tử, 429 tờ báo, tạp chí, trên 40 nhà xuất bản tập trung tuyên truyền chống phá nước ta¹.

Bốn là, trước thềm Đại hội Đảng, các thế lực thù địch tung tin đồn nhiễu đồng chí lãnh đạo các cấp với những nghi án tham nhũng, sân sau,... âm mưu làm suy giảm uy tín cá nhân lãnh đạo, gây mất đoàn kết nội bộ; làm nhiễu loạn thông tin, gây hoang mang dư luận trong xã hội ở nước ta.

Cần nhận diện rõ các đối tượng đang ra sức lợi dụng dân chủ, nhân quyền để chống phá chế độ của ta và nói xấu các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước. Họ chỉ là một số người đang sống ở nước ngoài và cả ở trong nước.

Hiện nay, nước ta có hơn 4,5 triệu kiều bào đang sinh sống ở nước ngoài. Đại bộ phận những người Việt Nam định cư ở nước ngoài tuân thủ luật pháp nước sở tại, chịu khó học tập, làm việc, có những đóng góp tích cực xây dựng quê hương, đất nước; trong đó không ít Việt kiều thành đạt đã trở về Tổ quốc, đóng góp tích cực để xây dựng quê hương, đất nước. Thế nhưng cũng vẫn còn một bộ phận vẫn nuôi tham vọng quay trở lại nắm quyền lực và thực hiện các mưu đồ xấu hoặc bị kích động, lôi kéo. Họ đã móc nối, cấu kết với các thế lực thù địch, ra sức thực hiện “diễn biến hòa bình”, hòng gây bạo loạn, lật đổ chế độ.

1. Xem Vũ Văn Hiền: “Nhận rõ các luận điệu sai trái, thù địch để kiên quyết đấu tranh bác bỏ”, <http://tuyengiao.vn/bao-ve-nen-tang-tu-tuong-cua-dang/nhan-ro-cac-luan-dieu-sai-trai-thu-dich-de-kien-quyet-dau-tranh-bac-bo-124229>, ngày 15/4/2020.

Đặc điểm chung của những người này là ra sức tung tin, đồn thổi, bôi nhọ đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cao cấp của Đảng, Nhà nước ta; tuyên truyền, cổ xúy cho dân chủ, nhân quyền theo mô hình phương Tây, nhưng bản thân họ lại chuyên đấu đá, xâu xé quyền lực, phát ngôn thiếu thiện chí. Điển hình như cái gọi là tổ chức “Chính phủ quốc gia Việt Nam lâm thời”, với những tuyên truyền xuyên tạc và chỉ đạo thực hiện các hoạt động khủng bố. Ngay cả cái gọi là “đảng Việt Tân” cũng luôn tuyên truyền là sử dụng các biện pháp hòa bình để thực hiện dân chủ, nhân quyền và thay đổi chế độ, nhưng thực chất đó lại là một tổ chức khủng bố quốc tế¹.

3. Luận điểm đấu tranh phản bác đối với luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch liên quan về dân chủ với tư cách là một phương thức kiểm soát quyền lực ở Việt Nam hiện nay

Một là, những vấn đề liên quan về quyền dân chủ của công dân trong quản lý nhà nước và xã hội; về vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Thực tế ở nước ta, quyền dân chủ của công dân tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia kiểm soát quyền lực đã được ghi nhận rộng rãi trong các văn bản quy phạm pháp luật, như: Hiến pháp, Luật bình đẳng giới, Luật báo chí, Luật tiếp cận thông tin, Luật trưng cầu ý dân, Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn,... Hiến pháp năm 2013 gồm 11 chương với 120 điều, riêng chế định về quyền con người, quyền công dân đã có tới 36 điều. Đặc biệt, Hiến pháp năm 2013 đã lần đầu tiên hiến định *nguyên tắc về giới hạn quyền* tại khoản 2, Điều 14². Đây là nguyên tắc đã được nêu trong các văn kiện và điều ước quốc tế, như Điều 29 Tuyên ngôn toàn thế giới về quyền con người

-
1. Xem Hoàng Minh Thảo: “Đừng lợi dụng dân chủ để tuyên truyền xuyên tạc”, <http://www.qdnd.vn/chong-dien-bien-hoa-binh/thanh-tuu-nhan-quyen-viet-nam/dung-loi-dung-dan-chu-de-tuyen-xuyen-tac-604777>, ngày 15/4/2020.
 2. Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng.

năm 1948¹, Điều 4 Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa năm 1966², và một số điều trong Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị năm 1966³...

Các thế lực thù địch đưa ra chiêu bài đấu tranh “ôn hòa”, “phi bạo lực”, ra vẻ suy tôn Đảng Cộng sản Việt Nam là “tổ chức chính trị không thể thay thế ở Việt Nam”... nhưng lại đưa ra một yêu cầu phi lý là Đảng ta phải thay đổi *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)*, mà thực chất là đòi hỏi Đảng ta phải “tự từ bỏ” vai trò Đảng cầm quyền. Tuy nhiên, *Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011)* của Đảng đã nêu rõ 8 đặc trưng của chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta xây dựng, trong đó hai đặc trưng đầu tiên là: 1) Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; 2) Do nhân dân làm chủ... Trên thế giới, nhiều văn kiện quốc tế quan trọng cũng không cho phép can thiệp vào các công việc đối nội hoặc đối ngoại của một quốc gia khác, ví dụ Tuyên bố về những nguyên tắc của luật quốc tế điều chỉnh quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa các quốc gia phù hợp với Hiến chương Liên hợp quốc năm 1970.

Hai là, về vấn đề quyền con người, quyền công dân.

Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam đã tham gia nhiều văn kiện, điều ước quốc tế quan trọng nhất liên quan đến quyền con người:

1. Điều 29 Tuyên ngôn quy định: “1) Ai cũng có nghĩa vụ đối với cộng đồng, trong đó nhân cách của mình có thể được phát triển một cách tự do và đầy đủ; 2) Trong khi hành xử những quyền tự do của mình, ai cũng phải chịu những giới hạn do luật pháp đặt ra ngõ hầu những quyền tự do của người khác cũng được thừa nhận và tôn trọng, những đòi hỏi chính đáng về đạo lý, trật tự công cộng và an lạc chung trong một xã hội dân chủ cũng được thỏa mãn; 3) Trong mọi trường hợp, những quyền tự do này không thể hành xử trái với những mục tiêu và tôn chỉ của Liên hợp quốc”.
2. Điều 4 Công ước quy định: “Các quốc gia thành viên thừa nhận rằng, trong khi xác định các quyền mà mỗi cá nhân được hưởng phù hợp với các quy định của Công ước này, mỗi quốc gia chỉ có thể đặt ra những hạn chế bằng các quy định pháp luật trong chừng mực những hạn chế ấy không trái với bản chất của các quyền nói trên và hoàn toàn vì mục đích thúc đẩy phúc lợi chung trong một xã hội dân chủ”.
3. Ví dụ: khoản 3, Điều 12 Công ước quy định: “3. Những quyền trên đây sẽ không phải chịu bất kỳ hạn chế nào, trừ những hạn chế do luật định và là cần thiết để bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự công cộng, sức khỏe hoặc đạo đức xã hội hoặc các quyền tự do của người khác, và phải phù hợp với những quyền khác được Công ước này công nhận”.

Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966 (ICCPR), gia nhập ngày 24/9/1982; Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa năm 1966, gia nhập ngày 24/9/1982; Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ năm 1979, ký kết ngày 29/7/1980, phê chuẩn ngày 17/02/1982; Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc năm 1969, gia nhập ngày 09/6/1982; Công ước về quyền trẻ em năm 1989, ký kết ngày 26/01/1990, phê chuẩn ngày 28/02/1990 và hai nghị định thư bổ sung về trẻ em trong xung đột vũ trang (ký kết ngày 08/9/2000, phê chuẩn ngày 20/12/2001) và chống sử dụng trẻ em trong các hoạt động mại dâm và tranh ảnh khiêu dâm (ký kết ngày 08/9/2000, phê chuẩn ngày 20/12/2001); Công ước về quyền của người khuyết tật năm 2006, ký ngày 22/11/2007 và phê chuẩn ngày 05/02/2015; Công ước chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trường phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người, ký ngày 07/11/2013 và phê chuẩn ngày 05/02/2015.

Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam luôn xác định việc tôn trọng, bảo vệ và thúc đẩy các quyền và tự do cơ bản của con người là nguyên tắc cơ bản của mọi chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Đây cũng chính là sự hiện thực hóa các cam kết đối với các khuôn khổ pháp lý và thể chế quốc tế mà Việt Nam là thành viên, trong đó có các khuyến nghị cơ chế rà soát định kỳ phổ quát (UPR) mà Việt Nam đã chấp thuận. Thực tiễn ở Việt Nam trong thời gian qua đã đạt được những kết quả đáng khích lệ và được thế giới ghi nhận.

Việt Nam đang ngày càng chủ động và tích cực hơn tại các cơ chế của Liên hợp quốc về quyền con người, đặc biệt là đảm nhiệm vai trò thành viên Hội đồng nhân quyền Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2014 - 2016. Ở cấp độ khu vực, Việt Nam tham gia nghiêm túc vào quá trình xây dựng Tuyên ngôn nhân quyền ASEAN, Ủy ban liên chính phủ ASEAN về quyền con người,...; có cơ chế đối thoại nhân quyền chính thức với năm nước/dối tác, bao gồm Mỹ, Liên minh châu Âu (EU), Thụy Sỹ, Na Uy và Ôxtrâylia.

Ba là, những vấn đề liên quan về tự do báo chí và quyền tiếp cận thông tin.

Người dân Việt Nam được tiếp cận với 70 kênh truyền hình nước ngoài, trong đó có những kênh được phát rộng rãi trên thế giới, như CNN, BBC, Bloomberg, TV5, DW, NHK, KBS, Ôxtrâylia Network... Tất cả các hãng thông tấn và báo chí lớn của thế giới đều đến với người dân Việt Nam thông qua mạng internet, như Reuters, BBC, VOA, AP, AFP, CNN, Kyodo, Economist, Financial Times... Có 20 cơ quan báo chí nước ngoài có phóng viên thường trú tại Việt Nam, nhiều báo và tạp chí nước ngoài in bằng nhiều thứ tiếng được phát hành rộng rãi tại Việt Nam¹.

Theo khảo sát của We Are Social, một tổ chức nghiên cứu độc lập về truyền thông xã hội toàn cầu, tính đến tháng 12/2012, số người dùng internet ở Việt Nam ở mức rất cao (30,8 triệu người) và có chiều hướng tăng qua các năm (20 triệu người năm 2008 và 26 triệu người năm 2010)². Năm 2019, đã có tới 64 triệu người sử dụng internet, tăng 28% so với năm 2017³. Theo thống kê của Bộ Thông tin và Truyền thông, Việt Nam có 844 báo, tạp chí in; 24 báo, tạp chí điện tử độc lập⁴, 63 nhà xuất bản⁵...

4. Một số kiến nghị về tiếp tục bảo đảm dân chủ với tư cách là một phương thức kiểm soát quyền lực ở Việt Nam hiện nay

Một là, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, vai trò quản lý của Nhà nước trên các lĩnh vực của đời sống xã hội; kiểm soát chặt chẽ việc

1. Xem "Báo cáo quốc gia về thực hiện quyền con người ở Việt Nam theo cơ chế kiểm định kỳ phổ cập (UPR) chu kỳ II", http://www.mofahcm.gov.vn/mofa/ctc_quocte/ptklk/nr040819162124/ns131204084101, ngày 17/4/2020.
2. Xem <https://wearesocial.com/blog/2012/10/social-digital-mobile-vietnam>, ngày 17/4/2020.
3. Xem Thu Hoa: "Tự do internet ở Việt Nam là thực tế không thể phủ nhận", <http://vovworld.vn/vi-VN/binh-luan/tu-do-internet-o-viet-nam-la-thuc-te-khong-the-phu-nhan-799546.vov>, ngày 07/11/2019.
4. Xem Bộ Thông tin và Truyền thông sơ kết công tác 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2019, <http://www.mic.gov.vn/Pages/TinTuc/139313/Bo-TT-TT-so-ket-cong-tac-6-thang-dau-nam-va-phuong-huong-nhiem-vu-6-thang-cuoi-nam-2019.html>.
5. Xem <http://mic.gov.vn/solieubaocaopages/TinTuc/139248/Danh-sach-nha-xuat-ban.html>, ngày 25/6/2019.

tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của các chủ thể có thẩm quyền; xử lý kịp thời, nghiêm minh các tổ chức đảng, đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức vi phạm Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Hai là, kết hợp chặt chẽ cơ chế kiểm soát bên trong và bên ngoài hệ thống thực thi quyền lực nhà nước. Thực tiễn cho thấy, quyền lực càng lớn thì càng cần được kiểm soát chặt chẽ. Việc kiểm soát quyền lực cần được xây dựng và thực hiện đồng bộ bằng pháp luật và các quy định, quy trình giám sát xã hội rộng rãi, chặt chẽ, khoa học và phù hợp thực tế, huy động sự tham gia đông đảo của các tổ chức và nhân dân. Công tác kiểm soát quyền lực cần được siết chặt, đi liền với tăng cường giám sát và phản biện xã hội trong những ngành, lĩnh vực có tính nhạy cảm cao và tiềm ẩn nhiều nguy cơ tham nhũng, như quản lý ngân sách nhà nước, đầu tư công, đất đai, tài nguyên quốc gia, công tác cán bộ...

Ba là, cân phối kết hợp giữa hoạt động kiểm tra, giám sát của Đảng với hoạt động kiểm tra, thanh tra, kiểm toán của các cơ quan quản lý nhà nước; hoạt động tố tụng của các cơ quan tư pháp; tôn trọng, tạo thuận lợi và đề cao công tác giám sát của các cơ quan và đại biểu dân cử, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

Bốn là, tiếp tục phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong kiểm soát hoạt động của các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp. Để nhân dân thực hiện việc kiểm soát quyền lực một cách có hiệu quả, cần có cơ chế, biện pháp huy động tối đa sự tham gia của nhân dân trong xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, trong quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước, bảo đảm thực hiện đầy đủ quyền phát hiện, khiếu nại, tố cáo của người dân đối với các hành vi vi phạm pháp luật...

Năm là, tiếp tục phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc thực hiện giám sát và phản biện xã hội. Tăng cường sự phối hợp giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, các cơ quan, tổ chức trong giám sát và phản biện xã hội; tiếp tục đổi mới về tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu quả

giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; tiếp tục nâng cao nhận thức của cấp ủy và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp về vai trò, vị trí, quyền và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong giám sát người đứng đầu, cán bộ chủ chốt các cấp thực hiện quy định nêu gương...

Sau là, khuyến khích sự tham gia của báo chí, dư luận xã hội nhằm ngăn ngừa các hành vi lạm dụng quyền lực. Người dân cần được thông tin về hoạt động của Nhà nước theo đúng quy định của pháp luật. Báo chí chính là cầu nối giữa Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội với nhau và với công dân góp phần phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật, tham nhũng, lãng phí. Tuy nhiên, phát huy vai trò của báo chí cũng phải hướng tới việc ngăn ngừa những thông tin báo chí cung cấp chưa đúng sự thật, thông tin chưa được kiểm chứng, tin xấu, tin độc hại, bôi nhọ, bịa đặt... núp bóng giám sát, phản biện xã hội, gây tổn hại đến lợi ích cá nhân, uy tín của Đảng, Nhà nước, ảnh hưởng đến hiệu quả của hoạt động kiểm soát quyền lực.

BIỂU HIỆN CỦA CHỦ NGHĨA DÂN TÚY Ở VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ HỘI NHẬP QUỐC TẾ

PGS.TS. ĐỖ MINH HỢP*

1. Về chủ nghĩa dân túy

Những năm gần đây, chủ nghĩa dân túy bùng nổ ở hàng loạt nước, như Pháp, Vénézuela, Mỹ, Thái Lan, Philipin, Ba Lan, Hungari, Hà Lan, Áo, Bôlivia, v.v.. Tuy nhiên, chủ nghĩa dân túy chưa đựng nhiều yếu tố phức tạp nên đã có hiện tượng “chủ nghĩa dân túy” và bản chất chính trị của nó mới được nghiên cứu bước đầu. Vì vậy, tác động của chủ nghĩa dân túy đến hiện thực chính trị Việt Nam, những biểu hiện của nó ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế, toàn cầu hóa được phác họa rất khác nhau, thậm chí còn coi chủ nghĩa dân túy là nguyên nhân sinh ra tất cả mọi biểu hiện tiêu cực của toàn bộ đời sống xã hội và cá nhân. Điều này cho thấy việc phân tích tác động, biểu hiện của chủ nghĩa dân túy chưa xuất phát từ một nhận thức thống nhất về bản chất, cơ chế tác động của nó, mà cơ bản là chưa tạo dựng cơ sở khoa học cho chính sách hữu hiệu nhằm hạn chế và loại bỏ tận gốc chủ nghĩa dân túy, như một trong các biểu hiện của mất an ninh phi truyền thống, ra khỏi đời sống chính trị - xã hội và văn hóa của nước ta.

* Viện Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Từ những nhận định nêu trên, trước hết cần phải đưa ra khái niệm về chủ nghĩa dân túy và biểu hiện, tác động của nó, từ đó làm rõ nguy cơ của nó ở Việt Nam hiện nay.

Khái niệm “chủ nghĩa dân túy”, xét về mặt lịch sử, thường được sử dụng theo hai nghĩa cơ bản. Theo nghĩa thứ nhất, chủ nghĩa dân túy (*narodnichestvo*)¹ được hiểu là trào lưu tư tưởng chính trị - xã hội Nga và là phong trào của giới trí thức quý tộc và quan chức các cấp khác nhau ở Nga vào giữa thế kỷ XIX, sự xuất hiện của nó chủ yếu bắt nguồn từ những mâu thuẫn và những trở ngại của quá trình hiện đại hóa xã hội và chính trị Nga. Cơ sở của hệ tư tưởng dân túy là các tư tưởng về khả năng thực hiện cuộc cách mạng xã hội nông dân ở Nga và khả năng xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa hoàn hảo hơn xã hội tư bản chủ nghĩa dựa trên công xã nông thôn, bỏ qua giai đoạn cải biến quan hệ xã hội thành quan hệ tư bản chủ nghĩa. Các tư tưởng gia dân túy quan niệm rằng, sự lục hậu chính trị - xã hội của nước Nga, lối sống gia trưởng ở nông thôn Nga, sự tồn tại của thể chế công xã là nhân tố cản trở quá trình phân hóa nông dân và hình thành nền tính làm chủ tập thể đặc biệt của họ, sẽ cùng nhau tạo ra những tiền đề cần thiết để chuyển lên chủ nghĩa xã hội. Sự phát triển tư bản chủ nghĩa của nước Nga được họ đánh giá là lỗi thời, là nhân tố cản trở phát triển lịch sử của đất nước.

Bacunin cố gắng dựa vào sáng tạo cách mạng của đồng đảo nông dân, phủ định vai trò tích cực của nhà nước và của đấu tranh chính trị, truyền bá việc giải phóng cá nhân khỏi mọi hình thức quyền lực chính trị, kinh tế và tinh thần. Lập trường này của Bacunin có mục đích luận chứng và xây dựng một chế độ xã hội dưới dạng liên bang những liên

1. Xem M.A. Maslin: “Chủ nghĩa dân túy”, *Triết học Nga: từ điển*, Mátxcơva, 1995, tr.311; V.V. Zverev: “Chủ nghĩa dân túy”, *Tư tưởng xã hội Nga thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XX: Bách khoa thư*, Mátxcơva, 2005, tr.323; Yu.A. Zelenin: “Kinh nghiệm phân kỳ lịch sử chủ nghĩa dân túy Nga”, *Các nhà dân túy trong lịch sử Nga*, Voronez, 2013; X. Vengerov: “Chủ nghĩa dân túy”, *Từ điển Bách khoa Brokgauza và Efron*, Saint-Peterburg, 1987, t.40, tr.586; V.N. Kirxanov: *Những người dân túy mới*, Mátxcơva, 2010.

đoàn tự nguyện của công dân nhằm giải phóng cá nhân khỏi mọi biểu hiện của quyền lực cưỡng chế. Nhà nước được Bacunin đồng nhất với bạo lực và cưỡng chế như những thứ không thể dung hợp với tự do cá nhân với tính cách giá trị xã hội tối cao. Bacunin nhận thấy, chủ nghĩa vô chính phủ là giai đoạn hợp quy luật của phát triển xã hội mang tính tiến hóa. Theo Bacunin, nhà nước là sai lầm lớn nhất của loài người ngu muội, là cội nguồn của mọi cái ác. Nhưng, năng lực tư duy và phản kháng là cái phân biệt con người với con vật. Phản kháng ở một thời điểm nào đó tiếp nhận hình thức nổi loạn tự phát của đám đông chống lại nhà nước.

Khác với Bacunin, Lavrov hoàn toàn cho rằng nông dân chưa chuẩn bị sẵn sàng cho cách mạng. Theo Lavrov, các đại diện của giới trí thức Nga, các “cá nhân tư duy phê phán” cần phải đưa những tư tưởng cách mạng và xã hội chủ nghĩa vào dân. Nhiệm vụ chủ yếu không phải là tổ chức ngay lập tức các cuộc bạo loạn của nông dân, mà là tuyên truyền dần dần hệ tư tưởng cách mạng trong đám đông dân chúng. Theo như Lavrov giả định, sau 6 năm khởi xướng và tuyên truyền cách mạng sẽ hình thành đội quân đông đảo chiến sĩ tự giác chống lại chế độ chuyên chế.

Các luận điểm lý luận của Bacunin và Lavrov trở thành cơ sở tư tưởng cho phong trào chưa từng có tiền lệ trong lịch sử thế giới, giới trí thức quý tộc và quan chức cấp bậc khác nhau - ô ạt “đi vào dân” nhằm mục đích thức tỉnh họ đến với đấu tranh cách mạng. Tuy nhiên, nông dân lại hoàn toàn bộc lộ ảo tưởng của mình về chế độ Sa hoàng, chứ không phải bản năng cộng sản nên không thể thành lập quân đội cách mạng mà Lavrov suy luận trong các tác phẩm của mình. Vào giữa những năm 1870, Mikhailovsky và các đại diện khác của phái dân túy đưa ra tư tưởng hợp nhất nỗ lực của các “cá nhân tư duy phê phán” để thành lập ban lãnh đạo tập trung của phong trào. Rốt cuộc, tổ chức đầu tiên trong các tổ chức được thể chế hóa của phái dân túy - “Ruộng đất và ý chí” - đã xuất hiện vào năm 1876. Tuy nhiên, triển vọng phát triển

phi tư bản chủ nghĩa bị phá sản hoàn toàn, niềm tin vào tinh thần làm chủ tập thể, tinh thần cộng sản của dân Nga đã tiêu tan, thậm chí cả ở những người dân túy kiên định. Phong trào dân túy ở Nga hoàn toàn tiêu tan vào đầu thế kỷ XX.

Theo nghĩa thứ hai, chủ nghĩa dân túy¹ (populism có nguồn gốc từ tiếng Latinh: populis - dân; thái độ đối với dân như đại diện toàn diện về mặt đạo đức xã hội cho những giá trị tốt đẹp đặc biệt và bất biến) không phải là học thuyết, không phải là lý luận nhất quán và có hệ thống, mà là một *hội chứng (syndrome)* chính trị và tư tưởng hệ xác định, do các lợi ích chính trị quy định: Tìm kiếm sự ủng hộ, hợp pháp hóa, chố dựa của cử tri và đảng phái ở “dân”. Do vậy, chủ nghĩa dân túy thường có sắc thái xu nịnh rõ rõng tuếch, ham muốn lôi kéo và dễ dàng định hướng ý thức đám đông và dư luận xã hội đi theo chính sách, chính quyền, các thủ lĩnh, v.v. dân túy. Chủ nghĩa dân túy thường có hình thức là những câu nói suông diễn hình, như “dân anh hùng”, “dân là chúa tể”, “dân là trên hết”, v.v.. Các văn kiện chính trị và tư tưởng của chủ nghĩa dân túy được luận chứng thông qua “ý dân”, “nhân danh dân” và “vì dân”. Chủ nghĩa dân túy là hình thức sai lệch, “chuyển hóa” của sáng tạo xã hội hiện thực, của chủ nghĩa yêu nước bẩm sinh, của những quan tâm hiện thực đến phúc lợi toàn dân như mục đích tối cao của chính trị. Chủ nghĩa dân túy đối lập với tự ý thức công dân và tự ý thức dân tộc duy thực và phê phán. Sự phát triển mạnh mẽ của chủ nghĩa dân túy thường diễn ra ở các giai đoạn lịch sử có những trở ngại và khủng hoảng kinh tế, xã hội và chính trị nặng nề hay ở các giai đoạn

1. Xem K.Воронов: Лабиринты европейского популизма: клише и сущность, 13 февраля 2018, http://russiancouncil.ru/analytics-and-comments/analytics/labirinty-evropeyskogo-populizma-klishe-i-sushchnost/?phrase_id=9512335; Francis Fukuyama: "What Is Populism?", American Interest, 28/11/2017; Национализм и популизм в Восточной Европе: сборник научных трудов ИНИОН РАН, 2007; Н.Баранов: Эволюция взглядов на популизм в современной политической науке. Термин “популизм”. Кандидатская диссертация. Опубликовано: 21 июня 2016; M.Kazin: The Populist Persuasion: An American History ISBN-13: 978-1501714535; Võ Văn Thưởng: "Chủ nghĩa dân túy và những cảnh báo đối với Việt Nam", báo Hà Nội Mới, ngày 15/5/2018; Nguyễn Văn Hưởng: "Sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân túy và dự báo năm 2018 tiềm ẩn nhiều bất ổn", báo Vietnamnet, ngày 30/12/2017.

hiện diện nền chính trị rõ ràng giả dối và phản dân (như nước Đức ở giai đoạn thống trị của chủ nghĩa quốc xã).

Như vậy, chủ nghĩa dân túy là chính sách khi mà các nhà cầm quyền hay phe đối lập cố gắng tạo ra vẻ bề ngoài gần gũi với “dân” và nhận được sự ủng hộ của “dân” (để giành thắng lợi tại các cuộc bầu cử, để phản đối đường lối của nhà nước, v.v.) nhờ đưa ra các mục đích hấp dẫn (thực chất là lợi ích vị kỷ của nhóm dân túy được khoác cái vỏ là “vì dân”) đối với “dân”, nhưng tính khả thi thực tế là không có hay rất thấp. Chủ nghĩa dân túy thường định hướng vào sự đơn giản hóa bối cảnh chính trị, dùng thủ đoạn mị dân đối với ý thức đám đông và dư luận xã hội, tìm kiếm khẩu hiệu hấp dẫn đối với “dân” mà việc thực hiện đường như sẽ bảo đảm xóa bỏ ngay lập tức mọi tai họa và mọi vấn đề của xã hội, của người “dân”.

Các yêu cầu chính trị của chủ nghĩa dân túy là dễ hiểu đối với đám đông xã hội, do vậy họ thường đi theo các lực lượng chính trị dân túy đạt tới mục đích đầu tiên của chúng - nhận được sự ủng hộ của cử tri và giành thắng lợi tại các cuộc bầu cử, còn sau đó là các mục đích khác, trước hết là thực hiện chính sách có lợi cho chúng. Chủ nghĩa dân túy bộc lộ rõ nhất trong điều kiện nhà dân túy ngụy trang làm thủ lĩnh có phép màu cầm quyền. Chủ nghĩa dân túy thường gắn liền với việc đánh lừa, nhào nặn, dùng thủ đoạn đối với ý thức và dư luận xã hội, ngụy trang các dự định chính trị đích thực của chúng, tạo ra cuộc nội chiến của giới tinh hoa chính trị. Có thể nói, mức độ phổ biến của chủ nghĩa dân túy là một trong các tiêu chí về trình độ phát triển chính trị của đất nước.

Chủ nghĩa dân túy là hiện tượng tư tưởng chính trị và chính trị hiện thực. Dưới tất cả các hình thức của mình (kể cả chủ nghĩa dân túy Nga), nền tảng về nội dung của chủ nghĩa dân túy là tính đa nghĩa của bản thân khái niệm “dân”, khả năng đồng nhất “dân” hoặc là với toàn thể cộng đồng, hoặc là với một bộ phận của chính thể xã hội và đối lập với bộ phận khác (ở đây là tinh hoa chính trị đang cầm quyền), coi nó là

thống nhất hoặc thừa nhận nó là phân thứ bậc, tức là tách biệt các tầng lớp riêng biệt của nó (“dân thường”, “dân lao động”, “dân trí thức”, “dân yêu nước”...) cho mục đích chính trị của thế lực dân túy nào đó. Các tư tưởng gia của chủ nghĩa dân túy luôn xuất phát từ “dân”, tự mạo nhận mình là đại diện cho lợi ích, nguyện vọng của “dân”, “lãnh đạo dân”, “dẫn dắt dân”, “chiến đấu, hy sinh vì dân”, v.v.. Dưới tất cả các hình thức của mình, các thế lực dân túy luôn “sát cánh cùng với dân” để đối lập, đối đầu với chính quyền (tinh hoa chính trị) hiện hành. Nhận định này phải đóng vai trò là tiền đề, xuất phát điểm để làm sáng tỏ bản chất của chủ nghĩa dân túy và phương thức tác động, ảnh hưởng của nó đến đời sống xã hội nói chung và đời sống chính trị nói riêng.

Một điều dễ nhận thấy là “dân” được các tư tưởng gia của chủ nghĩa dân túy đối lập với “tinh hoa” (ở đây là tinh hoa chính trị, tức là cơ cấu quan chức, bộ máy chính quyền đang tồn tại). Tất cả các phong trào dân túy đều được khởi xướng từ cuộc chiến chống lại tinh hoa chính trị (chính quyền) hiện tồn nhờ dựa vào “dân” nhằm lật đổ chính quyền ấy và giành lấy quyền lực chính trị, hoặc ít nhất cũng là để đạt tới những lợi ích cụ thể theo con đường làm suy yếu, làm mất quyền uy của chính quyền hiện tồn. Chỉ sau đó, tức là khi đã nắm quyền, các nhà dân túy mới tiếp tục thực hiện chính sách dân túy (trong nhiều tài liệu, người ta sử dụng danh từ “demagogy” (mị dân) để lột tả chính xác chính sách này¹) để củng cố quyền lực của mình. Từ đó suy ra rằng, làm sáng tỏ ảnh hưởng của chủ nghĩa dân túy đến xã hội đòi hỏi phải phân tích thủ đoạn chính trị lạm dụng, mị “dân” nhằm chống phá “tinh hoa chính trị” (chính quyền hiện tồn).

Chủ nghĩa dân túy, hay nói chính xác hơn là hệ tư tưởng và chính sách dân túy luôn căn cứ trên sự đối lập (tưởng tượng, bịa đặt hay hiện

1. Mị dân là chính sách lạm dụng các nhu cầu, các vấn đề, các lợi ích hiện thực của con người được các nhà dân túy thực hiện vì lợi ích tư lợi của cá nhân, của nhóm họ. Đi liền với chính sách mị dân là sự đối trả, sự bóp méo thực tế, sự luận chứng đổi trắng thay đen một cách có chủ ý. Tính giống như sự thật bên ngoài của sự luận chứng trong chính sách mị dân cho phép các nhà dân túy đạt tới mục đích của mình nhờ lừa gạt dân (Xem M. Kenovan: *Populism*, N.Y., 1981).

thực) giữa “dân” và “chính quyền”¹. Tất cả các đại diện của chủ nghĩa dân túy đều có âm mưu và tham vọng dựa vào và nhân danh “dân” để chống lại tinh hoa chính trị (chính quyền) hiện tồn nhằm mục đích chiếm lấy địa vị tinh hoa ấy hay ít nhất là làm suy yếu nó, bắt nó phải đáp ứng những lợi ích, đòi hỏi vị kỷ của mình. Không đi sâu phân tích các nguyên nhân khách quan và chủ quan của sự đổi lập này, chúng tôi nhận thấy rằng, xét từ góc độ phương thức và nội dung ảnh hưởng của chủ nghĩa dân túy đến xã hội, điều quan trọng là phải chỉ rõ thủ đoạn biến “dân” vừa thành đối tượng, phương tiện của hệ tư tưởng và chính sách dân túy, vừa thành mặt đối lập, đối đầu với chính quyền. Thủ đoạn này có mục đích sâu xa là “làm tê liệt”, “vô hiệu hóa”, làm “chuyển hóa” và “tự chuyển hóa” cơ sở xã hội, cái “gốc” của chính trị - “dân”. Đây là âm mưu nham hiểm của mọi biến thể dân túy trong tác động của nó đến xã hội ta hiện nay. Song, điều này cũng cho thấy vai trò to lớn của công tác giáo dục văn hóa tư tưởng, tuyên giáo trong điều kiện hội nhập quốc tế, toàn cầu hóa hiện nay, đặc biệt là khi các thế lực phản động đang tăng cường triển khai “diễn biến hòa bình” nhằm đạt tới mục đích mà chủ nghĩa dân túy đặt ra.

Trước khi làm sáng tỏ những biểu hiện của chủ nghĩa dân túy ở nước ta hiện nay, cần phải khẳng định rằng, đây chỉ là những biểu hiện, là nguy cơ, chứ không phải là sự hiện diện của chủ nghĩa dân túy với tư cách một hệ tư tưởng, một trào lưu tư tưởng, một học thuyết chi phối sinh hoạt chính trị của xã hội ta, vì bản chất của chế độ kinh tế, chính trị - xã hội và văn hóa dân tộc ta không tạo ra cơ sở cho nó. Do vậy, chúng ta chỉ có thể nói tới biểu hiện của nó ở trong lời nói của hai thế lực phản động cơ bản là thế lực chống đối “từ bên ngoài” chế độ chính trị nước ta và thế lực chống đối “từ bên trong” chế độ chính trị nước ta, tức là những phần tử suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, lạm dụng chức quyền để mưu cầu lợi ích vị kỷ thông qua hành vi mị

1. Xem B. de Cleen, C.R. Kaltwasser, P. Taggart, P.O. Espejo and P. Ostiguy (Ed): *Populism and Nationalism*, Oxford University Press, 2017.

dân. Cũng cần phải nhấn mạnh rằng, chủ nghĩa dân túy dù chưa xuất hiện với tư cách nói trên, song những biểu hiện của nó có nguy cơ “lan tỏa” trong đời sống chính trị nước ta ở trong tư tưởng và hành động của những kẻ cơ hội, mị dân (giống như các thuật ngữ “lối sống thực dụng”, “lối sống hiện sinh”, v.v., chúng ta có thể sử dụng thuật ngữ “lối sống dân túy” để chỉ tất cả những biểu hiện của chủ nghĩa dân túy). Vì vậy, việc phát hiện ra những biểu hiện ấy để chủ động ngăn chặn và loại bỏ có ý nghĩa rất cấp bách và quan trọng.

2. Những biểu hiện của chủ nghĩa dân túy ở nước ta

Xuất phát từ hai loại chủ thể nêu trên của chính sách dân túy, chúng ta có thể nhận diện những biểu hiện của chúng ở nước ta trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay.

Thứ nhất là, các thế lực chống đối “từ bên ngoài” hệ thống chính trị nước ta. Chủ nghĩa dân túy không biểu hiện trực tiếp, song vô cùng nguy hiểm, là âm mưu và thủ đoạn chống đối và triệt phá Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Việt Nam thông qua hoạt động làm cho người dân đánh mất niềm tin vào sự lãnh đạo, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta, qua đó sẵn sàng đi theo các thế lực dân túy để đổi lập và đổi đầu chính quyền. Khi đó, người dân không những không còn là chỗ dựa của chính quyền (“dân là gốc”), không những không còn là lực lượng chủ yếu “sáng tạo ra lịch sử”, mà ngược lại, còn trở thành lực lượng “phản xã hội”, “phản động”. Điều này cho thấy mối nguy hiểm khôn lường của chủ nghĩa dân túy chính trị - triệt tiêu “gốc” của chính quyền, của chế độ ta.

Để thực hiện âm mưu nguy hiểm này, các thế lực dân túy dựa vào bản chất và tâm lý của con người “đám đông” là sẵn sàng hưởng ứng lời kêu gọi của những kẻ dân túy là đưa ra câu trả lời đơn giản cho những vấn đề vô cùng phức tạp của đời sống kinh tế - xã hội, chính trị và văn hóa. Nguy hiểm ở đây là kẻ dân túy cố tình thực hiện chính sách mị dân vì lợi ích vị kỷ của bản thân. Các thế lực dân túy thường nhấn mạnh đến tình cảm tự phát và nhất là lợi ích thường nhật, trước mắt của

người dân. Hoạt động của các thế lực dân túy thường được thực hiện trong các cuộc gặp gỡ trực tiếp, tìm hiểu và “lắng nghe”, “chia sẻ” ý kiến, nguyện vọng của đám đông dân cư bị thiệt thòi nhất định với cái vỏ bọc “dân chủ trực tiếp”, song chúng hoàn toàn bỏ qua lợi ích chung của xã hội (chẳng hạn là việc thu hồi đất cho mục đích quốc phòng, cho các mục đích dân sinh của đất nước, v.v.). Chúng chủ yếu nhấn mạnh lợi ích nhóm, nhưng phớt lờ trách nhiệm và nghĩa vụ của họ.

Chính sách dân túy còn được tiến hành tại sinh hoạt chính trị của các tổ chức chính trị - xã hội, nghề nghiệp, mítinh. Đại diện của chính sách dân túy thường là người “nổi tiếng” đối với đám đông, có năng lực “diễn thuyết” dựa trên tâm lý đám đông để ngầm ngầm triển khai bản chất mị dân của chính sách dân túy và qua đó đạt tới mục đích vị kỷ của chúng. Chúng ta có thể thấy rõ điều này qua hành vi đập phá công sở, đốt xe, tàng trữ và sử dụng vũ khí, v.v. của đám đông ở một số nơi trong thời gian qua. Ở đây, thế lực dân túy đã lạm dụng tâm lý đám đông là phản ứng rất hào hứng với những lời kêu gọi và những lời hứa hẹn cải thiện ngay lập tức tình hình. Có thể nhận thấy rất rõ biểu hiện như vậy của chủ nghĩa dân túy đến con người đám đông và hành vi chính trị của họ trong các cuộc “nổi dậy”, bạo loạn có liên quan đến vấn đề đất đai (như Đồng Tâm, Hà Nội; Yên Phong, Bắc Ninh; Vũng Áng, Hà Tĩnh; v.v.).

Biểu hiện nêu trên của chủ nghĩa dân túy ở nước ta hiện nay lại càng trở nên “mở rộng quy mô” khi các đại diện của nó rất biết cách lạm dụng tinh vi đặc thù của các phương tiện truyền thông đại chúng - chuyển tải thông tin một cách không phụ thuộc vào nội dung của chúng. Đó là các hoạt động tuyên truyền qua hệ thống thông tin mạng (đặc biệt là internet) nhằm nỗ lực hình thành các khuôn sáo về chính trị, đạo đức có mục đích chống phá Đảng, Nhà nước ta. Các đại diện dân túy cố gắng tăng cường tối đa chức năng giải trí nhằm bảo đảm thỏa mãn những nhu cầu sinh hoạt thường nhật của khán giả, có âm mưu làm cho họ xao nhãng những vấn đề tự hoàn thiện tinh thần, nhân cách của con người và hơn nữa là những vấn đề hệ trọng của xã hội, của dân tộc, từ

đó tạo ra “chân không tư tưởng” để các nhà dân túy nhồi nhét, phổ biến những ý đồ chính trị của chúng dưới cái vỏ bọc “văn hóa”, bằng các phương tiện “quảng cáo”, “tiếp thị” rất “bắt mắt”, “dễ hiểu và dễ đi vào lòng người”. Điều này trước hết có liên quan đến một bộ phận không nhỏ lớp trẻ đang dành phần lớn thời gian rỗi để tiếp xúc với phản văn hóa (phim ảnh “khiêu dâm”, “bạo lực”, v.v.) được các thế lực dân túy “cung ứng” qua hệ thống mạng.

Đây là một xu hướng và biểu hiện hiện thực, đặc biệt là khi mà các lý tưởng trước đây đã bị xói mòn và thậm chí bị lãng quên do tác động từ các mặt trái của kinh tế thị trường, do ảnh hưởng của văn hóa tiêu thụ, thực dụng từ phương Tây, do sự giám sát của Nhà nước ta đối với các xu hướng vi tính hóa thông tin còn có những điểm bất cập. Thực tế này tạo điều kiện thuận lợi cho sự lộng hành của tư tưởng và chính sách dân túy ở một bộ phận xã hội ta. Xét về phương diện chính trị, các phương tiện truyền thông bị các thế lực dân túy biến thành công cụ nhằm chi phối dư luận xã hội, qua đó phá vỡ ổn định chính trị - xã hội và kích thích bạo loạn xã hội. Thủ đoạn dân túy này càng có nguy cơ trở thành hiện thực khi các đại diện của nó là những kẻ mị dân xảo quyệt được tài trợ bởi các tổ chức phản động ở nước ngoài. Một thí dụ tiêu biểu ở đây là thực trạng đáng báo động về sự lãng quên “sử ta” mà lại thuộc lòng “sử người”, là tệ sùng bái các nhân vật lịch sử, các chính khách nước ngoài, v.v.. Nhận thức rõ nguy cơ này, Đảng ta đề ra nhiệm vụ “phát triển về nhân cách, đạo đức, trí tuệ, năng lực sáng tạo, thể chất, tâm hồn, trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân”¹. Nói cách khác, chủ nghĩa dân túy đã sử dụng các phương tiện truyền thông đại chúng như công cụ, phương tiện để thực hiện thủ đoạn mị dân nhằm lôi kéo đám đông vào các hoạt động chống phá chính quyền theo con đường làm cho họ xa lánh, tha hóa khỏi chính quyền, đối đầu với chính quyền.

Ở đây cần phải nhấn mạnh đến một thành phần đặc biệt của các thế lực dân túy chống đối chính quyền “từ bên ngoài” là một số quan chức

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.127.

đã “rời khỏi nghị trường”. Lạm dụng địa vị, ảnh hưởng và “tiếng nói” từng có trước đây của mình đối với công luận xã hội khi vẫn còn “tại vị”, lạm dụng những quan hệ rộng rãi của mình, họ tự mình hay thông qua “chiến hữu” của mình bắt đầu có những phát ngôn “lấy lòng công chúng”, xuyên tạc đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, bôi nhọ các lãnh đạo đất nước. Hoạt động này lại càng trở nên nguy hiểm khi các phần tử này đứng ra thành lập các “hội”, “nhóm” nhân danh “dân”, biểu thị lập trường “vì dân”, “vì nước”, tung tin trên các mạng, các sách báo, v.v.. Họ đưa ra quan điểm, lời nói, hành động không đúng với chủ trương, chính sách, nguyên tắc của Đảng và Nhà nước. Suy nghĩ và hành động của họ cho thấy bản chất của chủ nghĩa cơ hội, chính sách mị dân, chủ trương kích động người dân làm cho xã hội trở nên bất ổn về chính trị, về kỷ cương xã hội. Các thế lực dân túy lợi dụng các tàn dư của “tư duy tiểu nông”, “tư duy tiểu tư sản” của một số trí thức để làm cho họ có thái độ bất mãn với Đảng và Nhà nước ta, xúi giục họ phạm pháp, hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa.

Gần đây, trên các mạng xã hội, chúng ta có thể bắt gặp các kẻ dân túy đưa ra lời nói “to tát”, song thực chất là trống rỗng, không tuồng và vô trách nhiệm, chủ yếu có mục đích là “lấy lòng dân”, tạo ấn tượng mạnh để lạm dụng, chi phối tình cảm của dân trước những vấn đề nóng bỏng của xã hội, một mặt, cho mục đích, động cơ không trong sạch và cho tư lợi bản thân; mặt khác, để gây ra tâm lý hoài nghi, bất mãn đối với đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước ta. Từ đó, bọn chúng hô hào người dân “nổi dậy” với các “khẩu hiệu” có cảm tuồng “thân dân”, “vì dân”, song chỉ có mục đích duy nhất là gây ra bất an chính trị - xã hội, cản trở phát triển kinh tế - xã hội. Như vậy, về thực chất, lập trường của các thế lực dân túy ở đây là theo đuổi mục đích vị kỷ cá nhân (hoặc là “thực” hoặc là “danh” của bản thân, hoặc là “trả đũa” đồng nghiệp, v.v.), xét đến cùng, là mục đích xấu xa, hại dân hại nước. Biểu hiện này của chủ nghĩa dân túy rất cần được quan tâm và ngăn chặn kịp thời, loại bỏ tận gốc.

Thứ hai là, các thế lực dân túy chống đối “từ bên trong” Đảng và Nhà nước ta. Đây là những kẻ đang nằm trong hệ thống Đảng và Nhà nước, song đã bị tha hóa, chuyển hóa, “tự diễn biến”, do vậy thực hiện những việc làm sai trái về mặt pháp luật, vượt trên thẩm quyền của bản thân mình, tự “đánh bóng tên tuổi mình” thông qua các mạng xã hội bằng những lời hứa rất “lọt tai”, song không khả thi, không thiết thực, không gắn liền với đạo đức công vụ của bản thân mình. Biểu hiện này của chủ nghĩa dân túy gắn liền với bản chất chính trị cơ hội, thực dụng trong việc tranh thủ lá phiếu của một số quan chức suy thoái, thiếu gương mẫu. Để đạt tới lợi ích trước mắt vị kỷ của bản thân, họ còn chủ ý đưa ra các tuyên bố “động trời”, hứa hẹn sẽ giải quyết ngay lập tức những vấn đề bức xúc của xã hội, đặt lên trên hết lợi ích thiết thực của “dân” nhằm mị dân, lấy lòng đám đông. Họ luôn phát ngôn “nhân danh dân”, luôn tuyên bố mình “ăn ở cùng dân”, “biểu thị ý dân”, “đại diện cho dân” để chia mì nhọn chú ý của dân vào một số tồn tại, bất cập không thể tránh khỏi của chính quyền, qua đó kích động họ hành động tự phát chống lại chính quyền, tạo ra bất ổn chính trị - xã hội và rốt cuộc là làm hại nước. Như vậy, biểu hiện của chủ nghĩa dân túy ở loại tác nhân này là việc gây ảnh hưởng trên tâm lý đám đông nhằm hô hào, lôi kéo, tổ chức và lạm dụng công luận và niềm tin của đám đông nhằm đạt tới các mục đích vị kỷ cá nhân.

Một biểu hiện khác của chủ nghĩa dân túy ở thế lực chống đối “từ bên trong” chế độ chính trị nước ta là lối sống cơ hội chủ nghĩa của một số cán bộ suy thoái đạo đức chính trị. Thực chất của nó là ở chỗ họ “bám đuôi đám đông”, “chiều ý đám đông” một cách thụ động, vô nguyên tắc, đi ngược lại đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Trên thực tế, việc “lấy lòng đám đông” của các phần tử suy đồi này chỉ có một mục đích là chiếm giữ quyền lực, thỏa mãn tư lợi của bản thân.

Như vậy, có thể chỉ ra những “mầm mống” biểu hiện hiện nay của chủ nghĩa dân túy ở một số phần tử chống đối “từ bên trong” chế độ chính trị nước ta qua các hiện tượng tiêu cực, như sự suy đồi, tha hóa (“tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”), suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo

đức và lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên có thiên hướng từ bỏ lý tưởng của Đảng, đề cao lợi ích thực dụng, phụ họa không nhỏ vào việc bóp méo và vu khống chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Bàn về những biểu hiện của chủ nghĩa dân túy trong bối cảnh hội nhập hiện nay ở nước ta, cần phải nói tới những vấn đề xã hội nảy sinh do tác động của tình hình mới. Sự phân hóa xã hội diễn ra mạnh mẽ và sâu rộng hơn do khả năng không như nhau của các nhóm dân cư trong việc thích ứng và tận dụng cơ hội của chính sách mở cửa và hội nhập. Một bộ phận dân cư “yếu thế” bị các phần tử dân túy lạm dụng để gây ra ở họ tâm lý bất mãn, đổ lỗi các vấn đề trong nước cho tác động từ bên ngoài trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Từ đó, chính sách bài ngoại, biệt lập và thậm chí là đối đầu, bất khoan dung, hiếu chiến một cách trái ngược với đường lối yêu chuộng hòa bình, chủ động hội nhập của Đảng và Nhà nước ta. Hơn nữa, việc thực hiện những đòi hỏi khắt khe của hội nhập còn bị phái dân túy luận giải là “tội phản quốc” để qua đó tranh thủ sự ủng hộ của dân, để chống lại chính quyền.

Biểu hiện của chủ nghĩa dân túy ở xã hội ta trong điều kiện hội nhập hiện nay là việc các đại diện của nó lạm dụng bản chất và tâm lý đám đông để kích động chủ nghĩa dân tộc trung tâm (Natiocentralism), biến nó trở thành một loại “tâm thần bệnh hoạn” của đám đông hàng triệu người, kích thích tính hiếu chiến, gây ra tâm lý thù địch với các dân tộc khác và qua đó thủ tiêu “văn hóa hòa bình” - một trong những biểu hiện tiêu biểu nhất của chủ nghĩa nhân văn Việt Nam, hệ quả tất yếu là làm giảm uy tín, vị thế của dân tộc ta, Nhà nước ta trên trường quốc tế. Đây chính là mục tiêu để các thế lực dân túy thực hiện thủ đoạn, âm mưu làm suy yếu, tiến tới là lật đổ chính quyền. Hơn nữa, các phần tử dân túy cũng không ngần ngại thổi phồng những khác biệt giữa các dân tộc, phóng đại một số tồn tại trong quan hệ giữa chúng để chia rẽ khôi đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo ra xung đột, thù hận giữa các dân tộc nước ta. Thí dụ điển hình ở đây là mưu đồ thành lập Vương quốc Mông ở Mường Nhé, Nhà nước Tin Lành Đề Ga ở Tây Nguyên và

Nhà nước Khmer Krôm ở Nam Bộ. Có thể nhận thấy rất rõ nguy cơ bùng nổ của tính hiếu chiến dựa trên chủ nghĩa tộc người trung tâm cực đoan. Như vậy, chủ nghĩa tộc người trung tâm cực đoan cũng bị các nhà dân túy lạm dụng trở thành công cụ để làm suy yếu nhà nước trung ương và qua đó, thực hiện âm mưu thay thế nó bằng nhà nước tộc người do chúng đứng đầu.

Một thủ đoạn tinh vi của chủ nghĩa dân túy là truyền bá chủ nghĩa tộc người trung tâm về văn hóa. Nó lạm dụng giới tinh hoa trí thức tộc người có định hướng bảo tồn tính toàn vẹn và bản sắc của cộng đồng tộc người, phát triển ngôn ngữ mẹ đẻ và học vấn quê hương, tuyên truyền các di sản và truyền thống sắc tộc mình bằng cách tuyệt đối hóa các yếu tố biệt lập về văn hóa, các phương châm chống lại hiện đại hóa và định hướng phủ định đối với văn hóa, đại diện của các sắc tộc khác và của dân tộc (quốc gia). Chủ nghĩa tộc người trung tâm về văn hóa trở thành căn cứ để phái dân túy luận giải mang tính tầm thường hóa lịch sử dân tộc, độc chiếm di sản văn hóa tộc người, giải thích xuyên tạc lãnh thổ nhằm gây ra xung đột (“lãnh thổ sắc tộc”, “đất từ ngàn xưa”, “quê hương lịch sử”, v.v.) nhằm chống lại chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ. Phái dân túy thường lôi kéo những người có uy tín trong tộc người (các già làng, các doanh nhân, các trí thức và các cốt cán chính trị) để họ biểu thị “ý chí” dân túy của mình nhân danh “tộc người”, thực hiện chính sách kỳ thị đối với các nhóm tộc người thiểu số khác, gây ảnh hưởng đến các quyền chính trị và văn hóa của các nhóm này. Chủ nghĩa dân túy lạm dụng chủ nghĩa tộc người trung tâm về văn hóa để tiến hành đường lối phân lập cùng với yêu sách thay đổi biên giới trong nước hay thành lập nhà nước “dân tộc” của riêng mình, trực xuất cư dân sắc tộc khác và qua đó, trở thành nguyên nhân của các xung đột tộc người. Như vậy, bị chủ nghĩa dân túy lạm dụng, hình thức cực đoan của chủ nghĩa tộc người trung tâm trở thành một trong các nguy cơ nghiêm trọng nhất đối với an ninh dân tộc và nguyên nhân của việc xâm phạm phổ biến các quyền con người. Đây là một trong những phương diện nội dung quan trọng, đòi hỏi những nỗ lực to lớn để tuyên truyền và thực

hiện chính sách hòa hợp, đại đoàn kết toàn dân tộc là nguồn gốc tạo ra sức mạnh của dân tộc ta.

Cuối cùng, biểu hiện của chủ nghĩa dân túy ở Việt Nam trong điều kiện hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa thể hiện qua một hiện tượng đặc biệt, do ảnh hưởng chưa từng thấy của chủ nghĩa bè phái, đặc biệt là các bè phái kiểu toàn trị. Vấn đề là ở chỗ, hiện nay, trong bối cảnh con người đám đông có nguy cơ đánh mất các giá trị dân tộc, tách rời khỏi các cội nguồn lịch sử, thất vọng về những hậu quả của xã hội mạo hiểm¹ và thiếu hiểu biết sâu sắc lý luận phát triển xã hội, thì các nhà “truyền giáo” dân túy đa dạng dễ dàng giành thắng lợi trong việc chinh phục trái tim và trí tuệ của đám đông. Tính cả tin của con người đám đông thường bị các nhà truyền giáo dân túy lạm dụng nhằm mục đích bắt họ phục tùng thủ lĩnh giáo phái chuyên chế, khống chế con người, không để lại cho họ quyền có cuộc sống riêng tư. Chúng ta có thể dễ dàng bắt gặp không ít “tôn giáo mới” xuất hiện và nhanh chóng lan truyền trong thời gian gần đây ở nước ta. Chủ nghĩa toàn trị tôn giáo thường chống lại Nhà nước, chống lại xã hội, chống lại các truyền thống dân tộc. Nó được thực hiện bằng cách tách rời cá nhân đám đông ra khỏi mọi quan hệ xã hội, loại trừ những quan hệ tồn tại ở bên trong cộng đồng tôn giáo ấy. Đây là biểu hiện có xu hướng lan tỏa nhanh chóng và rất nguy hiểm của chủ nghĩa dân túy tôn giáo. Chẳng hạn, với âm mưu biến Việt Nam thành thánh địa của chủ nghĩa dân túy, phái dân túy tôn giáo hoạch định chương trình lật đổ chế độ ta qua hoạt động thành lập Nhà nước Khmer Krôm; Nhà nước Tin Lành Đè Ga, Vương quốc Chămpa, Vương quốc Mông, thực hiện chính sách ly khai, tự trị. Để đạt tới mục đích này, *một mặt*, chúng cố gắng “lấy lòng dân”, đặc biệt là đồng bào tôn giáo ở các vùng khó khăn, có nhận thức yếu kém, còn các phần tử dân túy rất quyết liệt trong việc sử dụng các mĩ từ mi dân về xã hội lý tưởng, về cuộc sống tốt đẹp hướng đến; *mặt khác*, chúng sử dụng các công nghệ thông tin hiện đại (chủ yếu là các mạng xã hội) để bôi nhọ

1. Xem U.Beck: *Risk Society*, Polity Press, 1992.

cán bộ, đảng viên, chính quyền, làm cho nhân dân hiểu sai về Đảng và Nhà nước. Từ đó, bọn chúng tự mạo nhận mình là người sẽ đứng lên bảo vệ lợi ích của dân.

Tóm lại, biểu hiện của chủ nghĩa dân túy là những thủ đoạn hoạt động chính trị của các thế lực chống phá chính quyền nhờ lôi kéo và lừa gạt người dân thông qua kỹ năng tư biện rỗng tuếch, hão huyền về những vấn đề nan giải và triển vọng giải quyết chúng nhằm làm thỏa mãn một bộ phận dân chúng ít hiểu biết, dễ dao động và đang gặp khó khăn nhất thời. Những biểu hiện của chủ nghĩa dân túy ở nước ta hiện nay là tư tưởng và việc làm của một nhóm xã hội dựa trên các thủ đoạn mị dân, đặc biệt thông qua các tầng lớp yếu thế trong xã hội, chống lại Đảng và Nhà nước, gây ra những tổn hại lớn cho xã hội. Nguy cơ và tác động nhiều mặt hiện thực của nó lên đời sống xã hội là một thực tế hiển nhiên. Thực tế này đặt ra những nhiệm vụ quan trọng cho công tác tuyên giáo, giáo dục, văn hóa xã hội, truyền thông, v.v., cũng như đòi hỏi giới lý luận phải nghiên cứu toàn diện và sâu sắc bản chất, các nguyên nhân xuất hiện và các nhân tố khách quan, chủ quan thúc đẩy phổ biến của chủ nghĩa dân túy ở Việt Nam trong điều kiện hội nhập quốc tế hiện nay.

CHIẾN TRANH THÔNG TIN VÀ VẤN ĐỀ BẢO VỆ AN NINH, AN TOÀN THÔNG TIN, CHỦ QUYỀN QUỐC GIA TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG CỦA MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI HIỆN NAY

Trung tướng, PGS.TS. ĐINH THẾ CƯỜNG*

Hiện nay, thế giới đang trong thời kỳ chuyển đổi từ phát triển công nghiệp sang công nghệ thông tin. Sự phụ thuộc vào thông tin trong tất cả các lĩnh vực của đời sống cá nhân, xã hội và nhà nước ngày càng lớn. Trong đó, thông tin, hạ tầng mạng và các hệ thống công nghệ thông tin trở thành tài nguyên chiến lược quốc gia. Do đó, các sự cố của máy tính, hệ thống công nghệ và các mạng viễn thông của doanh nghiệp và tổ chức nhà nước có thể gây ra thiệt hại rất lớn.

Trong lĩnh vực quân sự, việc sử dụng các hệ thống thông tin chỉ đạo điều hành, hệ thống điều khiển vũ khí, hệ thống tự động hóa chỉ huy trong các hoạt động tác chiến có vị trí, vai trò quan trọng. Sự ra đời của không gian mạng làm xuất hiện các hình thái chiến tranh thông tin, chiến tranh không gian mạng, làm thay đổi học thuyết, tư duy và phương thức tiến hành chiến tranh. Không gian mạng trở thành môi trường tác chiến để triển khai các biện pháp bảo vệ hệ thống vũ khí, trang bị hiện đại và hoạt động tác chiến của các lực

* Tư lệnh Bộ Tư lệnh Tác chiến không gian mạng, Bộ Quốc phòng.

lượng, giúp ngăn chặn, vô hiệu hóa các đòn tiến công bằng vũ khí công nghệ cao và sẵn sàng tiến công đáp trả vào các hệ thống, không gian mạng của đối phương.

Đối với Việt Nam, sự phát triển của không gian mạng mà nòng cốt là công nghệ thông tin và truyền thông đã có những đóng góp quan trọng trong phát triển kinh tế, xã hội và xây dựng đất nước. Việt Nam là quốc gia có số người sử dụng internet và mạng xã hội thuộc tốp đầu trên thế giới. Tuy nhiên, nhận thức về chiến tranh thông tin, an ninh mạng, an toàn thông tin và chiến tranh mạng còn đơn giản, chủ quan và chưa thống nhất. Công tác quản lý nhà nước còn sơ hở, việc phát triển hạ tầng thông tin, kết nối số của quốc gia chưa đồng bộ, nhất là tại các vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, dẫn đến việc quản lý, phát triển và làm chủ không gian mạng quốc gia gặp nhiều khó khăn. Trang thiết bị trong các hệ thống thông tin và nhiều sản phẩm, dịch vụ được sử dụng trên không gian mạng, như hệ điều hành máy tính, mạng xã hội, thư điện tử... phần lớn có nguồn gốc từ nước ngoài dẫn đến sự lệ thuộc vào công nghệ, tiềm ẩn nhiều nguy cơ bị chiếm quyền điều khiển, khiến chủ quyền, lợi ích quốc gia trên không gian mạng không được bảo đảm và phát triển bền vững. Năng lực phòng, chống chiến tranh thông tin, chiến tranh không gian mạng còn hạn chế. Các thế lực phản động, cơ hội chính trị triệt để sử dụng không gian mạng để tuyên truyền, xuyên tạc, kích động biểu tình, bạo loạn gây mất ổn định về kinh tế, chính trị, xã hội. Hoạt động tiến công mạng, xâm phạm chủ quyền, lợi ích quốc gia - dân tộc trên không gian mạng đang diễn ra nghiêm trọng, ảnh hưởng lớn đến kinh tế, quốc phòng, an ninh của Việt Nam.

Trước tình hình đó, việc nghiên cứu, nắm vững bản chất của chiến tranh thông tin, vấn đề bảo vệ an ninh, an toàn thông tin, chủ quyền quốc gia trên không gian mạng của các nước; và việc rút ra các bài học kinh nghiệm vận dụng phù hợp với điều kiện Việt Nam có ý nghĩa quan trọng, cấp bách trong tình hình hiện nay.

1. Khái niệm, vai trò và đặc điểm của chiến tranh thông tin

Thuật ngữ “chiến tranh thông tin” xuất hiện vào khoảng giữa thập niên 70 của thế kỷ XX, trong Báo cáo về hệ thống vũ khí và cuộc chiến thông tin của nhà vật lý Thomas Ron, viết năm 1976, đã chỉ ra cơ sở thông tin trở thành một phần quan trọng đối với lợi ích kinh tế và đảm bảo an toàn, an ninh quốc gia. Thời gian đầu, cụm từ “chiến tranh thông tin” dùng để chỉ một loại hoạt động tình báo đặc biệt, về sau các định nghĩa, khái niệm khác nhau xuất hiện và bắt đầu được sử dụng rộng rãi.

Chiến tranh thông tin là hành động nhằm đạt được ưu thế thông tin, ảnh hưởng đến hệ thống và quy trình thông tin cũng như hệ thống, quy trình phòng thủ và bảo vệ an toàn thông tin của kẻ thù.

Chiến tranh thông tin là một quá trình tác động phức tạp (một tập hợp các hoạt động thông tin) đối với hệ thống quản lý quân sự và dân sự nhằm dẫn đến việc thông qua các quyết định có lợi cho phía khởi xướng chiến tranh thông tin và làm tê liệt hoàn toàn hạ tầng cơ sở kiểm soát thông tin của đối phương.

Chiến tranh thông tin là tập hợp các biện pháp, phương thức để đạt được sự vượt trội về thông tin bằng cách tác động đến thông tin, quy trình xử lý thông tin, hệ thống thông tin và mạng máy tính của kẻ thù trong khi bảo vệ thông tin, quy trình thông tin, hệ thống thông tin và mạng máy tính của ta; bao gồm các hành động nhằm đạt được ưu thế về thông tin trong việc đảm bảo chiến lược quân sự quốc gia bằng cách tác động đến hệ thống thông tin của đối phương, đồng thời củng cố và bảo vệ hệ thống thông tin của ta. Đây là một trong những khái niệm được sử dụng khá phổ biến hiện nay.

Hoạt động tác chiến thông tin là hành động được sử dụng để tác động đến thông tin, hệ thống thông tin và ra quyết định của đối phương, đồng thời bảo vệ thông tin, hệ thống thông tin và ra quyết định của ta. Ưu thế thông tin là mức độ kiểm soát, cho phép các lực lượng nhất định thu thập, quản lý, sử dụng và bảo vệ thông tin trước những hoạt động chống phá từ kẻ thù.

Hoạt động tác chiến thông tin được hiểu là một hình thức đấu tranh, trong đó sử dụng các phương pháp và phương thức đặc biệt (chính trị, kinh tế, ngoại giao, quân sự) để tác động đến môi trường thông tin của đối phương. Đó là một tập hợp các biện pháp nhằm tác động đến nguồn lực vật chất và con người của kẻ thù nhằm gây khó khăn, hoặc không thể đưa ra quyết định đúng, trong việc bảo vệ hệ thống thông tin, gồm các thành phần chính: tác chiến điện tử; tác chiến mạng; hoạt động chiến tranh tâm lý; hoạt động ngụy trang, gây nhiễu thông tin; chiến tranh thông tin kinh tế và các biện pháp để đảm bảo an toàn cho lực lượng và tài sản của chính mình.

Một số đặc điểm của chiến tranh thông tin:

Một là, chi phí đầu tư cho phát triển, sử dụng vũ khí thông tin thấp nhưng đạt được hiệu quả cao trong cả thời chiến và thời bình. Chi phí phát triển các phương tiện chất lượng cao để tiến hành chiến tranh thông tin là tương đối thấp và có thể nhiều người tham gia. Không giống như các công nghệ vũ khí hiện đại, để tạo ra vũ khí sát thương, các phương tiện chiến tranh thông tin tiềm năng mới có thể được tạo ra bởi các chuyên gia hoặc nhóm chuyên gia riêng lẻ trên toàn cầu, tại bất kỳ vị trí địa lý nào.

Hai là, không có ranh giới về truyền thông, địa lý và không có sự phân biệt giữa các hành động quân sự và dân sự. Internet đang được sử dụng rộng rãi trên phạm vi toàn cầu, số lượng người dùng internet rất lớn nên việc truy cập miễn phí và không được kiểm soát đối với các hệ thống thông tin dân tối nhiều hoạt động tội phạm cả dân sự và quân sự. Việc làm mờ ranh giới tạm thời là đặc trưng đặc biệt của chiến tranh thông tin, nó bắt đầu từ lâu trước khi diễn ra cuộc chiến bằng vũ khí quân sự.

Ba là, khả năng ảnh hưởng lớn tới nhận thức, ý chí và sự phán đoán của con người. Quan lý nhận thức của con người ở quy mô lớn, một công cụ mạnh mẽ hoàn toàn mới để thao túng nhận thức của con người.

Bốn là, chiến tranh thông tin là hình thức tiếp cận mới đối với tình báo chiến lược. Nhận thức về các mối đe dọa và lỗ hổng mới của hệ

thống an ninh quốc gia liên quan đến cuộc chiến thông tin cho thấy cần phải xem xét kỹ lưỡng các phương pháp tình báo cổ điển để thu thập và phân tích thông tin tình báo. Xác định rõ năng lực của các hệ thống mục tiêu ngày càng phức tạp.

Năm là, khó khăn trong việc dự đoán, giải quyết các chiến thuật tấn công của kẻ thù và đánh giá thiệt hại. Một cuộc chiến thông tin có thể bắt đầu đột ngột mà không cần bất kỳ sự chuẩn bị nào của một cuộc chiến thông thường. Do đó, cảnh báo chiến thuật và đánh giá thiệt hại trở thành nhiệm vụ đặc biệt khó khăn.

Sáu là, khó khăn trong việc tạo dựng và duy trì đồng minh. Xung đột lớn trong tương lai khu vực có thể liên quan đến các đồng minh về mặt quân sự và địa lý. Bản thân những đồng minh rất dễ bị tổn thương trước các vũ khí của chiến tranh thông tin mới, có thể được đối thủ sử dụng để phá hoại các mối quan hệ thân thiết giữa các đồng minh.

Bảy là, phụ thuộc rất lớn vào hạ tầng không gian mạng và các cơ sở trọng yếu quốc gia. Sự phụ thuộc ngày càng tăng của toàn bộ nền kinh tế, xã hội vào các hệ thống máy tính hiệu năng cao biến hạ tầng cơ sở thông tin quốc gia trở thành các mục tiêu chiến lược mới.

2. Vũ khí thông tin, đối tượng tác động và phạm vi ảnh hưởng của chiến tranh thông tin

Đánh giá mức độ sẵn sàng cho việc sử dụng các phương tiện chiến tranh thông tin khác nhau, các nước sẵn sàng sử dụng công nghệ phát triển những loại vũ khí thông tin, vũ khí tâm lý để thực hiện các hoạt động chống lại ý chí và truyền thống văn hóa quốc gia khác. Việc sử dụng tin tức, các hoạt động phong tỏa thông tin, khủng bố thông tin và tấn công ngữ nghĩa... tiềm ẩn nhiều nguy cơ lớn. Với sự bùng nổ nhanh chóng của công nghệ thông tin, nhiều dạng vũ khí thông tin mới được nghiên cứu chế tạo, cùng với các hình thức tác chiến thông tin mới, các loại vũ khí thông tin sẽ có những thay đổi đáng kể. Tuy nhiên, các loại vũ khí thông tin chính sẽ được phát triển và phân loại theo các lĩnh vực, cụ thể như:

Vũ khí để đối phó với các hệ thống kiểm soát của đối phương: Việc vô hiệu hóa khả năng của các sở chỉ huy không chỉ bằng các cuộc tấn công bằng tên lửa hoặc bom, mà còn sử dụng chiến tranh điện tử hoặc cài cắm virút, mã độc vào hệ thống mạng máy tính chỉ huy. Cùng với đó, việc can thiệp vào các hệ thống liên lạc của kẻ thù làm gián đoạn hoạt động bình thường, giảm hiệu quả, độ tin cậy và ngăn chặn hoặc làm sai lệch thông tin truyền đi, góp phần tiết lộ kế hoạch chiến đấu của kẻ thù. Nhiều quốc gia tập trung phát triển các vũ khí ảnh hưởng đến tổ hợp hệ thống thông tin và viễn thông của kẻ thù, như tạo ra bức xạ điện từ mạnh, phần mềm độc hại, đặc biệt có thể sử dụng bom than chì phá hủy vỏ cáp kết nối, phá hủy các vệ tinh liên lạc.

Sự phát triển công nghệ thông tin gây khó khăn cho việc can thiệp vào các hệ thống viễn thông của kẻ thù như việc: sử dụng mạng và hệ thống máy tính phân tán; sử dụng tần số sóng ngẫu nhiên trong các kênh truyền thông; điều chế bằng thông rộng, sử dụng thuật toán mã hóa dữ liệu. Do đó, phá hủy các hệ thống và mạng của đối phương bằng cách can thiệp hoặc phá hủy các thành phần quan trọng nhất của hệ thống, trước hết cần do thám, phân tích cấu trúc và tầm quan trọng của từng thành phần của hệ thống, xác định được các điểm nút quan trọng nhất của mạng truyền thông, tác động lên đó sẽ có ảnh hưởng quyết định đến toàn bộ hệ thống. Thay vì phá hủy vật lý của các nút như vậy, đôi khi chỉ cần gây ảnh hưởng tới chất lượng hoặc cản trở hoạt động của chúng.

Vũ khí thông tin dựa trên tình báo: Trong hệ thống trinh sát tình báo sử dụng nhiều công cụ, hệ thống và cảm biến khác nhau nhằm theo dõi và kiểm soát tình hình trên chiến trường. Quân đội hiện đại đang phát triển các công nghệ sử dụng hệ thống quan trắc thu thập thông tin từ các cảm biến trong thời gian thực hoặc gần thời gian thực để kiểm soát các hoạt động chiến đấu và nhắm vũ khí vào các mục tiêu nhằm vô hiệu hóa vũ khí, hỏa lực của các mục tiêu tấn công.

Công nghệ cho phép sử dụng các phương tiện kỹ thuật để thu thập (hoặc ngăn chặn) và xử lý tất cả các tín hiệu đến, xác định thông tin

hữu ích và truyền về máy chủ. Thành phần chức năng chính của công nghệ này là các thiết bị cảm biến có độ chính xác cao, đáng tin cậy, chuyên dụng và nhỏ gọn. Công nghệ nano tạo ra một cuộc cách mạng trong việc chế tạo thiết bị siêu nhỏ có thể xử lý và truyền tải thông tin, như các cảm biến siêu nhỏ “bụi thông minh” - với kích thước tương đương sợi lông tơ nhở, các tín hiệu thu được có độ chính xác cao.

Phát triển công nghệ, mở rộng khả năng thu nhận và xử lý tín hiệu từ các cảm biến sẽ cung cấp mọi thông tin trong khu vực quan sát, với độ nhạy và tính linh hoạt cao hơn, sẽ thực hiện tấn công các mục tiêu cụ thể kết hợp với hình ảnh video nhận được từ máy bay trinh sát và máy bay do thám không người lái, cùng dữ liệu từ tình báo bí mật để tạo thành một bức tranh hoàn chỉnh về tình hình chiến sự. Các công cụ cảm giác hiện đại có khả năng truyền thông tin cần thiết đến các hệ thống chiến đấu trong thời gian thực hoặc gần thời gian thực. Điều này tạo cơ sở để xây dựng một hệ thống thu thập và phân phối thông tin được tích hợp trên toàn cầu.

Vũ khí thông tin trong chiến tranh tâm lý bao gồm các thiết bị, hệ thống được sử dụng trong các lĩnh vực truyền tải thông tin làm ảnh hưởng đến tâm lý, trí tuệ của con người và gây ảnh hưởng tối thiểu kiểm soát của hành vi. Ngoài các phương tiện thông tin tâm lý truyền thống (thông tin, tuyên truyền, kích động, tổng tiến...), nhiều phương tiện truyền tải thông tin mới đã được ra đời. Trước hết, hệ thống phát thanh và truyền hình toàn cầu, truyền tải các thông tin có thực trong cuộc sống kèm những bình luận, dẫn dắt theo định hướng. Việc sử dụng các vệ tinh phát sóng trực tiếp cho phép nhà lãnh đạo của một số quốc gia liên hệ trực tiếp với nhân dân ở các nước khác mà không cần sự cho phép sẽ gây ảnh hưởng rất lớn với độ phủ sóng rộng trên toàn cầu.

Một trong những yếu tố chính của chiến tranh tâm lý là các hoạt động tâm lý khác nhau nhằm mục đích: Bóp méo thông tin, áp đặt thông tin sai lệch, làm mất khả năng nhận thức chính xác về tình hình, từ đó đưa ra quyết định thiếu chính xác hoặc không kịp thời, tác động tâm lý với quân đội và nhân dân, phá hoại ý thức hệ, định hướng

dự luận, kích động biểu tình, tuyên truyền và phổ biến những thông tin sai lệch.

Các thế lực thù địch đã và đang sử dụng internet toàn cầu để tổ chức các hoạt động chiến tranh tâm lý bằng nhiều thủ đoạn khác nhau. Ngoài ra, internet cũng được sử dụng như một hệ thống cảnh báo chính trị sớm cho phép đánh giá chính xác tình hình ở một quốc gia, khu vực cụ thể thông qua việc giám sát lưu lượng của internet để nắm tình hình và tiến hành các hoạt động chiến tranh thông tin.

Phương tiện kinh tế của chiến tranh thông tin: Các hoạt động kinh tế của chiến tranh thông tin có thể được thực hiện dưới hai hình thức chính là phong tỏa và thao túng thông tin. Các hình thức này rất hiệu quả trong thời kỳ của xã hội thông tin, khi mà việc trao đổi các thông tin dễ dàng và phổ biến như ngày nay. Trong trường hợp này, việc chấm dứt hoặc giảm quyền truy cập của một quốc gia vào các nguồn thông tin của một quốc gia khác có thể có tác động nghiêm trọng đến tình hình kinh tế của nước này hoặc thậm chí dẫn đến tình trạng khủng hoảng.

Tin tặc là những kẻ bẻ khóa máy tính, tiến hành xâm nhập hệ thống và mạng máy tính, với mục đích gây ảnh hưởng hoặc làm tê liệt hoạt động các hệ thống quan trọng của các cơ quan quản lý, cơ sở quân sự, công nghiệp, giao thông, thông tin liên lạc, năng lượng, ngân hàng và các tổ chức khác. Về yêu cầu nghiệp vụ, họ phải là chuyên gia về công nghệ thông tin, thông thạo ngôn ngữ lập trình hiện đại, kiến thức về hệ thống bảo mật thông tin, cũng như cách sử dụng các hệ thống truyền thông.

Các dạng tấn công của tin tặc trên mạng máy tính: Từ chặn đến tắt hoàn toàn hệ thống mục tiêu; gây ra lỗi hoặc biến dạng ngẫu nhiên thông tin truyền tải; sao chép bất hợp pháp (trộm cắp) dữ liệu, thông tin; trộm cắp các dịch vụ (ví dụ: sử dụng miễn phí kênh liên lạc); phát tán các thông tin giả trong các kênh thư điện tử (đặc biệt, để tiến hành các hoạt động hỗ trợ); truy cập dữ liệu cá nhân để tổng tiền (có thể với mục đích chuẩn bị các hành vi khủng bố). Phương tiện chính để thực hiện các cuộc tấn công của tin tặc: Virút; bom thông tin rác; các chương trình,

phần mềm mã độc, phần mềm gián điệp. Ngoài ra, có những công cụ cho phép đưa virút máy tính, thông tin sai sự thật vào các hệ thống và mạng thông tin dân sự, quân sự để tiến hành quản lý, thao túng chúng từ xa. Đối với các công cụ này, mục tiêu dễ bị tổn thương nhất là các hệ thống phát hiện và kiểm soát tự động hoạt động liên tục trong thời gian thực hiện, đặc biệt là các hệ thống cảnh báo tấn công, hệ thống kiểm soát phòng thủ tên lửa. Do đó, một cuộc tấn công có chủ đích vào các hệ thống có thể gây những hậu quả đặc biệt thảm khốc, tương đương với hậu quả của việc sử dụng vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Số lượng các cuộc xâm nhập ngày càng tăng vào các hệ thống thông tin doanh nghiệp, tài chính và quân sự đã cho thấy hoạt động tin tặc, băng đảng tội phạm và các dịch vụ tình báo nước ngoài coi các hệ thống này là mục tiêu quan trọng. Một cuộc tấn công được lên kế hoạch tốt và thực hiện thành công bởi tin tặc có thể gây ra những ảnh hưởng ngắn hạn đáng kể, như sự gián đoạn tạm thời của mạng điện thoại, hệ thống ngân hàng và thậm chí các hệ thống điều khiển công nghiệp hoặc tắt hệ thống cung cấp điện và chặn hệ thống kiểm soát không lưu. Trong những năm tới, hoạt động của tin tặc, các yếu tố tội phạm khác xâm nhập vào hệ thống thông tin và máy tính dân sự, quân sự sẽ tăng lên, các công nghệ mới, với phương pháp và chiến lược mới để tấn công hệ thống mà chúng có thể sử dụng sẽ được phát triển mạnh.

Nguy hiểm lớn nhất trong các hoạt động của tin tặc là khả năng lây nhiễm virút máy tính vào hệ thống kiểm soát các mục tiêu quan trọng. Một khả năng đặc biệt trong lĩnh vực tội phạm mạng là khủng bố thông tin. Bản chất là thao túng dữ liệu của các cá nhân, tổ chức và cơ quan nhà nước. Do đó, việc sử dụng kho vũ khí tấn công của tin tặc có thể dẫn đến thiệt hại lớn cho cả cá nhân và Chính phủ.

3. Vấn đề bảo vệ an ninh, an toàn thông tin, chủ quyền quốc gia trên không gian mạng hiện nay

Không gian mạng là thuật ngữ chỉ không gian của các hệ thống công nghệ thông tin liên kết ở tầng dữ liệu trên quy mô toàn cầu. Cơ sở

cho không gian mạng là internet - một kết nối phổ biến trên toàn thế giới để bất kỳ người sử dụng nào cũng có thể truy cập, hiện nay mạng lưới internet ngày càng được mở rộng hơn và gắn chặt với đời sống của con người do những lợi ích mà nó mang lại. Tuy nhiên, khi vai trò của không gian mạng ngày càng tăng, là nơi lưu trữ thông tin về chính sách, chủ trương của các quốc gia thì nó đã trở thành nơi tiềm ẩn chứa nhiều nguy cơ liên quan đến mất an ninh thông tin, mất an toàn không chỉ gói gọn cho cá nhân mà còn liên quan đến cả an ninh quốc gia. Không gian mạng vừa là môi trường làm việc, vừa phản ánh đầy đủ các hoạt động và sinh hoạt của xã hội. Không gian mạng có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế, chính trị, xã hội, bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc. Cùng với những lợi ích to lớn, các đe dọa từ không gian mạng luôn trở thành mối quan tâm hàng đầu của nhiều quốc gia.

Hệ tầng thông tin là tổng hợp các đối tượng thông tin, các hệ thống thông tin, các trang web trên mạng internet và các mạng truyền dẫn được đặt trên lãnh thổ, cũng như trên các vùng lãnh thổ thuộc chủ quyền quốc gia hoặc là hệ tầng được sử dụng trên cơ sở thỏa thuận quốc tế.

Các đe dọa đối với an ninh, an toàn thông tin là tổng hợp các hành vi và yếu tố, tạo ra mối nguy hiểm đe dọa tới tài nguyên thông tin quốc gia. An ninh thông tin là trạng thái bảo vệ cá nhân, tổ chức xã hội và quốc gia khỏi các mối đe dọa thông tin từ bên trong và bên ngoài, để đảm bảo quyền hiến định và quyền tự do của con người và công dân, đảm bảo chất lượng và đời sống của nhân dân, đảm bảo chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ và phát triển kinh tế - xã hội một cách bền vững, đảm bảo quốc phòng và an ninh quốc gia.

Bảo đảm an ninh thông tin là sử dụng các quy phạm pháp luật, sử dụng các biện pháp tổ chức, điều tra, nghiệp vụ tình báo, phản gián, khoa học và công nghệ, thông tin và phân tích, nguồn nhân lực, kinh tế và các biện pháp khác nhằm dự đoán, phát hiện, ngăn chặn, đẩy lùi các mối đe dọa và giảm nhẹ những tác hại của chúng.

Các công cụ đảm bảo an ninh thông tin là các hành lang pháp lý, là việc tổ chức, là phương tiện kỹ thuật và một số phương tiện khác, được sử dụng cho lực lượng làm nhiệm vụ bảo đảm an ninh thông tin.

Hệ thống bảo đảm an ninh thông tin là sự tổng hợp các nguồn lực bảo đảm an ninh thông tin, tham gia vào việc phối hợp và lên kế hoạch thực hiện, và các trang thiết bị bảo đảm an ninh thông tin.

4. Bảo vệ an ninh, an toàn thông tin, chủ quyền quốc gia trên không gian mạng của một số nước hiện nay

Đối với Mỹ:

Trong Bộ Quốc phòng Mỹ có khoảng 40 tổ chức hoạt động liên quan đến bảo vệ hệ thống thông tin, điều tra tội phạm máy tính, thực hiện các hành động tác chiến trong mạng thông tin, trinh sát và các tổ chức khác thực hiện các nhiệm vụ đặc biệt liên quan đến chiến tranh thông tin.

Từ tháng 8/1994, Học viện Quốc phòng Mỹ đã tổ chức khóa học đầu tiên về chuyên ngành chiến tranh thông tin. Nội dung của chương trình giảng dạy bao gồm các hình thức chiến tranh thông tin: Chiến tranh điện tử, chiến tranh tâm lý, chiến tranh sử dụng các công cụ tình báo, chiến tranh sử dụng tiềm năng của tin tức, chiến tranh mạng. Chương trình đào tạo chỉ huy các lực lượng tiến hành chiến tranh thông tin cũng được đưa vào huấn luyện, giảng dạy trong quân đội Mỹ.

Tháng 10/1998, Bộ Quốc phòng Mỹ đã giới thiệu “Học thuyết chung về hoạt động thông tin”, quy định các chương trình bảo mật thông tin, cũng như các biện pháp tổ chức tác chiến thông tin. Trong đó, những nét chính là: phát triển các định hướng chính sách trong lĩnh vực an ninh quốc gia, có tính đến tốc độ phát triển ngày càng nhanh chóng của công nghệ thông tin, xem xét năng lực các hệ thống bảo vệ chống lại các hệ thống vũ khí thông tin hiện đại; hướng tới sự thống trị thông tin chiến lược - yếu tố nòng cốt của chính sách nhà nước trong lĩnh vực an ninh quốc gia và định hướng phát triển công nghệ thông tin giai đoạn mới; bảo đảm tính ổn định và an toàn của hệ thống thông tin trong tổng

thể hệ thống chính quyền trung ương và địa phương trong trường hợp xảy ra chiến tranh thông tin; tăng hiệu quả tương tác giữa các cơ quan chính phủ và tư nhân trong tình huống sẵn sàng cho các cuộc tấn công thông tin có thể xảy ra. Nhiều biện pháp được thực hiện như phát triển các loại vũ khí thông tin mới, nghiên cứu các lý thuyết và phương pháp luận về chiến tranh thông tin...

Để thực hiện chiến lược chiến tranh thông tin, lực lượng vũ trang Mỹ được trang bị vũ khí thông tin, phát triển chiến lược và chiến thuật, đồng thời triển khai một số chương trình quân sự quy mô lớn để phát triển và cải thiện các hệ thống vũ khí tấn công và phòng thủ sử dụng trong chiến tranh thông tin. Một số đơn vị của lực lượng vũ trang Mỹ cũng được tổ chức lại. Trong hải quân và không quân Mỹ, một số đơn vị đặc biệt đã được thành lập để thực hiện các nhiệm vụ chuyên trách về chiến tranh thông tin. Bộ chỉ huy chiến lược của các lực lượng này đã đưa vào vận hành các hệ thống giám sát cảnh báo sớm cho những cuộc tấn công về chiến tranh thông tin.

Đối với Liên bang Nga:

Nga sử dụng khái niệm “đối đầu thông tin chiến lược” và phân loại hình thức đối đầu này thành hai thế hệ: Thế hệ đối đầu thông tin chiến lược thứ nhất được xem xét cùng với các phương tiện đối đầu truyền thống (hạt nhân, hóa học, sinh học và các phương tiện khác); thế hệ đối đầu thông tin chiến lược thứ hai được định nghĩa là một kiểu đối đầu chiến lược mới về cơ bản được đưa vào cuộc sống bởi cuộc cách mạng thông tin, đưa vào các lĩnh vực có thể đối đầu với không gian thông tin và một số lĩnh vực khác (chủ yếu là nền kinh tế) trong một khoảng thời gian dài: Nhiều tuần, tháng và năm. Việc phát triển và cải thiện các cách tiếp cận để tiến hành đối đầu thông tin chiến lược thế hệ thứ hai trong tương lai có thể dẫn đến sự loại bỏ hoàn toàn việc sử dụng lực lượng quân sự, vì các chiến dịch thông tin được phối hợp thực hiện mà không cần sử dụng hành động quân sự. Nga cho rằng, mặc dù hậu quả của đối đầu thông tin chiến lược của thế hệ thứ nhất vẫn có thể dự đoán được bằng các kỹ thuật, công nghệ hiện có, nhưng

với thế hệ đối đầu thứ hai hiện rất khó có thể hình dung cụ thể được và các kỹ thuật dự báo hiện tại chỉ có thể được áp dụng để phân tích hậu quả một cách rất hạn chế. Nhiệm vụ đảm bảo an ninh thông tin là một yếu tố không thể thiếu trong an ninh quốc gia, và duy trì lợi thế thông tin là rất quan trọng. Việc không tuân thủ các yêu cầu bảo vệ thông tin có thể dẫn đến những tổn thất đáng kể trong lĩnh vực thông tin và cuối cùng là thiệt hại to lớn đối với nền kinh tế, chính trị và quốc phòng của đất nước.

Ở quy mô quốc gia, việc chuẩn bị cho chiến tranh thông tin là cải thiện hạ tầng cơ sở thông tin quốc gia, bao gồm tất cả các phương tiện điện tử, hệ thống ngân hàng, hệ thống truyền thông, giao thông, năng lượng, công nghiệp và ngành dịch vụ. Vi phạm các quy tắc bảo vệ thông tin dẫn đến rò rỉ thông tin bí mật được quy định rõ ràng mức xử phạt theo các điều khoản của Bộ luật hình sự và Bộ luật vi phạm hành chính của Liên bang Nga.

Nhiệm vụ chính của các cơ quan hành pháp liên bang trong lĩnh vực chiến tranh thông tin:

(1) Xây dựng các đề xuất để hoạch định chính sách của Nhà nước trong lĩnh vực chiến tranh thông tin, dự báo, xác định, đánh giá các nguồn và bản chất của các mối đe dọa có thể được sử dụng với các phương tiện và phương pháp chiến tranh thông tin chống lại Nhà nước.

(2) Thu thập thông tin tình báo về các nền tảng, hệ thống công nghệ thông tin được phát triển và sử dụng của các phe đối lập. Giám sát liên tục và đánh giá một cách tổng thể toàn bộ các vấn đề phức tạp liên quan đến phát triển vũ khí thông tin và chuẩn bị cho cuộc chiến thông tin của các quốc gia có hạ tầng thông tin tiên tiến nhất.

(3) Bảo vệ sự lãnh đạo chính trị - quân sự của đất nước, cũng như ý thức cá nhân, nhóm và quần chúng nhân dân khỏi tác động của phe đối lập với các phương tiện và phương pháp ảnh hưởng tâm lý thông tin.

(4) Tổ chức phản công chống các hoạt động tuyên truyền gây bất lợi cho Nga với việc sử dụng các phương tiện và phương pháp ảnh hưởng tâm lý thông tin.

(5) Bảo vệ hạ tầng thông tin khỏi việc tác động hoặc xâm phạm trái phép của phe đối lập.

(6) Phát triển một mô hình các mối đe dọa đối với lợi ích nhà nước trong lĩnh vực tâm lý thông tin, dựa trên nghiên cứu khoa học sâu sắc và đa dạng. Việc tạo ra một mô hình như vậy có thể mang lại cho quá trình tìm kiếm, xác định và phân loại các mối đe dọa, đồng thời phát triển các khuyến nghị về phương pháp để xác định các mối đe dọa và theo dõi sự phát triển của các tình huống đe dọa, sử dụng trong các cơ quan điều hành, hoặc các cơ quan có liên quan trong việc đảm bảo an ninh thông tin, như một công cụ đáng tin cậy giúp tăng hiệu quả và năng suất làm việc gấp nhiều lần.

(7) Xây dựng và phát triển một chiến lược để thực hiện các hoạt động bí mật trên lĩnh vực tâm lý thông tin trong thời bình và trong khi bị đe dọa (với mức độ leo thang căng thẳng khác nhau trong quan hệ quốc tế).

(8) Xây dựng khung pháp lý cho các hoạt động, đặc biệt trong lĩnh vực tâm lý thông tin, sử dụng vũ khí thông tin và phương pháp chiến tranh thông tin.

(9) Xây dựng hệ thống phản ứng nhanh trước các cuộc tấn công thông tin bất ngờ, có khả năng kiềm chế kẻ thù, buộc kẻ thù phải từ bỏ tất cả hoặc ít nhất một phần kế hoạch của mình, nắm bắt tình hình và tạo điều kiện thuận lợi nhất để phản công.

(10) Tạo ra một hệ thống an ninh đặc biệt cho các hệ thống máy tính chỉ huy và kiểm soát lực lượng vũ trang.

Đối với Trung Quốc:

Quan điểm về chiến tranh thông tin ở Trung Quốc được hình thành dưới ảnh hưởng của các khái niệm lý thuyết đã phát triển và kinh nghiệm thực tiễn sâu rộng mà xã hội phương Đông truyền thống có được trong lịch sử nhiều thế kỷ của Trung Quốc, cũng như nghiên cứu kỹ lưỡng kinh nghiệm hiện đại về tiến hành chiến tranh thông tin ở các vùng xung đột với sự tham gia của NATO và các cường quốc hàng đầu thế giới như Mỹ.

Sự tăng trưởng nhanh chóng về dân số tạo ra các điều kiện tiên quyết cần thiết để thực hiện chiến tranh thông tin ở Trung Quốc. Truyền thống chiến tranh nhân dân có thể sẽ tạo ra đặc trưng về chiến tranh thông tin của người Trung Quốc khác với phương Tây. Người Trung Quốc sinh sống ở nhiều quốc gia nên có điều kiện thuận lợi cho việc triển khai công tác tình báo và truyền bá văn hóa Trung Quốc ra thế giới.

Việc tổ chức không gian thông tin của Trung Quốc tạo ra các tuyến phòng thủ và phương tiện kiểm soát có hiệu quả cao. Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của học thuyết về chiến tranh thông tin và mối quan tâm của Bắc Kinh liên quan đến việc chuẩn bị và tiến hành đối đầu thông tin, cách tiếp cận có hệ thống của lãnh đạo Trung Quốc đối với chính sách quân sự và kỹ thuật quân sự hiện nay và sự tăng trưởng nhanh chóng của sức mạnh kinh tế và chính trị, có thể nhận định rằng Trung Quốc đã sẵn sàng cho cuộc chiến tranh thông tin ở quy mô toàn cầu.

Đối với Ixraen:

Từ đầu những năm 1990, Ixraen bắt đầu nghiên cứu khái niệm về “chiến tranh công nghệ cao” qua các nghiên cứu về “chiến trường tương lai”. Họ phân tích hướng đi của công nghệ thông tin trong các cuộc chiến tranh, tiềm năng của những vũ khí điều khiển có tính chính xác cao, như tên lửa tự động, hệ thống điều khiển chỉ huy, tổ hợp công nghệ cao và chiến tranh trên không gian mạng. Bảo mật an ninh công nghệ cao trong lĩnh vực quân sự đã được định hướng là một kiểu “chiến tranh thông tin”, giúp chiếm ưu thế trong mối quan hệ với kẻ thù, là chìa khóa quyết định những xung đột quân sự. Trong lĩnh vực dân sự, pháp luật của nhà nước và các chính sách tập trung chủ yếu vào bảo mật thông tin - nghĩa là bảo vệ dữ liệu và hệ thống máy móc vi tính.

Chiến lược của Ixraen phụ thuộc nhiều vào việc phát triển những phương pháp liên ngành của “hệ sinh thái an ninh mạng” đa ngành, nghĩa là sẽ tích hợp các phòng thí nghiệm nghiên cứu quốc gia, các đơn vị

tình báo quân đội, các tổ chức có hệ thống thông tin, chỉ huy và điều hành tích hợp (C4I), Cục An ninh mạng quốc gia với các doanh nhân và công ty khởi nghiệp. Như vậy, Ixraen đang phát triển một chiến lược phòng thủ nhiều tầng lớp, tận dụng các hệ thống máy tính tự động và con người được đào tạo tốt với khả năng chủ động kết hợp với trí thông minh, cảnh báo sớm, phòng thủ bị động, chủ động và khả năng tấn công ở cả dân sự lẫn quân sự.

Điều quan trọng đối với an ninh mạng của Ixraen là việc lựa chọn, huấn luyện, nghiên cứu và phát triển kỹ năng, kinh nghiệm cho lực lượng làm nhiệm vụ an ninh mạng.

5. Biện pháp bảo vệ an ninh, an toàn thông tin, chủ quyền quốc gia trên không gian mạng của Việt Nam

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư làm bùng nổ nhiều phương tiện truyền thông mới, làm cho những người sử dụng phương tiện thông tin truyền thông gia tăng một cách nhanh chóng, theo hướng chuyên nghiệp hóa ngày càng cao. Nhờ đó, thông điệp được truyền đạt tới công chúng một cách nhanh chóng hơn, cập nhật hơn. Để đảm bảo an ninh, an toàn thông tin trong bối cảnh xã hội thông tin ở nước ta hiện nay, một số định hướng và giải pháp cần được chú ý như sau:

Một là, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước về bảo vệ chủ quyền quốc gia trên không gian mạng, đảm bảo an ninh, an toàn thông tin, chủ quyền trên không gian mạng. Sự phối hợp đồng bộ, thống nhất và phù hợp của các tổ chức, cơ quan quản lý nhà nước và các bộ, ban, ngành, địa phương về bảo vệ an ninh, an toàn thông tin, chủ quyền quốc gia trên không gian mạng của Việt Nam.

Hai là, đảm bảo sự toàn vẹn về chủ quyền, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trên các hệ thống thông tin, cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật. Tuy nhiên, cần xác định rõ mục tiêu, điều kiện tiên quyết và có chiến lược, giải pháp, lộ trình cụ thể nhằm tận dụng cơ hội, đổi mới với thách thức của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Để làm được điều này cần có sự thống nhất mục tiêu và chiến lược trong phát triển

hạ tầng, đổi mới từng bước, từng giai đoạn và hướng tới đổi mới mạnh mẽ, toàn diện hạ tầng cơ sở công nghệ.

Ba là, xây dựng một hệ thống cơ sở pháp lý, ban hành luật pháp và hướng dẫn thực thi pháp luật. Mặc dù hiện tại nước ta đã ban hành hai văn bản luật là Luật an toàn thông tin mạng và Luật an ninh mạng, nhưng chúng ta vẫn cần hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật hiện có. Cần xác định rõ trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong bảo vệ an ninh, an toàn thông tin, chủ quyền trên không gian mạng và có chế tài xử lý nghiêm các hành vi vi phạm; cần có các giám sát phù hợp với các công ty đang hoạt động trên môi trường internet, đặc biệt là các doanh nghiệp cung cấp các dịch vụ mạng xã hội và truyền thông xã hội; có các điều kiện trong quản lý các hoạt động trên internet đảm bảo chủ quyền, lợi ích và an ninh quốc gia. Bên cạnh đó, cần tổ chức các hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý việc thực hiện các quy định của pháp luật.

Bốn là, xây dựng cơ chế phối hợp và tận dụng sức mạnh toàn dân trong đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, chủ quyền quốc gia trên không gian mạng. Trong đó, nhân tố con người đóng vai trò quan trọng và cần thiết. Với mỗi người dân cần có ý thức đảm bảo an toàn, an ninh thông tin từ chính các hoạt động của mình trên internet, mạng xã hội.

Năm là, đào tạo nguồn nhân lực quản lý an toàn, an ninh thông tin tại các cơ quan, đơn vị quản lý; chú trọng các lực lượng chuyên trách đảm bảo và bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia trên không gian mạng. Phối hợp các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện công tác nghiên cứu, chiến đấu trong bảo vệ bí mật nhà nước, chủ quyền quốc gia, an ninh quốc gia trong các lĩnh vực thông tin, truyền thông, báo chí. Cần kiện toàn các lực lượng tác chiến mạng thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, Ban Cơ yếu Chính phủ, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an...

Sáu là, tuyên truyền và truyền thông về đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, chủ quyền quốc gia trên không gian mạng đối với các hoạt động thông tin trong môi trường internet, đặc biệt là các hoạt động trên mạng xã hội. Xây dựng các chiến lược truyền thông hợp lý, phù hợp với

đại đa số công chúng. Đặc biệt, phối hợp với các cơ quan báo chí - truyền thông hay các tổ chức, cơ quan truyền thông để thực hiện các chiến dịch truyền thông liên quan đến an toàn, an ninh thông tin trên không gian mạng.

Bảy là, xây dựng mô hình quản lý thông tin trên mạng xã hội và truyền thông xã hội. Xây dựng mô hình quản lý theo hướng hiện đại với các tiêu chí chủ động, thống nhất, kịp thời và hiệu quả. Trong đó, Nhà nước sử dụng các công cụ quản lý như hệ thống pháp luật và các cơ quan quản lý nhà nước trên không gian mạng, tuyên truyền, định hướng dư luận xã hội và các đơn vị giám sát thông tin trên không gian mạng. Nhà cung cấp mạng xã hội và dịch vụ thông tin trên internet sử dụng các công cụ phối hợp quản lý, như các quy định của pháp luật về quản lý nội dung, hệ thống nhân sự và quản lý nội dung thông tin trên không gian mạng. Cơ quan báo chí, truyền thông sử dụng các công cụ kỹ thuật phối hợp quản lý như thiết lập các trang cộng đồng, các kênh video hay các tài khoản mạng xã hội để đăng tải thông tin tích cực, chính thống để định hướng dư luận. Xây dựng các bộ quy tắc ứng xử trên mạng xã hội cho người sử dụng.

Tám là, đầu tư tiềm lực cho bảo vệ chủ quyền quốc gia trên không gian mạng. Ưu tiên bố trí nguồn lực và kinh phí từ ngân sách nhà nước cho các công tác bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, chủ quyền quốc gia trên không gian mạng. Tăng cường xây dựng và mở rộng cơ sở vật chất, hạ tầng cho các cơ quan chuyên trách.

Chín là, tăng cường và mở rộng hợp tác quốc tế. Thực hiện tốt các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về mở rộng và tăng cường hợp tác quốc tế trong an toàn và an ninh mạng, đảm bảo chủ quyền quốc gia trên không gian mạng. Tham gia các công ước quốc tế trong bảo vệ không gian mạng, phòng, chống tội phạm mạng. Bên cạnh đó, cần tăng cường hợp tác với các đối tác có trình độ cao về công nghệ thông tin để đào tạo nguồn nhân lực, tiếp thu công nghệ và kinh nghiệm bảo vệ an toàn, an ninh quốc gia trên không gian mạng.

PHƯƠNG THỨC ĐẤU TRANH PHI VŨ TRANG BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG TÌNH HÌNH MỚI

Đại tá, TS. NGÔ QUỐC HẢI*

Dấu tranh phi vũ trang là những hoạt động đấu tranh thường xuyên trong thời bình của một quốc gia độc lập, có chủ quyền, được tiến hành trên tất cả các lĩnh vực của đời sống chính trị, xã hội, với nhiều hình thức, biện pháp khác nhau ở nước ta, hoặc đấu tranh phi vũ trang tiến hành trên từng lĩnh vực với hình thức, biện pháp đấu tranh phù hợp, nhằm làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình”, ngăn chặn “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa, giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, giữ vững chủ quyền các vùng biển, đảo, vùng trời, lợi ích quốc gia, dân tộc; bảo vệ sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, giữ vững ổn định chính trị, môi trường hòa bình để xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Ngày 25/10/2013, Hội nghị Trung ương 8 khóa XI ban hành Nghị quyết số 28-NQ/TW về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, xác định quan điểm bảo vệ Tổ quốc là: Giữ vững vai trò lãnh đạo trực tiếp,

* Phó Chủ nhiệm Bộ môn chiến lược, Khoa Chiến lược, Học viện Quốc phòng.

tuyệt đối về mọi mặt của Đảng, nâng cao hiệu quả quản lý của Nhà nước với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển kinh tế - xã hội là lợi ích cao nhất của đất nước. Đồng thời, luôn nêu cao cảnh giác, đánh bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, không để bất ngờ trong mọi tình huống. Kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược; lấy nội lực bên trong là nhân tố quyết định, phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt, văn hóa là nền tảng, quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên. Xây dựng sức mạnh tổng hợp về chính trị tư tưởng, kinh tế - xã hội, văn hóa, quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Quán triệt đường lối độc lập, tự chủ, đồng thời chủ động, tích cực hội nhập quốc tế; kiên trì chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa... tránh xung đột, đối đầu, tránh bị cô lập, phụ thuộc. Vận dụng đúng đắn quan điểm “đối tác, đối tượng” một cách biện chứng. Chủ động ngăn ngừa, phát hiện sớm và triệt tiêu những nhân tố bên trong có thể dẫn đến những đột biến bất lợi.

1. Nhận thức về đấu tranh phi vũ trang và thực trạng đấu tranh phi vũ trang bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa

a) Nhận thức về đấu tranh phi vũ trang

Đấu tranh phi vũ trang bảo vệ Tổ quốc là hoạt động đấu tranh giữ nước, được thực hiện bằng tổng thể các hình thức, biện pháp đấu tranh trên các lĩnh vực chính trị, tư tưởng, kinh tế, dân tộc, tôn giáo, văn hóa, ngoại giao, pháp lý... do toàn Đảng, toàn dân và cả hệ thống chính trị tiến hành; dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng và sự chỉ đạo, điều hành tập trung thống nhất của Nhà nước nhằm tạo sức mạnh tổng hợp, toàn diện của quốc gia, đối phó có hiệu quả với các nguy cơ an ninh truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới.

Mục đích đấu tranh phi vũ trang là “Phát huy mạnh mẽ sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị, tranh thủ tối đa sự đồng tình, ủng hộ của cộng đồng quốc tế, kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ công cuộc đổi mới, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc; bảo vệ nền văn hóa dân tộc; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội”¹; chủ động ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu, hành động chống phá của các thế lực thù địch và sẵn sàng ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống mang tính toàn cầu, không để bị động, bất ngờ.

Đối tượng đấu tranh phi vũ trang rất đa dạng, bao gồm nhóm đối tượng bên ngoài và nhóm đối tượng bên trong. Nhóm đối tượng bên ngoài đe dọa đến sự tồn vong của chế độ, đến vai trò lãnh đạo của Đảng, đến độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, lợi ích quốc gia - dân tộc, đến sự ổn định của đất nước, bao gồm: Các thế lực thù địch, phản động thực hiện âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ, gây xung đột vũ trang, lấn chiếm biên giới, biển, đảo... đe dọa đến sự tồn vong của chế độ, xâm phạm đến độc lập, chủ quyền lãnh thổ; các tổ chức, tập đoàn kinh tế nước ngoài lợi dụng liên kết, liên doanh, đầu tư kinh tế... để chi phối, khống chế nền kinh tế nước ta, làm chệch hướng xã hội chủ nghĩa; các đối tượng gây ra thách thức an ninh phi truyền thống mang tính toàn cầu, như khủng bố, các tội phạm xuyên quốc gia... Nhóm đối tượng bên trong là những đối tượng nội sinh, tồn tại trong mỗi con người, tổ chức, trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, bao gồm các đối tượng nhận thức mơ hồ về chính trị, tư tưởng hoài nghi về tính đúng đắn của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; những kẻ cơ hội chính trị “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, các phần tử có tư tưởng đa nguyên, đa đảng, chỉ chú trọng phát triển kinh tế, không coi trọng quốc phòng,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.147-148.

an ninh, muốn “phi chính trị hóa” quân đội; dựa vào nước ngoài để giữ độc lập dân tộc, chủ quyền lãnh thổ quốc gia...

Lực lượng tham gia đấu tranh phi vũ trang là lực lượng toàn dân, của cả hệ thống chính trị, trong đó trên từng lĩnh vực cụ thể sẽ do lực lượng của từng bộ, ban, ngành hoặc liên bộ, ngành làm nòng cốt. Đấu tranh phi vũ trang đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, tuyệt đối về mọi mặt của Đảng, quản lý, điều hành thống nhất của Nhà nước. Các bộ, ban, ngành, đoàn thể làm tham mưu, trực tiếp chỉ đạo, chỉ huy các lực lượng tham gia đấu tranh thuộc lĩnh vực bộ, ban, ngành phụ trách.

b) *Kết quả đấu tranh phi vũ trang bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa*

- *Trên lĩnh vực chính trị tư tưởng:*

Trong những năm qua, trên lĩnh vực chính trị tư tưởng, Đảng ta đã xác định “Phương thức bảo vệ Tổ quốc là kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh phi vũ trang và đấu tranh vũ trang, kết hợp xây dựng với bảo vệ, lấy xây dựng để bảo vệ; nhấn mạnh phương thức “phi vũ trang”, bảo vệ Tổ quốc từ xa, đấu tranh chống “diễn biến hòa bình” và phòng, chống “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, cụ thể hóa quan điểm chủ động bảo vệ Tổ quốc từ thời bình, giữ nước từ lúc nước chưa lâm nguy; phát triển, hoàn thiện quan điểm “tự bảo vệ” trong điều kiện mới”¹. Đồng thời, có nhiều chủ trương, biện pháp đẩy mạnh cuộc đấu tranh phê phán những quan điểm sai trái, thù địch nhằm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa. Nâng cao nhận thức về nguy cơ, thách thức đối với an ninh quốc gia, các mối đe dọa an ninh phi truyền thống, về an ninh chủ động, an ninh mạng, vị trí, vai trò của quốc phòng, an ninh trong tình hình mới. Tuy nhiên, cuộc đấu tranh trên lĩnh vực chính trị tư tưởng còn nhiều hạn chế, bất cập, chưa đáp ứng được tình hình và nhiệm vụ đặt ra. Còn không ít cấp ủy,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam - Ban Chấp hành Trung ương - Ban Chỉ đạo tổng kết: *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986 - 2016)*, Sđd, tr.121.

chính quyền, đoàn thể, cán bộ, đảng viên và nhân dân chưa nhận thức đúng tính chất nguy hiểm của những quan điểm sai trái, thù địch về âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình”, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, “phi chính trị hóa” lực lượng vũ trang, làm ảnh hưởng đến niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước; chưa dự báo được những vấn đề mới nảy sinh, kể cả sự xuất hiện những quan điểm sai trái nên chúng ta còn thiếu chủ động, thiếu chuẩn bị trong đấu tranh phê phán.

- Trên lĩnh vực kinh tế:

Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, được vận dụng một cách sáng tạo, phù hợp với tình hình thực tiễn trong nước và tình hình quốc tế, từng bước thực hiện được mục tiêu: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Nhà nước đã và đang từng bước hoàn thiện đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho kinh tế phát triển; tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước; tăng cường vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trong nền kinh tế quốc dân. Đồng thời, xây dựng các chủ trương, chính sách đúng đắn, sát thực tế nhằm phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống cho nhân dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn. Tuy nhiên, việc tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận nhằm làm rõ tính khoa học trong đường lối kinh tế của Đảng, kịp thời đúc kết thành lý luận, không tạo ra khoảng trống về lý luận, tư tưởng để kẻ thù lợi dụng chống phá vẫn còn có mặt hạn chế. Phương châm gắn tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, thực hiện tốt các chính sách xã hội, nhất là với đồng bào các dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo còn chưa theo kịp sự thay đổi của thực tế.

- Trên lĩnh vực dân tộc và tôn giáo:

Đảng, Nhà nước và các cấp, các ngành đã làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, quán triệt quan điểm, chính sách dân tộc, tôn giáo, nhất là chính sách phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng tinh thần

đoàn kết giữa đồng bào theo các tôn giáo khác nhau, giữa các dân tộc; đấu tranh ngăn chặn những hành vi lợi dụng các vấn đề dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động trái pháp luật, kích động chia rẽ các dân tộc, tôn giáo; không ngừng củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, giữ vững ổn định chính trị - xã hội; đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, thường xuyên chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, nhất là đồng bào dân tộc, tôn giáo. Tuy nhiên, việc ngăn chặn truyền bá tư tưởng phản động, kích động ly khai dân tộc, gây chia rẽ đồng bào các dân tộc, tôn giáo, phủ nhận thành tựu của công cuộc đổi mới và sự khởi sắc của vùng đồng bào dân tộc, miền núi, vùng đồng đồng bào có đạo sinh sống... của các thế lực thù địch chưa được triệt để, gây khó khăn cho cấp ủy, chính quyền các địa phương trong việc triển khai các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước...

- Trên lĩnh vực đối ngoại:

Đường lối đối ngoại của Đảng ta là độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ. “Việt Nam tích cực và chủ động hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, coi đó là nhân tố quan trọng để tạo môi trường hòa bình, ổn định và thuận lợi cho phát triển đất nước”¹, nâng cao vị thế của đất nước, nhằm mục tiêu tối thượng là lợi ích quốc gia - dân tộc; tranh thủ được các điều kiện quốc tế thuận lợi để phát triển đất nước, nâng cao đời sống nhân dân, giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, quảng bá hình ảnh Việt Nam, tăng cường sức mạnh tổng hợp quốc gia; tham gia có trách nhiệm trong các hoạt động đa phương, góp phần tích cực vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới. Tích cực đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, chống phá, xuyên tạc đường lối đối ngoại, hội nhập quốc tế; đấu tranh phòng, chống âm mưu, hành động “diễn biến hòa bình”, thúc đẩy “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

1. Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Bộ Quốc phòng: Quốc phòng Việt Nam 2019, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2019, tr.15.

Trong quan hệ quốc tế, vấn đề cốt lõi là lợi ích quốc gia - dân tộc, nhưng một số cán bộ các cấp, các ngành vẫn bị chi phối bởi tư tưởng cục bộ, địa phương, chưa nhận thức một cách đầy đủ, toàn diện các khía cạnh của lợi ích quốc gia - dân tộc. Việc nghiên cứu về mối quan hệ giữa hội nhập quốc tế và bảo đảm độc lập, tự chủ, giữ vững chủ quyền quốc gia chưa thật thấu đáo. Nơi này, nơi khác nhận thức về “đối tác, đối tượng” vẫn chưa thật đầy đủ, sâu sắc.

2. Những vấn đề chủ yếu về phương thức đấu tranh phi vũ trang bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới

a) Dự báo tình hình thế giới, khu vực

Từ nay đến năm 2030, tình hình thế giới sẽ diễn biến phức tạp, khó lường, không loại trừ đột biến, nhưng “hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn”¹; với những đặc điểm cơ bản là toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư ngày càng tác động sâu rộng đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Cộng đồng thế giới phải đổi phò ngày càng quyết liệt hơn với các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống, nhất là chiến tranh không gian mạng, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh. ““Chủ nghĩa dân tộc cực đoan”, “chủ nghĩa bảo hộ” ngày càng nổi lên trong quan hệ quốc tế”², sự phụ thuộc của các nước đang phát triển, nước nhỏ vào nước lớn có xu hướng gia tăng.

Các nước lớn luôn đặt lợi ích quốc gia - dân tộc lên hàng đầu, gia tăng cạnh tranh chiến lược và tranh giành vai trò lãnh đạo thế giới. Kết hợp răn đe quân sự với biện pháp kinh tế, văn hóa, chính trị, ngoại giao tạo “sức mạnh mềm”, sẵn sàng can thiệp vũ trang, tấn công các nước nhỏ, hòng buộc các nước phải khuất phục, thay đổi chế độ chính trị, mà chưa cần tiến hành chiến tranh lớn. Xung đột vũ trang, chiến tranh cục

1, 2. Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Bộ Quốc phòng: Quốc phòng Việt Nam 2019, Sđd, tr.11.

bộ do mâu thuẫn sắc tộc, tôn giáo, tranh chấp lãnh thổ, tài nguyên, can thiệp lật đổ, khủng bố tiếp diễn phức tạp; các điểm nóng vẫn tồn tại và mở rộng ở nhiều khu vực; vấn đề di dân tự do tác động phức tạp đến an ninh, ổn định và quan hệ quốc tế của nhiều nước. Vai trò của luật pháp quốc tế, cơ chế quốc tế tăng lên, nhưng một số nước vẫn đơn phương sử dụng và đe dọa sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế.

Châu Á - Thái Bình Dương là một trọng điểm trong hoạch định chiến lược của các nước; có vị trí địa kinh tế - chính trị quan trọng trên thế giới, nhưng tiềm ẩn nhiều nhân tố bất ổn. Tranh chấp chủ quyền lãnh thổ, tài nguyên, khu vực Biển Đông, Hoa Đông, eo biển Đài Loan, vấn đề hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên, hoạt động khủng bố vũ trang, thúc đẩy chạy đua vũ trang, là thách thức nghiêm trọng đe dọa hòa bình, an ninh, ổn định và hợp tác, phát triển trong khu vực.

Đông Nam Á là khu vực phát triển năng động, tâm điểm cạnh tranh chiến lược quyết liệt về lợi ích của các nước lớn, tiềm ẩn nhiều nguy cơ, thách thức. Cộng đồng ASEAN tiếp tục phát huy vai trò trung tâm hợp tác, thúc đẩy liên kết khu vực Đông Á, nhưng vẫn đối mặt nhiều khó khăn, thử thách. Tranh chấp chủ quyền trên biển, đảo giữa nước lớn với một số nước ASEAN buộc các nước trong khu vực phải đầu tư nhiều hơn cho quốc phòng; mâu thuẫn sắc tộc, tôn giáo, chính trị, xã hội, an ninh hàng hải, hàng không, an ninh mạng, tội phạm xuyên quốc gia, thiên tai, thảm họa, khủng bố... diễn biến ngày càng phức tạp. Sự cạnh tranh và thỏa hiệp giữa các nước lớn sẽ tác động sâu sắc đến an ninh, ổn định của khu vực.

b) Tình hình trong nước

Qua gần 35 năm đổi mới, nền quốc phòng toàn dân được tăng cường, củng cố; kiên quyết, kiên trì đấu tranh giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, giữ vững hòa bình, ổn định để phát triển đất nước. Hội nhập quốc tế về quốc phòng ngày càng sâu rộng, hiệu quả, góp phần nâng cao sức mạnh tổng hợp, vị thế quốc tế của Việt Nam. Sức mạnh của lực lượng vũ trang được tăng cường, phát

huy vai trò nòng cốt của Quân đội nhân dân và Công an nhân dân trong đấu tranh làm thất bại âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch; đối phó có hiệu quả với thách thức an ninh phi truyền thống.

Trong quá trình phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế sâu rộng, nước ta vẫn tiềm ẩn nhiều khó khăn, thách thức; nền kinh tế tiếp tục phát triển nhưng vẫn đứng trước nguy cơ tụt hậu, không bền vững. Bốn nguy cơ mà Đảng ta chỉ ra vẫn tồn tại, có mặt còn diễn biến phức tạp hơn. Những vấn đề phức tạp về quốc phòng, an ninh, như không gian chiến lược mới, “đối tượng, đối tác” mới, sự “xâm lăng” về kinh tế, văn hóa, xã hội... Các thế lực thù địch, phản động tiến hành quyết liệt âm mưu, hoạt động chống phá toàn diện trên các lĩnh vực, nhất là phá hoại nền tảng chính trị, tư tưởng, nhằm xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta, “phi chính trị hóa” lực lượng vũ trang. Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tệ quan liêu, tham nhũng, “lợi ích nhóm”..., ảnh hưởng nghiêm trọng đến “thế trận lòng dân”. Các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị hình thành các tổ chức đối lập; lợi dụng vấn đề “dân chủ, nhân quyền”, tôn giáo, dân tộc để gây mâu thuẫn nội bộ, sử dụng mạng xã hội xuyên tạc đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, chia rẽ Đảng, nhân dân và lực lượng vũ trang.

Sự nghiệp bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới đứng trước nhiều khó khăn, thách thức. Các nước lớn với ưu thế về kinh tế, quân sự, tham vọng và hành động độc chiếm Biển Đông tập trung chống phá Việt Nam cả về chính trị, quân sự, kinh tế, ngoại giao, văn hóa ngay trong thời bình và sẵn sàng gây xung đột vũ trang. Việc huy động nguồn lực để bảo vệ chủ quyền biển, đảo cũng ảnh hưởng đến đầu tư phát triển kinh tế - xã hội. Nếu không xử lý hữu hiệu tranh chấp chủ quyền biển, đảo sẽ ảnh hưởng đến sự đồng thuận nội bộ; gia tăng tâm lý “bài ngoại”, dễ bị kích động gây rối, bạo loạn chính trị, gia tăng nguy cơ đối đầu, xung đột, chiến tranh biển, đảo, biên giới. Chiến tranh

thông tin, chiến tranh không gian mạng ngày càng được các thế lực thù địch, phản động sử dụng rộng rãi để xâm phạm chủ quyền, an ninh, lợi ích quốc gia, phá hoại sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; chi phối, tác động lớn đến chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng, an ninh của Việt Nam. Các thách thức an ninh phi truyền thống, như an ninh kinh tế, tài chính, an ninh nguồn nước, ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, mất an toàn vệ sinh thực phẩm, nạn hàng giả, buôn lậu, ma túy, tội phạm xuyên quốc gia, cướp biển... gia tăng; kèm hâm sự phát triển kinh tế, làm suy giảm khả năng bảo đảm cho quốc phòng; ảnh hưởng lớn đến xây dựng nền quốc phòng toàn dân, hoạt động của lực lượng vũ trang trong thời bình và thời chiến.

c) Các yêu cầu trong đấu tranh phi vũ trang bảo vệ Tổ quốc

Một là, nắm vững đường lối, quan điểm của Đảng, mục tiêu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Cần giáo dục, tuyên truyền cho nhân dân và cả hệ thống chính trị nhận thức sâu sắc về vị trí, tầm quan trọng của nhiệm vụ cung cấp quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia trong tình hình mới, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc, chủ động đối phó với mọi tình huống trong thời bình và sẵn sàng đáp ứng yêu cầu trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc.

Cấp ủy, chính quyền từ Trung ương đến địa phương phải thường xuyên quán triệt, cụ thể hóa kế hoạch như: giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho từng lĩnh vực, từng giai đoạn, từng địa bàn, nhất là cho đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp; tuyên truyền, vận động nhân dân; xây dựng nền quốc phòng toàn dân; xây dựng “thế trận lòng dân” bảo vệ Tổ quốc... Việc xác định mục tiêu, phương thức đấu tranh phải đảm bảo đường lối, quan điểm của Đảng, kết quả của việc đấu tranh phi vũ trang trên các lĩnh vực là thước đo hiệu quả thực hiện đường lối, quan điểm của Đảng và mục tiêu bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Hai là, nắm chắc cơ sở pháp lý, thực trạng tình hình, các nguy cơ, thách thức, âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, xác định đúng đối tượng, kiên trì và kiên quyết tổ chức đấu tranh giành thắng lợi.

Đây là yêu cầu có tính nguyên tắc trong đấu tranh phi vũ trang trên các lĩnh vực. Đặc biệt, khi sử dụng lực lượng trong đấu tranh chống bạo loạn chính trị, bạo loạn vũ trang phải trên cơ sở pháp luật quy định và thực trạng diễn biến tình hình. Phải xây dựng cơ chế chỉ đạo, chỉ huy tập trung, thống nhất. Khi có tình huống phải khẩn trương vận hành cơ chế chỉ đạo, chỉ huy; nhận định đúng âm mưu, thủ đoạn, xác định đúng đối tượng, kịp thời ra các quyết sách; sử dụng đồng bộ các biện pháp nghiệp vụ, công cụ hỗ trợ, vận dụng đối sách linh hoạt, kịp thời để tập trung lực lượng, phương tiện giải quyết nhanh gọn, đảm bảo yêu cầu chính trị, pháp luật, nghiệp vụ và đối ngoại.

Trong quá trình đấu tranh, phải lấy vận động, giáo dục, thuyết phục là chính; kiên quyết đấu tranh, xử lý, vô hiệu hóa số đối tượng cầm đầu, tích cực, mạnh động, quá khích; kết hợp răn đe, trấn áp với khoan hồng; kiên quyết bắt giữ, xử lý số cầm đầu, chống đối cực đoan.

Ba là, chủ động, chuẩn bị chu đáo, toàn diện, đồng bộ về lực lượng và thế trận, nắm chắc diễn biến tình hình, kịp thời đấu tranh không để bị động, bất ngờ.

Cuộc đấu tranh phi vũ trang trong tình hình mới diễn biến hết sức phức tạp, đòi hỏi phải được liên tục điều chỉnh, bổ sung nhằm ứng phó kịp thời với sự biến đổi mau lẹ của tình hình thế giới, khu vực và trong nước.

Phải chủ động, chuẩn bị chu đáo, toàn diện, đồng bộ cả về lực lượng và thế trận, thường xuyên nắm chắc ý đồ chiến lược của các nước có liên quan, nhất là âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, phản động; kịp thời huy động lực lượng, phương tiện, phối hợp hiệp đồng chặt chẽ giữa các lực lượng và các mặt đấu tranh, không để bị động, bất ngờ.

Bốn là, kết hợp chặt chẽ đấu tranh phi vũ trang với đấu tranh vũ trang.

Dấu tranh phi vũ trang trong thời bình luôn là cơ sở của đấu tranh vũ trang khi có tình huống chiến tranh xảy ra. Chỉ trong điều kiện

đấu tranh phi vũ trang trên các lĩnh vực có hiệu quả, đấu tranh vũ trang mới có điều kiện thuận lợi để phát huy tác dụng mạnh mẽ và không ngừng phát triển. Ngược lại, đấu tranh vũ trang muốn giành được thắng lợi phải có những cơ sở, điều kiện, thời cơ thuận lợi do đấu tranh phi vũ trang tạo ra. Kết hợp hai phương thức này mới có thể phát huy hết khả năng của các cấp, các ngành, sở trường chiến đấu của lực lượng vũ trang, các cách đánh, ở các quy mô; đánh được địch ở mọi địa hình, mọi chiến trường, đánh được cả phía trước và sau lưng địch.

Thực hiện yêu cầu này, cấp ủy, chính quyền, các cấp, các ngành cần làm tốt công tác kết hợp trong từng mục tiêu, từng đối tượng tác chiến. Kết hợp trên từng địa bàn, trong từng thời điểm, kết hợp trong lãnh đạo, chỉ huy, kết hợp cả trong chiến lược, chiến dịch và chiến thuật. Có thể kết hợp trên từng hướng hoặc nhiều hướng chiến lược trong một thời gian nhất định, nhằm phân tán sự đối phó của địch, tạo sức mạnh tổng hợp đánh thắng địch trên chiến trường chính.

Làm tốt công tác chuẩn bị mọi mặt, từ xây dựng lực lượng, thế trận quân sự, quốc phòng địa phương trên từng hướng chiến lược, chiến trường tác chiến. Nghiên cứu xây dựng các phương án kết hợp tác chiến và tổ chức diễn tập giữa khu vực phòng thủ với lực lượng vũ trang trên từng hướng chiến lược.

3. Giải pháp cơ bản nhằm nâng cao hiệu quả đấu tranh phi vũ trang bảo vệ Tổ quốc

Một là, thường xuyên tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, nâng lực đấu tranh phi vũ trang cho các lực lượng và toàn dân.

Đấu tranh phi vũ trang là hình thức đấu tranh cơ bản, thường xuyên của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của cả hệ thống chính trị, là bộ phận quan trọng trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân; góp phần làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và chế độ xã hội chủ nghĩa.

Nội dung đấu tranh tập trung vào việc giáo dục, tuyên truyền về chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng sáng tạo và phát triển phù hợp với thực tiễn Việt Nam, sự lãnh đạo, chỉ đạo sự nghiệp xây dựng, củng cố quốc phòng của Đảng; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới, chống giáo điều, bảo thủ, trì trệ hoặc chủ quan nóng vội, đổi mới vô nguyên tắc. Vạch trần thủ đoạn thổi phồng những sơ hở, yếu kém của Đảng, Nhà nước ta trong công tác xây dựng Đảng, trong quản lý kinh tế - xã hội nhằm kích động tâm lý bất mãn, chống đối, chia rẽ nội bộ, chia rẽ khôi đại đoàn kết dân tộc.

Thường xuyên giáo dục cho nhân dân có nhận thức về mục tiêu của đấu tranh phi vũ trang trong tình hình hiện nay là nhằm bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ, bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc; giữ vững hòa bình, ổn định đất nước để tạo điều kiện cho phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Bồi dưỡng nâng cao năng lực nhận định đánh giá, dự báo tình hình cho các lực lượng; phân tích, dự đoán trước những thuận lợi, khó khăn tác động đến đấu tranh phi vũ trang, xác định rõ “đối tượng, đối tác” của cách mạng nước ta; nắm vững nội dung đấu tranh chủ yếu; phương thức, hình thức và biện pháp đấu tranh phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương; những kinh nghiệm của cha ông ta trong lịch sử đấu tranh dựng nước, giữ nước.

Giáo dục nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho người dân, cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang hiểu rõ quyền lợi, nghĩa vụ phải tham gia đấu tranh; trách nhiệm của mỗi cá nhân, tổ chức, bộ phận trong việc tham gia thực hiện thắng lợi các phuơng án, kế hoạch, biện pháp đấu tranh; cơ chế tổ chức, phối hợp giữa các lực lượng để tạo thành sức mạnh tổng hợp; trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên, tổ chức, đơn vị trong việc vận động quần chúng tham gia đấu tranh; xây dựng lực

lượng, tiềm lực quốc phòng vững mạnh để sẵn sàng đánh thắng mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch trong mọi tình huống.

Hai là, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh làm cơ sở vững chắc để lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức đấu tranh phi vũ trang giành thắng lợi.

- Xây dựng Đảng, chính quyền cơ sở vững mạnh:

Hệ thống tổ chức đảng, chính quyền cơ sở có vị trí, vai trò quan trọng trong tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước ở địa phương. Đây là cấp gần dân nhất, có điều kiện nắm bắt tâm tư, tình cảm, nguyện vọng của nhân dân; xử lý mọi diễn biến tình hình ở cơ sở nhanh chóng và kịp thời nhất. Để phát huy vai trò của hệ thống Đảng, chính quyền trong đấu tranh, đòi hỏi xây dựng, củng cố các tổ chức này vững mạnh toàn diện, trong đó tập trung:

Xây dựng các tổ chức cơ sở đảng vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức; đoàn kết nhất trí cao, gắn bó mật thiết với nhân dân, có chủ trương, biện pháp lãnh đạo đúng, phù hợp với tình hình của địa phương; có phương thức lãnh đạo khoa học và đội ngũ cán bộ, đảng viên đủ phẩm chất, năng lực; thực hiện nghiêm túc các nền nếp sinh hoạt, thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước để ngăn ngừa, hạn chế khuyết điểm, tiêu cực, bảo đảm khai thác có hiệu quả các nguồn lực; kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc, hoặc mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân trong việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Xây dựng chính quyền cơ sở trong sạch, vững mạnh, thực sự là “của dân, do dân, vì dân”; kiên quyết đưa ra khỏi bộ máy những phần tử thoái hóa, biến chất, cơ hội chính trị; ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái đạo đức, lối sống, tham nhũng, lãng phí, quan liêu, sách nhiễu nhân dân trong bộ máy chính quyền các cấp. Thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở và Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn, tạo điều kiện cho nhân dân thực hiện quyền và nghĩa vụ trong mọi

hoạt động xã hội. Mở rộng dân chủ đi đôi với tăng cường kỷ luật, kỷ cương, pháp luật.

Thường xuyên củng cố, kiện toàn Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp có đủ số lượng, chất lượng, cơ cấu phù hợp; bảo đảm đội ngũ cán bộ luôn có đủ phẩm chất, năng lực để thực hiện nhiệm vụ. Phát hiện, lựa chọn, bồi dưỡng tạo nguồn tại chỗ để bổ sung cho đội ngũ cán bộ chính quyền địa phương.

- **Xây dựng Mặt trận Tổ quốc:**

Mặt trận Tổ quốc là bộ phận quan trọng trong hệ thống chính trị các cấp, là cơ sở chính trị vững chắc của chính quyền nhân dân. Mặt trận Tổ quốc có chức năng thúc đẩy việc thực hiện dân chủ ở cơ sở, phản ánh được ý kiến, tâm tư nguyện vọng của nhân dân với Đảng, chính quyền; là lực lượng tổ chức hòa giải, không để cho các phần tử xấu lợi dụng kích động, lôi kéo tạo thành những điểm nóng phức tạp.

Cần tập trung xây dựng, củng cố Mặt trận Tổ quốc thực sự là trung tâm đoàn kết, thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo ở cơ sở; xây dựng tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội; giám sát và phản biện xã hội; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, hoạt động ngoại giao nhân dân góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Phát huy vai trò nòng cốt của Mặt trận Tổ quốc trong tập hợp quần chúng tích cực tham gia đấu tranh khi có tình huống xảy ra ở địa phương, cơ sở.

- **Xây dựng các tổ chức chính trị - xã hội:**

Xây dựng, củng cố các tổ chức chính trị - xã hội như: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân... ở cơ sở thực sự vững mạnh, làm lực lượng nòng cốt trong đấu tranh phi vũ trang ở địa phương. Bảo đảm cho các tổ chức này hoạt động có hiệu quả, thực sự là nơi tập hợp đoàn viên, hội viên vào các hoạt động đấu tranh khi có yêu cầu của chính quyền; không để các đối tượng xấu lôi kéo, kích động, lợi dụng tham gia vào các hoạt động chống đối chính quyền. Phát huy vai trò của các tổ chức này vào các phong trào của địa phương, như phong trào “Toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc”;

phát huy dân chủ; tham gia giải quyết những mâu thuẫn, khiếu kiện trong cộng đồng dân cư; xây dựng nông thôn mới và đi đầu trong việc thực hiện các thiết chế văn hóa ở cơ sở.

Ba là, tăng cường củng cố tiềm lực, lực lượng quốc phòng vững mạnh.

- Củng cố tiềm lực quốc phòng:

Tiềm lực quốc phòng là khả năng về nhân lực, vật lực, tài chính, tinh thần ở trong và ngoài nước có thể huy động để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng. Tăng cường củng cố tiềm lực quốc phòng nhằm sẵn sàng huy động các lực lượng cho đấu tranh vũ trang khi có tình huống xảy ra. Nội dung xây dựng, củng cố tiềm lực quốc phòng phải toàn diện, trong đó tập trung vào: tiềm lực chính trị - tinh thần, tiềm lực kinh tế, tiềm lực khoa học - công nghệ, tiềm lực quân sự và tiềm lực đối ngoại.

Về tiềm lực chính trị - tinh thần, cần tập trung xây dựng hệ thống chính trị, nhất là ở cơ sở vững mạnh; xây dựng Đảng, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thực sự của dân, do dân, vì dân; xây dựng lòng tin của nhân dân đối với Đảng; xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân và xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; giải quyết kịp thời các mâu thuẫn phát sinh trong đời sống nhân dân; nâng cao cảnh giác, chủ động phát hiện kịp thời và đập tan âm mưu của các thế lực thù địch lợi dụng những mâu thuẫn, bất đồng trong nhân dân để kích động, chống phá khối đại đoàn kết dân tộc; mở rộng và thực hiện tốt quyền dân chủ trong nhân dân trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội để phát huy vai trò quan trọng của nhân dân trong đấu tranh phi vũ trang ở địa phương, cơ sở.

Về tiềm lực kinh tế, phải kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế với tăng cường quốc phòng - an ninh, bảo vệ Tổ quốc; gắn phát triển kinh tế - xã hội với xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố vững mạnh; xây dựng các khu kinh tế - quốc phòng, quốc phòng - kinh tế trên các hướng chiến lược, địa bàn trọng điểm; đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất cho nhân dân các dân tộc, nhất là nhân dân ở khu vực biên giới, vùng sâu, vùng xa,

vùng biển, đảo; kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế với tăng cường quốc phòng, an ninh.

Về tiềm lực khoa học - công nghệ, cần coi trọng đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật cho nghiên cứu khoa học, có chính sách thu hút người tài, ưu đãi đối với đội ngũ các nhà khoa học; xây dựng nền công nghiệp quốc phòng đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, chế tạo, sửa chữa vũ khí, trang bị cho lực lượng vũ trang; mở rộng hợp tác quốc tế, tiếp thu khoa học - công nghệ tiên tiến của thế giới, chú trọng đẩy mạnh hợp tác về khoa học quân sự với các nước tiên tiến.

Về tiềm lực quân sự, phải thường xuyên làm tốt công tác bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho các đối tượng, làm cho mọi người nhận thức rõ bản chất, mục đích, âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch; tập trung xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, thực sự là lực lượng nòng cốt xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân đấu tranh trên các lĩnh vực; xây dựng và thường xuyên bổ sung, triển khai luyện tập, diễn tập các kế hoạch, phương án đấu tranh phù hợp với từng tình huống có thể xảy ra.

Về tiềm lực đối ngoại, cần giáo dục, tuyên truyền cho quần chúng nhân dân về hội nhập quốc tế và đối ngoại quốc phòng; củng cố tổ chức, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tham gia hội nhập quốc tế, đối ngoại quốc phòng; đổi mới nội dung, hình thức hợp tác, nâng cao hiệu quả thông tin đối ngoại, tạo sự đồng thuận của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài và dư luận quốc tế về chính sách hòa bình, hữu nghị, hợp tác phát triển của Việt Nam.

- Xây dựng và củng cố lực lượng quốc phòng:

Lực lượng quốc phòng bao gồm: lực lượng vũ trang và lực lượng của các bộ, ban, ngành từ Trung ương đến địa phương và nhân dân làm nhiệm vụ sản xuất và tham gia đấu tranh phi vũ trang, vũ trang ở từng địa bàn. Đây là lực lượng quan trọng cần được nghiên cứu tổ chức, điều chỉnh bố trí, triển khai cho phù hợp với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và tham gia đấu tranh khi có yêu cầu.

Cần nghiên cứu tăng cường điều chỉnh, bố trí lực lượng quốc phòng ngay trong quá trình quy hoạch, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, trong đó trọng tâm là bố trí lực lượng của các bộ, ngành và điều chỉnh dân cư theo yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường quốc phòng, an ninh trên các địa bàn cho phù hợp.

Việc tổ chức, điều chỉnh thế bố trí lực lượng quốc phòng cần thực hiện tốt các yêu cầu động viên được nhiều lực lượng tham gia, phân bổ hợp lý lực lượng giữa các khu vực, địa bàn; phù hợp với nhiệm vụ, phương án đấu tranh bảo vệ địa phương; tạo điều kiện cho phát triển kinh tế - xã hội; tạo được thế liên kết, hỗ trợ nhau, kịp thời xử trí các tình huống quốc phòng, an ninh.

Bốn là, tăng cường hợp tác quốc tế trong đấu tranh phi vũ trang.

Đây là giải pháp quan trọng nhằm nâng cao chất lượng hội nhập quốc tế, đảm bảo ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, củng cố, mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế và trong nước; mang lại sự hiểu biết về quan điểm tư tưởng, cũng như mục tiêu và chính sách của Đảng, Nhà nước ta, đóng góp hiệu quả vào quá trình xây dựng quan hệ hợp tác, hòa bình, hữu nghị giữa các quốc gia, cũng như nỗ lực chung của cộng đồng quốc tế nhằm giải quyết các vấn đề toàn cầu.

Triển khai thực hiện chiến lược hội nhập quốc tế và chính sách đối ngoại về quốc phòng theo đường lối của Đảng, tư tưởng Hồ Chí Minh và tư duy mới về bảo vệ Tổ quốc là nhiệm vụ quan trọng, thực hiện kế sách giữ nước từ sớm, từ xa bằng biện pháp hòa bình. Cần nắm chắc tình hình, nhận diện, xử trí đúng đắn quan điểm về “đối tác, đối tượng” quốc phòng; cần nhận dạng và chỉ rõ chủ thể tiến hành các âm mưu hoạt động chống phá, xuyên tạc đường lối chung xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, đường lối đối ngoại và hội nhập quốc tế của Đảng và Nhà nước ta.

Đa dạng hóa nội dung, hình thức quan hệ quốc phòng cả song phương và đa phương phù hợp với quan hệ chính trị, kinh tế, ngoại giao. Tăng cường mở rộng hợp tác tin cậy với các đối tác, nhất là đối tác chiến lược. Giữ vững ổn định chính trị - xã hội, tăng cường quốc phòng,

an ninh; thúc đẩy hợp tác trên biên giới với các nước có liên quan, giải quyết các vấn đề tồn đọng, củng cố xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

Chủ động tham gia các cơ chế, diễn đàn quốc phòng đa phương, nhất là cơ chế ASEAN giữ vai trò chủ đạo; cơ chế kiểm soát vũ khí hủy diệt hàng loạt, kiểm soát, phòng ngừa xung đột; tích cực, chủ động tham gia các hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc; huấn luyện, diễn tập chung về hỗ trợ nhân đạo, tìm kiếm cứu nạn, cứu trợ thảm họa, hợp tác quốc tế khắc phục hậu quả chiến tranh.

Bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật; phối hợp chặt chẽ giữa các bộ, ban, ngành Trung ương và địa phương trong trao đổi thông tin, hoạt động thực tiễn; chủ động tham mưu chiến lược về hội nhập quốc tế, đối ngoại quốc phòng với Đảng, Nhà nước, nhất là vấn đề biển, đảo, biên giới, đối sách xử lý quan hệ quốc tế, giữ vững quan hệ hài hòa với các nước lớn.

Kết hợp chặt chẽ hợp tác và đấu tranh bằng các hình thức, biện pháp phù hợp với từng đối tác, tình huống, hoạt động cụ thể; xử lý linh hoạt các mối quan hệ đối tác, nhất là đối tác khác biệt lợi ích trong quan hệ với ta; phát huy lợi thế địa chiến lược, không để phụ thuộc vào nước lớn, không để quan hệ đối tác này cản trở quan hệ với các đối tác khác.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
<i>Phản mở đầu</i>	
ĐẢNG VỮNG MẠNH, ĐẤT NƯỚC PHÁT TRIỂN, DÂN TỘC TRƯỜNG TỒN	7
- Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân chung sức, đồng lòng, phấn đấu xây dựng đất nước hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội	
<i>Nguyễn Phú Trọng</i>	9
- Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ nhằm khai thông, giải phóng tối đa, huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực, tạo động lực mới đưa đất nước phát triển nhanh, bền vững	
<i>Nguyễn Xuân Phúc</i>	20
- Tiếp tục xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta theo đường lối Đại hội XII của Đảng	
<i>Nguyễn Thị Kim Ngân</i>	41
- Tư tưởng, đạo đức, phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh dẫn dắt, soi sáng sự nghiệp đổi mới, phát triển và bảo vệ Tổ quốc	
<i>Trần Quốc Vượng</i>	54

- Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản - giá trị đích thực, sức sống bền vững và ý nghĩa thời đại	<i>Võ Văn Thuởng</i>	63
- Đảng Cộng sản Việt Nam - trí tuệ, bản lĩnh, đổi mới vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, xứng đáng với truyền thống 90 năm	<i>Nguyễn Xuân Thắng</i>	69
 <i>Phân thứ nhất</i>		
BẢO VỆ VỮNG CHẮC NỀN TẢNG TU TƯỞNG CỦA ĐẢNG TA		77
- Những giá trị trường tồn của chủ nghĩa Mác - Lê nin	<i>GS.TS. Lê Hữu Nghĩa</i>	79
- Tư tưởng Hồ Chí Minh - kim chỉ nam cho cách mạng Việt Nam	<i>PGS.TS. Trần Minh Trường</i>	99
- Giá trị những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam hiện nay	<i>GS.TS. Trần Văn Phòng</i>	111
- Cương lĩnh của Đảng - ngọn đèn soi sáng cho sự nghiệp cách mạng Việt Nam	<i>PGS.TS. Trần Thị Thu Hương</i> <i>PGS.TS. Phạm Đức Kiên</i>	124
- Sức sống và tiền đồ của chủ nghĩa xã hội - nhìn từ cuộc đấu tranh tư tưởng, lý luận hiện nay	<i>TS. Nhị Lê</i>	142
- Niềm tin của chúng ta	<i>TS. Nguyễn Tri Thúc</i>	155
- Đảng Cộng sản Việt Nam - cội nguồn sáng tạo và sức mạnh của đất nước, dân tộc Việt Nam	<i>PGS.TS. Trần Trọng Tho</i>	168

Phần thứ hai

VẬN DỤNG SÁNG TẠO CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN,
TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀO THỰC TIỄN
CÁCH MẠNG VIỆT NAM HIỆN NAY

179

- Vận dụng đúng đắn, sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh - nhân tố quyết định mọi thắng lợi trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa

PGS.TS. Vũ Văn Phúc

181

- Mô hình xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam - những biểu hiện đặc trưng trong kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội

PGS.TS. Ngô Tuán Nghĩa

200

- Tư tưởng Hồ Chí Minh - sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê nin trong điều kiện cách mạng Việt Nam

GS.TS. Mạch Quang Thắng

211

- Đường lối đổi mới, sáng tạo - tố chất mới bổ sung, hoàn thiện nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam

PGS.TS. Nguyễn Danh Tiên

231

- Quan điểm của Đảng về xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong điều kiện một đảng duy nhất cầm quyền, nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế

PGS.TS. Lâm Quốc Tuấn

246

- Tăng cường xây dựng Đảng về đạo đức để Đảng ta luôn trong sạch, vững mạnh, trưởng tồn cùng dân tộc

TS. Bùi Trường Giang

264

- Phát huy dân chủ, tăng cường kiểm soát quyền lực, xây dựng hệ thống chính trị hoạt động hiệu lực, hiệu quả trong tình hình mới

PGS.TS. Lưu Văn Quảng

281

Phần thứ ba

TỔNG KẾT THỰC TIỄN, NGHIÊN CỨU LÝ LUẬN
VỀ SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG, BẢO VỆ TỔ QUỐC
VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM
TRONG TÌNH HÌNH MỚI

299

- Nhận thức và giải quyết mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị

PGS.TS. Phạm Văn Linh 301
- Nhận thức và giải quyết mối quan hệ giữa tuân theo các quy luật của kinh tế thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa

PGS.TS. Nguyễn Văn Thảo 319
- Nhận thức và giải quyết mối quan hệ giữa Nhà nước - thị trường và xã hội ở Việt Nam

GS.TS. Phùng Hữu Phú 335
- Nhận thức và giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường

GS.TS. Tạ Ngọc Tân 353
- Nhận thức và giải quyết mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế

GS.TS. Vũ Văn Hiên 375
- Nhận thức và giải quyết mối quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội

PGS.TS. Nguyễn Viết Thông 391
- Truyền thông xã hội đối với ổn định chính trị, xã hội ở Việt Nam

Võ Văn Thưởng 407
- Phát huy dân chủ gắn với tăng cường kỷ luật, kỷ cương ở nước ta trong giai đoạn hiện nay

TS. Nguyễn Văn Cương 419

- Dân chủ với tư cách là một phương thức kiểm soát quyền lực ở Việt Nam hiện nay
PGS.TS. Trần Quang Hiển 433
- Biểu hiện của chủ nghĩa dân túy ở Việt Nam trong thời kỳ hội nhập quốc tế
PGS.TS. Đỗ Minh Hợp 449
- Chiến tranh thông tin và vấn đề bảo vệ an ninh, an toàn thông tin, chủ quyền quốc gia trên không gian mạng của một số nước trên thế giới hiện nay
Trung tướng, PGS.TS. Đinh Thế Cường 465
- Phương thức đấu tranh phi vũ trang bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới
Đại tá, TS. Ngô Quốc Hải 483

Chịu trách nhiệm xuất bản
Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
PHẠM CHÍ THÀNH

Chịu trách nhiệm nội dung
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
ThS. PHẠM THỊ THỊNH

Biên tập nội dung:	ThS. BÙI THỊ ÁNH HỒNG ThS. ĐỖ PHƯƠNG MAI PHẠM THỊ THU PHƯƠNG NGUYỄN THỊ HỒNG QUÝ ThS. CAO THỊ LAN ANH
Trình bày bìa:	ĐẶNG THU CHỈNH
Chế bản vi tính:	NGUYỄN QUỲNH LAN
Sửa bản in:	PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT
Đọc sách mẫu:	BAN SÁCH GIÁO KHOA - THAM KHẢO

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT, Số 6/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: 080.49221, Fax: 080.49222, Email: suthat@nxbctqg.vn, Website: www.nxbctqg.vn



SÁCH KHÔNG BÁN